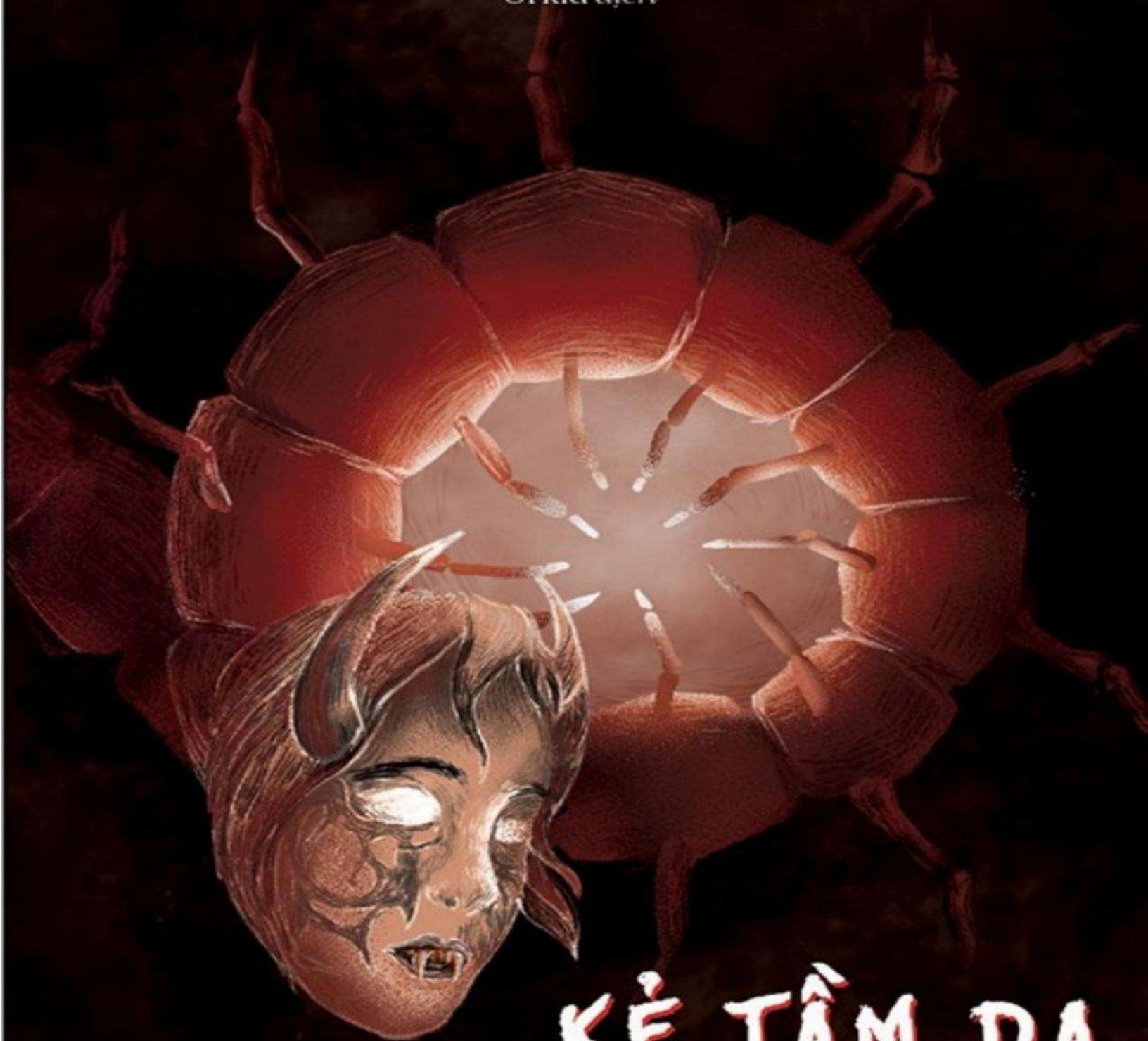


Jeffery Deaver

Orkid dịch



KẺ TẦM DA

Dành tặng Dennis, Patti, Melissa và Phillip.

Những tạo vật mà tôi bắt gặp không phải là con người, chưa từng là con người. Chúng chỉ là những con thú -

những loài vật được nhân cách hóa -

những thành tựu của giải phẫu học.

H. G. Wells, Hòn đảo của Bác sĩ Moreau.

1. CUỐN SÁCH KHÔNG CÒN XUẤT BẢN

THỨ BA, MÙNG NĂM THÁNG MƯỜI MỘT.

BUỔI TRƯA.

Tầng hầm.

Cô phải đi xuống tầng hầm.

Chloe ghét chỗ đó.

Nhưng họ đã bán hết những chiếc Rue du Cannes cỡ mười và mười hai - loại váy hoa nhí lòe loẹt với viền váy cắt kiểu vỏ sò và cổ xẻ sâu - và cô cần bổ sung hàng lên các kệ, chất thật đầy cho những người đến thử. Chloe là một diễn viên chứ không phải chuyên gia bán lẻ quần áo thời trang, và cô vừa mới đến làm ở cửa hàng này. Chính vì vậy cô không thể hiểu nổi tại sao trong một ngày tháng Mười một mà như tháng Một này người ta lại bán hết kiểu váy đó. Cho đến khi sếp của cô giải thích rằng, mặc dù cửa hàng nằm ở khu SoHo của Manhattan nhưng mã bưu điện của các khách hàng lại là Jersey, Westchester và Long Island.

“Và?”

“Du thuyền, Chloe. Du thuyền.”

“À.”

Chloe Moore đi về phía sau phòng kho. Ở đây cửa hàng nằm đối diện với sảnh trưng bày và nó chỉ đơn giản là một nơi dự trữ hàng. Cô tìm thấy chiếc chìa khóa trong số những cái đang lủng lẳng trên cổ tay mình rồi mở khóa cửa xuống hầm, cô bật đèn và ngắm nghía những bậc cầu thang ọp ẹp.

Sau một tiếng thở dài cô bắt đầu đi xuống. Vì có lò xo nên cánh cửa bật đóng lại sau lưng cô. Vốn không phải là một người phụ nữ bé nhỏ, Chloe bước xuống rất cẩn thận. Hơn nữa, cô lại đang mang đôi giày Vera Wang hàng nhái nữa. Gót giày rớm cộm với kiến trúc một trăm năm tuổi của bậc thang có thể là một sự kết hợp nguy hiểm.

Tầng hầm.

Thật đáng ghét.

Dù vậy không có nghĩa là cô lo ngại có kẻ đột nhập. Chỉ có đúng một lối ra vào - chính là lối cô vừa đi qua. Nhưng nơi này mốc meo, ẩm ướt, lạnh... và mạng nhện giăng đầy.

Đồng nghĩa với lũ nhện xảo quyệt, ghê gớm.

Chloe biết mình sẽ cần một con lăn tẩy lông chó để hút hết chỗ bụi bám vào chiếc váy xanh đậm và áo sơ mi đen của cô (Le Bordeaux và La Seine).

Cô bước chân xuống nền xi măng gồ ghề, nứt nẻ, rồi đi sang trái để tránh một cái mạng nhện lớn nhưng lại vướng phải một cái khác; những sợi tơ dài bám chặt lấy mặt cô, ngứa ngáy. Sau một điệu nhảy hài hước để cố gạt thứ kính tằm kia mà không bị ngã đập mặt, cô tiếp tục cuộc tìm kiếm của mình. Năm phút sau cô đã tìm được các thùng hàng từ Rue du Cannes, nghe thì có vẻ giống tiếng Pháp và xuất xứ ở Pháp lắm nhưng chúng lại được đóng trong những cái thùng in toàn tiếng Tàu.

Trong lúc lôi mấy cái thùng xuống khỏi kệ hàng, Chloe nghe thấy một tiếng sột soạt.

Cô thấy ớn lạnh. Nghiêng nghiêng đầu.

Âm thanh ấy không lặp lại. Nhưng rồi cô lại nghe thấy một tiếng động khác.

Tách, tách, tách.

Có rò rỉ ở đâu chẳng?

Chloe thường xuyên xuống dưới này, dù có phần miễn cưỡng, và cô chưa bao giờ nghe thấy tiếng nước chảy cả. Cô đặt những thùng quần áo hàng nhái xuống gần chỗ cầu thang và quay sang để kiểm tra. Hầu hết hàng trong kho đều đặt trên kệ nhưng cũng có những thùng carton nằm dưới sàn.

Một chỗ rò nước sẽ thành thảm họa. Mặc dù Chloe rồi sẽ nhắm đến Broadway, nhưng trước mắt cô vẫn phải giữ lấy công việc ở Chez Nord.

Ngăn một lỗ rò rỉ trước khi nó làm hỏng chỗ hàng hóa đắt đỏ trị giá mười ngàn dollar sẽ giúp ích rất nhiều trong việc tích góp từng đồng gửi vào Chase.

Cô đi đến cuối căn hầm, quyết tâm tìm ra chỗ rò, dù cũng cảnh giác tương tự với lũ nhện.

Tiếng tí tách vang lên to hơn khi cô đi về phía cuối căn phòng, thậm chí chỗ này còn ẩm thấp hơn cả phía trước, Chloe bước ra đằng sau một cái kệ chứa một đồng áo sơ mi xấu đến độ mẹ cô còn chẳng thèm mặc chúng - đó là đơn đặt hàng số lượng lớn từ một người mà Chloe tin rằng anh ta đã cố tình đặt vì biết mình sắp bị sa thải.

Tách, tách...

Cô nheo mắt.

Kì lạ nhỉ. Cái gì thế kia? Ở bức tường phía xa là một cánh cửa thông phòng đang mở. Tiếng nước chảy phát ra từ đó. Cánh cửa được sơn màu xám giống như bức tường và rộng khoảng chín mươi phân nhân mét hai.

Nó dẫn đi đâu nhỉ? Có cả một hầm phụ ở đây ư? Cô chưa từng trông thấy cái cửa ấy nhưng đó là vì cô không nghĩ mình từng liếc nhìn bức tường sau lưng cái kệ hàng cuối cùng bao giờ. Chẳng có lí do gì để làm thế.

Và tại sao nó lại mở? Thành phố này lúc nào cũng có chỗ cần phải xây dựng, đặc biệt là ở những phần cũ kĩ hơn như khu SoHo này. Nhưng không thấy ai thông báo với các nhân viên - hay ít nhất với cô - về việc sửa chữa dưới tòa nhà này.

Có lẽ ông lao công kì quặc người Ba Lan hay Rumani hay Nga gì đó đang vá víu cái gì đấy. Nhưng không, không thể nào. Quản lí không tin ông ta; ông ta không có chìa khóa để mở cửa hầm.

Được rồi, mọi thứ có vẻ ngày càng ghê rợn.

Khỏi cần phải tìm hiểu gì nữa. Cứ kể với Marge về tiếng nước. Kể với chị ta về cánh cửa mở. Gọi Vlad hay Mikhail gì đấy xuống đây và bảo ông ta lo việc của mình.

Lại một tiếng soạt khác. Lần này nó giống như một bước chân lê trên nền xi măng lổn nhổn.

Khỉ thật. Thế đấy. Chạy. Thôi.

Nhưng trước khi Chloe kịp thoát, trước cả khi cô kịp xoay người bỏ chạy, hăn đã vồ lấy cô từ phía sau, giộng đầu cô vào tường. Hăn ấn giẻ vào mồm để bịt miệng cô. Cô suýt ngất vì choáng váng. Một cơn đau nhói dội lên ở cổ họng.

Chloe quay ngoắt lại để nhìn hăn.

Chúa ơi, Chúa ơi...

Cô suýt nghẹn khi trông thấy cái mặt nạ latex màu vàng bịt kín đầu, chỉ chừa mấy cái lỗ cho mắt, miệng và tai, nó thít chặt và làm biến dạng da thịt bên dưới, khiến khuôn mặt hăn như bị tan chảy. Hăn mặc bộ đồ bảo hộ lao động của công nhân, trên áo có gắn logo gì đó nhưng cô không thể đọc được.

Cô vừa khóc vừa lắc đầu, cầu xin và gào thét qua miếng giẻ. Hăn đã dùng một bàn tay đi găng - cũng loại găng bó chặt và vàng vọt bệnh hoạn như cái mặt nạ - ép chặt miếng giẻ đó vào miệng cô.

“Nghe này, làm ơn! Đừng làm vậy! Anh không hiểu! Nghe này, nghe này...” Nhưng những lời ấy chỉ biến thành chuỗi âm thanh ú ớ khi đi qua miếng vải.

Nghĩ đi: Sao mình không đập cái cửa mở ra cơ chứ? Mình đã nghĩ đến chuyện đó rồi mà... Cô tức giận với chính mình.

Hăn bình thản nhìn cô từ trên xuống dưới - nhưng không phải nhìn vào ngực, môi, hông hay chân cô mà chỉ chỗ da hở trên cánh tay trần, yết hầu, cổ

họng, nơi hắn chăm chú nhìn vào một hình xăm nhỏ màu xanh hình bông hoa tulip.

“Cũng bình thường thôi,” hắn thì thầm.

Cô lắp bắp, rùng mình và rên rỉ. “Anh muốn... muốn cái... làm gì?”

Nhưng cô lại còn phải hỏi ư? Cô biết. Tất nhiên là cô biết.

Với ý nghĩ đó, Chloe kiểm soát nỗi sợ. Cô lên dây cót tinh thần.

Được rồi, thằng khốn nạn, muốn chơi hả? Mà sẽ được chơi.

Cô là người đi. Đôi mắt hắn - được bao quanh bằng chất liệu latex vàng như màu da người bệnh - lộ vẻ bối rối. Kẻ tấn công rõ ràng không ngờ tới việc cô ngắt xiut nên đã điều chỉnh bàn tay để ngăn cô không bị đổ người xuống.

Ngay khi cảm nhận được bàn tay hắn rơi lỏng, Chloe đã lao tới chụp lấy cổ áo bảo hộ của hắn. Khóa kéo bị hỏng và lớp vải rách ra - cả lớp bên ngoài lẫn miếng lót bên trong.

Cả cú tóm áo và những cú đấm của cô vào mặt và ngực hắn đều dữ dội.

Cô thúc đầu gối về phía hạ bộ hắn. Một lần nữa và thêm một lần nữa.

Nhưng cô đã không đánh trúng. Cú thúc bị trượt. Nhìn thì tưởng đó là một mục tiêu dễ ăn nhưng đột nhiên cô thấy choáng váng và không thể điều khiển tay chân được nữa. Hắn đang bịt miệng và mũi cô lại bằng cái giẻ khiến cô không thở được - có lẽ vậy. Hoặc là do hậu quả của cú sốc.

Cô bực tức, đánh nữa đi. Đừng dừng lại. Hắn sợ rồi. Mình có thể thấy điều đó. Thằng khốn hèn nhất...

Cô lại cố đánh hắn lần nữa, cào vào da thịt hắn, nhưng giờ năng lượng của cô đang cạn kiệt rất nhanh. Hai bàn tay cô yếu ớt đánh vào người hắn.

Đầu cô ngật ngưỡng, và lúc nhìn xuống, cô trông thấy ống tay áo của hăn đã được xắn lên. Chloe bắt gặp một hình xăm kì dị màu đỏ, đó là hình một loại côn trùng nào đó với hàng chục cái chân bé xíu và những nanh vuốt đáng sợ, nhưng nó lại mang cặp mắt người. Rồi cô tập trung nhìn xuống sàn căn hầm. Tia sáng lấp lánh của một mũi kim tiêm dưới da. Đó chính là thứ đã khiến cô đau nhói ở cổ - và cũng là lí do cô không còn sức mạnh. Hăn đã chích cho cô một liều gì đó.

Dù đó là thuốc gì, tác dụng của nó cũng đang phát tác ngay. Cô ngày càng kiệt sức. Tâm trí u mê, giống như đang trượt ra trượt vào một giấc mơ, và không hiểu sao cô bị ám ảnh với loại nước hoa rẻ tiền mà Chez Nord bán ở quầy thanh toán.

Ai lại mua cái đồ rác rưởi ấy chứ? Sao không...?

Mình đang làm gì đây? Ý thức của cô tỉnh táo trở lại. Chiến đấu đi!

Chiến đấu với tên khốn này đi!

Nhưng giờ hai tay cô đã buông thõng xuống, cơ thể hoàn toàn bất động, và đầu cô thì nặng như đang đeo đá.

Cô đang ngồi trên sàn và rời căn phòng bỗng nghiêng ngả và bắt đầu chuyển động. Hăn đang lôi cô về phía cánh cửa thông phòng.

Không, không phải chỗ đó, làm ơn!

Nghe tôi này! Tôi có thể giải thích tại sao anh không nên làm vậy. Đừng đưa tôi vào đó! Nghe này!

Ở trên mặt hầm này, ít nhất cô còn chút hi vọng là Marge sẽ ngó xuống cầu thang và trông thấy cả hai rồi cô sẽ hét lên còn hăn thì bỏ chạy bằng những cái chân côn trùng của hăn. Nhưng một khi Chloe bị lôi xuống lòng đất vào cái tổ giun dế của hăn, mọi chuyện sẽ thành quá muộn. Căn phòng tối dần đi một cách kì lạ, như thể những bóng đèn điện trên trần nhà vẫn còn bật

nhưng thay vì *phát* ra ánh sáng, nó lại hút lấy những tia sáng và dập tắt chúng.

Chiến đấu đi!

Nhưng cô không thể.

Càng tiến gần hố đen hơn.

Tách, tách, tách...

Gào lên!

Cô đã gào.

Nhưng không có âm thanh nào thoát ra khỏi miệng cô ngoài một tiếng rít, tiếng thạch sùng tặc lưỡi, tiếng con bọ nào đấy vo ve.

Rồi hẳn đỡ cô qua ngưỡng cửa vào Wonderland, ở phía bên kia. Giống như trong một bộ phim. Hay phim hoạt hình. Hay gì gì đó.

Cô trông thấy một phòng để đồ nhỏ bên dưới.

Chloe tin rằng mình đang rơi, hết giây này đến giây khác, và một lát sau cô đã nằm trên sàn đất bụi bẩn, cố hít thở, do chấn động mà không khí trong phổi đã bị thúc ra ngoài. Nhưng cô không thấy đau đớn gì cả. Tiếng nước tí tách càng rõ hơn nữa và cô trông thấy một dòng chất lỏng rỉ xuống ở bức tường phía xa. Bức tường được làm từ những hòn đá cũ, bên trên giăng mắc nào ống, nào dây nhợ, tất cả đều gỉ sét, lạch lạch và mục nát.

Tách, tách...

Một thứ nọc độc côn trùng chảy nhỏ giọt, từng giọt máu côn trùng lấp lánh.

Nghĩ đi, Alice, mình là Alice. Bị rơi xuống hang thỏ. Con sâu bướm hút hookah, chú Thỏ tháng Ba, Nữ hoàng Đỏ, con bọ màu đỏ trên cánh tay hằn.

Cô chưa bao giờ thích câu chuyện chết tiệt ấy!

Chloe không la hét nữa. Cô chỉ muốn bò ra khỏi đây, để được khóc và nằm co người lại, được yên thân một mình. Nhưng cô không cử động nổi.

Cô nằm ngửa, nhìn đăm đăm vào ngọn đèn mờ của căn hầm trong cái cửa hàng mà cô ghét phải tới làm việc, nơi mà ngay lúc này cô thiết tha được quay về, được đứng trên đôi chân nhức mỏi và gật đầu với vẻ nhiệt tình giả dối.

Không, không, cái váy đó khiến chị trông thật sự rất gầy. Thật đấy...

Rồi ánh đèn còn tối hơn nữa khi kẻ tấn công cô, con côn trùng mặt vàng ệch trèo vào trong hố, đóng sập cánh cửa thông lại sau lưng hẳn, và bước xuống bậc thang ngắn để tới chỗ cô đang nằm. Một lát sau, ánh sáng chói mắt ngập tràn căn hầm; hẳn đã đeo một cái đèn thợ mỏ lên trán và bật nó lên. Luồng sáng trắng làm cô bị lóa mắt và trước tia rọi đau đớn đó, cô hét lên, hay đúng hơn là không hét.

Đột nhiên ánh sáng tắt ngúm, mọi thứ xung quanh tối đen như mực.

Cô tỉnh dậy vài giây sau đó, hay vài phút, hay là cả năm sau, cô cũng không rõ nữa.

Chloe giờ đang ở một nơi khác, không phải là tầng hầm để đồ nữa mà ở một căn phòng lớn hơn, không, nó chính xác là một cái hầm. Rất khó để nhìn xung quanh, vì nguồn sáng duy nhất là ánh đèn leo lét phía trên cô và ngọn đèn tập trung từ trên trần gả đeo mặt nạ côn trùng. Nó làm cô bị lòa mỗi khi đèn soi vào mặt cô. Chloe đã lại nằm ngửa, nhìn lên trời, và hẳn đang quỳ gối trên cô.

Nhưng điều mà cô trông đợi, sợ hãi lại không xảy ra. Mặc dù theo cách nào đó thì tình hình bây giờ còn tệ hơn nữa bởi vì việc đó - xé bỏ quần áo cô và những gì diễn ra tiếp theo - ít nhất vẫn còn dễ hiểu. Nó sẽ rơi vào một loại hình kinh dị đã biết.

Việc này khác hẳn.

Đúng là áo sơ mi của cô đã bị kéo lên nhưng chỉ một chút, để lộ phần bụng từ rốn cho đến bên dưới áo lót, áo lót vẫn nguyên vẹn. Chân váy bị kéo lên đến đùi, gần như là hằn chằng có ý đồ khiếm nhã gì ở đây vậy.

Hắn cúi người về phía trước, gò lưng, và với cặp mắt côn trùng, hắn chăm chú và bình thản nhìn vào lớp da trắng trẻo mịn màng trên bụng cô, theo cái cách một người sẽ nhìn những bức tranh ở MoMA: đầu hơi nghiêng đúng góc để ngắm nghía những vảy màu của Jackson Pollock hay cây táo xanh của Magritte.

Rồi hắn chậm rãi dùng ngón trỏ chọc vào thịt cô. Ngón trỏ vàng ệch của hắn. Hắn choãi lòng bàn tay và xoa tới xoa lui. Hắn bấu, néo da ở chỗ này chỗ kia bằng ngón trỏ và ngón cái, sau đó bỏ tay ra và nhìn chỗ da thịt mịn màng trở lại.

Cái miệng côn trùng của hắn vòng lên thành một nụ cười nhẹ.

Cô nghĩ hắn đã nói, “Hay thật.” Hay đó là con sâu bướm hút thuốc đang nói, cũng có thể là con bọ trên cánh tay hắn.

Cô nghe một tiếng rung nhẹ và hắn nhìn vào đồng hồ đeo tay. Một tiếng rung khác, từ nơi khác. Hắn liếc nhìn khuôn mặt cô và trông thấy đôi mắt cô đang mở. Có lẽ hắn ngạc nhiên vì thấy cô đã tỉnh. Hắn quay người, kéo một cái ba lô lại gần rồi lấy ra chiếc kim tiêm chứa đầy dung dịch. Hắn lại tiêm cho cô, lần này là vào ven cánh tay.

Hơi ấm lan tỏa, nỗi sợ giảm đi. Khi bóng tối phủ xuống quanh cô, âm thanh biến mất, Chloe trông thấy những ngón tay vàng vọt của hắn, những cái móng côn trùng, bộ vuốt côn trùng thò vào trong ba lô một lần nữa và cẩn thận lôi ra một chiếc hộp nhỏ. Hắn kính cẩn đặt nó bên cạnh làn da trần của cô. Động tác của hắn giống hệt như lúc ngài mục sư đặt chiếc cốc bạc đựng máu của Chúa Jesus trên bệ thờ ngày Chúa nhật trước trong ngày lễ Ban Thánh thể.

Billy Haven tắt chiếc máy xăm hiệu American Eagle để tiết kiệm pin.

Hắn ngồi lùi lại. Nghiên cứu chỗ công việc đã hoàn thành từ trước đến giờ.

Nhìn lướt bằng mắt thường.

Các điều kiện không đạt lí tưởng nhưng tác phẩm vẫn đẹp.

Bạn luôn phải đổ hết tâm sức vào những bức vẽ của mình. Từ một hình thánh giá đơn giản nhất trên vai cô hầu bàn, tới lá cờ Mĩ trên ngực một công nhân xây dựng, chi tiết tới từng nếp gấp, ba màu và làn gió thổi phần phật.

Bạn di mực như Michelangelo cần cù tạo mẫu trên trần nhà nguyện. Chúa và Adam, từ ngón tay này đến ngón tay kia.

Ở đây Billy có thể vội vàng một chút. Nếu cân nhắc đến hoàn cảnh này, không ai trách hắn được.

Nhưng không. Bức hình phải là một Mẫu của Billy. Như họ vẫn gọi nó ở nhà hay trong cửa tiệm của hắn.

Hắn cảm thấy ngứa ngáy, ướt át mồ hôi.

Hắn nhắc tấm che mặt của nha sĩ lên rồi dùng một bàn tay đeo găng quệt mồ hôi trên mắt, sau đó nhét mảnh khăn giấy vào túi quần. Thật cẩn thận, để không có mẫu nào rơi ra. Những sợi vật chất có thể là bằng chứng tố cáo hắn, chúng nguy hại chẳng khác nào sự độc hại của mực với Chloe cả.

Tấm che mặt rất vướng víu. Nhưng cần thiết. Sư phụ hắn đã dạy hắn bài học này. Ông ta bắt thẳng bé phải đội mũ vào thậm chí trước cả khi nó được nhặt cây kim lên lần đầu tiên. Như mọi thằng nhóc học việc khác, Billy đã phản đối: Có kính bảo vệ mắt rồi. Không cần thêm. Trông không ngầu. Đeo một chiếc mặt nạ cổ lỗ chẳng khác nào đưa cho một đứa trẻ mới vào nghề xăm một quả bóng mềm cho nó bóp.

Xăm hình. Làm cho xong.

Nhưng rồi có một lần thầy hăn cho Billy ngồi bên cạnh ông trong lúc ông làm cho một khách hàng. Một hình nhỏ thôi: khuôn mặt Ozzy Osbourne. Vì lí do gì đấy.

Trời ạ, chỗ máu và dịch phun ra mới khiếp chứ! Tắm mặt nạ bị lấm bẩn không khác gì kính chắn gió một ngày tháng Tám.

“Phải khôn lên, Billy ạ. Nhớ đấy.”

“Chắc chắn rồi.”

Kể từ đấy, hăn luôn giả sử mỗi khách hàng đều mang trong mình virus C hay B hay HIV hoặc bất kể loại bệnh lây qua đường tình dục phổ biến nào khác.

Và vì những hình hăn sắp xăm trong mấy ngày sắp tới, tất nhiên hăn không dám để xảy ra *bất kì* sơ sẩy nào.

Vậy nên mọi thứ phải được bảo vệ.

Hăn cũng đeo cả mặt nạ latex và mũ trùm để đảm bảo không làm rơi bất kì một sợi tóc thừa hay nhúm tế bào biểu bì nào. Cũng là để làm biến dạng nét mặt hăn nữa. Kể cả khi hăn đã cẩn thận chọn nơi hẻo lánh để giết chóc thì vẫn còn khả năng là ai đó sẽ trông thấy hăn.

Billy Haven đang xem xét nạn nhân của mình lần nữa.

Chloe.

Hăn đã để ý thấy cái biển tên gắn trên ngực cô ta cùng hàng chữ làm màu *Je m'appelle* bên dưới nó. Chẳng biết mang nghĩa quái gì. Có lẽ là Xin chào. Hoặc Chào buổi sáng. Tiếng Pháp. Hăn hạ bàn tay đi găng - hăn là hăn đã đi hai găng - và xoa bóp, cấu véo, kéo dãn làn da cô ta, để ý đến độ đàn, cấu trúc da và độ đàn hồi rất tốt của nó.

Billy cũng để ý để cái đôi nhỏ nhô lên giữa hai chân cô ta, bên dưới lớp váy màu xanh họa tiết rừng cây. Đường gờ dưới áo lót. Nhưng không có chuyện bất nhả gì ở đây. Hắn không bao giờ chạm vào những chỗ không nên chạm trên cơ thể khách hàng.

Đó là thịt. Còn đây là da. Hai thứ hoàn toàn khác nhau, và Billy Haven thì chỉ yêu thích da người.

Hắn lại lau mồ hôi bằng mảnh khăn giấy thứ hai, một lần nữa cẩn thận cất nó đi. Hắn thấy nóng, da dẻ ngứa ngáy. Mặc dù đang là tháng Mười một nhưng căn hầm này rất ngọt ngào. Dài - khoảng một trăm mét - bị bịt kín cả hai đầu, điều đó có nghĩa là không có khí lưu thông. Nó giống như rất nhiều đoạn phố ở SoHo, phía nam Làng Greenwich này. Được xây dựng từ thế kỉ XIX và thế kỉ XX, những đường hầm này đan khắp khu dân cư và đã từng được dùng để vận chuyển hàng hóa dưới lòng đất qua lại giữa các nhà máy, kho hàng và các trạm trung chuyển.

Ngày nay chúng bị bỏ hoang và trở thành địa điểm hoàn hảo để Billy thực hiện những mục đích của mình.

Chiếc đồng hồ trên cổ tay phải của hắn lại kêu lần nữa. Một âm thanh tương tự phát ra từ cái đồng hồ sơ cua trong túi quần sau đó vài giây. Âm thanh nhắc nhở hắn về thời gian; Billy thường ham việc quá độ.

Chờ ta vẽ khớp ngón tay của Chúa cho hoàn hảo, chỉ một phút nữa thôi...

Một tiếng lạo xạo phát ra từ tai nghe bên trái của hắn. Hắn lắng nghe một giây rồi lờ âm thanh đó đi và lại cầm chiếc máy American Eagle lên.

Đó là một mẫu máy kiểu cũ, có đầu xoay di chuyển như một chiếc kim máy khâu thay vì dùng chuyển động rung giập như các thiết bị hiện đại.

Hắn bật nó lên.

Brùm...

Hạ mặt nạ xuống.

Mỗi lần chỉ làm một milimét, hăn di mực bằng một mũi kim phun màu, đi theo đường viền bằng máu mà hăn vừa hoàn thành nhanh chóng. Billy là một nghệ sĩ bẩm sinh, có khiếu vẽ bằng cả bút chì, mực và màu phấn. Và cả kim xăm. Hăn vẽ tay trên giấy, vẽ tay trên da. Hầu hết các nghệ sĩ xăm hình, dù có tài đến mấy, đều sẽ dùng các khuôn tô họ chuẩn bị từ trước hoặc - trong trường hợp những kẻ bất tài - mua trước hình rồi đặt lên da để phun mực theo. Billy hiếm khi làm vậy. Hăn không cần. Từ ý Chúa đến bàn tay con, chú của hăn đã nói thế.

Giờ đã đến lúc tô màu. Hăn đổi đầu kim. Hết sức, hết sức cẩn thận.

Đối với hình xăm của Chloe, Billy dùng phong chữ Blackletter nổi tiếng, thường được biết đến với cái tên Gothic hoặc Old English. Các chữ cái trong bảng chữ này có đặc tính nét thanh nét đậm. Kiểu cụ thể mà hăn dùng ở đây là Fraktur. Hăn chọn phong chữ này vì nó là kiểu chữ in trong Thánh kinh Gutenberg - và vì nó rất khó. Billy Haven là một nghệ sĩ và có nghệ sĩ nào lại không muốn phô trương tài năng của mình?

Mười phút sau, hăn đã làm gần xong.

Khách hàng của hăn sao rồi? Hăn xem xét cơ thể cô ta rồi nhấc hai mí mắt lên. Mắt vẫn còn rất dại. Mặc dù vậy, mặt cô ta đã giật giật một vài lần.

Chỗ [propofol*](#) sẽ không còn tác dụng lâu nữa. Nhưng tất nhiên đến giờ thì loại thuốc này đã được thay bằng thuốc khác rồi.

Propofol là một loại thuốc gây mê, tiêm đường tĩnh mạch, thường được dùng trong phẫu thuật.

Đột nhiên ngực hăn đau quặn. Việc này làm hăn giật mình. Hăn còn trẻ và rất khỏe mạnh; hăn gạt bỏ ý nghĩ về một cơn trụy tim. Nhưng câu hỏi lớn vẫn còn: Phải chăng hăn đã hít phải một thứ gì không nên hít?

Đó là một khả năng hoàn toàn có thể xảy ra, một nguy hiểm chết người.

Rồi hắn ấn thử vào người mình và nhận ra cơn đau nằm ngay bên ngoài da. Và hắn hiểu ra. Khi mới tóm lấy Chloe, cô ta đã chống cự. Hắn đã hưng phấn đến độ không để ý cô ta đánh lại hắn mạnh đến mức nào. Nhưng giờ adrenaline đã cạn hết và chỗ bị đánh đau nhưng nhức. Hắn nhìn xuống.

Không có thiệt hại nào nghiêm trọng, trừ cái áo sơ mi và bộ đồ bảo hộ bị rách.

Hắn lờ đi cơn đau và tiếp tục làm việc.

Rồi Billy nhận ra hơi thở của Chloe đang sâu dần. Cô ta sắp tỉnh lại.

Hắn chạm tay vào ngực cô ta - Cô gái Đáng yêu chắc sẽ không phiền đâu - và cảm nhận trái tim cô ta đang đập đều đặn hơn.

Đó là lúc hắn nảy ra một ý nghĩ: Xăm hình lên một trái tim còn sống và đang đập thì sẽ như thế nào nhỉ? Hắn có làm được không? Một tháng trước Billy đã đột nhập vào một công ty cung cấp dược phẩm và thiết bị y tế để chuẩn bị cho các kế hoạch của hắn ở New York. Hắn đã cuồn được số thiết bị, thuốc, hóa dược và các vật liệu khác trị giá hàng ngàn dollar. Billy tự hỏi liệu hắn có thể học được đủ kiến thức để gây mê cho một người, rạch khuôn ngực ra, xăm một thiết kế hay thông điệp nào đó lên chính trái tim kẻ đó rồi khâu lại. Kẻ đó sẽ sống phần đời còn lại với trái tim đã bị can thiệp.

Tác phẩm ấy sẽ là gì?

Một cây thánh giá.

Lời tựa: Quy tắc bộ Da Hoặc là:

Billy + Cô gái Đáng yêu Mãi mãi Ý tưởng thú vị. Nhưng nghĩ về Cô gái Đáng yêu làm hắn buồn và hắn quay lại với Chloe, kết thúc những chữ cái cuối cùng.

Tốt lắm.

Một Mẫu của Billy.

Nhưng tác phẩm vẫn chưa hoàn thiện lắm. Hẳn lôi ra một con dao mổ trong chiếc túi đựng bàn chải đánh răng màu xanh đậm và đưa tay ra, kéo căng làn da tuyệt vời một lần nữa.

Con người ta có thể nhìn nhận cái chết theo hai hướng.

Theo quy tắc của ngành khoa học pháp y, một điều tra viên nhìn vào cái chết một cách khách quan, coi nó chỉ là một sự kiện khiến họ có thêm nhiều nhiệm vụ. Các cảnh sát pháp y giỏi nhìn sự kiện ấy như thể bằng lăng kính lịch sử; những người giỏi nhất thì coi cái chết như một sự hư cấu, và nạn nhân chỉ là một người chưa từng tồn tại.

Sự khách quan là một công cụ cần thiết trong việc điều tra hiện trường tội ác, cũng giống như găng tay latex hay các nguồn sáng thay thế.

Trong lúc ngồi trên chiếc xe lăn màu đỏ và xám hiệu Merits trước cửa sổ dinh thự của mình ở mé Tây Công viên Trung tâm, Lincoln Rhyme vô tình nghĩ đến một cái chết có cùng cách thức gây án dạo gần đây. Tuần trước một người đàn ông vừa bị giết trong thành phố, một vụ cướp giạt chuyển hướng xấu. Ngay sau khi rời văn phòng ở Sở Bảo vệ Môi trường vào khoảng giữa buổi tối, anh ta đã bị lôi vào một công trường xây dựng bỏ hoang bên kia phố. Thay vì giao nộp ví tiền, anh ta lại chọn chiến đấu và vì không đấu lại thủ phạm, anh ta đã bị đâm chết.

Hồ sơ đang nằm ngay trước mặt Rhyme, vụ án lúc này có vẻ đơn giản, với chút ít bằng chứng điển hình trong một vụ án mạng như thế này: vũ khí rẻ tiền, một con dao nhà bếp có răng cưa, đôi chỗ dính dấu vân tay không nằm trong [IAFIS*](#) hay bất kì nơi nào khác, dấu giày không có gì đặc biệt trên đám bùn ở mặt đất công trường đêm đó, và không có dấu vết hay rác hay đầu lọc thuốc nào. Chính vì thế mà đám bằng chứng đều vô dụng. Tất cả đều ám chỉ rằng đây chỉ là một tội ác ngẫu nhiên; không có động lực nào cho những kẻ thù ác tương tự. Các cảnh sát đã phỏng vấn nhân viên của nạn nhân tại cơ quan và nói chuyện với bạn bè lẫn người thân của anh ta. Không có liên hệ gì với ma túy, không có chuyện cờ bạc nợ nần, cũng không có chuyện ghen tuông tình ái.

IAFIS là viết tắt của *Integrated Automated Fingerprint Identification System*, tạm dịch là ‘Hệ thống Nhận dạng Vân tay Tự động Tích hợp’, trực thuộc Cục Điều tra Liên bang Mĩ (FBI).

Với số lượng bằng chứng ít ỏi này, Rhyme biết chắc vụ án sẽ được phá theo cách: Kẻ nào đó sẽ hớ hênh chuyện mình luộc được một cái ví gần Tòa thị chính. Rồi những kẻ nghe được câu chuyện kia sẽ bị tóm do ma túy hay bạo lực gia đình hoặc tội lật vật tương tự, và thỏa thuận xin giảm án bằng cách khai ra tên bốc phét nọ.

Tội ác này, một vụ cướp chuyển biến xấu, với Lincoln Rhyme, là cái chết được quan sát từ xa. Thuộc về lịch sử. Thuộc về hư cấu.

Góc nhìn thứ nhất.

Cách thứ hai để nhìn nhận cái chết là xuất phát từ trái tim: khi một người có mối liên hệ thực sự với bạn đã không còn tồn tại trên đời nữa. Và cái chết còn lại trong tâm trí Rhyme vào một ngày giông gió, âm ảm như hôm nay đã tác động sâu sắc đến anh theo cái cách mà vụ cướp của giết người kia không thể làm được.

Rhyme không gần gũi với nhiều người. Điều đó không phải do tình trạng sức khỏe của anh - anh là một người bị liệt tứ chi, gần như tê liệt từ cổ trở xuống. Không, từ xưa đến nay anh không phải là người quảng giao. Anh là con người của khoa học. Một người sống lí trí.

Ồ, anh cũng có vài người bạn thân, vài họ hàng, người yêu. Vợ anh, giờ đã là vợ cũ.

Thom, trợ tá của anh.

Amelia Sachs, tất nhiên rồi.

Nhưng người thứ hai mới chết mấy ngày trước, theo một nghĩa nào đó thì hẳn còn gần gũi anh với hơn bất kì ai kể trên, là bởi: Hẳn đã thách thức Rhyme hơn bất kì ai, buộc anh phải suy nghĩ vượt qua những ranh giới mà

tâm trí tò mò của anh đã đưa anh tới, buộc anh phải dự đoán và vạch chiến lược và đặt câu hỏi. Hẳn còn buộc anh phải chiến đấu vì mạng sống của mình nữa; người đàn ông này suýt chút nữa đã giết được anh.

Thợ đồng hồ là tên tội phạm thú vị nhất mà Rhyme từng chạm trán. Một kẻ thay đổi danh tính xoành xoạch, Richard Logan lúc đầu là một sát thủ chuyên nghiệp, mặc dù hẳn đã dần dựng vô số tội ác theo đủ kiểu, từ tấn công khủng bố cho đến trộm cắp. Hẳn làm việc cho bất kì ai trả cho hẳn một khoản phí hậu hĩnh - tất nhiên, miễn là công việc ấy đủ thách thức với hẳn. Đó cũng chính là tiêu chí Rhyme dùng để quyết định có nhận lời làm nhà tư vấn về khoa học pháp y cho một vụ án hay không.

Thợ đồng hồ cũng là một trong số ít những kẻ nhanh trí hơn anh. Mặc dù cuối cùng Rhyme đã đặt được bẫy để tống Logan vào tù, anh vẫn còn nhức nhối vì thất bại tới mấy lần trong việc ngăn chặn âm mưu của hẳn. Và kể cả khi đã thua, đôi khi Thợ đồng hồ vẫn gây ra những thiệt hại thảm khốc. Như trong vụ Rhyme làm thất bại âm mưu giết hại một điều tra viên người Mexico đang làm việc với các cartel* ma túy, Logan vẫn kịp khơi mào một vụ rắc rối mang tầm quốc tế (đến cuối cùng người ta đã phải đóng hồ sơ và giả vờ như nỗ lực tấn công ấy chưa từng xảy ra).

Tổ chức độc quyền gồm một số công ty hoặc xí nghiệp kí hiệp nghị với nhau về thị trường tiêu thụ, giá cả, nhân công... để chi phối thị trường.

Nhưng giờ Thợ đồng hồ đã ra đi.

Hẳn đã chết trong tù - không phải bị bạn tù giết hay tự sát như Rhyme đã nghi ngờ khi mới nghe tin. Không, nguyên nhân tử vong là một lần ngưng tuần hoàn tim phổi trên diện rộng mặc dù nhẹ. Ông bác sĩ mà Rhyme nói chuyện ngày hôm qua đã báo cáo lại rằng kể cả nếu họ có cứu được Logan thì hẳn cũng phải chịu tổn thương não vĩnh viễn và nghiêm trọng.

Tuy các bác sĩ không dùng những từ như “hẳn chết là may,” Rhyme vẫn nhận ra điều đó trong giọng điệu của ông ta.

Một cơn gió mạnh bất thường vào tháng Mười một làm rung các cửa sổ trong dinh thự của Rhyme. Anh đang ngồi ở phòng khách - nơi khiến anh cảm thấy thoải mái hơn mọi nơi khác trên đời. Lúc đầu nó vốn là phòng tiếp khách thời Victoria, nhưng giờ nó đã là một phòng thí nghiệm pháp y được trang bị đầy đủ, với những chiếc bàn không một hạt bụi để quan sát bằng kính, máy tính và các màn hình độ phân giải cao, nhiều giá để dụng cụ, những thiết bị phức tạp như máy hút mùi và hạt, phòng dựng hình dấu vân tay ẩn, kính hiển vi - cả loại mắt thường và soi kích cỡ điện tử - và món đặc sắc nhất là một chiếc máy quang phổ khí, cái được mệnh danh là chú ngựa thồ của các phòng thí nghiệm pháp y.

Bất kì một sở cảnh sát nhỏ hay cả cỡ vừa nào cũng sẽ ghen tị với các thiết bị trị giá hàng triệu dollar ở đây. Tất cả đều từ tiền túi của Rhyme. Sau vụ tai nạn tại hiện trường khiến anh trở thành người tàn tật, anh được bồi thường số tiền khá lớn; khoản phí tư vấn mà NYPD* và các cơ quan hành pháp khác phải trả khi thuê anh cũng vậy. (Những lời đề nghị đột xuất từ các nguồn khác có thể mang lại thêm thu nhập, chẳng hạn như lời mời làm chương trình truyền hình dựa trên những vụ án anh đã phá. *Người đàn ông trên ghế* là một tiêu đề họ gợi ý. Hay *Rhyme và Lí lẽ*. Thom đã dịch câu trả lời của ông chủ anh ta cho những đề nghị đó - “Mấy người kia bị mất trí rồi à?” - thành, “Ông Rhyme nhờ tôi chuyển lời cảm ơn vì các vị đã quan tâm.

Nhưng ông ấy sợ rằng tại thời điểm này ông ấy đã có nhiều cam kết khác nên không thể thực hiện được một dự án như vậy.”) NYPD là viết tắt của New York Police Department, sở cảnh sát New York.

Lúc này Rhyme xoay chiếc ghế lại và nhìn vào chiếc đồng hồ bỏ túi nhỏ nhắn và xinh đẹp đang nằm trong hộp trên bệ lò sưởi. Một chiếc Breguet.

Vô tình đó lại là một món quà của chính Thọ đồng hồ.

Nỗi tiếc thương người đã khuất của anh rất phức tạp và phản ánh hai góc nhìn về cái chết mà anh vừa nghĩ tới. Chắc chắn anh có những lí do mang tính phân tích về mặt tội phạm học để buồn bã về tổn thất này. Từ giờ anh sẽ

không còn cơ hội thăm dò tâm trí của người đàn ông này cho tới khi thỏa mãn được nữa. Đúng như biệt danh của mình, Logan bị ám ảnh với thời gian và những vật chỉ thời gian - hẳn thực sự làm ra những chiếc đồng hồ đeo tay và để bàn với sự chính xác đến từng li từng tí - và đó cũng là cách hẳn lên kế hoạch cho những tội ác của mình. Kể từ lần đầu tiên cuộc đời hai người giao nhau, Rhyme đã luôn thích thú với cách Logan suy nghĩ.

Thậm chí anh còn ước gì hẳn cho phép anh vào thăm tù để họ có thể nói chuyện về những tội ác như thế cờ do hẳn bày ra.

Cái chết của Logan cũng để lại những mối lo khác trong thực tế. Công tố viên đã đề nghị với Logan một thỏa thuận, một bản án khoan hồng để đổi lấy tên tuổi một vài kẻ đã thuê hẳn và những người hẳn làm việc cùng; rõ ràng hẳn có hẳn một mạng lưới các đồng nghiệp tội phạm rộng khắp mà cảnh sát rất muốn biết danh tính. Người ta cũng nghe được những tin đồn về các âm mưu mà Logan đã vạch sẵn trước khi đi tù.

Nhưng Logan đã không chấp nhận thỏa thuận của Công tố viên quận.

Đáng bực hơn, hẳn nhận tội, cũng đồng nghĩa với việc từ chối không cho Rhyme một cơ hội khác để biết thêm về con người thật của hẳn, hay xác nhận danh tính các thành viên trong gia đình và bạn bè hẳn. Rhyme thậm chí còn định dùng công nghệ nhận diện khuôn mặt và các đặc vụ ngầm để xác định những người tham dự phiên tòa xử tên tội phạm.

Mặc dù vậy, cuối cùng thì Rhyme cũng hiểu được rằng anh khó chấp nhận cái chết của hẳn chính là vì mối liên hệ giữa họ. Những thứ đối nghịch với chính mình giúp chúng ta định nghĩa bản thân và ngày càng hoàn thiện hơn. Và thế là khi Thọ đồng hồ chết, Lincoln Rhyme cũng chết đi một ít.

Anh nhìn vào hai người khác trong phòng. Một người là anh chàng trẻ tuổi trong đội của Rhyme, cảnh sát tuần tra của NYPD Ron Pulaski, cậu ta là người thu về chứng cứ vụ cướp của giết người ở Tòa thị chính.

Người còn lại là người chăm sóc Rhyme, Thom Reston. Anh ta đẹp trai, mảnh khảnh và ăn mặc không chê vào đâu được như mọi khi. Hôm nay: quần nâu sậm với nếp li phẳng như lưỡi dao, một chiếc áo sơ mi màu vàng nhạt và chiếc cà vạt in hình động vật màu xanh và nâu; có vẻ như trên chiếc cà vạt ấy có hình một hoặc hai khuôn mặt khi. Rất khó nói. Bản thân Rhyme rất ít chú ý tới quần áo. Chiếc quần ni màu đen và áo len dài tay vừa tiện dụng lại giữ ấm tốt. Đó là tất cả những gì anh quan tâm.

“Tôi muốn gửi hoa,” Rhyme thông báo.

“Hoa ư?” Thom hỏi.

“Ừ. Hoa. Gửi đi. Tôi đoán mọi người vẫn làm vậy. Những vòng hoa tang ghi *Thành kính phân ưu, An giấc nghìn thu* ấy, mặc dù việc ấy thì có ích lợi gì? Người chết thì còn làm gì khác được nữa chứ? Lời nhắn ấy thích hợp hơn là *Chúc may mắn* nhỉ, cậu có nghĩ vậy không?”

“Gửi hoa cho... Chờ đã. Anh đang nói về Richard Logan đấy à?”

“Tất nhiên rồi. Gần đây còn có ai chết mà đáng để gửi vòng hoa nữa à?”

Pulaski nói, “Ừm, Lincoln. “Đáng gửi hoa.” Tôi chưa từng tưởng tượng có ngày anh lại dùng cụm từ ấy.”

“Hoa,” Rhyme sốt ruột nhắc lại. “Sao còn chưa ghi lại nhỉ?”

“Thế sao anh lại có tâm trạng tồi tệ như vậy?” Thom hỏi.

“Cặp vợ chồng già” là cụm từ có thể dùng để mô tả mối quan hệ của người chăm sóc chuyên nghiệp và bệnh nhân.

“Tôi có tâm trạng gì đâu. Tôi chỉ đơn giản là muốn gửi hoa cho một nhà tang lễ mà không ai chịu làm cả. Chúng ta có thể lấy tên nhà tang lễ từ chỗ bệnh viện đã tiến hành khám nghiệm tử thi. Họ sẽ phải chuyển cái xác tới một nhà tang lễ. Bệnh viện đâu có ướp xác hay hỏa táng.”

Pulaski nói, “Anh biết đấy, Lincoln. Có một cách để nhìn nhận chuyện này: Rốt cuộc đã có chút công lí. Anh có thể nói rằng, rốt cuộc Thọ đồng hồ đã nhận bản án tử.”

Là một chàng trai tóc vàng, quyết tâm và nhiệt tình, Pulaski có đủ tố chất để trở thành một cảnh sát điều tra hiện trường xuất sắc và Rhyme đã nhận lấy vai trò là người dẫn dắt cậu ta. Và việc ấy không chỉ bao gồm những chỉ dẫn trong ngành khoa học tội phạm mà còn những cách vận dụng trí não của mình nữa. Về mặt này thì cậu ta dường như đang không thực hành. “Vậy thì một tai biến truy tìm ngẫu nhiên được coi là công lí như thế nào hả, lính mới? Nếu công tố viên ở bang New York không tìm kiếm án tử cho hã, vậy thì cậu sẽ nói rằng một cái chết trước dự định là làm *suy yếu* công lí. Chứ không phải tăng cường sức mạnh cho nó.”

“Tôi...” chàng trai trẻ lắp bắp, đỏ mặt tía tai.

“Nào, lính mới, chúng ta hãy bỏ qua những lời bình phẩm lệch lạc đó đi. Hoa thì sao. Tìm hiểu xem khi nào cái xác sẽ được bệnh viện Westchester Memorial trả lại và nó sắp đi đâu. Tôi muốn gửi hoa tới đó NGAY, dù có hay không có đám tang. Kèm một tấm thiệp đề tên tôi.”

“Ghi gì mới được?”

“Không ghi gì ngoài tên tôi.”

“Hoa à?” Giọng Amelia Sachs vọng lại từ trong sảnh dẫn vào nhà bếp và cửa sau của dinh thự. Cô đang bước vào phòng khách, gật đầu chào mọi người.

“Lincoln định gửi hoa tới nhà tang lễ. Cho Richard Logan. Ý tôi là, tôi sắp gửi.”

Sachs treo chiếc áo khoác đen trên mắc áo trong sảnh. Cô đang mặc chiếc quần bò bó sát màu đen, áo len vàng và áo khoác len thể thao màu đen. Thứ duy nhất gợi ý chức vụ thanh tra cảnh sát của cô là khẩu Glock đang đeo cao

trên hông, mặc dù lập luận từ vũ khí tới chức vụ trong ngành hành pháp cùng lắm cũng chỉ là suy đoán. Khi nhìn vào cô gái tóc đỏ cao ráo, mảnh mai - với mái tóc thẳng tắp dày dặn - chắc hẳn bạn sẽ đoán cô là một người mẫu thời trang. Đó cũng là công việc cô đã làm ngay trước khi gia nhập NYPD.

Sachs tiến lại gần và hôn lên môi Rhyme. Ở cô có vị son môi và mùi thuốc súng còn bám lại; cô đã tới trường bắn sáng hôm đó.

Nghĩ đến mỹ phẩm, Rhyme nhớ lại, nạn nhân trong vụ cướp của giết người ở Tòa thị chính đã cạo râu ngay trước khi rời văn phòng; những bọt kem và mẫu râu gần như vô hình đã được tìm thấy trên cổ và má anh ta.

Anh ta cũng vừa xịt hoặc đắp nước hoa cạo râu xong. Trong lúc phân tích, Rhyme đã để ý đến những chi tiết này, vì chúng có thể hữu ích cho cuộc điều tra, còn Sachs thì trở nên bất động. Cô đã nói, “Vậy là đêm đó anh ta sẽ đi hẹn hò, chắc là hẹn bạn gái - anh sẽ không cạo râu để gặp bạn cùng giới đâu. Anh biết đấy, Rhyme, nếu anh ta không tốn năm phút cuối trong phòng vệ sinh, thời điểm xảy ra vụ án có thể đã thay đổi. Và mọi thứ có thể đã khác đi. Anh ta có thể đã sống sót đêm đó. Và có khi còn sống một cuộc đời dài và trọn vẹn nữa.”

Hoặc có thể anh ta sẽ chui vào xe sau khi say khướt và lao đầu vào một chiếc xe buýt chở đầy học sinh.

Cái trò đùa bỡn với định mệnh này thật phí phạm thời gian.

Tầm nhìn thứ nhất với cái chết, tầm nhìn thứ hai với cái chết.

“Anh đã biết tên nhà tang lễ chưa?” Sachs hỏi.

“Chưa.”

Vì không biết mình sắp bị bắt và vẫn tin rằng mình chỉ còn vài phút nữa là giết được Rhyme, Logan đã hứa sẽ tha mạng cho Sachs. Có lẽ điều này là một trong những lí do khác khiến Rhyme thương tiếc cho cái chết của hắn.

Thom gật đầu với Sachs. “Cô có muốn uống cà phê hay thứ gì khác không?”

“Cà phê là được rồi, cảm ơn anh.”

“Lincoln?”

Nhà tội phạm học lắc đầu.

Khi trợ tá của anh quay lại với cốc cà phê, anh ta đưa nó cho Sachs, cô cảm ơn anh ta. Mặc dù các dây thần kinh trên phần lớn cơ thể anh đều vô tri vô giác, nhưng các tế bào vị giác, tức chức năng nếm vẫn hoạt động hiệu quả và anh rất cảm kích vì Thom Reston pha cà phê cực ngon. Anh ta không bao giờ dùng viên nén hay bột xay sẵn, còn từ “hòa tan” thì không nằm trong từ điển của anh ta.

Với nụ cười nhăn nhó, viên trợ tá nói với cô, “VẬY. Cô nghĩ sao về mặt tình cảm sướt mướt này của Lincoln?”

Cô vòng tay ủ ấm quanh cốc cà phê. “Không, Thom, tôi nghĩ kể cả về mặt tình cảm thì anh ấy cũng có phương pháp đấy.”

A, đúng là Sachs của ta. Lúc nào cũng động não. Đó là một trong những lí do khiến anh yêu cô. Mắt họ chạm nhau. Rhyme biết rằng nụ cười của anh, dù nhỏ đến đâu, cũng có thể khớp với nụ cười của cô theo từng sợi cơ một.

Sachs nói tiếp, “Thợ đồng hồ đã luôn là một ẩn số. Chúng ta không biết nhiều về hắn - chỉ biết hắn có những đầu mối liên lạc ở California. Vài họ hàng xa mà chúng ta chưa bao giờ lần tới được, và không có đồng bọn. Đây có thể là một cơ hội để tìm ra người quen biết hoặc làm việc cùng hắn – kể cả việc hợp pháp lẫn các kế hoạch phạm tội. Đúng chưa, Rhyme?”

Trúng phóc, anh nghĩ.

Rhyme nói với Pulaski, “Và khi nào tìm được nhà tang lễ, tôi muốn cậu tới đó.”

“Tôi à?”

“Nhiệm vụ bí mật đầu tiên của cậu đấy.”

“Không phải đầu tiên,” cậu ta chỉnh lại.

“Đầu tiên tại một đám tang.”

“Thế thì đúng thật. Tôi sẽ là ai đây?”

Rhyme nói điều đầu tiên anh kịp nghĩ ra. “Harold Pigeon.”

“Harry Pigeon?”

“Tôi đang nghĩ đến chim.” Một cái hắt cằm về phía tổ chim đại bàng trên bệ cửa sổ nhà Rhyme, chúng đang túm tụm vào nhau trước cơn bão.

Những con đại bàng thường làm tổ ở dưới thấp mỗi khi thời tiết xấu.

“Harry Pigeon.” Chàng cảnh sát lắc đầu. “Không đời nào.”

Sachs cười phá lên. Rhyme nhăn nhó. “Tôi không quan tâm. Cậu tự nghĩ ra cái tên chết tiệt nào cũng được.”

“Stan Walesa. Tên của ông ngoại tôi.”

“Tuyệt.” Anh ném cái nhìn sốt ruột vào một chiếc hộp ở góc phòng.

“Kia. Lấy một trong mấy cái kia.”

“Cái gì đó?”

Sachs giải thích, “Điện thoại trả tiền trước. Chúng tôi có năm, sáu cái ở đây để dành cho các hoạt động như thế này.”

Tay cảnh sát trẻ tới lấy một cái. “Nokia à. Hừm. Điện thoại gập. Đời mới nhất.” Cậu ta nói với thái độ châm biếm.

Trước khi Pulaski bấm số, Sachs nói, “Nhớ là phải thuộc lòng số điện thoại ấy trước, để nếu có ai hỏi thì anh sẽ không bị lúng túng.”

“Chắc chắn rồi. Tốt lắm.” Pulaski dùng chiếc điện thoại trả trước gọi sang điện thoại cá nhân và lưu lại số rồi đứng sang một góc để gọi điện.

Sachs và Rhyme quay sang bản báo cáo hiện trường vụ cướp của giết người ở Tòa thị chính để chỉnh sửa thêm.

Một lát sau Pulaski quay lại. “Bệnh viện nói họ đang chờ tin xem phải gửi cái xác đi đâu. Giám đốc nhà xác nói ông ấy đang chờ một cuộc gọi trong vòng vài giờ nữa.”

Rhyme nhìn cậu ta một lượt từ đầu đến chân. “Cậu sẵn sàng chưa?”

“Tôi đoán là rồi.”

“Nếu có đám tang, cậu sẽ đi. Nếu không, cậu sẽ đến nhà tang lễ cùng lúc với kẻ tới đó nhận di thể. Hoa của tôi cũng sẽ xuất hiện ở đó. Giờ, đó sẽ là cách mở đầu câu chuyện - kẻ mà Richard Logan đã cố giết, kẻ đưa hãn vào tù nay lại gửi hoa tới tang lễ của hãn.”

“Còn Walesa thì sẽ là ai?”

“Một cộng sự của Logan. Chính xác là ai thì tôi không chắc. Tôi sẽ phải nghĩ kỹ đã. Nhưng hãn nên là một kẻ khó lường, nguy hiểm.” Anh cau mày.

“Tôi ước gì trông cậu không giống một thằng bé hầu việc ở nhà thờ như thế.

Hồi xưa cậu làm việc cho nhà thờ hả?”

“Cả tôi và anh trai tôi.”

“Luyện tập để trông bặm trợn hơn đi.”

“Đừng quên mục nguy hiểm nữa,” Sachs nói, “dù cái đó còn khó giả vờ hơn cả khó lường.”

Thom mang cho Rhyme một chút cà phê đựng trong chiếc cốc có ống hút. Rõ ràng trợ tá của anh đã để ý thấy anh liếc cốc cà phê của Sachs.

Rhyme cảm ơn anh ta bằng một cái gật đầu.

Cặp vợ chồng già...

Thom bảo, “Giờ tôi thấy khá hơn rồi, Lincoln. Trong một phút tôi đã thực sự nghĩ mình đang chứng kiến mặt mềm yếu của anh. Hoang mang quá. Nhưng khi biết rằng anh chỉ đang dựng một cái bẫy để do thám gia đình của một cái xác? Niềm tin của tôi vào anh đã hồi phục.”

Rhyme làu bàu, “Đơn giản là logic thôi. Cậu thấy đấy, tôi có phải là một kẻ máu lạnh như mọi người vẫn nghĩ đâu.”

Dù nực cười ở chỗ đích thực Rhyme muốn gửi hoa tới cũng một phần vì lí do tình cảm: để tỏ lòng kính trọng với một địch thủ đáng gờm. Anh nghi là Thọ đồng hồ hăn cũng sẽ làm điều tương tự cho anh.

Tất nhiên, dù nhìn nhận cái chết theo góc nhìn thứ nhất hay thứ hai, chúng cũng không hề loại bỏ lẫn nhau.

Sau đó Rhyme nghiêng đầu.

“Sao thế?” Sachs hỏi.

“Nhiệt độ đang là bao nhiêu?”

“Loanh quanh không độ.”

“Vậy là có băng đóng trên bậc thang bên ngoài đúng không?” Dinh thự của Rhyme có cả cầu thang bộ lẫn cầu trượt dành cho người tàn tật.

“Bậc tam cấp sau nhà có,” cô bảo. “Em đoán là mặt trước cũng có.”

“Tôi nghĩ chúng ta sắp có một vị khách.”

Mặc dù không có bằng chứng rõ ràng, Rhyme tin rằng sau vụ tai nạn cướp đi hầu hết các giác quan của anh, những giác quan còn lại đã trở nên mẫn cảm

hơn. Cụ thể là thính giác. Anh phát hiện có tiếng bước chân lộp cộp ở bậc tam cấp trước nhà.

Một lát sau, tiếng chuông cửa vang lên và Thom ra trả lời.

Những tiếng dậm và bước chân của vị khách đi vào tiền sảnh và hướng đến phòng khách đã hé lộ ai là người tới thăm.

“Lon.”

Thanh tra cấp cao Lon Sellitto rẽ ở khúc quanh và bước qua vòm cửa, vừa đi vừa lột chiếc áo măng-tô Burberry. Chiếc áo màu nâu vàng nhàu nhĩ với rất nhiều nếp gấp đặc trưng trên hầu hết áo quần của Sellitto - hình thành nhờ cơ thể hình chum và cách đi đứng chằng kiêng dè của anh ta.

Rhyme tự hỏi sao anh ta không chịu trung thành với đồ tối màu, chúng sẽ không làm lộ nếp gấp trên vải nhiều như thế. Mặc dù khi chiếc áo khoác đã được cởi ra và vắt lên cái ghế mây, Rhyme nhận ra bộ vest màu xanh nước biển lại có một kiểu vấn đề khác.

“Thời tiết ngoài kia tệ quá,” Sellitto lẩm bẩm. Anh ta rũ mái tóc đen-xám mỏng dính và vài vụn tuyết rơi ra. Mắt anh nhìn chúng rơi xuống. Anh đã đi bộ trong bùn và tuyết. “Xin lỗi vì cái đó nhé.”

Thom bảo không cần lo lắng và mang cho anh ta một cốc cà phê.

“Tệ thật,” thanh tra nhắc lại trong lúc khum tay quanh cái cốc như Sachs đã làm. Mắt anh nhìn ra cửa sổ, ở một bên thành cửa, đằng sau tổ chim đại bàng, bạn có thể thấy cả băng tuyết, sương mù và những cành cây đen thui. Và một cái gì đó bé xíu của Công viên Trung tâm.

Rhyme không ra ngoài nhiều lắm và dù thời tiết có thế nào thì cũng chẳng có ý nghĩa gì với anh, trừ khi nó là một yếu tố trên hiện trường.

Hoặc nó giúp anh phát hiện có khách tới thăm sớm hơn.

“Sắp xong rồi,” Rhyme nói và hất cằm về phía bản báo cáo hiện trường của vụ cướp của giết người.

“Ừ, ừ, không phải vì nó mà tôi đến đây đâu.” Lon nói liền một mạch.

Rhyme bắt đầu chú ý. Sellitto là thanh tra cao cấp của phòng Trọng án và nếu anh ta không đến đây để nhận báo cáo, vậy thì hẳn là có một thứ gì khác thú vị hơn sắp lộ diện. Dấu hiệu tốt lành hơn nữa là Lon đã thoáng thấy cái khay bánh do Thom tự làm nhưng lại quay đi cứ như những chiếc bánh ấy vô hình vậy. Nhiệm vụ của anh ta ở đây chắc là khẩn cấp lắm.

Do đó, anh tập trung lại.

“Chúng tôi nhận được một cuộc gọi báo một án mạng ở SoHo, Linc à.

Ngay ngày hôm nay. Chúng tôi đã tổ chức bốc thăm và anh giật giải. Hi vọng anh đang rảnh.”

“Làm sao tôi lại được chọn nếu tôi chưa từng bốc cái thăm nào?”

Một ngụm cà phê. Lờ tịt Rhyme. “Vụ này khó nhằn đây.”

“Tôi đang nghe.”

“Một cô gái bị bắt cóc từ tầng hầm của cửa hàng nơi cô ta làm việc. Một cửa hàng bán quần áo thời trang. Kẻ thủ ác lôi cô ấy đi qua một cánh cửa thông vào một đường hầm bên dưới tòa nhà.”

Rhyme biết bên dưới SoHo có cả một mê cung đường hầm, chúng được đào từ nhiều năm trước để luân chuyển hàng hóa giữa các tòa nhà. Anh luôn tin rằng chẳng chóng thì chầy sẽ có kẻ dùng nơi đó như một bãi giết chóc.

“Có tấn công tình dục không?”

“Không, Amelia,” Sellitto nói. “Có vẻ như thủ phạm là một nghệ sĩ xăm. Và theo lời cảnh sát tại hiện trường thì tên khốn đó khá là thạo việc.

Hắn xăm cho cô ấy. Chỉ có điều không dùng mực xăm. Hắn dùng thuốc độc.”

Rhyme là một nhà khoa học pháp y đã nhiều năm; tâm trí anh thường đưa ra những suy luận chính xác từ vài chi tiết cho trước ít ỏi. Nhưng việc loại suy chỉ có tác dụng khi các dữ kiện đưa ra có sự tương đồng với dữ kiện trong quá khứ. Thông tin này thì hoàn toàn chưa có trong trí nhớ của Rhyme và cũng không tạo ra điểm khởi đầu cho bất kì một giả thuyết nào hết.

“Hắn dùng loại độc được nào?”

“Họ chưa biết. Tôi đã nói rồi mà, vụ án vừa mới xảy ra thôi. Chúng tôi đang khoan giữ hiện trường.”

“Thông tin thêm đi, Lon. Hình xăm thì sao? Hắn xăm gì lên người cô ấy?”

“Họ bảo có vài chữ gì đấy.”

Các tình tiết ngày càng hấp dẫn rồi đây. “Anh có biết đó là gì không?”

“Cảnh sát ở hiện trường không nói. Nhưng họ bảo tôi rằng có vẻ như đó không phải là một câu hoàn chỉnh. Và anh có thể đoán được nó có nghĩa là gì.”

“Hắn sẽ cần thêm nạn nhân,” Rhyme nói và liếc sang Sachs. “Để hắn có thể truyền tải nốt thông điệp.”

Sellitto đang giải thích:

“Tên cô gái là Chloe Moore, hai mươi sáu tuổi. Diễn viên bán thời gian - đã nhận vài vai diễn trong các quảng cáo và vai quần chúng trong những bộ phim hành động. Làm việc ở cửa hàng thời trang để kiếm ăn hàng ngày.”

Sachs hỏi những câu thông thường: Cô ta có vấn đề gì với bạn trai, với chồng con, hay có quan hệ tay ba nào không?

“Không, chúng tôi chưa xác định được bất kì vấn đề gì. Tôi chỉ mới điều cảnh sát mặc đồng phục đi dò hỏi quanh khu ấy nhưng thông tin ban đầu từ các nhân viên cửa hàng và bạn cùng phòng cho thấy cô gái có mối quan hệ với toàn người tử tế. Khá là thủ cựu. Hiện không có bạn trai và cũng không có vụ chia tay tồi tệ nào.”

Rhyme tò mò. “Có hình xăm nào ngoài cái mà tên sát nhân đã dùng để giết cô ấy không?”

[“Tôi không biết. Những người đầu tiên phát hiện đã bỏ ra ngoài ngay khi đội y tế xác nhận DCDS*.”](#)

DCDS là viết tắt của *Deceased, Confirmed Dead at the Scene*, tạm dịch ‘Đã chết, xác nhận tử vong tại hiện trường’.

Đã chết, xác nhận tử vong tại hiện trường. Tuyên bố chính thức từ đội ngũ nhân viên y tế của thành phố sẽ đánh dấu thời điểm tính giờ tại hiện trường và khởi động đủ loại quy trình. Một khi đã có thông báo DCDS, sẽ không ai còn lí do gì để nấn ná ở hiện trường; Rhyme đã khẳng khẳng bắt các cảnh sát phát hiện vụ án phải rời khỏi đó ngay để tránh nhiễu loạn thông tin. “Tốt lắm,” anh bảo Sellitto. Anh nhận ra mình đã hoàn toàn nhập tâm vào góc nhìn cái chết thứ nhất.

“Được rồi, Sachs. Chúng ta làm đến đâu với công chức thành phố rồi?”

Một cái liếc nhìn về phía bản báo cáo vụ án ở Tòa thị chính.

“Em nghĩ là xong rồi. Vẫn đang chờ danh sách khách hàng đã mua dao nhân hiệu đó. Nhưng em cá là thủ phạm không dùng tới thẻ tín dụng của hẳn hay điền vào phiếu xin ý kiến khách hàng đâu. Giờ thì không còn gì nhiều để làm nữa.”

“Đồng ý. Được rồi, Lon, chúng tôi nhận vụ này. Mặc dù tôi không thể không lưu ý rằng anh đã không thềm hỏi tôi. Anh chỉ việc thay tôi rút thăm và lao vù vù đến đây, cứ như thể chắc chắn rằng tôi sẽ nhận vụ này nhi.”

“Thế anh còn làm cái quái gì khác được hả, Linc? Đi trượt tuyết xuyên vùng nông thôn trong Công viên Trung tâm chắc?”

Rhyme thích mọi người không do dự trước bệnh tật của anh, khi họ không ngại ngần nói đùa về chuyện ấy như Sellitto. Anh chỉ cáu khi người ta đối xử với anh như một con búp bê hỏng.

Nào, nào, tội nghiệp anh quá...

Sellitto nói, “Tôi đã gọi đội Khám nghiệm Hiện trường ở Queens rồi.

Có một chiếc RRV đang trên đường đến. Họ sẽ để cô dẫn dắt, Amelia.”

“Tôi đi đây.” Cô quàng khăn len và đi găng tay vào. Cô chọn một chiếc áo da khác trên mắc áo, nó dài tới giữa đùi. Suốt những năm họ bên nhau, Rhyme chưa bao giờ trông thấy cô mặc cái áo khoác nào dài trọn vẹn. Chỉ có áo khoác ngắn hoặc áo thể thao là hết cỡ. Cô cũng hiếm khi mặc áo gió, trừ khi đang làm nhiệm vụ chìm hoặc ở trong đội tác chiến.

Ngọn gió đang đập vào các cửa sổ cũ kỹ, làm khung cửa rung bần bật, và Rhyme suýt nữa thì đã nhắc Sachs lái xe cẩn thận - cô điều khiển một chiếc xe phân khối lớn loại cổ điển bốn bánh dẫn động có khuynh hướng di chuyển khó khăn trên đường có băng tuyết - nhưng bảo Sachs cẩn trọng chẳng khác nào bảo Rhyme phải kiên nhẫn; chuyện ấy đơn giản là không xảy ra.

“Cô muốn tôi giúp không?” Pulaski hỏi.

Rhyme cân nhắc. Anh hỏi Sachs, “Em có cần cậu ta không?”

“Không biết. Có thể là không. Chỉ có một nạn nhân trong một khu vực khép kín.”

“Trong thời gian này cậu là cảnh sát chìm đóng giả người đưa tang của chúng tôi, lính mới ạ. Ở lại đây đi. Chúng tôi sẽ nghĩ ra kịch bản cho cậu.”

“Được thôi, Lincoln.”

“Em sẽ gọi lại từ hiện trường,” Sachs nói rồi chộp lấy chiếc túi vải màu đen có chứa thiết bị liên lạc mà cô dùng để nói chuyện với Rhyme tại hiện trường và vội vã lao ra cửa. Tiếng gió hú thoáng qua, sau đó là tiếng ‘kẹt’

và ‘rầm’ một cái, rồi mọi thứ lại rơi vào im lặng.

Rhyme để ý thấy Sellitto đang dụi mắt. Khuôn mặt anh ta xám xịt và cả người toát lên vẻ kiệt sức.

Thanh tra cũng nhận ra Rhyme đang nhìn về phía mình. Anh ta bảo, “Cái vụ Met chết tiệt đấy. Nó làm tôi không được ngủ tí nào. Có kẻ nào lại đột nhập vào một nơi chứa các tác phẩm nghệ thuật trị giá một tỉ đô, ngó nghiêng chỗ này chỗ kia rồi đi ra tay không chứ? Không hợp lí tí nào.”

Tuần trước, có ít nhất ba thủ phạm rất thông minh đã đột nhập vào Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan trên Đại lộ Năm sau giờ mở cửa. Các camera đều bị vô hiệu hóa và còi báo động thì bị tắt - một việc không hề dễ dàng chút nào - nhưng một cuộc kiểm tra kỹ càng tại hiện trường chỉ cho thấy thủ phạm dành thời gian tại hai nơi. Đầu tiên là sảnh chứa đồ cổ của bảo tàng, nơi được mở cho công chúng đến xem - địa điểm yêu thích của các nam sinh, chứa đầy gương, rìu chiến, áo giáp và hàng trăm dụng cụ thông minh khác dùng để cắt các bộ phận trên cơ thể người. Thứ hai là kho lưu trữ dưới tầng hầm, các khu vực để đồ dự trữ và bảo trì. Chúng đã bỏ đi sau vài giờ và tái khởi động chuông báo động từ xa. Vụ đột nhập chỉ được dừng lại từ các

chi tiết thu thập được nhờ phân tích máy tính về những lần tắt máy quay an ninh và kiểm tra thực tế các phòng sau khi phát hiện chuông báo động bị xâm phạm.

Vụ việc gần giống như thế những tên trộm là một trong rất nhiều khách du lịch đã viếng thăm bảo tàng: Họ đã xem đủ, thấy tẻ nhạt và bắt đầu hướng tới một nhà hàng hay quán bar gần nhất.

Một cuộc tổng kiểm tra kho cho thấy dù vài hiện vật ở cả hai khu vực đã bị di chuyển, nhưng những kẻ đột nhập không hề lấy đi dù chỉ một bức tranh, bộ sưu tập hay một tập giấy ghi chú. Các điều tra viên Hiện trường -

Rhyme và Sachs không làm vụ đó - bị choáng bởi kích thước không gian họ phải kiểm tra; nguyên khu vực bày biện vũ khí và giáp đã đủ tẻ rồi nhưng hệ thống kho lưu trữ và phòng để đồ dự trữ còn được kéo dài mãi về phía đông dưới lòng đất, vượt qua cả Đại lộ Năm.

Vụ việc tốn rất nhiều thời gian nhưng Sellitto đã phải thừa nhận đó còn chưa phải phần tẻ nhất. “Chính trị. Vấn đề chính trị chết tiệt cơ.” Anh ta giải thích tiếp, “Hizzoner nghĩ ông ta bị mất mặt khi để trộm đột nhập vào viên ngọc quý của mình. Tức là: Đội của tôi phải làm thêm quần quật và mặc xác những việc khác. Chúng ta có những lời đe dọa khủng bố trong thành phố này đó Linc à. Mã đỏ mã cam hay cái màu chết tiệt gì đi chẳng nữa thì nó cũng ám chỉ chúng ta đang gặp nguy. Chúng ta có những thằng Tony Soprano tập sự. Còn tôi thì đang làm gì? Tôi phải săm soi từng căn phòng phủ bụi, từng bức tranh và mọi bức tượng lỏa lồ trong tầng hầm.

Từng cái một ấy nhé. Anh muốn biết cảm xúc của tôi với nghệ thuật là gì không, Linc?”

“Là gì hả, Lon?” Rhyme hỏi.

“Mả cha nghệ thuật. Cảm giác của tôi đấy.”

Nhưng giờ đây vụ án mới - nghệ sĩ xăm bằng độc dược - đã đẩy lùi vụ án cũ vào dĩ vãng khiến viên thanh tra nhẹ nhõm thấy rõ. “Khi thành phố xuất hiện một tên sát thủ như thế này, cánh báo chí sẽ không vui vẻ gì khi thấy chúng tôi dành thời gian lo lắng cho mấy bức tranh vẽ hoa huệ hay tượng các vị thần Hi Lạp cu nhỏ đâu. Anh đã xem mấy bức tượng ấy chưa, Linc? Một vài gã... Thật sự, anh hẳn là nghĩ mấy cha người mẫu phải bảo các nghệ sĩ điêu khắc tặng thêm vài phân chứ nhỉ.”

Anh ta ngồi phục xuống một cái ghế, uống thêm cà phê. Vẫn không quan tâm gì đến chỗ bánh mì.

Lúc ấy Rhyme cau mày. “Còn chuyện này nữa, Lon?”

“Sao?”

“Chính xác thì vụ giết người bằng hình xăm này xảy ra khi nào?”

“Thời điểm tử vong là khoảng một giờ trước. Có lẽ là chín mươi phút trước.”

Rhyme thắc mắc. “Lúc đó anh làm gì đã nhận được báo cáo về chất độc nhỉ.”

“Chưa đâu, đội y tế bảo phải mất vài giờ.”

“Vậy làm sao họ biết cô ấy đã bị đầu độc?”

“Ồ, một trong các nhân viên y tế từng khám nghiệm trong một vụ đầu độc vài năm trước. Anh ta bảo nhìn vào cách mở miệng và dáng nằm là đoán được. Anh biết đấy, do đau đớn. Đó là một cách chết kinh khủng lắm.

Chúng ta phải tóm được tên khốn này, Linc.”

Hay lắm. Hay thật.

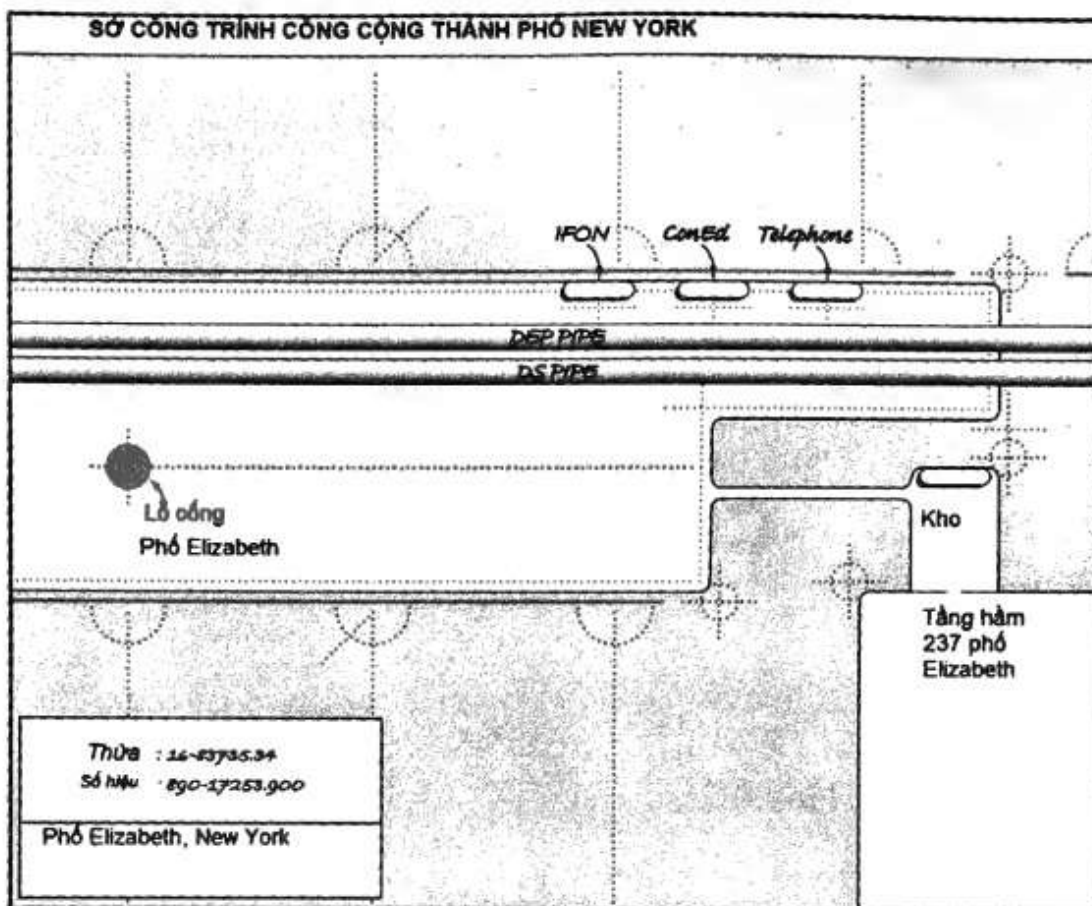
Đứng trong tầng hầm cửa hàng ở SoHo nơi Chloe Moore đã bị bắt cóc, Amelia Sachs nhăn mặt, ngó xuống và nhìn hé vào phòng để đồ. Cô đang nhìn vào một đường hầm hẹp dẫn từ căn phòng đó tới hiện trường vụ án, rõ ràng đó là một đường hầm rộng hơn nơi Chloe đã bị giết.

Cái xác hiện trong tầm nhìn và được chiếu sáng bằng những chiếc đèn mà đội cảnh sát đầu tiên đã dựng lên.

Hai lòng bàn tay vã mồ hôi, Sachs tiếp tục nhìn xuống qua cái lỗ bé tí mà cô sẽ phải trèo vào.

Hay thật đấy.

Cô bước lùi lại và hít vào hai, ba lần, hít đầy phổi mùi ẩm mốc và mùi dầu đốt trong không khí. Nhiều năm trước, Lincoln Rhyme đã tạo một cơ sở dữ liệu bao gồm sơ đồ bố trí các khu vực ngầm dưới lòng đất New York, được tập hợp từ Sở xây dựng và các cơ quan chính phủ khác. Cô đã tải xuống một bản nhờ một ứng dụng an ninh trên chiếc điện thoại iPhone của mình. Lúc này, [cô đang buồn bực nhìn vào cái sơ đồ](#) trước mặt.



Những căn bệnh ám ảnh này từ đâu mà ra nhỉ? Sachs tự hỏi. Một bi kịch nào đó thời thơ ấu, một mã gen nào đó ngăn chúng ta không đánh bạn với lũ rắn độc hay là nhảy căng lên ngay bên cạnh vách núi chằng?

Rắn rết và độ cao không phải vấn đề của cô; nhưng không gian kín thì có. Nếu cô tin vào kiếp trước, mà vốn không phải thế, chắc hẳn Sachs đã tưởng tượng rằng ở kiếp sống đó cô đã bị chôn sống. Hoặc, nếu tuân theo logic nhân quả, nhiều khả năng cô từng là một nữ hoàng ác độc, kẻ đã dần dần chôn sống những kẻ thù của mình trong lúc họ cầu xin sự nhân từ.

Sachs - một người phụ nữ cao lớn với chiều cao gần một mét tám - đang nhìn xuống bản đồ quả báo của mình: một đường hầm chỉ có đường kính tầm bảy mươi một cho tới bảy mươi sáu phân từ phòng để đồ thông sang một đường hầm vận chuyển to hơn - hiện trường vụ án mạng. Theo bản đồ này, lối đi hẹp kia kéo dài độ bảy mét.

Nó đúng là một cái quan tài hình tròn, cô nghĩ.

Người ta cũng có thể tiếp cận hiện trường qua một cái lỗ cống cách cái xác khoảng chín mét. Đó có thể là lối vào của hẻm nhưng Sachs biết cô sẽ phải luồn lách qua đường hầm nhỏ hơn này, vừa đi vừa thu thập dấu vết, vì đó là chỗ hẻm đã bò vào tầng hầm của cửa hàng quần áo - cũng là chỗ hẻm đã kéo Chloe đi qua trước khi giết cô ấy.

“Sachs?” Giọng Rhyme bật qua tai nghe. Cô giật nảy mình và vặn nhỏ âm lượng. “Em đang ở đâu? Anh không thấy gì hết.” Thiết bị liên lạc mà Sachs mang không chỉ gắn loa và tai nghe mà còn kèm cả máy quay độ phân giải cao. Cô vừa mới mặc bộ đồ vào và chưa kịp khởi động máy quay.

Cô chạm vào một nút trên chiếc máy quay nhỏ bé đến kinh ngạc - nó chỉ to bằng một cục pin AA - và nghe thấy, “Được rồi.” Sau đó là tiếng làu bàu. “Vẫn còn hơi tối.”

“Bởi vì *trong này* tối. Em đang ở tầng hầm - và chuẩn bị trèo xuống một đường hầm chỉ to bằng cỡ cái giỏ đựng bánh mì.”

“Thực ra anh chưa từng trông thấy cái giỏ đựng bánh mì bao giờ,” anh trả lời. “Anh còn không chắc là chúng có tồn tại.” Rhyme luôn có tâm trạng hóm hỉnh mỗi khi tiếp cận một hiện trường mới. “Nào, ta vào việc thôi.

Quét một vòng xem chúng ta có gì nào.”

Cô thường mang thiết bị này khi rà soát một hiện trường. Rhyme sẽ cho cô những gợi ý - giờ đây đã ít hơn hẻm so với hồi họ bắt đầu làm việc cùng nhau và cô chỉ là lính mới. Anh cũng muốn thấy cô được an toàn, dù anh sẽ không bao giờ thừa nhận chuyện đó. Rhyme luôn khăng khăng đòi cảnh sát phải kiểm tra hiện trường một mình - nếu không anh ta sẽ bị phân tâm quá nhiều. Những chuyên gia khám nghiệm giỏi nhất kết nối với mỗi hiện trường về mặt tâm lí. Họ *trở thành* nạn nhân, *trở thành* thủ phạm - và từ đó họ có thể xác định những bằng chứng mà họ sẽ bỏ lỡ. Mỗi liên hệ ấy không xảy ra, hay nó rất khó xảy ra khi có người khác cùng tìm kiếm với bạn.

Nhưng làm một mình cũng rất mạo hiểm. Số lần một hiện trường trở thành nơi nguy hiểm nhiều đến mức đáng ngạc nhiên: Thủ phạm quay lại, hay vẫn còn ở đó, và tấn công cảnh sát đang kẻ ô vuông hiện trường. Thậm chí còn có chuyện thủ phạm chính đã bỏ đi từ lâu nhưng vẫn xảy ra một vụ tấn công khác không liên quan đến vụ án. Sachs từng bị một người vô gia cư mắc bệnh tâm thần phân liệt tấn công vì tưởng cô tới ăn trộm con chó trong tưởng tượng của ông ta.

Sau khi nhìn vào phòng để đồ thêm một lần nữa để Rhyme thấy được, cô thoáng liếc sang đường hầm địa ngục.

“À,” anh nói, giờ đã hiểu mối lo của cô. “Giỏ bánh mì.”

Sachs điều chỉnh bộ quần áo của mình lần cuối. Cô đang mặc bộ đồ bảo hộ Tyvek màu trắng, gồm cả mũ trùm đầu lẫn ủng. Vì vũ khí giết người là chất độc nên cô đã đeo một chiếc khẩu trang chuyên dụng N95. Những cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã báo cáo rằng chất độc được tiêm vào người nạn nhân thông qua khẩu súng xăm, và dường như họ đã không đề cập đến một loại hóa chất nào còn trong không khí. Tuy nhiên, tại sao phải mạo hiểm?

Tiếng bước chân sau lưng cô, ai đó đang đến từ tầng hầm âm thấp của tiệm Chez Nord.

Cô quay lại nhìn cô cảnh sát hiện trường có ngoại hình lôi cuốn đang giúp cô kiểm tra cửa hàng quần áo. Sachs đã quen Jean Eagleston nhiều năm; cô là một trong những ngôi sao của ngành khám nghiệm hiện trường.

Eagleston đã thẩm vấn quản lý cửa hàng, người tìm được thi thể. Sachs muốn biết liệu người quản lý có tự mình bước vào hiện trường - nơi Chloe nằm - để kiểm tra nhân viên của mình không.

Nhưng Eagleston đã nói, “Không. Cô ta để ý thấy cánh cửa đang mở và đã nhìn vào trong phòng để đồ, trông thấy nạn nhân ở đó. Với cô ta như thế là đủ. Cô ta không đi xa hơn.”

Không thể trách người quản lí, Sachs nghĩ. Ngay cả khi không mặc chứng sợ chỗ kín đi chẳng nữa, thì cũng chẳng ai muốn đi vào một đường hầm bỏ hoang với một nạn nhân vừa bị giết đang nằm trên mặt đất, và có thể tên sát nhân vẫn còn ở đó?

“Làm sao cô ta thấy được nạn nhân?” Rhyme hỏi. Anh đã nghe được cuộc nói chuyện. “Tôi nghĩ là giờ ở trong đó đang có ánh đèn rọi do nhân viên y tế đặt. Nhưng lúc trước chẳng lẽ không tối à?”

Sachs nhắc lại câu hỏi. Nhưng cô cảnh sát không biết. “Tất cả những gì viên quản lí nói là cô ấy có thể nhìn vào bên trong.”

Rhyme nói, “Chà, chúng ta sẽ tìm ra thôi.”

Eagleston nói thêm, “Ngoài ra, những người có mặt ở hiện trường vụ giết người là người cảnh sát nhận được cuộc gọi báo và một nhân viên y tế.

Nhưng họ đã lùi lại ngay khi xác nhận nạn nhân đã tử vong. Để chờ chúng ta. Tôi đã lấy mẫu dấu giày của họ, vậy nên chúng ta có thể loại trừ các dấu giày đó. Họ nói với tôi là họ chưa chạm vào bất kì thứ gì trừ nạn nhân, để kiểm tra tình trạng của cô ấy. Và nhân viên cấp cứu thì đeo găng tay.”

Vậy là độ nhiễu hiện trường - tổng hợp các bằng chứng không liên quan đến vụ án hay thủ phạm - sẽ ở mức tối thiểu. Đó là một lợi thế của vụ án mạng xảy ra tại một cái hố trời ơi đất hỡi như thế này. Một vụ án xảy ra trên phố phải có đến cả chục sự nhiễu loạn, từ bụi do gió thổi đến, nước mưa và bụi tuyết (như hôm nay) cho đến người qua lại và thậm chí cả những kẻ tìm kiếm vật kỉ niệm nữa. Một trong những nguồn gây nhiễu hiện trường tệ nhất lại là các đồng nghiệp cảnh sát, đặc biệt là đội canh gác hiện trường nếu có phóng viên hiện diện và háo hức được chụp lấy vài phân cảnh để đăng lên bản tin hai mươi bốn giờ.

Thêm một cái liếc nhìn vào chiếc quan tài hình tròn nữa.

Được rồi, Amelia Sachs nghĩ: Đã đến lúc lên gân...

Đó là cách nói của cha cô. Ông cũng từng là một cảnh sát, từng được tặng huân chương khi làm việc cho sở Deuce - Midtown South; hồi ấy Quảng trường Thời đại chỉ giống như Deadwood hồi những năm 1800. Lên gân có ý nhắc tới những giờ phút mà bạn phải chống lại nỗi sợ hãi lớn nhất của mình.

Giỏ bánh mì...

Sachs quay lại với cánh cửa thông và trèo xuống phòng để đồ bên dưới tầng hầm. Rồi cô nhận chiếc túi đựng đồ thu thập vật chứng từ nữ cảnh sát kia. Sachs bảo, “Cô kiểm tra tầng hầm chưa, Jean?”

“Giờ tôi làm đây,” Eagleston nói. “Rồi đưa tất cả vào xe RRV.”

Họ đã tiến hành kiểm tra nhanh tầng hầm. Nhưng rõ ràng thủ phạm chỉ dành rất ít thời gian ở đó. Hẳn chộp được Chloe, khống chế cô bằng cách nào đó và lôi cô qua cửa thông; các dấu vết để lại từ gót giày cô rất dễ thấy.

Sachs đặt chiếc túi nặng nề lên sàn nhà và mở nó ra. Cô chụp ảnh và thu thập các vật chứng trong phòng để đồ, mặc dù cũng giống như trong tầng hầm, thủ phạm và nạn nhân chỉ ở đây rất ít; chắc hẳn hẳn đã muốn đưa cô gái ra khỏi đó nhanh nhất có thể. Cô đóng túi và ghi nhãn cho các vết tích và đặt những chiếc túi nhựa và giấy lên sàn tầng hầm để những cảnh sát khám nghiệm hiện trường khác mang chúng lên xe RRV.

Rồi Sachs quay sang lối vào cái hố bé tí kia, nhìn vào nó như cách người ta nhìn một họng súng trong tay tên tội phạm đang tuyệt vọng.

Giỏ bánh mì...

Cô không cử động. Nghe được tiếng tim mình đang đập.

“Sachs.” Giọng Rhyme văng vẳng trong tai cô.

Cô không đáp lại.

Anh nói nhẹ nhàng, “Anh hiểu. Nhưng.”

Có nghĩa là: Nhắc mông lên đi.

Cũng đúng thôi.

“Được rồi, Rhyme. Đừng lo.”

Đến giờ lên gân...

Nó cũng không dài lắm đâu, cô tự trấn an. Chỉ cỡ bảy mét. Chẳng là gì cả. Mặc dù, không hiểu sao Sachs lại thấy vô cùng căm ghét đoạn đường ngoài năm mét đầu tiên. Trong lúc tiến đến, hai lòng bàn tay cô bắt đầu vã mồ hôi ròn ròn; da đầu cô cũng đổ mồ hôi làm nó ngứa ngáy hơn bình thường. Cô muốn gãi, muốn cắm móng tay vào da, vào lớp biểu bì. Một thói quen lúc căng thẳng. Ham muốn ấy trỗi dậy khi cô không cử động được - ở mọi mặt cả về thể xác, cảm xúc và tinh thần.

Tỉnh tại: Cô ghét cái trạng thái ấy làm sao.

Hơi thở của cô trở nên gấp gáp và ngắt quãng.

Để định hướng lại tinh thần, cô chạm vào khẩu Glock 17 đang đeo trên hông. Vũ khí là một nguy cơ nhỏ làm nhiều hiện trường, kể cả khi cô không thổi bay ai đi nữa, nhưng vẫn còn đó vấn đề an ninh. Và nếu tên thủ phạm nào đó có cơ hội lớn để làm hại một cảnh sát hiện trường thì đó chính là ở nơi này.

Cô buộc một sợi dây ni lông vào túi đựng đồ nghề thu thập vật chứng còn đầu kia thì buộc vào đai của bao súng, để kéo lê nó sau lưng mình.

Di chuyển về phía trước. Dừng lại trước cửa đường hầm. Rồi bò bằng tứ chi. Vào trong cái hố. Sachs không muốn bật đèn trên trán - nhìn thấy đường hầm sẽ làm cô lo lắng hơn là tập trung vào mục tiêu ở cuối đường -

nhưng cô lo mình sẽ bỏ lỡ một bằng chứng nào đó.

Tách.

Dưới ánh sáng đèn halogen, chiếc quan tài bằng kim loại dường như co rút lại và bó chặt quanh cô.

Đi. Thôi.

Cô lôi ra một cây lăn lông chó từ trong túi và quét sàn của đường hầm trong lúc bò tới trước. Cô biết rằng vì không gian eo hẹp và giả thuyết thủ phạm phải vật lộn với nạn nhân, chắc chắn hãn sẽ bị rớt lại vật chứng ở đây, nên cô tập trung vào những mối nối và điểm gờ ghề, chỗ có thể đã giữ lại một chất gì đó từ thủ phạm.

Cô nghĩ đến một câu đùa, kiểu Steven Wright từ nhiều năm trước. “Tôi đã đến bệnh viện để chụp MRI. Tôi muốn tìm hiểu xem mình có bị chứng sợ chỗ kín không.”

Nhưng câu chuyện hài hước và sự sao nhãng nhiệm vụ không giúp cô ngăn nỗi hoảng sợ được lâu.

Vừa mới đi được một phần ba quãng đường thì nỗi sợ đã như một lưỡi dao làm từ băng đâm xuyên vào gan ruột cô.

Ra ngoài, ra ngoài, ra ngoài!

Hai hàm răng va nhau lập cập bất chấp cái nóng bừng bừng quanh người cô.

“Em đang làm rất tốt, Sachs,” giọng của Rhyme vang lên trong tai cô.

Cô cảm kích giọng nói ấm áp trấn an ấy, nhưng không muốn nghe nó.

Cô vặn nhỏ âm lượng trên tai nghe.

Thêm vài chục phân nữa. Hít thở, hít thở.

Tập trung vào công việc. Sachs đã cố. Nhưng hai bàn tay vẫn run rẩy và cô làm rơi cây lăn, tiếng lanh canh của tay cầm va đập với mặt đường hầm kim loại gần như làm cô buồn nôn.

Rồi nỗi sợ hãi điên rồ tóm được cô. Sachs nảy ra ý nghĩ nghi phạm bí ẩn kia đang ở sau lưng cô. Bằng cách nào đó, từ trên trần của căn phòng để đồ, hắn đã nhảy xuống sàn. Tại sao ta không nhìn lên? Luôn phải nhìn lên trong các hiện trường tội ác! Chết tiệt thật.

Rồi một cú giật.

Cô thở hỗn hển.

Đó không phải là do chiếc túi đồ nghề đang buộc vào cô. Không, đó chính là tay của thủ phạm! Hắn sắp trói cô lại dưới này. Rồi hắn lấp đầy đường hầm bằng đất, một cách chậm rãi, bắt đầu từ chân cô. Hay làm nó ngập nước. Cô nghe tiếng nước chảy trong không gian phòng để đồ; ở đó có nhiều ống nước. Hắn đã rút một cái núm hay mở một van. Cô sẽ chết chìm, rồi gào thét trong lúc nước dâng lên và không thể tiến lên hay lùi lại.

Không!

Viễn cảnh ấy dù không thể có thực thì nó cũng chẳng quan trọng gì. Sợ hãi làm cho điều không chắc chắn, thậm chí cả điều bất khả thi vẫn trở nên có lí. Bản thân nỗi sợ lúc này đã là một thực thể nữa của đường hầm, nó đang thở, đang hôn hít, đùa bỡn, trượt những cánh tay ngoằn ngoèo của nó quanh người cô.

Cô giận dữ với chính mình. Đừng có điên. Mà chỉ có nguy cơ bị bắn chết khi trèo qua đầu bên kia của đường hầm chết tiệt này thôi, chứ không phải bị một tên tội phạm nào đó thậm chí còn không tồn tại làm cho chết ngạt bằng một cái xẻng cũng không tồn tại nốt. Không đời nào đường hầm này bị sập và làm mà bị kẹt như con chuột trong họng con rắn được.

Chuyện- ấy-sẽ- không-xảy-ra.

Nhưng chính hình ảnh ấy - con rắn và con chuột bị kẹt cứng - đã in sâu vào tâm trí cô, khiến nỗi kinh hoàng bùng lên thêm một cấp độ nữa.

Khỉ thật. Mình sắp điên rồi. Mình sắp điên thật rồi.

Đầu kia của đường hầm chỉ cách đó hơn hai mét, và cô bị ám ảnh với việc phải thoát khỏi chỗ này thật nhanh. Nhưng cô không thể. Không có đủ chỗ để cô có thể cử động nhanh hơn, cô chỉ có thể bò. Hơn nữa, Sachs biết việc cố gắng đi nhanh hơn sẽ là một thảm họa. Thứ nhất, cô có thể làm mất dấu vết. Và càng đi nhanh thì càng thúc đẩy nỗi sợ, khiến nó nổ bùng bên trong cô như một phản ứng dây chuyền.

Và tương tự, di chuyển nhanh hơn để ra khỏi đường hầm, kể cả khi cô có thể làm được điều đó, sẽ là một thất bại.

Bài tụng kinh riêng của cô - cũng do cha truyền lại - là: Con chuyển động thì chúng sẽ không tóm được con.

Nhưng đôi khi, như lúc này chẳng hạn, chúng sẽ tóm được cô nếu cô *chuyển động*.

Vì vậy, hãy dừng lại, cô ra lệnh cho mình.

Và cô làm đúng như thế, dừng lại hoàn toàn. Cô cảm nhận những cánh tay hư hỏng của đường hầm càng ôm lấy mình chặt hơn nữa.

Cơ hoành loạn dâng lên từng đợt như những cơn sóng, đâm vào gan ruột như lưỡi dao băng giá.

Đừng cử động. Cứ ở nguyên đó, cô tự nhủ. Hãy đối diện với nó. Chiến đấu với nó. Cô tin rằng Rhyme đang nói chuyện với cô, lời thì thầm từ giọng nói xa xăm của anh chất chứa đầy băn khoăn, lo lắng hay sốt ruột. Có khi là tất cả những điều trên. Âm lượng tai nghe bị giảm xuống mức câm lặng.

Hít thở đi nào.

Cô thực hành. Hít vào, thở ra. Mắt mở to nhìn vào cái đĩa ánh sáng trước mặt, niềm vui đang còn cách cả dặm phía trước. Không, không phải thế. *Bằng chứng*. Tìm kiếm bằng chứng. Đó là công việc của cô. Cô nhìn chăm chăm vào một cái vỏ kim loại nằm cách đó vài phân.

Vậy là cái vòi sợ hãi bắt đầu rời ra. Không biến mất hoàn toàn. Nhưng nó lỏng lẻo hơn.

Được rồi. Cô tiếp tục bò trong đường hầm, đẩy con lăn để hút dư chất, thu thập những mẫu vụn, cố tình di chuyển chậm hơn lúc này.

Rốt cuộc đầu cô cũng ló ra ngoài. Rồi đến hai vai.

Như đang ra đời, cô cười với chính mình một cách yếu ớt và chớp mắt để mờ hôi rơi khỏi mắt.

Cô nhanh chóng lộn người vào trong đường hầm to hơn; nếu phải so sánh thì nơi này trông giống như một sảnh hòa nhạc. Cô cúi xuống và rút khẩu Glock ra.

Nhưng không có kẻ đột nhập nào đang chĩa họng súng vào cô, ít nhất là trong không gian trước mắt. Ánh đèn rơi vào cái xác đang làm cô chói mắt, và có thể có hiểm họa nào đó quanh quẩn trong bóng tối, nhưng cô đã ngay lập tức chĩa đèn Maglite về hướng ấy. Không có mối đe dọa nào.

Sachs đứng dậy và kéo chiếc túi đồ nghề ra khỏi đường hầm. Cô nhìn quanh và nhận thấy bản đồ trong dữ liệu của Rhyme đã chính xác. Đường hầm này rất giống một cột khoan trong hầm mỏ, rộng khoảng một mét tám.

Nó biến mất trong bóng tối ở mé phía tây. Cô biết rằng từ một thế kỉ trước nó đã được dùng để vận chuyển các xe hàng hóa đi ra đi vào các nhà máy và kho. Giờ đây những lối đi ẩm ướt, mốc meo này chỉ còn là một phần của cơ sở hạ tầng trong thành phố New York. Trên đầu cô là những cái ống to dùng và những cái ống nhôm, ống PVC nhỏ hơn, chắc dành cho cáp điện, chạy qua những cái hộp kỹ thuật cũ kỹ xước xát. Những đường dây mới hơn trở ra từ những chiếc hộp màu vàng sáng cài khóa dày cộp. Trên đó có khắc hàng chữ *IFON*. Cô không biết nó có nghĩa là gì. Những cái ống thép in hàng chữ *NYC DS* và *NYC DTP* - Bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường, các cơ quan của thành phố xử lí hệ thống nước thải và cấp nước.

Cô nhận ra xung quanh hoàn toàn im lặng và bật âm lượng điện đàm lên.

“Chuyện quái quỷ gì thế?”

“Xin lỗi anh, Rhyme,” Sachs nói. “Em phải tập trung ấy mà.”

Anh im lặng một lát rồi có vẻ đã hiểu ra - việc cô đang phải vật lộn với cái giỏ bánh mì. “Được rồi. Nào. Hiện trường đã an toàn đấy chứ, theo chỗ em thấy?”

“Hiện trường trực tiếp.” Căn hầm đã bị bịt kín ở đầu phía đông nhưng cô lại liếc lần nữa vào bóng tối ở đầu phía tây.

“Em quay một trong mấy cái đèn chữa vào hướng ấy. Nó sẽ làm lóa mắt bất kì kẻ nào định nhắm vào em. Và em sẽ trông thấy hắn đang bước tới trước khi hắn trông thấy em.”

Những cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã mang theo hai chiếc đèn halogen đặt trên giá ba chân, nối với hai cục ắc-quy to. Cô xoay một cái về hướng Rhyme vừa bảo và nheo mắt trong lúc quan sát đường hầm kéo dài.

Không có dấu hiệu nguy hiểm.

Sachs hi vọng sẽ không có vụ đấu súng nào. Cái ống lớn trên đầu cô chắc vừa được lắp đặt - nó có dòng chữ *DEP* - và có vẻ làm bằng sắt dày; những loạt đạn đầu tròn từ khẩu Glock của cô sẽ không chọc thủng được lớp kim loại. Nhưng nếu thủ phạm quay lại với những khẩu súng tự động, có thể hắn sẽ thủ sẵn loại đạn xuyên giáp có thể làm thủng đường ống. Cô tưởng tượng với áp lực nước khổng lồ bên trong nó, một lỗ thủng có thể tạo ra cả một vụ nổ như quả bom nhiệt dẻo.

Và kể cả nếu hắn chỉ mang đạn thường, những viên đạn nảy từ kim loại lên đá, lên tường gạch bật lại cũng có khả năng sát thương không khác gì phát đạn trực tiếp.

Cô lại nhìn vào đường hầm lần nữa và không thấy có cử động nào.

“An toàn rồi, Rhyme.”

“Tốt lắm. Vay vào việc thôi.” Anh đã trở nên sốt ruột.

Sachs cũng vậy. Cô muốn thoát ra khỏi đây.

“Bắt đầu với nạn nhân.”

Cô ấy không chỉ là một nạn nhân, Rhyme, Sachs nghĩ. Cô gái có một cái tên. Chloe Moore. Cô là một nhân viên bán hàng hai mươi sáu tuổi của một cửa tiệm thời trang bán thứ quần áo vẫn còn vải thừa bên ngoài đường may. Cô làm với mức lương dưới trung bình vì cô đã trở nên mê muội bởi New York. Bởi nghề diễn viên. Bởi cái tuổi hai mươi sáu. Và Chúa phù hộ cô vì điều đó.

Cô không đáng phải chết. Nhất là cái chết như thế này.

Sachs đeo sợi dây thun cao su vào đế ủng của mình để phân biệt dấu chân cô với dấu vết của thủ phạm và những cảnh sát đầu tiên - cô sẽ chụp ảnh đế giày họ sau để dùng làm mẫu đối chứng.

Cô tiến lại gần thi thể. Chloe đang nằm ngửa, áo sơ mi của cô ấy bị kéo lên ngay dưới viền ngực. Sachs để ý thấy ngay cả khi đã chết, khuôn mặt tròn trịa, xinh đẹp của cô gái vẫn bị biến dạng do căng cơ, trông như cô đang nhăn mặt vậy. Nó là bằng chứng rõ ràng của cơn đau mà cô ấy đã phải chịu đựng, cơn đau dẫn tới cái chết. Miệng Chloe sùi bọt mép và cô ấy đã nôn ra rất nhiều thứ. Mùi nôn thật kinh khiếp. Sachs thầm gạt chuyện ấy ra khỏi đầu.

Hai bàn tay Chloe đặt bên dưới cơ thể, bị trói bằng loại còng rẻ tiền.

Bằng một chiếc chìa khóa vạn năng, Sachs mở được nó. Cổ chân nạn nhân bị trói bằng băng dính. Dùng chiếc kéo phẫu thuật, Sachs gỡ đoạn băng dính và bỏ đoạn nhựa màu xám bụi bặm vào túi. Cô gọt bên dưới đầu móng tay đã tím sẫm của cô gái trẻ, để ý thấy những sợi vải và các vẩy màu trắng.

Có lẽ cô ấy đã chiến đấu với hắn và nếu thật như vậy thì những mẫu dư chất vô giá, thậm chí cả mẫu da, có thể nằm ở đây; nếu kẻ giết cô gái có trong cơ sở dữ liệu DNA CODIS, họ sẽ tìm được danh tính của hắn chỉ trong vài giờ.

Rhyme bảo, “Anh muốn xem hình xăm, Sachs.”

Sachs nhìn thấy một hình xăm nhỏ màu xanh trên cổ Chloe, nó nằm bên phải gần vai cô, nhưng đó là hình cũ từ lâu rồi. Bên cạnh nó, cô dễ dàng trông thấy hình vẽ tên sát nhân đã làm. Cô quỳ xuống và căng mắt, gí camera gần bụng Chloe.

“Nó đây, Rhyme.”

Nhà tội phạm học thì thầm, “Lời nhắn của hắn. À, *một phần* lời nhắn.

Em nghĩ nó có nghĩa là gì?”

Nhưng Sachs nhận ra, với những chữ cái rời rạc này, chắc đó chỉ là câu hỏi tu từ.

Hai từ ấy kéo dài khoảng mười tám phân và chạy ngang bụng cô gái, phía trên rốn khoảng ba phân.

Mặc dù có lẽ hẳn đã dùng chất độc chứ không phải mực, nhưng vết thương mới tấy, sưng vù và lởm chớm ấy vẫn khá dễ đọc.

the second

“Được rồi,” Rhyme nói, “*Lần thứ hai*. Còn đường viền hình vỏ sò ở trên và dưới. Không biết chúng là cái gì nhỉ?”

Sachs nhận xét, “Chúng không sưng như các chữ cái. Có lẽ trong đó không có chất độc. Trông chúng chỉ như vết thương chứ không phải hình xăm. À, Rhyme này, nhìn vào các chữ cái xem.”

“Xem chúng được vết đẹp thế nào à?”

“Chính xác. Thư pháp. Hẳn giỏi đấy. Hẳn biết việc mình đang làm.”

“Và còn một điểm nữa. Chắc hẳn việc này phải mất thời gian. Hẳn hoàn toàn có thể viết vội. Hay tiêm thẳng chất độc vào cô ấy. Hoặc bắn chết luôn cũng xong. Trò chơi của hẳn là gì?”

Sachs chợt nghĩ. “Và nếu việc ấy kéo dài lâu, có nghĩa là cô ấy phải chịu đau đớn một thời gian dài.”

“Phải, em có thể thấy phản ứng đau đớn nhưng anh có cảm giác là sau này cô ấy mới phải chịu đau. Không thể có chuyện cô ấy tỉnh táo trong lúc hẳn đang viết thông điệp được. Kể cả nếu cô ấy có không cố trốn thoát thì những cử động vô ý thức cũng sẽ làm hỏng tác phẩm của hẳn. Không, hẳn đã khống chế cô ấy bằng cách nào đó. Trên đầu có vết thương nào không?”

Cô xem xét đầu của cô gái thật cẩn thận và nhìn dưới áo sơ mi của cô ấy, cả mặt trước lẫn mặt sau. “Không. Và em không thấy dấu hiệu gì của súng Taser cả. Không có vết phỏng nào của súng điện... À nhưng Rhyme, anh thấy không?” Cô chỉ vào một chấm đỏ nhỏ xíu trên cổ cô gái.

“Vết tiêm à?”

“Em nghĩ vậy. Em đang đoán là thuốc mê, không phải thuốc độc.

Không có dấu hiệu bị sưng hay tổn thương nào thường thấy do chất độc gây ra.”

“Xét nghiệm máu sẽ cho chúng ta biết.”

Sachs chụp ảnh vết thương rồi cúi xuống thăm vùng da ấy cẩn thận để lấy được dấu vết. Sau đó cô làm tương tự với phần còn lại trên cơ thể cô gái và mặt đất quanh cô. Gần như chắc chắn một thủ phạm tinh ranh như thế này sẽ mang găng tay - nhìn bên ngoài thì rõ là như vậy. Tuy nhiên những bằng chứng vô giá vẫn có thể bị truyền sang nạn nhân hoặc hiện trường, kể cả từ một kẻ đeo găng tay và mặc đồ bảo hộ đi chẳng nữa.

Edmond Locard, một nhà tội phạm học người Pháp sống ở thế kỉ trước đã tổng kết lại Quy tắc Trao đổi rằng: mỗi lần có một tội ác xảy ra, luôn có sự trao đổi vật chứng giữa tội phạm và hiện trường, hoặc tội phạm và nạn nhân. Vật chứng ấy (mà ông nhắc tới dưới tên “bụi”) có thể vô cùng khó phát hiện và thu thập nhưng nó vẫn tồn tại, nó dành cho một nhà khoa học pháp y thông thái và sáng tạo.

“Có gì đó lạ lắm, Rhyme.”

“Lạ à?” Có chút khinh khỉnh với từ ngữ bình dân ấy. “Nói tiếp đi, Sachs.”

“Em chỉ đang dùng một trong hai cái đèn rọi của cảnh sát - chiếc kia đã chĩa vào đường hầm rồi. Nhưng trên mặt đất lại có hai cái bóng.” Cô nhìn lên và đi một vòng chậm rãi để nhìn cho rõ. “A, có một cái đèn nữa gần với trần, nằm giữa hai cái ống ấy. Trông nó giống một cây đèn pin.”

“Không phải do những cảnh sát đầu tiên bỏ lại à?”

“Cảnh sát hay nhân viên y tế nào mà lại bỏ đèn Maglite của họ chứ?”

Những chiếc đèn pin màu đen mà tất cả cảnh sát và lính cứu hỏa mang theo bên mình là vật vô giá - nó mang lại nguồn sáng tốt và còn được dùng như một vũ khí ghê gớm, có thể đập gãy cả xương.

Nhưng cô để ý thấy nó không phải là một trong những loại đắt tiền đó.

Chiếc đèn này rẻ tiền, làm bằng nhựa.

“Nó được dán vào ống. Băng dính. Sao hử lại để lại cái đèn ở đây nhỉ, Rhyme?”

“Hóa ra là vậy.”

“Cái gì cơ?” cô hỏi.

“Đó là cách mà người quản lí cửa hàng tìm được cái xác. Cây đèn pin.

Thủ phạm của chúng ta muốn đảm bảo là chúng ta tìm được thông điệp từ nhà tài trợ.”

Sachs thấy lời lẽ của anh có vẻ cợt nhả nhưng cô vẫn luôn nghi ngờ rằng đa phần thái độ cục cằn và những lời châm biếm của Rhyme chỉ là một cơ chế tự phòng vệ. Tuy nhiên, cô tự hỏi phải chăng anh đã nâng cao tầm rào chắn của mình hơn mức cần thiết.

Cô không thích bao bọc trái tim mình nhiều như thế.

“Em sẽ thu thập nó cuối cùng,” Sachs bảo anh. “Từng chút ánh sáng đều đáng quý.”

Sau đó cô bắt đầu kẻ ô vuông, cách gọi của Rhyme cho việc khám nghiệm hiện trường. Đây là cách tiếp cận toàn diện nhất để tìm kiếm vật chứng và đánh giá những sự kiện đã xảy ra. Kỹ thuật này bao gồm việc chậm rãi đi

ngang hiện trường, rồi vẫn giữ trục đó và bước sang trái hoặc phải một bước rồi quay lại đầu bên kia. Làm việc này liên tục đến khi đã đi hết toàn bộ không gian. Sau đó hãy quay một góc chín mươi độ và làm lại toàn bộ các bước một lần nữa, theo hướng vuông góc. Giống như cắt cỏ hai lần vậy.

Mỗi bước chân bạn sẽ dừng lại để nhìn sang hai bên và từ trên xuống dưới.

Bạn cũng phải ngửi mùi nữa, mặc dù trong trường hợp này Sachs không thể phát hiện được gì ngoài mùi nôn của Chloe. Không có cả mùi metan lẫn mùi phân, điều này làm cô ngạc nhiên khi nghĩ đến việc một trong mấy cái ống ở đây nối với hệ thống xử lí nước thải của thành phố.

Cuộc kiểm tra không thu được gì nhiều. Dù thủ phạm có mang đến đồ vật gì đi nữa, hẳn cũng đã mang đi - ngoài cây đèn pin, còng tay và những sợi băng dính. Cô cũng tìm được một vật, một mẫu giấy vàng nhạt bị vo viên.

“Cái gì đó, Sachs? Anh nhìn không rõ lắm.”

Cô giải thích.

“Cứ để nó như thế đi; chúng ta sẽ mở ra ở đây. Biết đâu có dấu vết gì bên trong. Không biết nó có phải của cô ấy không.”

Cô ấy. Nạn nhân.

Chloe Moore.

“Hoặc có thể là từ thủ phạm, Rhyme,” Sachs nói thêm. “Em đã tìm thấy những sợi trông giống như báo in hoặc giấy bên dưới móng tay của cô ấy.”

“A, có thể hữu ích đấy. Họ đã vật lộn à? Có phải cô ấy đã tóm được gì đó của hắn? Hoặc *hắn* muốn thứ gì từ cô ấy và giật nó ra khỏi ngón tay của Chloe - trong lúc cô ấy cố bám lấy nó? Câu hỏi, câu hỏi, câu hỏi.”

Dùng thêm những cái lăn dính và chiếc máy hút bụi cầm tay loại nhỏ, Sachs tiếp tục cuộc tìm kiếm. Một khi đã đóng túi và dán nhãn những mẫu vật này, cô sẽ dùng một máy hút khác và một cây lăn mới để thu thập vết tích từ

những chỗ ở xa nhất có thể từ nơi Chloe đang nằm và nơi nghi phạm đã bỏ đi. Những thứ đó được gọi là mẫu so sánh - vật chất tự nhiên từ khu vực này. Nếu phân tích trong phòng thí nghiệm cho thấy gì đó, chẳng hạn loại đất giàu cao lanh gần một trong những dấu chân của nghi phạm mà nó lại không khớp với mẫu vật so sánh, họ có thể kết luận rằng nhiều khả năng hãn sống hay làm việc hay có mối liên hệ nào khác với một địa điểm đầy đất sét. Một bước nhỏ tiến đến việc tìm thủ phạm... nhưng vẫn là bước tiến.

“Anh không thấy có nhiều dấu giày hay ủng lấm, Sachs.”

Cô đang nhìn xuống chỗ hãn đã đứng hoặc đi lại. “Em có thể tìm được vài dấu nhưng chúng không giúp ích nhiều đâu. Hãn mang cả bao giày.”

“Thôi nào, người anh em,” nhà tội phạm học lẩm bẫm.

“Em sẽ lăn chỗ dấu chân để tìm dấu vết nhưng chụp tĩnh điện cũng không ích gì đâu.”

Cô đang nhắc đến việc dùng những bản nhựa để lấy dấu giày, giống như cách người ta lấy dấu vân tay vậy. Kết quả mẫu đế giày không chỉ gợi ý cỡ giày mà còn có thể xuất hiện trong bộ dữ liệu khổng lồ về các loại giày dép mà Rhyme đã tạo ra nhiều năm trước ở NYPD. Đến tận bây giờ cơ sở dữ liệu ấy vẫn được duy trì.

“Và em phải nói chính hãn cũng mang theo một cây lăn có băng dính.

Có vẻ như hãn đã quét nhiều nhất có thể.”

“Anh ghét nhất bọn tội phạm thông minh.”

Không, anh không ghét, Sachs trộm nghĩ. Anh chỉ ghét bọn ngu ngốc thôi. Những kẻ xấu thông minh luôn là một thách thức và thú vị hơn nhiều.

Sachs đang cười bên dưới khẩu trang N95. “Em sắp tắt tiếng đây, Rhyme.

Kiểm tra các đường ra và vào. Lỗ cống.”

Cô lôi chiếc đèn Maglite của mình ra, bật lên và tiếp tục đi theo đường hầm về phía cầu thang dẫn lên lỗ cống. Cô để ý thấy mình không còn chút đau đớn nào trong xương khớp như đã bị cả thập kỉ nay; cuộc phẫu thuật gần đây đã có tác dụng kì diệu. Chiếc bóng do ánh đèn halogen sau lưng tạo ra đang kéo dài trước mặt cô như dáng hình méo mó của một con rôi. Mặt đất bên dưới lỗ cống ẩm ướt. Điều này càng nhấn mạnh đây chính là cách hắt đã vào và ra khỏi đường hầm. Cô ghi lại thông tin này rồi đi tiếp vào các nhánh tối hơn bên kia.

Mỗi bước chân tiếp theo càng làm cô bất an hơn. Lần này không phải vì chứng sợ chỗ kín - đường hầm này khó chịu nhưng rộng rãi hơn nhiều so với cái lỗ đi vào. Không, sự bất an của cô là do cô đã nhìn thấy tác phẩm của thủ phạm - hình xăm, những vết cắt, thuốc độc. Sự kết hợp giữa trí thông minh, mưu đồ và cách lựa chọn vũ khí kì quái của hắn chỉ ra rằng hắn sẽ rất vui khi nấn ná ở lại và cố ngăn chặn những kẻ truy đuổi mình.

Tay trái cô cầm đèn pin trong khi tay phải quanh quẩn quanh khẩu Glock. Sachs đi tiếp xuống đường hầm ngày càng tối om, lắng nghe tiếng bước chân, hơi thở của kẻ tấn công, tiếng cạch và tạch của những khẩu súng sắp xả đạn hay tiếng gạt chốt an toàn nào đó.

Không có tiếng gì như vậy, mặc dù cô có nghe tiếng rì rầm từ một hai ống dẫn hoặc những chiếc hộp IFON màu vàng, dù chúng là gì đi nữa. Một tiếng ùng ục nhẹ của ống nước.

Rồi một tiếng roạt, một thoáng chuyển động.

Khẩu Glock được rút ra, tay trái nắm chặt đèn Maglite, cánh tay trái đỡ bàn tay cầm súng. Mũi súng hướng theo chiều ánh sáng. Quét, soi.

Ở đâu?

Mồ hôi cô lại túa ra, một tiếng thịch trong tim.

Nhưng lần này rất khác với lần tim đập hoảng loạn vì chứng sợ không gian kín. Nó không phải là nỗi sợ chua chát. Nó là sự háo hức. Đây là cuộc săn. Và Amelia Sachs sống vì cảm giác này.

Cô đã sẵn sàng, ngón tay đã rời chốt an toàn, chuyển sang cò súng nhưng chỉ đặt hờ; cô chỉ mất hơn một hơi thở là khai hỏa khẩu Glock.

Nhìn khắp lượt...

Ở đâu? Ở đâu?

Rắc...

Cô ngồi thụp xuống.

Một chú chuột thập thò chui ra từ sau một cây cột chống, nó nhìn về phía cô với chút lo ngại rồi quay đầu lủi đi.

Cảm ơn may, Sachs nghĩ khi nhìn theo hướng chạy của chú chuột - về phía đầu bên kia đường hầm. Nếu một động vật gặm nhấm có thể thần nhiên đi trên mặt đất như thế thì không có nhiều khả năng cô bị mai phục.

Cô tiếp tục đi. Thêm khoảng sáu mươi mét nữa, cô bắt gặp một bức tường gạch. Không có dấu chân nào ở đây - dù là dấu bình thường hay đi bao giày - vậy là thủ phạm đã không lang thang về phía này. Cô quay lại chỗ cầu thang.

Cô lấy chiếc điện thoại đang cất trong bao nhựa tránh nhiễu hiện trường ra và bật ứng dụng bản đồ GPS. Cô thấy mình đang đứng bên dưới phố Elizabeth, về phía đông, gần một vỉa hè.

Sachs vặn lớn âm lượng tai nghe.

“Em đang ở dưới lỗ cống, Rhyme.” Cô giải thích nó nằm ở đâu và gần như chắc chắn đây là lối hẻm đã vào, bởi vì đất chỗ này khá ẩm. Cô đoán có thể nắp cống đã bị kéo ra trong một vài giờ gần đây. “Dưới này có bùn.”

Một tiếng thở dài. “Nhưng lại không có dấu chân nào. Hiển nhiên rồi.

Chúng ta sẽ để Lon thăm vấn các cửa hàng và căn hộ quanh khu này, xem có ai trông thấy thủ phạm không.”

“Anh sẽ gọi cho anh ta. Và thu luôn cả các đoạn CCTV nữa nếu có.”

Rhyme luôn hoài nghi về các nhân chứng. Anh tin rằng trong hầu hết trường hợp họ đều mang lại nhiều rắc rối hơn là giúp ích. Họ nhìn nhầm, có trí nhớ tồi - dù là vô tình hay cố ý - và họ cũng sợ phải dính vào sự việc.

Một hình ảnh số còn đáng tin cậy hơn nhiều. Tuy nhiên đây không nhất thiết là ý kiến của Sachs.

Cô dùng gạc thăm các thanh ngang lúc trèo lên rồi thả những miếng gạc dính đầy các thứ đó vào túi nhựa đựng bằng chứng.

Ở những bậc thang trên cùng, cô dùng cây lăn lăn mặt dưới của nắp cống, rồi đưa một nguồn sáng thay thế (hay đèn ALS) nhỏ chiếu vào để lấy dấu vân tay trên bề mặt. Nguồn sáng thay thế là những chiếc đèn dùng các màu khác trong dải quang phổ nhìn thấy được (như xanh dương hoặc xanh lục) kết hợp với các bộ lọc để thấy được những hình ảnh không thể nhìn thấy dưới ánh đèn neon hoặc ánh sáng ban ngày. Đèn ALS cũng bao gồm cả ánh sáng không nhìn thấy được, như tia cực tím, nó đảm bảo một vài dấu vết nào đó sẽ phát sáng.

Tất nhiên, lần quét sáng của cô cũng không cho thấy dấu vân tay hay bằng chứng nào khác từ nghi phạm. Cô kiểm tra sức nặng của tấm nắp cống; cô chỉ có thể khẽ dịch chuyển nó một chút. Cô ước chừng nó nặng khoảng năm mươi cân khó đẩy mở nhưng không phải là không thể với một người khỏe mạnh.

Cô nghe thấy tiếng xe cộ đi trên đầu, tiếng *xuych* khi lốp xe nghiêng qua lòng đường ẩm ướt. Cô chiếu đèn thẳng lên, nhìn qua cái lỗ, nơi mà các công nhân gài móc vào để kéo nắp cống lên. Tự hỏi ở đây liệu có biểu tượng nào

gợi ý cho họ về một nhãn hiệu hay công cụ đặc biệt mà thủ phạm đã dùng hay không. Không có gì.

Đúng lúc ấy, một con mắt xuất hiện qua cái lỗ.

Chúa ơi... Sachs thở dốc.

Cách đó vài phân, trên con phố phía trên cô, ai đó đang ngồi xổm và nhìn xuống cô qua cái lỗ nhỏ trên nắp cống. Trong một giây không có gì xảy ra; rồi con mắt ấy hẹp lại, như thể ai đó - cô cảm giác đó là đàn ông -

khẽ nheo mắt. Có thể là đang cười, có thể là lo sợ, hay tò mò tại sao lại có ánh đèn pin chiếu ra từ bên dưới một nắp cống ở SoHo.

Cô quay người ngay lập tức vì nghĩ hẳn đang có một họng súng lục vào cái lỗ và bắt đầu bắn. Chiếc đèn Maglite rơi xuống khi cô dùng cả hai tay bám lấy bậc thang để khỏi ngã.

“Rhyme!”

“Sao thế? Có chuyện gì? Em đang di chuyển nhanh quá.”

“Có ai đó bên trên nắp cống. Anh đã gọi Lon chưa?”

“Vừa xong. Em nghĩ đó là thủ phạm à?”

“Có thể. Gọi tổng đài đi! Cử ai đó đến phố Elizabeth ngay lập tức!”

“Anh đang gọi đây, Sachs.”

Cô ấn một tay dưới đáy nắp cống và đẩy lên. Một. Hai. Dùng tất cả sức lực.

Phiến thép nhấc lên chừng hai phân. Nhưng không hơn.

Rhyme nói, “Anh gọi được Lon rồi. Anh ta đang cử các cảnh sát đến.

Cả đội ESU* nữa. Họ đang trên đường, sắp tới nơi.”

“Em nghĩ hẳn đi rồi. Em đã thử mở cái nắp, Rhyme. Không mở được.

Chết tiệt. Em không mở được. Em đã nhìn thẳng vào hắn. Chắc chắn là thủ phạm đấy. Làm gì có ai tự dừng quỳ xuống giữa đường rồi nhìn qua nắp cống trong một ngày như hôm nay chứ?”

Cô thử một lần nữa, nghĩ rằng có thể hắn đã đè lên cái nắp và chính việc đó đã ngăn cô đẩy nó ra. Nhưng không phải, chỉ bằng một bàn tay của cô thì không tài nào di chuyển nổi cái nắp.

Khỉ thật.

“Sachs?”

“Nói đi.”

Rhyme nói, “Một cảnh sát đã trông thấy ai đó trên nắp cống, hắn mặc chiếc áo khoác ngắn màu xám đậm và đội mũ len trùm đầu. Hắn đã bỏ chạy. Biến mất trong đám đông trên phố Broadway. Nam da trắng. Khổ người gầy đến trung bình.”

“Chết tiệt!” Cô lẩm bẩm. “Chính là hắn! Nếu không sao phải bỏ chạy?”

Bảo ai đó đẩy cái nắp lên đi, Rhyme!”

“Nghe này, có khá nhiều người đang đuổi theo hắn rồi. Em cứ tiếp tục kẻ ô vuông. Đó mới là ưu tiên của chúng ta.”

Tim cô đập thình thịch, cô đẩy lòng bàn tay vào nắp cống lần nữa. Dù vô lí nhưng cô vẫn tin rằng nếu mình có thể trồi lên mặt đất, cô sẽ tìm được hắn, kể cả khi người khác không thể.

Cô đã trông thấy mắt hắn. Cô đã trông thấy cái mi mắt nheo lại ấy.

Cô tin rằng thủ phạm đã cười với cô, chọc tức cô bởi cô không đẩy nổi cái nắp cống.

Đồng tử của hắn màu gì? Cô tự hỏi. Xanh lá, xám hay nâu? Cô đã không nghĩ đến chuyện ghi nhớ màu mắt. Sơ suất này làm cô tức điên.

“Anh vừa chợt nghĩ ra một chuyện.” Rhyme mang cô quay lại hiện thực.

“Chuyện gì?”

“Chúng ta biết đó là cách hấn đã vào trong đường hầm - chui qua lỗ cống. Và điều đó có nghĩa là hấn phải làm giả một khu vực đang thi công.

Hấn sẽ phải dựng chóp ngăn và khoanh vùng bằng băng dính hay một dạng rào chắn gì đó. Cái đó có thể xuất hiện trên video.”

“Hoặc một nhân chứng có thể đã trông thấy.”

Sachs trèo xuống thang và quay lại với nạn nhân.

Cô đã khám nghiệm nhanh việc có hay không tội ác tình dục với cơ thể Chloe nhưng giờ cô đang dùng đèn ALS chiếu trên cô gái để tìm các dấu vết của một trong ba chữ S xuất hiện trong hầu hết các vụ tấn công tình dục - tinh trùng (semen) , mồ hôi (sweat) và nước bọt (saliva).

Dù không có cả ba thứ trên nhưng rõ ràng là hấn đã dùng những ngón tay đeo găng chọc vào da cô gái - hay ít nhất là vùng bụng, cánh tay, cổ và khuôn mặt cô. Các phần khác trên cơ thể không có biểu hiện gì của việc đụng chạm.

Cô dùng đèn chiếu trên phần còn lại của hiện trường - từ cái lỗ cống đến giỏ bánh mì - nhưng không tìm được gì.

Cô chỉ còn mỗi một việc phải làm là lấy chiếc đèn pin mà nghi phạm đã bỏ lại như một ngọn hải đăng.

“Sachs,” Rhyme gọi.

“Em nghe?”

“Sao chúng ta không nhờ các công nhân thành phố mở nắp cống và em sẽ đi ra bằng đường ấy nhỉ? Đằng nào em chẳng phải kiểm tra chỗ ấy trên phố.

Chúng ta biết đó là cách hấn đi xuống - và hấn lại vừa ở đó khoảng năm phút trước. Có thể có chút dấu vết nào đó.”

Nhưng cô biết là anh đang gợi ý điều này để cô có thể tránh được đường hầm nhỏ hơn.

Chiếc quan tài hình ống...

Sachs nhìn lại cái dạ dày đen sì kia. Giờ trông nó còn nhỏ hơn nữa.

“Cũng hay đấy, Rhyme. Nhưng em nghĩ em sẽ ra bằng đường đã đi vào.”

Cô đã bị nổi sọt đánh bại một lần; cô sẽ không để nó chiến thắng lần này.

Dùng một chỗ mép tường chìa ra để làm bàn đạp, cô bước lên đó và đẩy mình lên ngang tầm với chiếc đèn pin của nghi phạm. Cô lôi kéo phẫu thuật từ trong túi ra và cắt cái băng dính.

Trong lúc kéo nó xuống, cô làm rơi ra một vốc bụi màu xám, mà đột nhiên cô hiểu ra đó chính là cái bẫy thủ phạm đã gài để dành cho các cảnh sát khám nghiệm hiện trường. Đó là lí do hấn để lại ánh sáng! Thứ bụi ấy rơi thẳng vào mắt cô và trong lúc cuống cuồng gạt nó đi, cô đã làm tung chiếc khẩu trang N95 và hít trọn một hơi chất độc.

“Không!”

Cô ho sặc sụa và càng nuốt vào thêm chất bột cay xè. Ngay lập tức cơn bồng rất bắt đầu. Cô ngã ra đất và lao đảo lúi lũi, suýt vấp vào xác Chloe.

Giọng Rhyme đang vang trong tai cô. “Sachs! Cái gì đó? Anh không thấy gì cả.”

Cô vật lộn để hít vào, để loại bỏ chất độc khỏi hai lá phổi. Những lưỡi câu đang đốt cháy khí quản, mắt và mũi cô. Cô lệt mặt nạ ra và nhổ nước bọt, biết rằng mình đang làm nhiều hiện trường nhưng cô không thể dừng lại được.

Rhyme đang hét lên. Cô không nghe được rõ ràng nhưng cô tin rằng anh đang nói, có thể là vào điện thoại của mình, “Cho nhân viên y tế xuống đó! Ngay bây giờ!” Và “Tôi không quan tâm.” Và “Kiểm chế độ. Nhanh lên.” Nhưng rồi cô không còn nghe gì nữa ngoài tiếng nôn ọe của chính mình.

Trên đường về xưởng của mình trên phố Canal, phía tây Chinatown, Billy Haven lại nghĩ về Cô gái Đáng yêu, sau khi những kí ức về khuôn mặt, giọng nói, cái chạm của cô hiện hiện quá rõ ràng trong suốt quá trình hăm xăm cho Quý cô Tự phụ bé nhỏ, Chloe.

Hắn đang nghĩ đến những chữ cái mình đã vẽ: *lần thứ hai*. Cả đường viền nữa.

Phải, một tác phẩm đẹp.

Một Mẫu của Billy.

Hắn đã thay bộ quần áo bảo hộ, có thể nó đã dính phải chất độc (sao phải mạo hiểm?) và nhét nó vào một cái túi đựng rác. Rồi ném vào một thùng Dumpster cách xa cửa hàng quần áo. Hắn đang mặc bộ quần áo thường ngày bên dưới: quần bò đen, găng tay da cũng màu đen. Chiếc áo khoác len màu xám đậm. Nó ngắn thôi - chỉ đến giữa đùi. Đủ ấm nhưng không quá dài để biến thành trở ngại nếu hắn phải chạy trốn kẻ nào đó, việc này thì Billy hiểu rất rõ là nhiều khả năng sẽ xảy ra trong một vài ngày tới.

Trên đầu hắn, chiếc mặt nạ trượt tuyết bằng len đã được gấp gọn lại thành mũ trùm. Trông hắn chẳng khác gì một thanh niên nào đó ở Manhattan đang trên đường quay về căn hộ của mình dưới cơn mưa buốt giá, lưng khom xuống vì lạnh.

Cô gái Đáng yêu...

Billy nhớ lại lần đầu tiên gặp cô, từ nhiều năm trước. Thực ra đó là một bức ảnh, thậm chí còn không phải người thật việc thật. Nhưng hắn đã phải lòng cô gái - phải, phải, yêu từ cái nhìn đầu tiên. Không lâu sau đó bà dì của hắn đã nhận xét, “Ồ, cô gái đáng yêu quá. Cháu có thể gặp đứa xấu hơn con bé nhiều.”

Billy đã ngay lập tức lấy đó làm biệt danh cho tình yêu của mình.

Cô gái với làn da trắng ngần xinh đẹp.

Nheo mắt trước thời tiết tệ hại - ngọn gió thổi bạt những vụn băng và nước mưa buốt lạnh vào mặt hăn - Billy kéo chiếc áo khoác chặt hơn vào quanh mình. Tập trung vào việc tránh những mẩu băng tuyết. Một việc khó khăn.

Hăn kết thúc công việc với Chloe trong đường hầm bên dưới tiệm quần áo đã được mấy tiếng đồng hồ. Hăn đã nán lại khu vực ấy, dù luôn ở trong bóng râm, để ngó nghiêng cảnh sát. Ai đó đã gọi 911 chỉ năm phút sau khi Billy trèo lên từ lỗ cống trên phố Elizabeth. Cảnh sát đã kéo cả đàn đến và Billy kiểm tra quy trình của họ. Hăn đã quan sát và thăm ghi nhớ vài điều mà sau đây hăn sẽ viết lại. Tất nhiên những Điều răn Biển cả không được trình bày như trong Kinh Thánh. Nhưng nếu có, thì hăn một trong số chúng sẽ là: *Hiểu thấu kẻ thù của ta như chính ta.*

Lê bước tiến lên thật cẩn thận. Hăn còn trẻ và khỏe mạnh, dù gầy gò nhưng hăn không dám để mình bị ngã. Một cánh tay gãy sẽ là thảm họa.

Xưởng làm việc của Billy không xa địa điểm vụ tấn công mấy nhưng hăn đã đi bộ đường vòng về nhà, đảm bảo không ai trông thấy mình gần lỗ cống và đi theo.

Hăn đi vòng quanh tòa nhà một lần, rồi hai lần chỉ để cho an toàn, và quay về với tòa nhà xấu xí. Trước đây nó vốn là một nhà kho bốn tầng xây trên đất lấn chiếm, giờ thì trở thành một khu nhà gần giống nhà ở. Rốt cuộc chúng ta đang nói đến bất động sản ở New York mà. Hăn đã trả tiền mặt để thuê nhà ngắn hạn, rất nhiều tiền mặt. Tay đại lí đã nhận tiền kèm một nụ cười và biết ý không hỏi thêm một câu nào.

Dù có hỏi cũng chẳng sao cả. Hăn đã chuẩn bị sẵn một câu chuyện đáng tin, kèm cả giấy tờ giả chứng minh.

Mi phải ghi nhớ câu chuyện giả của mình.

Sau khi xác nhận via hè không có người, Billy đi xuống một bậc thang ngắn tới cửa trước nhà mình. Ba tiếng lạch cạch trên ba ổ khóa và hẫ hẫ vào trong, vậy là nhạc nền của hẫ hẫ đã được thay đổi từ những tiếng còi của các tài xế khó chịu khi bị kẹt trong Chinatown bởi thời tiết xấu thành những tiếng xình xịch và nghiêng phanh ken két của các khoang tàu điện ngầm chạy ngay bên dưới nơi ở của hẫ.

Âm thanh từ lòng đất. Thật dễ chịu.

Billy bấm công tắc và ánh sáng xanh xao lấp đầy không gian bảy nhân bảy mét - một sự kết hợp của phòng khách/ phòng ngủ/ bếp/ mọi thứ khác.

Căn phòng cũng mang hơi hướng của một hầm ngục. Một bên tường trơ ra lớp gạch thô, những bức tường còn lại chỉ được trát nửa vôi. Hẫ cũng thuê một căn hộ khác ở tím mạn bắc thành phố, một ngôi nhà an toàn mà hẫ định sẽ dành nhiều thời gian ở đó hơn là ở nơi này trong lúc làm nhiệm vụ Biển cải, nhưng hóa ra xưởng còn thoải mái với hẫ hơn cả căn nhà an toàn. Căn nhà kia bốc mùi giữa một con phố đông đúc đầy những kẻ mà hẫ khinh bỉ.

Chiếc ghế băng đang bày đầy mắt kính, sách vở, xi lanh, các bộ phận của máy xăm, túi nhựa và dụng cụ. Hàng chục cuốn sách về chất độc và hàng ngàn tài liệu tải từ Internet, có cái hữu ích có cái không. Cuốn Hướng dẫn thực địa về các loài cây có độc được minh họa phong phú nhưng lại không có lượng thông tin hữu ích nhiều như một trang blog ngầm có tên Hạ ngục chúng: Một tá công thức chết người dành cho khi cách mạng tới và ta phải chiến đấu!

Tất cả đều được sắp xếp gọn gàng trong khoang làm việc, giống như phòng xăm của hẫ ở nhà vậy. Góc phía xa của căn phòng ngập chìm trong thứ ánh sáng màu tím đang chiếu xuống tám cái bể ương cây. Hẫ đi đến đó và quan sát các cây mọc bên trong. Lá và hoa của chúng làm hẫ dịu lòng, chúng quá giống các cây ở nhà. Màu hồng, trắng, tím và xanh lá với cả ngàn sắc độ. Những màu sắc ấy chiến đấu với tông màu trầm u ám của thành phố, cứ mỗi phút bầu không khí ganh ghét của nơi này lại siết chặt lấy trái tim Billy

Haven. Một chiếc vali đựng quần áo và đồ vệ sinh cá nhân. Một cái túi tập gym chứa vài ngàn dollar, tuy chúng được sắp xếp theo mệnh giá nhưng đều đã nhăn nheo cũ kỹ và không thể lần theo dấu vết được.

Hắn tưới nước cho cây và dành thêm vài phút để vẽ nốt bức phác họa một trong số chúng. Cái cây có hình dáng lá và cành khá thú vị. Dù là một người đã vẽ vờ suốt cả đời, đôi khi Billy vẫn tự hỏi cái thôi thúc ấy từ đâu mà ra. Đôi khi hắn *phải* lôi bút chì hay sáp màu ra và chuyển tải một thứ gì đó từ cuộc sống, một thứ hữu hạn, thành một thứ không có kết thúc. Một thứ sẽ tồn tại mãi mãi.

Hắn đã kí họa Cô gái Đáng yêu tới cả ngàn lần.

Lúc này chiếc bút chì lăn lóc trong bàn tay hắn và hắn để dở dang một nhánh cây, ném tấm bìa sang một bên.

Cô gái Đáng yêu...

Hắn không thể nghĩ về cô mà không nghe thấy giọng nói trầm thấp u buồn của ông chú. “Billy. Có chuyện ta cần nói với cháu.” Ông đã nắm cả hai bên vai hắn và nhìn sâu vào mắt hắn. “Đã có chuyện xảy ra.”

Và chỉ bằng vài lời đơn giản nhưng khủng khiếp ấy, hắn biết là cô đã ra đi.

Cha mẹ Billy cũng đã ra đi - mặc dù họ đã chết từ nhiều năm về trước và hắn đã quen với sự mất mát ấy.

Cô gái Đáng yêu ư? Không, không bao giờ.

Cô sẽ là bạn đồng hành của hắn mãi mãi. Cô sẽ thành vợ hắn, mẹ của các con hắn. Cô sẽ là người cứu rỗi hắn khỏi quá khứ, khỏi tất cả những xấu xa, khỏi Phòng Trú đào.

Ra đi, chỉ như thế thôi.

Nhưng hôm nay hắn không nghĩ quá nhiều về tin tức khủng khiếp ấy, không nghĩ về sự bất công đã xảy ra ấy, mặc dù những gì đã xảy ra quả thực là bất

công.

Và hẳn không nghĩ về sự độc ác ấy, dù việc đã xảy ra đúng là độc ác.

Không, vào giây phút này, sau khi hoàn tất hình xăm cho Chloe, Billy nghĩ rằng mình đang trên đường hướng tới tận cùng của nỗi đau.

Biến cải đang được tiến hành.

Billy ngồi bên chiếc bàn ọp ẹp trong khu bếp của căn hộ dưới tầng hầm và lôi từ túi áo ra vài trang trong cuốn sách hẳn tìm được vào sáng hôm đó.

Hắn đã phát hiện ra cuốn sách đó nhiều tuần trước và biết là mình cần một bản để hoàn tất kế hoạch Biến cải của mình. Cuốn sách đã không còn xuất bản, mặc dù hẳn đã tìm được vài bản sao có thể mua trên mạng qua những nhà sách cũ. Nhưng cũng không thể đặt hàng bằng thẻ tín dụng và cho chuyển nó tới nhà mình được. Vì thế Billy phải tìm trong các cửa hàng sách cũ và thư viện. Có hai bản trong Thư viện Công cộng thành phố New York nhưng chúng lại không nằm trên giá như đáng lẽ phải thế, kể cả ở chi nhánh Trung Manhattan lẫn chi nhánh vệ tinh ở Queens.

Nhưng hẳn đã cố một lần nữa, sớm hôm nay, trong lúc ngẫu hứng quay lại thư viện trên Đại lộ Năm.

Và nó ở đó, được cất lại trên giá và nhập hệ thống Thập phân [Dewey*](#).

Hắn kéo quyển sách từ trên giá xuống và đứng vào một góc khuất để đọc lướt.

Hệ thống phân loại dành cho việc quản lí đầu sách trong một thư viện dựa trên phân chia toàn bộ kiến thức thành mười nhóm, mỗi nhóm lại được gán 100 số.

Hắn đã để ý thấy cuốn sách này viết rất dở từ lúc đọc vội trong lối đi ở thư viện. Một cái bìa sách ngớ ngẩn với ba màu đen, trắng, đỏ. Cả phong cách lẫn hình minh họa đã giải thích lí do vì sao nó không được nổi bản.

Nhưng nội dung cuốn sách? Chính là thứ mà hắn cần, nó đã điền vào các phần trống trong kế hoạch đúng như cái cách những mũi kim đầu dẹt và đầu tròn điền vào khoảng trống giữa các đường viền của một hình xăm.

Billy đã lo lắng về việc mang cuốn sách ra khỏi thư viện - tất nhiên hắn không thể đăng kí mượn mang về. Và gần các máy phôtô đều có camera an ninh. Rốt cuộc, hắn quyết định cắt luôn cái chương hắn muốn bằng lưỡi dao cạo. Hắn cắt sát và cẩn thận trước khi giấu cuốn sách đi để không ai tìm được nó. Hắn biết trên chính phần gáy của cuốn sách có gắn một con chip khiến nó kích hoạt chuông ở cửa ra vào nếu hắn cố mang theo toàn bộ cuốn sách ra ngoài. Tuy nhiên, hắn vẫn lật giở từng trang một trong toàn bộ chỗ giấy hắn đã đánh cắp để tìm kiếm con chip thứ hai. Không có con nào, hắn đã ra khỏi thư viện mà không tạo ra hồi chuông nào cả.

Giờ hắn háo hức lao vào nghiên cứu kỹ càng từng trang để hỗ trợ cho phần còn lại của kế hoạch Biến cải. Nhưng đúng lúc trải chúng ra trước mặt, hắn cau mày. Cái gì thế này? Trang đầu tiên đã bị hỏng, một góc trang bị xé mất. Nhưng hắn chắc chắn là mình đã cắt nguyên vẹn cả trang từ gáy sách, và không hề xé trang nào. Rồi hắn liếc sang túi áo trên ngực và để ý thấy cả nó cũng bị rách. Hắn nhớ ra Chloe đã xé bộ quần áo bảo hộ khi cô ta chống cự. Ra là vậy. Cô ta đã xé cả lớp vải lẫn trang giấy.

Nhưng mặc dù vậy thiệt hại cũng không đáng kể lắm và hắn chỉ mất một phần nhỏ của trang giấy. Giờ hắn đọc cẩn thận. Một lần, hai lần. Lần thứ ba hắn ghi chú và nhét chúng vào trong Các điều răn.

Hữu ích lắm. Tốt. Rất hữu ích.

Đặt mấy trang sách sang bên, hắn trả lời vài tin nhắn, nhận vài tin khác.

Giữ liên lạc với thế giới bên ngoài.

Giờ là lúc rửa ráy.

Không ai coi trọng vi trùng, vi khuẩn và virus hơn một nghệ sĩ da người. Billy không mấy may quan tâm đến chuyện đầu độc những nạn nhân của hắn - thực sự đó là toàn bộ mục đích của việc Biến cải - nhưng hắn lại rất quan tâm đến việc *bản thân* bị đầu độc, bởi bất kể thứ gì độc hại có trong máu khách hàng, đặc biệt là bởi những hóa chất tuyệt vời mà hắn đã dùng thay cho mực.

Hắn đi đến bồn rửa mặt và mở khóa kéo ba lô. Sau khi đeo đôi găng tay dày dặn, hắn lôi chiếc máy xăm American Eagle vào bồn và tháo nó ra. Hắn đổ sạch chất lỏng và rửa chúng trong hai bình nước khác nhau, tráng vài lần và sấy khô bằng máy Conair. Phần nước hắn đổ vào một cái lỗ mà hắn đã đục sẵn trên sàn nhà, để nó ngấm thẳng xuống lòng đất bên dưới tòa nhà.

Hắn không muốn giạt bồn cầu hoặc đổ nước xuống cống. Một lần nữa vương lại chút bằng chứng ít ỏi ấy.

Tuy nhiên lần rửa nước chỉ là khởi động. Hắn còn rửa từng bộ phận của chiếc máy trong bồn (loại chỉ để làm sạch chứ không tiệt trùng). Hắn đặt các bộ phận đó vào một bể rửa siêu âm để tẩy uế, sau đó hắn cất chúng vào túi kín và thả hết vào lồng hấp - một chiếc nồi tiệt trùng. Thông thường kim sẽ bị vứt đi nhưng những chiếc kim này rất đặc biệt và khó kiếm. Hắn tiệt trùng luôn cả bộ kim.

Tất nhiên, việc tiệt trùng này chỉ một phần là để bảo vệ hắn khỏi các loại chất độc và bệnh truyền nhiễm. Hắn còn lí do thứ hai nữa: Để cắt đứt mọi liên hệ giữa hắn và các nạn nhân thì có cách nào tốt hơn việc đốt sạch nó ở nhiệt độ 130 độ chứ?

Có khi còn làm rối tung lí thuyết “bụi” của ngài ý chứ, ngài có nghĩ vậy không, Monsieur Locard?

Lincoln Rhyme đang sốt ruột chờ đợi.

Anh hỏi Thom, “Còn Amelia?”

Trợ tá cúp máy điện thoại bàn. “Tôi không gọi được.”

“Chết tiệt thật. Cậu bảo không gọi được là sao? Bệnh viện nào?”

“Đa khoa Manhattan.”

“Gọi họ lần nữa xem.”

“Tôi vừa gọi rồi. Tôi không thể kết nối đường dây chính. Có vấn đề gì đó.”

“Vớ vẩn. Đây là bệnh viện mà. Gọi chín một một ấy.”

“Anh không thể gọi vào số cấp cứu để tìm hiểu tình trạng của một bệnh nhân được.”

“Tôi sẽ gọi.”

Nhưng ngay lúc ấy chuông cửa trước reo. Rhyme cục cằn ra lệnh cho Thom “trả lời cái chuông chết dẫm” ấy và một lát sau anh nghe tiếng bước chân ở tiền sảnh.

Hai cảnh sát hiện trường, những người đã hỗ trợ cho Sachs ở vụ án mạng tại cửa hàng Chez Nord bước vào phòng khách, mang theo những thùng đựng sữa lớn, bên trong chứa đầy các túi đựng bằng chứng - cả bằng giấy và nhựa. Rhyme quen người phụ nữ, Thanh tra Jean Eagleston, chị ta gật đầu chào và anh cũng đáp lại bằng một cái gật đầu. Cảnh sát còn lại, một người có thân hình to lớn, nói, “Đội trưởng Rhyme, rất vinh hạnh được làm việc cùng anh.”

“Đã hết tại nhiệm,” Rhyme lẩm bẩm. Anh để ý thấy thời tiết chắc hẳn đang tệ hơn - áo khoác của hai người này đều lấm chấm băng và tuyết. Anh cũng

thấy họ đang quần các vật chứng trong giấy bóng kính. Tốt.

“Amelia thế nào rồi?” Eagleston hỏi.

“Chúng tôi chưa biết gì hết,” Rhyme làu bàu.

“Có gì mà chúng tôi có thể làm được nữa thì cứ gọi nhé,” đồng sự nam to béo của chị nói. “Anh muốn đặt chúng ở đâu?” Một cái gật đầu về phía mấy chiếc thùng.

“Đưa chúng cho Mel.”

Rhyme đang nhắc đến thành viên cuối cùng của đội, anh ta chỉ vừa mới tới nơi.

Gầy gò và có phong thái của người đã về hưu, Thanh tra Mel Cooper của NYPD là một nhân vật nổi tiếng trong phòng thí nghiệm hiện trường.

Rhyme sẽ gây sức ép với bất kì ai, kể cả ngài thị trưởng, chỉ để lôi Cooper về cho anh, đặc biệt là trong những vụ án như thế này, khi độc dược dường như là loại vũ khí gây án. Với các bằng toán học, vật lí và hóa học hữu cơ, Cooper là người hoàn hảo cho cuộc điều tra này.

Kỹ thuật viên hiện trường gật đầu chào Eagleston và đồng sự của chị, giống như anh ta, hai người họ cũng làm việc ở tổng bộ khám nghiệm hiện trường của NYPD tại Queens. Bất chấp thời tiết xấu và cái lạnh trong phòng khách, Cooper vẫn mặc một chiếc áo sơ mi trắng cộc tay cùng quần ống rộng màu đen, làm anh ta có vẻ ngoài của một vị trưởng lão Mormon đang đi viễn chinh hay một giáo sư khoa học của trường cấp ba. Anh đi đôi giày hiệu Hush Puppies. Mọi người thường không ngạc nhiên khi biết rằng anh ta sống chung với mẹ; mà họ chỉ kinh ngạc khi gặp gỡ cô bạn gái cao to và xinh đẹp người Bắc Âu của anh, một giáo sư thuộc trường đại học Columbia. Cả hai là những nhà quán quân khiêu vũ cổ điển.

Trong bộ áo choàng phòng thí nghiệm, găng tay latex, kính bảo hộ và mặt nạ, Cooper chỉ vào một chiếc bàn giám định vật chứng còn trống. Các đồng

nghiệp của anh ta đặt mấy chiếc thùng carton lên đó và gập đầu chào, rồi rời khỏi dinh thự, một lần nữa lao mình vào cơn bão.

“Cậu nữa, lính mới. Xem chúng ta có gì nào.”

Ron Pulaski cũng mặc bộ bảo vệ tương tự và bước đến bên bàn để giúp sức.

“Cẩn thận đấy,” Rhyme nói một điều không cần thiết, vì Pulaski đã làm việc này cả trăm lần và không ai cẩn thận với các vật chứng hơn cậu ta.

Nhưng nhà tội phạm học đang bị phân tâm; những suy nghĩ của anh quay về với Amelia Sachs. Tại sao cô vẫn chưa gọi? Anh nhớ đã trông thấy một thứ bột đổ xuống ống kính của máy quay phim đúng lúc nó chạm vào mặt cô. Nhớ tiếng cô nôn ọe.

Rồi: một chiếc chìa khóa tra vào cửa.

Một lát sau đó. Gió. Một tiếng ho. Một tiếng khạc từ trong họng.

“Em ổn chứ?” Rhyme gọi.

Amelia Sachs rẽ vào trong phòng khách, lột áo khoác ngoài. Một chút ngập ngừng. Thêm mấy tiếng ho.

“Em ổn chứ?” anh nhắc lại. “Em có sao không?”

Câu trả lời của cô là tu ừng ực chai nước Thom vừa đưa cho.

“Cảm ơn anh,” cô nói với chàng trai trẻ. Rồi quay sang Rhyme, “Ổn,”

giọng trầm hờn dỗi của cô nay càng trầm hơn, hờn dỗi hơn bình thường.

“Đại khái thế.”

Rhyme đã biết cô không bị đầu độc. Anh đã nói chuyện với nhân viên y tế chuyên về độc dược trong lúc cô được chở tới Bệnh viện đa khoa Manhattan. Các triệu chứng của cô không giống người bị nhiễm độc, như nhân viên y tế đã báo cáo, và đến lúc chiếc xe cấp cứu tới được Phòng cấp

cứu thì cô chỉ còn ho sặc sụa và chảy nước mắt. Trước đó họ đã cho cô rửa mắt mấy lần bằng nước. Nghi phạm đã thiết kế một cái bẫy không nguy hiểm đến tính mạng - nhưng tác hại của nó có thể làm cô bị mù hoặc để lại di chứng ở phổi.

“Nó là gì vậy, Sachs?”

Cô giải thích rằng một cuộc kiểm tra dịch mũi cũng như xét nghiệm máu nhanh đã cho thấy “chất độc” hóa ra là một thứ bụi có ô xít sắt là chủ yếu.

“Gi sét à.”

“Họ nói vậy.”

Việc lột lớp băng dính trên chiếc ống kim loại cũ mà nghi phạm đã dùng để gắn đèn pin vào đã làm bung ra lượng rỉ sét này, khiến chúng rơi vào mặt Sachs.

Là một nhà tội phạm học, Rhyme không lạ gì Fe_2O_3 , thường được biết đến nhiều hơn với cái tên ô xít sắt (III). Rỉ sét là một chất tuyệt vời vì nó có đặc tính bám dính và dễ dàng chuyển từ người thủ phạm sang nạn nhân và ngược lại. Nó có thể làm ngộ độc nhưng chỉ với số lượng cực lớn - hơn 2500mg/m³. Với Rhyme, có vẻ như nó không được sắp đặt để làm vũ khí.

Anh đã bảo Pulaski gọi đến phòng công trình công cộng của thành phố để tìm hiểu xem có phải ô xít sắt là thứ thường thấy trong các đường hầm hay không.

“Có,” cảnh sát trẻ báo cáo sau khi cúp máy. “Thành phố đang lắp đặt đường ống khắp Manhattan - vì đường hầm nước mới. Một trong mấy cái ống cũ mà họ đang cắt bỏ có tuổi đời lên đến một trăm năm mươi năm. Thế là có cả đồng gỉ sắt. Tất cả công nhân đều phải đeo mặt nạ, nhiều lắm lắm.”

Vậy là nghi phạm chỉ vô tình chọn phải một trong những cái ống cũ để gắn đèn pin vào.

Sachs ho thêm mấy tiếng, uống thêm một hai ngụm nước nữa. “Em bực vì mình đã bất cần.”

“À Sachs này, *lúc này* chúng tôi đang chờ một cuộc điện thoại.”

“Tôi đã cố. Các đường dây đều không gọi được. Một trong các nhân viên y tế đã nói đó là do trục trặc đường truyền Internet làm ảnh hưởng luôn cả hệ thống chuyển tín hiệu viễn thông. Bị như vậy mấy ngày nay rồi. Tranh chấp gì đó giữa các công ty cáp cũ và cáp quang loại mới. Cuộc chiến tranh giành thị phần. Thậm chí còn đến mức phá hoại lẫn nhau.”

Cái nhìn của Rhyme cho thấy anh chẳng quan tâm. Thêm một tiếng ho húng hắng khàn đặc nữa, Sachs mặc bộ đồ phòng thí nghiệm vào và đi đến chỗ các thùng giấy chứa vật chứng.

“Tiếp tục điền các biểu đồ của chúng ta thôi,” Rhyme gật đầu, nhìn vào mấy chiếc bảng trắng lớn đang đứng sừng sững như những chú chim diệc đứng trên mấy cái chân tong teo của chúng. Họ dùng những chiếc bảng này để liệt kê vật chứng trong một vụ án. Chỉ có một tấm bảng có chữ: vụ cướp của giết người gần đây ở gần Tòa thị chính. Người đàn ông đã cạo râu kỹ càng để chuẩn bị đi hẹn hò, sau đó bị cướp và bị giết.

Sachs dời tấm bảng ấy ra góc phòng và kéo một tấm trống trơn lên trước, để chính diện. Cô lấy một chiếc bút viết bảng tẩy được và hỏi, “Chúng ta gọi hẳn là gì bây giờ?”

“Hôm nay là ngày năm tháng Mười một. Cứ làm theo truyền thống của chúng ta thôi. Nghi phạm số 11-5”

Sachs ho một cái rồi gật đầu và viết bằng nét chữ chính xác của cô: **237 phố Elizabeth** • Nạn nhân: Chloe Moore Rhyme liếc nhìn tấm bảng trắng. “Giờ hãy bắt đầu điền vào chỗ trống nào.”

Tuy nhiên trước khi họ kịp chuyển sang các vật chứng, chuông cửa lại reo lần nữa.

Với tiếng rú quen thuộc của gió và loạt băng tuyết rơi xuống như đạn từ một khẩu Gatling, cánh cửa mở ra và khép lại. Lon Sellitto bước vào phòng khách, dậm chân hệt khỏi chiếc thảm.

“Thời tiết ngày càng tệ hơn. Trời ạ. Đến là khó chịu.”

Rhyme lờ tịt bản tin AccuWeather ấy. “Có đoạn phim an ninh chưa?”

Anh đang nhắc tới bất kì chiếc máy quay nào trên phố Elizabeth, gần lối cổng mà thủ phạm đã dùng để thâm nhập vào hiện trường. Và rõ ràng đó cũng là nơi hắn đã nhìn trộm Sachs.

“Không.”

Rhyme nhăn nhó.

“Nhưng có một nhân chứng.”

Lại một cái nhìn chua chát nữa của Rhyme.

“Tôi không trách anh, Linc. Nhưng đó là tất cả những gì ta có. Một anh chàng từ ca trực về nhà đã trông thấy ai đó đứng cạnh lối cổng khoảng mười phút trước khi 911 nhận được cuộc gọi.”

“Từ ca trực về nhà,” Rhyme đáp lại một cách cay độc. “VẬY là nhân chứng của anh đã rất mệt.”

“Ừ, một nhân chứng đang mệt muốn chết đã trông thấy thủ phạm còn tốt hơn nhân chứng chả mệt mọi gì nhưng không thấy gì chứ.”

“Trong trường hợp đó thì anh ta không còn là nhân chứng nữa,” Rhyme trả lời. Một cái liếc mắt về phía bảng vật chứng. Rồi: “Lối cổng đang mở à?”

“Đúng vậy. Có chóp nón màu cam và cả băng ngăn cách quanh nó.”

Rhyme nói, “Đúng như tôi đã nghĩ. Vậy là hắn đã dùng móc cây nắp lên, đặt chóp nón và trèo xuống, giết nạn nhân rồi bỏ đi.” Anh quay sang Sachs, “Có đất ẩm dưới chân cầu thang, em đã nói vậy phải không? Vậy là hắn đã để cái nắp cống mở trong suốt khoảng thời gian đó. Chuyện gì đã xảy ra với mấy cái chóp và băng dính?”

“Không còn cái nào,” Sachs nói. “Lúc em chui ra thì không.”

“Hắn sẽ không để nó nằm vất vưởng đâu đó gần đấy đâu. Hắn quá thông minh để có thể dễ dàng giấu nó đi. Lon, nhân chứng của anh nói gì về hắn, thủ phạm ấy?”

“Nam da trắng, đội mũ len trùm đầu, mặc áo khoác tối màu dài ngang đùi. Đeo ba lô đen hoặc màu tối. Không nhìn được nhiều phần khuôn mặt lắm. Gần giống mô tả nhận dạng của kẻ đứng cạnh lỗ cống khi Amelia đang khám nghiệm hiện trường bên dưới.”

Kẻ đã nhìn vào Sachs qua cái lỗ cống. Kẻ đã trốn thoát trong đám đông trên phố Broadway.

“Còn vật chứng trên phố?”

“Trong cơn bão như thế ư?” Sachs trả lời.

Thời tiết là một trong những nguồn làm nhiều vật chứng kinh điển nhất và cũng là một trong những thứ nguy hại nhất. Và ở gần lỗ cống còn có một vấn đề nữa: Dầu chân của các nhân viên cấp cứu và đồ nghề của họ hắn đã huỷ nốt mọi bằng chứng còn sót lại khi họ vội lao đến đưa Sachs đi sau cái bẫy thuốc độc mà hóa ra lại không phải kia.

“Vậy là chúng ta sẽ huỷ phần hiện trường trên đó và tập trung vào phần dưới lòng đất thôi. Đầu tiên, tầng hầm của cửa hàng?”

Jean Eagleston và đồng sự của chị đã chụp ảnh và kiểm tra tầng hầm cùng phòng để đồ nhỏ mở thông với nó nhưng tìm được rất ít chi tiết. Mel Cooper đang kiểm tra những dấu vết họ thu thập được. Anh ta báo cáo, “Khớp với các mẫu tìm được trong hầm. Không có gì hữu ích ở đó.”

“Được rồi. Câu hỏi lớn là: Kết quả phân tích chất độc sẽ là gì? COD là gì?”

Họ đã bắt đầu với giả thuyết nguyên nhân tử vong là do chất độc nhưng chưa thể biết chắc được điều đó cho đến khi giám định pháp y hoàn tất bản phân tích. Sachs đã gọi và kêu gào trưởng phòng giám định gửi một bản báo cáo sơ bộ cho họ càng sớm càng tốt. Họ cần cả tên chất độc lẫn thuốc mê dù đó là gì, vì có vẻ như thủ phạm đã tiêm nó vào người Chloe để không chế cô. Sachs đã đánh động tính khẩn cấp của vụ việc bằng cách chỉ ra rằng họ tin vụ giết người này chỉ là khởi đầu của một chuỗi án mạng liên hoàn.

Cô báo lại rằng giám định viên có vẻ mệt mỏi y như các bác sĩ vậy, đặc biệt là những bác sĩ của thành phố, nhưng anh ta đã hứa sẽ ưu tiên trường hợp Chloe Moore lên hàng đầu.

Một lần nữa tỏ ra sốt ruột, Rhyme nói, “Sachs, em có dùng gạc thấm chỗ hình xăm đó không?”

“Tất nhiên.”

“Chạy cái đó xem Mel, xem thử chúng ta có biết trước được chất độc là gì không.”

“Được rồi.” Công cụ Cooper dùng cho phân tích này là máy quang phổ khí - hai thiết bị lớn nối liền với nhau đang nằm ở một góc phòng khách.

Phần quang phổ khí của thiết bị này phân tích một mẫu dư chất chưa biết bằng cách tách từng hóa chất bên trong nó dựa trên tính chất dễ bay hơi -

tức là khoảng thời gian nó bốc hơi. Máy quang phổ khí phân tách các chất thành phần; còn bộ phận khối phổ thì định danh các hóa chất bằng cách so sánh cấu trúc riêng của chúng với một cơ sở dữ liệu về các hóa chất đã biết.

Khởi động cỗ máy ồn ào, nóng rực ấy - chính xác thì các mẫu vật sẽ bị đốt - Cooper nhanh chóng thu được kết quả.

“Cicutoxin.”

Một hợp chất có độc trong tự nhiên tìm thấy ở họ thực vật Hoa tán (Apiaceae) , bao gồm cây độc cần mọc dưới nước (chi *Cicuta*) và cỏ muối (*Oenanthe Crocata*).

Khi còn làm trưởng bộ phận Các nguồn tư liệu điều tra - tên cũ của Phòng Hiện trường tội ác - Rhyme vẫn thi thoảng dùng tới một cơ sở dữ liệu sâu rộng về chất độc của NYPD, dù các vụ án mạng bằng chất độc khi ấy đã là hiếm, giờ thậm chí còn ít hơn. Cooper kéo xuống xem chi tiết về loại chất này. Anh ta trích đọc: “Có trong cây thủy độc cần. Tấn công trung khu thần kinh. Cô ấy chắc đã phải trải qua cơn buồn nôn nghiêm trọng, nôn mửa, chúng ta có thể thấy cả sùi bọt mép nữa. Cơ bắp co thắt.” Anh ta nhìn lên. “Nó là một trong những loài thực vật chết chóc nhất trên toàn Bắc Mỹ.”

Anh ta nhìn chiếc máy, gật đầu. “Và nó đã được chứng cứ. Hồ sơ không hề ghi nhận một lượng chất cô đặc nào như vậy trước đây cả. Thường thì sau khi nó phát tác phải mất một thời gian nạn nhân mới chết. Còn ở mức độ này? Cô ấy chết chỉ trong có nửa giờ, có thể là lâu hơn.”

“Còn có một ông Hi Lạp nổi danh nào đó tự sát bằng cây này rồi đúng không?” Pulaski hỏi.

Cooper nói. “Không hẳn. Một loại độc cần khác. Mặc dù cả hai đều nằm trong họ cà rốt.”

“Ai quan tâm đến Socrates cơ chứ?” Rhyme quát. “Tập trung vào đây này. Có ai *khác*, ngoài tôi, cảm thấy nguồn chất độc này rất đáng ngại không?”

Sachs nói, “Hẳn có thể tìm thấy nó trong bất kì cánh đồng hay đầm lầy nào trên cả nước.”

“Chính xác.”

Một chất hóa học *thương mại* có độc, chẳng hạn những thứ được dùng trong các quy trình công nghiệp và có thể mua bán dễ dàng trên thị trường mở có thể bị lẩn theo tới tận nhà sản xuất và từ đó tới người mua. Thậm chí vài chất còn có hẳn chỉ dấu hóa học có thể dẫn các nhà điều tra tới tận tờ hóa đơn có tên thủ phạm trên đó. Nhưng việc ấy sẽ không xảy ra nếu hẳn đào vũ khí của mình từ dưới đất lên.

Không tài nào khoanh vùng hẹp hơn các vùng miền trong đất nước được. Và vì giờ đang là tháng Mười một, nên có thể hẳn đã đào loại cây này từ lâu rồi. Hay thậm chí còn tự trồng lấy trong một nhà kính dưới tầng hầm.

Điều đáng lo ngại không kém là bằng cách nào đó hẳn đã có thể chứng cất nó để tạo ra một dạng độc được chết người.

Ron Pulaski vô tình đang đứng cạnh chiếc bảng trắng. Rhyme bảo cậu ta, “Thêm cái đó vào danh sách bằng chữ viết tay rõ ràng của cậu đi, lính mới. Chắc các xơ ở Nhà thờ Trái tim Hoài nghi sẽ cực kì tự hào đấy.”

Lúc này tâm trạng của Rhyme đã cải thiện đáng kể khi có nhiều thử thách phải đối mặt, nhiều bí ẩn phải khám phá... và họ còn có chút bằng chứng để tìm hiểu nữa.

Sachs nói tiếp, “Nào, chúng ta không có các đường vân đâu.”

Rhyme cũng không mong đợi họ có dấu vân tay. Không, thủ phạm quá thông minh nên việc đó là dễ hiểu.

“Liên quan đến lông tóc - em có tìm thấy ít lông chuột và tóc của Chloe, nhưng không có gì khác, nên em đoán đồ trùm tóc không chỉ là mũ len đâu.”

Những chiếc mũ khít chặt thường làm rơi tóc ra nhiều hơn là giữ chúng lại, đặc biệt là mũ làm từ len hay sợi ni lông, bởi vì người mang thường có xu hướng gãi hoặc xoa các chỗ ngứa ngứa. Rhyme đoán thủ phạm đã biết điều này và dùng những cách phòng ngừa khác, cẩn thận hơn để giữ cho các mô và bằng chứng ADN không bị rơi ra ngoài hiện trường.

Cô nói tiếp, “Giả thuyết tấn công tình dục ban đầu đã bị gạch bỏ - mặc dù có thể bên giám định pháp y có thể sẽ tìm được gì đó khác. Nhưng bộ phận sinh dục và các chỗ kín khác dường như chưa hề bị chạm vào. Ngoài phần bụng của cô gái” - cô hất cằm về phía những tấm ảnh - “cô ấy vẫn mặc nguyên quần áo. Nhưng khi em chiếu đèn ALS vào người nạn nhân, em phát hiện một điều khá thú vị: hăm đã chạm vào da cô ấy ở hàng chục chỗ khác, chọc ngoáy nó. Nhiều hơn là chỉ làm căng nó ra để xăm hình. Và cô ấy cũng có một hình xăm nhỏ trên cổ. Một bông hoa.” Sachs cho chiếu bức ảnh lên một màn hình có độ phân giải cao của Rhyme. “Hăm đã xoa chỗ ấy mấy lần. Việc chiếu đèn cho thấy điều đó.”

“Nhưng không phải là sự đụng chạm kiểu tình dục à?” Sellitto lẩm bẩm.

“Không phải kiểu tình dục truyền thống,” Sachs chỉ ra. “Có thể hăm bị chứng cuồng tín hay quái dâm gì đấy. Ấn tượng của tôi là hăm ham thích làn da của cô ấy. Hăm muốn chạm vào nó. Hoặc bị thôi thúc làm vậy.”

Rhyme nói, “Thôi thúc ư? Nghe có vẻ hơi ám muội với anh, Sachs ạ.

Hơi ẻo lả. Ghi nhận nhưng hãy chuyển sang mục khác.”

Họ bắt đầu làm việc với các dấu vết, phân tích các chất mà Sachs tìm được gần thi thể và so sánh chúng với những mẫu đối chứng từ đường hầm, cố phân tách những gì chỉ liên quan tới nghi phạm.

Cooper vẫn để máy quang phổ khí chạy.

“Được rồi, tập hợp lại chúng ta có ôxít nitơ, ôzôn, sắt, mangan, níc-ken, bạc, bê-ri-li, hydrocarbon clo hóa, a-xê-ty-len.”

Rhyme gật đầu. “Những chất này ở gần cái xác à?”

“Đúng vậy.” Sachs nhìn một dọc tấm thẻ thứ tự vật chứng của mình, trên đó ghi lại chính xác địa điểm của từng mẫu vật.

“Hừm.”

“Sao thế, Linc?” Sellitto hỏi.

“Những vật liệu này được dùng trong hàn nhiệt. Chủ yếu là hàn xì. Có thể nó rơi ra từ nghi phạm của chúng ta nhưng tôi lại nghĩ nhiều khả năng nó tới từ những công nhân lắp đặt đường ống hơn. Nhưng dù sao chúng ta vẫn cho nó lên bảng.”

Cooper lại chọn một mẫu vật khác. Nó nằm trên sàn gần chân cầu thang dẫn lên nắp cống. Khi việc phân tích mẫu vật này kết thúc, kỹ thuật viên cau mày. “Có thể có gì đó ở đây.”

Rhyme thở dài. Vậy thì nói luôn đi, làm ơn, và cảm ơn anh, nụ cười mệt mỏi của anh đang bảo.

Nhưng Cooper lại không thấy vội. Anh ta cẩn thận đọc khối phổ - bản phân tích dữ liệu từ hai thiết bị.

“Đó là tetrodotoxin.”

Rhyme thấy tò mò. “À, phải, đúng là chúng ta có gì đó ở đây. Một vũ khí gây án khác chẳng.”

“Chất độc à, Linc?” Sellitto hỏi.

Mel Cooper nói, “Ồ, chắc chắn rồi. Một chất độc hay ho. Nó có trong buồng trứng của cá nóc, còn gọi là fugu. Đây là một chất độc thần kinh chưa hề có thuốc giải. Khoảng sáu mươi người chết mỗi năm ở Nhật - vì cố tình ăn nó. Nếu dùng liều lượng thấp anh có thể thấy phê... và sống sót để thanh toán hóa đơn. Và vì tính chất của nó, tetrodotoxin còn được gọi là chất độc zombie.”

“Cái gì cơ?” Sellitto hỏi lại, cười phá lên.

“Thật đấy.” Cooper nói thêm, “Giống như trong phim ấy. Ở Caribe người ta dùng nó để làm giảm nhịp tim và hô hấp tới mức trông họ như đã chết. Rồi

họ sống lại. Dù là vì lễ nghi tôn giáo hay để lừa đảo. Các nhà nhân loại học nghĩ nó có thể là nguồn gốc của truyền thuyết zombie.”

“*Chỉ* là một trò tiêu khiển cho một buổi tối thứ Bảy chậm rãi ở Haiti thôi,” Rhyme làu bàu. “Chúng ta bám vào trọng điểm được không? Tập trung vào thông điệp ấy?”

Cooper đẩy cặp kính lên cao trên sống mũi. “Lượng chất rất nhỏ.”

“Trừ khi bên pháp y tìm được một chút chất này trong máu Chloe, nếu không có thể hẳn sẽ định dùng nó cho cuộc tấn công tiếp theo.” Rhyme nhăn mặt. “Và hẳn tìm được nó ở chỗ quỷ quái nào chứ? Có khi nào tự câu được một con cá nóc không. Như là tự trồng độc cần. Nói tiếp đi, Mel.”

Cooper đang đọc thẻ thứ tự bằng chứng của Sachs. “Đây là một thứ trong dấu chân - một trong những dấu chân của hẳn, tôi đoán vậy, vì nó nằm gần chân cầu thang. Và bị mờ.”

Bao giày...

“Đúng vậy,” Sachs xác nhận. Cooper cho cô xem khối phổ và cô gạt đầu, rồi chuyển phân tích từ máy tính lên tấm bảng trắng.

Stercobilin, urê 9,3 g/l, clo-rua 1,87 g/l, natri 1,17 g/l, kali 0,750 g/l, creatinin 0,670 g/l.

“Phân,” Rhyme lẩm bẩm.

“Sao thế?” Pulaski hỏi.

“Không,” Rhyme trả lời. “Theo nghĩa đen ấy. Các chất có trong phân.

Sao lại thế? Tại sao lại ở đó? Có suy đoán gì không, các anh các chị?”

“Có ống hệ thống nước thải - chất thải - ngay trên đầu, nhưng em không thấy có nước thải ở trên mặt đất hay trên tường. Có thể nó không tới từ mấy ống nước đâu.”

“Có công viên cho chó nào chăng?” Sellitto gợi ý. “Hoặc hẳn sở hữu một con.”

“Làm ơn đi,” Rhyme nói, kiềm chế không đảo mắt. “Những hóa chất này gợi ý đến phân người. Chúng ta có thể phân tích ADN nhưng việc ấy chỉ tốn thời gian. Xin thứ lỗi vì lựa chọn từ ngữ.”

“Đi nặng ngay trước khi tới hiện trường à?”

“Có thể lắm, lính mới à, nhưng tôi đoán là hẳn đã đạp phải thứ đó trong hệ thống nước thải ở đâu đó. Tôi nghĩ điều đó cho thấy hẳn đã dành rất nhiều thời gian ở dưới lòng đất New York. Đó là bãi săn của hẳn. Hẳn thoải mái ở đó. Và nếu không tìm được nguồn nào ở hiện trường Chloe Moore,



điều đó có nghĩa là hẳn đã chọn sẵn vài điểm khác rồi. Và nó cũng cho chúng ta biết hẳn đã đi trình sát các mục tiêu của mình trước.”

Điện thoại trong phòng đổ chuông. Sachs nghe máy. Cô nói chuyện ngắn gọn rồi cúp máy. “Pháp y. Đúng, nguyên nhân dẫn đến tử vong là cicutoxin - và không có tetrodotoxin. Anh nói đúng, Mel ạ: Chất độc này đậm đặc gấp tám lần thứ ta tìm được trong một cái cây tự nhiên. Và hẳn đã khống chế cô ấy bằng propofol. Cổ và cánh tay. Hai vết tiêm.”

“Thuốc kê theo đơn,” Rhyme lưu ý. “Người ta không thể trồng *cái đó* trong vườn sau được. Làm thế nào hẳn tiếp cận được nó? Chà, viết nó lên bảng và tiếp tục thôi. Cả hình xăm nữa. Đó mới là thứ tôi thật sự tò mò.”

Rhyme nhìn bức ảnh Sachs đã chụp: dù không có mực nhưng vẫn dễ dàng trông thấy trên nền da đỏ bầm, sưng vù. Một hình ảnh rõ nét hơn hẳn lúc anh nhìn qua máy quay trong cảnh hiện trường mờ tối.

“Trời ạ,” Ron Pulaski thốt lên, “nó đẹp thật.”

“Tôi không biết thế giới xăm trổ như thế nào,” Rhyme nói. “Nhưng tôi tự hỏi có phải chỉ một vài nghệ sĩ mới có thể làm được hình đó trong khoảng thời gian ngắn ngủi hay không.”

“Tôi sẽ thăm vài cơ sở lớn hơn trong trung tâm thành phố,” Sellitto nói.

“Xem chúng ta có thể tìm được gì.”

Rhyme trầm ngâm, “Hai đường viền kia.” Anh chỉ vào hai đường hình vỏ sò chặn trên dưới hàng chữ. “Em nói đúng, Sachs ạ. Trông chúng như là bị cắt, chứ không phải xăm. Giống như hấn đã dùng một lưỡi dao cạo hay dao mổ vậy.”

Sellitto lẩm bẩm, “Chỉ là hình trang trí chết tiệt thôi. Thằng khốn nạn.”

“Viết lên bảng. Không biết nó là cái gì. Nào, còn từ ngữ: “lần thứ hai”.

Nghĩa là gì? Ai có ý gì không?”

“Nạn nhân thứ hai?” Pulaski gợi ý.

Sellitto cười. “Gã này không thực sự che chắn dấu vết gì. Nếu có số một hấn chúng ta đã nghe nói rồi chứ, mọi người không nghĩ thế à? Cá là CNN sẽ bầu vào ngay.”

“Chắc chắn rồi, đúng thế. Tôi đã không nghĩ tới.”

Rhyme nhìn bức ảnh. “Không đủ để rút ra kết luận ở thời điểm này. Và phần còn lại của thông điệp là gì? Ấn tượng của tôi là nếu một người hiểu biết về thư pháp nhiều đến thế thì hấn hấn ta cũng biết đánh vần và ngữ pháp nữa. Chữ cái “t” không viết hoa trong từ “the”. Vậy là trước đó còn có gì đấy. Cũng không có dấu chấm hay gì đó đằng sau cụm từ.”

Sachs nói, “Em tự hỏi nó có phải là một câu do hấn tự nghĩ ra không.

Hay là câu trích dẫn? Một câu đố?”

“Không có manh mối gì... Lon, bảo ai đó ở trụ sở kiểm tra dữ liệu xem nào.”

“Ý hay đấy. Rất hiệu quả: một đội chuyên trách để tìm ‘lần thứ hai’

trong một cuốn sách hay gì đó? Anh nghĩ nó đã từng xuất hiện bao giờ chưa, Linc?”

“Đầu tiên, chẳng phải mấy cái ngoặc kép tưởng tượng ấy đã bị lạm dụng quá rồi hay sao? Trở lại vấn đề chính: Thế này thì sao? Bảo họ tìm những từ ấy trong các câu trích dẫn nổi tiếng về tội ác, sát nhân, hình xăm, thế giới ngầm New York. Bảo họ sáng tạo lên!”

Sellitto lẩm bẩm, “Được rồi. “Lần thứ hai”. Và cả số luôn - số hai - với hậu tố “nd” nữa.”

“Hừm,” Rhyme lẩm bẩm và gật đầu. Anh chưa nghĩ đến chuyện đó.

Viên thanh tra to béo gọi một cuộc điện thoại, đứng dậy và đi đến góc phòng khách, một lát sau anh ta bắt đầu ra lệnh, sau đó cúp máy và quay lại.

“Tiếp theo nào,” Rhyme nói với những người khác.

Sau khi phân tích thêm mẫu vật nữa, Mel Cooper tuyên bố, “Chúng ta có vài mẫu benzalkonium clorua.”

“À,” Rhyme nói. “Đó là một chất bậc bốn. Ion amoni bậc bốn. Một chất diệt khuẩn cơ bản, chủ yếu dùng ở những nơi có nguy cơ đặc biệt cao với việc nhiễm khuẩn và các khách hàng dễ bị tổn thương. Chẳng hạn như căng tin trường học. Viết lên bảng nào.”

Cooper đọc tiếp, “Keo nhựa.”

Rhyme thông báo đó là sản phẩm được dùng trong mọi thứ, từ băng cá nhân đến vật liệu xây dựng. “Loại chung chung đúng không?”

“Đúng.”

“Hiển nhiên rồi,” Rhyme lẩm bẩm. Các nhà khoa học pháp y tất nhiên yêu thích loại dư chất có thương hiệu riêng hơn - dễ dàng lần theo nguồn.

Kỹ thuật viên làm thêm vài kiểm tra khác. Sau vài phút anh ta nhìn màn hình máy tính. “Tốt lắm, tốt. Có kết quả rất rõ rệt về một loại đá cụ thể. Đá cẩm thạch. Cụ thể là loại Inwood.”

Tên một loại đá cẩm thạch được tìm thấy ở phía nam bang New York và phía tây Connecticut.

“Dạng nào?” Rhyme hỏi. “Cho nó lên màn hình.”

Cooper làm theo và Rhyme cùng mọi người nhìn vào một đám bụi và sỏi có đủ hình dạng, màu từ trắng, trắng ngà đến màu be. Kỹ thuật viên nói, “Do nứt gãy. Anh có trông thấy rìa mẫu đá nằm ở góc trên bên tay trái kia không?”

“Chắc chắn rồi,” Rhyme yêu cầu. “Nướng nó đi!”

Kỹ thuật viên cho một mẫu vào máy quang phổ khí. Anh ta tuyên bố, “Có kết quả dương tính với tàn dư của Tovex.”

Sellitto nói, “Tovex ư? Một chất nổ công nghiệp à.”

Rhyme gật đầu. “Tôi đã có cảm giác chúng ta sẽ tìm được một thứ tương tự như thế. Được dùng để làm nổ các nền đá trong lòng đất. Dựa vào thiệt hại ở những vụn đá kia, hẳn là nghi phạm của chúng ta đã nhặt được nó tại hoặc gần một công trường xây dựng. Nơi nào đó có rất nhiều cẩm thạch Inwood. Gọi tới phòng cấp phép dùng chất nổ của thành phố đi, lính mới. Rồi kiểm tra chéo với dữ liệu địa chất ở khu vực đó. Nào, còn gì khác không?”

Những mẫu vụn cạo được dưới các móng tay của Chloe không cho thấy da người, mà chỉ có một loại vải thun màu trắng ngà và sợi giấy.

Rhyme giải thích với Sellitto. “Có thể Chloe đã chống cự hẳn và dính phải những thứ đó trong quá trình vật lộn. Rất tiếc vì cô ấy không cạo được ít da

của hắn. Bằng chứng ADN ở đâu khi ta cần đến nó chứ? Viết lên bảng đi, và giữ nó ở đó.”

Cuộn băng dính mà nghi phạm dùng để trói chân Chloe cũng là loại không nhãn hiệu, cả còng tay cũng vậy. Còn chiếc đèn pin - ngọn hải đăng hé lộ tác phẩm của hắn - thì chỉ là một loại đèn rẻ tiền bằng nhựa. Cả đèn lẫn cục pin loại D bên trong đều không có dấu vân tay nào, hay tóc hay bất kì một loại vật chứng bị bám dính nào hết, chỉ trừ một chút keo giống với loại được dùng trên những cái lăn lông - chính xác là loại mà các cảnh sát hiện trường vẫn dùng để thu nhặt dư chất. Đúng như Sachs đã dự đoán, có thể hắn đã lăn hết người một lượt trước khi đến hiện trường.

“Thằng nhóc này thậm chí còn thông minh hơn tôi nghĩ,” Rhyme nói.

Sự buồn bực pha lẫn chút ngưỡng mộ một cách bất đắc dĩ.

“Nào, dưới đó có ổ cắm điện nào không, Sachs? Tôi không nhớ.”

“Không có. Đèn rọi mà các cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã dựng nên là đèn chạy ắc-quy.”

“Vậy thì súng xăm của hắn cũng chạy bằng pin. Lính mới - lúc nào tìm hiểu xong về đá cẩm thạch thì cậu tìm luôn những nhà sản xuất súng xăm chạy pin nhé.”

Pulaski lại lên mạng, vừa làm vừa nói, “Hi vọng là chúng khá hiếm.”

“Thế thì việc tìm kiếm sẽ khá thú vị đấy.”

“Sao cơ?”

“Tìm một khẩu súng xăm chứa đầy hi vọng.”

“Chứa đầy cái... gì cơ?”

Sellitto đang cười chua chát. Anh ta biết chuyện gì sắp đến.

Rhyme nói tiếp, “Ý của từ “hi vọng là” là thế mà. Câu cậu vừa nói không phải là “tôi hi vọng súng xăm cơ động là loại khá hiếm.” Dùng “hi vọng là” đứng độc lập đầu câu - một ý kiến chủ quan của người nói - là cách hành văn không chính thống. Các giáo viên tiếng Anh và nhà báo không tán thành đâu.”

Cảnh sát trẻ lắc đầu. “Lincoln, đôi khi tôi nghĩ mình vừa bước vào một bộ phim của Quentin Tarantino khi nói chuyện với anh.”

Cặp lông mày của Rhyme cong lên. Ra hiệu nói tiếp đi.

Pulaski càu nhàu, “Anh biết đấy, cái cảnh quay hai tay súng chuẩn bị thổi tung một ai đó nhưng họ cứ đứng mà nói mãi đến mười phút về việc “háo hức” và “bồn chồn” không đồng nghĩa như thế nào, hay “vô tâm” và “không quan tâm” không phải là một như thế nào. Anh chỉ muốn tát vào mặt họ.”

Sachs ho khục một tiếng để che tiếng cười.

“Hai cách dùng sai từ ấy cũng làm tôi bực mình không kém,” Rhyme lẩm bẩm. “Và cậu cũng biết phân biệt chúng là giỏi đấy. Giờ đến mẫu bằng chứng cuối cùng. Đó là thứ tôi quan tâm nhất.”

Anh quay lại với túi vật chứng, lòng thầm nghĩ mình phải tìm hiểu cái tay Tarantino này mới được.

Mel Cooper cẩn thận mở túi vật chứng duy nhất còn lại trên bàn giám định.

Dùng một cây nhíp, anh ta lôi ra một quả bóng giấy bị vò nhàu. Anh ta bắt đầu mở nó ra. Thật chậm.

“Nó nằm ở đâu, Amelia?” anh ta hỏi.

“Cách thi thể khoảng chín mươi centimet. Dưới một trong mấy cái hộp màu vàng ấy.”

“Tôi đã trông thấy chúng,” Rhyme nói. “IFON. Dây điện, cáp điện thoại, tôi đoán vậy.”

Tờ giấy tới từ phần góc trên của một cuốn sách nào đó, đã bị xé ra. Bề ngang khoảng bảy phân, dài năm phân. Hai từ nằm trên mặt trước của trang sách bên tay phải là:

*ies rằng tài năng lớn nhất của anh ta là khả năng dự đoán Ở mặt còn lại:
thi thể đã được tìm thấy.*

Rhyme nhìn Cooper, anh ta đang dùng một chiếc kính hiển vi Bausch +

Lomb để so sánh các sợi bột giấy trong vật chứng này với mẫu tìm thấy dưới móng tay nạn nhân.

“Chúng ta có thể kết nối chúng. Có lẽ là từ cùng một nguồn. Và tại hiện trường cũng không có mẫu sợi vải nào giống như thứ nằm dưới móng tay cô ấy cả.”

“Vậy giả thuyết ở đây là cô ấy đã xé mẫu giấy kia trong lúc vật lộn với hãn.”

Sellitto hỏi, “Sao hãn lại mang nó đi cùng nhỉ? Nó là cái gì?”

Rhyme nhận xét tờ giấy này không được tráng phủ, như vậy nó không phải là từ một tạp chí. Cũng không phải báo in, nên nguồn gốc của nó có lẽ cũng không phải từ một tờ nhật báo hay tuần báo hay tin tức gì cả.

“Có thể nó tới từ một cuốn sách,” anh tuyên bố lúc nhìn chăm chăm vào mẫu giấy hình tam giác.

“Sự việc lúc ấy phải như thế nào chứ?” Pulaski hỏi.

“Hỏi hay lắm: Ý cậu là nếu mẫu giấy kia nằm trong túi áo của nghi phạm và cô gái đã giật nó ra trong lúc tóm lấy hắn, làm thế nào nó lại là một trang trong sách được đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Bởi vì tôi nghĩ hắn đã cắt những trang quan trọng *khỏi* một cuốn sách và mang chúng theo mình. Tôi muốn biết mẫu giấy ấy từ đâu mà có.”

“Cách dễ nhé?” Cooper gợi ý.

“Ồ, Google Books? Đúng rồi. Hay bất kể nó được gọi là gì, cái dịch vụ trực tuyến đó có lưu trữ chín mươi phần trăm số sách trên toàn thế giới hay đại loại thế trong cơ sở dữ liệu của nó ấy. Chắc chắn rồi, thử xem sao.”

Nhưng không có gì ngạc nhiên khi cuộc tìm kiếm không cho kết quả gì.

Rhyme không biết nhiều về luật bản quyền nhưng anh nghi ngờ vẫn còn kha khá tác giả được Luật của Mỹ bảo vệ và họ không muốn chia sẻ công sức lao động sáng tạo vất vả của mình hoàn toàn miễn phí.

“Thế là phải tìm theo cách khó rồi,” Rhyme tuyên bố. “Bọn họ gọi cái mà trong việc hack máy tính là gì ấy nhỉ? Tấn công cưỡng chế à?” Anh nghĩ ngợi một lát rồi nói thêm, “nhưng có thể chúng ta sẽ thu hẹp được phạm vi tìm kiếm. Hãy xem liệu ta có thể tìm ra nó được in *từ khi nào* và bắt đầu với những cuốn sách được xuất bản quanh khoảng thời gian ấy và có đề tài tội

phạm không. Từ “những thi thể” là một gợi ý ở đây. Nào, hãy tìm lấy một ngày.”

“Tính tuổi bằng carbon à?” Ron Pulaski hỏi và làm Mel Cooper mỉm cười. “Sao nào?” cảnh sát trẻ hỏi.

“Cậu chưa đọc chương carbon phóng xạ của tôi đúng không, lính mới?”

Anh đang nhắc tới cuốn sách về khoa học pháp y của mình.

“Thực ra là tôi đọc rồi, Lincoln.”

“Và?”

Pulaski trích dẫn, “Xác định tuổi bằng carbon là việc so sánh carbon 12

không phân rã với carbon 14 có phân rã, từ đó cho phép đoán định tuổi của vật thể được kiểm tra. Tôi nói “đoán định” ; tôi nghĩ ý anh muốn nói là “xấp xỉ”.”

“À, trích dẫn chuẩn đấy. Chỉ có điều rất tiếc là cậu đã bỏ qua phần chú thích.”

“Ồ. Có chú thích à?”

“Sai số trong việc xác định tuổi bằng carbon là từ ba mươi tới bốn mươi năm. Và đó chỉ là với những mẫu gần đây. Nếu thủ phạm của chúng ta mà mang theo một chương sách in trên giấy papyrus hay da khùng long, dung sai còn lớn hơn nữa.” Rhyme chỉ về phía mẫu giấy. “Vì vậy mà định tuổi bằng carbon không dành cho chúng ta.”

“Ít nhất nó cũng cho chúng ta biết có phải cuốn sách đã được in trong vòng ba bốn mươi năm trở lại đây không.”

“À, chúng ta biết *chứ*,” Rhyme gắt. “Nó đã được in hồi những năm chín mươi, tôi gần như chắc chắn. Tôi chỉ muốn thứ gì đó cụ thể hơn.”

Đến lượt Sellitto cau mày. “Làm sao anh biết đến tận thập kỉ như thế, Linc?”

“Phông chữ. Nó được gọi là Myriad. Do Robert Slimbach và Carol Tombly sáng tạo cho Hệ thống Adobe. Nó đã trở thành phông riêng của Apple.”

“Với em trông nó chả khác gì các loại chữ trong hệ chữ sans serif khác,” Sachs nói.

“Nhìn đuôi chữ “y” và chữ “e” hơi nghiêng đi.”

“Anh nghiên cứu cả cái đó ư?” Pulaski hỏi, như thể một lỗ hổng lớn trong kiến thức tội phạm học của cậu ta đang đe dọa nuốt chửng cả con người cậu.

Nhiều năm trước Rhyme từng điều tra một vụ bắt cóc, khi đó thủ phạm làm giấy đòi tiền chuộc bằng cách cắt từng chữ cái trong một tờ tạp chí ra.

Hắn cũng dùng cả chữ cái trong dòng tiêu đề của biên tập viên lẫn trong các quảng cáo. Sau khi so sánh phông chữ từ hàng chục tạp chí và các nhãn hàng quảng cáo khác, Rhyme đã kết luận được nó tới từ một ấn bản đặc biệt của tờ *Atlantic Monthly*. Một lệnh đòi danh sách những người đặt mua -

kèm theo vài bằng chứng khác - đã dẫn dắt cảnh sát tới cửa nhà thủ phạm và giải cứu được nạn nhân. Anh giải thích lại sự việc với Pulaski.

“Nhưng làm thế nào chúng ta xác định được tuổi của nó cụ thể hơn?”

Sellitto hỏi.

“Mực,” Rhyme nói.

“Nhãn?” Cooper hỏi.

“Tôi không nghĩ vậy.” Từ những năm 1960 các nhà sản xuất mực đã bắt đầu gắn thêm nhãn hóa học - những chỉ dấu hóa học, giống như cách các nhà sản xuất thuốc nổ đã làm - để nếu xảy ra một tội ác, mẫu mực in sẽ dễ dàng bị lần tới một nguồn duy nhất hay ít nhất là một nhãn hiệu của mực hay bút mực ấy (Mục đích ban đầu của việc gắn nhãn là để lần theo những vụ lừa

đào, dù các chỉ dấu ấy cũng đã giúp bắt được vô số kẻ bắt cóc và sát nhân điên loạn, những kẻ để lại lời nhắn ở hiện trường phạm tội). Nhưng loại mực dùng để in sách, như trong mẫu vật này, được bán theo từng lô lớn, và chúng hiếm khi, nếu không nói là không bao giờ, được đánh nhãn.

Vì vậy, Rhyme giải thích là họ cần so sánh hỗn hợp mực cụ thể này với những loại khác có trong cơ sở dữ liệu mực in của NYPD.

“Thu lấy mực ấy đi, Mel. Hãy tìm xem nó được sản xuất từ cái gì.”

Từ giá đựng dụng cụ đặt trên dãy bàn khám nghiệm bằng chứng, Cooper chọn một chiếc kim tiêm dưới da đã được điều chỉnh, mũi tiêm của nó đã được mài bớt một phần. Anh ta chọc kim tiêm vào giấy bảy lần.

Những vòng tròn nhỏ xíu thu được đều chứa mẫu mực trong đó, anh ta nhúng chúng vào pyridine để chiết xuất lấy mực rồi sấy khô hỗn hợp để thu được dạng bột, sau đó phân tích nó.

Cooper và Rhyme nhìn vào kết quả sắc phổ - một biểu đồ dạng thanh với những đỉnh và đáy đại diện cho loại mực được dùng để in ra cuốn sách bí ẩn nọ.

Bản thân phân tích này không có ý nghĩa gì, nhưng khi cho chạy kết quả trong hệ thống dữ liệu, nó đã cho thấy mực này tương đồng với những loại mực được dùng để in các loại sách người lớn từ năm 1996 tới 2000.

“Người lớn à?” Pulaski hỏi.

“Không, không phải loại sách người lớn của cậu đâu,” Sellitto vừa nói vừa cười.

“Cái gì của tôi...” Cảnh sát trẻ đỏ bừng mặt. “Chờ đã.”

Rhyme nói tiếp, “Nghĩa là để phân biệt nó với các ấn bản trẻ em. Những cuốn sách *hợp pháp* dành cho người lớn ấy. Còn giấy thì sao? Kiểm tra độ axit xem.”

Cooper dùng một góc nhỏ của tờ giấy để làm phân tích pH cơ bản.

“Độ axít cao.”

“Điều đó có nghĩa là nó tới từ một cuốn sách bìa cứng thương mại, được sản xuất hàng loạt - không phải loại bìa mềm vì bìa mềm in trên giấy báo cơ. Và nó là sách thương mại vì những cuốn phiên bản giới hạn đắt tiền hơn thường được in trên loại giấy độ axít thấp hoặc không có axít.”

“Hãy thêm cả mục đó vào danh sách những việc đội anh cần làm đi, Lon. Tìm cuốn sách. Tôi nghiêng về giả thuyết sách phi hư cấu, thuộc khoảng thời gian vừa nói. Có thể là sách tội ác có thật. Và mỗi chương liên quan đến một chủ đề khác nhau, vì hẳn chỉ xé ra phần duy nhất hẳn cần.

Hãy cho người của anh bắt đầu tìm kiếm thông tin từ các biên tập viên, các cửa hàng sách, những người sưu tập sách tội phạm... và cả những nhà văn chuyên viết về tội ác có thật nữa. Tổng cộng cũng có bao nhiêu người đâu?”

“Vâng, vâng, họ sẽ làm thế trong suốt khoảng thời gian rảnh rỗi khi không phải đọc cả ngàn tỉ trích dẫn có từ “lần thứ hai” ấy nhỉ.”

“À nhân tiện, anh phải ưu tiên việc đó nhé. Nếu nghi phạm của chúng ta đã phải vất vả đến thế để đi tìm một bản in của một cuốn sách, rồi lại cắt vài ba trang trong đó và mang theo người, tôi *thực sự* muốn biết cuốn sách đó viết gì đấy.”

Vị thanh tra to béo nhìn vào bức ảnh chụp hình xăm một lần nữa. Anh ta bảo Cooper, “Cậu in cho tôi một tấm nhé, Mel? Tôi sẽ bắt đầu hỏi thăm mấy tiệm xăm - có phải họ vẫn dùng từ ấy không nhỉ? Hay là “studio” rồi.

Và lấy cho tôi danh sách các tiệm to ấy.”

Rhyme nhìn Cooper in bức ảnh rồi lên mạng để truy cập phòng đăng kí kinh doanh của Thành phố New York. Anh ta tải về một danh sách gồm khoảng ba mươi cơ sở kinh doanh hình xăm. Cooper đưa nó cho vị thanh tra.

“Nhiều thế cơ à?” Sellitto làu bàu. “Tuyệt thật. Tôi thật không thể ra ngoài đủ nhiều trong những ngày mùa thu tuyệt đẹp này.” Anh ta ném danh sách và bức ảnh hình xăm kia vào trong cặp. Mặc áo khoác Burberry và lôi đôi găng tay lót lông từ trong túi áo ra. Anh bỏ ra khỏi phòng mà không chào hỏi gì. Một lần nữa Rhyme thoáng nghe tiếng gió rít khi cánh cửa mở ra và đóng sầm lại.

“À, lính mới, vụ đá cẩm thạch thế nào rồi?”

Cảnh sát trẻ quay sang một chiếc máy tính gần đó. Cậu ta đọc màn hình.

“Vẫn đang kiểm tra các giấy phép cho nổ đá. Đợt này, họ đang cho phép thổi tung rất nhiều thứ trong thành phố.”

“Cứ làm tiếp nhé.”

“Chắc rồi. Tôi sắp có vài câu trả lời rồi.” Cậu ta quay lại nhìn Rhyme.

“Hi vọng là thế.”

“Hi vọng là?” Rhyme cau mày.

“Vâng. Tôi tràn ngập hi vọng rằng tôi sẽ không nhận thêm bất kì bài học ngữ pháp chết tiệt nào nữa từ anh, Lincoln.”

237 Phố Elizabeth • Nạn nhân: Chloe Moore, 26

– Có thể không có liên quan gì với Nghi phạm – Không bị tấn công tình dục, nhưng có đụng chạm da thịt • Nghi phạm 11-5

– Nam da trắng – Khổ người gầy đến trung bình – Mũ len trùm đầu – Áo khoác tối màu dài đến giữa đùi – Ba lô tối màu – Mang bao giày – Không dấu vân tay • COD: Bị đầu độc bằng cicutoxin, thâm nhập cơ thể qua hình xăm – Xuất phát từ cây thủy độc cần – Không rõ xuất xứ – Cô đặc, cao gấp tám lần bình thường • Bị khống chế bằng propofol – Thu được như thế nào? Có cách tiếp cận với các nguồn cung của ngành y?

- Bị xăm cụm “lần thứ hai” bằng hệ chữ tiếng Anh cổ, viền hình vỏ sò – Là một phần của thông điệp?

– Đội chuyên trách của sở cảnh sát đang kiểm tra điểm này • Súng xăm di động được dùng làm vũ khí – Chưa rõ nhãn hiệu • Sợi vải – Màu trắng ngà – Có thể rơi ra từ áo sơ mi của Nghi phạm, bị rách trong lúc vật lộn.

- Trang giấy từ một cuốn sách, tội ác có thật?

– Có thể bị xé ra từ túi áo Nghi phạm trong lúc vật lộn – Có thể là loại sách bìa cứng sản xuất hàng loạt từ 1996-2000

ies rằng tài năng lớn nhất của anh ta là khả năng dự đoán – Trên trang tiếp theo:

thi thể đã được tìm thấy.

- Có thể đã dùng cây lăn có băng dính để lấy hết dấu vết trên quần áo trước khi tấn công • Còng tay – Loại thường, không thể truy nguồn • Đèn pin – Loại thường, không thể truy nguồn • Băng dính – Loại thường, không thể truy nguồn Các dấu vết tại hiện trường • Oxit nitơ, ozon, mangan sắt, niken, bạc, berili, hidrocarbon clo hoá, axeliten – Có thể là các nguyên liệu trong hàn xì • Tetrodotoxin – Độc tố trong cá nóc – Thuốc độc zombie – Số lượng rất nhỏ – Không được dùng cho nạn nhân lần này • Stercobilin, urê 9,3g/l, clorit l, 87g/l, natri l, 17g/l, kali 0,075g/l, creatini 0,670g/l – Thành phần của phân người – Có thể gợi ý đến mối quan tâm/ám ảnh ở dưới lòng đất – Tới từ địa điểm giết người tiếp theo dưới lòng đất?

- **Chất khử trùng benzalkonium clorua – Ion amoni bậc bốn, loại chất sát khuẩn tiêu chuẩn • Keo nhựa – Được dùng trong băng cá nhân, xây dựng và nhiều công dụng khác nữa • Đá cẩm thạch Inwood – Bụi và các mẫu vụn nhỏ • Thuốc nổ Tovex – Có thể từ khu vực đã/đang cho nổ đá**

“Này, anh bạn. Ngồi đi. Tôi sẽ qua chỗ anh ngay đây. Anh có muốn xem qua mấy tờ rơi ở đó không? Tìm món nào hay ho, gây ấn tượng với phụ nữ ấy. Anh không bao giờ quá già để xăm cả.”

Đôi mắt chàng trai sáng lên lúc nhìn vào ngón tay đeo nhẫn chưa có gì của Lon Sellitto và quay lại với cô gái trẻ tóc vàng mà anh ta đang nói chuyện cùng.

Nghệ sĩ xăm mình - và là chủ của tiệm xăm này (đúng, *tiệm xăm, chứ không phải studio gì cả*) - mới ngoài ba mươi, lẻo khoẻo y như căng cua vậy. Anh ta đang mặc chiếc quần bò đen được cắt may khéo và là phẳng, cùng chiếc áo thun ba lỗ màu trắng không chê vào đâu được. Mái tóc vàng sậm của anh ta được buộc gọn thành túm tóc đuôi ngựa phía sau. Anh ta có bộ râu sành điệu, một đám râu được tỉa công phu ở môi trên, tỏa xuống quanh miệng theo bốn lọn vàng sậm mượt mà và tụ lại ở cằm thành hình xoáy tròn ốc. Hai má anh ta được cạo nhẵn nhưng tóc mai lại sặc như hai cái móc câu hướng lên từ tai. Một cái que bằng thép xuyên từ vành tai ở trên xuống dái tai. Một cái khác nhỏ hơn thì xuyên dọc chân mày. So với bộ râu tóc và khuyên móc cầu kì ấy, hai hình xăm màu ở mỗi bên cánh tay, một bên là Superman và bên kia là Batman dường như khá hiền lành.

Sellitto bước tới.

“Chờ một phút, anh bạn, tôi vừa nói lúc nãy rồi mà.” Anh ta nhìn cảnh sát một lát. “Anh biết đấy, so với một gã có tuổi, to lớn - tôi không có ý xúc phạm gì đâu - anh là một ứng cử viên tốt đấy. Da anh sẽ không bị cháy xệ.”

Giọng anh ta nhỏ lại. “Ô, này. Nhìn vào đó kìa.”

Sellitto đã mệt với câu chuyện dông dài này. Anh giơ luôn phù hiệu vàng của mình về phía tay chủ tiệm theo cái cách vừa thô bạo vừa nguy hiểm.

“Được rồi. Cảnh sát. Anh là cảnh sát à?”

Nghệ sĩ xăm mình đang ngồi trên một chiếc ghế đẩu đặt bên cạnh chiếc ghế tựa bằng da màu đen, trông có vẻ thoải mái nhưng da đã sần nhiều. Bên trên chiếc ghế da là cô gái anh ta đang nói chuyện cùng lúc Sellitto bước vào.

Cô ta mặc một chiếc quần bò chặt cứng và áo không tay màu xám choàng bên ngoài thứ trông có vẻ như áo lót ba dây hay ba lỗ quai sợi, hay cái tên nào đó mà họ dùng để gọi nó. Màu hồng, xanh lá cây và xanh dương. Mái tóc vàng rực rỡ của cô ta thả dài ở bên trái nhưng cắt ngắn bên phải. Một khuôn mặt xinh đẹp nếu bạn có thể bỏ qua mái tóc ngớ ngẩn và cặp mắt bồn chồn.

“Anh muốn nói chuyện với tôi à?” nghệ sĩ xăm hỏi.

“Tôi muốn nói chuyện với TT Gordon?”

“Tôi là TT.”

“Vậy thì tôi muốn nói chuyện với cậu.”

Gần đó, một nghệ sĩ khác, một anh chàng mũm mĩm tầm ba mươi tuổi, mặc chiếc quần ống thụng và áo thun đang làm việc với một khách hàng khác - một lực sĩ thể hình - đang nằm úp mặt trên chiếc giường bằng da, loại giống như các tiệm mát xa hay dùng. Người đàn ông này đang xăm một chiếc xe máy chi tiết trên lưng.

Cả nhân viên cửa tiệm lẫn người khách đều nhìn lên Sellitto, anh nhìn trừng trừng đáp lại.

Họ quay lại với việc xăm mình và được xăm.

Viên thanh tra liếc sang Gordon và cô gái có mái tóc lệch. Cô ta đang buồn bực, thực sự thấy phiền hà. Mặc dù vậy Gordon dường như không hề bận tâm đến sự hiện diện của cảnh sát. Người chủ của tiệm xăm Hum-Drum có đầy đủ các loại giấy phép và trả thuế tử tế, viên thanh tra biết điều đó.

Anh đã kiểm tra.

“Đợi tôi xong việc bên này đã nhé.”

Sellitto bảo, “Việc này quan trọng đấy.”

“Việc này cũng quan trọng,” Gordon bảo, “anh bạn ạ.”

“Không đâu, anh bạn,” Sellitto nói. “Điều cậu sắp làm là ngồi xuống kia và trả lời những câu hỏi của tôi. Bởi vì việc quan trọng *của tôi* quan trọng hơn việc quan trọng *của cậu*. Và Quý cô Gaga, cô sẽ phải ra về.”

Cô ta gật đầu. Nín thở.

“Nhưng...” Gordon dợm nói.

Sellitto hỏi thẳng, “Cậu đã bao giờ nghe nói đến khoản 260.21, Bộ luật Hình sự New York chưa?”

“Tôi. Ừm. Chắc rồi.” Gordon gật đầu về đương nhiên là thế.

“Việc xăm mình cho trẻ vị thành niên dưới mười tám tuổi là một tội danh được định nghĩa là cư xử trái pháp luật với trẻ em cấp độ hai.” Quay sang cô gái tóc vàng. “Thực ra cô bao nhiêu tuổi?” Sellitto quát.

Cô ta đang khóc. “Mười bảy. Tôi xin lỗi. Tôi chỉ, tôi đã không, tôi thực sự, ý tôi là...”

“Cô có muốn nói hết câu ngay đây không?”

“Làm ơn, tôi chỉ, ý tôi là...”

“Để tôi nói theo cách này nhé: Ra khỏi đây.”

Cô ta bỏ chạy, bỏ cả chiếc áo khoác giả da phía sau. Trong lúc cả Sellitto và Gordon đang nhìn, cô gái dừng lại, lưỡng lự rồi chạy lại thật nhanh, tóm lấy chiếc áo rồi biến mất lần nữa, lần này là đi hẳn.

Quay sang ông chủ cửa hàng, Sellitto thấy thích thú với chính mình, dù anh cũng để ý thấy rằng Gordon vẫn không hề mảy may thấy tội lỗi. Hay sợ hãi.

Vị thanh tra ép thêm chút nữa. “Tội đó vô tình lại là hành vi sai trái hạng B. Có thể bị phạt tù ba tháng.”

Gordon nói, “Có thể phạt tù đến ba tháng nhưng việc xuất trình được một cái thẻ căn cước trông như thật lại là lời biện hộ xác đáng. Giấy tờ của cô ta ư? Nó thực sự, thực sự đẹp. Đỉnh cao. Tôi tin nó là thật. Bồi thẩm đoàn cũng tin nó là thật.”

Sellitto cố không chớp mắt nhưng không thành công lắm.

Gordon nói tiếp, “Dù chuyện ấy cũng chẳng thành vấn đề. Tôi có định xăm cho cô ta đâu. Tôi đang ở trạng thái Sigmund của mình.”

Sellitto nghiêng đầu.

“Freud. Kiểu như bác sĩ ấy. Cô bé vô cùng muốn được xăm, nhưng tôi đang tư vấn cô ấy không làm. Cô bé chỉ là một đứa nhóc đến từ Queens hay Brooklyn, bị thằng nhóc nào đó đá vì một con đĩm có hình xăm ngũ thủ.”

“Cái gì cơ?”

“Năm. Ngũ là năm. Đầu lâu, anh biết đấy. Cô ta muốn có bảy cái. Thất.”

“Thế buổi tư vấn ra sao rồi, Bác sĩ?”

Chàng trai nhăn nhó. “Đang tiến triển tốt - tôi sắp thuyết phục được cô ta từ bỏ ý định rồi. Đúng lúc anh bước vào. Discouragus interruptus. Nhưng tôi nghĩ tạm thời cô ta sợ rồi.”

“Thuyết phục cô ta thôi ư?”

“Đúng vậy. Tôi đang bốc phét là xăm mình sẽ làm hỏng da cô ta. Chỉ trong vài tháng cô ta sẽ trông già đi đến mười tuổi. Điều đó thật nực cười bởi vì phụ nữ Nam Thái Bình Dương lại xăm để làm mình trông trẻ hơn.

Môi. Mí mắt. Ôi dà phải rồi. Tôi đoán cô ta không biết phong tục của người Samoa đâu.”

“Nhưng cậu đã tưởng cô ta đủ tuổi. Thế thì tại sao phải thuyết phục cô ta không xăm?”

“Anh bạn. Thứ nhất, tôi vẫn nghi ngờ giấy tờ của cô ta. Nhưng đó không phải lí do chính. Cô ta đến đây vì toàn lí do sai lầm. Anh xăm là để mang một tuyên ngôn tích cực về bản thân. Chứ không phải để trả thù, không phải để gí nó vào mặt ai. Không phải vì anh cũng muốn làm đứa con gái ngu ngốc có hình xăm rỗng kia. Xăm mình là để nói lên *anh* là ai, chứ không phải để trở thành một người khác. Anh hiểu chưa?”

Không hiểu lắm, biểu cảm của Sellitto nói.

Nhưng Gordon giải thích tiếp, “Anh có thấy tóc tai và cách trang điểm kiểu gothic của cô ta không? Bất chấp tất cả những điều đó, cô ta *không* phải là người thích hợp cho việc xăm mình. Cô ta có chiếc ví Hello Kitty, lọ Chúa tôi. Lại còn một cây thánh giá Thánh Timothy trên cổ nữa chứ.

Vào thời của anh, chắc anh sẽ gọi cô ta là em hàng xóm nhà bên, anh biết đấy, kiểu hay đi đến cửa hàng bánh kẹo đồ ngọt ấy.”

Thời của tôi ư? Đồ ngọt? Tuy nhiên, Sellitto vẫn thấy mình đang miễn cưỡng ngả về phía tin vào câu chuyện của anh ta.

“Bên cạnh đó, tôi không có loại bóng mềm vừa với cô ta,” chàng trai trẻ vừa nói vừa cười toe toét. Càng đẩy Sellitto xa thêm.

“Một cái gì cơ?”

Anh ta giải thích: một quả bóng tennis anh đưa cho các khách hàng mà anh nghĩ là họ không chịu nổi cơn đau trong quá trình xăm. “Con bé đó không chịu được đâu. Nhưng, nếu định xăm thì anh phải chịu đau thôi. Đó là quy luật: đau đốn và máu. Cam kết đó, anh bạn. Hiểu chưa? Vậy tôi có thể làm gì cho anh, khi mà bây giờ tôi đã biết không có vụ khủng hoảng tuổi trung niên nào ở đây.”

Thanh tra lâu bầu. “Cậu đã bao giờ nói “thủng chữa” thay vì “hiểu chữa” chưa?”

““Thủng chữa. ’ Là từ thời của anh.”

“Từ thời của tôi,” Sellitto nói. “Tôi và lũ lập dị.”

TT Gordon cười.

“Có một vụ án chúng tôi đang điều tra. Tôi cần giúp đỡ.”

“Tôi đoán vậy. Cho tôi một phút nhé.” Gordon bước vào khoang làm việc thứ ba. Nghệ sĩ xăm này có hai cánh tay dày đặc những hình xăm phức tạp màu xanh và đỏ. Anh ta đang xăm cho một chàng trai xấp xỉ ba mươi.

Cậu ta đang cho xăm một hình con chim đại bàng bay trên hai bắp tay.

Sellitto nghĩ đến lũ đại bàng trên bệ cửa sổ nhà Rhyme.

Người khách trông như anh ta chỉ vừa đi tàu điện ngầm từ phố Wall đến đây và sẽ quay lại công ty luật của mình để làm việc thâu đêm sau khi xong.

Gordon nhìn hình vẽ. Đưa ra vài chỉ dẫn.

Sellitto quan sát cửa tiệm. Dường như nó thuộc về một thời đại khác: đặc biệt là những năm 1960. Các bức tường treo kín đặc hàng trăm bức ảnh mẫu hình xăm rực rỡ: những khuôn mặt, biểu tượng tôn giáo, các nhân vật hoạt hình, những khẩu hiệu, bản đồ, phong cảnh, đầu lâu... rất nhiều hình trong đó tạo ảo giác về màu sắc. Ngoài ra còn có vài chục hình ảnh các loại khuyên có sẵn để bán. Một vài khung hình được che rèm. Sellitto có thể đoán được những nụ và kim kia đã được đâm vào bộ phận nào trên cơ thể, dù anh thắc mắc tại sao phải đoan trang thế.

Những tiệm xăm nhắc Sellitto nhớ đến những salon tóc với loại ghế tựa dành cho khách hàng và những chiếc ghế đầu cho nghệ sĩ. Thiết bị chai lọ và khăn các loại đặt trên quầy. Trên tường là một tấm gương dán đề can ô tô hay các loại giấy phép của Ủy ban Y tế. Bất chấp thực tế nơi này tồn tại với

mục đích là làm vắng khắp nơi các loại dịch trong cơ thể, trông nó vẫn sạch không chê vào đâu được. Mùi thuốc sát trùng nồng nặc và biển cảnh báo về chuyện rửa sạch và tiệt trùng dụng cụ cũng có ở khắp nơi.

130 độ C là bạn của bạn.

Gordon nói xong các gợi ý của mình và ra hiệu cho Sellitto vào căn phòng phía sau. Họ gạt một bức rèm hạt nhựa sang bên để bước vào khu văn phòng. Nơi này cũng gọn gàng, ngăn nắp và sạch sẽ.

Gordon lấy một chai nước từ trong tủ lạnh nhỏ ra và mời Sellitto, nhưng Sellitto không định nhúng mỏ vào bất kì thứ gì trong cửa hàng này. Anh ta lắc đầu.

Chủ cửa hàng xoáy mở nắp chai và uống. Anh ta gạt đầu về phía ngưỡng cửa, chỗ tấm rèm hạt vẫn còn đung đưa. “Chúng ta đã trở thành người như thế đấy.” Cứ như Sellitto đã là bạn thân nhất vừa mới có của anh ta.

“Thế là sao?”

“Anh chàng trong bộ vest công sở ấy,” anh ta nói khẽ. Chàng trai đại bàng. “Anh có thấy hình xăm ở chỗ nào không?”

“Hai bắp tay.”

“Đúng vậy. Trên cao. Dễ giấu. Anh chàng có hai hoặc ba đứa con, hay sắp sửa có trong vài năm tới. Từng học Columbia hoặc [NYU*](#). Luật sư hoặc kế toán.” Một cái lắc đầu. Túm tóc đuôi ngựa lúc lắc. “Hình xăm từng bị coi là xấu xa. Những người có hình xăm là trai hồng gái hư. Giờ thì xăm mình cũng chỉ như đeo một cái vòng tay hay dây chuyền hay thắt cà vạt thôi. Người ta còn nói đùa là ai đó sắp mở một chuỗi cửa hàng xăm ở các trung tâm thương mại. Gọi là Tat-bucks.”

NYU là viết tắt của New York University, tức Trường Đại học New York.

“Đó là lí do cho mấy cái que kia à?” Sellitto hất cằm về phía những que sắt trên đầu Gordon.

“Anh sẽ phải đi xa hơn mới đưa ra được một tuyên ngôn. Nghe có vẻ mệt mỏi nhỉ. Xin lỗi. Giờ thì. Tôi có thể giúp gì cho anh, Sĩ quan?”

“Tôi đang đi một vòng các tiệm xăm lớn trong thành phố. Trước đó chưa ai giúp được gì nhiều nhưng tất cả bọn họ đều bảo tôi phải tới gặp cậu.

Họ bảo đây là tiệm xăm lâu đời nhất trong thành phố. Và cậu biết tất cả mọi người trong cộng đồng này.”

“Khó để mà nói về chuyện đâu là tiệm lâu đời nhất. Xăm mình - ý tôi nói tới hoạt động xăm hiện đại ở nước Mỹ, chứ không phải từ thời bộ lạc -

gần như chắc chắn khởi nguồn từ New York. Tiệm Bowery, xuất hiện từ cuối những năm 1800. Nhưng xăm đã bị cấm vào năm 61 sau đợt bùng phát bệnh viêm gan. Nó chỉ mới được hợp pháp hóa trở lại hồi năm 1997. Tôi tìm được vài tài liệu nói rằng cửa hàng này có lịch sử từ tận những năm



1920 - trời ạ, hẳn là vào thời đó. Anh mà có hình xăm thì anh lập tức được gọi là Quý ông Lập dị ngay. Hay Quý cô, mặc dù thời đó hiếm có phụ nữ chịu xăm. Không phải là không có. Mẹ của Winston Churchill có một hình rắn tự cắn đuôi nó.” Anh ta để ý thấy Sellitto cũng không mấy hứng thú với bài học lịch sử. Một cái nhún vai. Nhiệt huyết của tôi không phải nhiệt huyết của bạn. Hiểu rồi.

“Việc này, việc tôi sắp kể với cậu, là chuyện mật.”

“Không cần lo đâu, anh bạn. Người ta kể cho tôi nghe đủ thứ chuyện lúc họ nằm dưới mũi kim. Họ lo lắng nên bắt đầu lái nhái. Tôi quên tiệt mọi điều

tôi được nghe. Mất trí nhớ, anh biết đấy.” Một cái cau mày. “Anh ở đây vì ai đó có thể là khách hàng của tôi à?”

“Không có lí do gì để nghĩ vậy nhưng có thể.” Sellitto nói thêm, “Nếu chúng tôi cho anh xem một hình xăm, anh có nghĩ mình biết được điều gì đó về người đã làm ra nó không?”

“Có thể. Ai nấy đều có phong cách của riêng mình. Kể cả hai nghệ sĩ cùng làm ở một chỗ cũng sẽ khác nhau. Đó là do cách anh học xăm, chiếc máy anh dùng, loại kim anh kết hợp với nhau. Cả ngàn lí do. Dù sao, tôi không thể đảm bảo nhưng tôi đã làm việc với những nghệ sĩ từ khắp cả nước, từng tới dự hội nghị ở hầu hết mọi tiểu bang. Có thể tôi sẽ giúp được anh.”

“Được rồi, đây.”

Sellitto lục trong cặp của mình và lấy ra bức ảnh Mel Cooper đã in ra.

Gordon cúi sát, cau mày nghiên cứu bức ảnh kỹ càng. “Người đã vẽ cái này biết mình đang làm gì - chắc chắn là một tay chuyên nghiệp. Nhưng tôi không hiểu chỗ sưng phồng. Không hề có mực. Da bị rộp lên và xù xì. Mức độ viêm nhiễm nặng. Và cũng không có màu gì. Anh ta dùng loại mực vô hình à?”

Sellitto tưởng Gordon đang nói đùa và bảo thế. Gordon giải thích rằng có những người không muốn phải cam kết, nên họ xăm bằng một hỗn hợp đặc biệt nhìn bề ngoài là vô hình nhưng sẽ hiện lên dưới tia cực tím.

“Đám đông bóng mềm ấy à.”

“Anh hiểu rồi đó, anh bạn.” Một nắm tay giơ về phía Sellitto. Viên thanh tra không chịu giơ tay chạm. Rồi chàng nghệ sĩ cau mày. “Tôi có cảm giác còn chuyện gì đó khác đang xảy ra, đúng không?”

Sellitto gật đầu. Họ đã giữ bí mật về chất độc với báo chí; đây là kiểu cách thức gây án có thể dẫn đến việc bắt chước. Và nếu có nguồn tin nào đó, hoặc

bản thân thủ phạm quyết định gọi tới Tòa thị chính để ba hoa, họ cần phải biết rằng kẻ gọi đến có thể tiếp cận với những chi tiết thật của vụ án mạng.

Hơn nữa, như một quy tắc chung, Sellitto thích giải thích càng ít càng tốt trong lúc đi thăm vấn các nhân chứng hoặc hỏi xin lời khuyên. Mặc dù vậy trong trường hợp này anh ta không còn lựa chọn nào. Anh cần sự giúp đỡ của Gordon. Và Sellitto quyết định rằng anh khá là thích anh chàng này.

Anh bạn...

“Nghỉ phạm mà chúng tôi đang tìm kiếm, hẳn đã dùng chất độc thay vì mực.”

Nghệ sĩ xăm trổ mắt kính ngạc, những cái khuyên kim loại nâng lên đáng kể. “Chúa ơi. Không! Chúa ơi.”

“Ừ đấy.”

“Cậu từng nghe thấy ai làm việc như vậy chưa?”

“Không đời nào.” Gordon gạt tay ngang qua bộ râu cầu kì. “Việc ấy sai quá sai. Trời ơi. Anh thấy không, chúng tôi... việc chúng tôi đang làm là một loại hình lai giữa nghệ thuật và phẫu thuật thẩm mỹ - mọi người đặt niềm tin vào chúng tôi. Chúng tôi có một mối quan hệ đặc biệt với mọi người.” Giọng Gordon gay gắt hơn. “Dùng việc xăm mình để giết ai đó. Ôi trời ơi.”

Điện thoại cửa hàng vang lên và Gordon mặc kệ nó. Nhưng vài giây sau anh chàng thợ xăm to lớn - người đang xăm hình chiếc mô tô - lộ đầu qua bức rèm.

“Này, TT.” Gật đầu với Sellitto.

“Có một cuộc gọi. Chúng ta có thể xăm tờ một trăm dollar lên cổ một anh chàng không?” Giọng miền nam. Sellitto không xác định được là ở đâu.

“Một trăm à? Ừ, sao lại không?”

“Ý tôi là, vẽ lại tờ tiền không phạm pháp đấy chứ?”

Gordon đảo mắt. “Có phải anh ta định nhét mình vào cái cột nào ở thành phố Atlantic đâu.”

“Tôi chỉ hỏi thôi mà.”

“Không sao cả.”

Anh chàng nghệ sĩ nói vào điện thoại, “Vâng, chúng tôi sẽ làm.” Rồi cúp máy. Anh ta định quay đi thì Gordon bảo, “Chờ chút.” Quay sang Sellitto, anh ta nói thêm, “Eddie cũng đi đây đi đó nhiều. Có thể anh muốn nói chuyện với cả cậu ta nữa.”

Thanh tra gật đầu và Gordon giới thiệu hai người. “Eddie Beaufort, Thanh tra Sellitto.”

“Rất vui được gặp anh.” Cách nhấn giọng từ miền trung Thái Bình Dương, Sellitto nhận định. Người đàn ông có khuôn mặt ôn hoà, khác hẳn hai cánh tay vẽ chằng chịt - dường như đa phần là động vật hoang dã.

“Thanh tra. Cảnh sát. Hừm.”

“Kể với Eddie chuyện anh đang kể tôi nghe đi.”

Sellitto giải thích tình hình với Beaufort, và cậu ta cũng kinh ngạc và buồn bực không kém gì Gordon. Rồi thanh tra hỏi, “Anh đã bao giờ nghe thấy ai dùng mực hoặc súng xăm làm vũ khí chưa? Độc chất hoặc một thứ gì khác? Cả hai anh?”

“Chưa,” Beaufort thì thầm. “Chưa bao giờ.”

Gordon nói với gã đồng nghiệp, “Hình xăm đẹp lắm.”

“Phải. Gã này biết mình định làm gì. Đó là chất độc đấy hả?”

“Đúng vậy.”

Gordon hỏi, “Làm sao hẳn tóm được cô ấy, ý tôi là, sao cô ấy có thể nằm im lâu đến thế?”

“Đánh thuốc mê cô gái. Nhưng nó cũng không giúp hẳn được bao lâu.

Chúng tôi nghĩ hẳn đã vẽ hình xăm ấy trong vòng mười lăm phút.”

“Mười lăm?” Gordon kinh ngạc hỏi.

“Như thế là khác thường lắm à?”

Beaufort nói, “Khác thường ư? Quý thần luôn, anh ơi. Tôi không biết ai làm được một hình như thế chỉ trong mười lăm phút. Ít nhất cũng phải một tiếng.”

“Đúng vậy,” Gordon đế vào.

Beaufort hất cằm về phía mặt trước cửa hàng. “Bên kia đang có anh chàng ở trần. Tôi phải đi đây.”

Sellitto gật đầu cảm ơn. Anh hỏi Gordon, “Này, nhìn vào cái đó, cậu có thể nói cho tôi biết *bất kì điều gì* về kẻ đã vẽ nó không?”

Gordon cúi xuống và nghiên cứu bức ảnh chụp hình xăm trên thi thể Chloe Moore. Lông mày anh ta nhíu lại. “Trông nó không rõ lắm. Anh có ảnh nào chụp gần hơn không? Hoặc độ phân giải tốt hơn.”

“Chúng tôi có thể lấy được.”

“Tôi có thể đến đồn. Hehe. Lúc nào tôi cũng muốn đến đó.”

“Chúng tôi đang làm việc với một văn phòng tư vấn. Chúng tôi... Chờ đã.” Điện thoại của Sellitto rung lên. Anh nhìn vào màn hình, đọc tin nhắn.

Thú vị đấy. Anh trả lời văn tắt.

Anh quay lại với Gordon. “Tôi phải đến chỗ này nhưng cậu ghé qua đây nhé.” Sellitto viết tên và địa chỉ nhà Rhyme. “Đó là chỗ tư vấn. Tôi phải tạt

qua trụ sở một lát rồi tôi sẽ gặp cậu ở đó.”

“Được rồi. Khi nào?”

“Càng sớm càng tốt.”

“Chắc chắn rồi. Này, anh có muốn một khẩu Glock hay gì đó không?”

“Cái gì?” Sellitto thuận mặt ra.

“Tôi sẽ xăm cho anh miễn phí. Một khẩu súng, một cái đầu lâu. Này, hay phù hiệu của NYPD thì sao?”

“Không đầu lâu, không phù hiệu.” Anh chỉ tay vào tấm danh thiếp có chứa địa chỉ ở Công viên Central. “Tất cả những gì tôi cần là cậu xuất hiện.”

“Càng sớm càng tốt.”

“Cậu hiểu rồi đấy, anh bạn.”

“Chúng ta đến đâu rồi, lính mới?”

Ngồi trên chiếc ghế đầu ở phòng khách nhà Rhyme, Ron Pulaski đang khom lưng trên bàn phím máy tính. Cậu ta đang khoanh vùng các địa điểm trong thành phố, những nơi có thể xuất hiện đá cẩm thạch Inwood. “Chậm lắm. Không phải chỉ có các vụ nổ nền đá. Trong thành phố đang có cả tỉ hoạt động phá dỡ khác nữa. Và giờ là tháng Mười một. Trong thời tiết này nữa chứ. Ai mà nghĩ được? Tôi...”

Một chiếc điện thoại di động đổ chuông. Cảnh sát trẻ thò tay vào túi và lôi nó ra. Một chiếc điện thoại trả trước.

Chiến dịch ngầm liên quan đến Thợ đồng hồ đang khởi động. Rhyme thấy phấn khởi vì có người gọi tới văn phòng nhanh như thế.

Và nội dung chủ đạo của cuộc nói chuyện sẽ là gì?

Anh nghe vài câu chào hỏi. Rồi: “Vâng, về thi thể. Richard Logan.

Đúng vậy.” Cậu ta lang thang về góc phòng. Rhyme không thể nghe thêm.

Nhưng anh đã để ý thấy biểu hiện nghiêm trọng của Pulaski - anh quyết định không chơi chữ để trêu đùa cậu lính mới, khi nghĩ đến nhiệm vụ này vốn đã gây áp lực cho cậu ta như thế nào.

Sau khoảng hai, ba phút Pulaski cúp máy và ghi lại vài chữ.

“Và?” Rhyme hỏi.

Pulaski nói, “Họ đã chuyển xác Logan tới Nhà tang lễ Berkowitz.”

“Ở đâu?” Rhyme hỏi. Nơi đó nghe có vẻ quen.

“Không xa đây mấy. Phố trên Broadway.”

“Có lẽ tưởng niệm không?”

“Không, chỉ có ai đó sẽ tới lấy tro cốt của hắn vào thứ Năm thôi.”

Không nhìn lên khỏi màn hình máy tính lớn, Rhyme lẩm bẩm. “Không có gì trong nguồn dữ liệu của FBI về các chất độc và cũng không có thứ chết tiệt gì liên quan đến “lần thứ hai” cả. Mặc dù tôi đoán là chúng ta cũng không thể quá lạc quan về cái đó. Ai kia?”

Cả Pulaski lẫn Cooper đều không phản ứng. Sachs cũng im lặng.

“Sao?” Rhyme hỏi.

“Sao gì?” Cooper lên tiếng.

“Tôi đang hỏi Pulaski. Ai sẽ đến đâu? Để lấy tro của Logan? Cậu có hỏi giám đốc nhà tang lễ ai sẽ đến đó không?”

“Không.”

“Chà, sao lại không?”

“Bởi vì,” tay cảnh sát tuần tra trả lời, “câu hỏi đó có vẻ đáng ngờ, anh không nghĩ vậy sao Lincoln? Lỡ như tông phạm bí ẩn của Thọ đồng hồ sẽ tới tưởng nhớ hắn lần cuối và ông giám đốc lỡ mồm nhắc tới có người từng thắc mắc ai sẽ đến thì sao - đó không phải là một câu anh nên hỏi...”

“Được rồi. Cậu cũng có lí.”

“Đúng quá đi chứ,” Cooper nói.

Tương đối đúng thôi.

Rồi Rhyme lại nghĩ về thông điệp qua hình xăm trên cơ thể Chloe Moore. Anh không nghĩ “lần thứ hai” là một phần trong câu trích dẫn nào đó mà có thể lần ra dấu vết được. Đó có thể là một điều nghi phạm chỉ ngẫu hứng

chọn ra và không thể lần theo. Và cũng có thể đằng sau nó không có ý nghĩa nào cả.

Một cách phân tán chú ý, đánh lạc hướng.

Như dùng khói và gương...

Nhưng nếu mi đích *thực* muốn nói gì đó, thì đó có thể là gì? Tại sao mi lại trưng bày ý nghĩ của mình ra như cần câu cá thế kia?

“Tôi không biết,” Cooper nói.

Rõ ràng Rhyme đã nói to lên câu hỏi dành cho nghi phạm khó hiểu kia.

“Lời nhả chết tiệt,” anh lẩm bẩm.

Tất cả mọi người trong phòng cùng nhìn vào nó lần nữa.

“... lần thứ hai, lần thứ hai...”

“Hay là phép đảo chữ?” kỹ thuật viên gợi ý.

Rhyme đọc lướt các chữ cái. Không có gì đặc biệt khi sắp xếp lại chúng cả. “Dù sao, tôi có cảm giác bản thân lời nhả đã đủ bí hiểm rồi. Hẳn không cần chơi Đảo chữ với chúng ta. Vậy, lính mới, cậu sẽ hoạt động ngầm ở nhà tang lễ. Cậu làm được việc đó chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

Trả lời quá nhanh, Rhyme nghĩ. Anh biết thái độ miễn cưỡng của lính mới với nhiệm vụ này không liên quan gì đến chuyện cậu ta có thể gặp nguy hiểm về thân thể. Kể cả nếu di hài của Thợ đồng hồ có được một đồng phạm nhận lãnh, và hẳn chính là kẻ đến thu tro cốt, thì hẳn cũng sẽ không lôi súng ra mà bắn vào một cảnh sát chìm trong nhà tang lễ. Không, điều ám ảnh chàng cảnh sát trẻ chính là nỗi sợ hãi rằng cậu không đủ bản lĩnh, tất cả tới từ vết thương ở đầu mà cậu ta đã phải chịu vài năm trước. Pulaski rất giỏi trong việc tìm kiếm dấu vết trong các hiện trường tội ác. Cậu ta cũng khá

giỏi trong phòng thí nghiệm, với tư cách một người không phải là nhà khoa học. Nhưng khi phải đối diện với con người và đưa ra những quyết định nhanh chóng, cậu ta sẽ bất an và do dự. “Chúng ta sẽ nói sau về việc phải mặc gì, cư xử ra sao, phải giả vờ là ai.”

Pulaski gật đầu, cất đi chiếc điện thoại mà này giờ cậu vẫn đang nắn bóp một cách lo lắng, và quay lại với công việc tìm đá Inwood.

Bấy giờ, Rhyme điều khiển chiếc xe lăn Merits tới gần bàn giám định có đặt các bằng chứng của vụ án mạng Chloe Moore ở SoHo. Anh hướng ánh mắt lên màn hình bên trên, nơi đang trình chiếu những bức ảnh rực sáng với độ phân giải cao Sachs đã chụp tại hiện trường. Anh nghiên cứu khuôn mặt đã chết của cô gái, những đốm nước bọt, cái miệng há, vết nôn, cặp mắt đục ngầu mở lớn. Biểu cảm phản ánh những giờ phút cuối cùng của đời cô. Chất độc chết người chiết xuất từ cây thủy độc cần hần đã gây ra chứng co giật khủng khiếp và cơn đau đớn khôn tả.

Tại sao lại dùng chất độc? Rhyme tự hỏi một lần nữa.

Và tại sao lại dùng súng xăm làm công cụ truyền chất độc vào người cô gái?

“Chết tiệt,” Sachs lẩm bẩm, ngửa người ra sau từ bàn làm việc của mình. Cô đang giúp Pulaski lần theo các giấy phép cho dùng chất nổ thương mại. “Máy tính lại bị ngắt lần nữa. Hai lần trong vòng hai mươi phút vừa qua. Cứ như đường dây điện thoại lúc này vậy.”

“Không chỉ ở đây,” Thom nói. “Các vụ mất điện xảy ra khắp thành phố.”

Kéo dài thời gian tải dữ liệu. Bực bội thật đấy. Khoảng hơn chục khu dân cư bị ảnh hưởng.”

Rhyme cúi kính, “Tuyệt quá nhỉ. Đúng thứ chúng ta cần.” Giờ đây người ta không thể tiến hành điều tra một tội ác mà không dùng đến máy tính, từ các dữ liệu của Sở Giao thông cho tới thông tin cảnh sát mật và cả cơ quan an ninh quốc gia cho tới Google. Nếu dòng dữ liệu bị tắc nghẽn thì các vụ án sẽ

bị trì hoãn. Và bạn không bao giờ biết mình phụ thuộc vào đồng byte và bit vô hình ấy nhiều đến đâu cho đến khi dữ liệu bị kẹt cứng lại.

Sachs tuyên bố, “Được rồi, giờ nó đã thông.”

Nhưng những lo ngại về World Wide Web đã bị gạt đi khi Sellitto ào vào phòng khách nhà Rhyme, vừa đi vừa cởi áo. Anh ta ném cái áo Burberry lên một chiếc ghế, thả cặp găng tay lên trên và lôi cái gì đó từ trong cặp tấp ra.

Rhyme nhìn anh ta và cau mày.

Sellitto biện hộ, “Rồi tôi sẽ lau cái sàn chết tiệt này, Linc.”

“Tôi không quan tâm đến cái sàn. Sao tôi lại quan tâm đến cái sàn nhà kia chứ? Tôi muốn biết anh có gì trong tay kia.”

Sellitto vuốt mồ hôi. Rõ ràng thân nhiệt của anh ta không hề bị ảnh hưởng bởi tháng Mười một lạnh lẽo nhất, tàn khốc nhất trong vòng hai mươi lăm năm qua. “Đầu tiên, tôi đã tìm được một nghệ sĩ xăm chịu giúp đỡ và cậu ta đang trên đường đến đây. Hay nên như thế. TT Gordon. Anh nên xem bộ râu ấy.”

“Lon.”

“Giờ đến cái này.” Anh ta giơ một cuốn sách lên. “Mấy anh chàng ở trụ sở ấy? Họ đã lần ra được mẫu giấy kia đến từ đâu.”

Trái tim Rhyme đập nhanh hơn một chút - một cảm giác mà hầu hết mọi người sẽ cảm nhận trong lồng ngực, nhưng tất nhiên với anh thì nó chỉ đơn giản là sự gia tăng mạch đập ở cổ và đầu, những phần duy nhất của cơ thể anh còn có cảm giác.

ies rằng kỹ năng tuyệt nhất của anh ta là khả năng dự đoán “Họ làm cách nào vậy, Lon?” Sachs hỏi.

Sellitto nói tiếp, “Cô biết Marty Belson, phòng Trọng án chứ.”

“Ồ, bộ não lớn ấy hả.”

“Đúng rồi. Yêu thích câu đố. Chơi Sudoku cả trong giấc ngủ ấy.”

Sellitto giải thích với Rhyme. “Chủ yếu làm các vụ án liên quan đến tài chính. Dù sao thì, anh ta phát hiện ra những chữ cái trên cùng là một phần của tiêu đề, anh biết cách những cuốn sách trình bày tên tác giả ở đầu trang của một mặt giấy rồi tiêu đề sách ở đầu trang mặt giấy bên kia chứ?”

“Chúng tôi biết. Nói tiếp đi.”

“Anh ta chơi thử với những từ kết thúc bằng “ies*” ?”

Kết thúc của danh từ chỉ số nhiều trong tiếng Anh.

Rhyme nói, “Một từ ở trang bên kia là “thi thể” , nên đó cũng là một lựa chọn, danh từ số nhiều. Chúng ta đã dự đoán nó là một cuốn sách về tội phạm. Hoặc khi cân nhắc đến phạm trù thi thể, có thể nó là *Enemies* (những kẻ thù).”

“Không. Là *Cities* (những thành phố). Tên sách đầy đủ là *Những thành phố liên hoàn*. Nó nằm trong danh sách chốt bao gồm khoảng sáu cuốn mà Marty tìm ra. Anh ta đã gọi đến tất cả các nhà xuất bản sách lớn trong thành phố - ngày nay không còn nhiều như trước kia nữa - và đọc cho họ câu văn ấy. Một biên tập viên đã nhận ra nó. Anh ta bảo công ty anh ta từng xuất bản nó từ rất lâu rồi. *Serial Cities*. Giờ nó đã không còn được nổi bản nhưng thậm chí anh ta còn biết chương có đoạn đó là ở đâu. Chương Bảy.

Anh ta đã cho gửi một cuốn đến chỗ chúng ta.”

Tuyệt vời! Rhyme hỏi, “Và chương cụ thể ấy nói về cái gì?”

Sellitto lại quệt thêm mồ hôi. “Anh, Linc ạ. Nó đều nói về anh.”

“Và cả cô nữa, Amelia.”

Sellitto đang mở cuốn sách ra. Rhyme để ý tên đầy đủ của nó: *Những thành phố liên hoàn: Những sát nhân nổi tiếng từ Bờ bên này sang Bờ bên kia.*

“Để tôi đoán nhé: Chủ đề của cuốn sách là mọi thành phố lớn đều có một tên sát nhân hàng loạt.”

“Kẻ thắt cổ ở Boston, Charles Manson ở LA, Sát nhân 1-5 ở Seattle.”

“Báo chí câu thả quá. Manson không phải là sát nhân hàng loạt.”

“Tôi không nghĩ công chúng quan tâm đến chuyện đó.”

“Và chúng tôi đã được đưa vào sách cơ à?” Sachs hỏi.

“Tiêu đề chương bảy, “Kẻ tầm xương”.”

Đó là một cái tên nổi danh, nhờ báo chí và sự tiểu thuyết hóa quá đà về một kẻ bắt cóc hàng loạt đã thách thức Rhyme và đội NYPD vài năm về trước bằng cách giấu những nạn nhân của hắn ở những chỗ mà họ sẽ chết nếu anh không thể kịp thời tìm ra được nơi đó.

Vài nạn nhân được cứu, những người khác thì không. Vụ án nổi bật vì vài lí do: Nó đã mang Rhyme trở về từ cõi chết - gần như theo nghĩa đen.

Anh đã định sẽ chấm dứt mạng sống của chính mình vì quá trầm uất với tình trạng liệt tứ chi, nhưng lại quyết định sẽ nấn ná với thế gian thêm một chút sau trận cân não đầy phấn khích với tên sát nhân thông minh.

Chính vụ án ấy cũng đã mang Rhyme và Sachs đến với nhau.

Lúc này Rhyme lăm bẫm. “Thế mà chúng tôi không ở chương đầu?”

Sellitto nhún vai. “Ồ, rất tiếc, Linc ạ.”

“Nhưng đây là New York cơ mà.”

Và đó là tôi, Rhyme không thể không nghĩ.

“Tôi xem nó được không?” Sachs hỏi. Cô mở sách đến chương đó và bắt đầu đọc lướt.

“Ngắn ngủn,” Rhyme quan sát và còn bực mình hơn nữa. Cuộc điều tra về Kẻ thắt cổ ở Boston có được nhiều trang hơn chẳng?

“Anh biết không,” Sachs nói, “hình như em nhớ thời gian trước có nói chuyện với một phóng viên. Anh ta bảo anh ta đang viết một cuốn sách và mời em đi uống cà phê để tìm hiểu những chi tiết đã không được đăng báo hay ghi vào hồ sơ chính thức.” Cô mỉm cười. “Em nghĩ anh ta có nói đã gọi cho anh nữa, Rhyme, và anh đã nhai đầu anh ta rồi cúp máy.”

“Anh chả nhớ gì cả,” anh làu bàu. “Báo với chẳng chí. Nó thì có ích lợi gì cơ chứ?”

“Anh đã viết *cái kia* còn gì,” Pulaski hất đầu về phía giá sách, chỉ ra trên đó là cuốn sách phi hư cấu của chính Rhyme viết về những hiện trường vụ án nổi tiếng ở thành phố New York.

“Đó chỉ là một thú vui. Tôi không hiến dâng đời mình để nhai lại những câu chuyện gay cấn hòng phục vụ đám khán giả hút máu.”

Mặc dù có lẽ anh *nên* viết giật gân hơn, anh nghĩ lại; cuốn *Những hiện trường tội ác* từ nhiều năm trước đã là dạng sách ế.

“Câu hỏi quan trọng là, Nghi phạm Mười một-Năm này quan tâm gì đến vụ án Kẻ tầm xương?” Anh hất cằm về phía cuốn sách. “Bản chất chương nói về tôi là gì? Nó có một chủ đề nào không? Tác giả có mục đích cá nhân nào không?”

Vì Chúa, nó *dài* bao nhiêu trang cơ chứ? Chỉ mười trang ư? Rhyme ngày càng bị chạm tự ái hơn.

Sachs tiếp tục đọc lướt. “Đừng lo. Anh được viết hay lắm. Em cũng thế, phải thừa nhận như vậy... Chủ yếu nó mô tả về các vụ bắt cóc và kỹ thuật điều tra.”

Cô lật giở thêm nhiều trang nữa. “Rất nhiều chi tiết mang tính thủ tục của công việc khám nghiệm hiện trường. Vài chú giải. Có cả một chú thích dài về tình trạng của anh.”

“Ồ, chắc là đoạn văn thực sự hút độc giả đấy nhỉ.”

“Một đoạn khác về tính chính trị của vụ án.”

Sachs đã lâm vào tình thế căng như dây đàn khi đóng cửa cả một tuyến tàu để bảo tồn bằng chứng - điều đó đã gây ra sự bất hòa mãi tới tận Albany.

“Còn một chú giải nữa - về mẹ của Pam,” Sachs nói.

Một cô gái trẻ tên là Pam Willoughby và mẹ cô đã bị Kẻ tầm xương bắt cóc. Rhyme và Sachs đã cứu họ - chỉ có điều hóa ra bà mẹ lại không phải là một nạn nhân vô tội. Sau khi biết được điều này, Sachs và Rhyme đã tuyệt vọng truy tìm đứa trẻ. Vài năm trước cuối cùng họ đã cứu được cô bé. Pam giờ đã mười chín, đi học đại học và làm việc ở New York. Cô đã trở thành đứa em gái không chính thức của Sachs.

Sachs đọc đến cuối chương. “Hầu như tác giả chỉ quan tâm tới vấn đề tâm lý của tội phạm: Tại sao hắn lại quá ham thích xương như thế?”

Kẻ bắt cóc đã ăn trộm xương người và điêu khắc, chà và đánh bóng chúng. Có vẻ như nỗi ám ảnh của hắn bắt nguồn từ thực tế là hắn đã chịu mất mát trong quá khứ, những người thân yêu bị giết, và hắn tìm được niềm an ủi trong tâm thức ở sự trường tồn của bộ xương.

Tội ác của hắn là để trả thù cho mất mát ấy.

Rhyme nói, “Trước tiên, tôi nghĩ ta cần tìm hiểu xem liệu nghi phạm của chúng ta có mối liên hệ nào với chính Kẻ tầm xương hay không. Tìm trong

các hồ sơ. Lăn theo bất kì một người thân nào của thủ phạm, nơi họ đã sống và việc họ đã làm.”

Phải mất một thời gian mới tìm được đồng hồ sơ - các bản báo cáo chính thức và bằng chứng đều ở trong kho lưu trữ NYPD. Vụ án này đã khá lâu. Rhyme có vài tài liệu trong máy tính của mình nhưng các tập tin word không tương thích với hệ thống mới của anh. Một vài thông tin nằm trong những cái đĩa mềm rộng chín phân mà Thom sẽ phải đào lên từ dưới tầng hầm - động từ này khá hợp vì những chiếc hộp ấy đều phủ bụi quá dày.

“Mấy cái này là gì đấy?” Pulaski hỏi, cậu ta là đại diện của thế hệ đo lường dữ liệu lưu trữ bằng gigabyte.

“Đĩa mềm,” Sellitto nói.

“Có nghe nói. Chưa từng thấy cái nào.”

“Không đùa đấy chứ? Mà cậu có biết không, Ron, người ta còn từng có loại đĩa nhựa hình tròn màu đen to đùng để nghe nhạc nữa cơ. Ồ, và chúng tôi còn nướng những miếng bít tết voi trên lửa thật nữa kìa, lính mới. Trước thời có lò vi sóng ấy.”

“Ha ha.”

Những chiếc đĩa đúng là vô dụng nhưng Thom còn tìm được cả các tài liệu giấy trong hầm nữa. Rhyme và những người khác đã xâu chuỗi được một tiểu sử của Kẻ tầm xương và dùng Internet (giờ đây hoạt động trơn tru) để xác định vào thời đó thủ phạm không còn người thân nào còn sống, ít nhất cũng không phải họ hàng gần.

Rhyme im lặng một lát trong lúc anh ngẫm nghĩ: Và tôi biết tại sao hẳn không có bất kì người thân nào.

Sachs bắt gặp cái nhìn buồn bã của anh. Cô gật đầu trấn an nhưng Rhyme không đáp lại.

“Còn những người sống sót thì sao?”

Lại tìm kiếm trên mạng, lại thêm những cuộc điện thoại.

Hóa ra ngoài Pam, không có nạn nhân nào được cứu từ vụ Kẻ tầm xương mà vẫn còn sống hay sống trong thành phố này.

Rhyme nói cục cằn, “Được rồi, có vẻ không có bất kì liên hệ trực tiếp nào với vụ Kẻ tầm xương cả. Báo thù có thể là món ăn ngon nhất khi nguội lạnh nhưng đã quá lâu rồi nên khó có chuyện kẻ nào đó đang theo đuổi chúng ta vì vụ ấy.”

“Hãy nói chuyện với Terry,” Sachs gợi ý.

Nhà tâm lí học hàng đầu của NYPD, Terry Dobyns. Ông ta là người đã lập ra giả thuyết nổi ám ảnh về xương của Kẻ tầm xương có nguồn gốc từ sự trường tồn của nó và phản ánh một mất mát nào đó trong quá khứ của thủ phạm.

Dobyns cũng là vị bác sĩ đã tạo động lực cho Rhyme sau tai nạn của anh vài năm trước. Ông không chịu chấp nhận việc Rhyme đầu hàng cuộc đời và những ý nghĩ man nha tới cái chết của anh. Ông đã giúp nhà tội phạm học thích nghi với thế giới của người khuyết tật. Và không có mớ câu hỏi sáo rỗng kiểu “Việc ấy khiến anh cảm thấy như thế nào” ở đây. Dobyns *biết* bạn cảm thấy ra sao và ông dẫn dắt cuộc trò chuyện theo những hướng làm giảm bớt sự khốn khổ mà bạn phải trải qua đồng thời không né tránh sự thật. Và sự thật ở đây là đúng vậy đấy, đôi khi cuộc đời đối xử với bạn thật chó má.

Ông bác sĩ là một người thông minh, chắc chắn là vậy. Và là nhà tâm lí học tài năng. Nhưng gợi ý mời ông ta tham gia vụ này của Sachs lại là vấn đề khác hẳn; cô muốn xây dựng hồ sơ tâm lí của Nghi phạm 11-5 và với Rhyme việc lập hồ sơ này quá lắm cũng chỉ là nghệ thuật - chứ không phải môn khoa học - và đáng nghi ngờ.

“Sao phải làm vậy?” anh hỏi.

“Để không bỏ sót một li...”

“Làm ơn đừng ví von, Sachs.”

“Một lai nào...”

Sellitto cũng chọn phe. “Việc ấy có hại gì đâu, Linc?”

“Nó sẽ làm ta mất thời gian cho những việc gì đó giá trị - như phân tích bằng chứng chẳng hạn. Nó sẽ là một mối phân tâm. Việc ấy thì có hại đó, Lon.”

“Anh cứ việc phân tích,” Sellitto đáp trả. “Amelia và tôi sẽ gọi cho Terry. Thậm chí anh không cần phải nghe. Nghe này, nghi phạm của chúng ta đã rất vất vả để thò tay được vào một cuốn sách về Kẻ tầm xương. Tôi muốn biết tại sao hấn lại làm vậy.”

“Được thôi,” Rhyme đành đầu hàng.

Sellitto gọi điện và khi Dobyng nghe máy, thanh tra bấm một nút trên điện thoại.

“Ông đang ở loa ngoài đấy, Terry. Lon Sellitto đây. Tôi đang ở cùng Lincoln và một vài người nữa. Chúng tôi có một vụ án muốn hỏi ông đôi điều.”

“Lâu rồi nhỉ,” vị bác sĩ nói bằng giọng nam trầm mượt mà. “Cậu khoẻ không, Lon?”

“Ồn, ồn.”

“Còn Lincoln?”

“Tốt,” Rhyme lẩm bẩm và bắt đầu nhìn vào biểu đồ bằng chứng lần nữa. Cầm thạch Inwood. Bị thổi tung. Anh quan tâm đến *chuyện đó* hơn nhiều so với mấy trò dự đoán tâm lí học nước đôi kia.

Giả kim thuật...

“Amelia nữa đây,” cô nói. “Và Ron Pulaski cùng Mel Cooper.”

“Tôi dự đoán việc này liên quan đến vụ án hình xăm. Tôi vừa thấy nó trên bức điện tín.” Mặc dù báo chí không được thông báo về các tình tiết trong vụ Nghi phạm 11-5, nhưng toàn bộ các cơ quan hành pháp trong khu vực đều đã được liên hệ để hỏi về phương thức gây án tương tự (chưa nơi nào xác nhận là có).

“Đúng vậy. Có một tiến triển và chúng tôi muốn nghe ý kiến của ông.”

“Tôi nghe đây.”

Rhyme phải thừa nhận âm điệu của ông ta làm người khác bình tâm.

Anh có thể tưởng tượng ra cảnh ông bác sĩ khoẻ mạnh, với mái tóc xám và nụ cười hiền như giọng nói ấy. Khi ông ta lắng nghe bạn, ông thực sự lắng nghe. Bạn là trung tâm vũ trụ.

Sachs giải thích về việc thủ phạm ăn trộm một chương về Kẻ tâm xương - và thực tế hẳn đã mang theo nó trong suốt quá trình gây án. Cô cũng nói thêm rằng ở đây không có mối liên hệ trực tiếp nào với vụ Kẻ tâm xương nhưng có thể hẳn đã rất tâm huyết trong việc tìm bằng được một bản của cuốn sách.

Lon Sellitto kể thêm, “Và hẳn đã để lại một lời nhắn.” Anh giải thích về cụm từ “lần thứ hai” bị xăm bằng kiểu chữ Anh cổ.

Ông bác sĩ im lặng một lát. Rồi: “Chà, điều đầu tiên tôi nghĩ đến, mà hiển nhiên là các bạn cũng nghĩ ra rồi, là hẳn là một sát nhân hàng loạt.

Thông điệp còn để ngỏ có nghĩa sẽ còn nhiều vụ nữa trong tương lai. Rồi đến mối quan tâm của hẳn với Kẻ tâm xương, lại là một tên bắt cóc hàng loạt.”

“Chúng tôi đã giả thuyết là hẳn sẽ tiếp tục đi săn,” Sellitto nói.

“Các cậu đã có tí manh mối nào chưa?”

Sachs nói, “Mô tả - da trắng, gầy gò. Vài chi tiết về mấy loại độc mà hăn đã dùng và một loại có thể hăn định dùng.”

“Và nạn nhân là nữ da trắng?”

“Vâng.”

“Khớp với mô hình về sát nhân hàng loạt.” Hầu hết những tên sát nhân kiểu này đều đi sẵn trong phạm vi cùng chủng tộc với chúng.

Sachs nói tiếp, “Hăn đã khống chế cô gái bằng propofol. Vì vậy có thể hăn có xuất thân trong ngành y.”

“Như Kẻ tầm xương,” Dobyngs nói.

“Đúng vậy,” Rhyme nói, mắt anh chuyển từ bảng vật chứng sang chỗ chiếc điện thoại. “Tôi còn chưa nghĩ đến chuyện đó.” Sự chú tâm anh dành cho nhà tâm lí học lúc này đã vượt mốc 50 phần trăm.

“Có yếu tố tình dục không?”

“Không,” Sellitto nói.

Sachs thêm, “Mất một lúc cô ấy mới chết. Giả thuyết là hăn đã ở đó và nhìn theo. Có khi còn thích thú.”

“Bạo dâm,” Ron Pulaski nói.

“Ai đó?” Dobyngs hỏi.

“Cảnh sát Ron Pulaski. Tôi làm việc cùng Lincoln và Amelia.”

“Chào anh cảnh sát. Thực ra tôi không thấy có sự bạo dâm ở đây. Việc đó chỉ xảy ra trong bối cảnh tình dục thôi. Nếu hăn thích thú với việc gây ra đau đớn chỉ để thấy người khác đau thì tình trạng của hăn có thể là dạng rối loạn nhân cách phản xã hội.”

“Vâng thưa ông.” Pulaski đang đỏ mặt, không phải vì bị chinh mà có vẻ vì cái lườm từ Rhyme do sự gián đoạn này.

Dobyns nói, “Đầu tiên và trên hết với tôi, hấn là một tội phạm có tổ chức và hấn lên kế hoạch các vụ tấn công rất tỉ mỉ. Tôi cũng sẽ nói có hai lí do khả dĩ khiến nghi phạm của các bạn quan tâm đến Kẻ tầm xương và đến anh, Lincoln ạ. Cả Amelia nữa, đừng quên điều đó. Thứ nhất, có thể hấn đã bị ảnh hưởng bởi vụ án Kẻ tầm xương từ một thập kỉ trước. Ý tôi là bị xúc động về mặt tình cảm.”

“Kể cả khi hấn không có mối liên hệ trực tiếp nào?” Rhyme hỏi, quên mất lúc đầu mình còn định không kéo ông bác sĩ vào.

“Phải. Anh không biết chính xác tuổi của hấn nhưng rất có thể hồi ấy hấn chỉ mới ở độ tuổi thiếu niên - khoảng thời gian mà một tin tức về sát nhân hàng loạt có thể tác động đến hấn. Còn về thông điệp? Chà, nếu tôi nhớ không nhầm, toàn bộ tội ác của Kẻ tầm xương đều là để trả thù.”

“Đúng vậy.”

Sellitto hỏi, “Vậy nghi phạm của chúng ta muốn báo thù điều gì, bác sĩ?

Người nhà đã chết chẳng? Hay một mất mát cá nhân nào khác?”

“Thực ra thì có thể là bất kì điều gì. Có thể hấn đã chịu đựng mất mát, một thảm kịch mà hấn đổ lỗi cho ai đó - hay điều gì đó, một công ty, một tổ chức, thể chế. Mất mát này có thể xảy ra khi câu chuyện về Kẻ tầm xương lên báo và hấn đã ôm ấp cái ý tưởng trả thù theo cách giống như Kẻ tầm xương đã làm. Đó là một cách giải thích vì sao tên sát nhân này lặp lại những vụ tấn công từ một thập kỉ trước - một vài vụ trong đó cũng nằm dưới lòng đất, đúng không?”

“Đúng vậy,” Lincoln xác nhận.

“Và nghi phạm của anh có mối quan tâm không lành mạnh với hình thái học ở người. Trường hợp này là da người.”

Sachs nói thêm, “Đúng vậy, tôi tìm được bằng chứng cho thấy hắn đã chạm vào nạn nhân ở nhiều chỗ - không phải theo hướng dục tính. Theo tôi thấy thì không có lí do gì liên quan đến việc xăm hình mà phải chạm vào đó cả. Tôi đang nghĩ là nó mang lại cho hắn sự thỏa mãn ở dạng nào đó. Đó là ấn tượng của tôi.”

Vị bác sĩ nói tiếp, “Vậy, lí do đầu tiên có thể làm hắn quan tâm đến Kẻ tầm xương: mối liên hệ tâm lí học với tên kia.” Ông cười khúc khích. “Tôi nghi ngờ dự đoán này khá là vặt vãnh trong thang điểm của anh, Lincoln.”

Ông ta biết Rhyme không tin vào những điều mà nhà tội phạm học gọi là “điều tra kiểu phù thủy.” “Nhưng điều đó cũng có thể ám chỉ rằng cả hắn cũng giết người để báo thù,” Dobyns nói thêm.

Rhyme nói, “Được rồi, bác sĩ. Chúng tôi sẽ đưa điều đó lên bảng.”

“Tôi nghĩ anh sẽ quan tâm hơn đến lí do thứ hai hắn để tâm đến chương đó trong cuốn sách. Dù động cơ của hắn là gì - trả thù hay yêu thích giết chóc hay làm anh phân tâm để hắn có thể cướp kho Dự trữ Quốc gia - hắn biết anh sẽ săn lùng hắn và hắn muốn biết về anh càng nhiều càng tốt, các chiến thuật của anh, cách anh suy nghĩ. Cách riêng anh sẽ dùng để lần theo một tên sát nhân hàng loạt. Để hắn không lặp lại những sai lầm tương tự.

Hắn muốn biết đâu là điểm yếu của anh. Anh và Amelia.”

Rhyme thấy điều này có lí hơn. Anh gật đầu với Sachs, cô bảo vị bác sĩ, “Cuốn sách này đúng là một hướng dẫn thực tế về việc dùng khám nghiệm hiện trường để ngăn chặn một tội ác liên hoàn. Và từ việc kiểm tra các hiện trường tôi thấy rõ là hắn đã chú ý tới việc quét sạch mọi vật chứng.”

Pulaski hỏi, “Bác sĩ, ông có ý kiến gì về việc tại sao lại là nạn nhân này không? Ông biết đấy, chúng tôi không tìm được bất kì tiếp xúc nào giữa họ trước đó.” Cậu ta giới thiệu qua tiểu sử của Chloe Moore.

Sachs nói, “Đường như vụ việc ngẫu nhiên.”

“Hãy nhớ, với Kẻ tầm xương, những nạn nhân thực sự của hắn là một người khác: thành phố New York, cảnh sát, anh, Lincoln. Tôi đoán rằng cách lựa chọn nạn nhân của nghi phạm này chủ yếu là mức độ dễ tiếp cận và tiện lợi - để có nơi chốn và thời gian thực hiện hình xăm mà không bị quấy rầy... Rồi tôi còn nghĩ đến yếu tố gây sợ hãi nữa.”

“Là sao?” Sellitto hỏi.

“Hắn có một kế hoạch vượt trên việc ám sát cá nhân - rõ ràng không phải để cướp của, cũng không phải vì tình dục. Nó có thể phục vụ mục đích của hắn là đặt toàn bộ thành phố này trên ghế nóng. Mọi người ở New York sẽ nghĩ kĩ trước khi bước xuống các tầng hầm và gara, hay các phòng giặt và dùng cửa sau của văn phòng hay căn hộ nhà mình. Giờ đến một vài điểm nữa. Đầu tiên, nếu hắn thực sự bị Kẻ tầm xương gây ảnh hưởng, vậy thì hắn có thể nghĩ đến việc nhắm tới cá nhân anh, Lincoln. Và Amelia. Thực tế, tất cả các bạn đều nằm trong vòng hiểm nguy. Thứ hai, rõ ràng hắn là một tội phạm có tổ chức, như tôi đã nói. Và điều đó có nghĩa là hắn đã kiểm tra các nạn nhân của mình, hay ít nhất là các địa điểm giết chóc từ trước.”

Rhyme nói, “Chúng tôi cũng đang đưa ra giả thuyết như vậy.”

“Tốt lắm. Và cuối cùng - nếu hắn thực sự là một kẻ bắt chước, hắn sẽ tập trung vào xương của nạn nhân. Nhưng hắn lại bị ám ảnh với da người.

Nó nằm ở trung tâm mục tiêu của hắn. Hắn có thể chỉ đơn giản tiêm một liều chất độc hay bắt họ uống. Hay muốn giết người thì chỉ cần đâm hay bắn chết. Nhưng hắn không làm vậy. Rõ ràng hắn là một nghệ sĩ chuyên nghiệp - vậy mỗi lần hắn đưa một thiết kế của mình lên cơ thể ai đó, hắn đã chiếm luôn bộ da của người đó cho chính mình.”

“Một kẻ tầm da,” Pulaski nói.

“Chính xác. Nếu anh có thể tìm hiểu tại sao hắn lại thích thú với da người đến vậy, đó chính là chìa khóa để hiểu vụ án.” Rhyme nghe thấy một giọng

khác, không rõ lời từ văn phòng vị bác sĩ. “À, giờ các anh phải thứ lỗi cho tôi. Tôi e là đã đến giờ hẹn trị liệu.”

“Cảm ơn ông, bác sĩ,” Sachs nói.

Sau khi ông ta cúp máy, Rhyme bảo Pulaski đưa những nhận xét của Dobyns lên bảng.

Mơ mơ hồ hồ... nhưng, Rhyme vẫn phải miễn cưỡng thừa nhận là nó có thể giúp ích.

Anh nói, “Chúng ta nên nói chuyện với Pam. Xem có ai liên hệ với con bé về Kẻ tầm xương không.”

Sachs gật đầu. “Không phải là ý tồi.”

Pam giờ đã ra khỏi chương trình giám hộ và sống độc lập tại Brooklyn, không xa căn hộ của Sachs là mấy. Không có nhiều khả năng nghi phạm biết về cô gái. Bởi vì hồi Kẻ tầm xương ra tay, Pam vẫn còn là trẻ con, tên của cô bé không hề xuất hiện trên báo chí. Cả cuốn sách *Những thành phố liên hoàn* cũng không nhắc gì đến cô.

Sachs gọi cho cô gái và để lại lời nhắn hỏi cô bé có thể tới chỗ Rhyme được không. Có chuyện cô muốn bàn.

“Pulaski. Quay lại với đá cẩm thạch đi. Tôi muốn tìm xem bụi đá đó từ đâu mà ra.”

Chuông cửa reo vang và Thom biến mất để ra mở cửa.

Một lát sau anh ta quay lại phòng khách bên cạnh một người đàn ông khỏe mạnh trạc ba mươi tuổi, với khuôn mặt nhăn nheo, sương giá và đuôi tóc dài màu vàng. Anh ta cũng sở hữu một bộ râu cầu kì nhất mà Rhyme từng thấy. Anh thấy buồn cười trước sự tương phản giữa hai người đang đứng trước mặt mình. Thom trong chiếc quần đen là phẳng, một chiếc áo sơ mi vàng nhạt cùng cà vạt nâu đỏ. Vị khách mặc chiếc áo khoác tuxedo không tì vết,

nhưng quá mỏng manh so với thời tiết bão bùng bên ngoài, chiếc quần bò đen phẳng phiu và một chiếc áo len chui đầu dài tay có gắn hình con nhện màu đỏ. Đôi ủng nâu của anh ta bóng lờng như mặt bàn gỗ gụ. Đặc điểm chung duy nhất của cả hai là thân hình dong dỏng, mặc dù Thom cao hơn khoảng mười lăm phân.

“Chắc cậu là TT Gordon,” Rhyme nói.

“Vâng. À, này, anh là anh bạn trên xe lăn nhỉ.”

Rhyme nhìn vào bộ râu kì quái, những cái khuyên hình gậy trên tai và lông mày.

Một phần của các hình xăm lộ ra trên hai mu bàn tay Gordon; phần còn lại biến mất dưới áo len. Rhyme tin là mình có thể đoán ra chữ *POW!* trên cổ tay phải.

Anh không đưa ra kết luận gì về vẻ ngoài của người đàn ông này. Từ lâu anh đã từ bỏ thói quen sai lầm là đánh giá cốt lõi của một con người từ vẻ bề ngoài của anh ta hay cô ta. Tình trạng của anh chính là một điển hình cho cách nghĩ này.

Phản ứng chính của anh là: Những cái khuyên kia gây đau đớn đến mức nào? Đây là một điều Rhyme có thể liên tưởng được; tai và lông mày là những bộ phận anh còn cảm nhận được cái đau. Và một ý nghĩ khác: Nếu TT Gordon giả sử có bị tóm thì anh ta sẽ bị gọi ra ngay tắp lự từ một hàng nghi phạm.

Một cái gật đầu về phía Sellitto, vị thanh tra chào đáp lại.

“À này. Cái câu xe lăn tôi vừa nói ấy mà! Nghe thì hơi ngớ ngẩn nhưng thật ra không phải vậy đâu,” Gordon nói, vừa cười vừa nhìn tất cả mọi người trong phòng. Ánh mắt anh ta quay lại về phía Rhyme. “Hiển nhiên là anh ngồi trên xe lăn rồi. Ý tôi là, ô, anh chính là anh bạn *nổi tiếng* ngồi xe lăn kia. Trước đó tôi đã không nghĩ ra. Khi anh ta” - một cái hất cằm về phía Sellitto - “tới cửa hàng tôi, anh ta chỉ bảo “nhà tư vấn”. Anh đã lên báo đấy. Tôi từng thấy anh trên ti vi. Sao anh không làm cái chương trình Nancy Grace ấy nhỉ? Như thế sẽ rất ngẫu. Anh có xem nó không?”

Rhyme luận ra đây chỉ là cách nói luyên thuyên tự nhiên, không phải kiểu lúng túng khi ai đó không muốn ở cùng một thẳng que. Với Gordon, dường như khuyết tật chỉ là một đặc điểm khác trong con người Rhyme, như mái

tóc tối màu, cái mũi tẹt hay cặp mắt sắc sảo và những móng tay được cắt gọn vậy.

Một đặc điểm nhận dạng, chứ không phải điểm nhấn chính trị gì.

Gordon cũng chào những người khác, Sachs, Cooper và Pulaski. Rồi anh ta nhìn quanh phòng, nơi mà Rhyme từng có lần mô tả là Hewlet-Packard thời Victoria. “Hừm. Ngầu quá đi.”

Sachs nói, “Chúng tôi rất biết ơn vì anh đã đến đây để giúp đỡ chúng tôi.”

“À, không có gì đâu. Tôi muốn hạ gã này. Gã đó, hẳn đang làm gì chứ?”

Việc này gây ra tác hại với tất cả những người đang tạo hình để kiếm sống.”

“Điều đó có nghĩa gì vậy? “Tạo hình” ấy?” Sachs hỏi.

“Thay đổi cơ thể, cô biết đấy. Xăm mình, xỏ khuyên, cắt gọt.” Anh ta gõ vào những cây gậy trên tai mình. “Mọi thứ. “Tạo hình” bao gồm toàn bộ.

Tôi không thực sự biết là những gì.”

Rhyme nói, “Lon kể rằng cậu có kha khá quan hệ trong giới xăm mình ở đây và cậu không hề biết kẻ này có thể là ai.”

Gordon xác nhận điều đó.

Sellitto nói thêm rằng Gordon cũng đã xem bức ảnh chụp hình xăm nhưng vẫn muốn nhìn rõ hơn; bản in không được rõ ràng cho lắm.

Cooper nói, “Tôi sẽ lấy tệp .nef ra và lưu lại dưới dạng .tiffs đã tăng cường độ nét.”

Rhyme không hiểu anh ta đang nói chuyện gì. Hồi anh vẫn còn làm công việc khám nghiệm hiện trường, bản thân anh dùng những thước phim 35mm thực, loại phải tráng qua hóa chất và in ra trong phòng tối. Hồi ấy bạn phải

tính toán từng khung hình một. Giờ thì sao? Bạn cứ việc bấm thoải mái trong hiện trường rồi lọc sau.

Cooper nói, “Tôi sẽ gửi chúng sang máy Nvidia - màn hình lớn đẳng đó.”

“Sao cũng được, anh bạn. Miễn là nó sắc nét.”

Pulaski hỏi, “Anh xem *The Big Lebowski* rồi à?”

“Ồi chà.” Gordon cười toe toét và giơ một nắm đấm về hướng Pulaski.

Anh lính mới đáp lại y chang.

Rhyme thắc mắc: Có lẽ lại Tarantino.

Hình ảnh xuất hiện trên màn hình lớn nhất trong phòng.

Chúng là những bức ảnh có độ phân giải cực cao chụp hình xăm trên bụng Chloe Moore. TT Gordon chớp mắt vì bị sốc trước làn da thương tích, những chỗ sưng phồng và biến đổi màu. “Tệ hơn tôi tưởng, chỗ bị đầu độc và mọi thứ. Giống như hãn tự tạo ra vùng nóng của chính mình vậy.”

“Đó là cái gì?”

Gordon giải thích rằng các tiệm xăm hình được chia thành từng khu vực, nóng và lạnh. Vùng lạnh là nơi không có nguy cơ lây nhiễm chéo từ máu khách hàng này sang khách hàng kia. Không cần tiệt trùng kim hay các bộ phận máy móc hay bàn ghế chẳng hạn.

Hiển nhiên vùng nóng là nơi đổi lậ, các máy xăm và kim tiêm đã bị dây máu và dịch cơ thể của các khách hàng. “Chúng tôi làm mọi việc có thể để tách rời hai nơi. Nhưng ở đây, gã này làm việc ngược lại - cố ý gây lây nhiễm, à, đầu độc cô gái. Trời ạ. Quá điên.”

Nhưng rồi nghệ sĩ xăm chuyển sang trạng thái nghiến ngấm mà Rhyme thấy đáng khích lệ. Gordon nhìn chiếc máy tính. “Tôi dùng được chứ?”

“Chắc chắn rồi,” Cooper nói.

Nghệ sĩ bấm vài nút rồi kéo hình ảnh xuống, phóng to vài cái.

Rhyme hỏi, “TT, cụm từ “lần thứ hai” có ý nghĩa đặc biệt nào với giới xăm hình không?”

“Không. Theo chỗ tôi được biết thì không có nghĩa gì cả, và tôi đã làm nghề xăm gần hai mươi năm rồi. Đoán là nó có ý nghĩa gì đó với kẻ đã giết hại cô gái. Hoặc với nạn nhân.”

“Có thể là với thủ phạm,” Amelia Sachs giải thích với Gordon. “Không có bằng chứng cho thấy hẳn biết Chloe trước khi giết cô ấy.”

“Ồ. Cô ấy tên là Chloe à.” Gordon lẩm bẩm điều này. Anh ta chạm vào chòm râu của mình. Rồi kéo hình ảnh xuống thêm. “Việc khách hàng tự nghĩ ra một câu hay thông điệp để xăm mình khá là kì lạ. Thi thoảng tôi cũng xăm một bài thơ họ tự viết. Nói thật hầu hết chúng đều dở ẹc. Mặc dù vậy, thông thường khi ai đó muốn xăm chữ, đó sẽ là một cụm từ trong cuốn sách yêu thích của họ. Kinh Thánh. Hoặc một câu trích dẫn nổi tiếng. Hoặc một câu nói, cô biết đấy. “Sống Tự do hay là Chết.” “Sinh ra để Lái xe.”

Những thứ đại loại như vậy.” Rồi anh ta cau mày. “Hừm. Được rồi.”

“Sao?”

“Có thể là một nửa.”

“Và đó là?” Rhyme hỏi.

“Vài khách hàng chia đôi hình xăm của họ. Họ xăm một nửa từ đó lên một cánh tay rồi nửa còn lại lên cánh tay kia. Đôi khi họ sẽ cho xăm một phần của hình xăm lên cơ thể mình, còn bạn gái hoặc bạn trai thì xăm nửa còn lại.”

“Tại sao?” Pulaski hỏi.

“Còn sao nữa?” Gordon có vẻ ngạc nhiên trước câu hỏi. “Hình xăm kết nối con người mà. Đó là một phần của mục đích xăm mình. Kể cả nếu anh có những hình độc, anh vẫn là một phần của thế giới hình xăm. Anh đã có một điểm chung, anh biết đấy. Việc đó kết nối anh, thấy không, anh bạn?”

Sachs nói, “Có vẻ như anh nghiên ngẫm về tất cả những việc đó khá nhiều đấy nhỉ.”

Gordon cười lớn. “Ồ, tôi có thể thành nhà tâm lí được ấy chứ.”

“Freud,” Sellitto nói.

“Chuẩn luôn anh bạn,” Gordon trả lời bằng một nụ cười toe toét. Lại giờ nằm đấm ra. Sellitto không đáp lại.

Sachs hỏi, “Và anh có thể nói cho chúng tôi biết bất kì điều gì cụ thể về hằn không?”

Sellitto nói thêm, “Chúng tôi sẽ không trích lời cậu. Hay đưa cậu lên bục nhân chứng đâu. Chúng tôi chỉ muốn biết gã này là ai. Hiểu đầu óc hằn.”

Gordon ngập ngừng nhìn lại thiết bị.

“Được rồi. Đầu tiên, hằn có năng khiếu, một tài năng nghệ thuật thực thụ chứ không phải chỉ là một kỹ thuật viên. Rất nhiều thợ xăm chỉ là những kẻ vẽ theo hình kẻ sẵn. Họ chỉ đắp lên một cái khuôn mà ai đó đã vẽ rồi tô theo. Nhưng” - một cái hất cằm về phía bức ảnh - “không có bằng chứng nào cho thấy có khuôn ở đó. Hằn đã dùng đường viền máu.”

“Nó là cái gì?” Rhyme hỏi.

“Hầu hết các nghệ sĩ đều vẽ trước một đường viền bao ngoài hình xăm trên da. Vài người vẽ tay bằng bút bi - loại mực tẩy được bằng nước. Nhưng anh chàng của các anh không làm vậy. Hằn cứ thế bật máy xăm lên và dùng kim viền để vẽ viền ngoài, nên thay vì viền mực anh có một cái viền bằng máu ở ngoài rìa thiết kế của mình. Vì vậy nó được gọi là đường viền máu.

Chỉ có những nghệ sĩ xăm giỏi nhất mới làm vậy.”

Pulaski hỏi, “Vậy là một dân chuyên?”

“Ồ, phải, anh chàng này chắc chắn phải là dân chuyên. Như tôi đã kể với anh ta.” Một cái hất cằm về phía Sellitto. “Hoặc từng là. Với trình độ như thế kia ư? Hẳn có thể mở hẳn một tiệm riêng trong một nốt nhạc. Và có khi hẳn còn là một nghệ sĩ thực thụ - ý tôi là họa sĩ với sơn, bút mực và mực và mọi thứ khác ấy. Và tôi không nghĩ hẳn xuất thân từ đây. Vì thứ nhất, nếu có thì tôi đã nghe rồi. Cũng không phải trong các bang lân cận đây. Làm việc này trong có mười lăm phút ư? Trời ơi, nhanh như điện ấy.

Tên của hẳn chắc hẳn phải được bàn tán khắp nơi rồi. Rồi, nhìn vào kiểu chữ mà xem.”

Mắt Rhyme và tất cả những người khác đều đổ lên màn hình.

“Nó là dạng tiếng Anh cổ, hay một biến thể Gothic nào đó. Thời nay các anh không bắt gặp cái đó nhiều quanh đây đâu. Tôi đoán hẳn có xuất thân nông thôn: nông dân, giai làng, đầu gấu thôn, nấu lậu thuốc phiện. Mặt khác, cũng có thể là người theo chủ nghĩa tái sinh, đạo đức, đáng trọng.

Nhưng chắc chắn là giai nông thôn.”

“Kiểu chữ cho anh biết từng đó ư?” Sachs hỏi.

“Ồ đúng vậy. Ở đây, nếu có ai muốn xăm chữ, họ sẽ làm theo kiểu văn hoa bay bướm hoặc phong sans serif bôi đậm. Ít nhất đó là xu hướng hiện nay. Trời ơi, mấy năm trước ai ai cũng đòi làm cái chữ Elvish vớ va vớ vẩn.”

“Elvis Presley à?” Sellitto hỏi.

“Không, Elvish. *Chúa tể những chiếc nhẫn* cơ.”

“Vậy là nông thôn,” Rhyme nói. “Có vùng miền nào cụ thể không?”

“Không hẳn. Trong giới có kiểu xăm thành thị và kiểu nông thôn. Tất cả những gì tôi có thể khẳng định là hình này nghe mùi nông thôn. Anh nhìn vào đường viền xem. Hình vỏ sò. Kỹ thuật này gọi là tạo sẹo. Hay tên chính thức là quy trình lên da non. Việc ấy rất quan trọng.”

Anh ta nhìn lên và gõ vào đường viền hình vỏ sò quanh những chữ “lần thứ hai”.

Điểm đáng lưu ý ở đây là thường người ta tạo sẹo để gây sự chú ý tới một hình ảnh. Còn gã này lại chủ đích tạo cho thiết kế ấy sự nổi bật. Công việc của hắn sẽ dễ dàng hơn nếu chỉ việc xăm một đường viền. Nhưng không, hắn lại muốn có vết sẹo lên da non ở đó cơ. Có một lí do cho việc đó, tôi đoán vậy. Không có đầu mối nào. Nhưng chắc chắn là có.

“Giờ, còn một việc nữa. Tôi đang nghĩ về nó. Tôi mang cả đồ minh họa đây.” Gordon thò tay vào trong túi vải đeo vai và lôi ra một cái túi nhựa đựng vài bộ phận bằng kim loại. Rhyme nhận ra chiếc túi nhựa trong suốt kia là loại dùng để đựng các dụng cụ phẫu thuật và khám nghiệm pháp y khi tiết trùng chúng bằng tia cực tím. “Đây là các bộ phận của một chiếc máy xăm - nhân tiện, chúng không được gọi là súng đầu nhé.” Gordon cười. “Dù trên tivi các anh có nghe thấy gì chẳng nữa.”

Anh ta lấy một con dao quân đội Thụy Sĩ nhỏ từ trong túi ra và cắt cái túi nhựa. Một lát sau anh ta lắp chiếc súng xăm - à, máy xăm hoàn chỉnh.

Nghệ sĩ xăm bước đến gần mọi người hơn. “Đây là những chiếc lò xo nhấc kim lên xuống. Đây là cái ống đựng mực còn đây là bản thân cái kim, thò ra ngoài.”

Rhyme có thể trông thấy nó, rất nhỏ bé.

“Các cây kim phải cắm xuống lớp hạ bì - lớp da ngay dưới lớp ngoài cùng.”

“Còn được gọi là biểu bì,” Rhyme nói.

Gordon gật đầu và tháo thiết bị ra, nhắc cây kim lên cho mọi người cùng thấy. Nó trông giống một cái xiên thịt nướng mỏng, dài khoảng bảy phân, một đầu dạng khuyên tròn. Đầu kia là một nhóm kim tí hon được hàn cứng hay hàn xì lại với nhau. Chúng kết thúc bằng các đầu nhọn.

“Thấy cái cách chúng dính vào nhau thành hình ngôi sao không? Tôi tự làm ra chúng đấy. Hầu hết các nghệ nhân nghiêm túc đều làm vậy. Nhưng chúng tôi sẽ phải mua những mũi kim thường và kết hợp chúng với nhau.

Có hai loại kim: loại đi nét - tạo các đường viền cho hình ảnh - và đến loại tô tròn hay tạo khối. Gã này cần phải đưa rất nhiều độc vào cơ thể cô gái thật nhanh. Điều đó có nghĩa là hẳn phải dùng kim tô tròn sau khi đã vẽ đường viền máu. Nhưng những cái kim này không làm được thế, tôi nghĩ vậy. Chúng đâm không đủ độ sâu. Nhưng loại này thì có thể.” Anh ta lại thò tay vào túi và lôi ra một cái bình nhựa nhỏ. Anh ta lắc ra hai cái xiên bằng kim loại, tương tự như những mũi kim của mình nhưng dài hơn. “Chúng tới từ một loại máy xoay vòng kiểu cũ - những chiếc mới như cái của tôi là loại dao động hai chiều. Có phải máy của hẳn là một chiếc máy cầm tay không?”

“Chắc chắn là như vậy. Ở đó không có nguồn điện,” Sachs bảo anh ta.

Pulaski nói, “Tôi đã tìm kiếm các loại súng... các loại máy mang đi được. Nhưng có rất nhiều loại.”

Gordon ngẫm nghĩ một lát rồi nói, “Tôi đoán nó phải là kiểu American Eagle. Có từ xưa lắm rồi. Một trong những mẫu đầu tiên chạy bằng pin. Nó có từ thời xăm mình không có nhiều tính khoa học cho lắm. Nghệ nhân có thể điều chỉnh lực đâm của những cây kim. Anh ta có thể khiến chúng đâm thực sự sâu. Tôi sẽ tìm xem ai có một cây Eagle.”

Sellitto hỏi, “Chúng có được bán ở đây không? Trong các cửa hàng dụng cụ ấy?”

“Tôi chưa gặp qua cái nào cả. Chúng không còn được sản xuất nữa. Tôi đoán anh có thể tìm được một cái trên mạng. Đó là cách duy nhất tìm được

chúng.”

“Không, hẳn sẽ không mua bất kì thứ gì theo cách đó đâu, quá dễ truy dấu,” Rhyme chỉ ra. “Có thể hẳn đã mua nó ở nơi sinh sống. Hoặc đã có nó từ nhiều năm rồi hay được thừa kế từ ai đó.”

“Kim lại là câu chuyện khác. Anh có thể tìm được ai đó bán kim cho máy American Eagle. Bất kì ai mới gần đây mua loại kim này đều có thể là hẳn.”

“Cậu vừa bảo sao?” Rhyme hỏi.

“Tôi vừa nói gì á?” Người đàn ông gầy gò cau mày. “Hồi nào, vừa nãy á? Bất kì ai mua kim cho một chiếc máy American Eagle, đó đều có thể là nghi phạm của anh. Không phải các anh vẫn nói thế à? Họ vẫn nói trên NCIS* thế đấy.”

NCIS là viết tắt của Navy - Criminal - Investigative - Service, là một bộ phim truyền hình nổi tiếng của Mỹ.

Nhà tội phạm học cười. “Không. Ý tôi nói đến cách dùng đại từ đúng cơ. Bỏ ngữ ấy.”

Rhyme thấy Pulaski đang đảo mắt.

“Ồ, cái đó à? Từ “hẳn” ấy hả?” Gordon nhún vai. “Tôi chưa bao giờ học... giỏi lắm ở trường. Anh tưởng tôi sẽ dùng từ “tốt” đúng không? Tôi cũng có vài năm theo học ở Hunter nhưng thấy chán, anh biết đấy. Nhưng từ khi tôi bắt đầu xăm mình, tôi đọc nhiều chữ lắm. Các đoạn trong Kinh Thánh, các đoạn văn trong sách, thơ thần. Nên tôi học cách viết từ những tác giả nổi tiếng. Cách đánh vần, ngữ pháp. Ý tôi là, anh bạn à, chuyện ấy khá thú vị đó. Cả thư pháp nữa. Cùng câu văn ấy trong phong chữ này mang lại ấn tượng hoàn toàn khác khi nó được in bằng phong chữ khác.

“Đôi khi có một cặp đôi tới cửa hàng và muốn xăm lời thề hôn nhân lên cánh tay hay cổ chân. Hay những bài thơ tình dở hơi mà họ đã viết, như tôi từng kể. Tôi sẽ nói, được rồi, các bạn, các bạn có chắc mình muốn trải qua

cả đời với câu “Jimmy em yêu anh anh là trái tim và của em mãi mãi” trên bắp tay không. Đó là chữ *Jimmy* không có dấu phẩy kèm theo, chữ *anh* không có dấu chấm hay chấm phẩy, rồi *ANH* với dấu móc sở hữu liền trước *LÀ*, và *mãi mãi* viết rời*. Họ sẽ nói, “Hả.” Dù sao tôi cũng sẽ chinh lại trong lúc xăm cho họ. Rồi họ sẽ sinh con và phải đi họp phụ huynh, gặp gỡ giáo viên tiếng Anh. Rốt cuộc, anh đâu có dùng được bút xóa đâu đúng không?”

Trong tiếng Anh, mãi mãi là một từ (forever).

“Và nút cắt và dán sẽ thực sự tồi tệ,” Pulaski nói đùa, gợn ra vài tiếng cười.

Nhưng Gordon thì không cười. “Ồ, cũng có một phương pháp tạo sẹo khi người ta thực sự cắt những mẫu da ra khỏi cơ thể họ đấy.”

Đúng lúc ấy Rhyme nghe thấy tiếng cạch ở cửa trước và cánh cửa mở ra - hay đúng hơn là gió rít lên và cơn mưa tuyết đổ xuống từ trên trời.

Cánh cửa đóng lại.

Sau đó là tiếng bước chân và giọng cười nhẹ bằng, vui tươi.

Anh biết ai đã đến thăm và bản vội cái nhìn sang Sachs, cô nhanh chóng đứng lên, xoay mặt bảng trắng đang chứa những bức ảnh chụp hiện trường Chloe Moore và đổi màn hình trình chiếu hình ảnh TT Gordon đang phân tích.

Một lát sau, Pam Willoughby bước vào phòng. Cô gái xinh xắn, thon thả mười chín tuổi đang quấn quanh mình chiếc áo choàng dài màu nâu gấn túm lông thú giả. Mái tóc đen dài của cô được cuộn lại bên dưới chiếc mũ trùm màu rượu vang, quần áo bên ngoài lấm chấm những bụi và bông tuyết đang bị tan ra rất nhanh. Cô vẫy tay chào tất cả.

Đi cùng cô là cậu bạn trai Seth McGuinn, một chàng trai hai mươi lăm tuổi, tóc đen và đẹp trai. Cô giới thiệu cậu ta với Pulaski và Mel Cooper, cậu ta chưa gặp cả hai người họ.

Cặp mắt nâu sậm của Seth rất giống mắt Pam. Lúc quay sang nhìn TT

Gordon, mắt cậu chớp chớp ngạc nhiên dù anh ta đã chào hỏi họ rất lịch sự.

Pam cũng có phản ứng tương tự. Rhyme đã trông thấy anh chàng Seth thích thể thao trong chiếc áo thun và quần đùi chạy, khi cậu ta đi cùng Pam tới công viên vài tuần trước, và anh chưa nhìn thấy hình xăm nào. Pam cũng không có, ít nhất là trong tầm mắt. Cặp đôi trẻ giờ đang cố gắng, một cách không mấy thành công, để che giấu sự ngạc nhiên của họ trước vị khách kì quái của Rhyme.

Pam tách mình ra khỏi cánh tay Seth, tiến đến hôn lên má Rhyme và ôm Thom. Seth bắt tay mọi người.

TT Gordon hỏi liệu họ có cần giúp đỡ gì thêm trong vụ này không.

Sellitto nhìn quanh những người khác và khi Rhyme lắc đầu, anh ta bảo, “Cảm ơn cậu vì đã đến. Chúng tôi rất biết ơn.”

“Tôi sẽ để mắt đến bất cứ thứ gì kì quặc. Trong cộng đồng ấy mà, anh hiểu ý tôi chứ? Vậy chào nhé, các bạn.”

Gordon xếp lại đồ nghề, khoác vào người chiếc áo mỏng đến đáng thương và hướng ra cửa.

Seth và Pam chia sẻ một nụ cười lúc nhìn Gordon đi ra.

Sachs nói, “Này Pam. Chị nghĩ Seth cần thêm tí râu đấy.”

Chàng trai trẻ râu ria nhẵn nhụi gật đầu, cau mày. “Quý thật, em có thể hạ bệ anh ta. Em sẽ tết luôn.”

Pam bảo, “Thôi, xỏ khuyên ấy. Như vậy chúng ta có thể đổi hoa tai cho nhau.”

Seth nói cậu ta phải đi; sắp có hạn chót với hãng quảng cáo của mình.

Cậu ta hôn nhẹ Pam cứ như Rhyme và Sachs là cặp phụ huynh thật sự của cô gái vậy. Rồi cậu ta gật đầu chào những người khác. Ở ngưỡng cửa mái vòm, cậu ta quay lại và nhắc Sachs và Rhyme rằng cha mẹ cậu ta muốn sớm được dùng bữa trưa hoặc bữa tối với họ. Thường thì Rhyme ghét các mối giao tế kiểu này nhưng kể từ khi xem Pam là người nhà, anh đã đồng ý đi. Và phải tự nhắc bản thân chịu đựng những câu nói sáo rỗng và cuộc chuyện phiếm bằng một nụ cười.

“Tuần tới thì sao?” Rhyme hỏi.

“Tuyệt. Bố em sẽ từ Hong Kong về.” Cậu ta nói thêm rằng cha mình vừa tìm được một cuốn sách của Rhyme về các hiện trường tội ác ở New York. “Có cơ hội nào để xin chữ kí không ạ?”

Cuộc phẫu thuật gần đây đã cải thiện khả năng kiểm soát cơ bắp của Rhyme tới mức anh đã thực sự viết được tên mình - không rõ ràng như trước khi gặp tai nạn nhưng cũng đủ ngay ngắn như bất kì vị bác sĩ nào lúc kê đơn thuốc. “Rất vui lòng.”

Khi cậu ta đã ra về, Pam cởi áo khoác và mũ, đặt chúng lên ghế rồi hỏi Sachs, “VẬY, tin nhắn của chị là sao ạ? Có chuyện gì thế?”

Thanh tra hất cằm về phía phòng khách bên kia hành lang, đối diện với phòng thí nghiệm/tiếp khách nhà Rhyme và bảo, “Sao chúng ta không đi vào kia nhỉ.”

“Nào,” Sachs nói, “nghe nhé. Chị không nghĩ có gì cần lo lắng đâu.”

Bằng giọng nữ trầm duyên dáng, Pam nói, “Được rồi, đó đúng là cách bắt đầu cuộc nói chuyện đấy.” Cô hất tóc ra sau, cô đã nuôi tóc kiểu y như Sachs, để dài quá vai và không có mái.

Sachs mỉm cười. “Không, thật đấy.” Cô ngắm kĩ cô gái và nhận định rằng ở cô bé có một vầng hào quang đang tỏa ra. Có lẽ đó là do công việc của cô bé, Pam từng gọi đó là “công việc phục sức” cho một công ty sản xuất kịch. Cô bé yêu thích hậu trường của Broadway. Cả trường đại học nữa.

Nhưng không, Sachs tự nhủ: Mình đang nghĩ gì vậy? Tất nhiên rồi. Câu trả lời chính là Seth.

Thom xuất hiện trên ngưỡng cửa cùng một khay đồ uống. Sô cô la nóng. Mùi của nó vừa ngọt ngào vừa đặng đặng. “Mùa đông mới đáng yêu làm sao?” anh ta hỏi. “Khi nhiệt độ xuống dưới ngưỡng một độ C thì sô cô la cũng chẳng còn chút calorie nào. Lincoln có hẳn một công thức hóa học cho vụ đó.”

Họ cảm ơn anh trợ lí. Sau đó anh ta hỏi Pam, “Khi nào thì đến buổi công chiếu?”

Pam đang theo học NYU nhưng kì này cô gái có lịch học nhẹ nhàng và đang làm việc bán thời gian ở vị trí trợ lí của trợ lí phục trang cho vở kịch dựng lại *Sweeny Todd* ở Broadway với tư cách một thợ may lành nghề. Đây là một phiên bản viết lại cho nhạc kịch, do Stephen Sondheim và Hugh Wheeler chấp bút. Phiên bản kịch cổ hơn nói về cuộc đời của một thợ cắt tóc sát nhân thành London. Todd sẽ cửa cổ các khách hàng của mình và một đồng phạm của hắn sẽ nướng thịt các nạn nhân thành món bánh nhân thịt.

Rhyme từng kể với Sachs và Pam rằng thủ phạm này nhắc anh nhớ tới một tên tội phạm anh từng truy đuổi, mặc dù anh cũng nói thêm Todd hoàn toàn

là sản phẩm hư cấu. Pam dường như khá thất vọng trước thực tế ấy.

Cửa cổ họng, ăn thịt người, Sachs nhớ lại. So với tạo hình cơ thể mà xem.

“Chúng em sẽ khai mạc trong vòng một tuần nữa,” Pam nói. “Và em sẽ có vé cho tất cả mọi người. Kể cả Lincoln.”

Thom nói, “Anh ta thực sự mong ngóng đi xem lắm đó.”

Sachs nói, “Không!”

“Tin tốt lành.”

“Tim ngừng đập mất.”

Pam nói, “Em đã đặt sẵn chỗ cho người khuyết tật rồi. Và anh biết là rạp hát còn có một quầy rượu chứ.”

Sachs cười lớn. “Chắc chắn anh ấy sẽ có mặt.”

Thom bỏ đi, đóng cửa lại sau lưng và Sachs nói tiếp, “VẬY, chuyện là thế này nhé. Kẻ đã bắt cóc em và mẹ em nhiều năm trước ấy?”

“À vâng. Kẻ tâm xương.”

Sachs gật đầu. “Có vẻ như ai đó đang bắt chước hẳn. Theo một cách nhất định. Dù hẳn không bị ám ảnh với xương. Mà là với da người.”

“Chúa ơi. Hẳn đã làm gì...? Ý em là, hẳn lột da người khác ư?”

“Không, hẳn đã giết nạn nhân bằng cách xăm mình cho cô ấy bằng chất độc.”

Pam nhắm mắt lại và rùng mình. “Bệnh hoạn quá. Ôi, chờ đã. Người trên bản tin. Hẳn đã giết cô gái ở SoHo ư?”

“Đúng vậy. Hiện không có bằng chứng nào cho thấy hẳn quan tâm đến những nạn nhân sống sót hồi đó. Hẳn dùng hình xăm để gửi đi một thông

điệp, nên hẳn sẽ chọn các mục tiêu ở những nơi vắng người lại qua, bọn chị nghĩ vậy - nếu bọn chị không ngăn được hẳn trước. Bọn chị đã kiểm tra nhưng không còn nạn nhân nào của Kẻ tầm xương sống trong khu vực này.

Em là người duy nhất còn lại. Gần đây có ai hỏi em điều gì về chuyện bị bắt cóc, về những việc đã xảy ra ngày trước không?”

“Không, không có ai cả.”

“Bọn chị chắc đến chín mươi chín phần trăm hẳn không quan tâm gì đến em. Kẻ sát nhân...”

“Nghị phạm này,” Pam nói, dành cho cô nụ cười hiểu biết.

“Nghị phạm này sẽ không biết gì về em - tên em không có trên mặt báo vì em còn nhỏ quá. Mẹ em thì từ hồi đó đã dùng tên giả. Nhưng chị muốn em biết. Để trông chừng. Và buổi tối bọn chị sẽ cử một cảnh sát cắm chốt bên ngoài căn hộ của em.”

“Được rồi.” Pam có vẻ không bị lo lắng vì thông tin này. Thực tế, giờ đây Sachs đã nhận ra một điều: Cách đón nhận tin tức hết sức hời hợt của cô gái có một mối liên hệ, dù rất mong manh, với Nghị phạm 11-5 mà báo chí đã đặt biệt danh là Người đàn ông dưới tầng hầm chỉ chứng tỏ một điều rằng Pam đang có một chủ đề khác trong tâm trí.

Nó sẽ nhanh chóng được đặt lên - à không, thả lên - mặt bàn.

Pam hợp một ngụm ca cao và mắt cô gái đảo khắp nơi trừ mặt Sachs.

“Có chuyện này, chị Amelia. Có điều này *em* muốn bàn với *chị*.” Cô cười.

Cười nhiều quá. Sachs trở nên lo lắng. Cô cũng uống một hơi. Không cảm nhận được vị đậm đà của món đồ uống chút nào. Cô lập tức nghĩ: Có thai ư?

Tất nhiên. Đúng là thế rồi.

Sachs nén lại cơn giận dữ. Tại sao hai đứa lại không cẩn thận? Tại sao...?

“Không phải em sắp có em bé đâu. Thả lỏng đi chị.”

Sachs làm theo. Hắt ra một tiếng cười ngắn. Cô tự hỏi chẳng lẽ ngôn ngữ cơ thể của mình dễ đọc đến thế.

“Nhưng đúng là chuyện về Seth và em. Chúng em sẽ dọn về ở với nhau.”

Sớm như thế ư? Tuy nhiên, Sachs vẫn giữ nụ cười trên mặt. Có phải nó cũng giả tạo như nụ cười của cô thiếu nữ?

“Thật sao? Chà. Tin thú vị nhỉ.”

Pam cười phá lên, rõ ràng là vì sự không ăn nhập của tính từ với biểu cảm không-lấy-làm-vui của Sachs. “Nghe này, chị Amelia. Chúng em có phải sắp cưới nhau đâu. Chỉ là, đã đến lúc việc ấy xảy ra. Em cảm thấy thế.

Anh ấy cũng thấy thế. Đúng thời điểm ấy. Chúng em như hai nửa hoàn toàn tương thích. Anh ấy hiểu em, em cũng hiểu anh ấy. Đã có những lúc thậm chí em không cần phải nói gì mà anh ấy cũng biết em nghĩ gì. Và anh ấy thật tử tế, chị biết đấy?”

“Nhưng việc đó có vẻ nhanh quá, em có nghĩ vậy không cưng?”

Niềm háo hức và sự rạng rỡ của Pam dường như bị giảm đi. Sachs nhớ lại mẹ cô bé, kẻ từng đánh đập và khóa trái cô bé trong tủ quần áo hàng giờ liền, cũng đã gọi cô như vậy, và Pam đã trở nên căm ghét cách gọi đó.

Sachs hồi hận vì đã dùng nó nhưng cô đang bối rối và quên mất là từ ấy đã bị vấy bẩn.

Cô thử lại lần nữa. “Pam, cậu ấy là một chàng trai tuyệt vời. Cả Lincoln và chị đều nghĩ vậy.”

Đó là sự thật.

Nhưng Sachs không thể ngăn nổi mình. “Chỉ có điều, ý chị là, em không thực sự nghĩ tốt hơn là nên chờ đợi ư? Sao phải vội? Chỉ cần đi chơi với

nhau, hẹn hò. Qua đêm... Đi du lịch với nhau.”

Sachs tự nhủ mình thật hèn nhát khi đưa ra hai gợi ý sau, vì mục đích của cô vốn là tạo một khoảng cách giữa Pam và Seth. Cô đang đàm phán chống lại bản thân mình.

“Chà, thật hay vì chị đã nói vậy.”

Hay ư? Sachs nghĩ lại. Nếu cô bé không mang thai... Ôi, không. Quai hàm cô siết lại và những lời tiếp theo đã xác nhận nỗi sợ của cô.

“Việc chúng em sắp làm là xin nghỉ một năm. Chúng em sẽ đi du lịch.”

“Ồ. Được rồi. Một năm.” Đến giờ này Sachs chỉ đơn giản là đang câu giờ. Chẳng khác nào cô đã nói, “Thế còn đội Yankees?” Hay “Chị nghe nói sắp có mưa tuyết trong một hai ngày tới.”

Pam đẩy vấn đề đi xa hơn. “Anh ấy chán việc viết thuê quảng cáo rồi.

Anh ấy thực sự có tài. Nhưng ở New York này không ai trân trọng điều đó cả. Anh ấy không phàn nàn nhưng em có thể thấy anh ấy rất buồn. Công ty quảng cáo anh ấy đang làm thuê có vấn đề về ngân sách. Nên họ không thể thuê anh ấy làm toàn thời gian. Anh ấy muốn thăm thú nhiều nơi. Anh ấy có tham vọng. Nhưng ở đây rất khó khăn.”

“À, chắc chắn rồi. New York lúc nào cũng là một nơi khó vươn lên.”

Giọng Pam cứng rắn hơn khi cô nói, “Anh ấy đã cố. Có phải là anh ấy không cố gắng đâu.”

“Ý chị không phải...”

“Anh ấy sẽ viết những bài báo về du lịch. Em sẽ giúp anh ấy. Em đã luôn muốn đi đây đó; chúng em đã bàn bạc rồi.”

Họ đã bàn, phải rồi. Chỉ có điều Sachs đã luôn tưởng tượng ra cô và Pam sẽ cùng khám phá châu Âu hoặc châu Á với nhau. Chị gái lớn và em gái nhỏ.

Cô đã có một giấc mơ được trở lại những miền đất ở Đức, nơi cội nguồn tổ tiên mình.

“Nhưng còn trường học... Thống kê chỉ ra rất khó để quay lại trường sau khi em đã nghỉ nửa chừng.”

“Tại sao? Thống kê nào kia? Việc ấy chẳng có nghĩa gì cả.”

Được rồi, Sachs không nắm được con số nào. Cô chỉ bịa chuyện thôi.

“Cưng... Pam à, chị mừng cho em, cả hai em. Chỉ có điều, em phải hiểu.

Đây là một bất ngờ lớn. Nhanh quá, như chị đã nói. Em chưa quen cậu ấy được bao lâu.”

“Một năm.”

Đúng là vậy. Theo một cách tính. Họ gặp nhau vào tháng Mười Hai năm ngoái và nhanh chóng hẹn hò. Rồi Seth sang Anh để thực tập cho một hãng quảng cáo có ý định mở văn phòng ở New York, và cậu ta cùng Pam gia nhập vào hàng ngũ những người duy trì yêu đương qua tin nhắn, Twitter và email. Rồi công ty kia quyết định không đầu tư vào thị trường Mỹ nữa và Seth trở lại một tháng trước đó, tiếp tục làm nghề viết quảng cáo thuê. Nối lại mối quan hệ hẹn hò bình thường.

“Và nếu chuyện có hơi nhanh thì có sao?” Giọng Pam lại gắt hơn một chút. Cô bé luôn luôn nóng tính - bạn không thể có nền tảng giáo dục như của cô bé mà lại không mang chút giận dữ chực chờ nổi lên được. Nhưng cô bé kìm lại. “Nghe này, chị Amelia. Giờ là lúc làm việc đó. Khi bọn em ở độ tuổi này. Sau này ư? Nếu bọn em kết hôn và nếu bọn em có con thì sao?”

Đừng. Đừng đi đến đó.

“Chị không thể đi du lịch bụi khắp châu Âu khi đó được.”

“Còn tiền nong thì sao? Em không thể làm việc ở đó.”

“Không thành vấn đề. Anh ấy sẽ bán các bài báo. Và Seth đã tiết kiệm tiền được một thời gian rồi, cha mẹ anh ấy lại rất giàu. Họ có thể giúp chúng em.”

Mẹ cậu ta là luật sư còn cha làm ngân hàng đầu tư. Sachs nhớ lại.

“Bọn em còn có trang blog. Bọn em sẽ tiếp tục viết trên đường đi.”

Vài năm trước Seth đã tạo ra một website để mọi người lên tiếng ủng hộ những vấn đề về xã hội và chính trị khác nhau, chủ yếu thiên về cánh tả.

Quyền lựa chọn của phụ nữ, hỗ trợ cho nghệ thuật, kiểm soát súng. Pam giờ phụ trách trang web nhiều hơn cả cậu ta. Đúng là nó có vẻ nổi tiếng, mặc dù Sachs nhắm tính tổng số tiền ủng hộ họ nhận được chắc chỉ tầm một ngàn dollar một năm.

“Nhưng... ở đâu? Những quốc gia nào? Nó có an toàn không?”

“Chúng em chưa biết. Đó là một phần của cuộc phiêu lưu.”

Tuyệt vọng mong kéo dài thời gian, Sachs hỏi, “Nhà Olivetti nói gì?”

Sau khi được Sachs giải cứu, cô bé đã được nhận nuôi (Sachs đã kiểm tra gia đình bố mẹ nuôi ấy kỹ càng như chọn vệ sĩ cá nhân cho tổng thống vậy). Cặp bố mẹ nuôi tạm thời rất tử tế nhưng ở tuổi mười tám, tức là vào năm ngoái, Pam đã muốn được sống tự lập và cô đã ghi danh vào đại học -

nhờ sự giúp đỡ của Rhyme và Sachs - đồng thời nhận được một công việc làm thêm. Mặc dù vậy Pam vẫn rất thân thiết với bố mẹ nuôi của mình.

“Họ thấy ổn ạ.”

Nhưng tất nhiên, nhà Olivetti là những ông bố bà mẹ còn công ăn việc làm; họ không có mối liên hệ gì với Pam trước khi cô bé được đưa tới chỗ họ. Họ đã không đập cánh cửa nào và không cứu cô bé khỏi Kẻ tầm xương và một con chó hoang sẵn sàng lặc cô tới chết. Họ đã không lao vào cuộc chiến với cha dượng của Pam, kẻ đang cố bóp chết cô bé.

Và sau mọi thảm kịch kia, chính Sachs mới là người dành nhiều thời gian hơn cặp bố mẹ nuôi bận rộn kia để đón đưa Pam tham gia các hoạt động sau giờ học, tới các buổi khám với bác sĩ và các buổi trị liệu. Cũng chính cô mới là người dùng một vài mối quan hệ sẵn có từ thời làm người mẫu để kiếm cho Pam công việc trong phòng phục trang ở Broadway.

Sachs không thể không chú ý một điều nữa là cô gái đã kể các kế hoạch du hành của mình với vợ chồng Olivetti đầu tiên, chứ không phải cô.

Thôi mà, chị cũng đáng được lắng nghe chứ, Sachs nghĩ.

Tuy nhiên đó không phải là ý kiến của Pam. Cô nói chắc nịch, “Dù sao thì bọn em cũng đã quyết định rồi.”

Đột nhiên Pam trở nên bối rối, mặc dù Sachs có thể thấy đó chỉ là biểu hiện giả vờ. Điều này rất rõ ràng. “Sẽ chỉ mất một năm thôi. Cùng lắm là hai.”

Giờ là hai?

“Pam,” Sachs ướm lời. “Chị không biết phải nói gì.”

Có, cô có biết. Vậy thì nói thẳng ra đi.

Khi là cảnh sát, Sachs không bao giờ kiềm chế bản thân. Cô cũng không thể làm việc đó với tư cách chị gái. Hay mẹ thứ hai. Hay bất kể vai trò gì cô có trong đời cô gái trẻ.

“Đến lúc gồng mình rồi, Pam.”

Cô gái biết cách nói của cha Sachs. Cô nheo mắt nhìn Sachs, vừa nghi hoặc vừa ương bướng.

“Một năm lang thang trên đường với ai đó em còn chưa thực sự *hiếu ư?*” Sachs nói điều này bằng giọng đều đều, cố len vào đó chút dịu dàng.

Nhưng cô gái lại phản ứng như thể Sachs vừa mở cửa sổ phòng khách cho cơn mưa tuyết ùa vào vậy. “Chúng em hiểu nhau chứ,” Pam bướng bỉnh cãi

lại. “Thì ra đó là toàn bộ vấn đề. Chị không nghe em nói à?”

“Ý chị là *thực sự* hiểu nhau kìa. Việc đó cần đến nhiều năm trời.”

Pam đáp lại, “Chúng em sinh ra dành cho nhau. Đơn giản là thế.”

“Em đã gặp gia đình cậu ấy chưa?”

“Em nói chuyện với mẹ anh ấy rồi. Bà rất ngọt ngào.”

“Nói chuyện á?”

“Vâng,” cô gái cúi kính đáp. “Đã nói chuyện. Còn bố anh ấy thì biết tất cả về em.”

“Nhưng em chưa từng gặp họ?”

Không khí lạnh băng. “Đây là chuyện của em và Seth. Không phải của bố mẹ anh ấy. Và việc kiểm tra chéo này đang làm em bức mình đấy.”

“Pam.” Sachs dịch lại gần. Cô vươn tay ra định nắm lấy tay cô gái. Tất nhiên bàn tay ấy được chuyển đi ngoài tầm với. “Pam, em đã kể với cậu ấy về những việc từng xảy ra với em chưa?”

“Em nói rồi. Và anh ấy không quan tâm.”

“Tất cả ư? Em đã kể cho cậu ấy tất cả?”

Pam im lặng và nhìn xuống. Rồi cô bé nói lấp liếm, “Không cần thiết phải... Không, không phải tất cả. Em đã kể với anh ấy chuyện mẹ em bị điên và đã làm nhiều việc tồi tệ. Anh ấy biết bà đang ở trong tù và sẽ ở đó mãi mãi. Anh ấy hoàn toàn ổn khi nghe việc đó.”

Vậy thì cậu ta từ trong phim *The Walking Dead* bước ra rồi, Sachs trộm nghĩ. “Còn về chuyện em đã lớn lên ở đâu? Như thế nào? Em có kể với cậu ấy những chuyện đó không?”

“Không hẳn. Nhưng nó đã là quá khứ rồi. Chuyện qua rồi mà.”

“Chị không nghĩ em có thể lừa nó đi như vậy, Pam. Cậu ấy cần phải biết.

Mẹ em đã gây ra rất nhiều thiệt hại...”

“Ồ, vậy là em cũng điên phải không? Giống mẹ em? Đó là cách chị nhìn em hả?”

Sachs đau nhói vì lời nhận xét này nhưng cô cố giữ cho giọng nhẹ nhàng. “Thôi đi, em còn tình hơn bất kì một chính trị gia nào ở Washington.” Cô mỉm cười. Nhưng không được đáp lại.

“Em chẳng bị làm sao cả!” Giọng Pam to lên.

“Tất nhiên là không rồi, không! Chị chỉ lo cho em thôi.”

“Không. Chị đang bảo là em cũng điên rồi, và em không đủ trưởng thành để tự đưa ra quyết định cho mình.”

Chính Sachs cũng bắt đầu điên lên. Phe biện hộ không hợp với cô. “Vậy thì hãy đưa ra những quyết định thông minh ấy. Nếu em thực sự yêu cậu ta và mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp thì một hai năm hẹn hò chẳng là gì cả.”

“Bọn em sẽ đi, Amelia. Và khi quay lại bọn em sẽ về sống cùng nhau. Ý em là, chị chấp nhận đi.”

“Đừng có nói cái kiểu đó với chị,” Sachs quát lại. Cô biết mình đang mất bình tĩnh nhưng cô không thể ngăn bản thân lại.

Cô gái trẻ đột ngột đứng dậy, làm cốc nước của mình đổ tràn ra khay bạc.

“Khỉ thật.”

Cô cúi xuống và giận dữ lau chỗ nước đổ. Sachs cũng cúi xuống giúp nhưng Pam đã giật cái khay đi và tiếp tục tự mình lau nó, rồi ném cái khăn giấy đã bị ướt sũng nước màu nâu. Cô gái lườm Sachs bằng cặp mắt hung dữ bất ngờ. “Em biết chính xác chuyện gì đang diễn ra. Chị muốn chia rẽ bọn em.

Chị sẵn sàng tìm mọi cách.” Một nụ cười lạnh lùng. “Tất cả là vì bản thân chị có đúng không, Amelia? Chị muốn bọn em chia tay để chị có thể có đứa con gái mà chị không thể có do quá bận làm cảnh sát.”

Sachs gần như há hốc miệng trước lời buộc tội cay nghiệt ấy - có lẽ cô cũng âm thầm thừa nhận, bởi trong đó cũng có một phần nhỏ sự thật.

Pam lao ầm ầm ra cửa, dừng bước và nói, “Chị không phải mẹ em, Amelia. Hãy nhớ điều đó. Chị là người đã tống mẹ em vào tù.”

Rồi cô gái bỏ đi.

Gần nửa đêm, Billy Haven dọn dẹp đồng bát đĩa của bữa tối, rửa mọi thứ không vứt đi được bằng thuốc tẩy để rửa hết bằng chứng ADN.

Với hắn, thứ đó cũng nguy hiểm chẳng kém gì những loại độc dược mà hắn đã chiết xuất và chế biến.

Hắn ngồi xuống chiếc bàn ọp ẹp trong khu vực bếp của xưởng làm việc trên phố Canal, mở cuốn sổ quản góc đã xác xơ của mình, Những điều răn.

Theo một cách nào đó, bàn tay của Chúa đã mang nó đến cho hắn.

Như hai phiến đá* [đã tới tay Moses vậy](#).

Hai phiến đá khắc Mười điều răn theo Kinh Thánh.

Cuốn sổ với vài chục trang giấy dày đặc câu chữ - được viết bằng nét chữ đẹp đẽ, uốn lượn của Billy - mô tả chi tiết cách thực hiện sự Biến cải, kẻ nào phải chết, khi nào làm việc gì, những hiểm nguy phải tránh, những hiểm nguy phải chấp nhận, những lợi thế nào cần được tận dụng, làm thế nào để thích nghi với những thay đổi bất ngờ. Một thời gian biểu chính xác.

Nếu Sáng thế kí là một cuốn hướng dẫn thực hành Những điều răn tu chính thì cuốn sách đầu tiên trong Kinh thánh hắn đã viết: Ngày thứ Ba, 11 giờ 20 phút sáng: Sáng tạo cây rụng lá. Được rồi, giờ Mi có bảy phút để sáng tạo cây sống đời...

Ngày thứ Sáu, 6 giờ 42 phút sáng: Đã đến giờ cho cá hồi và cá cháo.

Tiến lên đi!

Ngày thứ Sáu, trưa: Đến lúc làm điều mà Adam và Eva làm rồi.

Tất nhiên ý nghĩ này lại khiến hắn nhớ Cô gái Đáng yêu. Hắn tưởng tượng ra cô một lát, khuôn mặt, mái tóc, làn da trắng ngần, rồi gạt hình ảnh làm

phân tâm ấy đi như cái cách bạn đặt bức hình quý giá của một người thân đã mất sang bên - cẩn thận chăm chút bởi nỗi sợ mê tín rằng nếu bạn làm vỡ cái khung, nó có thể gây hại cho người bạn yêu.

Lật giở qua các trang giấy, hấn nghiên cứu những gì sắp xảy đến. Dừng lại một lần nữa để ngẫm nghĩ rằng sự Biến cải đích thực rất phức tạp. Có vô số thời điểm trong quá trình ấy hấn đã tự hỏi liệu nó có quá đà không.

Nhưng hấn đã nghĩ tới những trang sách từ chương bị đánh cắp trong thư viện ngày hôm đó, *Những thành phố liên hoàn*, nhớ lại thông tin đáng ngạc nhiên - không, phải nói là kinh ngạc - mà nó đã hé lộ.

Các chuyên gia trong ngành hành pháp nhìn chung đều đưa ra ý kiến về Lincoln Rhyme rằng tài năng lớn nhất của anh ta là khả năng dự đoán những tên tội phạm mà anh phải theo đuổi sẽ làm gì tiếp theo.

Hấn tin đó là câu trích dẫn đầy đủ; hấn không chắc lắm, vì Chloe Moore, kẻ đã không còn tồn tại trên cõi đời này, đã vô ý xé mất một phần câu văn.

Dự đoán...

Vậy nên, đúng, kế hoạch Biến cải *phải* chính xác nhường này. Những kẻ hấn phải chống lại quá giỏi nên hấn không thể khinh suất, không được bỏ qua bất kì chi tiết nào.

Hấn xem lại các kế hoạch cho cuộc tấn công tiếp theo, vào ngày mai.

Hấn ghi nhớ địa điểm, thời gian. Mọi thứ dường như đã đâu vào đấy. Trong tâm trí mình, hấn diễn tập vụ tấn công; hấn đã đến địa điểm đó rồi. Lúc này hấn tưởng tượng ra nó, người thấy nó.

Tốt lắm. Hấn đã sẵn sàng.

Hấn liếc sang cổ tay phải, chỗ đồng hồ. Hấn mệt rồi.

Và hấn tự hỏi chuyện gì đang diễn ra với cuộc điều tra cái chết của quý cô Chloe?

Hắn bật đài, hi vọng nghe được tin tức.

Những bản tin lúc này thông báo có một cư dân trẻ tuổi của Queens, một nữ nhân viên trong cửa hàng thời trang cao cấp tại SoHo được tìm thấy đã chết trong một đường hầm nối thông với tầng hầm. Chà, lúc ấy Billy đã nghĩ có cao cấp gì đâu. Toàn rác rưởi đến từ Trung Quốc, bị bán quá đắt và chỉ dành cho tụi gái điếm tóc uốn phồng tới từ Jersey hoặc những mẹ sề hoảng hồn vì tuổi trung niên ập tới.

Lúc đầu tên của Chloe còn chưa được lên sóng do chờ đợi sự xác nhận của người thân.

Khi nghe thấy điều đó, Billy đã nghĩ: cảnh sát mới tàn bạo làm sao?

Đưa ra tin tức một cô gái trẻ ở Queens đã bị giết mà lại không buồn nêu tên? Sẽ có bao nhiêu ông bố bà mẹ của bọn trẻ sống trong khu vực đó bắt đầu tuyệt vọng gọi điện thoại kiểm tra?

Lúc này, trong lúc chờ cập nhật thêm tin tức, hắn đành nghe các đoạn quảng cáo. Chẳng lẽ không ai quan tâm đến Chloe Moore tội nghiệp ư?

Chloe Moore, con điếm Chloe...

Hắn đi đi lại lại trước những bể kính trồng cây của mình. Lá trắng, lá xanh, lá đỏ, lá xanh lam...

Lúc ấy, như chuyện thường xảy ra mỗi khi ngắm đám cây đã trở thành bạn đồng hành của mình, hắn nghĩ đến Trúc đào.

Và Phòng Trúc đào.

Billy hối hận vì đã để ý nghĩ ấy lên vào nhưng không làm được gì cả.

Hắn có thể...

A, đã đến bản tin. Rốt cuộc cũng có.

Một vụ bê bối ở hội đồng thành phố, một vụ trật bánh tàu nhẹ, một bản tin kinh tế. Cuối cùng, những tin tức bổ sung về cái chết của Chloe Moore.

Giờ đây họ đã có thêm được vài chi tiết, một chút tiểu sử. Hiện trường cho thấy cuộc tấn công không liên quan đến tình dục (Tất nhiên là không; Billy thấy bị xúc phạm vì bọn họ thậm chí còn nêu ra ý kiến đó. Lũ lều báo thô bỉ). Một bản mô tả sơ lược. Vậy là ai đó đã thoáng trông thấy hấn ở gần lỗ cống.

Hấn lắng nghe trong lúc câu chuyện nhạt đi.

Vẫn không có tin gì về hình xăm. Không có gì về chất độc.

Billy biết chuyện này cũng bình thường. Cảnh sát sẽ hỏi những người ra nhận tội một vài câu về chi tiết cụ thể và nếu họ không trả lời được, những thủ phạm tự nhận kia sẽ được thả ra theo kiểu đầu óc có vấn đề (con số những kẻ tự thú tội mà họ không thực sự phạm phải cao đến ngạc nhiên).

Nhưng bản tin cũng không nhắc gì đến cụm từ “lần thứ hai”.

Nhưng tất nhiên điều đó chẳng khác nào cái gai trong mạng sườn họ.

Thông điệp quái quỷ mà tên tội phạm bí ẩn của họ muốn gửi đi là gì?

Tuy nhiên Những điều răn tu chính đòi hỏi hấn phải khiến cảnh sát không tài nào luận ra được thông điệp trên vài nạn nhân đầu tiên.

Hấn tắt đài đi.

Billy ngáp. Đi ngủ sớm. Hấn đã kiểm tra email, gửi vài tin nhắn, nhận vài tin, rồi hai tiếng rung của đồng hồ báo cho hấn biết đã đến giờ nghỉ ngơi.

Khi đã dọn xong phòng tắm, nơi hấn tẩy sạch bồn bệ và bàn chải bằng thuốc tẩy - để hủy mọi bằng chứng ADN một lần nữa - hấn quay lại giường, thả người xuống. Hấn lôi cuốn Kinh thánh từ dưới gối lên và đặt nó trên ngực mình.

Vài năm trước Billy đã có một cuộc khủng hoảng đức tin. Rất nghiêm trọng. Hắn tin vào Chúa Jesus và quyền năng Thiên Chúa. Nhưng hắn cũng tin rằng mình sinh ra là để đem tài năng của bản thân vào công việc nghệ nhân xăm hình.

Vấn đề là: Sách Lê-vi đã phán, *Các người không được cắt da thịt mình vì người chết, không được xăm mình. Ta là Đức Giê-hô-va.*

Hắn đã bị trầm cảm đến mấy tuần khi đọc được điều này. Hắn vật vã tìm cách giải quyết mối xung đột này.

Một lí lẽ mà hắn đưa ra là Kinh Thánh đầy những điểm bất đồng kiểu như vậy: Chẳng hạn trong cùng chương đó, Kinh Thánh còn viết: *“Không được mặc lên người quần áo dệt từ hỗn hợp lanh và len.”* Nhưng chắc chắn Chúa còn có những ưu tiên khác hơn là tống con người ta xuống địa ngục chỉ vì mặc quần áo có chất liệu hỗn hợp.

Billy tự hỏi phải chăng Người đã dự kiến rằng các thế hệ tương lai sẽ diễn giải lại Kinh Thánh, để mang nó lại gần hơn với xã hội hiện đại.

Nhưng điều đó nghe rất đáng ngờ; nó giống như các thẩm phán của Tòa án tối cao nói rằng Hiến pháp là một sinh vật sống và nên thay đổi cho phù hợp với thời đại.

Thật nguy hiểm khi suy nghĩ như thế.

Cuối cùng câu trả lời cho sự xung đột rõ ràng rành rành này đã xuất hiện.

Billy đã lập luận: Kinh Thánh cũng đã nói, *Các người không được giết người.* Nhưng Sách Thánh chẳng đầy rẫy ví dụ của những vụ sát nhân rành rành đấy thôi - bao gồm cả một cơ số vụ do chính tay Đấng tối cao thực hiện. Vậy là giết người cũng được chấp nhận trong vài trường hợp cụ thể.

Chẳng hạn như để vinh danh Chúa, loại bỏ những kẻ không theo đạo Thiên Chúa và các mối đe dọa, thúc đẩy những giá trị của sự thật và công lí. Hàng chục lí do khác nữa.

Vậy rõ ràng là trong Sách Lê-vi, Chúa có ý nói cả việc xăm mình cũng được chấp nhận *trong những hoàn cảnh nhất định*, y như việc đoạt lấy sinh mạng người khác vậy.

Và còn có hoàn cảnh nào tốt hơn nhiệm vụ mà Billy đang thực thi trong lúc này nữa?

Sự Tu chính các điều răn.

Hãy mở Kinh Thánh ra. Hãy chọn được một đoạn trong Xuất Hành, một trang rất hay.

Nếu người ta đánh nhau, và làm bị thương một thai phụ khiến cô sẩy thai, nhưng không bị nguy hại đến tính mạng, thì kẻ gây thương tích phải bồi thường theo đòi hỏi của chồng thai phụ và phải trả theo phán quyết của các quan tòa. Nhưng nếu người mẹ chết hoặc bị thương thì phải lấy mạng đền mạng, mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân, phỏng đền phỏng, thương tích đền thương tích, đấm đền đấm.

2. NGƯỜI ĐÀN ÔNG DƯỚI HẦM

THỨ TƯ, NGÀY SÁU THÁNG MƯỜI MỘT.

BUỔI TRƯA.

Buổi sáng hôm đó toàn đội làm việc tất bật, cố so sánh các bằng chứng Sachs đã tìm được để định vị một nơi có thể là chỗ nghi phạm đang ở hoặc đã quyết định chọn làm vùng đi săn của hắn.

Rhyme đẩy xe tiến lui trước mặt tấm bảng, cảm nhận cú hích bằng cổ và cằm của mình khi chiếc xe lăn Merits chạy qua những sợi dây điện đang giăng trên sàn phòng khách nhà anh.

237 Phố Elizabeth

- Nạn nhân: Chloe Moore, 26
 - Có thể không có liên quan gì với Nghi phạm
 - Không bị tấn công tình dục, nhưng có đụng chạm da thịt
- Nghi phạm 11-5
 - Nam da trắng
 - Khổ người gầy đến trung bình
 - Mũ len trùm đầu
 - Áo khoác tối màu dài đến giữa đùi
 - Ba lô tối màu
 - Mang bao giày
 - Không dấu vân tay
 - Nghệ nhân xăm mình chuyên nghiệp hoặc từng làm
 - Có thể đang làm hình xăm dạng “hai nửa”

- Dùng đường viền máu để vẽ hình xăm – Không xuất thân từ khu vực này; nhiều khả năng là dân nông thôn
- Học các kỹ thuật từ sách và đón đầu Rhyme và cảnh sát?
- Bị ám ảnh với da người
- Có thể đang nhắm vào cảnh sát
- Tội phạm có tổ chức; sẽ lên kế hoạch trước các cuộc tấn công
- Có thể đã quay lại hiện trường
- COD: Bị đầu độc bằng cicutoxin, thâm nhập cơ thể qua hình xăm
 - Xuất phát từ cây thủy độc cần
 - Không rõ xuất xứ
 - Cô đặc, cao gấp tám lần bình thường
- Bị khống chế bằng propofol
 - Thu được như thế nào? Có cách tiếp cận với các nguồn cung của ngành y?
- Bị xăm cụm “lần thứ hai” bằng hệ chữ tiếng Anh cổ, viền hình vỏ sò
 - Là một phần của thông điệp?
 - Đội chuyên trách của sở cảnh sát đang kiểm tra điểm này
 - Viền hình vỏ sò là kỹ thuật lên da non - tạo sẹo - điểm này có thể quan trọng
- Súng xăm di động được dùng làm vũ khí
 - Có thể là loại American Eagle
- Sợi vải

- Màu trắng ngà
- Có thể rơi ra từ áo sơ mi của Nghi phạm, bị rách trong lúc vật lộn
- Trang giấy từ một cuốn sách
 - Có thể bị xé ra từ túi áo Nghi phạm trong lúc vật lộn
 - Có thể là loại sách bìa cứng sản xuất hàng loạt từ 1996-2000
 - Tên sách là *Những thành phố liên hoàn*. Hãy quan tâm tới Chương 7, viết về Kẻ tầm xương.
 - Có mối liên hệ về mặt tâm lí học với Kẻ tầm xương? Báo thù?
- Có thể đã dùng cây lăn có băng dính để lấy hết dấu vết trên quần áo trước khi tấn công
- Còng tay
 - Loại thường, không rõ nguồn
- Đèn pin
 - Loại thường, không rõ nguồn
- Băng dính
 - Loại thường, không rõ nguồn Các dư chất tại hiện trường
- Oxit nitơ, ozon, mangan sắt, niken, bạc, berili, hidrocarbon clo hoá, axeliten
 - Có thể là các nguyên liệu trong hàn xì
- Tetrodotoxin
 - Độc tố trong cá nóc
 - Thuốc độc zombie

- Số lượng rất nhỏ
- Không được dùng cho nạn nhân lần này
- Stercobilin, urê 9,3g/l, clorit 1,87g/l, natri 1,17g/l, kali 0,075g/l, creatini 0,670g/l
 - Thành phần của phân người
 - Có thể gợi ý đến mối quan tâm/ám ảnh ở dưới lòng đất
 - Tới từ địa điểm giết người tiếp theo dưới lòng đất?
- Chất khử trùng benzalkonium clorua
 - Ion amoni bậc bốn, loại chất sát khuẩn tiêu chuẩn
- Keo nhựa
 - Được dùng trong băng cá nhân, xây dựng và nhiều công dụng khác nữa
 - Cẩm thạch Inwood
 - Bụi và các mẫu vụn nhỏ
 - Thuốc nổ Tovex
 - Có thể từ nơi cho nổ đá

Rhyme quay từ cái bảng sang chỗ Amelia Sachs và bắt gặp cô đang nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ vào buổi sáng mưa gió. Rõ ràng cô vẫn còn buồn bực trước tin tức mới nhận ngày hôm qua - rằng Pam sắp đi du lịch vòng quanh thế giới với bạn trai con bé, rồi chuyển vào ở cùng cậu ta sau khi họ quay lại.

Seth là một chàng trai tử tế, cô đã giải thích như vậy khi họ cùng nằm trên chiếc giường êm ái của anh đêm qua, đèn đã tắt hết và gió đập vào cửa sổ.

“Cho đến nay. Không phải loại trốn chui trốn lủi trong một nhà trọ ở Maroc hay Goa. Có lẽ thằng bé là Quý ông Hoàn hảo, cũng có thể không.

Ai mà biết được?”

“Em có nghĩ rồi chuyện này sẽ qua không?”

“Không. Con bé quyết tâm lắm.”

“Giống em. Có nhớ mẹ em đã không thích chuyện em hẹn hò với gã què ngồi trên xe lăn không?”

“Anh có là vận động viên điền kinh đi nữa thì mẹ cũng chẳng thích anh đâu. Không ai đạt được những tiêu chuẩn của mẹ em cả. Dù bây giờ thì bà thích anh rồi.”

“Ý tôi chính là thế đấy.”

“Em thích Seth. Thêm một năm nữa em sẽ thích cậu ta hơn ấy.”

Rhyme đã cười.

Cô hỏi, “Anh có ý kiến gì không?”

“E là không.” Rhyme đã từng kết hôn vài năm. Anh li dị không lâu sau vụ tai nạn (là đề nghị của anh; chứ không phải của vợ anh), nhưng trước đó cuộc hôn nhân đã lâm vào bế tắc một thời gian rồi. Anh chắc chắn mình từng yêu đương vào một thời điểm nào đó nhưng mối quan hệ đã đổ vỡ vì những lí do anh không tài nào tách bạch, định lượng và phân tích được. Còn về những gì anh có với Sachs? Chuyện tiến triển vì nó tiến triển thế thôi.

Anh chỉ có thể nói đến thế. Lincoln Rhyme thẳng thắn thừa nhận mình không có tư cách đưa ra những lời khuyên về chuyện tình ái.

Nhưng rốt cuộc thì ai mới đủ tư cách? Tình yêu là một sự việc không thể tìm nổi nhân chứng chuyên môn.

Sachs đã nói thêm, “Và em đã xử lí không khéo chút nào. Em đã tỏ ra bao bọc quá. Tình mẫu tử quá lớn. Chuyện thành ra hồng lét. Đáng lẽ em phải khách quan hơn, hiểu biết hơn. Nhưng không, em đã để mọi chuyện vượt tầm kiểm soát.”

Sáng hôm nay, Rhyme có thể thấy là Sachs vẫn còn rất buồn. Anh đang nghĩ mình nên nói lời gì an ủi thì đòi hỏi công việc đã lấn át chuyện cá nhân, trước sự nhẹ nhõm của anh.

“Có gì đó ở đây này,” Pulaski gọi với ra từ bên kia phòng thí nghiệm, cậu ta đang nhìn chăm chú vào một màn hình ở trong đó. “Tôi nghĩ...” Cậu ta im bật, lừ mắt. “Internet chết tiệt. Đúng lúc tôi bắt gặp một thứ gì đó chứ.”

Rhyme có thể thấy màn hình của cậu ta đã bị đóng băng.

“Được rồi, được rồi, lại lên rồi.”

Cậu ta gõ thêm mấy nút nữa. Bản đồ, giản đồ và một thứ trông như bản danh sách các hợp chất và vật liệu nhảy lên màn hình lớn.

“Cậu sắp trở thành nhà khoa học đích thực rồi đấy, lính mới,” Rhyme bảo trong lúc nhìn các ghi chú.

“Cậu có gì rồi, Ron?” Mel Cooper hỏi.

“Cuối cùng cũng có tin tốt. Có lẽ vậy.”

Chuyến du lịch của cả nhà tới New York mà Harriet Stanton mong ngóng nhiều năm trời rốt cuộc đã không diễn ra như kế hoạch.

Nó đã bị trì hoãn bởi một sự việc ngẫu nhiên có thể thay đổi cuộc đời bà mãi mãi.

Lúc này Harriet đang đứng trước gương trong một căn phòng khách sạn. Cả đêm qua bà đã trần trọc trong căn phòng này và nhìn lên bộ vest của mình. Màu tối. Không phải đen mà là xanh hải quân.

Suýt nữa thì bà đã chọn màu kia. Đúng là xui xẻo vì đã chọn như thế.

Bà nhặt vài mẩu xơ vải bên trên mặt len, phúi một ít bụi - khách sạn này không đẹp như trong quảng cáo trên mạng (nhưng nó vừa tiền và tính tiết kiệm là một phần quan trọng trong gia đình Stanton, họ vốn xuất thân từ một thị trấn có tiêu chuẩn lưu trú là nhà trọ Holiday).

Năm mươi ba tuổi, với bờ vai mảnh khảnh và thân hình quả lê (nhưng là quả lê nhỏ thôi) , Harriet có khuôn mặt đáng tin cậy với làn da khỏe mạnh và dạn dày sương gió - vì việc làm vườn, vì những buổi chơi với các con trong vườn sau giờ học, những buổi dã ngoại và tiệc thịt nướng. Nhưng bà là người phụ nữ tầm thường cuối cùng trên Trái đất, và những nếp nhăn duy nhất làm bà phiền muộn không nằm trên gương mặt mà là trên chân váy của bộ vest - nếp nhăn mà bà sẽ khắc phục.

Nếu nghĩ tới điểm đến của bà, một nơi u ám, bà có thể dễ dàng bỏ qua khiếm khuyết này. Nhưng đó không phải cách của Harriet. Trên đời có những cách tiếp cận hoặc đúng hoặc sai, và đó là một cách tiếp cận lười biếng và lảm nhảm. Bà kéo khóa váy rồi thả nó xuống, nó dễ dàng trôi xuống chiếc váy lót màu be.

Bà lạng lẽ tháo chiếc cầu là rẻ tiền bằng một tay (ồ, Harriet biết rõ các dụng cụ là quần áo của mình chứ) và cắm phích cho chiếc bàn là không cần xúng.

Nó đang được buộc vào cầu là bằng một sợi dây. Chẳng lẽ ở New York này nạn trộm cắp thiết bị cầm tay lại kinh khủng đến thế? Và chẳng phải khách sạn đã có sẵn số thẻ tín dụng của khách hết rồi sao?

Ồ, thôi được. Nơi này là cả một thế giới khác, rất khác ở nhà.

Trong lúc chờ bàn là nóng lên, bà tiếp tục xem xét lại những lời nói của chồng từ ngày hôm trước trong lúc họ đi bộ qua những con phố lạnh buốt ở New York.

“Này, Harriet, này.” Ông đã dừng trên phố, quãng giữa FAO Schwarz và Đại lộ Madison, tay chống vào một cột đèn.

“Cứng à?” bà hỏi trong lúc vòng lại.

“Xin lỗi. Tôi xin lỗi.” Người đàn ông lớn hơn vợ mình mười tuổi có vẻ xấu hổ. “Tôi thấy không khỏe lắm. Có cái gì đó.” Ông chạm vào ngực mình. “Có gì đó ở đây, bà biết đấy.”

Gọi taxi hay cấp cứu? Bà băn khoăn, cuống cuồng tranh luận.

Tất nhiên là chín một một rồi. Đừng có ngốc.

Trong vòng hai mươi phút họ đã có mặt ở một phòng cấp cứu của một bệnh viện gần đó.

Và kết luận: một cơn nhồi máu cơ tim nhẹ.

“Một cái gì cơ?” bà hỏi.

Ồ, có vẻ như đó là: một ca đau tim.

Việc này rất khó hiểu. Vốn dĩ ông có lượng cholesterol thấp, chưa từng hút một điếu thuốc nào trong đời, chỉ thi thoảng nhấp thử xì gà, và cơ thể một mét tám mươi bảy của ông gầy gò và cứng chắc như chính cây cột ông đã phải bám lấy để giữ thăng bằng khi bị đau tim vậy. Ông từng chạy theo lũ hươu nai ở trong rừng vào cuối tuần trong suốt mùa săn mỗi khi ông có thời

gian. Ông giúp các bạn mình dựng khung phòng ốc và ga ra. Mỗi cuối tuần, ông đều vác trên vai những bao đất mùn và đất trồng cây loại hai mươi cân và mang chúng từ xe bán tải ra nhà kho.

“Không công bằng,” Matthew đã lẩm bẫm khi nghe kết luận của bác sĩ.

“Chuyến đi mơ ước của chúng tôi lên thành phố, vậy mà xem xem chuyện gì đã xảy ra. Không công bằng chút nào.”

Để đề phòng, các bác sĩ đã cho chuyển ông tới một bệnh viện cách khách sạn của họ khoảng nửa giờ đi xe về phía bắc, và rõ ràng đó là cơ sở chữa bệnh tim tốt nhất thành phố. Tiến triển bệnh của ông rất tốt và ông sẽ được ra viện vào ngày mai. Không cần phải phẫu thuật. Họ sẽ kê vài loại thuốc để hạ huyết áp và ông sẽ phải mang theo mình những viên nitroglycerin. Ông cũng phải uống aspirin mỗi ngày. Nhưng dường như các bác sĩ chỉ coi lần đau tim này là một ca nhẹ.

Để thử độ nóng của bàn là, bà vẩy một giọt nước lên bề mặt Teflon. Nó cháy xèo xèo và bốc hơi. Bà xịt một ít nước từ chai Dannon lên chân váy và là thẳng nếp nhăn.

Mặc lại chiếc váy, bà quan sát mình trong gương lần nữa. Tốt. Nhưng bà đã quyết định là mình cần thêm chút màu sắc nên đã buộc một chiếc khăn lụa màu đỏ và trắng quanh cổ. Hoàn hảo. Tươi sáng nhưng không lòe loẹt. Bà cầm lấy chiếc túi xách và rời khỏi phòng, đi xuống sảnh khách sạn trong chiếc thang máy mà bên ngoài có tiếng xích lạch cạch ở mỗi tầng nó đi qua.

Khi đã ra ngoài, Harriet tự mình tìm phương hướng và gọi một chiếc taxi. Bà đọc tên bệnh viện cho tài xế và trèo vào ghế sau. Bên trong xe có mùi và bà tin là lái xe, một người ngoại quốc, đã không tắm tấp gì gần đây.

Một câu nói rập khuôn nhưng là sự thật.

Bất chấp cơn mưa tuyết, bà vẫn hạ kính cửa sổ và chuẩn bị tranh cãi nếu anh ta phản đối. Nhưng anh ta không nói gì. Dường như anh ta không chú ý gì

đến bà - hay đến mọi thứ. Anh ta ấn vào một nút trên công tơ mét và lao đi.

Trong lúc họ túc tắc đi về phía bắc trên chiếc taxi cũ, Harriet nghĩ về cơ sở vật chất của bệnh viện. Nhân viên ở đó có vẻ tử tế và các bác sĩ rất chuyên nghiệp, dù tiếng Anh của họ thật lúng túng. Mặc dù vậy, điều bà không thích là phòng của Matthew trong Trung tâm Y tế Thượng Manhattan lại nằm dưới tầng hầm, cuối một hành lang dài, mờ tối.

Xập xệ và đáng sợ. Và tối qua lúc bà đến thăm ông thì nó gần như bị bỏ hoang.

Nhìn sang các dinh thự bên tay trái và công viên Central bên tay phải, Harriet cố gạt đi những lo ngại về việc viếng thăm cái nơi khó chịu ấy. Bà đang nghĩ có lẽ vụ đau tim xui xẻo kia là một điềm gở, báo hiệu một điều tồi tệ hơn sắp xảy ra.

Nhưng sau đó bà đã kết luận những cảm xúc ấy chỉ là mê tín dị đoan, rồi lôi điện thoại ra và gửi một tin nhắn vui vẻ là bà đang trên đường đến.

Với chiếc ba lô trên vai - bên trong có chứa chiếc máy American Eagle và một chất độc chết người nguy hiểm - Billy Haven rẽ vào một phố nhỏ, qua khu vực công trường rộng lớn và lảng tránh các khách bộ hành.

Tức là, tránh nhân chứng.

Hắn bước vào tòa nhà phụ gồm văn phòng của các bác sĩ, bên cạnh khu liên hợp Trung tâm y tế Thượng Manhattan. Ở hành lang, hắn tiếp tục cúi đầu thấp và chủ định đi về phía cầu thang bộ. Hắn đã trinh sát nơi này trước và biết chính xác mình đang đi đâu và làm sao để trở nên vô hình.

Không ai chú ý gì đến một chàng trai gầy gò như biết bao chàng trai gầy gò khác ở New York, một họa sĩ, nhạc sĩ, một diễn viên tương lai.

Y như họ.

Mặc dù trong ba lô của họ không có thứ hắn có.

Billy đẩy mở cánh cửa thoát hiểm và bắt đầu đi xuống cầu thang. Hắn xuống tầng hầm và đi theo chỉ dẫn sang tòa bệnh viện, qua một hành lang dài, mờ tối. Không có ai ở đó, cứ như không có nhiều người biết về nó. Hay đúng hơn là, họ biết lối đi bẩn thiu này nhưng thà đi bộ trên mặt đất từ tòa nhà văn phòng sang bệnh viện còn hơn. Trên đó bạn không những có thể mua được một cốc Starbucks hay một lát bánh pizza Ray's chính hiệu mà còn không bị lôi tuột vào một cái tù và bị cưỡng hiếp.

Đường hầm dẫn sang bệnh viện rất dài - đến cả trăm mét - và được sơn một màu xám xịt giống với tàu chiến. Các đường ống chạy trên đầu. Nó rất tối vì cứ cách hai cái hốc bệnh viện mới đặt một bóng đèn, có lẽ để tiết kiệm tiền. Không có máy quay an ninh nào.

Billy biết thời gian rất hạn hẹp nhưng tất nhiên hắn phải dừng lại một lần. Hắn đã để ý lối đi vòng vào ngày hôm qua, khi tới kiểm tra xem đây có phải

là lối đi riêng thích hợp để lên vào bệnh viện hay không.

Tấm biển trên cửa đã làm hấn tò mò.

Đơn giản là hấn *phải* đi vào đó.

Và giờ hấn đang làm vậy, dù vẫn ý thức được áp lực thời gian. Nhưng hấn có cảm giác như mình là một đứa trẻ đang bỏ học để đi chơi ở cửa hàng bán đồ chơi vậy.

Căn phòng lớn được dán biển *Mẫu vật* bên ngoài, bên trong tối tăm nhưng cũng được đèn thoát hiểm chiếu đủ sáng. Những bóng đèn hắt ánh sáng màu hồng rờn rợn lên các đồ vật bên trong: cả ngàn cái lọ chứa các bộ phận cơ thể đang nổi trong thứ chất lỏng vàng vọt, có thể là formaldehyde.

Mắt, tay, gan, tim, phổi, các bộ phận sinh dục, ngực, chân. Có cả phôi thai hoàn chỉnh nữa. Billy để ý thấy hầu hết các mẫu vật đều có niên đại từ đầu thế kỉ hai mươi. Có lẽ hồi ấy những sinh viên y khoa đã dùng hàng thật để học môn giải phẫu học, trong khi các thế hệ ngày nay chỉ dùng những hình ảnh trên máy tính có độ phân giải cao.

Gắn trên tường là các kệ đựng xương, có hàng trăm kệ như vậy. Hấn nghĩ lại vụ án nổi tiếng mà Lincoln đã thụ lí vài năm trước, vụ Kẻ tầm xương. Nhưng hấn không quan tâm nhiều tới xương cốt.

Quy tắc bộ xương?

Không, không gây ra tiếng vang như Quy tắc bộ Da. Không so sánh được.

Lúc này hấn đi qua đi lại giữa các dãy, quan sát những cái bình có chiều cao từ vài phân cho tới sáu bảy chục phân. Hấn dừng bước và nhìn chăm chăm, mắt đối mắt với một cái đầu bị cắt rời. Theo Billy, những đường nét trên khuôn mặt đó có vẻ là của dân Nam Thái Bình Dương, hoặc hấn muốn tin như vậy - bởi vì hấn đã vui sướng phát hiện ra một hình xăm trên cái đầu: một cây thánh giá ở ngay dưới đường viền chân tóc.

Billy coi đây là một dấu hiệu tốt. Từ “hình xăm” (tattoo) vốn có nguồn gốc từ tiếng Polynesia hoặc Samoa. Đó là quy trình xăm bụng dưới của đàn ông với một thiết kế hình học phức tạp gọi là *pe'a* (và bụng phụ nữ với một kiểu tương tự gọi là *mal*). Quy trình này tốn nhiều tuần liền và cực kì đau đớn. Những người hoàn thành việc xăm mình sẽ nhận được một danh hiệu đặc biệt và được tôn trọng vì lòng dũng cảm của họ. Những người thậm chí không dám thử sẽ bị gọi là “ở trần” trong tiếng Samoa và bị cách ly khỏi xã hội. Mặc dù vậy, nỗi sỉ nhục tồi tệ nhất sẽ dành cho những người đàn ông và đàn bà bắt đầu quá trình này nhưng lại không thể kết thúc nó vì họ không chịu nổi đau đớn. Nỗi ô nhục sẽ đi theo họ mãi mãi.

Billy thích cái thực tế con người định hình bản thân trong mối quan hệ với việc xăm mình.

Hắn đã chọn sẽ tin rằng người đàn ông hắn đang nhìn chăm chăm kia đã chịu đựng để có được *pe'a* của mình và trở thành một người có thể lực trong bộ lạc của ông ta. Dù đã là kẻ ngoại đạo ra sao, ông ta cũng là người dũng cảm, một chiến binh giỏi (kể cả nếu ông ta có không đủ thông minh để tránh được cảnh bị bêu đầu trên một cái kệ kim loại ở lần thế giới như thế này).

Billy giữ cái bình bằng một tay và vươn người tới đến khi chỉ còn cách cái đầu bị cắt lìa có vài phân, cả hai bị phân cách bằng lớp kính dày và chất lỏng mỏng.

Hắn nghĩ về một trong những cuốn sách yêu thích của mình. *Hòn đảo của Bác sĩ Moreau*. Cuốn tiểu thuyết của H. G. Wells nói về một người Anh bị đắm tàu và dạt vào một hòn đảo, trên đó ông bác sĩ Moreau đã thực hiện phẫu thuật ghép người với thú. Người linh cẩu, Người báo... Billy đã đọc đi đọc lại cuốn sách hết như cách lũ trẻ khác đọc lại *Harry Potter* và *Chạng vạng* vậy.

Tất nhiên giải phẫu sống và ghép cơ thể là đỉnh cao của việc sửa đổi. Và *Bác sĩ Moreau* là ví dụ *hoàn hảo* của việc ứng dụng Quy luật bộ Da.

Được rồi. Đã đến lúc quay lại với thực tế, hẳn tự khiển trách bản thân.

Billy bước ra cửa và nhìn lên nhìn xuống hành lang. Vẫn còn trống không. Hẳn tiếp tục lên đường tới bệnh viện và biết lúc nào mình đi vào hẳn tòa nhà. Cái mùi trung gian của chất tẩy rửa và mồi meo từ tòa nhà văn phòng đã bị mùi hóa chất hỗn tạp lấn át. Thứ mùi của thuốc sát khuẩn, cồn, Lysol, Betadine ngào ngạt.

Và còn những mùi khác mà mọi người coi là ghê tởm nhưng với Billy thì không: mùi da người thổi rửa, da chảy ra do viêm nhiễm và vi khuẩn, da bị cháy thành tro... có lẽ là dưới tia laze trong phòng phẫu thuật.

Hay có lẽ là các nhân viên bệnh viện đang đốt bỏ những mô và phủ tạng vứt đi trong một cái lò ở đâu đó. Mỗi khi nghĩ đến điều này, hẳn đều nhớ đến bọn phát xít, những kẻ đã dùng da của các nạn nhân trong thời kì Diệt chủng vào những mục đích thực tế, như làm chụp đèn và bìa sách. Đó cũng là những kẻ đã phát minh ra một hệ thống xăm mình đơn giản nhất - và quan trọng nhất - trong lịch sử.

Quy tắc bộ Da... Billy hít vào thật sâu.

Hẳn cảm nhận được một mùi nữa: cực kì đáng ghét. Cái gì, cái gì nhỉ?

Ồ, hẳn hiểu rồi. Vì có quá nhiều công nhân ngoại quốc làm việc trong lĩnh vực y tế, thức ăn ở bệnh viện cũng được chuẩn bị bao gồm cả các loại món ăn có mùi thơm của cà ri và tỏi.

Tởm lợm.

Cuối cùng Billy cũng đi tới trung tâm bệnh viện, tầng hầm phụ thứ ba.

Chốn này hoàn toàn bị bỏ không. Một nơi hoàn hảo để mang nạn nhân và tới thực hiện hình xăm chết người, hẳn nghĩ vậy.

Vì thang máy sẽ có camera an ninh nên hẳn tìm thang bộ, bước vào đó và bắt đầu leo lên trên. Ở tầng hầm phụ tiếp theo, tầng hai, hẳn dừng lại và ngó

ra. Đây là nhà xác, bây giờ đang không có cái xác nào. Rõ ràng các y bác sĩ còn chưa kịp giết ai trong ngày hôm nay.

Thêm một nhịp cầu thang nữa là tới tầng hầm chính, tầng này bao gồm cả phòng bệnh. Nhìn ra ngoài qua lớp kính mờ mịt có gắn thêm lưới kim loại chắc chắn của cánh cửa thoát hiểm, hẳn có thể thoáng thấy một vệt màu, rồi đến một cử động: một người phụ nữ đang đi bộ xuôi hành lang, lưng quay về phía hẳn.

A, hẳn nghĩ và để ý thấy trong khi chiếc váy kèm áo khoác của bà ta màu xanh hải quân, cái khăn quấn quanh cổ lại là khăn lụa có màu trắng và đỏ bóng bẩy. Nó nổi bật như một ngọn cờ trong cảnh xám xịt u ám. Bà ta đang đi một mình. Hẳn lách qua cửa và đi theo. Hẳn để ý cặp chân cơ bắp của bà ta - lộ rõ ràng dưới lớp váy chỉ dài đến đầu gối - cả chiếc eo thon, cả cặp hông. Mái tóc được buộc gọn thành một búi chặt chẽ có màu nâu đã ngả xám. Mặc dù chiếc quần tất màu da có làm lộ vài mạch máu tím tím gần cổ chân, hẳn cũng nhận thấy được làn da bà ta quá đẹp so với một người phụ nữ lớn tuổi.

Billy thấy mình bị khuấy động, tim đập mạnh, mạch máu phập phồng trên thái dương. Và ở chỗ khác nữa.

Máu. Phòng Trúc đào... máu trên thảm, máu trên sàn.

Gạt những ý nghĩ ấy đi. Ngay! Hãy nghĩ đến Cô gái Đáng yêu.

Hẳn làm vậy và những khao khát giảm đi. Giảm bớt chứ không biến mất.

Đôi khi bạn phải đầu hàng. Dù hậu quả có thể nào đi nữa.

Trúc đào...

Giờ hẳn bước đi nhanh hơn, đã tiến đến sau lưng bà ta.

Còn chín mét, bảy mét...

Billy thu hẹp khoảng cách còn khoảng bốn mét, ba mét, một mét, mắt hắn vẫn nhìn chăm chăm vào cặp chân của bà ta. Đó là lúc hắn nghe thấy giọng nói nghiêm túc của một người phụ nữ vang lên sau lưng mình.

“Người đội mũ kia. Cảnh sát đây! Thả cái ba lô xuống. Giơ hai tay lên đầu!”

Cách gã đàn ông khoảng chín mét, Amelia Sachs giữ chắc khẩu Glock trong tay và lặp lại, gay gắt hơn, “Đặt ba lô lên sàn. Giơ hai tay lên đầu! Ngay bây giờ!”

Người phụ nữ sắp sửa bị hấn tấn công, chỉ còn cách tầm một mét, quay ngoắt lại. Vẻ bối rối trên khuôn mặt bà ta trở thành nỗi hoảng sợ khi bà nhìn vào kẻ suýt thì tấn công mình và hiểu ra. “Không, làm ơn, không!”

Kẻ tấn công mặc áo khoác, không phải chiếc áo dài đến đùi như nhân chứng đã báo cáo nghi phạm từng mặc, nhưng vẫn còn chiếc mũ trùm và ba lô đen tố cáo hấn. Nếu bị nhầm thì cô sẽ xin lỗi. “Làm ngay!” Sachs lại gọi.

Vẫn quay lưng về phía cô, hấn từ từ đưa hai tay lên. Khi tay áo hấn trượt xuống, cô thoáng trông thấy một hình xăm màu đỏ không rõ là hình gì trên cánh tay trái của hấn, bắt đầu từ mu bàn tay và biến mất dưới áo khoác.

Một con rắn, một con rồng?

Hấn đang giơ tay, đúng, nhưng không thả ba lô xuống.

Khỉ thật. Hấn sẽ phản kháng.

Quả nhiên, trong một tích tắc, hấn kéo sụp chiếc mũ xuống thành mặt nạ trượt tuyết và lao tới, tóm lấy người đàn bà, xoay bà ta lên trước. Hấn vòng cánh tay qua cổ bà ta. Bà ta kêu lên và vật lộn. Cặp mắt đen mở to sợ hãi.

Được rồi. Hấn chính là Nghi can 11-5.

Sachs từ từ tiến đến, hòng súng Glock tìm kiếm một điểm nhắm thông thoáng.

Không thể tìm được. Chủ yếu là do con tin đang bị hoảng loạn và vật lộn để thoát ra, bà ta vừa đá vừa vặn vẹo người. Hấn đã áp sát mặt vào tai bà ta, rõ ràng đang thì thầm điều gì đó và bà ta ngừng chống cự với cặp mắt mở to.

“Tao có súng!” hấn hét lên. “Tao sẽ giết mụ ta. Thả súng xuống. Ngay!”

Sachs quát lại. “Không!”

Bởi vì bạn không bao giờ được thả vũ khí, không bao giờ rời mục tiêu.

Chấm hết. Cô không nghĩ hấn có súng - bởi nếu có hấn đã rút ra và bắt đầu bắn trả luôn rồi - nhưng kể cả nếu hấn có súng, bạn cũng không được hạ ống ngắm.

Sachs ngắm mục tiêu cạnh đầu hấn. Đó là một đích ngắm dễ dàng với mục tiêu cố định nhưng hấn lại đang vừa lùi vừa đi ngang, đồng thời thụt đầu trốn sau con tin.

“Không, xin đừng làm hại tôi! Làm ơn!” người phụ nữ khẽ van xin.

“Câm mồm!” nghi phạm lẩm bẩm.

Sachs điều đình với hấn, “Nghe này, không đời nào anh thoát ra khỏi đây được đâu. Giơ hai tay lên và...”

Một cánh cửa gần đó mở ra và một người đàn ông gầy gò trong bộ áo liền quần màu xanh bước vào hành lang. Chỉ vừa đủ để làm ánh mắt Sachs bị phân tán trong tích tắc.

Và nó cũng đủ cho nghi phạm vồ lấy cơ hội của mình. Hấn đẩy con tin thẳng về phía Sachs và trước khi cô kịp bước tránh sang bên để bóp cò, hấn đã lao qua một ngưỡng cửa khác và biến mất.

Sachs chạy qua người phụ nữ mặc bộ vest màu xanh. Bà hoảng hốt, trợn trừng mắt và lùi lại sát bức tường.

“Hấn định làm...?”

Không có thời gian để chạy đi chạy lại. Sachs mở toang cánh cửa và ngó vào thật nhanh. Không có nguy hiểm, không có mục tiêu. Cô hét qua vai vào

người phụ nữ và bác sĩ, “Quay lại hành lang ngay. Chờ ở đó! Gọi chín một một.”

“Ai...” con tin hỏi.

“Đi đi!” Sachs quay lại và đi qua ngưỡng cửa nghi phạm vừa biến mất.

Cô lắng nghe. Một tiếng cạch nhẹ - từ bên dưới. Hợp lí; hắn sẽ không thoát được từ các tầng trên. Nghi phạm 11-5 là gã đàn ông dưới hầm mà.

Sachs đến đây không phải vì nhiệm vụ tác chiến nên cô không mang theo điện đàm, cô lôi chiếc iPhone ra và gọi 911. Việc này dễ hơn là đi đường vòng qua Tổng đài trung tâm. Cô báo cáo mã 10-13, cảnh sát cần hỗ trợ. Cô đoán là con tin và nhân viên của bệnh viện cũng đang gọi rồi nhưng cũng có thể họ chỉ đơn giản lẫn đi mất vì không muốn bị dính dáng vào vụ việc.

Xuống thêm một nhịp cầu thang nữa. Bước đều nhưng chậm rãi. Ai mà biết được, có khi gã kia chỉ giả vờ đóng chốt cửa tầng này để lừa cô rồi quay trở lại và bắn tĩa bằng khẩu súng của hắn, nếu thực sự hắn có một khẩu trong túi?

Sachs chưa bao giờ nghĩ chuyến đi này sẽ thực sự kết thúc bằng việc chạm trán nghi phạm. Cô tới đây chỉ để hỏi xem có nhân viên nào trông thấy ai đó khớp với mô tả nhân dạng của hắn hay không mà thôi. Rhyme đã đoán được cuộc tấn công có thể diễn ra tại bệnh viện này. Hồ sơ mà Terry Dobyns đã dựng lên là nghi phạm sẽ lên kế hoạch trước cho các đợt tấn công của mình, bởi hắn là một tội phạm có tổ chức. Điều đó có nghĩa là một vài dấu vết họ tìm được ở hiện trường của Chloe Moore có thể tới từ những địa điểm của các vụ đầu độc trong tương lai.

Bốn mươi phút trước, Ron Pulaski phát hiện ra dấu vết đá cẩm thạch Inwood mà Sachs đã thu thập được chỉ có ở khu vực này của Manhattan và vài giấy phép cho dùng thuốc nổ đã được cấp cho nhà thầu chính phụ trách xây dựng phần chái nhà mới của Trung tâm y tế Thượng Manhattan. Những chất khác

- chất tẩy rửa công nghiệp và keo dính trong băng cá nhân - đều ám chỉ hãn đã ở trong một bệnh viện để lên kế hoạch cho cuộc tấn công nạn nhân số hai.

Sachs gần như không mong sẽ thực sự bắt gặp hãn.

Hít thở thật sâu, cô dừng ở cửa thoát hiểm, đẩy nó mở ra, thụp người xuống tư thế chuẩn bị bắn trong tác chiến. Xoay trái xoay phải. Đây là tầng hầm nhà xác; có bốn nhân viên mặc bộ bảo hộ đang trò chuyện và uống cà phê, tất cả đứng cạnh hai chiếc cồng có tấm phủ.

Khi quay lại, trông thấy khẩu súng, rồi thấy Sachs, họ trợn tròn mắt, cứng đờ cả người.

Cô giơ phù hiệu lên. “Một nam da trắng mặc áo khoác tối màu. Cao khoảng mét tám, đội mũ trùm hoặc mặt nạ. Dáng người gầy. Có đi qua đây không?”

“Không.”

“Các anh ở đây bao lâu rồi?”

“Mười, mười lăm phút...”

“Vào trong và khóa cửa lại.”

Một nhân viên định đẩy chiếc cồng đi qua cửa. Sachs bảo, “Chỉ những người còn sống thôi.”

Quay lại cầu thang mờ tối. Đi xuống thêm nhiều bậc thang nữa. Cô xuống đến tầng hầm phụ thấp nhất. Chắc hãn đã vào đây.

Đi.

Thật nhanh.

Khi con đi chuyển, chúng không thể bắt được con...

Cô đẩy một cánh cửa, lại xoay nòng súng sang trái sang phải.

Tầng hầm không một bóng người, nơi đây có vẻ như chỉ dành cho hệ thống thiết bị và phòng chứa đồ.

Cô tiếp tục xoay súng sang hai bên. Bởi vì trong tâm trí cô vẫn còn định ninh một ý nghĩ, hẳn không phải là kẻ trốn chạy. Có lẽ đây chỉ là một cái bẫy. Có lẽ hẳn đang trốn ở đây để sát hại người truy đuổi.

Cô nhớ lại một dòng trong cuốn sách *Những thành phố liên hoàn*, về Rhyme:

Các chuyên gia trong ngành hành pháp đều có chung một ý kiến rằng tài năng lớn nhất của Lincoln Rhyme là khả năng dự đoán điều mà những tên tội phạm anh phải truy đuổi sẽ làm tiếp theo.

Có lẽ cả Nghi can 11-5 cũng đang dự đoán.

Terry Dobyns cũng đã gợi ý rằng có thể hẳn nhắm vào cảnh sát.

Trong lúc mắt cô thích nghi với ánh sáng yếu, cô quan sát khắp sảnh.

Hẳn không thể đi về phía bên trái vì đó là ngõ cụt. Bên phải, như tấm biển thông báo, là đường hầm dẫn sang tòa văn phòng của các bác sĩ.

Hẳn có thể thoát theo lối đó... hoặc nằm yên chờ đợi cô.

Nhưng cô không còn cách nào khác ngoài đi tới.

Đã đến lúc gồng mình...

Cô bắt đầu đi về phía đó.

Đột nhiên một dáng người xuất hiện trước mắt cô, đang đi xuống đường hầm. Cô dừng bước, ép sát mình vào tường, nhắm súng lên cao nhưng vẫn chĩa về phía người đàn ông kia.

“Này,” ông ta gọi. “Tôi có thể trông thấy cô ở đó. Cô là cảnh sát à?”

Một người Mỹ gốc Phi cao to trong bộ đồng phục bảo vệ giả cảnh sát màu đen - trông còn ngầu hơn cả bộ đồng phục của NYPD - đang tiến lại.

“Tôi thấy cô đấy! Cô cảnh sát.”

Cô vội vàng thì thào, “Lại đây! Tìm chỗ trú. Chúng tôi có một tội phạm đang trốn ở đâu đây.”

Ông ta nhập hội cùng cô và cả hai đều ép mình vào tường.

“Amelia.”

“Tôi là Leron.” Người đàn ông có cặp mắt tinh nhanh, và ông ta nhìn khắp sảnh. “Tôi nghe báo có mã mười-mười ba.”

“Nghe?”

“Có máy thu mà.”

“Hỗ trợ đang trên đường đến à?”

“Đúng rồi.”

Cô để ý thấy ông ta có một khẩu Beretta Nano đeo bên hông, loại súng nhỏ, nòng 9mm, và cũng đủ độ chính xác trong các điều kiện tốt nếu bạn đã thành thạo cách dùng cò súng dài. Nhưng một bảo vệ bệnh viện mang súng lại không bình thường. Cô cũng để ý thấy ông ta đã không rút nó ra. Không cần thiết, không có mục tiêu nào. Điều này giải thích con người ông ta.

“Ông từng ở đội nào?” cô hỏi.

“Mười chín.”

Một trong những phân khu của Phía Thượng Đông.

“Tuần tra. Đã về hưu do bệnh. Tiểu đường. Chán lăm. Căn bệnh sẽ làm cô sụt cân.” Ông ta thở mạnh. “Điều đó không có nghĩa là cô...”

“Ông vừa đi sang từ khu văn phòng của bác sĩ à?”

“Đúng. Hôm nay bắt thăm phải khu đó. Bảo vệ bệnh viện đã gọi cho tôi.” Ông ta nhìn ra sau lưng cô và cười khinh. “Trong đám anh em tôi làm việc cùng không ai dám xuống đây xem cả. Ha.”

“Vậy là hẳn có thể đã thoát theo hướng đó.”

“Không. Không chạy qua tôi.” Leron lại nhìn khắp lượt lần nữa, sau lưng họ, bên trái rồi sang bên phải.

Vậy là nghi phạm 11-5 vẫn đang ở đâu đó gần đây. Nhưng chỗ này không có nhiều nơi để trốn. Chỉ có vài cánh cửa và hầu hết chúng đều đã được khóa kỹ vì là phòng kho hoặc phòng để thiết bị điện.

Leron thì thầm, “Ba lô.”

“Đúng vậy.”

“Bom à?”

“Không phải cách thức của hẳn. Chúng tôi đang nghĩ hẳn là sát nhân hàng loạt.”

“Vũ khí?”

“Hẳn bảo là có mang nhưng tôi không trông thấy nó.”

“Nếu chúng bảo thế và lại không trưng ra thì thường là không có.”

Điều này đúng.

“Nhưng Leron, đã đến lúc ông lên trên rồi.” Cô hất cằm về phía cầu thang bộ. “Tôi sẽ xử lý ở dưới này.” Đáng lẽ cô phải giữ cho các công dân đứng ngoài những tình huống tác chiến. Cho dù Leron có hàm hồ trong bộ đồng phục lính biên phòng và mang một khẩu súng Ý sản xuất tại Mỹ đi nữa thì ông vẫn là thường dân.

“Xin lỗi thanh tra,” người đàn ông cứng rắn nói. “Bệnh viện này là lãnh địa của tôi. Không ai được giở trò với nó cả. Cô có bảo tôi ở yên tại chỗ thì tôi cũng vẫn đi theo cô thôi. Và tôi cho là cô không muốn nghe tiếng bước chân sau lưng mình ở một nơi rùng rợn thế này đâu.”

Cô đoán là đội hỗ trợ vẫn còn cách đây khoảng mười, mười lăm phút nữa.

Cô cân nhắc. Nhưng không lâu. “Được. Nhưng đừng có khai hỏa khẩu súng điếu đời của ông trừ khi tên nghi phạm định bắn vào tôi. Hoặc ông.

Nếu ông bị bắn thì tôi sẽ phải ngồi viết báo cáo đến mãn kiếp. Việc ấy làm tôi cáu lắm đó.”

“Hiểu rồi.”

“Chúng ta sẽ đi cùng nhau, Leron. Giờ thì di chuyển thôi.”

Trong lúc họ nhẹ nhàng đi dọc bức tường, cô hỏi ông bảo vệ, “Nếu là ông thì ông sẽ trốn ở đâu?”

“Hắn không thể đi theo hướng kia được,” Leron hất cằm về phía hành lang bên tay phải. “Ngõ cụt và không có cửa để đi qua. Phải là chỗ nào đó bên hành lang đầu này cơ.” Ông chỉ về phía trước. Cô dẫn đầu và họ cùng đi khoảng sáu mét nữa xuống đường hầm nối tòa bệnh viện và tòa văn phòng.

Ông ta thì thào, “Kia à?” Phòng vệ sinh nam và nữ ở đối diện nhau.

Một cái gậy đầu từ Sachs.

Leron đi tiếp, “Phụ nữ các cô có cả mấy cái buồng để che. Tôi sẽ xem cái đó trước. Rồi...”

“Tôi sẽ vào đó còn ông chờ ở đây.”

“Tôi có thể hỗ trợ cô.”

“Không, nếu hắn thấy cả hai ta đi vào và hắn lại ở một nơi khác, hắn sẽ bỏ chạy ngay.” Cô ghé sát tai ông ta và nói. Ông có mùi dễ chịu của nước hoa sau cạo râu. “Nếu ông bắn thì phải nhớ đến gạch lát sàn nhé.”

“Hiểu rồi. Nó làm tăng âm. Chỉ cần bắn một phát thôi là cả hai ta đều điếc mất năm phút. Tôi đã từng bị rồi. Khi đó, chúng ta sẽ phải nhìn bằng mắt. Không thể nghe tiếng hắn lên đến... Ấy là, nếu tôi không bắn trúng hắn. Dù có nói thế nào thì tôi cũng không phải tay súng tồi đâu, Amelia.”

Cô thích ông già. “Ông từng làm việc này rồi à?”

“Quá là nhiều lần ấy chứ.”

“Rút súng đi,” cô bảo.

Khẩu Nano đã nằm gọn trong tay ông, nhỏ xíu và gần như vô hình trong bàn tay đen thui. Ông ta đang đeo hai chiếc nhẫn: một nhẫn cưới và nhẫn dấu của trường cảnh sát. “Tôi canh cho cô rồi. Đi đi.”

Cô tiếp cận phòng vệ sinh nữ.

Không có gì xảy ra. Chỉ có hai buồng con bên trong và cửa đều mở toang.

Rồi cô bước ra. Nhìn quanh. Ông bảo vệ gật đầu báo an toàn.

Phòng vệ sinh nam chỉ có một buồng nên thậm chí còn kiểm tra nhanh hơn.

Lại ra ngoài lần nữa, Sachs liếc sang dãy phòng kho mở vào hành lang.

Rồi cô để ý thấy đầu Leron hơi nghiêng. Ông ta chạm vào tai mình và chỉ vào một cánh cửa, cách đó khoảng ba mét. Ông đã nghe được gì đó. Cánh cửa được đánh dấu bằng chữ *Mẫu vật*.

Leron thì thào, “Một tiếng xoẹt. Trong đó. Tôi chắc chắn.”

“Có cửa sổ nào không?”

“Không. Chúng ta đang ở sâu dưới lòng đất.”

“Có khóa?”

“Ừ, nhưng cái đó chả nghĩa lí gì. Ai cũng có thể đi qua cánh cửa kia, cô có kẹp tóc đấy không. Phụ nữ vẫn dùng kẹp tóc đấy chứ?”

“Có, để chọc ổ khóa,” cô trả lời.

Cô và Leron di chuyển tới gần. Có một ô kính sần sùi trên cửa ra vào, và ông bảo vệ thụp đầu xuống dưới trong lúc hai người chia ra đứng hai bên.

Ông từng làm việc này rồi à...

Amelia Sachs suy nghĩ.

Gần như chắc chắn bên trong cánh cửa là một tên tội phạm mà họ buộc phải tin là có vũ khí - ít nhất cũng sở hữu thứ chất độc chết người.

Chờ đầy đủ hỗ trợ từ đội Khẩn cấp tới? Với cả đồ nghề chống vũ khí hóa sinh?

Cân nhắc...

Có, không?

Cô quyết định. Cô sẽ đi vào. Mỗi một phút trì hoãn, nghi phạm đều có thêm thời gian để dựng rào chắn cho mình và đặt các loại bẫy.

Nhưng chủ yếu cô sẽ đi vào vì cô muốn đi vào mà thôi.

Phải đi vào. Cô đang nghĩ: Không thể giải thích được, Rhyme à. Sự việc nó phải thế thôi.

Khi con di chuyển...

“Ông yểm trợ cho tôi,” cô cử động môi. “Từ hành lang.”

“Không, tôi...” Nhưng Leron im bật và nhìn vào mắt cô. Ông ta gật đầu.

Cô xoay cái nắm cửa, nó di động. Không khóa.

Rồi đẩy tới... Cánh cửa mở toang, không hé lộ gì ở phía bên kia ngoại trừ bóng tối. Sachs chạy sang trái và ngồi thụp xuống để tránh bị hắt bóng do cửa đang mở.

Bỗng có một tiếng đổ vỡ lớn ở góc trái cuối phòng.

Leron lao tới trong lúc Sachs thì thào, “Không!”

Nhưng ông bảo vệ vẫn ào qua cửa, hào hiệp tới tương trợ dù cô không cần, một cuộc giải cứu thuần túy chỉ làm cô phân tâm.

Trước những gì sắp xảy ra.

“Cẩn thận!” Sachs kêu lên. Cô nhìn thấy thứ gì đó lao từ trong bóng tối về phía Leron. Nó lấp lánh trước ánh sáng chiếu vào từ cửa trong lúc đi một đường vòng cung trên đầu. Cô biết cái chai có chứa chất độc, lại là cicutoxin hoặc có lẽ một thứ rác rưởi nào đấy từ cá zombie.

Chưa biết đến thuốc giải...

“Có độc!” cô kêu lên và thụp đầu xuống theo bản năng. Leron nhảy sang trái nhưng bị vấp và ngã bổ ngửa. Ông rên rầm vì đau.

Nhưng có vẻ như nghi can đã không nhắm trực tiếp vào cô hay ông bảo vệ. Tất nhiên là không. Da thịt của họ sẽ không làm vỡ cái bình chứa độc; hẳn đã ném nó lên cao, về phía trần nhà.

Leron đang đứng ngay dưới cái chai khi nó chạm phải đường ống và vỡ tan. Chất độc đổ xuống người ông như mưa. Ông đánh rơi khẩu Nano và bắt đầu hét lên.

Đến lúc Sachs lăn người đứng dậy được thì nghi phạm đã đẩy mở cánh cửa thứ hai dẫn vào phòng mẫu vật, cách đó chín mét. Cô nghe tiếng bước chân hẳn nhỏ dần khi hẳn lao đầu về phía tòa nhà văn phòng.

Cô quay sang Leron, ông vẫn đang rên rỉ và điên cuồng lau mặt. “Nước, rửa nó đi... tôi không thấy gì hết.”

Nó là cái quái gì thế không biết? Cô ngửi thấy mùi khí độc, mùi cay nồng.

Axít! Trông như một phần da ông ta đang chảy ra vậy.

Chúa ơi!

Sachs lại cân nhắc. Chạy theo nghi phạm... hay ở lại giúp đỡ Leron?

Chết tiệt. Cô tóm lấy điện thoại và gọi 911 lần nữa, báo cáo thủ phạm đã chạy thoát qua đường hầm nối tòa nhà văn phòng bác sĩ với bệnh viện.

Rồi cô chạy tới cột nước chữa cháy gần đó và giật cái ống ra khỏi giá đỡ, bật vòi nước và xịt vào mặt và ngực Leron, dù việc này dường như không làm giảm thiệt hại được bao nhiêu, nếu xét đến những tiếng hét của ông ta. Tiếng gào thét còn to hơn dòng nước ùng ục chảy ra nhiều.

“Không, không, không...”

Rồi người đàn ông to béo ngồi thẳng dậy, cuống cuồng vẫy hai tay.

“Thôi, thôi, thôi!”

Ông ta bắt đầu ho và Sachs nhận ra mình đã xả nước thẳng vào mặt ông, suýt thì làm ông chết sặc. Cô tắt nước.

Leron quỳ gối và bắt đầu khạc nhổ.

Mắt ông đỏ ngầu nhưng những nơi khác lại ổn - ngoài chuyện bị sặc.

“Ông thấy sao rồi?” cô hỏi. “Ông có bị bỏng không? Có phải axit đó không? Hay thuốc độc?”

“Không, không sao... tôi ổn rồi.”

Sachs nheo mắt nhìn sàn nhà, nhìn cái bình thủy tinh vỡ. Cô đi đến chỗ một mảnh vỡ có gắn nhãn màu vàng.

Ồ.

Leron gật đầu, nhăn nhó. “Hắn đã ném một trong mấy bình mẫu vật vào tôi. Một trong mấy cái bình đúng không?”

“Có vẻ thế. Chắc là formaldehyde.”

“Rát, nhưng không tệ lắm. Cô đã xả trôi nó gần hết rồi.”

Lúc ấy Sachs bắt đầu quan sát sàn nhà và để ý thấy mẫu giấy trên sàn, gần chỗ Leron ngồi. Cô nghĩ nghi phạm đã ném axit khiến da của ông bảo vệ tan chảy. Nhưng thực tế lớp da thịt đó lại là thứ nằm trong cái chai.

Leron cũng nhìn xuống, dùng mũi giày chọc chọc vào đồng thệ hình trụ đó.
“Khỉ thật. Đó có phải thứ tôi nghĩ không?”

“Tôi cũng nghĩ thế.”

“Hắn đã ném cả cái ấy của đàn ông vào người tôi ư? Mẹ kiếp. Amelia, sau khi cô tóm được thằng đó, tôi muốn xin nó tí huyết.”

Trong tòa nhà văn phòng, Billy Haven trôi lên từ hầm thông, nơi những kẻ săn đuổi hắn - cảnh sát và bảo vệ tòa nhà - còn đang vật vã đau đớn và ôm lấy đôi mắt bông rớt của chúng, hắn hi vọng như vậy.

Hắn đã không nhìn được chính xác có bao nhiêu formaldehyde rơi xuống chúng - tất nhiên là không thể xem cảnh ấy được dù nó có hấp dẫn đến đâu.

Lúc này hắn đã trông thấy một phòng vệ sinh nam dưới một hành lang vắng vẻ, hắn đi đến và bước vào một buồng riêng. Hắn lục trong ba lô tìm quần áo để thay. Không có nhiều lựa chọn. Hắn chui vào bộ quần áo bảo hộ của công nhân và thay chiếc mũ trùm đầu bằng mũ lưới trai của đội Mets.

Đeo cả cặp kính đọc sách gọng đen nữa. Cuối cùng, hắn lôi ra một cái túi vải, loại mà thợ xây hay dùng, và nhét cả ba lô lẫn áo khoác vào trong. Hắn mang cái túi theo chỉ để phục vụ cho mục đích này - thay đổi hình dạng trong trường hợp cần bỏ chạy.

Người phải sẵn sàng trở thành một người khác...

Billy lên ra khỏi phòng vệ sinh và tìm đường ra cửa trước. Khi hắn sắp sửa bước ra ngoài phố qua cánh cửa đôi thì một chiếc xe cảnh sát xuất hiện, nối tiếp là hai cái khác, những chiếc bánh xe nghiêng rin rít do phanh gấp.

Cảnh sát nhảy ra và bắt đầu hỏi han tất cả đàn ông da trắng trong phạm vi từ một mét rưỡi cho tới mười lăm mét quanh tòa nhà, hỏi số Chứng minh thư, lục lợi các túi.

Chết tiệt.

Ngay sau đó có thêm nhiều cảnh sát kéo đến, cùng với chiếc xe tải màu xanh trắng của đội Khẩn cấp thuộc NYPD. Họ tạo thành một vành đai quanh cửa trước - rất có thể họ cũng đang tập hợp ở cửa sau và cửa nhận hàng nữa.

Billy quay lại. Hắn run lên vì giận dữ. Sự hiện diện quá bất ngờ của nữ cảnh sát nọ đã làm hỏng mọi chuyện. Hắn đã sốc khi thấy đó chính là Amelia Sachs bằng xương bằng thịt, hài hước ở chỗ ngoài đời trông cô ta cứng cựa y như trong bức ảnh nằm ở chương bảy của cuốn *Những thành phố liên hoàn*. Và cô ta vẫn mặc loại quần áo không chút gợi cảm nào y như thế.Ồ, hắn đã tha thiết muốn đặt cô ta nằm ngửa mà xăm cho cô ta mấy hình đặc biệt của hắn biết bao. Hồi còi của thiên thần. *Brugmansia*. Nhanh đến chết người, nhưng không nhanh đến mức khiến cảnh sát Sachs chết trong đau đớn tột bậc.

Nhưng trước đó thì hắn phải thoát khỏi đây cái đã. Có vẻ như cảnh sát đã sẵn sàng lục soát cả tòa nhà.

Và hắn biết là họ sẽ lục soát rất kĩ.

Nhóm cảnh sát đầu tiên đang đi về phía cửa.

Billy bình thản xoay người tại chỗ và hướng đến dãy thang máy, ở đó hắn dừng bước và cẩn thận đọc kĩ sơ đồ tòa nhà với vẻ thản nhiên hết mức có thể, cứ như hắn không buồn bận tâm đến bất kì điều gì trên đời - ngoài việc tìm ra ông bác sĩ của mình để tẩy nốt ruồi hay nội soi đại tràng vậy.

Hắn đang suy nghĩ điên cuồng. Tòa nhà này cao mười hoặc mười một tầng. Nó có cửa thoát hiểm bên ngoài không? Có thể là không. Người ta không còn trông thấy loại đó nhiều nữa. Có lẽ sẽ có những bậc thang chống cháy, dẫn ra những cái cửa không tên mở ra mấy ngõ hẻm. Tất nhiên cảnh sát cũng đang đặt chốt tại đó. Súng sẵn sàng, chờ đón tên tội phạm.

Đúng lúc đó hắn để ý thấy một tấm biển ghi văn phòng bác sĩ ở tầng sáu.

Billy Haven nghĩ ngợi một lát.

Tốt, hắn kết luận và quay đi khỏi bảng chỉ dẫn khi những cảnh sát đầu tiên bước vào sảnh chính.

Người luôn luôn phải sẵn sàng ứng biến...

Lon Sellitto đi vào sảnh chính của Trung tâm y tế Thượng Manhattan.

Thang máy có vẻ chậm chạp - có bốn người đang chờ. Những bệnh nhân [sốt ruột*](#), anh thầm đùa trong đầu - vì vậy anh đi thang bộ xuống tầng hầm, nơi Amelia Sachs đã ngăn được nghi phạm thực hiện một vụ tấn công khác.

Có vẻ như cô chỉ suýt soát ngăn cản hắn. Nếu trước đó Rhyme và Pulaski không tìm ra địa điểm mục tiêu mà thủ phạm đã đến kiểm tra thì hẳn giờ họ đang có thêm một vụ án mạng nữa rồi, chứ không phải đi săn lùng thủ phạm.

Từ sốt ruột (impatient) và bệnh nhân (patient) đồng âm trong tiếng Anh Tắm phù hiệu vàng trên sợi dây đeo cổ bật nảy trên cái bụng phì nhiêu.

Áo khoác Burberry vắt trên cánh tay, Sellitto rảo bước và thấy mình hụt cả hơi.

Thực đơn ăn kiêng chết tiệt. *Có cái nào* hiệu quả không cơ chứ?

Hơn nữa, anh phải tập thể dục nhiều hơn.

Sẽ nghĩ về chuyện đó sau.

Ở tầng dưới, anh đi vào khoa tim mạch và đi bộ khoảng năm mươi mét mới tìm thấy cái phòng cần tìm. Bên ngoài căn phòng là hai cảnh sát mặc đồng phục, đều là nam, một người gốc La tinh và một người da đen. Trong phòng, anh quan sát thấy một người đàn ông tóc trắng đang nằm trên giường, người gầy gò và khuôn mặt nhăn nheo, bất hạnh. Ngồi trên chiếc ghế cạnh ông ta là một phụ nữ xinh đẹp trạc ngũ tuần, anh đoán vậy. Bà ta đang mặc một bộ vest kín đáo với quần tất dài và gần như trong suốt, trên cổ quấn khăn màu sáng. Khuôn mặt của bà buồn bã, hoảng hốt và cặp mắt xanh đảo quanh phòng một cách bất an. Rồi bà nhìn thấy Sellitto bên ngoài hành lang và quay lại chăm chú vào người bệnh. Bàn tay hồng hào của bà đang vò nát

một tờ khăn giấy. Một chàng trai trẻ tóc vàng - hơi giống bà, có lẽ là cậu con trai - ngồi ở phía bên kia giường.

Sellitto gật đầu với mấy tay cảnh sát mặc đồng phục và họ bước tránh khỏi cửa.

Vị thanh tra hỏi bằng giọng trầm thấp, “VẬY. Thanh tra Sachs đâu?”

“Cô ấy ở lại cùng ông bảo vệ, bảo vệ bệnh viện, cho đến khi người của phòng cấp cứu tới. Gìờ? Cô ấy đang rà soát sảnh và căn phòng mà họ đã bị tấn công, ý tôi là cô ấy và ông bảo vệ đã bị hấn tấn công. Cô ấy đã xử lí xong hiện trường nơi hấn đuổi theo nạn nhân, người phụ nữ.” Một cái hất cằm vào phòng bệnh. Đó là tay cảnh sát đeo bảng tên: *Juarez*.

“Nó có độc không?”

“Hem.”

“*Hem?*” Sellitto mĩa.

Cậu nhóc không biết mình đang bị hỏi lại nên vẫn nói tiếp, “Hem. Thủ phạm đã ném một cái bình trong phòng kho hay thứ gì đó vào cô ấy và ông bảo vệ. Nó vỡ tan. Ông ta mới là người bị dính phải thứ của nợ gì đó trong ấy. Ông ta từng ở trong lực lượng, đội Mười chín. Đã nghỉ hưu.”

“Thanh tra Sachs không bị thương,” đồng sự của cậu ta nói thêm.

Williams.

“Thứ của nợ kiểu gì?”

Juarez: “Họ không biết. Nhưng báo cáo đầu tiên nói nó có thể là axít hoặc một thứ tương tự.”

“Trời đất. Axít?”

“Hem, không phải đâu. Nó chỉ là chất bảo quản thôi.”

Sellitto hỏi, “Bệnh viện đã an toàn chưa?”

“Đã bị phong tỏa rồi, ừ.”

Câu nói kết thúc cũng là lúc Juarez nhận được một cái trừng mắt từ Sellitto. Lần này thì cậu ta hiểu ra. “Vâng, thưa ngài. Đúng vậy. Nhưng họ khá chắc là hãn đang ở trong tòa nhà bên cạnh. Thanh tra Sachs đã trông thấy hãn thoát ra qua lối hầm thông. Chỉ có một chỗ chui lên. Ở kia, tòa nhà văn phòng của các bác sĩ.”

“Và đội ESU nghĩ hãn vẫn còn ở đó à?”

Juarez nói, “Hãn phải nhanh kinh khủng thì mới thoát ra được. Thanh tra Sachs đã gọi điện báo ngay lập tức. Toàn bộ chỗ đó bị phong tỏa chỉ trong vòng hai phút sau cuộc tấn công. Có thể hãn đã ra ngoài, thanh tra ạ, nhưng không chắc lắm đâu.”

“Hai phút.” Sellitto chà vào chiếc cà vạt nhàu nhĩ của mình, cứ như động tác ấy có thể là cho tấm vải trắng như thếp, nhưng anh quên bém về nó. Anh lôi ra một cuốn sổ cũ và bước vào phòng bệnh nhân.

Anh tự giới thiệu bản thân.

Người đàn ông trên giường nói, “Tôi là Matthew Stanton. Ở đây họ không có bảo vệ à?” Cặp mắt đen của ông nhìn vào Sellitto cứ như thanh tra vừa để cửa mở cho một tên điên vào vậy.

Sellitto hiểu nhưng anh có việc phải làm. “Chúng tôi đang xem xét việc đó.” Câu trả lời thực ra không nói thẳng vào câu hỏi. Rồi anh quay sang người phụ nữ. “Và bà là...”

Người đàn ông nói giọng cứng rắn, “Vợ tôi, Harriet. Đây là con trai tôi, Josh.”

Chàng trai trẻ đứng dậy và bắt tay Sellitto.

“Bà có thể kể cho tôi chuyện gì đã xảy ra không?” thanh tra hỏi Harriet.

Matthew nói giọng khó chịu, “Bà ấy chỉ đang đi trên hành lang tới thăm tôi. Rồi cái...”

“Thưa ông. Tôi có thể nghe từ vợ ông được không?”

“Được rồi. Nhưng tôi đang nói chuyện với luật sư của tôi. Khi nào chúng tôi về nhà. Tôi sẽ kiện.”

“Vâng thưa ông.” Một cái nhướn mày với Harriet.

“Tôi, tôi vẫn đang bối rối,” bà ta bảo.

Sellitto cảm thấy không muốn cười nhưng dù sao anh vẫn mỉm cười.

“Không sao. Bà cứ thong thả.”

Harriet dường như đang bị tê liệt trong lúc bà giải thích rằng cả gia đình đã tới thành phố mấy ngày trước cùng cậu con trai bà và em họ cậu ta. Họ đã tung tiền xu để quyết định giữa Quả táo Lớn* và Disney. Nhưng cuối cùng New York đã thắng do gần đến dịp Giáng Sinh. Hôm qua, trên đường tới cửa hàng đồ chơi ở FAO Schwarz, chồng bà bị một cơn đau tim dạng nhẹ. Bà đã đến thăm ông sáng nay và đang đi ở tầng này thì nghe thấy tiếng một nữ cảnh sát quát ai đó dừng lại hay đại loại như thế.

‘Quả táo Lớn’ là biệt danh của New York.

“Tôi không biết có người đang ở đó. Hẳn tiến đến rất lặng lẽ. Tôi quay lại và, trời ơi, một người đàn ông đứng ngay đó. Anh có nghĩ hẳn sắp làm thế không, thanh tra? Ý tôi là, sắp tấn công tôi?”

“Chúng tôi không biết, bà Stanton ạ. Người này trùng khớp với những mô tả về một nghi phạm trong vụ tấn công trước đó...”

“Và,” người chồng nói, “các anh không cảnh báo mọi người về hẳn à?”

“Matthew, làm ơn. Ông cũng có thể nhìn sự việc theo hướng khác mà.

Cảnh sát đã cứu tôi, ông biết đấy.”

Người đàn ông im lặng nhưng có vẻ còn câu hơn. Sellitto đang hi vọng ông ta không bị một cơn đau tim nào nữa.

“Vụ tấn công trước đó là sao?” Harriet ngập ngừng hỏi. Giọng bà khiến không ai có thể nhầm lẫn điều bà đang hỏi.

“Không phải tấn công tình dục. Là án mạng.”

Giờ thì bà ta thờ hồn hển và dường như mặt bà đang nhợt đi ngay dưới lớp trang điểm đậm. “Giống kiểu sát nhân hàng loạt ư?” Phần còn lại của tờ khăn giấy càng bị xé vụn hơn nữa.

“Một lần nữa, chúng tôi không biết. Bà có thể mô tả hãn không?”

“Tôi sẽ cố. Tôi chỉ thoáng thấy hãn vài giây trước khi hãn kéo sụp mặt nạ xuống, tóm lấy tôi và xoay ngược lại tôi.”

Sellitto đã thẩm vấn nhân chứng mấy thập kỉ rồi và biết rằng kể cả những người có thiện chí nhất cũng chỉ nhớ được rất ít hoặc vô tình tráo đổi các quan sát chính xác bằng những điểm sai lầm. Tuy nhiên, Harriet khá đặc biệt. Bà miêu tả một người đàn ông da trắng xấp xỉ ba mươi tuổi, mặc áo khoác tối màu, có thể là áo da, đeo găng tay, đội mũ trùm màu đen hoặc xanh hải quân, quần ka ki đen hoặc quần bò. Hãn có dáng người gầy nhưng mặt tròn trịa - bà có cảm tưởng khuôn mặt giống người Nga.

“Chồng tôi và tôi đã đến Saint Petersburg mấy năm trước và chúng tôi để ý thấy các chàng trai bên đó thường trông giống vậy. Đầu tròn, mặt tròn.”

Matthew chỉ ra bằng giọng khinh khỉnh, “Ở đó cũng có tội phạm nhưng chỉ mấy vụ móc túi thôi. Chúng không rình rập người ta trong các bệnh viện.”

“Mức sống cao hơn, vâng,” Sellitto đáp lời. Rồi: “Hay khuôn mặt của gã ta: có thể là kiểu người Slav nói chung? Đông Âu?”

“Tôi không biết. Tôi đoán vậy. Chúng tôi chỉ đến Nga thôi. Ồ, và mắt hăn có màu xanh nhạt. Rất nhạt.”

“Có cái sẹo nào không?”

“Tôi không thấy cái nào. Tôi nghĩ hăn có một hình xăm. Một trong hai tay. Màu đỏ. Nhưng tôi không nhìn được nhiều lắm. Hăn mặc áo khoác ngoài.”

“Thế còn tóc?”

Mắt Harriet nhìn đăm đăm sàn nhà. “Hăn đã kéo cái mũ xuống khá nhanh. Tôi không thể nói chắc được.”

“Hăn có nói gì với bà không?”

“Chỉ thì thầm bảo tôi không được chống cự, nếu không hăn sẽ làm hại tôi. Tôi không nghe ra trọng âm gì.”

Và thế là hết.

Tuổi, dáng người, màu mắt và một cái đầu tròn. Người Nga hoặc Slav.

Quần áo.

Sellitto điện đàm cho Bo Haumann, tổ trưởng Đội Khẩn cấp của NYPD, và cũng là sĩ quan phụ trách cuộc săn lùng. Anh mô tả nhân dạng và nói lại những thông tin mới nhất.

“Hiểu rồi, Lon. Chúng tôi sẽ phong tỏa tòa nhà. Tôi không nghĩ hăn đã thoát ra ngoài đâu nhưng tôi cũng sẽ cử vài đội đi hỏi các con phố xung quanh. K.”

“Tôi sẽ gọi lại cho anh, Bo.” Sellitto không buồn đọc mật mã điện đài một cách đúng mực. Chưa bao giờ làm. Không phải chức vụ mang lại đặc quyền; mà là ở lâu nên thành lão làng.

Anh quay lại với Harriet Stanton và chồng bà, ông già vẫn đang lờm nguýt. Đau tim ư? Trông ông ta khá là khỏe mạnh. Và có khuôn mặt dạn dày gió sương, nên có thể ông ta cũng luyện tập kha khá. Có lẽ tâm trạng tồi tệ cũng là một nhân tố tiềm tàng dẫn đến các cơn đau tim. Sellitto cảm thấy thương Harriet, dường như bà ta là một phụ nữ tử tế.

Vì không có mối liên hệ nào giữa nghi phạm và nạn nhân đầu tiên, sự việc ở đây cũng có vẻ tương tự; nên có lẽ hẳn chỉ đang đi săn một cách ngẫu nhiên. Tuy nhiên Sellitto vẫn hỏi liệu bà ta đã bao giờ gặp hẳn trước đó chưa, hay có nhận ra mình bị theo dõi trước đó trong lúc đến bệnh viện hay không. Hay liệu bà và chồng bà có giàu có hoặc liên quan đến việc gì có thể khiến họ trở thành nạn nhân của những tội ác hay không.

Câu hỏi cuối dường như làm Harriet buồn cười. Không, bà giải thích, họ chỉ là những khách du lịch thuộc tầng lớp lao động - kì nghỉ ở New York của họ đã bị hủy hoại.

Sellitto lấy số điện thoại của bà và khách sạn nơi họ đang ở và cầu chúc chồng bà chóng khỏe lại.

Harriet cảm ơn anh. Matthew cau có gật đầu, gạt lấy điều khiển tivi và tăng âm lượng của kênh History Channel lên.

Rồi nạn nhân suýt soát ấy biến mất khỏi những suy nghĩ của Sellitto khi điện đài của anh bật tiếng.

“Toàn đơn vị, báo cáo có một cuộc tấn công ở tầng sáu trong tòa nhà văn phòng bác sĩ, nơi đang tiến hành lục soát tìm nghi can. Kế bên Trung tâm y tế Thượng Manhattan. Đã có vũ khí hóa học bị thả ra, chưa biết chất gì. Yêu cầu chỉ có nhân sự đeo mặt nạ hóa sinh được ở lại trong tòa nhà.”

Những ý nghĩ của Sellitto bị đảo lộn. “Thằng khốn nạn.”

Anh vừa thở hồng hộc vừa chạy trên hành lang ra khỏi bệnh viện, lao vào lối lái xe vòng cung. Anh nhìn lên tòa nhà văn phòng bên tay trái. Rồi anh bắt

đầu chạy vào đó, vừa đi vừa kéo điện đàm trong thắt lưng. Anh gọi một cuộc.

“Bo?” Anh thở không ra hơi. “Bo?” anh thử lại lần nữa.

“Anh đấy à, Lon? Nghe rõ chứ?”

“Ừ, ừ. Tôi vừa mới nghe. Cuộc tấn công. Chuyện gì đã xảy ra thế?”

Cựu trung sĩ huấn luyện nói khô khốc, “Tôi đang nhận các báo cáo tiếp theo đây. Có vẻ như thủ phạm đã cố ăn trộm mấy bộ quần áo bảo hộ trong văn phòng của một bác sĩ ở tầng sáu. Một hộ lí phát hiện ra và hấn bỏ chạy.

Nhưng trước đó hấn đã kịp mở một cái lọ và vãi thứ gì đó ra sàn.”

“Có thể là formaldehyde như với Amelia.”

“Không, anh ta kể là tệt lăm. Mọi người đang nôn ọe, bất tỉnh kìa. Khói ở khắp nơi. Chắc chắn có độc.”

Sellitto cân nhắc chuyện đó. Cuối cùng anh hỏi, “Anh có biết văn phòng nào không? Chỗ hấn thả chất độc ra ấy?”

“Tôi có thể tìm được. Tôi đang ở tầng một, gần bảng chỉ dẫn. Để tôi xem.” Một lát sau anh ta quay lại. “Chỉ có một bác sĩ trên tầng sáu. Ông ta có cả tầng đó.”

Sellitto hỏi, “Có phải ông ta là bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ không?”

“Chờ đã. Anh nói đúng. Sao anh biết?”

“Bởi vì cậu bé của chúng ta đã quấn băng mặt kín mít và đang lao xuống cầu thang thoát hiểm ngay lúc này cùng với mọi bệnh nhân khác mà các anh đang sơ tán.”

Một khoảng lặng. Haumann nói, “Chết tiệt. Được rồi, chúng tôi sẽ lừa họ vào sảnh, lấy số chứng minh thư. Không một ai quấn Band-Aid được ra khỏi

cửa trước cả. Gọi hay lắm, Lon. Nếu gặp may chúng ta sẽ tóm được hắn trong mười phút nữa.”

Rhyme đang đẩy xe quay lại, hết vòng này đến vòng kia trước màn hình máy tính có độ phân giải cao. Đã bốn mươi phút trôi qua sau bản báo cáo về việc thủ phạm thả khí ga có độc trên tầng sáu, tòa nhà văn phòng của các bác sĩ.

Trên màn hình là hình ảnh mặt trước tòa nhà và đằng sau nó chính là bệnh viện.

Nhờ máy quay của Đơn vị Dịch vụ Khẩn cấp.

Chuông cửa reo và Thom ra mở. Cánh cửa mở cách, gió lại hú.

Tiếp theo là những tiếng bước chân quen thuộc, báo cho Rhyme biết Lon Sellitto đã về.

A...

Viên thanh tra rẽ ở góc hành lang. Dừng bước. Khuôn mặt anh ta nhăn nhó.

“Nào,” Rhyme nói, giọng anh pha chút hóm hỉnh sắc bén. “Tôi chỉ tò mò...”

“Được rồi, Linc,” Sellitto nói và lột chiếc áo Burberry ướt đầm ra. “Chỉ là...”

“Tò mò, tôi nói đấy. Có ai nhận ra không? Có bất kì người nào không?”

Trên mặt đất này có ai hiểu ra là không có hộ lí nào báo cáo vụ khí ga có độc cả? Mà *chính* nghi phạm đã báo động giả? Để tất cả mọi người bắt đầu kiểm tra những bệnh nhân có quần băng trên mặt?”

“Linc...”

“Và sẽ không có ai kiểm tra những người đeo mặt nạ bảo vệ của nha sĩ, như kiểu các thợ xăm sẽ đeo và mặc đồ bảo hộ, thản nhiên cuốc bộ ra cửa trước cứ như một nhân viên của đội cấp cứu vậy.”

“Giờ thì tôi biết rồi, Linc.”

“Vậy tôi đoán là vào lúc ấy đã không có ai nghĩ ra. Chỉ là...”

“Anh đã nêu rõ quan điểm chết tiệt của anh rồi đấy.”

“... đến giờ chúng ta mới phát hiện ra...”

“Đôi khi anh có thể tỏ ra mình là thằng khốn thật đấy, Linc. Anh biết chưa.”

Rhyme biết điều đó nhưng anh không quan tâm. “Còn cuộc săn đuổi quanh Marble Hill thì sao?”

“Các điểm chặn ở các con phố chính, cảnh sát có mặt ở mọi trạm dừng xe buýt và ga tàu điện ngầm trong khu vực.”

“Tìm kiếm...?” Rhyme hỏi.

“Bất kì nam da trắng nào trong độ tuổi ba mươi còn mạch đập.”

Máy tính của Rhyme báo hiệu, anh mở email vừa nhận được lên. Lại là Jean Eagleston, cảnh sát Khám nghiệm hiện trường. Chị là người đã tạo hình mô phỏng gã tội phạm để nhận diện, dựa trên những quan sát của Harriet Stanton. Đó là khuôn mặt một người đàn ông trẻ tuổi, không cười với những nét của người Slav, một cái trán gồ lên và hai hàng lông mày nhíu lại với nhau. Cặp mắt xanh nhạt của nghi phạm khiến hẳn có nét mặt đáng ngại, rờn rợn.

Rhyme không tin rằng người tốt hay kẻ xấu có thể hiển hiện khách quan qua vẻ ngoài. Nhưng linh cảm cho anh biết đây là khuôn mặt của một kẻ thực sự nguy hiểm.

Màn hình có độ phân giải cao thứ hai gần đó bật sáng và Amelia Sachs hiện lên, nhìn về phía anh.

“Anh có đó không, Rhyme?”

“Có, có, Sachs. Nói đi.” Đây là chiếc máy họ dùng để gọi điện thoại có hình với lực lượng hành pháp ở các thành phố khác, để thỉnh thoảng thăm vấn các nghi phạm và gọi Skype cho lũ trẻ con của người họ hàng thân thiết nhất với Rhyme - cậu em họ sống ở New Jersey. Đúng ra Sachs mới là người gọi, cô thường đọc cho chúng nghe những câu chuyện và kể chuyện cười. Sachs và Pam cũng gọi Skype cho nhanh, thi thoảng họ nói chuyện phiếm hàng giờ liền.

Giờ anh tự hỏi liệu sau vụ cãi nhau vừa rồi, chuyện ấy có còn xảy ra nữa không.

Cô hỏi, “Thế nào rồi? Có đúng thật là hãn thoát rồi không?”

Rhyme nhăn mặt và nhìn sang Sellitto, anh ta đảo mắt và bảo, “Ừ, hãn thoát rồi. Nhưng chúng tôi đã có bản mô tả khá rõ từ con tin.”

“Chẩn đoán của bác sĩ thế nào rồi, Sachs? Ông bảo vệ ấy?”

“Chỉ có mắt là cần được chữa trị thôi. Ông ấy bị formaldehyde đổ xuống người cùng các bộ phận sinh dục nam bị rửa. Đó là thứ ở trong cái bình. Ông ấy không vui vẻ gì với chuyện đó cả.” Cô khẽ cười. “Trong phòng thì tối, tôi trông thấy có ít da thịt người trên mặt đất. Tôi tưởng nghi phạm đã dùng axit và nó làm tan chảy thịt của ông bảo vệ. Nhưng ông ấy sẽ ổn. Lon, còn cuộc săn lùng thì sao rồi?”

Thanh tra giải thích với cô, “Chúng tôi đã cài cảnh sát chìm vào tất cả các trạm xe buýt và ga tàu điện ngầm ở Marble Hill và khu bắc, khu nam -

tuyến tàu Số Một. Hãn có thể gọi taxi nhưng tôi đang nghĩ hãn sẽ không muốn chạm mặt - với tài xế ấy. Theo anh chàng chuyên gia về xăm trổ của chúng ta, hãn không phải người vùng này và có thể hãn không biết gì về những chiếc taxi dù. Chúng tôi đang đánh cược vào việc hãn trung thành với phương tiện công cộng.”

Rhyme có thể thấy Sachs đang gập đầu, rồi hình ảnh ấy bị vỡ và đóng băng. Đường truyền Internet thật sự không đáng tin.

Hình ảnh lại rõ nét một lần nữa.

Cô nói, “Có thể hẳn sẽ thử đi chuyển tàu xa hơn về phía đông.”

“Ừ, tôi đoán là hẳn có thể.”

Rhyme nói, “Ý hay đấy.” Anh bảo Sellitto, “Bảo mấy người của anh tới tuyến Số Bốn và đường tàu D và B ấy. Nó đi tới trung tâm Bronx. Hẳn sẽ không đi xa hơn thế đâu.”

“Ừm. Tôi sẽ bảo.” Thanh tra đi ra ngoài để gọi điện.

Sachs nói, “Em chợt nghĩ ra một chuyện, Rhyme ạ.”

“Sao?”

“Có đến cả chục phòng kho để hẳn trốn. Tại sao hẳn lại chọn đúng cái đó?”

“Ý em là?”

“Hẳn đã từng dành thời gian ở đó rồi. Em nghĩ đó là chỗ hẳn định sẽ mang Harriet Stanton đến để xăm cho bà ấy.”

“Tại sao?”

“Nó giống như một viện bảo tàng da vậy.” Cô mô tả các mẫu mô được bảo quản trong những chiếc bình.

“Da. Chắc chắn rồi. Nổi ám ảnh của hẳn.”

“Chính xác. Có cả các phủ tạng và não. Nhưng để đến nửa số bình ở đó chứa da thịt bên ngoài.”

“Em lại đang dựng nên một kiểu hồ sơ tâm lí u ám đấy à, Sachs? Anh không chắc việc ấy có ích đâu. Chúng ta đã biết hẳn quan tâm tới da người rồi mà.”

“Em chỉ đang đoán hắn đã dành nhiều thời gian ở đó hơn là chỉ kiểm tra để tìm một địa điểm giết người khả thi. Giống một khách du lịch ở [MoMA*](#) vậy, anh biết đấy. Nó thu hút hắn ta. Nên em đã kẻ ô vuông những ba lần ở đó.”

“Chà, đó mới là chỗ hữu dụng của mấy trò tâm lí,” Rhyme nói.

Viện bảo tàng Nghệ thuật đương đại.

Billy cúi đầu và bước đi thật nhanh về phía tàu điện ngầm trong khu Bronx, chuyến tàu sẽ đưa hắn về phía nam, quay lại Manhattan, về với xưởng của hắn, với những bể ươm, với sự an toàn và êm ái.

Hắn nhớ lại hành lang bệnh viện, mừng tượng ra Amelia Sachs... Hắn không thể không nghĩ về cô ta với chút cảm giác thân quen sau khi đã biết được mọi điều có thể về người đàn bà đó - và cả Lincoln Rhyme.

Làm thế nào cô ta tìm được hắn? Chà, đó không hẳn là một câu hỏi đúng. Làm thế nào *Rhyme* tìm ra hắn? Chắc chắn cô ta giỏi rồi. Nhưng *Rhyme* còn giỏi hơn.

Được rồi, bằng cách nào? *Chính xác* là bằng cách nào?

Chắc, lần trước hắn đã tới bệnh viện. Có lẽ hắn đã dính phải vài chất gì đó trong bệnh viện, và dù đã rất cẩn trọng, hắn đã vô tình làm rơi một chút chất đó ở gần thi thể Chloe Moore.

Phải chăng cảnh sát đã nghĩ họ sẽ ngăn chặn được một vụ tấn công khác bằng cách cử Amelia Sachs tới ngăn hắn?

Nhưng không, Billy nhận định, họ không thể đoán được hắn sẽ trở lại vào lúc đó. Nữ cảnh sát đã đến bệnh viện chỉ để hỏi xem có nhân viên nào trông thấy một người có nhân dạng giống hắn hay không mà thôi.

Ý nghĩ của hắn lại lạc về chỗ Amelia Sachs... Theo cách nào đó cô ta gọi cho hắn nhớ về Cô gái Đáng yêu, khuôn mặt xinh đẹp, mái tóc, cặp mắt sắc sảo và quyết tâm của cô ta. Hắn biết có những người phụ nữ mà muốn điều khiển họ bạn phải nói lí lẽ, cũng có người bạn dùng vũ lực. Vài người khác thì bạn không tài nào kiểm soát được, và đó là một vấn đề.

Tưởng tượng ra làn da trắng sứ của cô ta.

Phòng Trú đào...

Hắn tưởng tượng Amelia ở đó, nằm trên xô pha, chiếc ghế dài, cái ghế đôi, ghế lười.

Hơi thở của hắn gấp gáp hơn, hắn tưởng tượng ra máu trên da cô ta, nếm được mùi máu trên da cô ta. Hắn nghĩ thấy máu.

Nhưng giờ thì quên nó đi.

Một từ khác đến với tâm trí hắn: dự đoán.

Nếu Rhyme đã đoán ra được bệnh viện, có thể anh ta cũng đã đoán ra Billy sẽ trốn thoát theo lối này. Vì vậy hắn rảo bước nhanh hơn. Đây là một con phố đông đúc. Những cửa hàng giảm giá, tiệm ăn, cửa hàng bán điện thoại và thẻ điện thoại. Khách hàng là tầng lớp lao động. *Ứng trước lương.*

Lãi hấp dẫn nhất Thành phố.

Và con người thì có mặt khắp nơi: những ông bố bà mẹ với mấy đứa con nhỏ, cả nhà túm tụm vào nhau như những con rối tay để chống cái lạnh cắt da thịt và làn mưa tuyết. Tụi trẻ mới lớn thì lờ tịt cái lạnh hay thực sự không cảm nhận được nó. Áo khoác mỏng, quần bò, váy ngắn và những cái áo khoác nổi bần bật với phần cổ áo là lông thú giả. Đi giày cao gót mà không mang quần tất. Những chuyển động không ngừng. Billy né một đứa đi ván trượt chỉ một giây trước khi cả hai lao đầu vào nhau.

Hắn muốn tóm lấy thằng nhóc mà quăng ra khỏi đường. Nhưng nó đã lách qua thật nhanh. Hơn nữa Billy cũng không dám gây cảnh ồn ào. Ý

tưởng tôi, trong hoàn cảnh này.

Quay lại với lối thoát về phía đông. Hắn chú ý thấy ở đây cũng có rất nhiều bức họa trên da - Billy thích từ đó hơn là hình xăm. Ở đây, nơi có tầng lớp thấp hơn, da chúng tộc, hắn thấy có rất nhiều kiểu chữ trên da. Chủ yếu là đoạn văn. Có thể là những đoạn trích trong Kinh Thánh hoặc là thơ hay tuyên ngôn. Billy đoán Martin Luther King Jr được đại diện ở đây.

Nhưng những dòng chữ ấy cũng có thể từ Shaq hay kinh Koran. Có vài câu rất nổi bật - cỡ chữ bảy mươi hai điểm. Tuy nhiên hầu hết chúng đều nhỏ xíu đến nỗi phải dùng kính lúp mới đọc nổi.

Đủ các loại thánh giá - được xăm trên người những gã trông như đầu gấu và dân bán ma túy, còn lũ đàn bà thì chẳng khác nào các ả điếm.

Một cậu thanh niên tầm hai mươi tuổi tiến đến từ hướng ngược lại, da đen sẫm, to béo, thấp hơn Billy một tẹo. Hắn nhìn chăm chăm vào những vết sẹo lồi trên má và thái dương cậu ta - một thiết kế đường chéo song song thú vị.

Cậu ta để ý thấy Billy đang nhìn và đi chậm lại, rồi dừng hẳn, gật đầu.

“Chào.” Rồi cậu ta cứ đứng đó và cười. Có lẽ cậu ta cảm nhận được Billy đang thưởng thức kỹ thuật tạo sẹo ấy. Và quả thực là vậy.

Billy cũng đứng lại. “Cậu có những dấu ấn đáng trọng đấy.”

“Ô. Cảm ơn anh.”

Theo truyền thống vùng hạ Sahara ở châu Phi, kiểu hình xăm này được thực hiện bằng cách cắt từng mẫu da và nhét vào đó loại nhựa cây gây kích ứng để làm phồng nó lên, rồi nó sẽ cứng lại thành những mẫu hình vĩnh viễn. Sẹo lồi phục vụ cho một số mục đích: Chúng xác định người đó là thành viên của một gia tộc hay bộ lạc cụ thể, chúng ám chỉ vị thế cố định về mặt xã hội và chính trị, chúng đánh dấu những cột mốc trong đời người, như thời điểm dậy thì và sẵn sàng cho hôn nhân. Trong một vài nền văn hóa Phi châu, việc xăm mình cũng ám chỉ kỹ năng và ham muốn tình dục - và bản thân những vết sẹo có thể trở thành vùng nhạy cảm. Đàn bà con gái càng mang nhiều hình xăm, thì càng trở nên hấp dẫn bạn tình bởi nó ám chỉ cô ta giỏi chịu đựng đau đớn của việc sinh nở và có khả năng sinh nhiều con hơn.

Billy luôn ngưỡng mộ những vết sẹo lồi; dù hắn chưa từng làm lần nào.

Hình xăm trên mặt chàng trai trẻ rất ấn tượng, chúng là hình đoạn xích và dây leo. Nghệ thuật xăm trên da của châu Phi chủ yếu là hình học; hiếm khi

là thú vật, cây cối hay lối vẽ người. Không bao giờ có chữ. Suýt chút nữa Billy đã không nhận được ý muốn sờ thử. Hắn cố gắng cưỡng lại.

Đến lượt mình, anh chàng bán địa cũng nhìn Billy với ánh mắt kì lạ, pha trộn giữa tò mò và tình bạn thân thiết. Cuối cùng cậu ta nhìn quanh và dường như đã đi đến kết luận. Một tiếng thì thầm: “Này, muốn hàng nâu không? Đá mặt trắng*? Đường? Anh muốn gì?”

Loại ma túy mạnh nhất làm từ cây gai dầu.

“Tôi...”

“Anh có bao nhiêu tiền? Tôi giảm giá cho.”

Ma túy.

Tờm lợm.

Trong một giây sự ngưỡng mộ với hình xăm biến thành sự căm ghét.

Cảm giác như thằng nhóc này đã phản bội hắn vậy. Bức vẽ trên da đã bị hủy hoại. Billy muốn chọc một cây kim vào cổ nó, lôi nó vào một con hẻm và xăm một thông điệp lên bụng nó bằng ba gạch hay độc cần.

Nhưng rồi Billy nhận ra rằng đây chỉ là một tai nạn khác minh chứng Quy luật bộ Da là đúng. Không có gì đáng ngạc nhiên ở đây. Hắn không thể bực bội với thằng nhóc hơn là với một định luật vật lí được.

Hắn cười thất vọng, đi vòng qua chàng trai và tiếp tục bước đi.

“Này, tôi giảm giá cho!”

Đi qua hết một tòa nhà về phía đông, Billy liếc nhìn phía sau lưng - hắn không thấy ai là nguy cơ cả - và bước vào một cửa hàng quần áo. Hắn trả tiền mặt để mua một chiếc mũ lưỡi trai Yankees và một đôi giày rẻ tiền.

Hắn đội mũ vào và đổi giày. Đôi cũ hắn không vứt đi - do lo rằng cảnh sát có thể tìm thấy trong các thùng rác một đôi Bass có dấu chân của hắn -

nhưng khi nhân viên cửa hàng không nhìn, hắn đã bỏ một cái vào thùng giày giảm giá còn cái kia đặt lên kệ, đằng sau một dãy giày tương tự. Sau đó hắn bước ra ngoài, lao nhanh đến mục tiêu của mình: chiếc tàu điện ngầm sẽ mang hắn về lại phố Canal, quay lại với nơi an toàn. Một lần nữa, mặt hắn lại cúi gằm, quan sát những vỉa hè đông nghịt, bắn thiu, lấm chấm những hình ô van nước tiểu chó hay những chấm đen của kẹo cao su, lớp tuyết bẩn bám bên lề.

Không ai nhìn vào bộ đồ bảo hộ, vào chiếc túi vải, không ai liếc vào hắn như đang tự hỏi: Đây có phải là kẻ đã giết cô gái ở SoHo không? Kẻ đã suýt bị bắt và bắn hạ trong bệnh viện ở Marble Hill?

Hắn tiếp tục rảo bước, hít vào luồng khí lạnh nồng mùi khí thải độc hại.

Tất nhiên hắn sẽ không chọn chuyến tàu Số Một có điểm dừng tại Marble Hill, bởi nó quá gần bệnh viện. Hắn đã dành nhiều ngày trời nghiên cứu hệ thống giao thông của thành phố New York. Hắn sẽ chọn ga tàu xa hơn về phía đông, kể cả nếu điều đó đòi hỏi phải đi thật nhanh trong thời tiết khó chịu này, giữa những kẻ còn khó chịu hơn nữa.

Này, tôi giảm giá cho...

Mà ở đây thì có cả đông. Đám đông càng lúc dày đặc, nhiều người đi mua sắm hơn - hắn đoán bọn họ đang tận dụng kì nghỉ trước Giáng Sinh này để tích trữ quà tặng. Ai nấy đều ăn vận những bộ quần áo đen sì, bạc phếch hay nhếch nhác.

Những người-rắn, người-chó của bác sĩ Moreau...

Có mấy chiếc xe cảnh sát lướt vụt qua, hướng về Marble Hill. Không có chiếc nào dừng lại.

Thở khó nhọc, ngực lại nhói đau, cuối cùng hăn cũng tới được lối vào ga tàu điện. Ở đây các đoàn tàu không chui xuống đất mà lại chạy lên trên.

Hăn quẹt thẻ Metro và bình thản bước lên bậc thang dốc tiến vào nhà ga, ở đó hăn co rúm lại trước cơn gió ẩm ướt cắt từng lát quanh người mình.

Hăn kéo chiếc mũ xuống thấp hơn, đổi cặp kính đọc sách sang một cái gọng khác, rồi quấn chiếc khăn xám quanh miệng; không khí đủ lạnh lẽo đến việc đó trông không có gì kì quặc.

Nhìn khắp lượt tìm cảnh sát. Không có đèn nhấp nháy trên những con phố bên dưới, không có cảnh sát mặc đồng phục nào trong đám đông hay trên nhà ga. Có lẽ...

Nhưng chờ đã.

Hăn để ý thấy hai người đàn ông mặc áo choàng dài đứng cách đó khoảng chín mét trên nhà ga. Một người nhìn về hướng của hăn rồi quay sang bạn đồng hành. Họ đứng tại đó, da trắng và mặc loại quần áo cổ hở, áo sơ mi trắng, cà vạt, bên dưới những chiếc áo khoác dày; hầu hết những hành khách khác trên nhà ga đều da đen, hoặc gốc La tinh hoặc đa chủng tộc, và đều ăn mặc tuềnh toàng hơn nhiều.

Cảnh sát chìm chắng? Hăn có cảm giác là vậy. Họ có thể không phải là một phần của cuộc săn lùng hiện đang diễn ra - có khi chỉ ở đây để điều tra một vụ buôn ma túy - nhưng họ sẽ nghe vụ báo động kia, và giờ thì tin là họ đã có Người đàn ông dưới hầm.

Một người thực hiện cuộc điện thoại ngắn và Billy có cảm giác nó đã được chuyển tới chỗ Lincoln Rhyme. Không có cơ sở gì cho ý nghĩ này, chỉ là bản năng nói với hăn tay cảnh sát kia là một người bạn và đồng nghiệp của Rhyme.

Một con tàu đang đến nhưng vẫn còn cách đến hai trăm mét. Hai người đàn ông thì thăm điều gì đó với nhau rồi đi về phía hăn, gồng mình trước cơn

gió.

Hắn đã cẩn thận đến thế, thông minh đến thế khi thoát ra từ tòa nhà văn phòng bác sĩ. Chẳng lẽ hắn sắp bị bắt chỉ nhờ sự ngẫu nhiên? Vô tình có hai cảnh sát ở gần đây.

Billy không đứng gần lối thoát nào. Nếu hắn chạy, hắn sẽ không bao giờ thoát kịp. Hắn có nhảy xuống được không?

Không, con phố bên dưới cách đó những sáu mét. Hắn gãy xương mắt.

Billy quyết định mình đành phải ba hoa thôi. Hắn có một thẻ nhân viên thành phố, có thể thoát được một cuộc kiểm tra lướt qua, nhưng chỉ cần một cuộc gọi vào trung tâm, họ sẽ phát hiện ra nó là giả. Hắn cũng có một chứng minh thư hợp pháp, nhưng về lí thuyết thì việc đó là một hành vi vi phạm Những điều răn.

Người sẽ phải ăn danh.

Nhưng tất nhiên như thế đâu có được. Chỉ cần gọi điện đàm hoặc điện thoại là họ sẽ biết hắn thực sự là ai.

Hắn sẽ phải đi nước tấn công. Hắn giả vờ lờ hai người nọ đi cho đến khi họ đã ở ngay cạnh hắn và quay sang, mỉm cười. Rồi hắn sẽ đẩy một, hay cả hai người vào đường ray. Hắn có thể trốn thoát trong đám hỗn loạn sau đó.

Một kế hoạch lộn xộn. Vụng về và nguy hiểm. Nhưng hắn nhận định rằng mình có rất ít lựa chọn.

Hai người kia đã đến rất gần. Họ mỉm cười, nhưng Billy không tin vào biểu hiện ấy một giây nào.

Con tàu đã rất gần. Một trăm mét, tám mươi, ba mươi...

Hắn tìm kiếm khẩu súng trên hông hai người, nhưng họ đã không tháo khuy áo khoác. Hắn liếc về phía lối ra, đánh giá thời gian và khoảng cách.

Sẵn sàng đi. Gã to con trước. Đẩy gã trước tiên. Bạn của Lincoln Rhyme.

Con tàu đã gần vào nhà ga.

Gã cao hơn trong hai người, người sẽ phải chết trước, gật đầu khi bắt gặp ánh mắt Billy.

Chờ đã, chờ. Chờ thêm mười giây nữa. Tám, bảy, sáu...

Billy cứng đờ.

Bốn, ba...

Khi đó người đàn ông mỉm cười. “Eric?”

“Tôi, ừm, tôi xin lỗi?”

“Cậu có phải Eric Wilson không?”

Con tàu lao vào nhà ga và phanh kết lại.

“Tôi ư? Không.”

“Ồ, này, trông cậu giống hệt con trai một người tôi làm việc cùng. Xin lỗi vì làm phiền cậu nhé.”

“Không sao.” Hai tay Billy run lên, cằm hấn cũng run và chỉ một phần vì lạnh.

Hai người đàn ông quay bước bỏ đi về phía con tàu, lúc này đang nhả các hành khách.

Billy bước lên một khoang, chọn điểm đứng đủ gần với hai người kia để nghe cuộc nói chuyện của họ. Đúng rồi, hẳn nhận ra, bọn họ đích thực giống như bề ngoài của họ - hai nhân viên công sở vừa kết thúc một cuộc họp nào đó trong trung tâm và đang quay lại văn phòng ở Đại lộ Madison để viết vài báo cáo về cuộc họp ấy.

Phanh tàu được nhả ra và với một tiếng sập, đoàn tàu hướng về phía nam, vừa dừng vừa rục rịch khi đi qua những đoạn tiếp nối.

Chẳng bao lâu họ đã tới Manhattan và chui xuống dưới mặt đất. Người đàn ông dưới hầm một lần nữa được trở về thế giới của hắn.

Việc đi tàu điện ngầm là một sự mạo hiểm, nhưng ít nhất hắn đã giảm đến mức tối thiểu mỗi nguy hiểm. Và rõ ràng hắn đã chiến thắng. Thay vì chọn chuyển tàu Số Một hay chuyển Số Bốn – tuyến tiếp theo đi về phía đông - hay thậm chí là tàu B và D, hắn đã chạy nhanh thêm vài cây số nữa tới ga Đại lộ Allerton, để lên tuyến tàu Số Hai. Hắn đoán là ai đó - tất nhiên là Lincoln Rhyme - có thể đã ra lệnh cho các cảnh sát tới những ga tàu gần hơn. Nhưng ngay cả NYPD cũng không thể có đủ lực lượng để tìm kiếm mọi nơi. Hắn hi vọng những bước chân nhanh nhẹn của mình đã đặt hắn ra ngoài tầm với của cuộc săn người.

Và quả thực là như vậy.

Trong lúc họ lao về phía nam, Billy nghĩ: Anh không phải là kẻ duy nhất biết phán đoán đâu, Đội trưởng Rhyme.

Quý ông 11-5 biết mình đang làm gì, Lincoln Rhyme ngẫm nghĩ một lần nữa, trong lúc lái chiếc Merits tới bàn đặt vật chứng, nơi Mel Cooper và Sachs đang xem xét những bằng chứng từ bệnh viện.

Bất chấp cuộc tìm kiếm kỹ càng của cô ở các hành lang, tòa nhà văn phòng bác sĩ và cả “viện bảo tàng da”, những bằng chứng phát hiện được từ cuộc tấn công thất bại với Harriet Staton là rất ít ỏi.

Không có dấu vân tay nào; hẳn rất khôn ngoan khi không thực sự chạm vào Harriet bằng ngón tay (dấu vân tay có thể lấy được ngay trên da). Hoặc hẳn chỉ tóm vào quần áo Harriet hay chạm vào da thịt của bà qua ống tay áo. Và ở đâu đó giữa lúc bỏ chạy khỏi địa điểm tấn công trong tầng hầm tới lúc chui vào phòng mẫu vật, hẳn đã đeo được găng tay latex vào (chứ không phải găng tay giả da, loại để lại những nếp nhăn riêng mà có thể bị mang ra trước tòa).

Nhưng không giống ở các hiện trường cũ, lần này hẳn đã bị bất ngờ, nên hẳn không có cơ hội đi bao giày. Sachs đã lấy được vài dấu giày nhờ chụp ảnh tĩnh điện.

Giày Bass cỡ mười một, mặc dù điều đó chỉ có nghĩa là hẳn đang đi một đôi giày Bass cỡ mười một chứ không có nghĩa chân hẳn cũng cỡ đó.

Mẫu hình trên đế giày đôi khi có thể cho biết những chi tiết về cân nặng và cách đi đứng, trong trường hợp này không hé lộ gì nhiều, nhưng Rhyme trộm nghĩ ai cần quan tâm chứ? Họ đã biết cân nặng và cách đi đứng của hẳn rồi.

Sachs đã lặn sàn nhà xung quanh chỗ có dấu chân để tìm dấu vết, chỉ để phòng hờ. Nhưng Mel Cooper báo cáo cuộc phân tích chỉ cho thấy, “Rất nhiều bột đá cẩm thạch Inwood và vật liệu tẩy rửa lẫn y tế, những thứ đã dẫn

chúng ta đến bệnh viện ngay từ đầu. Thêm vài loại chất tẩy nữa. Không có gì khác.”

Cô đã tìm được vài vết tích riêng biệt trong phòng mẫu vật, được máy quang phổ khí xác định là dimethicone, được dùng nhiều trong mỹ phẩm và dầu bôi trơn công nghiệp và các loại thực phẩm chế biến để ngăn tình trạng đóng cục. Điều thú vị là đây cũng là thành phần chính trong Silly [Putty*](#).

Rhyme không gạt bỏ chi tiết này ngay lập tức nhưng sau khi cân nhắc kỹ càng anh quyết định rằng món đồ chơi này không khớp vào đâu trong kế hoạch của nghi phạm.

Thương hiệu đồ chơi chất dẻo dành cho trẻ em “Em nghĩ hẳn đã bị dính phải dimethicone khi tóm lấy bà Stanton.”

Sachs giải thích rằng, bà ta là một phụ nữ tầm tuổi năm mươi và bà ta dùng khá nhiều mỹ phẩm. Sachs lôi điện thoại di động ra và gọi vào số bà Harriet đã cho cô. Bà ta nghe máy và sau khi kể cho bà những tin mới về vụ án, cô đã lấy được tên những thương hiệu mỹ phẩm bà ưa dùng. Tìm kiếm trên website của nhà sản xuất, Sachs đã biết dimethicone đích thực là một trong những thành phần trên kem nền của người phụ nữ.

Vậy là ngỗ cụt.

Và không có loại chất gì hay sợi vải nào khác.

Trong lúc Sachs viết các chi tiết này lên tấm bảng trắng, cô nói, “Còn điều này nữa. Em đã trông thấy một hình xăm trên...” Cô cau mày. “À phải, cánh tay trái của hẳn. Một con vật hoặc sinh vật kiểu gì đó. Có thể là rồng.

Trong cuốn sách kinh dị ấy. *Hình xăm rồng*. Màu đỏ.”

“Đúng rồi,” Sellitto nói thêm khi nhìn vào cuốn sổ của mình. “Harriet Stanton cũng nói hẳn có hình xăm. Mặc dù bà ta không nhìn rõ nó là gì.”

“Có dư chất gì của chất độc mà hẳn định dùng với nạn nhân không?”

Pulaski hỏi Cooper.

“Không có gì. Amelia không thu được chất độc nào cũng như bất kì thứ gì cả.”

“Tôi nghĩ chúng ta có thể đoán hắn đã giữ kín tình dục của mình cho đến khi sẵn sàng dùng chúng.” Rhyme lại băn khoăn: Tại sao lại chọn cách ấy? Độc dục giờ đã là một vũ khí giết người hiểm thấy. Kỹ thuật giết người bằng chất độc, sau từng ấy năm phổ biến, đã bắt đầu lỗi thời từ nhiều năm trước, hồi giữa những năm 1800, sau khi nhà hóa học nổi tiếng người Anh James Marsh phát minh ra một bộ thử có thể phát hiện arsen trong mô của người đã chết. Chẳng bao lâu sau, các bộ thử cho những chất độc khác cũng được phát minh. Những ông chồng giết vợ hay những kẻ thừa kế tham lam vốn tin rằng các bác sĩ sẽ quy nguyên nhân cái chết cho bệnh tim mạch hay đột quỵ hay bệnh tật gì đấy, bắt đầu phải vào tù hay lên giá treo cổ sau khi những thám tử pháp y đầu tiên trình bày trường hợp của họ trước tòa.

Một vài chất như ethylene glycol - một chất làm mát trong ô tô xe máy -

vẫn còn bị nhồi cho các ông chồng bởi những bà vợ bất hạnh, và bên An ninh nội địa thì lo ngại đủ loại chất độc có thể trở thành vũ khí khủng bố, từ hạt thầu dầu đến ricin*, đến xyanua, đến botulinum. Botulinum là chất độc chết chóc nhất tồn tại ở tự nhiên (một dạng vô cùng nhẹ của nó được dùng trong các thủ thuật tiêm Botox thẩm mỹ) ; chỉ vài kilogram botulinum cũng có thể giết hết loài người trên trái đất.

Chất độc có trong cây thầu dầu.

Thế nhưng chất độc rất nhiều khê, dễ bị phát hiện và lại khó điều chỉnh, chưa kể đến nguy cơ ngộ độc cho chính kẻ đầu độc. Tại sao người lại yêu thích nó đến vậy? Rhyme thăm hỏi.

Mel Cooper chen ngang những suy nghĩ của anh. “Vụ việc ở bệnh viện đúng là cú chết hụt. Anh có nghĩ hắn sẽ bỏ đi không?”

Rhyme làu bàu.

“Thế tức là không à?”

Sachs phiên dịch. “Thế tức là không.”

“Câu hỏi duy nhất là,” Rhyme nói, “hắn sẽ tấn công vào đâu tiếp theo?”

Anh lặn xe đến cạnh tấm bảng. “Câu trả lời ở đó. Có lẽ vậy.”

Trung tâm y tế Thượng Manhattan • Nạn nhân: Harriet Stanton, 53

– Khách du lịch – Không bị thương • Nghi can 11-5

– Chi tiết như vụ trước – Hình xăm màu đỏ bên cánh tay trái – Có bề ngoài giống người Nga hoặc Slav – Mắt xanh nhạt – Không có trọng âm – Cờ giày Bass 11

– Không có dấu vân tay – Đã dành thời gian trong Phòng Mẫu vật ở bệnh viện (“bảo tàng da người”)

• Dư chất – Không tìm được chất độc – Dimethicone • Nhưng có thể là từ mỹ phẩm của bà Harriet Stanton

Provence2 đang đông đúc.

Ngay khi tờ *Times* phong tước ngôi sao cho nó, cái nhà hàng bé tí ở Hell's Kitchen này đã đầy những vị khách tha thiết len vào những căn phòng vừa ồn vừa đông đúc để thử những món ăn giao thoa giữa hai vùng, miền nam nước Mỹ và miền nam nước Pháp.

Gà rán với nụ bạch hoa và món hầm ratatouille.

Ốc sên và yến mạch thô.

Không thể là thật. Nhưng món ăn vẫn bán được...

Bị kẹp giữa một bên là nhà kho ở phía nam và một tòa văn phòng kính và thép hiện đại ở phía bắc, nhà hàng nằm bên trong một khối kiến trúc điển hình của mé tây Midtown: sàn nhà cả trăm năm tuổi, gỗ ghè nứt gãy và cột kẹt dưới chân bạn, trần nhà thì ộp tấp thiếc. Những mái vòm thấp dẫn từ phòng ăn chật chội này sang phòng bên cạnh và những bức tường gạch phun cát không làm giảm cảnh mờ tối chút nào.

Ánh sáng yếu ớt, do những bóng đèn gắn trong chuỗi đèn cũng cổ không kém chính tòa nhà (Mặc dù chuỗi đèn không phải là sản phẩm của thời đại Victoria ở Hudson, mà tới từ một nhà máy bên ngoài Seoul).

Ở một trong mấy cái bàn cuối phòng, cuộc nói chuyện được đẩy qua đẩy lại như đánh hockey trong không khí.

“Ông ta chẳng có cơ hội đâu. Chuyện này thật lố bịch.”

“Cậu không nghe chuyện bạn gái ông ta à?”

“Cô ấy không phải bạn gái ông ta.”

“Cô ấy *chính là* bạn gái ông ta, trên Facebook đây ra mà.”

“Dù sao tôi thậm chí còn không nghĩ đó chính là cô ấy.”

“Ồ. Ngọt ngào quá.”

“Khi nào báo chí khai ra, anh chàng sẽ bị lộ chín. Thêm chai nữa nhé.

Chai Chablis nhé.”

Samantha Levine lắng nghe cuộc chuyện phiếm của đám bạn nhưng không chú tâm hoàn toàn. Thứ nhất, cô không quan tâm đến vấn đề chính trị địa phương, ứng cử viên họ đang nói tới có thể sẽ không chiến thắng trong kì bầu cử tới, nhưng đó không phải là vì bạn gái ông ta đạt hay không đạt các chuẩn mực hình thể, mà vì ông ta nhạt nhẽo và nhỏ mọn. Bạn cần *nhieu* phẩm chất hơn thế để có thể trở thành thị trưởng Thành phố New York.

Bạn cần cái *je ne sais quoi* (thần thái) ấy kìa.

Ngoài chuyện đó ra, những ý nghĩ của Samantha còn liên tục quay lại với công việc của cô. Gần đây toàn là rắc rối. Cô đã tan làm muộn - gần đến tám giờ tối, cách đây nửa tiếng - rồi vội vã chạy từ văn phòng trong tòa nhà bóng bẩy bên cạnh sang đây để tham gia với các bạn. Cô đã cố gạt bỏ mọi lo lắng đang vướng vào mình nhưng trong thế giới công nghệ cao, bạn không thể thoát được những câu đố và khó khăn mà bạn phải đối mặt mỗi ngày. Chắc chắn nó cũng có những ưu điểm: Bạn có thể mặc quần bò áo len (hay áo thun vào mùa hè) - như cô đang mặc lúc này, bạn kiếm được sáu con số mỗi năm, bạn có thể xăm mình hay đeo khuyên, bạn có thể làm việc bất kể giờ giấc, có thể mang gối xô pha vào văn phòng và dùng như bàn làm việc.

Chỉ có điều bạn phải làm ra sản phẩm.

Và luôn phải dẫn trước một bước trong cuộc đua.

Và chết tiệt nhất là lúc nào cũng có cả đồng sự cạnh tranh.

Mạng Internet với chữ I. Một nơi kì diệu. Rất nhiều tiền, rất nhiều cơ hội cho những thành công đến không tưởng. Và cũng có vô vàn cạm bẫy không

đáy.

Cô gái ba mươi hai tuổi - thân hình đầy đặn, mái tóc nâu tím bướng bình với cặp mắt đen, to tròn và ngây ngô như trong phim hoạt hình Nhật - hớp thêm một ngụm rượu trắng nữa và cố gắng gạt ra khỏi đầu suy nghĩ về cuộc họp đặc biệt khó khăn với sếp cô, diễn ra cách đây không lâu. Cuộc họp đã trôi lơ lửng trong tâm trí cô suốt từ nãy đến giờ.

Gạt. Nó. Đi.

Cuối cùng cô cũng làm được. Sau khi xiên và ăn một đồng cà chua xanh chiên cùng cá cơm xay, cô quay lại chú ý đến đám bạn. Tất cả bọn họ cùng cười (trừ Cô gái tin nhắn) , vì Raoul - bạn cùng phòng của cô, đúng, chỉ là bạn cùng phòng - đang kể một câu chuyện về cô. Anh ta là trợ lí cho một nhiếp ảnh gia thời trang chuyên chụp cho những tạp chí muốn biến thành *Vogue*, tất cả đều là báo mạng. Ông chủ gầy gò, râu ria đã tới đón Raoul trong căn hộ họ ở chung tại Chelsea mới nhìn qua chiếc áo thun và quần PJ

của Samantha cùng mái tóc cứng quèo bị buộc túm bằng mấy sợi chun không đồng màu cùng với cặp kính vô cùng nghiêm túc của cô, nói, “Hừm.

Tôi chụp ảnh cô được không?”

“Ồ, ông có phải là người nhận được hợp đồng chụp lịch với Cô nàng Một sách đó không?” Samantha hỏi. Lúc này Raoul phát biểu ý kiến bằng một tiếng ô ồm và cả bàn cười rú lên.

Đây là một nhóm bạn hay ho. Raoul và James - bạn thân của anh - và Louise ở văn phòng của Samantha cùng Một Cô Nàng Khác, người vừa đến, tay trong tay với James. Tên cô ta là Katrina hay Katharine hay Karina nhỉ? Nàng tóc vàng của James trong tuần này. Samantha đã đặt biệt danh cho cô nàng là Cô gái tin nhắn.

Hai chàng trai tiếp tục cuộc bàn luận về chính trị, cứ như họ đặt tiền vào kết quả bầu cử không bằng. Louise đang cố bàn một việc nghiêm túc với

Samantha, còn cái cô K kia thì vẫn cúi mặt nhìn tin.

“Tớ sẽ quay lại,” Samantha nói.

Cô đứng dậy và bắt đầu đi dọc theo sàn nhà cổ lỗ, sau ba li rượu chống stress thì sàn nhà lúc này không còn bằng phẳng như khi cô đến nữa. Từ từ nào, cô gái. Cô có thể say và ngã ở Hamptons, ở Cape May. Nhưng không được gục ở Manhattan.

Hai lời tán tỉnh tới từ quầy bar bé tí. Cô lờ tịt họ, mặc dù một trong hai ít chịu thái độ gay gắt hơn người còn lại. Đó là anh chàng ngồi một mình ở cuối quầy. Anh ta gầy gò, trắng nhợt - kiểu nước da chỉ ra ngoài vào ban đêm. Họa sĩ hay nhà điêu khắc hoặc một kiểu nghệ sĩ gì đó, cô đoán vậy.

Đẹp trai, mặc dù có thể cái cảm hơi yếu đuối nếu anh ta nhìn xuống. Cặp mắt xuyên thấu. Chúng bắn ra những ánh mắt *kiểu đó*. Samantha gọi đó là “cú vồ”, giống như một con chó vồ lấy thức ăn vậy.

Cô thấy lạnh cả sống lưng. Bởi vì cái nhìn đó kéo dài hơn bình thường và trở nên đáng sợ.

Anh ta đang lột trần cô, nhìn khắp cơ thể cô.

Cô hối hận vì đã nhìn vào mắt anh ta. Và rồi vội vã đi nốt đoạn đường khó khăn nhất trong nhà hàng: chiếc cầu thang hẹp dẫn xuống phòng vệ sinh ở tầng hầm.

Cộp, cộp...

Cô đã đến nơi.

Dưới này tối tăm, yên ắng và sạch sẽ, điều này đã làm cô ngạc nhiên trong lần đầu xuống đây. Những người tân trang lại chỗ này đã dành rất nhiều thời gian để biến các phòng ăn thành nơi trông thật cũ kỹ gồ ghề (vâng, chúng tôi hiểu rồi: kiểu đồng quê cả ở Pháp và Mỹ), nhưng phòng vệ sinh thì thuần túy kiểu SoHo. Nhấn nhụi, đèn âm tường, cỏ trang trí. Ảnh của

Mapplethorpe trên tường nhưng không có gì kì quặc. Không roi da, không mông.

Samantha đi đến buồng W, thử mở cánh cửa.

Bị khóa rồi. Cô nhăn mặt. Provence2 không lớn lắm nhưng có nhà hàng chết tiệt nào trên đời này lại chỉ có một buồng vệ sinh nữ duy nhất chứ. Chủ quán bị điên rồi à?

Tiếng cọt kẹt từ những bước chân trên sàn nhà gỗ đàn hồi phát ra phía trên đầu cô. Những giọng nói bị chặn.

Nghĩ lại người đàn ông ở quầy bar.

Mình đã làm gì vậy, sao lại nhìn lại anh ta như thế? Chúa ơi. Phải thông minh hơn chứ. Được rồi? Sao phải tán tỉnh? Mình đã có Elliott ở chỗ làm rồi. Anh ấy không phải chàng trai trong mơ nhưng cũng tử tế và đáng tin cậy, lại còn xem PBS*. Lần tới anh ấy hỏi, hãy nói có. Anh ấy có cặp mắt ngọt ngào và thậm chí có khi còn khá tốt trên giường.

Tên một đài truyền hình ở Mĩ.

Thôi nào, tôi phải đi tè. Chỉ có một phòng vệ sinh chết tiệt ư?

Một tiếng cọt kẹt khác lớn hơn, những bước chân đang xuống cầu thang.

Cộp, cộp...

Tim Samantha đập mạnh. Cô biết đó là anh chàng tán tỉnh, kẻ nguy hiểm.

Cô trông thấy hai chiếc ủng xuất hiện trên bậc thang. Loại ủng cao đến mắt cá chân của đàn ông. Từ thập niên 70. Kì lạ.

Đầu cô xoay khắp. Cô đang ở đầu bên kia của hành lang. Không đi đâu được từ đây. Không có lối thoát. Ta phải làm gì nếu anh ta sờ sảng? Bản thân mức độ âm thanh trong nhà hàng đã đình tai nhức óc lắm rồi; không ai nghe thấy đâu. Ta lại để quên điện thoại trên gác, ta...

Rồi: Thư giãn đi. Mình không ở một mình. Còn một cô khác trong nhà vệ sinh mà. Cô ta sẽ nghe thấy tiếng kêu.

Hơn nữa, không ai lại mạo hiểm đi cưỡng hiếp ngay trên hành lang của một nhà hàng, dù có nứng đến đâu đi nữa.

Nhiều khả năng nó sẽ chỉ là một cuộc chạm trán kì cục mà thôi. Gã gầy gò kia có thể tiến tới thô bạo, tán tỉnh quá đà, trở nên giận dữ nhưng cuối cùng rồi cũng phải bỏ đi. Chuyện ấy đã xảy ra mấy chục lần rồi? Vết thương tệ nhất sẽ chỉ là cô bị mang tiếng cợt nhả với đàn ông thôi.

Việc ấy vẫn xảy ra khi phụ nữ liếc nhìn một gã đàn ông. Những quy luật khác. Khi đàn ông nhìn thì không sao cả. Đàn ông mà, đó là việc họ vẫn làm.

Thế giới có bao giờ thay đổi hay không?

Nhưng rồi: Lỡ hăn là một tên bệnh hoạn thật thì sao? Với một con dao?

Một kẻ đâm chém. Ánh mắt xuyên thấu của hăn gợi ý khả năng đó. Lại còn vụ án mạng mới mấy hôm trước - cô gái nào đó ở SoHo bị giết dưới tầng hầm.

Y như chỗ này. Chết tiệt, mình sẽ nhịn vậy...

Rồi Samantha phá ra cười.

Người đi ủng xuất hiện. Một gã to béo trong bộ vest và cà vạt sọc. Chắc là khách du lịch từ Dallas hay Houston. Anh ta liếc cô một lần, gật đầu chào đại khái rồi đi vào phòng vệ sinh nam.

Vậy là cô lại quay về trước cửa phòng nữ.

Nhanh nào, cưng ơi. Chúa ơi. Cô đang đắp lớp trang điểm đang điểm đấy à? Hay đang ọe ra cốc Cosmo thứ tư? Samantha lại tóm nắm cửa lần nữa để nhắc cho người vô ý thức bên trong biết đang có người xếp hàng bên ngoài.

Năm đấm cửa xoay.

Chết tiệt, cô nghĩ. Hóa ra suốt từ nãy đến giờ nó không bị khóa. Chắc lúc nãy cô đã xoay sai hướng thôi.

Mình còn ngu đến đâu được nữa? Cô đẩy vào trong và bật đèn lên, để cánh cửa tự đóng lại.

Và trông thấy một người đàn ông đang đứng đằng sau nó. Hắn mặc bộ quần áo bảo hộ và đội mũ trùm đầu. Trong chớp mắt hắn đã khóa cửa.

Ôi, Chúa ơi Chúa ơi Chúa ơi...

Mặt hắn bị đốt cháy! Không, bị biến dạng, méo mó bên dưới cái mũ trùm đầu làm bằng latex, trong suốt nhưng vàng vọt. Và cặp găng tay cao su, cũng màu vàng, trên tay hắn. Trên cánh tay trái, một góc của hình xăm màu đỏ lộ ra ở khoảng giữa miệng găng tay và ống tay áo. Một con côn trùng, với hai cái càng cua, chân nhện, nhưng lại mang cặp mắt người.

“Á, không, không, không...”

Cô xoay ngoắt lại thật nhanh, tóm lấy cửa, nhưng hắn đã bắt được cô trước, vòng tay quanh ngực cô. Rồi cô cảm nhận được cái đau buốt khi hắn chọc vào cổ.

Cô đá chân và chuẩn bị hét lên nhưng hắn đã chụp một tấm vải dày vào miệng cô. Âm thanh bị nuốt trọn.

Lúc ấy cô mới chú ý đến một cánh cửa nhỏ bên kia phòng vệ sinh, chỉ rộng khoảng sáu mươi nhân chín mươi phân, mở vào bóng tối - một đường hầm hay lối thông vào một tầng hầm sâu hơn nữa, bên dưới nhà hàng.

“Làm ơn!” cô lẩm bẩm nhưng những lời nói ấy đã bị tấm giẻ nuốt trọn.

Người cô nhũn đi, cô thấy mệt. Gần như không còn sợ nữa. Và cô nhận ra: là mũi tiêm vào cổ. Hắn đã tiêm thứ gì đó vào người cô. Trước khi bị giắc

ngủ chiêm trợn, Samantha nhận thấy mình bị thả xuống sàn nhà rồi kéo xềnh xệch ngang qua đó, càng lúc càng đến gần ngưỡng cửa tối hơn.

Cô cảm thấy hơi ấm, dòng nước rỉ xuống chân mình - nỗi sợ và sự thiếu kiểm soát cơ thể do thứ thuốc bí ẩn mà hấn đã tiêm vào cô đã phát huy tác dụng.

“Không,” cô thì thào.

Và nghe một giọng nói trong tai. “Có.” Từ ấy bị kéo dài ra mãi, như thể không phải kẻ tấn công vừa nói mà là con côn trùng trên tay hấn đang rít lên mãi.

Quy tắc bộ Da...

Trong lúc làm việc với cái bụng rất đẹp của nạn nhân mới nhất bằng chiếc máy America Eagle, Billy ngẫm nghĩ về niềm yêu thích của mình với vật chất này, tấm vải vẽ của chính Đức Chúa Trời.

Làn da.

Nó cũng là tấm vải vẽ của Billy và hẳn đã bị thu hút bởi nó y như cách Kẽ tằm xương bị thu hút bởi hệ thống xương của cơ thể người vậy - Billy đã rất thích thú đọc được điều đó trong *Những thành phố liên hoàn*. Hẳn trân trọng nỗi ám ảnh của Kẽ tằm xương nhưng thực tình không hiểu nổi tại sao anh ta lại thích thú với xương. Da mới hé lộ nhiều khía cạnh của cơ thể người hơn. Trung tâm hơn nhiều. Quan trọng hơn nhiều.

Xương thì đưa ra được thông tin nội bộ gì kia chứ? Chẳng có gì. Không giống như da.

Trong các dạng cơ quan thuộc hệ vỏ bọc bảo vệ cơ thể, da là cơ chế tiến hóa nhất, vượt xa móng guốc, móng tay chân, vẩy, lông và những bộ xương ngoài thông minh, đáng sợ của động vật chân đốt. Ở loài động vật có vú, da là cơ quan lớn nhất. Kể cả khi các cơ quan nội tạng và các mạch có thể được duy trì bằng một loại máy thay thế tạm thời nào đó của Bác sĩ Seuss, da còn làm được nhiều hơn nữa. Nó ngăn sự viêm nhiễm và là một hệ thống cảnh báo sớm cũng như chống lại và bảo vệ cơ thể khỏi cái nóng và lạnh quá mức, khỏi bệnh tật hay sự xâm nhập, từ giác hút đến răng đến gậy, và trong vài trường hợp nhất định nó thậm chí chống lại cả giáo mác và đạn.

Da giữ lại thứ chất cần thiết cho sự sống, đó là nước. Nó hấp thụ đủ ánh sáng chúng ta cần và thậm chí còn sản sinh ra vitamin D. Xịn chưa?

Da người.

Mỏng manh hay chắc chắn như da thuộc, à phải (Da quanh mắt chỉ dày có nửa milimét; trong khi gót chân lại dày đến năm milimét).

Biểu bì là lớp trên cùng, hiển thị màu da vàng, đen hay nâu mà chúng ta trông thấy, và lớp hạ bì nằm bên dưới là nơi mà những mũi kim của máy xăm hình sẽ thọc vào. Da là bậc thầy tái tạo, điều đó có nghĩa là ngay cả những hình xăm đẹp nhất thế giới cũng sẽ biến mất nếu kim chọc không đủ sâu, điều đó chẳng khác nào vẽ nàng Mona Lisa trên cát cả.

Nhưng những thông tin cơ bản về da này dù có thú vị với Billy Haven đến mấy cũng chưa chạm tới giá trị đích thực của nó. Da hé lộ, da giải thích. Những nếp nhăn báo tuổi tác và việc sinh đẻ, những vết chai gợi ý nghề nghiệp và sở thích, màu da cho biết tình trạng sức khỏe. Lại còn có sắc tố da nữa. Một câu chuyện hoàn toàn khác.

Giờ Billy Haven ngồi thẳng lại và nhìn ngắm tác phẩm của mình trên tấm vải vẽ - bộ da của nạn nhân. Phải, rất đẹp.

Một mẫu của Billy...

Đồng hồ trên tay phải hẵn khẽ rung. Năm giây sau chiếc đồng hồ thứ hai trong túi quần cũng rung. Đại loại là một kiểu báo thức, do Những điều răn tu chính quy định.

Và không phải là một ý tưởng tồi. Như hầu hết các nghệ sĩ khác, Billy thường bị cuốn vào công việc.

Hắn đứng dậy, nhờ ánh sáng từ đèn halogen gắn trên trán, hẵn đi vòng quanh không gian tối mịt bên dưới nhà hàng Provence2.

Khu vực này là một hình bát giác có chiều rộng khoảng chín mét. Ba mái vòm dẫn ra ba đường hầm tối tăm. Billy đã đọc được rằng ở một thời đại nào đó, những hành lang này được dùng để dẫn đường cho gia súc đi vào hai lò mổ dưới lòng đất ngay tại Mé tây của Manhattan này.

Những con bò khỏe mạnh được dẫn đi một lối, những con mắc bệnh bị dẫn đi một lối. Cả hai đều sẽ bị xẻ thịt nhưng loại thịt không sạch sẽ được bán ở địa phương cho người nghèo trong Hell's Kitchen hay chuyển xuống Five Points hoặc thành phố Brooklyn, dành cho những khu chợ bán thiu ở đó. Những con gia súc khỏe hơn sẽ được hóa kiếp trong nhà bếp của người dân khu Thượng Đông và Tây, cùng những nhà hàng sang trọng hơn trong thành phố.

Billy không biết lối ra nào là dành cho thịt bò sạch, lối nào cho thịt bò bệnh. Hắn từng đi xuống đến tận cùng cả hai lối, một bên bằng gạch còn bên kia bằng sỏi đá, nhưng vẫn không biết cái nào là cái nào. Hắn ước gì mình biết vì hắn muốn xăm cho cô gái trẻ trong hành lang cho bò bệnh -

như thế mới thích hợp. Nhưng hắn đã quyết định sẽ làm hình xăm của mình ở nơi các gia súc bị chọn lọc: chính cái phòng hình bát giác ấy.

Hắn ngắm cô ta thật kĩ. Hình xăm rất đẹp. Cả đường viền sọc cũng vậy.

Hắn rất hài lòng. Khi còn xăm cho khách ở nhà, Billy không bao giờ lo lắng về phản ứng của họ. Hắn có những tiêu chuẩn riêng. Một tác phẩm bị họ thờ ơ có thể làm hắn phẫn khích tột độ. Hay một cô gái có thể rưng rưng nhìn vào hình xăm bánh cưới của mình (phải, việc ấy khá phổ biến) và bật khóc vì nó đẹp đến thế, nhưng hắn chỉ nhìn thấy một lối duy nhất, một cú phẩy nhỏ xíu nằm không đúng chỗ đã đủ để khiến hắn điên tiết với chính mình mấy ngày trời rồi.

Mặc dù vậy, hình này rất đẹp. Hắn thấy hài lòng.

Hắn tự hỏi liệu đến giờ bọn họ đã hiểu thông điệp chưa. Nhưng không, ngay cả Lincoln Rhyme cũng không thể giải đến thế.

Nghĩ lại những khó khăn hắn vừa gặp phải - ở bệnh viện và tòa nhà văn phòng bác sĩ - hắn quyết định đã đến lúc bắt đầu làm những kẻ theo đuổi mình phải chậm lại.

Có một câu trong Những điều răn viết bằng kiểu chữ bay bướm của Billy: “Liên tục đánh giá lại sức mạnh của những cảnh sát đang điều tra bạn. Có thể sẽ đến lúc ném ra những vật cản trên đường điều tra của họ.

Bạn chỉ nên nhắm đến những cảnh sát cấp thấp hơn; nếu nhắm cao quá, nhà chức trách sẽ gia tăng nỗ lực để tìm kiếm bạn.”

Hay, theo cách viết của Billy là: *Người phải đánh bại tất cả những kẻ cố ngăn cản sự Tu chính.*

Ý tưởng làm họ chậm lại của hắn rất đơn giản. Những người chưa từng xăm mình nghĩ rằng kim xăm rỗng ruột. Nhưng điều đó không đúng.

Những cây kim để xăm hình thường cứng chắc, gồm vài chiếc dính lại với nhau, cho phép mực chảy từ trên thân kim vào hình xăm.

Nhưng Billy có vài chiếc kim dưới da để tiêm thuốc mê cho nạn nhân của hắn. Lúc này hắn thò tay vào túi đồ nghề và lôi ra một chai thuốc bằng nhựa có nắp khóa. Hắn mở nắp cẩn thận và đặt ống màu nâu ấy xuống đất.

Hắn chọn một cái kẹp cầm máu của bác sĩ, cái nhíp dài từ trong đồng dụng cụ y tế ăn cắp được. Hắn thò dụng cụ đó vào trong cái chai nhựa và gắp ra một đầu kim mười chín milimét của một ống tiêm dưới da 30 gauge - một trong những ống có đường kính nhỏ nhất. Hắn cẩn thận lôi mũi kim ra khỏi cái xy lanh và tẩm nó trong chất độc.

Hắn nhặt chiếc ví của cô gái lên và cài đầu tù của cái kim vào lớp da bên dưới tay cầm sao cho khi một cảnh sát hiện trường mở cái túi, đầu nhọn của cây kim - gần như không thể thấy bằng mắt thường - sẽ đâm xuyên qua găng tay và da. Mũi của nó nhỏ đến nỗi gần như chắc chắn người kia sẽ không cảm thấy gì.

Tất nhiên, đến khoảng một giờ sau thì các triệu chứng bắt đầu bùng lên trong họ như một quả cầu lửa. Và các triệu chứng ấy mới hấp dẫn làm sao: Strychnine sinh ra một trong những phản ứng kịch liệt và đau đớn nhất trong

mọi loại độc tố. Bạn sẽ bị đủ cả, từ nôn mửa, co thắt cơ, tăng huyết áp, co giật cơ thể, mất cảm quá mức và cuối cùng là ngạt thở.

Chính xác thì Strychnine làm bạn co thắt đến chết.

Mặc dù trong trường hợp này, ở người trưởng thành, liều lượng này sẽ dẫn đến tổn thương não nghiêm trọng hơn là cái chết.

Gieo khó chịu với những kẻ truy đuổi người.

Một tiếng rên rỉ sau lưng hắn.

Cô ta đang bắt đầu tỉnh lại.

Billy quay sang cô gái, ánh sáng đèn halogen quét ngang căn phòng thật nhanh theo chuyển động của đầu hắn.

Hắn cẩn thận đặt cái túi xuống đất ở một chỗ trông như thể hắn đã vô tình ném nó sang một bên - họ sẽ nghĩ nó chứa đủ loại bằng chứng, dấu vết hữu ích cùng dấu vân tay. Hắn hi vọng người nhặt cái túi sẽ là Amelia Sachs. Hắn đã rất giận dữ vì cô ta đã tìm ra hắn ở bệnh viện, kể cả nếu Lincoln mới là người phải chịu trách nhiệm. Hắn đã hi vọng một ngày nào đó có thể quay lại phòng mẫu vật kia, nhưng nhờ cô ta, hắn không thể quay lại được nữa.

Tất nhiên, kể cả nếu cô ta không bị đâm thì có lẽ một trong những trợ lí của Lincoln Rhyme cũng sẽ bị.

Và chính Rhyme? Hắn đoán là việc ấy cũng có thể lắm; hắn biết anh ta đã phục hồi lại được một cánh tay và một bàn tay. Có lẽ anh ta sẽ đi găng tay vào và cầm cái túi lên. *Chắc chắn* anh ta sẽ chẳng cảm nhận được cú đâm đâu.

“Ôi...”

Hắn quay sang nhìn vào phòng trưng bày nghệ thuật trên làn da tuyệt đẹp đang giăng trước mắt mình. Màu ngà. Hắn gắn một cái đèn pin ngay phía

trên tấm vải vẽ của mình, bật nó lên. Nhìn vào mắt cô ta, đầu tiên chúng
nheo lại vì hoang mang, rồi vì đau đớn.

Đồng hồ đeo tay của hắn rung lên.

Rồi đến cái kia.

Đã đến lúc bỏ đi.

Đèn nhấp nháy hắt lại từ màn mưa tuyết đang đổ, từ những đống tuyết mới đã bị vun lại, từ vỉa hè ẩm ướt.

Những ánh sáng màu xanh, trắng, đỏ. Chấp chới. Khẩn cấp.

Amelia Sachs trèo ra khỏi chiếc Torino màu nâu đỏ đang đỗ bên cạnh vài xe cấp cứu. Dù mấy xe cấp cứu là không cần thiết. Một cái cũng không cần. Chiếc xe y tế duy nhất cần đến ở đây là xe tải chở xác. Những cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã báo cáo là Samantha Levine, nạn nhân thứ hai của nghi phạm, đã chết, được tuyên bố chết tại hiện trường.

Tất nhiên vẫn là chất độc. Đó là ước đoán ban đầu của những cảnh sát đến đầu tiên, nhưng không nghi ngờ gì nữa về chuyện đây là tác phẩm của Nghi can 11-5.

Khi cô gái không quay lại bàn mình trong nhà hàng mới nổi Provence2, các bạn cô đã trở nên lo lắng. Một cuộc tìm kiếm trong nhà vệ sinh làm lộ ra cánh cửa thông đã hơi bị lệch. Một người phục vụ đã kéo mở nó và ló đầu vào trong, há hốc miệng và nôn ọe.

Sachs đứng trên phố, nhìn sang nhà hàng và những chiếc xe đã tụ lại đó.

Lon Sellitto đi tới. “Amelia.”

Cô lắc đầu. “Sáng nay chúng ta ngăn được hãn ở bệnh viện mà giờ hãn đã có người khác. Ngay lập tức. Chẳng khác nào nói với chúng ta: “ĐM mày”.

Các thực khách đang thanh toán hóa đơn và bỏ đi, nhân viên nhà hàng thì sợ hãi hết sức khi biết một vị khách nữ đã bị bắt cóc trong nhà vệ sinh, rồi bị lôi xuống một đường hầm bên dưới tòa nhà của họ và bị giết.

Sachs đoán chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi Provence2 bị đóng cửa.

Sự thế gần như bản thân nhà hàng này là một nạn nhân thứ hai vậy. Cô đoán rồi cả cửa hàng thời trang trên phố Elizabeth cũng sẽ sớm mất việc kinh doanh.

“Tôi bắt đầu đi thăm vấn đây,” vị thanh tra to béo lấm bẫm và bỏ đi, vừa đi vừa lôi cuốn sổ ra khỏi túi.

Chiếc xe tải của đội khám nghiệm hiện trường tới và dúm mũi lên vỉa hè.

Sachs vây các kỹ thuật viên CS vừa trèo ra. Jean Eagleston đi đầu, chị là người đã khám nghiệm hiện trường Chloe Moore ở SoHo - chuyện mới chỉ hôm qua mà như đã cả tháng. Chị có một đồng sự mới, một anh chàng người La tinh gầy gò có cặp mắt bình tĩnh nhưng sắc bén - ám chỉ anh ta là người hoàn hảo cho công việc khám nghiệm hiện trường. Sachs đi đến chỗ họ. “Vấn quy trình cũ. Tôi sẽ đi vào trước, làm việc với cái xác, kẻ ô vuông.

Chị có thể xử lí phòng vệ sinh nơi hãn đã tóm được cô gái, bất kì đường rút lui nào.”

Eagleston nói, “Được, Amelia.” Chị gật đầu và Sachs đi ra sau xe CS để mặc bộ Tyvek, đi ủng, đội mũ trùm và đeo găng. Cả khẩu trang chuyên dụng N95 nữa. Nhớ lại rằng dù có chuyện gì xảy ra cô cũng phải để nó yên vị.

Gi sét...

Lần này đeo cả kính bảo hộ.

Trong lúc đang thò một chân vào ống quần của bộ đồ bảo hộ, cô vô tình liếc mắt nhìn lên phố. Ở góc phố, cùng bên với nhà hàng, cô trông thấy một người đàn ông mặc áo khoác tối màu rất giống cái nghi phạm đã mặc trong bệnh viện lúc định tấn công Harriet Stanton - mặc dù hãn đang đội mũ bóng chày chứ không phải mũ trùm. Hãn đang gọi điện thoại và chỉ chú ý vừa phải tới hiện trường. Tuy nhiên dáng đứng của hãn vẫn có điều gì đó giả dối.

Đó có thể là nghi phạm chẳng, quay lại hiện trường, như hãn đã từng làm ở SoHo?

Cô nhanh chóng nhìn đi chỗ khác và tiếp tục mặc quần áo, cố tỏ ra bình thản.

Việc nghi phạm quay lại hiện trường tội ác không phải chuyện thường thấy - nó là một ý tưởng sáo mồn chỉ hữu ích trong những bí ẩn giết người kinh khủng và những bộ phim truyền hình - nhưng đôi khi nó vẫn xảy ra.

Đặc biệt là khi thủ phạm không phải những tên tội phạm chuyên nghiệp mà chỉ là lũ bệnh hoạn mà động cơ giết người bắt rễ từ những lệch lạc trong tâm thần hay cảm xúc, một thể loại khá giống với Nghi can 11-5.

Giả vờ lấy một đôi găng tay mới ở góc xa hơn trong xe tải, Sachs khẽ nhích tới chỗ một thanh tra mà cô biết là một cảnh sát sắc sảo và nhanh trí vừa mới được bổ nhiệm về đội Bắc Midtown. Nancy Simpson đang phụ trách kiểm soát đám đông và hướng dẫn thực khách ra khỏi phạm vi hiện trường trực tiếp trong lúc họ rời khỏi nhà hàng.

“Này,” cô bảo. “Nancy.”

“Lại là hấn à?” cô cảnh sát lăm bằm. Cô đang mặc chiếc áo khoác gió của NYPD, cổ áo kéo cao chống lại thời tiết. Sachs thích cái mũ nồi phong cách màu xanh đậm của cô.

“Có vẻ thế.”

“Làm khắp cả thành phố hoảng sợ,” Simpson bảo cô. “Các báo cáo về kẻ đột nhập vào tầng hầm tăng đến một trăm phần trăm. Không có cái nào là thật, nhưng chúng tôi vẫn phải gửi đội tuần tra đến. Làm tất cả căng ra.”

Cô nói thêm với một cái nháy mắt. “Và không ai dám đi giặt nữa. Vì sợ các phòng giặt quần áo.”

“Chúng ta có thể có một tình huống, Nancy.”

“Nói đi.”

“Đừng nhìn lại sau.”

“Tôi sẽ không nhìn. Tại sao?”

“Tôi chú ý đến một con cá. Một gã ở góc phố. Ngay tòa nhà này. Hắn mặc áo khoác, đội mũ bóng chày. Tôi muốn cô lại gần nhưng không nhìn vào hắn. Cô hiểu ý tôi là gì chứ?”

“Chắc chắn rồi. Tôi đã thấy ai đó. Ở ngoài phạm vi. Cũng thắc mắc.”

“Lại gần hắn. Rồi chặn hắn lại. Giữ súng sẵn sàng nhé. Có khả năng thấp đó chính là thủ phạm.”

“Kẻ đã làm vụ này ư?”

“Kẻ đã làm vụ này. Không chắc lắm, tôi nghĩ vậy. Nhưng cũng có thể.”

“Tôi nên lại gần theo kiểu gì?”

“Cô kiểm tra xe cộ, cô gọi điện thoại, ý tôi là giả vờ đang gọi điện.”

“Bắt không?”

“Ở thời điểm này chỉ cần xác định danh tính thôi. Tôi sẽ đến ngay sau cô. Tôi sẽ rút sẵn súng.”

“Cá. Tôi là môi hả.”

Sachs liếc sang bên. “Ôi chết tiệt. Hắn đi rồi.”

Nghi phạm, hay bất kể là ai đi nữa, đã biến mất sau góc tòa nhà nhôm kính, cao khoảng mười tầng nằm bên cạnh nhà hàng nơi Samantha Levine vừa ăn tối - trước chuyến đi định mệnh đến nhà vệ sinh.

“Tôi đi tìm đây,” Simpson nói. Cô chạy theo hướng gã kia vừa biến mất.

Sachs chạy đến trạm điều hành và bảo Bo Haumann rằng có một nghi phạm tiềm năng. Ngay lập tức anh ta điều động sáu cảnh sát ESU và các cảnh sát khác. Cô nhìn theo hướng Simpson. Từ cái cách cô ấy dừng lại và nhìn quanh, Sachs đoán nghi phạm đã biến mất.

Viên thanh tra quay người chạy lại chỗ Sachs và Haumann.

“Xin lỗi, Amelia. Hẳn đi mất rồi. Có thể là chui vào tòa nhà kia - tòa nhà đẹp đẽ ở góc phố ấy - hoặc nhảy lên một chiếc taxi.”

Haumann nói, “Chúng tôi sẽ lần theo. Chúng tôi đã có một bức ảnh chụp nghi phạm của các cô từ vụ án mạng hôm qua, hình ảnh trong bộ nhận dạng ấy.”

Cô tưởng tượng ra khuôn mặt cái kính kiểu Slav, ánh sáng kì quặc trong mắt hắt.

Đội trưởng ESU nói với những người anh ta đã gọi lại quanh mình.

“Triển khai. Đi tìm hắt. Và ai đó gọi đến đồn Nam Midtown đi. Tôi muốn có một đội di chuyển về phía tây xuống phố Năm mươi hai. Chúng ta sẽ bao vây hắt, nếu có thể.”

“Vâng, thưa sếp.”

Họ chạy đi.

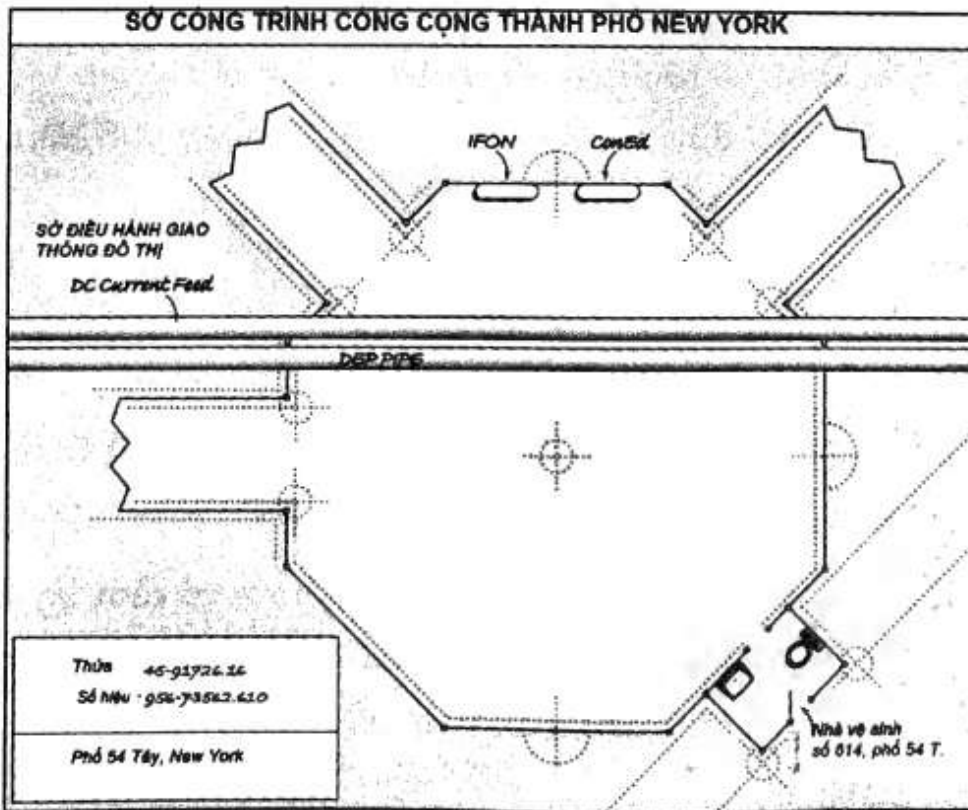
Dù muốn đi cùng họ đến mức nào - cô đã cân nhắc đến việc bàn giao hiện trường - Sachs vẫn phải mặc đồ để kẻ ô vuông.

Khi đã mặc xong xuôi, đi ủng và đội mũ, cô cầm lấy bộ thu thập chứng cứ và bắt đầu đi về phía cửa nhà hàng với một cái liếc nhìn lại cuối phố nơi con cá vừa bơi đi mất.

Cô biết ơn vì giống như ở hiện trường đầu tiên, cô đã không phải lôi những cột đèn halogen nặng nề xuống hiện trường án mạng; chúng đã được dựng sẵn và đang tỏa sáng rực rỡ.

Cảm ơn các anh, những cảnh sát đầu tiên đến hiện trường.

Cô nhìn xuống [bản đồ](#) từ dữ liệu về lòng đất New York của Rhyme để định hướng.



Có nhiều điểm tương đồng với hiện trường trước đó: ống nước, ống dẫn dây điện, những cái hộp vàng để biển IFON. Nhưng ở đây có một khác biệt lớn. Nơi này rộng hơn nhiều. Và cô có thể trèo thẳng xuống thông qua cửa nối với buồng vệ sinh. Không còn cái quan tài giỏ bánh mì hình trụ nào nữa.

Tạ ơn trời...

Từ những rào quây bằng gỗ cũ kĩ bao quanh sàn đất ở đây, cô đoán được nó đã từng là lối vận chuyển động vật tới và chuyển thịt đi từ những lò mổ đã từng hoạt động ở gần đây, trong Hell's Kitchen. Cô nhớ rằng thủ phạm có vẻ bị Kẻ tầm xương ảnh hưởng; tên sát nhân ấy cũng đã dùng một lò mổ cũ làm nơi nhốt một trong những nạn nhân của hắn - và hắn buộc cô ấy vào cọc trong lúc cô máu me đầm đìa để cô bị lũ chuột gặm sống.

Chắc chắn Nghi can 11-5 đã từng bước học theo sư phụ của hắn.

Cánh cửa thông trong phòng vệ sinh mở lối vào một khu vực có hình bát giác lớn, từ đó có ba đường hầm biến mất vào bóng tối.

Sachs bật công máy quay và loa lên. “Rhyme? Anh có đó không?”

“A, Sachs. Anh đang thắc mắc đây.”

“Có thể hắn đã lại quay lại. Như ở phố Elizabeth ấy.”

“Quay lại hiện trường à?”

“Hoặc chưa từng rời đi. Em trông thấy ai đó trên phố, giống lắm. Bo Haumann đang cho cảnh sát kiểm tra.”

“Có gì không?”

“Chưa.”

“Tại sao hắn lại quay lại nhỉ?” Rhyme thắc mắc. Không mong đợi câu trả lời nào.

Chiếc máy quay chìa về hướng cô đang nhìn - đầu kia của đường hầm tối mịt. Mặc dù vậy, trước khi quay sang cái xác, cô đã lỏng hai sợi dây chun vào ủng của mình và lần theo những dấu chân của nghi phạm dẫn xuống một trong ba đường hầm kia. Những dấu chân ấy cũng đã được lớp bao nhựa bảo vệ xóa mờ.

“Đó là cách hắn đi vào à? Anh không trông rõ lắm.”

“Có vẻ là lối đó, Rhyme. Em thấy có ít ánh sáng trước mắt.”

Thủ phạm đã chui vào từ ống cống. Đường hầm này, một trong ba lối ra khỏi căn hầm bát giác, dẫn đến một đường tàu - tuyến chạy về phía bắc từ Ga Penn. Lối vào gần như bị một đồng gạch vụn che lấp nhưng vẫn còn đủ



chỗ cho một người trèo qua. Nghi phạm chỉ việc đi bộ theo đường ray, từ một điểm nào đó gần đường cao tốc West Side, rồi gạt bớt đám gạch và tìm đường vào không gian hình bát giác nơi Samantha đã chết. Cô gọi điện đài cho Eagleston và cho chị biết về hiện trường tội ác thứ hai này - lối vào/ra.

Rồi Sachs quay lại trung tâm hình bát giác, nơi nạn nhân đang nằm. Cô nhìn lên và che mắt khỏi ánh sáng đèn halogen mà các nhân viên y tế đã sắp đặt. “Có thêm đèn pin này, Rhyme. Hẳn muốn đảm bảo chắc chắn không ai bỏ quên nạn nhân.”

Thông điệp từ nhà tài trợ của chúng ta...

Cũng như Chloe, Samantha bị còng tay và trói chân bằng băng dính. Cô cũng bị vén một phần quần áo - nhưng chỉ lộ mỗi bụng, nơi nghi phạm đã xăm hình cho cô. Một cuộc kiểm tra nhanh cho thấy ở đây cũng không có tiếp xúc nào về mặt tình dục. Quả thực cái cách hãn bỏ lại cả hai nạn nhân có gì đó chay tịnh một cách kì quặc. Cô nghĩ việc này còn ghê rợn hơn cả một tội ác tình dục thuần túy - bởi vì nó gợi đến bí ẩn còn chưa được khám phá trong vụ án này: Tại sao hãn lại làm việc này? Ít nhất cường dâm còn được xếp loại rồi. Còn việc này?

Cô nhìn xuống hình xăm.

Giọng của Rhyme thâm nhập vào sự tĩnh lặng, “bốn mươi”. Lại là chữ viết thường. Một phần của thông điệp. Lần này là số đếm, không phải số thứ tự “thứ bốn mươi”. “Tại sao?” Anh ngập ngừng nói tiếp, “Thôi, không có thời gian để đoán nữa. Vào việc thôi.”

Cô xử lí cái xác, cạo các đầu móng tay (lần này không có gì rõ ràng như với Chloe), lấy mẫu máu, dịch cơ thể và thứ có thể là chất độc rỉ ra từ những vết thương. Rồi cô quét người cô gái tìm dấu vân tay, mặc dù tất nhiên là hấn lại dùng găng tay.

Cô kẻ ô vuông, thu thập những dấu vết gần thi thể và các mẫu đất và chất ở xa chỗ đó để so sánh. Cô xem xét mặt đất. “Lại đeo bao giày. Không có dấu để giày nào.”

“Hấn đang đi một đôi giày mới,” Rhyme nói. “Chắc hấn hấn đã vứt đôi cũ rồi, đôi Bass cỡ mười một đã biết ấy. Giờ này chắc chúng đã nằm trong cái cống nào đấy ở khu Bronx rồi.”

Trong lúc kẻ ô vuông, cô để ý thấy có thứ gì đó nằm cạnh bức tường ở xa. Đầu tiên cô tưởng đó là một con chuột nằm nghiêng. Cái đống ấy không cử động nên cô đoán con vật đã gặm nhấm một chút da thịt Samantha, bị nhiễm độc và bò ra đó để chết.

Nhưng khi lại gần cô phát hiện ra không phải thế, đó là một cái túi.

“Tìm được túi xách của cô ấy rồi.”

“Tốt lắm. Có thể trên đó có dấu vết gì đấy.”

Cô nhặt cái túi da lên và thả nó vào một túi đựng bằng chứng.

Chiếc túi này cùng với tất cả những mẫu chất khác, cũng nằm trong túi nhựa hoặc túi giấy, được cô cất vào một khay đựng sữa.

Sachs dùng đèn ALS quét một lượt - cơ thể Samantha, mặt đất trong căn hầm hình bát giác, các đường hầm. Một lần nữa, Nghi can 11-5 đã cấu và

chọc vào da nạn nhân. Từ dấu ủng cô để ý thấy nghi phạm đã đi lên đi xuống đường hầm vài lần từ chỗ có đồng gạch, việc này có vẻ kì lạ nên cô kể với Rhyme. Có lẽ vì hần đã nghe thấy tiếng người thâm nhập, anh đoán.

Hay hần bỏ quên một thứ gì trong bộ đồ nghề ở miệng hầm. Cô chụp ảnh và cuối cùng quay lại với cánh cửa thông, lăm bầm tạ ơn vu vơ một lần nữa rằng cuộc tìm kiếm này không có vấn đề gì với chứng sợ chỗ kín nữa.

Khi đã ra ngoài, cô bàn giao cho các kỹ thuật viên CS, họ vừa kết thúc các hiện trường thứ cấp. Thanh tra Jean Eagleston báo cáo lại tin tức không có gì đáng ngạc nhiên là bất kì chuyển động nào của thủ phạm quanh các đường ray tàu và lối vào đường hầm từ bên ngoài đều đã bị cơn mưa và tuyết xóa sạch.

Ngoài giả thuyết về một cuộc vật lộn ngắn trong buồng vệ sinh nữ, không có dấu hiệu nào cho thấy hần đã chạm vào bất kì cái gì. Không có dấu ấn công cụ nào trong những lỗ ốc vít hần đã tháo ra để tiếp cận được buồng vệ sinh. Và cũng không có dấu chân nào, trừ hàng chục dấu giày của những người đã dùng nhà vệ sinh.

Cơn mưa tuyết tạo ra những tiếng thùm thụp khó chịu trên cái mũ mà cô đội, cô bảo Rhyme mình sẽ tắt máy quay vì sợ độ ẩm sẽ làm chập mạch chiếc máy có độ phân giải cao đắt tiền này.

Cô quay lại ô tô, điền bảng thứ tự bằng chứng cho từng vật phẩm thu được, làm việc bên dưới nắp ca pô để giữ cho cái bảng và các túi bằng chứng khô ráo. Lột bộ Tyvek ra và nhét nó vào một cái túi an ninh* trong xe tải khám nghiệm hiện trường, cô quay lại con phố, mặc áo khoác da của mình vào.

Loại túi thường được các cơ quan chính phủ dùng để đựng tài liệu/vật dụng bí mật sẽ bị đem đi đốt bỏ sau một khoảng thời gian.

Cô để ý thấy thanh tra Nancy Simpson đang nói chuyện với Bo Haumann. Những cảnh sát khác chạy theo chú cá kia đang rải rác quay lại.

Haumann xoa mái tóc cắt sát đầu của mình khi Sachs đi tới. “Không có gì. Không ai trông thấy hẳn. Nhưng...” Anh ta liếc nhìn bầu trời không lấy gì làm thân thiện. “Đêm nay không có nhiều người ra ngoài lắm.”

Cô gật đầu rồi quay sang chỗ Lon Sellitto, người đang nói chuyện với một nhóm người cùng độ tuổi với Samantha. Cô báo cho anh ta biết về cuộc truy đuổi - nghi phạm hoặc một kẻ tò mò vô can nào đó - cuộc truy đuổi thất bại. Anh nhận tin với một tiếng gừ bực bội, rồi cả hai quay sang những người khác, theo viên thanh tra đây chính là nhóm bạn cùng ăn tối với Samantha. Cô cũng đã đoán trước việc này dựa vào biểu cảm của họ.

“Tôi rất tiếc vì mất mát của các bạn,” Sachs nói. Khuôn mặt của một cô gái đang giàn giụa nước mắt - một đồng nghiệp. Người phụ nữ kia, một cô tóc vàng, trông có vẻ là người dễ dãi và đang khó chịu. Sachs đoán cô ta có mang ma túy trong ví. Nhưng mặc kệ.

Hai người đàn ông có vẻ giận dữ và cương quyết. Có vẻ như không ai trong hai người này là tình nhân của Samantha. Nhưng một người là bạn cùng phòng của cô; nỗi buồn lớn nhất trong bốn người đọng trong mắt cậu ta.

Cô và Sellitto đều thẩm vấn, và biết được một điều không có gì đáng ngạc nhiên là họ không hề biết Samantha Levine từng có kẻ thù nào. Cô làm việc công sở và chưa từng gặp rắc rối với luật pháp. Cũng không có vấn đề gì với các bạn trai cũ.

Thêm một cái chết ngẫu nhiên nữa. Theo cách nào đó, đây là thảm kịch đau buồn nhất trong mọi tội ác: những nạn nhân bị chọn ngẫu nhiên.

Và vì vậy đây cũng là những vụ án khó phá giải nhất.

Đúng lúc ấy, một người đàn ông trong bộ vest đắt tiền - không mang áo khoác - vội chạy lại chỗ họ, không màng gì đến mưa tuyết lẫn cái lạnh. Ông ta trạc ngũ tuần, da rám nắng, tóc cắt cẩn thận. Ông không cao nhưng khá đẹp trai và cơ thể vừa vặn.

“Ông Clevenger!” một trong hai cô gái kêu lên và ôm lấy ông ta. Đồng nghiệp của Samantha. Ông ta ôm chặt cô gái và chào những người khác trong nhóm của Samantha bằng một cái gật đầu buồn bã.

“Louise! Có đúng không? Tôi vừa mới nghe. Vừa nhận được một cuộc điện thoại. Có phải Samantha không? Cô ấy mất rồi ư?” Ông ta lùi lại và cô gái ông đang ôm nói. “Vâng, tôi không thể tin nổi. Cô ấy... Ý tôi là, cô ấy chết rồi.”

Người mới đến quay sang Sachs, cô hỏi, “Vậy là ông biết cô Levine?”

“Có, có. Cô ấy làm việc cho tôi. Cô ấy là... Mới mấy tiếng trước tôi còn nói chuyện với cô ấy. Chúng tôi đã có một cuộc họp... chỉ vừa mấy tiếng trước thôi.” Ông ta hất cằm về phía tòa nhà bóng bẩy bên cạnh nhà hàng.

“Đó. Tôi là Todd Clevenger.” Ông ta đưa cô một tấm danh thiếp. Hệ thống Cấp quang Quốc tế. Ông ta là chủ tịch kiêm CEO của công ty.

Sellitto hỏi, “Có lí do nào khiến ai đó muốn hại cô gái không? Có điều gì nhạy cảm trong công việc của cô ấy không? Điều gì có thể khiến cô ấy gặp nguy hiểm?”

“Không thể tưởng tượng được. Tất cả những gì chúng tôi làm là đặt cấp quang cho Internet băng thông rộng... chỉ là trong ngành viễn thông thôi.

Dù sao, cô ấy chưa bao giờ nói gì, đại loại như mình gặp nguy hiểm. Tôi không thể tưởng tượng được. Cô ấy là con người ngọt ngào nhất trần đời.

Thông minh. Thực sự thông minh.”

Cô gái tên Louise nói với Sachs, “Tôi đang nghĩ đến một chuyện. Cô gái bị giết ngày hôm nọ. Ở SoHo ấy. Có phải đều là tên điên này không?”

“Tôi không thể bình luận gì. Một cuộc điều tra đang được tiến hành.”

“Nhưng cô gái kia cũng bị giết dưới lòng đất mà. Đúng không? Trong một đường hầm. Nó còn lên cả tivi.”

Chàng trai trẻ gầy trơ xương có vẻ ngoài của một nghệ sĩ, người tự giới thiệu là Raoul, bạn cùng phòng của Samantha, nói, “Đúng rồi. Nó cùng một kiểu. Cô biết đấy, phương thức gây án ấy.”

Một lần nữa Sachs đánh trống lảng. Cô và Sellitto hỏi thêm vài câu nhưng họ đã nhanh chóng nhận ra những người này không giúp được gì hơn.

Sai địa điểm, sai thời gian.

Một nạn nhân bị chọn ngẫu hứng...

Rốt cuộc thì, trong những vụ án mà chỉ còn một mình nạn nhân với thủ phạm, không có nhân chứng nào, sự thật rồi sẽ phải được hé lộ thông qua các vật chứng.

Và đó cũng là thứ mà lúc này Sachs và các cảnh sát Khám nghiệm hiện trường khác đang cẩn thận đóng gói và đưa vào trong cốp chiếc xe Torino của cô.

Trong vòng năm phút cô đã tăng tốc trên đường quốc lộ Phía Tây, đèn xanh nhấp nháy điên cuồng trên tấp lô trong lúc cô lượn quanh những chiếc ô tô và xe tải - cuộc đua lượn qua chướng ngại vật này đa phần là do chức năng của chiếc động cơ mạnh mẽ và sự ham thích với vòng quay máy tốc độ cao của cô, hơn là do thời tiết khắc nghiệt.

Gần mười một giờ đêm Rhyme nghe tiếng Sachs đi vào sảnh trước, sự trở về của cô được báo hiệu bằng tiếng gió rít lên và lặng đi của cơn mưa tuyết.

“A, cuối cùng em cũng về.”

Cô bước vào phòng khách một phút sau đó, ôm theo một khay đựng sữa lớn có chứa hàng chục chiếc túi nhựa lẫn túi giấy. Cô gật đầu chào Mel Cooper, anh ta đang ngồi thừ ra vì mệt nhưng có vẻ vẫn sẵn sàng lao vào phân tích.

Rhyme hỏi ngay, “Sachs, em đã nói em nghĩ hẳn có thể lảng vảng quanh hiện trường?”

“Đúng vậy.”

“Vụ đó sao rồi?”

“Không tìm được gì. Bo đã cử sáu chàng trai và cô gái của đội ESU

chạy theo hẳn. Nhưng hẳn đi mất. Và em không nhìn rõ được người đó. Có thể không phải hẳn. Nhưng linh cảm của em nói rằng đó chính là hẳn.” Cô bật một tấm bản đồ Hell’s Kitchen trên màn hình máy tính chính và chỉ vào nhà hàng, Provence2, chỉ vào góc tòa nhà văn phòng. “Hẳn đã đi xuống đây nhưng, thấy không? Nó chỉ cách Quảng trường Thời đại có mấy dãy nhà thôi. Hẳn biến mất trong đám đông. Không chắc đó là hẳn nhưng sự trùng



hợp là quá lớn nên không thể bỏ qua hoàn toàn được. Hẳn có vẻ tò mò về cuộc điều tra; rốt cuộc, thủ phạm đã quay lại phố Elizabeth và nhìn lên em qua nắp cống còn gì.”

Mắt đối mắt...

“Thôi được, chuyển sang vật chứng đi. Chúng ta có gì, Sachs?”

Thom Reston cứng rắn nói, “Tìm ra cô ấy có gì, nhưng phải *nhANH LÊN*.”

Anh sắp phải đi ngủ, Lincoln. Hôm nay là một ngày dài.”

Rhyme cau mày. Nhưng anh cũng chấp nhận rằng công việc của người chăm sóc là giữ cho anh khỏe mạnh và còn sống. Người bị liệt tứ chi rất dễ gặp tổn thương với nhiều vấn đề đáng ngại, nguy hiểm nhất là tăng phản xạ tự phát - một sự gia tăng huyết áp do căng thẳng về thể chất. Người ta chưa biết rõ liệu sự kiệt sức có phải là nhân tố kích thích tình trạng đó không, nhưng Thom chưa bao giờ coi nhẹ bất kì điều gì.

“Rồi, rồi. Chỉ vài phút thôi.”

“Không có gì đặc biệt,” Sachs nói và hất cằm về phía thùng vật chứng.

Nhưng Rhyme nghĩ lại rằng hiếm khi nào họ có một khẩu súng pháo.

Công việc khám nghiệm hiện trường lúc nào cũng là tích tiểu thành đại. Và anh cảm thấy những phát hiện hiển nhiên lại thành đáng nghi một cách tự động; chúng có thể là những vật chứng bị cài cắm. Điều này hay xảy ra hơn người ta vẫn nghĩ.

Đầu tiên, Sachs bày những bức ảnh chụp hình xăm.

Bao quanh là hai đường viền hình vỏ sò mà TT Gordon bảo là rất đáng chú ý.

Điều này càng làm bản chất bí hiểm của dòng thông điệp thêm phần gây bức bối.

“Đầu tiên là ‘lần thứ hai’ rồi giờ lại là ‘bốn mươi’. Không có câu chữ gì sau chữ này nhưng một lần nữa, lại không có dấu má gì cả.”

Hắn đang nói cái quái gì nhỉ? Khoảng cách giữa hai và bốn mươi là ba mươi tám. Và tại sao lại chuyển từ số thứ tự sang số đếm? Rhyme ngẫm nghĩ, “Với tôi nghe như một nơi chốn, một dòng địa chỉ, GPS hoặc số kinh độ, vĩ độ vậy. Nhưng vẫn chưa đủ để đi tiếp.”

Anh thôi không đoán nữa mà trở lại với những bằng chứng cô thu thập được. Sachs chọn một cái túi và đưa nó cho Cooper. Anh ta lấy ra hai quả bóng bằng bông bên trong.

“Chất độc đấy,” Sachs nói. “Một mẫu đã được gửi tới văn phòng giám định pháp y nhưng tôi muốn biết trước. Đốt nó xem, Mel.”

Anh đưa vật liệu vào máy sắc phổ và vài phút sau đó đã có bảng khối phổ. “Nó là một hỗn hợp của atropine, hyoscyamine và scopolamine.”

Rhyme nhìn lên trần nhà. “Nó tới từ một loại cây nào đó... đúng rồi, đúng... Chết tiệt, tôi không nhớ là cây gì.”

Cooper gõ tập hợp nguyên liệu ấy vào dữ liệu chất độc và báo cáo lại sau một phút. “Kèn thiên thần: *Brugmansia*.”

“Đúng rồi,” Rhyme kêu lên. “Tất nhiên là nó rồi. Nhưng tôi không biết chi tiết.”

Cooper giải thích rằng nó là một loài cây Nam Mỹ, rất phổ biến trong giới tội phạm ở Colombia, bọn họ gọi nó là hơi thở của quỷ. Họ thổi nó vào mặt nạn nhân và chất độc gây mê, gây tê liệt ấy sẽ khiến kẻ đó bất tỉnh, hoặc nếu vẫn còn tỉnh thì không có khả năng kháng cự kẻ tấn công mình.

Với đúng liều lượng như với Samantha Levine, chất độc có thể gây ra cái chết trong vòng vài phút.

Trùng hợp thay, đúng lúc ấy chuông điện thoại bàn trong phòng khách reo vang: văn phòng pháp y.

Cooper nhướng một bên lông mày và nhìn sang chỗ Sachs. “Chắc là một đêm ít việc. Hoặc cô đã dọa cho họ phải ưu tiên chúng ta trước, Amelia.”

Rhyme biết câu trả lời là về nào.

Nhân viên phòng khám nghiệm pháp y, qua điện thoại, đã xác nhận hơi thở của quý chính là chất độc đã được dùng trên bụng Samantha Levine trong thông điệp bằng hình xăm. Anh ta nói thêm rằng nó là phiên bản cô đặc của chất độc này. Và trong máu cô gái còn cả dư chất propofol. Cooper cảm ơn anh ta.

Sachs và kỹ thuật viên tiếp tục nghiên cứu các dấu vết khác cô đã thu được. Mặc dù lần này họ không tìm thấy điểm khác biệt với các mẫu so sánh, điều đó có nghĩa những vết tích tìm được trên cơ thể cô gái và nơi nghi phạm đã bước đi trong hiện trường tội ác không phải do hãn mang vào; tất cả chúng đều là những chất có sẵn trong bãi quây lò mồi cũ dưới lòng đất.

Đến lượt mình, nó có nghĩa rằng những chất ấy không dẫn tới nơi thủ phạm có thể từng đến.

“Cũng tức là,” [Rhyme lẩm bẩm](#), [“hoàn toàn vô dụng.”](#)*

Rhyme nói bằng tiếng La tinh.

Cuối cùng, Sachs cầm cái kẹp thức ăn để gắp lên chiếc túi có chứa vật mà Rhyme thấy giống như một chiếc túi của phụ nữ. “Lúc đầu em còn tưởng nó là chuột. Anh biết đấy, tại màu nâu. Còn cái quai đeo là đuôi. Cần thận nhé. Có một cái bẫy bên trong đó.” Một cái liếc mắt vào Cooper.

“Sao cơ?” Rhyme hỏi.

Cô giải thích, “Nó nằm yên một chỗ ở cách thi thể Samantha khoảng ba mét. Cảm giác có gì không đúng lắm ở đó. Em đã nhìn kỹ và trông thấy một mũi kim thò ra ngoài. Rất nhỏ. Em đã dùng phóc-xép để thu lấy cái túi.”

Sachs nói thêm rằng cô đã cố tình để ý tìm bẫy nhờ nhà tâm lí học của NYPD, Terry Dobyns đã kể với họ có thể thủ phạm sẽ bắt đầu nhắm đến kẻ truy đuổi hãn.

“Xảo quyết thật đấy,” Cooper nói trong lúc đeo một cái kính lúp vào để xem xét cây kim. “Kim dưới da. Tôi nghĩ là loại ba mươi gauge. Rất nhỏ.

Bên trong có chất gì màu trắng.”

Rhyme đẩy xe lại gần và nhìn vào; cặp mắt tinh tường của anh có thể nhận ra một đốm trắng nhỏ xíu móc gài.

Cooper chọn một cái kẹp cầm máu rồi cẩn thận nhấc cái túi ra khỏi túi đựng.

“Kiểm tra chất nổ ấy,” Rhyme nói. Nó không phải là phương thức của nghi phạm nhưng cẩn thận không bao giờ là thừa.

Bản phân tích báo âm tính sau đó. Tuy nhiên Cooper vẫn quyết định cho cái túi xách vào một hộp chứa và dùng cánh tay máy để mở nó ra, đề phòng khả năng nó còn giấu một cái bẫy nào đó có thể xịt sương độc vào người mở nó.

Nhưng không, mũi kim là cái bẫy duy nhất. Những thứ đựng trong túi rất tầm thường, dù có đáng buồn, chúng là bằng chứng của một sinh mạng giờ đây đã vụn tắt: một thẻ thành viên câu lạc bộ sức khỏe, một bức thư cảm ơn vì đã quyên góp cho chương trình ung thư vú, một thẻ giảm giá của nhà hàng ở Midtown. Ảnh trẻ con - có vẻ như các cháu trai, cháu gái.

Còn về cái bẫy treo, Cooper cẩn trọng lôi cái kim ra.

“Nó rất nhỏ,” Rhyme nói. “Chúng ta có thể suy được gì từ đó?”

Cooper nói, “Có thể dùng để truyền insulin nhưng loại này hầu hết là cho các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ.”

Rhyme nhắc lại, “Hãn cũng có propofol đấy. Một chất gây mê nói chung. Có thể là hãn đang dự định làm phẫu thuật thẩm mỹ như một phần của kế hoạch thoát thân. Dù cũng có thể hãn chỉ đột nhập vào một nhà kho y tế và ăn cắp

những thứ mình cần. Sachs, em kiểm tra xem có báo cáo nào liên quan trong tháng trước hoặc quanh khu vực không.” Cô bước đi để gọi xuống trung tâm, yêu cầu kiểm tra NCIC. Rhyme nói tiếp, “Nhưng nói thêm vào trọng điểm - xin lỗi vì cách dùng từ - cụ thể cây kim đó như thế nào? Có gì trong món quà nhỏ của hắn dành cho chúng ta? Lại thêm kèn thiên thần à?”

Cooper cho chạy mẫu vật. Một lát sau anh ta đọc kết quả. “Không. Nó còn tệ hơn. Tôi không nên nói tệ hơn. Đó là một phán đoán định tính. Tôi sẽ chỉ nói rằng nó còn hiệu quả hơn.”

“Nghĩa là chết chóc hơn à?” Rhyme hỏi.

“Hơn nhiều. Strychnine.” Cooper giải thích: Chất độc có trong *Strychnos*, một chi thực vật và bụi dây leo. Chất này được dùng phổ biến làm thuốc diệt sâu bọ. Nó đã từng là loại vũ khí giết người thường thấy từ một thế kỉ trước nhưng giờ thì ít hơn bởi nó rất dễ bị lẫn ra. Strychnine là loại độc tố gây ra đau đớn mạnh nhất trong tất cả các loại độc.

“Chỗ này không đủ để giết một người trưởng thành,” Cooper nói.

“Nhưng nó sẽ làm nạn nhân nằm liệt giường nhiều tuần liền và có thể gây tổn thương não.”

Mặc dù vậy, mặt tích cực trên phương diện điều tra là chất độc này vẫn được buôn bán thông thường như một loại thuốc diệt sâu bọ. Rhyme nhắc điều này với Sachs và Cooper.

“Tôi sẽ xem chúng ta có thể tìm được nhà cung cấp thương mại nào không,” kỹ thuật viên nói. “Họ phải giữ lại hồ sơ bán hàng của chất độc.”

Cooper nhìn vào máy tính và cau mày. “Có hàng chục nguồn. Các cửa hàng vật lí. Và tất cả những gì hắn cần chỉ là một cái chứng minh thư giả.

Trả tiền mặt. Không có dấu vết.”

Trong thế giới khoa học pháp y, quá nhiều lựa chọn cũng bằng với quá ít.

Sachs nhận được một cuộc gọi sau một hồi lắng nghe, cô cảm ơn người bên kia đầu dây và cúp máy. “Không có báo cáo trộm cắp thuốc hay các vật phẩm y tế hay nguồn cung nào trong khu vực trong vòng ba mươi ngày vừa qua, trừ mấy gã chơi đá hay điên khùng cướp cửa hàng thuốc; tất cả bọn họ đều đã bị bắt. Không có propofol bị mất.”

Thom xuất hiện trên ngưỡng cửa.

“Ai chà, mặt mũi cau có thế.”

“Sắp nửa đêm rồi, Lincoln. Anh phải đi ngủ.”

“Được rồi, anh bạn, được rồi.” Rồi Rhyme quay sang nói với Cooper, “Cẩn thận đấy, Mel. Không có lí do gì để hẳn biết anh đang tham gia vụ này, nhưng vẫn nên cẩn thận. Sachs, nhắc cho Lon và Pulaski và bảo họ như vậy nhé.” Một cái liếc mắt vào bảng khối phổ strychnine. “Giờ chúng ta đã là mục tiêu rồi. Hẳn đã tuyên bố khai chiến.”

Cô gửi tin nhắn cho hai cảnh sát rồi bước sang một tấm bảng trắng trơn, viết lên đó những bằng chứng cũng như thông tin mà cô và Lon Sellitto đã biết về nạn nhân.

614 phố 54 T.

- Nạn nhân: Samantha Levine, 32

- Làm việc cho Mạng lưới Cáp quang Quốc tế – Có thể không có liên hệ gì với Nghi can – Không bị tấn công tình dục, nhưng bị chạm vào da • Nghi can 11-5

- Xem chi tiết từ các vụ án trước – Có thể đã quay lại hiện trường • Không ai trông thấy – Không có dấu vân tay – Không dấu giày • COD: Đầu độc bằng Brugmansia, tiêm vào cơ thể qua hình xăm – Kèn thiên thần, hơi thở của quỷ – Atropine, hyoscyamine, scopolamine • Hình xăm:

- “bốn mươi” viên bằng hai đường hình vỏ sò – Tại sao lại là số đếm?

- Bị khống chế bằng propofol – Có được bằng cách nào? Tiếp cận với nguồn cung y tế? (Không có vụ trộm cắp nào trong khu vực)

- Địa điểm – Bị bắt cóc từ phòng vệ sinh trong nhà hàng Provence2, dưới tầng hầm – Địa điểm giết người là bên dưới nhà vệ sinh, trong khu vực bãi quây của lò mổ ngầm dưới lòng đất có từ thế kỉ 19

– Cơ sở hạ tầng tương tự hiện trường trước đó:

- IFON

- ConEd router • Đường điện một chiều của Sở điều hành giao thông đô thị • Ống của Sở bảo vệ môi trường.

- Đèn pin – Loại thường, không tra được rõ nguồn • Còng tay – Loại thường, không tra được rõ nguồn • Băng dính – Loại thường, không tra được rõ nguồn • Không có dấu vết • Chiếc túi xách bị bỏ lại để làm bẫy – Kim dưới da dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ – Strychnine trong mũi tiêm • Không xác định được nguồn • Có thể không đủ lượng giết người Rhyme nhìn lên từng dòng rồi nhún vai. “Nó cũng bí hiểm chẳng kém gì thông điệp hãn đang truyền tải.”

Thom nói, “Muộn lắm rồi.”

“Được rồi, cậu thắng.”

Cooper mặc áo khoác vào và nói tạm biệt.

“Sachs?” Rhyme hỏi. “Em có lên gác không?”

Cô quay sang từ tấm bảng và đang nhìn chăm chú vào những cành cây gãy guộc, phủ băng tuyết ngoài cửa sổ đang oằn mình dưới cơn gió không ngừng nghỉ.

“Sao cơ?” có vẻ như cô không nghe.

“Em có đi ngủ không?”

“Mấy phút nữa em lên.”

Thom trèo lên gác còn Rhyme đẩy xe đến chỗ chiếc thang máy sẽ mang anh lên tầng hai. Khi đã lên gác, anh đẩy xe vào phòng ngủ. Mặc dù vậy anh vẫn nghiêng đầu lắng nghe. Sachs đang gọi điện, cô nói khẽ nhưng anh vẫn có thể nghe được lời cô nói.

“Pam, chào, chị đây... Hi vọng em có kiểm tra lời nhắn. Chị rất muốn nói chuyện. Gọi điện cho chị nhé. Được rồi, yêu em. Tạm biệt.”

Rhyme tin rằng đó đã là cuộc gọi lần thứ ba trong hôm nay.

Nghe tiếng bàn chân cô đặt lên cầu thang anh lập tức đẩy xe vào phòng ngủ và bắt chuyện với Thom - việc này chắc hẳn là điều kinh ngạc với viên trợ tá, nhất là khi Rhyme lại không tập trung gì vào lời mình; anh chỉ đơn giản muốn Sachs không biết mình vừa nghe được lời cầu xin của cô với Pam Willoughby.

Sachs đã lên đến đỉnh cầu thang và đi vào phòng ngủ. Rhyme đang nghĩ khi những người là tâm điểm trong cuộc sống chúng ta bỗng trở nên dễ bị tổn thương thì ta sẽ lo lắng nhường nào. Và tệ hơn thế nữa khi họ giấu nó dưới những nụ cười cứng ngắc, như Sachs đang làm lúc này.

Cô nhìn thấy ánh mắt anh và hỏi, “Sao thế?”

Rhyme ứng biến. “Chỉ đang nghĩ thôi. Anh đang có cảm tưởng ngày mai chúng ta sẽ bắt được hãn.”

Anh chờ đợi cô tỏ ra khó tin và nói điều gì đó đại loại như, “*Anh ư? Có cảm tưởng ư?*”

Nhưng thay vào đó cô chỉ liếc nhanh màn hình điện thoại của mình, nhét nó vào túi và nói trong lúc mắt vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ. “Có thể chứ, Rhyme. Có thể lắm.”

III. CON RẾT MÀU ĐỎ

THỨ NĂM, NGÀY BẢY THÁNG MƯỜI MỘT.

CHÍN GIỜ SÁNG.

Mồ hôi đầm đìa, rên rỉ thành tiếng, Billy Haven tỉnh giấc khỏi cơn ác mộng.

Liên quan đến Phòng Trúc đào.

Mặc dù mọi giấc mơ có bối cảnh nơi đó - và hẳn có rất nhiều giấc mơ như vậy - nhìn chung đều rất khó khăn.

Giấc mơ này đặc biệt đáng sợ bởi có sự hiện diện của cha mẹ hẳn, mặc dù họ đã chết trước đó được mấy năm khi hẳn bước chân vào Phòng Trúc đào lần đầu tiên. Có lẽ họ là hồn ma nhưng trông họ rất thật. Hiện thực kì quặc của những giấc mơ không có thật.

Mẹ hẳn đang nhìn chăm chăm vào việc hẳn làm và bà hét lên, “Không, không, không! Dừng lại, dừng lại!”

Nhưng Billy chỉ cười trấn an bảo, “Không sao đâu,” kể cả khi hẳn biết rằng có sao. Chẳng có gì ổn ở đây cả. Rồi hẳn nhận ra lời trấn an không có nghĩa lí gì vì mẹ không thể nghe được lời hẳn. Điều đó làm nụ cười biến mất và hẳn cảm thấy khổ sở.

Cha hẳn thì chỉ lắc đầu, thất vọng trước việc ông đang chứng kiến. Thất vọng cùng cực. Điều này cũng làm Billy buồn bực.

Nhưng sự tham dự của họ trong giấc mơ là hợp lí, khi hẳn nghĩ lại: Cha mẹ hẳn đã chết và chết trong một bể máu me.

Hoàn hảo, hợp lí một cách đáng sợ.

Billy đã ngửi thấy máu, nhìn thấy máu, ném vụn máu. Xăm mình tạm thời bằng máu. Việc đó xảy ra cả trong giấc mơ và ngoài đời thật trong Phòng Trúc đào. Vẽ lên da hẳn như cách người ta vẫn làm trong những nền văn hóa cấm xăm hình.

Billy hất tấm chăn và ngồi dậy, thả chân đùng đưa xuống sàn nhà lạnh cóng. Hắn dùng một chiếc gối để lau mồ hôi trên trán và tưởng tượng lại tất cả bọn họ: Cô gái Đáng yêu và cha mẹ hắn.

Hắn liếc xuống hai hình xăm trên đùi mình. Bên trái: *ELA*

Và bên kia:

LIAM

Hai cái tên hắn tự hào mang theo mình. Tự hào được mang mãi mãi. Họ đại diện cho một khoảng trống lớn trong đời hắn. Nhưng khoảng trống ấy sẽ nhanh chóng được khép lại. Một điều sai trái chẳng bao lâu nữa sẽ được sửa cho đúng.

Những điều răn tu chính...

Hắn nhìn lên phần còn lại trên người mình.

Nhìn chung Billy Haven không có hình xăm lớn, đó là một điều kì lạ với kẻ chủ yếu kiếm tiền với tư cách là một nghệ sĩ xăm mình. Hầu hết các thợ xăm bị hút vào nghề này là vì họ yêu thích những điều chỉnh trên cơ thể, thậm chí bị ám ảnh với mũi kim, sức quyến rũ của chiếc máy. Nhiều hơn. Cho tôi thêm nữa. Và họ thường trở nên buồn bực với những phần da chưa được xăm ngày càng hẹp lại trên cơ thể mình và muốn lấp đầy những chỗ đó với nhiều hình hơn.

Nhưng Billy không như vậy. Có lẽ hắn giống như Michelangelo. Vị bậc thầy thích hội họa nhưng đặc biệt không thích được vẽ lên người mình.

Từ đầu ngón tay này đến đầu ngón tay kia...

Sự thực là Billy không muốn làm thợ xăm hình gì cả. Đó chỉ là một nghề tạm bợ giúp hắn vượt qua được trường đại học. Nhưng hắn phát hiện ra mình thích nghề này và trong một khu vực khi mà những nghệ sĩ dùng bút và cọ phải chật vật kiếm sống, nghệ sĩ xăm lại sống khá ổn. Vậy là hắn gạt

sang bên cái bảng cử nhân có phần vô dụng rồi mở một cửa hàng trong trung tâm thương mại và kiếm được khá nhiều tiền với những Mẫu của Billy.

Hắn lại nhìn xuống hai đùi.

ELA LIAM

Rồi hắn liếc sang cánh tay trái. Con rết màu đỏ.

Sinh vật này dài khoảng bốn mươi lăm centimet. Phần đuôi của nó bắt nguồn từ giữa bắp tay hắn và uốn lượn theo hình chữ S lười biếng lên tới mu bàn tay, chỗ có đầu của con vật - cái đầu có khuôn mặt người với đủ cả môi, cặp mắt thấu hiểu, một cái mũi, một cái miệng vòng quanh những chiếc răng nanh.

Theo truyền thống, con người xăm hình thú vật lên cơ thể vì hai lí do: để mô phỏng những đức tính của sinh vật đó, như sự dũng cảm của sư tử hay sự khéo léo của loài báo. Hay dùng nó làm một biểu tượng để bảo vệ họ khỏi những nguy hiểm của một loài thú dữ nào đó.

Billy không biết nhiều về tâm lí học nhưng hắn biết, giữa hai lí do trên, chính lí do đầu tiên đã khiến hắn chọn sinh vật này để trang trí trên cánh tay mình.

Mặc dù vậy, tất cả những gì hắn biết là nó mang lại cho hắn sự an ủi.

Hắn mặc quần áo và thu xếp đồ nghề rồi dùng một cây lăn lông chó mèo để lăn khắp quần áo, tóc và cơ thể mình vài lần.

Đồng hồ đeo tay của hắn rung lên. Rồi chiếc đồng hồ trong túi quần cũng tạo ra tiếng vang tương tự vài giây sau đó.

Đã đến lúc đi săn một lần nữa.

Được rồi. Rắc rối phết đấy.

Billy đang đứng trong một đường hầm yên tĩnh, mờ tối bên dưới Mé Đông của Midtown, lần mò tới chỗ hắt định xăm hình tiền nạn nhân mới xuống địa ngục.

Nhưng đường đi của hắt đã bị chặn lại.

Hắt biết hồi thế kỉ mười chín, đường hầm này có chứa một nhánh phụ đường kính nhỏ, nối một nhà máy với ga tàu quanh Phố 44. Nó là một cấu trúc đẹp đẽ, gồm những bức tường gạch phẳng lì và mái vòm sang trọng, vắng bóng chuột bọ và rêu phong một cách đáng kinh ngạc. Những cột nối và đường ray đã không còn nhưng lối thông của di sản giao thông vẫn hiện hữu: Cách đó chỉ vài tòa nhà, Billy có thể nghe tiếng những con tàu lao đi hai hướng bắc nam từ Nhà ga Trung tâm. Bạn cũng có thể nghe được tiếng tàu điện ngầm. Cả trên đầu lẫn dưới lòng đất. Vài đoàn tàu gần đến mức làm bụi rơi xuống.

Đáng lẽ đường hầm này sẽ dẫn hắt tới rất gần với nạn nhân tiếp theo -

nếu không phải vì vài công nhân vô ý thức nào đó, những kẻ đã bịt mất lối vào chỉ trong vòng có hai mươi tư giờ qua, một công việc xây dựng mà Billy đã không dự tính được.

Một rắc rối...

Hắt nhìn kĩ lối đi thông tối mù, chỉ có ánh sáng lọt xuống từ những đoạn lưới chặn rác và những nắp cống lệch. Từ những kẽ nứt ở vài tòa nhà quanh đó nữa. Làm thế nào để đi vòng qua bức tường mà không phải trèo lên trên mặt đất? Người đàn ông dưới hầm thì phải ở dưới lòng đất chứ.

Đi bộ thêm khoảng năm mươi mét nữa, Billy để ý thấy một cái thang bằng thanh sắt uốn hình chữ U cắm vào tường gạch. Bậc thang dẫn lên trên khoảng ba mét, tới một lối vào nhỏ hơn trông như nó sẽ vượt qua được rào cản. Hắt cởi ba lô ra và đi đến chỗ cái thang. Trèo lên và nhìn ghé vào trong. Đúng, có vẻ như nó dẫn đến một đường hầm khác to hơn, có thể đưa hắt đến nơi hắt muốn đi.

Hắn bước xuống sàn để nhặt ba lô và tiếp tục hành trình.

Đúng lúc đó, một người đàn ông bỗng đâu xuất hiện.

Hình người trong bóng tối lao vào hắn, choàng tay siết hắn trong gọng kìm thép và gí người hắn vào bức tường đường hầm.

Chúa ơi, Billy cầu nguyện. Cứu con, Chúa ơi...

Hai bàn tay hắn run lên, tim đập mạnh vì bị sốc.

Gã kia nhìn hắn khắp lượt. Gã to cao bằng cỡ Billy và cũng cùng độ tuổi nhưng rất khỏe. Khỏe đến kinh ngạc. Gã bốc mùi, một thứ mùi hỗn hợp của da và lông tóc người lâu ngày không tắm, cộng với mùi dầu trên đường phố. Quần bò, hai cái áo sơ mi Housing Works, màu trắng và màu xanh nhạt. Một cái áo khoác thể thao kẻ sọc tả tơi, lúc đầu chắc là chất lượng tốt, bị ăn cắp hoặc lôi lên từ một thùng Dumpster trong khu dân cư cao cấp nào đó. Người đàn ông có mái tóc rối bời nhưng râu ria thì lại sạch bóng, rất kì lạ. Đôi mắt sẫm màu của gã nhỏ xíu, híp lại và giận dữ. Billy ngay lập tức nghĩ đến Bác sĩ Moreau.

Người gấu...

“Tòa nhà của tao. Đây, đây là tòa nhà của tao. Mà mày đang ở trong tòa nhà của tao. Tại sao mày lại vào tòa nhà của tao?” Đôi mắt của kẻ đi săn đảo vòng quanh.

Billy cố giật người ra nhưng phải dừng phắt lại khi Người gấu bật mở một con dao lưỡi thẳng rất chuyên nghiệp và chạm cái gờ sắc lấp lánh vào cổ họng hắn.

“Cẩn thận đấy. Làm ơn.” Billy thì thào mấy lời đó. Hay cả những lời khác nữa. Hắn không chắc lắm.

“Tòa nhà của tao,” Người gấu đang nhắc lại, rõ ràng không có ý định cẩn thận gì hết. Lưỡi dao cạo vào lớp râu mọc trên cổ họng hắn. Billy thấy nó nghe giống như âm thanh sóng radio trên ô tô vậy.

“Mày,” người đàn ông gầm gừ.

Hắn lại nghĩ đến cha mẹ, bà cô, ông chú và những người họ hàng khác.

Tất nhiên cả Cô gái Đáng yêu nữa.

Hắn sắp chết, lại còn chết như thế này ư? Hoài phí, thảm thương.

Cái siết tay chặt thêm. “Mày có phải thằng đó không? Tao cá là mày.

Còn là ai khác được nữa chứ, tất nhiên? Tất nhiên rồi.”

Hắn biết phải phản ứng sao đây?

Thứ nhất là không cử động. Billy cảm nhận được nếu hắn làm vậy, hắn sẽ thấy một cơn đau buốt ngay dưới cằm và choáng váng sau cú cửa dao, khi máu cứ phun ra mãi. Rồi hắn sẽ không còn cảm nhận được gì nữa cả.

Billy nói, “Nghe này, tôi ở bên thành phố. Tôi làm việc cho thành phố.”

Hắn gật gật đầu chỉ vào bộ quần áo bảo hộ. “Tôi không ở đây để quấy rầy anh. Tôi chỉ đang làm việc của mình thôi.”

“Mày không phải nhà báo à?”

“Bên thành phố,” hắn lặp lại, gõ vào bộ đồ bảo hộ - hết sức cẩn thận và chỉ bằng một ngón tay. Rồi hắn mạo hiểm nói. “Tôi ghét tụi phóng viên lắm.”

Câu đó dường như là một lời trấn an Người gấu, mặc dù gã vẫn không rời lỏng tay máy. Lưỡi dao vẫn còn được nắm chắc trong một bàn tay to lớn, bản thủ. Bàn tay kia tiếp tục ấn người Billy vào tường của đường hầm một cách đau đớn.

“Julian à?” Người gấu hỏi.

“Cái gì cơ?”

“Julian?”

Cứ như cái tên ấy là một mật mã và Billy phải đáp lại với một mật khẩu tương ứng. Nếu nói sai hẵn sẽ mất đầu. Hai lòng bàn tay hẵn vã mồ hôi.

Hắn trả lời vòng vo. “Không, tôi không phải Julian.”

“Không, không, không. Mà có *biết* Julian Savitch không?” Bực mình vì Billy không hiểu.

“Không.”

Người gấu nghi ngờ hỏi, “Không, không à? Hẵn viết cuốn sách ấy mà.”

“À, tôi không biết ông ta. Thật đấy.”

Một cái nhìn ghé sát vào mặt Billy. “Nó viết về tao. Không chỉ về tao.

Tất cả chúng tao. Tao có một cuốn. Tao có hẵn một cuốn có chữ kí. Ai đó bên thành phố...” Gã chọc vào logo trên bộ quần áo bảo hộ. “*Kẻ nào đó* trên thành phố đã mang hẵn xuống đây. Mang hẵn vào tòa nhà của chúng tao. Đây. Tòa nhà *của tao*. Mà đã làm việc đó hả?”

“Tôi không... không, thậm chí tôi còn không biết...”

“Luật nói rằng tao có thể cắt mày nếu tao cảm thấy đang gặp nguy hiểm và bồi thẩm đoàn sẽ tin là tao thực sự thấy mình gặp nguy. Không có nghĩa là *tao* thực sự gặp nguy hiểm gì đâu. Mà là nếu tao *cảm thấy* tao đang gặp

nguy hiểm. Thấy sự khác biệt không? Đó là tất cả những gì tao cần. Và mày sẽ chết, anh bạn ạ.”

Lời lẽ của gã nhú vào nhau, lập bập, như những toa tàu trên một đoàn tàu chở hàng gặp phanh gấp.

Billy điềm tỉnh hỏi, “Tên anh là gì?”

“Nathan.”

“Làm ơn đi, Nathan.” Rồi hắn im bặt khi lưỡi dao lại cạo vào cổ họng hắn.

Roạt, roạt...

“Anh sống dưới này à?” hắn hỏi Người gấu.

“Julian đã nói những điều tồi tệ về chúng tao. Hắn gọi chúng tao bằng cái tên đó.”

“Tên?”

“Cái tên chúng tao không *thích*! Mày có phải là người đã cử hắn xuống đây không? Ai đó trên thành phố đã làm. Khi tao tìm ra thằng đó tao sẽ giết hắn. Hắn gọi chúng tao bằng cái tên đó.”

“Tên gì?” Billy nghĩ đây là một câu hỏi hợp lí và hắn sẽ không kích thích cơn giận dữ của Người gấu vì nêu ra vấn đề, rõ ràng là một vấn đề nhạy cảm.

Người gấu quát “‘Người chuột chũi.’ Trong cuốn sách của hắn. Viết về những người sống dưới này như chúng tao. Chúng tao có cả ngàn người.

Chủ yếu là dân vô gia cư. Chúng tao sống trong các đường hầm và đường tàu điện ngầm. Hắn gọi chúng tao là Người chuột chũi. Chúng tao không thích thế.”

“Ai thích cơ chứ?” Billy hỏi. “Không, tôi không dẫn bất kì ai xuống đây cả. Và tôi không biết ai là Julian.”

Lưỡi dao sáng bóng, ngay cả dưới ngọn đèn mờ tối, nó vẫn được giữ cẩn thận. Nó là báu vật của Người gấu, và Billy hiểu ra bộ râu nhẵn nhụi, không thường thấy ở những người vô gia cư, hẳn đoán vậy.

“Chúng tao không thích cái tên đó, không thích bị gọi thế, chuột chũi,”

Người gấu lặp lại cứ như gã đã quên mất mình vừa mới nói gì. “Tao cũng là người như mày và tao.”

Câu nói chẳng ra đầu ra đũa gì. Nhưng Billy vẫn gật đầu đồng ý trong lúc nghĩ mình sắp nôn. “Chắc chắn rồi. Tôi không biết Julian, Nathan ạ. Tôi chỉ ở đây để kiểm tra các đường hầm. Vì lí do an toàn, anh biết đấy.”

Người gấu nhìn chăm chăm. “Chắc chắn là mày nói thế nhưng sao tao nên tin mày chứ tại sao tại sao tại sao?” Lời lẽ của gã lại nhú vào nhau như một tiếng gừ.

“Anh không cần phải tin tôi. Nhưng nó là sự thật.”

Billy nghĩ hẳn thực sự sắp chết. Hẳn nghĩ đến những người hẳn yêu thương.

ELA

LIAM

Hắn thầm cầu nguyện.

Người gấu - không - Người chuột chũi tóm chặt Billy hơn. Lưỡi dao vẫn kề cổ. “Mày biết đấy, vài người trong chúng tao có *chọn* sống ở đây đâu. Chúng tao không *muốn* sống ở đây. Mày không nghĩ vậy à? Chúng tao cũng muốn có cái nhà trên Westchester lắm chứ. Vài người trong chúng tao cũng muốn ngủ với con vợ vào mỗi tối thứ Năm và đưa nó đi thăm bố mẹ vợ vào những ngày xuân đẹp trời lắm chứ. Nhưng mọi thứ không phải lúc nào cũng diễn ra như kế hoạch, đúng chưa?”

“Không, chúng không theo kế hoạch, Nathan ạ. Chắc chắn là không.”

Và trong lúc tuyệt vọng mong muốn xây dựng một mối liên kết giữa hai người, Billy suýt chút nữa là kể cho Người gấu nghe về thảm kịch đã xảy ra với cha mẹ của hắn và Cô gái Đáng yêu. Bạn không cần đến một Điều răn sửa đổi để nhắc nhở mình đừng làm những việc ngu ngốc. “Tôi sẽ không giúp gã nhà văn nào viết về các anh. Tôi ở đây để đảm bảo những đường hầm này không sụp xuống và không có chỗ nào bị rò nước hay khí ga.” Hắn chỉ tay lên đám ống chạy dọc theo trần đường hầm.

“Cái gì đó?” Nathan đang kéo tay áo Billy xuống. Gã đang nhìn chăm chăm vào con rết với biểu cảm như đứa trẻ.

“Một hình xăm.”

“Ái chà chà. Nó khá đẹp đấy. Khá giỏi.” Lưỡi dao thả xuống. Nhưng không được gập lại Chúa ơi, bàn tay Nathan to thật.

“Đó là sở thích của tôi.”

“Mày làm đấy à? Mày tự làm đấy à?”

“Ừ, tôi làm đấy. Không khó lắm đâu. Anh thích chứ?”

Nathan thừa nhận, “Tao nghĩ là tao có đấy.”

“Tôi có thể xăm cho anh, Nathan. Nếu tôi làm thế anh có chịu cắt lưỡi dao khỏi cổ họng tôi không?”

“Hình xăm kiểu gì?”

“Bất kì hình gì anh thích.”

“Tao sẽ không đi lên đâu.” Gã nói điều này như thể Billy vừa mới gợi ý cả hai chạy qua lối lò phản ứng hạt nhân đang tan chảy vậy.

“Không, tôi có thể làm ngay tại đây. Tôi có thể xăm hình cho anh ở đây.”

Anh có thích không?”

“Tao đoán là thích.”

Một cái hất cằm về phía ba lô. “Tôi có mang máy theo đây này.” Hấn lặp lại, “Đây là sở thích thôi. Tôi sẽ cho anh một hình xăm nhé. Ít tiền thì sao? Tôi còn có cả ít quần áo. Tôi sẽ cho anh tất cả những cái đó nếu anh bỏ mũi dao ra và thả tôi đi.”

Chúa ơi, gã khỏe thật. Làm thế nào mà gã lại khỏe thế khi sống dưới này nhỉ? Nathan có thể giết hẳn bằng hai bàn tay không; gã gần như chẳng cần đến con dao bóng loáng.

Cặp lông mày nhíu lại gần nhau.

Nathan nắm con dao rồi giữ nó chặt hơn, Billy nghĩ vậy. Mũi dao nhích lên đáng sợ và giật cục như lời lẽ của Người gấu vậy.

“Nathan?” Billy hỏi.

Người đàn ông không trả lời.

“Nathan. Tôi không biết đây là dây nhà của anh. Tôi chỉ đang làm việc của mình, kiểm tra đường ống và van và mọi thứ. Tôi muốn mọi người ở dưới này được an toàn.”

Lưỡi dao do dự.

Hơi thở của Người gấu dường như gấp gấp hơn khi gã nhìn đăm đăm vào con rết. Mực đỏ. Khuôn mặt, những chiếc răng nanh, những phần cơ thể.

Cặp mắt khó lường.

“Nathan?” Billy thì thào. “Một hình xăm nhé. Anh muốn cái hình đó không?”

Bởi vì có công nhân công trình nào mà lại không lôi theo một chiếc máy xăm American Eagle để ngẫu hứng làm cho người khác nhỉ?

“Tôi sẽ làm cho anh hình đẹp nhất của tôi. Anh có thích thế không? Nó sẽ là một món quà. Còn cả chỗ quần áo và tiền tôi kể với anh nữa? Một trăm dollar.”

“Nó không đau chứ?”

“Chỉ hơi nhói tí thôi. Không tệ lắm đâu. Tôi sẽ đi lấy ba lô của tôi bây giờ nhé. Đó là chỗ cất tiền và quần áo, và cả máy xăm của tôi nữa. Tôi thò tay vào trong ba lô có sao không?”

“Tao đoán là được,” Nathan thì thầm.

Billy lôi chiếc ba lô lại gần và lấy ra từng phần của chiếc máy. “Anh có thể ngồi xuống đây. Như thế có được không?” Lưỡi dao vẫn không ở quá xa và nó vẫn đang bật lên. Chúa hay Satan hay hồn ma của Abraham Lincoln có thể sẽ bảo Nathan giết bég kẻ đột nhập này đi bất kì lúc nào. Billy cử động thật chậm rãi.

Hừm. Có vẻ như Nathan đang nhận một lời nhắn truyền từ trên cao.

Gã cười phá lên và thì thầm một tràng những câu chữ không nhận ra nổi.

Cuối cùng gã ngồi khoanh chân và cười toe toét. “Được rồi. Tao sẽ ngồi đây. Xăm cho tao đi.”

Mãi đến lúc Billy cũng ngồi xếp bằng trên nền đất bẩn thì hơi thở của hắn mới đều đặn trở lại và trái tim đang đập thành thịch bắt đầu chậm đi.

Trong lúc Nathan theo dõi sát sao, Billy lấp xong chiếc máy American Eagle. Hắn lôi ra vài cái lọ nhỏ và đặt chúng trên mặt đất. Hắn kiểm tra thiết bị. Nó khẽ rung.

“Có chuyện này,” gã đàn ông nói giọng u ám, lưỡi dao lại khẽ đưa lên.

“Sao thế?”

“Không phải chuột chũi nhé. Đừng xăm cho tao hình chuột chũi đấy.”

“Tôi không xăm hình chuột đâu, Nathan. Tôi hứa đấy.”

Nathan gập con dao lại và cất nó đi.

“Chúng tôi không gọi đây là súng.”

“Rồi, rồi, tôi biết rồi. Tôi quên mất. Ý tôi là “máy”. *Máy xăm,*” Lon Sellitto nói.

“Và chúng tôi thích từ “tranh trên da” hoặc “tác phẩm.” Từ “hình xăm”

có một ý nghĩa văn hóa mà tôi không hài lòng lắm.” Cô gái bé nhỏ với hình xăm chi chít (*vẽ tranh trên da?*) nhìn vào Sellitto qua mặt quỳ kính sạch bong, bên trong sắp đặt gọn gàng hàng chông kim, các bộ phận của máy-chức-không-phải-súng, sách vở, mấy chông đèn can xăm hình, bút bi rửa được đủ màu. *Vẽ trước, xăm sau,* một tấm biển cảnh báo.

Tiệm xăm này cũng sạch sẽ y như tiệm của TT Gordon. Rõ ràng các nghệ sĩ xăm hợp pháp rất coi trọng vấn đề bệnh truyền nhiễm. Thậm chí bạn còn có cảm tưởng người phụ nữ này sẽ bước ra khỏi căn phòng để xì mũi.

Tên cô ta là Anne Thomson và cô ta là chủ của cửa hàng Xăm hình và dụng cụ xăm *Femme Fatale*. Trạc ba mươi lăm tuổi, với mái tóc đen cắt ngắn và chỉ có một cái khuyên mũi phong cách, cô ta thực sự rất đẹp. Và một phần của vẻ đẹp đó là những hình xăm bốn màu, à, tác phẩm nghệ thuật, trên ngực, cổ và cánh tay cô ta. Một cái - trên ngực - là sự kết hợp của rắn và chim. Nó có hơi hướng nhắc Sellitto nhớ tới một bức tranh anh từng trông thấy vài lần trong kì nghỉ ở Mexico, một biểu tượng tâm linh nào đó.

Trên cổ cô ta là những chòm sao, không chỉ là hình vẽ sao mà còn cả con vật đại diện cho nó nữa. Cua, Bọ cạp, Bò tót. Và khi cô ta quay sang, anh trông thấy hai chiếc giày đỏ lấp lánh trên vai cô. Trông chúng rất thật.

Dorothy, cô gái xinh đẹp của tôi...

Nghệ thuật cái con khi, Linc. Đó là cảm giác của tôi với nghệ thuật.

Nhưng không phải cái này. Sellitto thích những hình ảnh này. Anh thực sự thích chúng. Những hình vẽ dường như đang cử động, lan ra và kết nối.

Gần như là ảnh ba chiều vậy. Làm thế nào họ vẽ được vậy? Trông cứ như anh đang nhìn vào những bức tranh có sự sống. Hay vào một sinh vật hoàn toàn khác biệt, không chỉ không phải con người mà còn *hơn cả* con người.

Nó làm anh nghĩ lại một vài trò chơi điện tử trên máy tính mà con trai anh đã chơi mấy ngày trước, hồi nó còn là thiếu niên. Sellitto nhớ đã nhìn qua vai thằng bé. “Cái gì đấy?” Anh chỉ vào một trong những tạo vật của game.

Trông nó như một con răn có chân mà lại mang vây cá với cái đầu người.

“Bố biết đấy, một *nyrad*.” Cứ như đó là chuyện hiển nhiên.

Ồ. Chắc rồi. *Nyrad*.

Lúc này Sellitto nhìn lên và nhận ra mình vừa bị bắt gặp đang nhìn chằm chằm vào ngực một phụ nữ.

“Tôi...”

“Không sao. Chúng ở đó cho người ta nhìn vào. Số nhiều. Hình vẽ ấy, ý tôi là vậy. Không phải ngực đâu.”

“Tôi...”

“Anh vừa mới nói thế rồi. Tôi không nghĩ anh là một ông già bản tính đâu. Và anh sắp sửa hỏi tôi chúng có đau không chứ gì.”

“Không, tôi đoán là đau rồi.”

“Đúng. Nhưng có gì trên đời mà không đau đớn, nếu nó là điều quan trọng?”

Tình dục, bữa tối, và tóm cổ một tên tội phạm khốn kiếp, Sellitto nghĩ.

Hầu hết các trường hợp đó đều không đau. Nhưng anh nhún vai. “Điều tôi sắp sửa hỏi là, cô tự vẽ chúng à? Ý tôi là thiết kế.”

“Không. Tôi đến chỗ một nghệ sĩ ở Boston. Người giỏi nhất ở Bờ Đông.

Tôi chỉ muốn có Quetzalcoatl. Vị thần Mexico.” Ngón tay cô ta chạm vào con rắn trên ngực. “Chúng tôi nói chuyện liên tục mấy ngày và cô ấy đã hiểu tôi. Cô ấy xăm hình con rắn có lông vũ và gợi ý tôi các chòm sao. Tôi cũng có cả hình đôi giày của Dorothy nữa.” Cô ta mỉm cười. Sellitto cũng cười. “Tôi không có ý phô bày chính trị quá đâu, mặc dù đúng là như thế.

Thấy không, đó là cách các *nữ* nghệ sĩ xăm mình. Một người đàn ông đi gặp nam nghệ sĩ và nói tôi muốn một sợi xích, một cái đầu lâu, một lá cờ.

Và anh ta sẽ đi ra với đúng một sợi xích, một cái đầu lâu và một cái cờ. Phụ nữ chọn cách tiếp cận khác. Ít bốc đồng hơn, ít tức thời hơn, nhiều suy ngẫm hơn.”

Sellitto lẩm bẩm, “Cũng giống ngoài đời nói chung. Ý tôi là giữa đàn ông và đàn bà.” Những câu hỏi về Nghi can 11-5 vẫn cần được trả lời.

Nhưng giờ anh lại hỏi, “Này, tôi chỉ thắc mắc thôi, cô biết đấy. Sao cô lại vào nghề này?”

“Ý anh là ngoài những bức họa trên da, tôi có vẽ giống giáo viên hơn hả?”

“Ừ.”

“Tôi từng là giáo viên thật.” Thomson để khoảng lặng kéo dài. Sắp hết giờ. “Trường cấp hai. Đó là khu vực phi quân sự dành cho anh. Anh biết đấy, vùng đất không-có-đàn-ông nằm giữa các hoóc-môn ở bên này còn thái độ ở bên kia.”

“Tôi có một đứa con. Con trai. Đáng lẽ giờ nó đang học đại học. Nhưng nó cũng đã trải qua cái tuổi đó, cô biết đấy.”

Cô gật đầu. “Việc ấy không hợp với tôi. Tôi đã đến một tiệm xăm ở trung tâm để xăm mình và được giải phóng, khó giải thích lắm. Tôi bỏ việc ở trường và tự mở một cửa hàng. Giờ tôi vẽ tranh trên da và cả trên vải nữa.

Có triển lãm ở SoHo, cả trong trung tâm thành phố. Mặc dù vậy, tôi đã không thể làm được điều đó nếu không đi xem ngay từ đầu.”

“Ấn tượng lắm.”

“Cảm ơn anh. Anh đang hỏi về máy American Eagle đúng không?”

Cửa hàng của Thomson là nơi duy nhất trong khu vực ba bang quanh đây bán các phụ kiện và kim cho mẫu máy đó. Cô ta cũng đang bày bán một chiếc đã qua sử dụng. Với Sellitto trông nó thật gồ ghề và nguy hiểm.

Như một khẩu súng laze trong mấy bộ phim khoa học viễn tưởng kì quái vậy.

“Tôi hỏi được không? Sao anh lại quan tâm?”

Thanh tra cân nhắc trong đầu. Anh quyết định rằng mình nợ cô ta một lời giải thích trọn vẹn. Có lẽ đó là vì cô ta hết lòng hết dạ vì môn nghệ thuật này. Hay vì cô ta có một bộ ngực thực sự ấn tượng. Anh kể cho cô nghe việc Nghi phạm 11-5 đã làm.

“Không, Chúa ơi, không.” Mắt chú chim rắn Mexico khép chùng nào thì mắt cô ta mở lớn chùng đó. “Có người thực sự làm việc ấy ư, giết người bằng một chiếc máy xăm?” Cô ta rùng mình và trong một khoảnh khắc, bất chấp những tạo hình ghê gớm lẫn đôi giày *Phù thủy xứ Oz*, Thomson dường như không còn bí ẩn hay còn đứng trên loài người nữa. Dường như cô ta mong manh và bé nhỏ. TT Gordon cũng đã có một phản ứng tương tự - cảm giác bị phản bội vì ai đó trong ngành của họ lại dùng tài năng của mình để giết người, và làm việc ấy theo một cách đặc biệt đáng sợ.

“Tôi e là vậy.”

“Chiếc American Eagle,” cô ta bảo. “Máy cũ, không đáng tin cậy như các loại máy mới. Một trong những chiếc chạy bằng pin đầu tiên.”

“Đó là điều TT đã nói.”

Thomson gật đầu. “Cậu ta là người tốt. Anh gặp may vì cậu ta giúp anh đấy. Tôi nghĩ mình cũng giúp được anh. Ở đây chưa từng có ai mua một chiếc máy như vậy nhưng khoảng một tuần trước có một người đàn ông đi vào và mua ít kim cho một chiếc American Eagle.” Cô ta vươn người tới, đặt hai bàn tay lên quầy. Chiếc nhẫn đen sáng bóng trên ngón trỏ bàn tay phải của cô hóa ra là hình xăm.

“Tôi đã không chú ý lắm. Khoảng hai mươi mốt ba mươi tuổi. Da trắng. Đội mũ lưỡi trai màu tối và quàng khăn quanh cổ. Chiếc khăn được đẩy lên cao gần như che luôn cả cằm anh ta. Đeo kính râm nữa. Cặp kính không cần thiết vì hôm đó trời cũng tẻ như bây giờ. Cái kính trông có vẻ hippie và không ngẫu tí nào. Nhưng ở đây chúng tôi đón tiếp rất nhiều những người theo chủ nghĩa hình tượng. Chỉ có một ranh giới rất nhỏ giữa việc xăm để khoe mẽ và xăm đích thực.”

Kẻ theo chủ nghĩa hình tượng. Thông minh thật.

Sellitto cho cô xem bức ảnh trong bộ nhận dạng.

Thomson nhún vai. “Có thể. Như đã nói, tôi đã không chú ý lắm. Ồ, nhưng có một thứ tôi còn nhớ. Hẳn không có hình xăm nào mà tôi nhìn ra được. Cũng không xỏ khuyên. Hầu hết các nghệ sĩ da đều có khá nhiều hình.”

“Hẳn có một cái trên cánh tay. Có thể là rồng, một sinh vật nào đó. Màu đỏ. Điều đó có ý nghĩa gì không?”

Người phụ nữ răn-và-chim lắc đầu. “Không - sau khi có cuốn sách đó, bộ phim đó, rất nhiều người muốn xăm hình rồng. Bắt chước. Tôi không biết nó có ý nghĩa gì đặc biệt cả.”

Rồi anh hỏi, “Cô có biết điều gì đặc biệt về hình xăm có các chữ “lần thứ hai” ? Hay “bốn mươi” không? Chúng có ý nghĩa gì trong giới nghệ thuật trên da không?”

“Không, chưa từng nghe tới.”

Anh lại bày ra bức ảnh chụp các hình xăm.

“Chà,” cô ta bảo. “Phông chữ Anh cổ. Cái đó khó làm lắm. Còn những chỗ phồng, rộp lên này nữa? Đó là vì chất độc phải không?”

“Phải.”

“Dù sao thì cũng phải công nhận, hần giỏi thật đó. Rất giỏi.”

“Và làm cực nhanh. Có thể chỉ trong mười, mười lăm phút.”

“Thật sao?” Cô ta có vẻ kinh ngạc. “Cả hình tạo sẹo kia nữa ư? Đường viền hình vỏ sò ấy?”

“Tất cả trong vòng mười hoặc mười lăm phút. Cái đó, hay phong cách đó có gợi cho cô ý tưởng gì về danh tính kẻ này không?”

“Không hẳn... Nhưng tôi không trông thấy đường viền.”

“Không, TT bảo hần đã dùng đường viền máu. Vẽ tay.”

“Vậy thì tôi không biết ai có thể vẽ một tác phẩm như thế trong vòng mười lăm phút. Và tôi quen biết tất cả những người giỏi giang trong thành phố này. Các anh đang phải đối phó với một tên nghệ sĩ quý quái đấy.”

“TT bảo hần đến từ bên ngoài nhưng lại không biết từ đâu.”

“Anh không thấy loại phông chữ đó nhiều trong khu này đâu. Nhưng tôi không thể cho anh biết xu hướng hiện nay ở Albany - hay Norwalk hay Trenton. Khách hàng của tôi đa phần là ở trung tâm Manhattan.”

“Hần trả tiền mặt cho chỗ kim đúng không?”

Còn phải hỏi?

“Đúng vậy.”

“Cô có còn giữ chỗ tiền đó không? Để lấy dấu vân tay ấy mà.”

“Không. Nhưng cũng chẳng quan trọng. Hẳn mang găng.”

Hiển nhiên rồi...

“Tôi cũng đã nghĩ việc ấy hơi kì quặc. Nhưng không đến mức đáng nghi, anh biết đấy.”

Kẻ theo chủ nghĩa hình tượng.

“Hẳn có nói gì không?”

“Vớ với tôi ư? Không. Ngoài việc hỏi mấy cái kim ra.”

Sellitto chú ý tới câu đầu tiên đó. “Nhưng?”

“Khi chuẩn bị đi, hẳn có cuộc gọi trên điện thoại di động. Sau khi đã tính tiền cho hẳn, tôi đi vào phòng sau. Khi ra đến cửa hẳn nói, “Ừ, Belvedere.” Rồi tôi nghĩ hẳn đã nói “địa chỉ”. Dù sao đó chỉ là tôi nghĩ.

Nhưng nó cũng có thể là “Bella yêu quý” hoặc cái gì đó khác.”

Sellitto viết xuống. Hỏi câu chuẩn mực: “Cô còn nghĩ được gì khác không?”

“Không, tôi e là không.”

Câu trả lời thông thường cũng là e là không hoặc không hoặc không nghĩ vậy. Nhưng ít nhất Thomson đã nghĩ về câu hỏi và trả lời thành thật.

Anh cảm ơn cô ta, với cái nhìn cuối vào Quetza gì gì đấy trên ngực cô ta, quay lại với cơn mưa tuyết, bấm nút gọi nhanh cho Rhyme để bảo anh ta đừng có có hi vọng hảo huyền vội nhưng *có thể* anh đã có một manh mối.

Một buổi tập hiệu quả.

Trong lúc đi ra từ câu lạc bộ sức khỏe và quay lại căn hộ trên phố 52

Đông của mình để lấy ô tô, Braden Alexander vừa đi vừa đếm số lần mình đã gập bụng. Anh từ bỏ sau lần thứ một trăm.

Tức là không đếm nữa. Còn số lần gập bụng thì vẫn khá nhiều. Anh quên luôn là bao nhiêu.

Alexander có một công việc phải ngồi nhiều - viết code cho một trong những doanh nghiệp đầu tư lớn (một nơi thực sự *chưa* phải là chủ thể bị điều tra) - và chàng nhân viên ba mươi bảy tuổi quyết tâm giữ sức khỏe tốt, bất chấp tám giờ làm việc mỗi ngày trên bàn làm việc - cộng với một giờ đi và về Jersey, nơi có tòa nhà trụ sở IT của công ty anh.

Còn số lần lên tạ tay? Với hai chiếc tạ mười lăm cân? Có lẽ là hai trăm.

Chết tiệt, anh đang cảm nhận được chúng đây. Anh quyết định rằng ngày mai mình sẽ nhẹ nhàng hơn. Không cần phải ép mình *quá*. Điều quan trọng là tập đều đặn, Alexander biết. Mỗi ngày anh đều chạy bộ từ căn hộ của mình ở mé tây sang câu lạc bộ trên Đại lộ Sáu. Mỗi ngày, anh đều thực hiện đạp xe tại chỗ, nâng tạ tay, lên xuống và cả gập bụng, gập bụng và gập bụng nữa... Chúng ta nghĩ gì, 150?

Có thể.

Anh liếc nhìn mình trong một cửa sổ và nghĩ: Cân nặng thì được. Da anh có vẻ hơi nhợt nhạt. Không tốt lắm. Anh và gia đình sắp đi du lịch ở một hòn đảo. Có thể là sau Lễ tạ ơn. Dù sao đi nữa, ai mà không có vẻ mệt mỏi trong một ngày như hôm nay chứ? Cơn mưa tuyết đã ngớt dần nhưng trời vẫn mang một màu xám và hanh hao. Anh thực sự mong chờ được quay lại

phòng ngủ nhỏ của mình. Anh thấy nó ấm cúng, một từ anh sẽ không dùng với bất kì ai trừ vợ mình.

Hôm nay còn một điều khác để mong ngóng nữa. Anh sẽ đi đến nhà người em trai ở Paramus để nhận một chiếc xe đạp. Joey có chiếc xe đạp leo núi mới và cho con trai Alexander chiếc cũ. Thăng bé sượng phát điên và đã nhắn tin đến hai lần từ trường học, chỉ để hỏi xem “mọi chuyện thế nào rồi?”

Sự sốt ruột của tuổi trẻ.

Anh nhìn đằng sau và thoáng trông thấy hình ảnh Tòa tháp Thương mại mới, hay cái tên gì đó mà người ta sẽ gọi nó. Anh đã làm công việc đầu tiên của mình, viết code cho một ngân hàng, khi vụ tấn công năm 2001 nổ ra.

Tòa nhà mới rất ấn tượng, về mặt kiến trúc thì thú vị hơn hẳn những hình chữ nhật đơn giản của cặp đôi tiền nhiệm. Tuy nhiên, sẽ không có gì xứng tầm với sự vĩ đại và phong cách của chúng được.

Một thời đại hỗn loạn làm sao. Con trai đầu lòng của anh ra đời đúng ngày vụ tấn công. Alexander và vợ anh đã từ bỏ kế hoạch đặt tên thăng bé theo cha cô, thay vào đó họ chọn Emery, theo tên hãng kiến trúc Emery Roth & Sons, những người đã cùng với Minoru Yamasaki thiết kế nên hai tòa Tháp Đôi cũ.

Alexander tiếp tục đi về phía tây, hướng đến căn hộ của mình, nơi anh lấy xe để quay lại làm việc. Trong lúc dừng chờ đèn đỏ, anh vô tình nhìn ra sau và bắt gặp một thoáng có ai đó đằng sau mình, đầu cúi gằm. Một chàng trai, còn trẻ, trong bộ quần áo đen và mũ trùm đầu. Một cái túi hay ba lô khoác trên vai. Có phải cậu ta cũng là người đã ngồi trong quán cà phê bên kia đường, đối diện câu lạc bộ không nhỉ?

Cậu ta đi theo mình à?

Alexander đã sống trong thành phố này mười lăm năm. Anh coi New York là đô thị an toàn nhất trên thế giới. Nhưng anh cũng không phải là đồ ngu.

Anh kiếm sống được là nhờ những kẻ xấu. Khi mới làm lập trình viên vài năm trước, phần lớn công việc của anh là tập hợp lại những code làm cho máy chủ chạy mượt hơn, mở rộng băng thông trên web và cho phép nhiều hệ điều hành khác nhau giao tiếp được với nhau mà không gặp lỗi.

Mặc dù vậy, qua nhiều năm, anh đã phát triển chuyên môn về an ninh mạng. Ngày nay bọn hacker thương mại, khủng bố và lũ du côn có quá nhiều thời gian trong tay và lại có quá nhiều tế bào trong não luôn nhắm đến những tổ chức ngân hàng như công ty anh bằng những cuộc tấn công ngày càng táo bạo và khôn ranh hơn.

Công việc ấy đã trở thành chuyên môn của Alexander, rải đỉnh trên đường đi của vài hacker khá thông minh và khá quỷ quyệt.

Anh từng nghe nói về một chuyên gia bảo mật máy tính đã bị tấn công ngoài đời thực. Đôi khi anh tự hỏi liệu cá nhân mình có gặp nguy hiểm nào không. Anh không rõ liệu có hacker nào biết tên anh hay không, nhưng anh cũng ý thức được rằng không ai có thể giữ kín tuyệt đối thông tin của bản thân khỏi những kẻ có đủ động lực truy lùng họ được.

Gần tòa nhà có căn hộ của mình, Alexander dừng lại và giả vờ gọi một cuộc điện thoại để liếc lại sau lần nữa. Người đàn ông đội mũ và mặc áo choàng vẫn tiếp tục đi theo anh, đầu cúi gằm. Dường như anh ta không để ý gì đến Alexander. Rồi loáng một cái người bị tình nghi là hacker bạo lực đã đi vào một tòa nhà ở bên kia con phố. Tòa nhà ấy đã cũ, giờ trở thành mặt bằng cho thuê với một tấm biển *Cho thuê* dán ngang kính cửa sổ bản thiêu.

Có lẽ anh ta là một tay môi giới hoặc người thuê mới đến. Cũng có thể là một lao công đến kiểm tra lò sưởi hơi thất thường - đêm nay được dự báo lại là một đêm rét thấu xương nữa.

Buồn cười vì những lo lắng không cần thiết của mình, Alexander tiếp tục đi về phía tòa nhà của anh và tới lối vào nhà để xe, nơi họ cất chiếc Subaru. Chỗ đỗ xe này là một nơi xa xỉ - chỉ riêng nó thôi đã đắt hơn cả căn hộ đầu

tiên của anh rồi. Nhưng một chỗ đỗ xe riêng trong một thành phố đã mang đến cho thế giới khái niệm đỗ xe bên đường ư? Không thể tìm được chỗ nào tốt hơn - dù thực ra là có: Khoang đỗ xe của anh rất kín, nên anh không bao giờ phải dọn tuyết hay cào băng. Nó kín như bưng vậy. Chỗ đỗ xe nằm ở tầng hầm thứ ba.

Lúc này anh vẫy tay với người thu ngân, người vừa cất tiếng chào “Chào ông Alexander. Khi nào nó mới sáng lên nhỉ? Ông hiểu ý tôi không?” Người đàn ông gầy gò có nước da xám xịt nhìn lên trời.

Trong suốt tuần vừa rồi gần như ngày nào ông ta cũng nói cùng một câu đó.

Alexander cười và nhún vai. Anh đi tiếp xuống con dốc xoáy tròn ốc của tầng hầm mờ tối.

Ở tầng cuối cùng, tầng của Subie, như cách vợ anh vẫn gọi chiếc xe, Alexander đi dưới trần nhà thấp tới nơi mũi chiếc xe màu xanh lá cây ló ra.

Ga ra này - hay ít nhất là tầng này - dường như hoàn toàn trống vắng.

Nhưng anh không còn thấy bất an nữa, khi mà kẻ giết người tưởng tượng đang bám theo anh đã biến mất ở tòa nhà bên kia phố. Hơn nữa, sẽ không có kẻ cắp nào - hay bất kì hacker nào có ý định bẻ gãy mấy ngón tay gõ phím của Alexander - dám mạo hiểm tấn công ở đây cả. Cách duy nhất đi vào là vượt qua bảo vệ canh hầm.

Ông biết ý tôi là gì không? ...

Trong lúc tiến lại gần chiếc Subaru, anh lôi chìa khóa ra và bấm nút mở khóa xe trên chiếc điều khiển. Đèn nháy lên. Anh tiếp tục đi về phía ô tô, vừa đi vừa nghĩ đến chiếc xe đạp cho con trai. Nó đang mong ngóng được cưỡi chiếc Emery mười tốc độ của mình qua Công viên Trung tâm cuối tuần này.

Khi anh đang mỉm cười với niềm vui sắp tới ấy thì một người đàn ông thân nhiên bước ra từ đằng sau một bức tường bên tay phải Alexander và đâm vào cổ anh.

“Cái quái...?” Alexander hỗn hển và quay người lại.

Ôi Chúa ơi, Chúa ơi... Gã đàn ông mặc bộ bảo hộ màu xám như một thợ sửa chữa hay công nhân điện nước nhưng khuôn mặt hấn lại giống người ngoài hành tinh - khi bị nhồi nhét trong một chiếc mặt nạ cao su màu vàng bó khít.

Rồi anh trông thấy mũi kim tiêm dưới da trong bàn tay vàng khè.

Alexander chạm vào cổ mình, chỗ buốt nhói.

Hắn đã chọc gì đó vào anh! Ý nghĩ đầu tiên của anh là: AIDS.

Một loại biến thái nào đó. Không, không, không...

Rồi anh nghĩ: Không kẻ nào thoát tội được với thứ rác rưởi này.

Alexander đã học vài khóa tự vệ đồng thời tập kickbox ở phòng tập. Đó là chưa nói đến hàng ngàn lần nâng tạ và gập người. Anh quay lại đối mặt với hấn và trụ chân thật vững trên mặt đất, rút tay phải ra sau, nhớ lại cách đấm thật nhanh và nổi đòn.

Một, hai, đòn gió, đấm.

Một, hai...

Nhưng cánh tay anh không nghe lời. Nó quá nặng. Thậm chí không nhấc lên nổi. Anh để ý nỗi hoảng sợ kinh khủng, cả cú sốc, đang nhạt dần.

Anh thậm chí không còn sợ tí nào nữa.

Khi ánh sáng mờ mờ càng tối hơn nữa anh chợt hiểu ra: Không, không phải là máu nhiễm bệnh. Tất nhiên là không rồi. Tên khốn đã tiêm cho anh một dạng thuốc mê nào đó. Chắc chắn, chắc chắn đây *chính* là kẻ đã đi theo anh. Hấn chui xuống dưới này từ tòa nhà bên kia phố.

Nhưng làm cách nào...? Ồ, ở đó. Có một cánh cửa thông nhỏ bằng kim loại đang mở. Đằng sau nó là bóng tối như một đường hầm hay tầng hầm nào

đấy. Còn nhiệm vụ của gã này? Bắt cóc Alexander. Để buộc anh phải tiết lộ mã code hay lỗ hổng bảo mật trong các chương trình của khách hàng.

“Dễ dãi anh... sao...” Alexander đang nói. *Cố nói.*

Nói đi! Thôi nào! Nói là mình sẽ kể cho hănh nghe điều hănh muốn. Chỉ cần thả mình ra. “...ẽ ...ảo ...a ...”

Từ ngữ đang trôi tuột đi mất.

Rồi từ cổ họng anh chỉ còn nghe những tiếng ùng ục.

Anh ngạc nhiên khi thấy mình không còn đứng nữa mà đang ngồi, bất động, nhìn chăm chăm lên tên quái thai đeo mặt nạ. Nhìn quanh mình. Lốp chiếc Subie. Một cái vỏ kẹo Hersey. Một vũng nước tiểu chó hình ô van đã khô.

Kẻ tấn công cúi xuống một cái ba lô.

Khi bóng tối dâng lên, giờ thì đã tối hănh, Alexander nheo mắt nhìn vào hình xăm kì quái trên cánh tay trái của hănh. Một con rắn... không, con rết.

Với khuôn mặt người.

Rồi anh nằm ngửa ra, yếu ớt đến nỗi không thể ngồi dậy được nữa. Kẻ tấn công thô bạo giật cổ tay Alexander ra sau lưng anh và còng chúng lại.

Hănh lăn anh nằm ngửa ra một lần nữa.

Gã này có mặt nạ da tan chảy và một hình xăm ghê rợn, không có nghĩa hănh là một tên sát nhân điên loạn. Không, hănh chỉ muốn lấy code của hệ thống máy chủ Livingston Associates thôi. Hay mật khẩu để bẻ gãy hệ thống khóa an ninh của Eastern Nassau.

Chắc chắn là vậy.

Không phải một thằng điên.

Đây chỉ là công việc làm ăn. Việc làm ăn thôi. Họ không muốn làm anh đau. Họ chỉ cần dữ liệu? Tốt, anh sẽ cho họ dữ liệu? Mật mã? Họ sẽ có mật mã.

Chỉ là làm ăn thôi, đúng không?

Vậy thì tại sao hắn lại lật áo khoác và sơ mi của Alexander lên rồi nhìn chăm chăm vào bụng anh? Lại còn vươn tay đến và chọc ngoáy lớp da bụng bằng một ngón tay cứng đờ?

Chắc phải là... chỉ là...

Bóng tối bao phủ anh hoàn toàn.

“Em đâu rồi, Sachs?”

“Gần đến nơi.” Giọng cô vang trong loa ở phòng khách nhà Rhyme.

Nhà tội phạm học đang ở đó cùng Pulaski và Cooper, trong lúc Amelia Sachs đi xuyên qua Công viên Trung tâm trên một trong những đường tắt, lao về phía đông. “Cúp máy đây. Em phải lái xe.”

Hóa ra có tới bốn mươi tám địa điểm ở Manhattan có chứa từ “Belvedere” trong tên gọi. Đây là kết luận của một đội khác mà Lon Sellitto đã tập hợp được ở One Police Plaza. Ở đó đã từng có đội Tìm-Cuốn-Sách-Không-Còn-Nối-Bản, giờ đã được giải tán. Rồi hiện là đội Lăn-Thứ-Hai-Và-Bốn-Mười-Có-Ý-Nghĩa-Quý-Quái-Gì, vẫn còn đang hoạt động.

Còn đội Belvedere-Là-Gì đã được tập hợp nhờ lần nghe lỏm ngẫu nhiên của nghệ sĩ vẽ trên da Anne Thomson.

Hơn bốn chục trường hợp có Belvedere ở Manhattan (có vẻ là địa điểm đi săn yêu thích của 11-5; hơn nữa, bạn không thể tìm khắp mọi nơi cùng một lúc được).

Các nhà hàng, căn hộ chung cư, công ty vận tải, cửa hàng đồ hiệu, một công ty taxi, một bến phà.

Một dịch vụ hộ tống.

Nửa giờ trước, trong phòng khách của Rhyme, anh cùng Sachs và Sellitto, Cooper và Pulaski đã tranh luận xem Belvedere nào có khả năng lớn nhất liên quan đến nghi phạm. Tất nhiên, cái tên ấy chẳng liên quan gì đến điểm tấn công tiếp theo hay trong tương lai. Ấy có thể là nơi hãn đã sống, hay gần nơi hãn sống, hay tiệm giặt là hoặc nơi hãn gửi mèo. Hay một chốn nào mà hãn tò mò. Nhưng, để đề phòng, họ vẫn dự đoán đó là một điểm giết chóc và muốn cử đội tác chiến đến những nơi có khả năng cao nhất ngay lập tức.

Họ quyết định có ba ứng cử viên nặng kí cho một vụ tấn công. Thứ nhất là nhà kho bị bỏ không ở khu Chelsea của Manhattan - phía bắc làng Greenwich. Nó bao gồm một mê cung rộng rãi các đường hầm và phòng kho dưới lòng đất. Hoàn hảo cho những mục đích của nghi phạm, mặc dù Cooper đã có ý đúng khi chỉ ra nơi ấy hoang vu quá. “Hắn cần phải đưa một nạn nhân về từ đâu đó.”

Rhyme cân nhắc chuyện này, anh vẫn nhìn vào vài hình ảnh CCTV của nơi đó và để ý thấy có nhiều người đi bộ qua lại hơn mọi người nghĩ - bao gồm cả vài người chạy bộ trong một ngày gió rét như thế này.

“Hắn chỉ cần một thôi,” Rhyme chỉ ra.

Sellitto đã gọi đơn vị ESU và cử một đội tới đó.

Belvedere thứ hai là một rạp chiếu phim cũ trên Khu Thượng Tây, kiểu nhà hát bạn vẫn thường thấy trên Broadway, những rạp hát lộng lẫy nơi mà Clark Gable hay Marilyn Monroe sẽ ra mắt phim. Tâm giờ này nó đã đóng cửa, và theo thông tin từ một trong những bản đồ đường ngầm của Rhyme, nó có vài tầng hầm, đúng nơi Nghi can 11-5 hay mang nạn nhân tới. Lại một đội ESU khác được cử đến đó.

Khả năng cuối cùng là một tòa nhà chung cư nằm trên Mé Đông Midtown tên là Belvedere. Một kiến trúc cũ kĩ u ám, giống trường phái Gothic của Dakota. Nó vừa có một tầng hầm lớn lại vừa có bãi đỗ xe dưới lòng đất. Viên thanh tra đã cử một đội thứ ba tức tốc đến đó.

Sachs đã bảo, “Nghe có vẻ nó chính là điểm đến. Tôi cũng đi.”

Rhyme đã để ý thấy ánh mắt cô, cái nhìn của thợ săn, sự tập trung cao độ không lay chuyển ấy. Một điều anh vừa thấy hấp dẫn lại vừa đáng lo ngại. Sachs chính là một trong những cảnh sát hiện trường giỏi nhất mà Rhyme từng gặp. Nhưng cô lại không bao giờ sống động hơn khi được dẫn đầu một mũi tấn công vào hoàn cảnh tác chiến.

Giờ Rhyme nhận được một tin nhắn của Sellitto, cũng trên điện thoại di động, báo rằng một đội tác chiến đã đến nhà kho Belvedere ở Chelsea và không tìm được gì. Chỉ huy đội ESU Bo Haumann đã để lại một đội giám sát nhỏ và chia những người còn lại; một nhóm đang hướng đến chung cư Belvedere còn một nhóm đến rạp hát rộng lớn kia; cuộc tìm kiếm ở đó sẽ mất thời gian.

Ngay khi anh vừa cúp máy, điện thoại lại reo lần nữa. “Rhyme?” Giọng Sachs văng tới qua ống nghe.

“Vừa nghe tin của Lon,” anh bảo cô. Anh giải thích rằng nhà kho là mục tiêu ảo. “Nhưng điều đó có nghĩa là em sắp có thêm hỗ trợ. Một đội ESU đang hướng đến tòa nhà chung cư nơi em đang đến.”

“Không phải đang, Rhyme à,” cô lầm bầm. “Sẽ *đến*. Giao thông chán quá. Và không ai biết cách lái xe trong cái thời tiết này. Em đang ở trên vỉa hè. Chờ tí.” Rhyme nghe một tiếng rầm cứ như chiếc Torino của cô vừa hạ cánh lên vỉa hè của thành phố New York. Anh băn khoăn thiệt hại không biết ở bộ truyền động hay trục xe. “Với tốc độ này thì mười phút nữa là tới.

Mà nó chỉ ở ngay bên kia thành phố thôi chứ. Lạy Chúa.”

Rhyme lại để ý thấy một cuộc gọi đến khác trên điện thoại.

“Anh sẽ gọi lại cho em sau, Sachs. ESU đang trên đường đây khác.”

“Lincoln, anh có đó không?” Là Haumann.

“Có, Bo. Tình hình thế nào?”

“Đội tác chiến hai gần như đã tới được Chung cư Belvedere. Chúng tôi sẽ vào tầng hầm của tòa nhà và cả gara nữa. Có bằng chứng gì thêm là hãn có vũ khí không?” Haumann chắc đang nhớ tới tai nạn lần trước, ở bệnh viện Marble Hill, nơi Nghi can 11-5 đe dọa bắn bà Harriet Stanton và Sachs.

“Không có gì thêm. Nhưng cứ giả sử là hãn có đi.”

“Tôi sẽ báo cho đội.” Một đoạn dừng trong lúc Haumann nói với ai đó khác trên chiếc xe tải của đội ESU. Rhyme không nghe được đoạn trao đổi.

“Được rồi, chúng tôi sẽ âm thầm tiến vào.”

“Tôi sẽ bảo Amelia rằng các cậu ở đó. Cô ấy muốn được nhập vào bất kì đội tác chiến nào. Tôi sẽ không mạo hiểm gì đâu. Anh không thể chờ. Cứ vào đó, tiến công, ngay lập tức.”

“Được rồi, Lincoln, chúng tôi sẽ làm vậy.”

Rhyme nói, “Bảo người của anh đề phòng bẫy nhé. Trờ mới của hần.

Đeo cả găng lẫn mặt nạ vào.”

“Xác nhận. Chờ chút... Được rồi, Lincoln?”

“Tôi đây.”

“Chúng tôi đã điều một chiếc trực thăng vào vị trí. Anh có muốn đăng nhập để xem không?”

“Chắc chắn rồi.”

Viên chỉ huy đội ESU cho anh mật mã và một lát sau Rhyme, Pulaski và Cooper đã nhìn chăm chăm vào màn hình. Trong đó là hình ảnh sắc nét hai chiếc xe tải tác chiến của đội ESU, số hiệu thiết kế của chúng hiện rõ ràng trên nắp xe. Rhyme có thể trông thấy hai chục binh sĩ được triển khai qua cửa trước của tòa nhà chung cư và đi xuống con dốc dẫn vào gara. Nhân viên hầm đỗ xe đã được một trong những cảnh sát dẫn đến nơi an toàn.

Máy thu âm cũng đã được bật. Rhyme có thể nghe thấy tiếng thành viên đội ESU khi họ tìm đường đi trong bãi đỗ. “... *Hành lang tây nam, tầng một, an toàn... Một cửa thông ở đây... không, nó bị khóa rồi...*”

Haumann ngắt kết nối và Rhyme gọi lại cho Sachs. Báo cho cô biết về cuộc nói chuyện của họ.

Cô thở dài. “Dự kiến năm phút nữa em đến nơi.” Anh có thể nghe thấy giọng cô thất vọng vì bị lỡ mất cuộc tiến công.

Sự chú ý của Rhyme chuyển hướng sang kênh điện đàm gửi đến từ cuộc tấn công.

“Đội Hai A đang đi vào, thẳng hướng cầu thang xuống tầng thấp hơn.

Hai B đang tiếp cận dốc xuống gara. Chờ đã... Cho đến hiện nay không có kháng cự nào, không có dân thường nào. Chúng ta đang ở mức xanh. K.”

“Rhyme, em gần đến rồi. Em...”

Nhưng anh không nghe được những lời tiếp theo của cô. Giọng một cảnh sát đã vang lên ào ào trên điện đàm. *“Đội Hai B... chúng ta có một tình huống. Tầng hầm thấp hơn, bãi đỗ xe... Chúa ơi... Gọi báo đi, gọi báo đi! ... Đội cứu hỏa... Đi, đi, đi! Chúng ta cần cứu hỏa ngay! K.”*

Lừa ư? Rhyme thắc mắc.

Một cảnh sát khác đã lặp lại câu hỏi cho anh. *“Cái gì cháy? Tôi không thấy có gì cháy cả. K?”*

“Đội Hai B. Phủ định lừa. Thủ phạm đã mở một ống nước để yểm trợ cho hãn bỏ chạy. Chúng ta bị lụt rồi. Không đi qua được. Nước đã dâng lên đến hơn mười hai phân. Vẫn tiếp tục dâng. Cần một lính cứu hỏa mang theo còi-lê để đóng cái khí gió này vào. K.”

Rhyme nghe thấy một tiếng cười khục khục trên đường dây - rõ ràng họ mừng vì chỉ phải chiến đấu với nước chứ không phải một đám cháy.

Tuy nhiên anh thì không thấy buồn cười gì cả. Anh biết chính xác tên nghi phạm nhanh trí này đã làm gì: hãn tạo ra vụ lụt không chỉ để làm chậm bước tiến những kẻ truy lùng mình, mà còn để hủy hoại mọi bằng chứng hãn để lại sau lưng.

Giờ thì chạy đi, lao vút đi.

Billy Haven đang ở dưới lòng đất, một lần nữa lại chui vào một đường tàu điện ngầm cũ, quay trở lại nơi Người gấu Nathan suýt nữa đã tạo hình xăm một đường thẳng tắp lên cổ hắn.

Chiếc ba lô của hắn nhẹ như chiếc lá trên vai - đó là tác dụng của adrenaline - hắn đang chạy thật nhanh. Mặt nạ latex đã bị lột bỏ nhưng găng tay và bộ đồ bảo hộ còn nguyên. Hắn ôm giày của mình. Hắn đang chạy bằng chân đi tất. Trong khi nghiên cứu, hắn đã học được rằng chưa có cơ sở dữ liệu nào nói về chất liệu tất chân có thể giúp người ta lần theo dấu vết của hắn được. Những chiếc bao giày quá trơn trượt, không thể chạy khi mang chúng.

Nhanh, nhanh, nhanh...

Lời cảnh báo đã thúc giục hắn bỏ trốn nhanh chóng khỏi bãi đỗ xe Belvedere không phải là những tiếng phanh kít của đội xe tải của Dịch vụ khẩn cấp hay những bước chân lặng lẽ của đám cảnh sát. Vài phút trước đó hắn đã biết mình gặp nguy hiểm. Tổng đài cảnh sát đã nhắc tới địa chỉ và cái tên Belvedere, như hắn nghe được qua tai nghe kết nối với máy thu tín hiệu đài cảnh sát.

Lúc ấy hắn đã thực hiện vài biện pháp để đảm bảo địa điểm - và nạn nhân - vô tác dụng với cảnh sát.

Người phải rửa sạch mọi ám chỉ phạm tội ở hiện trường.

Rồi hắn quay về qua lối hộp kỹ thuật trong tường của gara đỗ xe Belvedere.

Lại xuống lòng đất một lần nữa.

Cuối cùng, Billy nghĩ đã đến lúc an toàn trời lên mặt đất. Ngực đau nhức, khê ho khan, hắn trèo qua một cánh cửa thông khác vào tầng hầm một tòa

nhà văn phòng ở Midtown. Nó là một trong những tòa kiến trúc thực dụng xây bằng đá vôi cũ, tuổi đời lên tới cả ba phần tư thế kỉ, có khi còn hơn nữa. Cao mười hoặc mười hai tầng, được chiếu sáng nghèo nàn, với những cái thang máy giật cục sẽ khiến bạn muốn cầu nguyện trước khi bước vào trong.

Mặc dù vậy Billy vẫn đi cầu thang bộ từ tầng hầm, và sau khi kiểm tra hần lên vào sảnh tầng một, chốn văn phòng của những luật sư chuyên về tai nạn, các kế toán và vài công ty xuất nhập khẩu mà tên tiếng Anh của họ lại được thể hiện dưới dạng chữ cái Kirin hoặc chữ tượng hình châu Á. Hần lột bỏ bộ quần áo bảo hộ, nhét chúng vào một thùng rác và đội một chiếc mũ trùm khác, màu be, để thay đổi. Lại đi giày vào.

Ở cánh cửa kính cầu dẫn ra phố, Billy dừng bước để tìm kiếm cảnh sát. Không có ai. Việc này hợp lí thôi; hần đã chạy đủ xa khỏi hiện trường vụ tấn công tại Belvedere. Các cảnh sát còn đang bận rộn ở đó một lát nữa.

Hần thấy buồn cười khi nghĩ đến chuyện đang xảy ra ở gara.

Bước lên phố, hần di chuyển nhanh về phía đông.

Làm thế nào mà kẻ tiên đoán vĩ đại lại tiên đoán được điều này? Đúng, hần đã tới Belvedere vài lần để trình thám vị trí đó. Có thể hần đã để lại vài dấu vết và bị phát hiện ra. Điều này có vẻ không chắc chắn lắm nhưng với Rhyme thì điều gì cũng có thể xảy ra.

Đi bộ trong cơn mưa tuyết, hần cúi gằm mặt xuống và nghĩ lại xem có phải mình đã phạm phải lỗi lầm nào không. Rồi: À phải, phải rồi... hần nhớ ra rồi. Khoảng một tuần trước hần đã gọi đến tổng đài hỗ trợ danh bạ để lấy số điện thoại tòa nhà Belvedere hòng kiểm tra giờ giấc bãi đỗ xe. Lúc đó, hần đang ở trong một cửa hàng dụng cụ xăm để mua thêm kim cho chiếc máy America Eagle. Đó là cách họ đã tìm ra hần.

Điều này làm dấy lên một câu hỏi: Lí do duy nhất chủ cửa hàng nhắc tới Belvedere là vì cảnh sát đã muốn biết ai là người mua một chiếc American

Eagle hoặc kim cho nó. Nhưng làm sao họ biết đó chính là vũ khí giết người của hắn?

Hắn sẽ cần phải suy nghĩ thêm về chuyện này.

Một ga tàu điện ngầm hiện ra trước mắt và hắn đi xuống những bậc thang trơn trượt để bắt một chuyến tàu về phía nam. Trong vòng hai mươi phút Billy đã quay lại xưởng của mình, chui vào buồng tắm, để cho nước nóng chảy tràn trên da dẻ hắn trong lúc hắn kì cọ và kì cọ.

Rồi hắn lau khô người, mặc lại quần áo.

Hắn bật đài lên. Một lát sau, bản tin thời sự đã tường thuật một vụ tấn công khác của “Người đàn ông dưới hầm” , bản thân hắn nghĩ biệt danh này khá là thảm hại. Chẳng lẽ bọn họ không nghĩ ra cái nào khá khảm hơn à?

Vẫn không nhắc gì đến Amelia Sachs hay bất kì ai khác trở thành nạn nhân của một vụ tấn công bằng strychnine. Điều đó có nghĩa là nhờ sự khôn khéo hoặc may mắn mà những người bên đội hiện trường đã không bị cái kim trong ví của Samantha chọc phải.

Billy đã biết ngay từ đầu rằng công cuộc Biến cải sẽ là một trận chiến, với cả chiến thắng và tổn thất ở cả hai phe. Hắn đã thành công ở hai nạn nhân. Cảnh sát cũng đã có vài chiến công.

Điều này có thể đoán trước được - thực ra, nó đã được dự báo từ trước.

Giờ, hắn nghĩ lại là mình sẽ càng phải cẩn thận hơn trong việc bảo vệ bản thân.

Một ý tưởng chợt đến với hắn.

Đơn giản đến không ngờ, hay ho không ngờ.

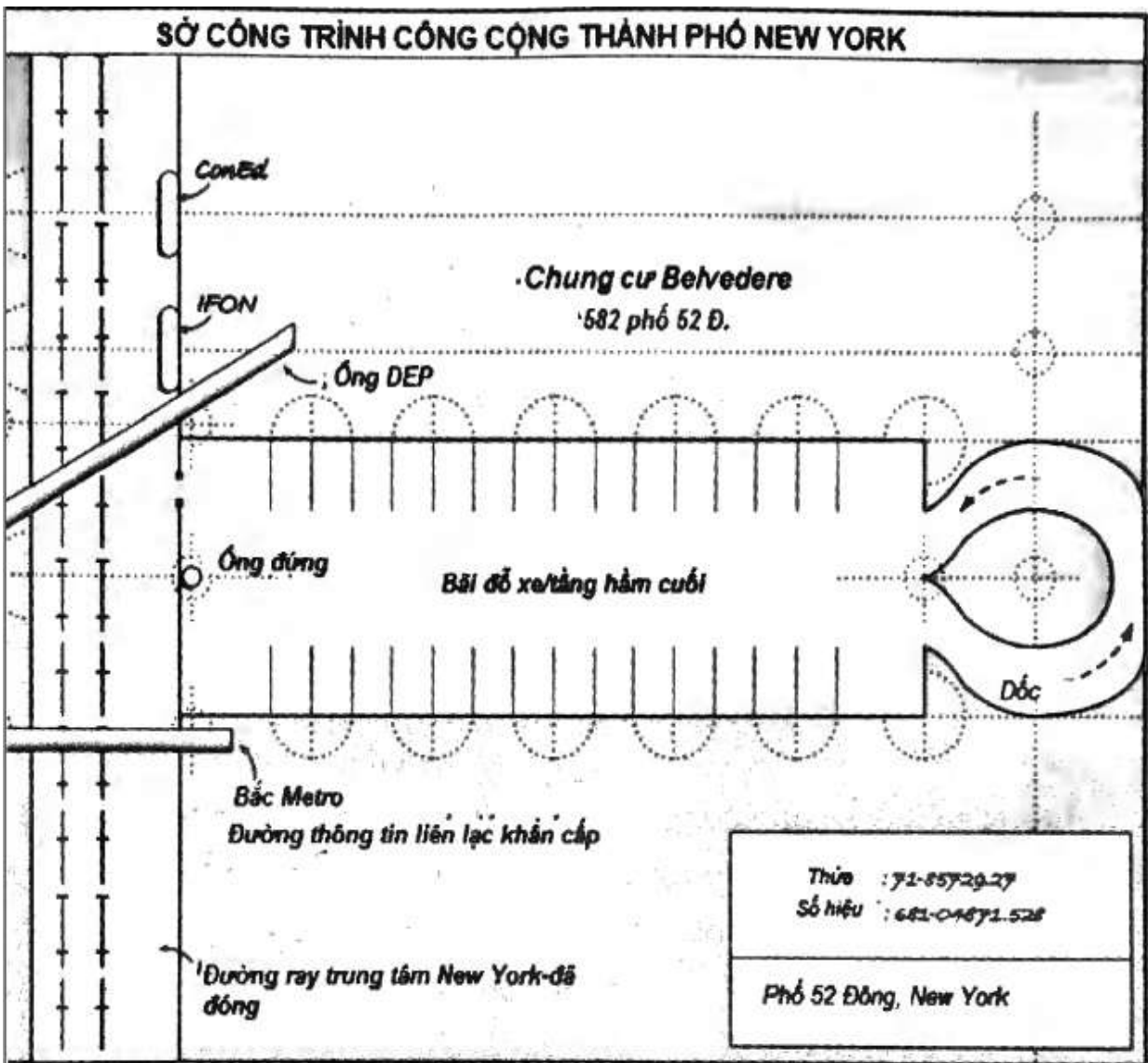
Câu Răn thích hợp cho trường hợp này sẽ là:

Hiểu rõ kẻ thù của người. Nhưng phải hiểu rõ cả bạn bè và gia đình của chúng nữa.

“Chết tiệt, Amelia, tình hình tệ đến mức nào?” Sellitto hỏi.

Anh ta và Sachs đang đứng kề bên nhau - hai tay chống hông - cùng nhìn xuống hầm gara mờ tối bên dưới Chung cư Belvedere.

“Tệ,” cô lẩm bẩm. Nhìn vào giàn đồ của hiện trường, cô dò một ngón tay trên khu vực bãi đỗ xe và đường hầm tàu điện ngầm New York bỏ hoang. “Bị hủy hết. Mất hết rồi. Toàn bộ vật chứng.”



Sellitto giậm chân, có lẽ là để làm chúng ấm lên trước cái giá buốt của lớp bùn băng bên dưới chân họ. Sachs cũng giậm chân; không tác dụng gì.

Chỉ là các đầu ngón chân của cô nhói hơn.

Cô để ý thấy Bo Haumann đứng gần đó đang gọi điện thoại. Đội trưởng ESU cúp máy và đi về phía họ. Gật đầu.

Sellitto hỏi, “Có gì không?”

Người đàn ông dẻo dai và gầy gò, mặc chiếc áo len cổ lọ bên dưới áo sơ mi, bước tới. Anh xoa một bàn tay lên mái tóc hoa râm cắt cua. Lông mày anh đã đóng băng nhưng dường như anh hoàn toàn không bị cái lạnh ảnh hưởng. “Hẳn biến rồi. Lẫn mất. Đã cử một đội vào đường hầm từ lỗ cống ở trên phố kia. Nhưng ngay cả việc đó cũng vô dụng. Tất cả những gì họ nói là “không tìm thấy dấu vết hãn”.”

Sachs dành cho anh ta nụ cười u ám. “Không dấu vết. Cả ‘dấu’ lẫn ‘vết’.”

Lo ngại của Rhyme đã được chứng minh. Bằng cách mở ống nước cứu hỏa, Nghi can 11-5 đã chặn đứng đội hiện trường một cách cực kì hiệu quả.

Sau đó hãn lên ra qua lối cửa thông mà từ đó hãn đã vào được bãi đỗ xe và vẫn để cửa mở. Chỉ trong vòng vài phút, dòng nước đã làm ngập cả tầng hầm gara và tràn qua cửa vào đường hầm bên dưới - vốn chính là địa điểm giết người.

Khi nói đến chuyện làm hỏng hiện trường thì nước còn tệ hơn cả lửa.

Rất nhiều dấu vết có thể tồn tại qua đám cháy, và trong khi tường có thể bị sụp xuống, vị trí các đồ vật và thành phần kiến trúc và thậm chí thi thể con người tại hiện trường vẫn gần như không thay đổi. Tuy nhiên, một cơn lụt lại giống như chiếc bát trộn lớn, không chỉ pha loãng, hủy hoại và trộn lẫn, mà nó còn di chuyển các vật thể ra xa khỏi vị trí ban đầu của chúng.

Rhyme vẫn thường chỉ ra nước chính là loại dung môi tối thượng.

Các cảnh sát của đội Dịch vụ Khẩn cấp đã dọn sạch hiện trường và đưa nạn nhân lên mặt đất. Anh ta đã bị tiêm thuốc nhưng vẫn còn tỉnh, vết thương duy nhất có vẻ là những chỗ bầm tím do nước đã đẩy anh ta vào tường. Nghi phạm đã không có thời gian để bắt đầu xăm. Nạn nhân suýt thì bị viêm phổi, nhưng các nhân viên y tế đã thay bộ quần áo ướt sũng của anh ta và choàng chăn nhiệt cho anh.

Sau khi đã đưa nạn nhân đi và dọn sạch hiện trường, cảnh sát rút lui trong lúc hai lính cứu hỏa trong bộ đồ nghề chống độc hóa sinh đầy đủ lội qua hầm nước để tắt vòi. Họ cũng lấy cả mẫu nước. Rhyme lo ngại chuyện nghi phạm có thể đã thả chất độc vào trong nước, đến mức dù cho có bị pha loãng nó vẫn có thể gây thương vong.

Một cảnh sát ESU đến chỗ họ. “Anh chị thanh tra. Đội trưởng.”

“Nói đi,” Haumann bảo.

“Nước đang rút và sở cứu hỏa đã khóa vòi bơm. Nhưng trong đó vẫn còn ngập. Ồ, và họ đã kiểm thử nước và không có chất độc hóa sinh nào, tức là không có gì đáng ngại nên họ đang bơm nước xuống các ống thoát.

Sẽ thoánq đăng trong khoảng một giờ nữa.”

Anh cảnh sát quay sang bảo Sachs, “Họ nói đã tìm được một thứ gì đó mà có thể chị muốn xem, thanh tra ạ. Một trong hai lính cứu hỏa đang mang nó ra ngoài ngay bây giờ.”

“Thứ gì?” cô hỏi.

“Chỉ là một cái túi nhựa. Tất cả những gì tôi biết.”

Cô gật đầu, không hi vọng gì nhiều rằng nó có liên quan đến vụ án. Nó có thể chứa một cái vỏ chuối, một liều cocain, hay mấy đồng xu cho cột đồng hồ tính giờ đỗ xe.

Dù vẫn luôn có cơ may đó là chiếc ví của thủ phạm hay thẻ An sinh xã hội.

Không còn gì nhiều để làm ở đây. Sachs và Sellitto đi đến chỗ xe cấp cứu. Họ đi vào trong qua cửa sau, đóng cửa lại. Braden Alexander đang ngồi trên một đồng dây thừng màu xanh, run lẩy bẩy. Chiếc xe cấp cứu đã bật máy sưởi nhưng người đàn ông này vừa mới bị nhúng vào làn nước gần-đóng-băng.

“Anh sao rồi?” Sellitto hỏi.

Cầm anh ta run cầm cập. “Lạnh, vẫn choáng vì thứ quỷ quái gì đó mà thằng khốn ấy đã tiêm cho tôi. Họ bảo đó là propofol.” Anh ta nói lặp ba lặp bập. Câu chữ cũng nhú vào nhau. “Và trông thấy hăn, cùng với thứ hăn mang trên mặt, làm tôi sợ chết khiếp.”

“Anh mô tả hăn được không?”

“Không nhớ rõ lắm. Hăn cao khoảng mét tám, thể hình khá đẹp. Da trắng. Nhưng hăn lại đeo cái mặt nạ cao su màu vàng. Chúa ơi. Tôi hết hồn.

Ý tôi là, tôi sợ điếng người luôn. Tôi nói rồi phải không nhỉ? Hốc mắt, mũi và miệng. Mỗi thế thôi.”

Sellitto cho anh ta xem hình ảnh nhận dạng.

“Có thể. Có thể thôi. Nhưng còn mặt nạ, anh biết đấy.”

“Chắc chắn rồi. Quần áo thì sao?”

“Khi đến chỗ tôi trong hầm để xe, hăn mặc bộ đồ bảo hộ lao động, tôi nghĩ vậy. Tôi đã bị hoảng.” Thêm mấy lần run rẩy. “Nhưng lúc trước tôi từng thấy hăn và hăn đã mặc thứ khác. Nếu đó chính là hăn. Hăn chui vào tòa nhà ở tầng đó.”

À, vậy là rốt cuộc có thể họ còn có một hiện trường tử tế. Sachs cử một cảnh sát hiện trường đến đó xem qua, cùng một người bên Dịch vụ Khẩn cấp yểm trợ.

“Hăn có nói gì không?” Sellitto hỏi.

“Không. Chỉ đâm kim vào tôi thôi. Rồi tôi bắt đầu xỉu đi. Nhưng tôi đã trông thấy hăn...” Giọng anh ta lạt đi. “Tôi trông thấy hăn lôi một con dao mổ ra khỏi ba lô.”

“Dao mổ chứ không phải dao bình thường à?”

“Chắc chắn là dao mổ. Và trông như hăn biết phải làm gì với nó vậy.

Hăn còn chạm vào da tôi nữa. Da bụng. Sờ mó và chọc. Chúa ơi. Chuyện này là sao chứ?”

“Hăn từng làm vậy rồi,” Sachs nói. “Chúng tôi không biết chính xác vì sao.”

“Ồ, nhưng tôi nhớ khi hăn thò tay xuống, tay áo của hăn vén lên, cô biết đấy. Và tôi đã trông thấy hăn có một hình xăm. Nó rất cổ quái. Một con rết, tôi khá chắc chắn. Đúng vậy, nhưng, cô biết không, nó có một khuôn mặt người.”

“Nó màu gì?” Sellitto hỏi.

“Đỏ. Giờ, điều tiếp theo tôi biết là tôi tỉnh lại và bị sặc, còn cảnh sát thì đang kéo tôi ra khỏi mặt nước. Tôi bị lạnh kinh khủng. Trời ạ. Cứ như tôi bị xoáy vào trong đại dương vậy. Đây có phải kẻ đã giết mấy người trong trung tâm thành phố không?”

Đôi khi bạn phải kín tiếng, đôi khi nên tiết lộ thông tin.

“Có vẻ như vậy.”

“Sao lại là tôi?”

“Chúng tôi chưa chắc chắn động cơ của hăn là gì. Anh có kẻ thù nào, hay biết kẻ nào đó có thể muốn làm việc này không?” Sachs và Rhyme vẫn chưa phủ nhận hoàn toàn giả thuyết nghi phạm đang dùng những vụ giết người có vẻ như là liên hoàn để che đậy một án mạng cụ thể với một nạn nhân nào đó, lẫn trong đám người bị hại của Nghi can 11-5.

Nhưng Alexander nói, “Tôi làm nghề an ninh mạng và tôi đang nghĩ mình đã chọc giận nhầm hacker, và hắn muốn hạ tôi. Cái kẻ mà có thể đã theo dõi tôi ấy, tôi tưởng gã đã đi vào tòa nhà kia kìa, có thể là kẻ đâm thuê chém mướn, hay từ gì đó mà các anh vẫn gọi. Nhưng tôi không biết ai cụ thể cả.”

“Chuyện đó có vẻ không có nhiều khả năng,” Sellitto nói. “Chúng tôi nghĩ mọi người bị hắn chọn một cách ngẫu nhiên.”

Những nạn nhân được chọn ngẫu nhiên...

Họ lấy thông tin liên hệ của Alexander.

Sachs đeo găng tay vào và thu hồi chiếc còng tay đã được một cảnh sát tháo ra, cho nó vào một chiếc túi thu thập vật chứng và điền phiếu. Cô ghi chú việc cần lấy dấu vân tay của nhân viên y tế đã tháo chiếc còng. Nhưng cô không nghi ngờ gì về chuyện nghi phạm xảo quyệt của họ sẽ không bắt cần vào lúc này.

Họ bước ra khỏi xe cấp cứu và bị luồng gió lạnh buốt ập vào người.

Một cảnh sát hiện trường tiến lại, anh ta chính là người cô đã cử đi kiểm tra tòa nhà gần đó - nơi Alexander đã kể là anh trông thấy một người đi theo mình. Anh chàng cảnh sát trẻ, khỏe mạnh với cặp kính gọng tròn, nói, “Không có ai trong tòa nhà. Và chúng tôi đã kiểm tra rất kỹ tầng hầm.

Không có lối thoát ra dưới đó, không cách nào sang bên bãi đậu xe được.”

“Được rồi, cảm ơn cậu.”

Hai lính cứu hỏa tiến lại, bộ đồ của họ nhỏ nước tong tong. Một trong hai cầm chiếc túi nhựa nhỏ. À, vật có thể là bằng chứng. Cô không lo ngại lắm về chuyện nhiều bằng chứng; người lính cứu hỏa đã đeo sẵn găng tay cao su chống độc.

Anh ta chào họ. “Nghe nói cô là cảnh sát phụ trách điều tra hiện trường?”

“Đúng vậy.” Sachs gật đầu. “Dưới đó thế nào?”

“Lộn xộn. Nó vẫn còn ngập khoảng hai mươi phân nước. Và khắp cả tầng hầm luôn. Còn đường hầm nằm dưới đó ư? Cũng thành một cái hồ luôn rồi.”

“Anh tìm thấy gì đấy?” Cô hát cầm về phía chiếc túi.

“Năm cạnh bức tường gần chỗ nạn nhân. Có thể là từ cậu bé của cô, hoặc không. Mặc dù vậy, chẳng còn gì khác.”

Vỏ chuối, lọ, tiền xu...

Cô cầm lấy cái túi bằng một bàn tay đeo găng. Bên trong là những hình kim loại nhỏ, cao khoảng hai, ba phân, đủ mọi hình dạng. Phần cứng của cái gì đó, Sachs đoán. Cô đưa cái túi cho Sellitto, anh ta nhún vai. Cô thả nó vào một túi đựng vật chứng và lấy tên cùng số hiệu của anh lính cứu hỏa cho thẻ vật chứng. Sachs viết các chi tiết xuống và nhờ anh ta kí vào. Cô cũng kí.

“Tôi muốn xuống dưới ấy,” Sachs nói với một trong hai lính cứu hỏa.

“Tôi mượn đôi ủng được không?”

“Chắc chắn rồi. Chúng tôi sẽ mặc đồ bảo hộ cho cô.”

Một lính cứu hỏa khác đi qua mang theo cái khay bằng giấy, phân phát cà phê cho họ. Sellitto cầm một cốc nhưng Sachs từ chối. Cô không còn bụng dạ cho bất kì món nào ngay lúc này trừ việc tìm ra một manh mối, gì cũng được, dẫn tới Nghi can 11-5.

“Chúng là mô cấy.”

TT Gordon, nghệ sĩ xăm với những hình xăm siêu anh hùng trên người và một cái cằm quá sức kiểu cách đã quay lại phòng khách nhà Rhyme.

Đứng bên chiếc bàn giám định cạnh Mel Cooper, anh ta nhìn xuống thứ mà anh lính cứu hỏa đã thu được tại hiện trường bãi đỗ xe Chung cư Belvedere: những mẫu kim loại rời rạc trong một chiếc túi nhựa. Chúng không phải phần cứng như lúc đầu Sachs đã nghĩ, mà là các hình số và chữ cái. Bề mặt của chúng đã bị giũa thành các đường rãnh và một loại chất gì đó màu ngà đã bị nhét vào các kẽ.

h71t Mỗi hình cao khoảng ba phân, chúng được đặt trên một tấm Teflon đã được khử trùng.

“Và mô cấy là cái gì?” Rhyme hỏi lúc đẩy xe lại gần hơn.

Chàng trai gầy nhằng xoa vào khuôn mặt Batman trên cánh tay khăng khiu của mình. Rhyme có thể thấy một phần của một vị siêu anh hùng khác trên cánh tay kia. Sao lại là hai nhân vật hoạt hình ấy nhỉ? Anh thắc mắc.

Nhưng: sao lại không chứ?

“Mô cấy là một dạng xăm mình cực đoan. Anh rạch những đường trên da rồi nhét chúng vào đó. Dần dần lớp da ấy sẽ co rút lại và anh trông thấy hình dạng hay các chữ cái nổi lên. Anh không bắt gặp loại này nhiều lắm đâu. Nhưng ngày nay xăm mực không có gì là ghê gớm cả - như tôi đã nói ngày hôm qua. Giờ đây mọi nhân viên văn phòng, trợ lý quan hệ công chúng và luật sư đều có một hình xăm. Anh sẽ cần tới mô cấy và sẹo để trở nên khác biệt. Ai mà biết trong mười năm tới sẽ còn gì nữa. Thực ra, tôi không nghĩ là tôi muốn biết đâu.”

Sachs hỏi, “Điều đó có cho chúng ta biết thêm gì về nghi phạm không?”

“Xác nhận điều tôi đã nói trước đó. Chúng rất hiếm gặp ở đây. Tôi không biết có bất kì nghệ sĩ nào làm chúng trong khu vực này. Cô biết đấy, về mặt kỹ thuật, đây chính là một quy trình phẫu thuật và cô cần được đào tạo tử tế. Cô sẽ bắt gặp loại hình này chủ yếu ở miền Trung Tây và Appalachia, Tây Virginia, miền núi phía Bắc Carolina. Những con người muốn sống một cuộc đời khác. Ý tôi là, khác hơn tôi,” nghệ sĩ xăm kiêm nhà ngữ pháp học TT Gordon nói.

“Chắc hẳn các vị nghĩ làm mô cấy là kiểu của đàn ông, nhưng thực tế phụ nữ mới hay dùng đến chúng. Chúng khá là nguy hiểm. Chúng được làm từ các chất liệu không có nhiều khả năng bị đào thải nhưng vẫn còn vấn đề nhiễm trùng. Và tệ hơn nữa, chúng sẽ di chuyển. Khi ấy thì các vị sẽ gặp rắc rối thật.”

“Và,” Mel Cooper nói trong lúc nhìn vào một máy tính kết nối với máy quang phổ khí, “anh cũng sẽ gặp rắc rối nếu các mô cấy vô tình lại chứa một liều nicotine đặc biệt đậm đặc. Như những hình này.”

“Nicotine à,” Rhyme lẩm bẩm.

“Đó là chất độc sao?” Ron Pulaski hỏi.

“Ồ phải,” Cooper nói. “Tôi từng làm một vụ mấy năm trước. Nicotine từng được dùng làm thuốc trừ sâu. Cậu có thể mua được chúng dưới dạng thô, đậm đặc. Thủ phạm trong vụ đó kiếm được một ít loại này. Hẳn ta muốn tống khứ bà mẹ để thừa kế, và vì bà ta hút thuốc, hẳn nghĩ rắc nó vào trong thức ăn của bà ta là ý hay. Bà ta đã chết chỉ trong vòng nửa giờ sau khi ăn. Nếu hẳn mà chia nhỏ ra từng liều thay vì chỉ một liều lớn duy nhất thì chắc đã thoát tội rồi. Chúng tôi phát hiện rằng lượng nicotine ấy nhiều như thể bà ta đã hút hết tám trăm điếu thuốc trong vòng một giờ và phủ kín cánh tay bằng mấy miếng dán cai thuốc* [vậy](#).”

Những miếng cao dán có chứa hàm lượng nicotine nhất định có tác dụng ngăn cơn thèm thuốc lá.

“Công thức nào?” Rhyme hỏi.

“Parasympathomimetic alkaloid. Xuất phát từ một họ thực vật cây kì nam.”

Sachs nói, “Mấy mô cây kia trông không lớn lắm. Liều lượng của chất độc thế nào?”

Theo khối phổ, Cooper đọc, “Cực lớn. Nếu hắt cấy những cái này vào hạ bì, nạn nhân sẽ chết trong vòng hai mươi phút, đó là dự đoán của tôi.”

“Chúa trời ơi.” Anh chàng siêu anh hùng thốt lên.

“Một cái chết đau đớn?” Sachs hỏi.

“Chắc chắn,” Rhyme nói, không mấy quan tâm đến khía cạnh đó. Anh quan tâm nhiều hơn tới nguồn gốc của chúng: “Hắn có thể kiếm mô cây ở đâu?”

Gordon nhún vai. “Tôi không biết bất kì nguồn nào ở đây. Nếu anh muốn chúng, thì anh lên mạng thôi.”

“Không,” Rhyme lật lại, “một lần nữa, hắn đã mua chúng trong một cửa hàng vật lí. Và trả tiền mặt.”

Anh nhìn vào những mẫu kim loại ấy lần nữa. Anh nghĩ ý nghĩa của chúng rất hiển nhiên. Một sự tái sắp xếp đơn giản lại cho ra một con số nữa.

Số thứ tự “17th”.

Sachs đã đeo một chiếc mặt nạ và đi găng tay hai lớp. Cô đang xem xét một chữ cái kim loại. Số 7. “Chúng ta đã có những dấu ấn công cụ. Mặt giữa đặc trưng. Việc đó cũng đáng kể đấy.”

Họ đã có thể thiết lập mối liên hệ giữa những mô cây có độc với một chiếc giữa kim loại trong đồ đạc của nghi phạm - tất nhiên với điều kiện là họ phải tìm được cái giữa ấy đã; không có hệ thống đăng kí toàn quốc nào cho các dấu công cụ như họ đã có với dấu vân tay, ADN và vỏ đạn cả.

“Nguồn chất độc?” Rhyme hỏi.

Sachs lên mạng tìm và báo cáo, “Việc này thú vị đây. Anh biết thuốc lá điện tử không?”

“Không.”

“Loại thuốc lá không khói. Chúng chạy bằng pin và có một cái ống mùi.

Kiểu như một loại tẩu thuốc vậy. Anh có thể mua nicotine thương mại, không mùi và có mùi để đổ vào trong những cái ống ấy. Nó ở dạng chất lỏng. Họ gọi nó là “sinh tố”.

Con người làm gì với cơ thể của mình vậy, Rhyme trộm nghĩ. “Bao nhiêu nguồn?”

“Khoảng vài chục.” Mel Cooper nhìn qua máy tính. “Thứ bán trên thị trường có độc, đúng, nhưng không hề giống thế này. Nghi phạm đã chưng cất hoặc tự làm ra chúng.”

“Được rồi. Chúng ta còn có gì khác không?”

Sachs đã giải thích rằng việc lợi trong tầng hầm bãi đỗ xe và đường hầm bên dưới không mang lại điều gì; nước đã chảy ra quá nhiều. Tuy nhiên, họ đã tìm được vài bằng chứng trên và bên trong chiếc túi có chứa mô cấy.

Chiếc túi là loại cất trữ thức ăn thông thường (và không thể lẫn theo).

Phần phía trên túi có một miếng dán bằng nhựa lì mặt để đầu bếp có thể viết trong túi chứa cái gì hay ngày cho nó vào tủ cấp đông. Dù nước đã gột sạch gần hết chữ viết của nghi phạm, vài chữ cái màu hồng nhạt vẫn còn lưu lại.

Thông điệp là *No. 3* - dành cho cuộc tấn công thứ ba, Rhyme dự đoán.

“Không biết nó có ích gì không,” Rhyme làu bàu. “Nhưng cứ cho lên bảng.”

Cooper phân tích thêm vài mẫu vật khác. “Đây là một kết hợp giữa albumin ở người và natri clorua - tỉ lệ pha trộn khớp với các loại thuốc dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ.”

“À, lại chuyện đó,” Rhyme nói. “Thủ phạm của chúng ta đã định sẵn trong đầu chuyện thay hình đổi dạng. Nhưng tôi không nghĩ là hẳn chịu đựng dao kéo ngay đâu. Hẳn còn quá bận rộn. Nhưng sau này, đó là một phần trong kế hoạch của hẳn.”

Lon Sellitto gọi đến. Anh ta vẫn còn ở Belvedere để chỉ đạo cuộc thẩm vấn các nhân chứng. “Linc, không ai trông thấy gì cả. Anh biết đang có chuyện gì rồi, đúng không?”

“Khai sáng cho tôi đi.”

“Mọi người biết gã này dùng đường ngầm để lại gần các nạn nhân của hẳn. Họ sợ nếu họ nói ra là đã trông thấy gì, hẳn sẽ tìm đến họ trong nhà tắm hay phòng giặt hay gara.”

Rhyme không thể tranh cãi với thái độ đó. Còn điều gì đáng sợ hơn khi nghĩ bạn chỉ có một mình và được an toàn trong những tầng thấp hơn ở chính ngôi nhà hay văn phòng hay tòa nhà công cộng của bạn, rồi biết rằng bạn chẳng hề cô đơn chút nào; bạn có một kẻ đồng hành chết chóc. Như một con rết nhóp nhép, độc địa đang cuộn mình dưới tấm chăn trên giường của bạn trong lúc bạn ngủ.

Sachs đã mang tới cả quần áo của Braden Alexander. Cooper cẩn thận kiểm tra từng món một, nhưng nước đã làm sai lệch mọi dấu vết - ấy là nếu ngay từ đầu trên đó đã có chút gì, và điều này rất khó xảy ra, theo lời Sachs, bởi mỗi tiếp xúc giữa hai người đàn ông chỉ ở mức tối thiểu. Chiếc còng tay không cho thấy vết tích nào và như những chiếc còn lại, nó cũng chỉ là loại thường gặp.

Cooper phân tích thêm các mẫu bông thấm từ chiếc túi đựng mô cấy.

Hầu hết đều âm tính. Cuối cùng anh ta cũng có một thành tựu. Nhìn thông tin trên màn hình, anh đọc, “Axít hipoclorơ.”

Rhyme nhìn sang khối phổ ấy. “Lạ nhỉ. Nó tinh khiết. Chứ không bị pha loãng.”

“Đúng vậy.” Cooper thò tay xuống dưới mặt nạ và đẩy kính lên cao hơn trên mũi. Rhyme tự hỏi như mọi khi, vì sao anh ta còn chưa sửa cái gọng kính ấy đi.

Axít hipoclorơ - một dạng của clorin - đã được thêm vào đường nước uống của thành phố New York, cũng như hầu hết các thành phố khác, nhằm mục đích lọc nước. Nhưng vì mẫu này là loại nguyên chất, nên không phải nó tới từ trận lụt đã phá hủy cả hiện trường bãi đỗ xe Belvedere. Đây là hóa chất ở dạng tinh khiết, trước khi nó được thêm vào hệ thống nước.

Rhyme trầm ngâm nói, “Nó là một axít yếu. Tôi cho là ở nồng độ cao hơn nó có thể gây chết người. Hay có lẽ hẳn chỉ vô tình dính phải nó vì đã ở gần một trong mấy cái hộp đồ hóa chất vào nguồn nước ấy. Sachs, ở hiện trường thứ nhất hoặc thứ hai, trong đường ngầm ấy? Ở đó có ống nước đúng không?”

“Ống nước, và trong một nơi còn có cả ống nước thải.”

“Đầu vào và đầu ra,” Pulaski đùa. Làm mấy người cười. Tất cả mọi người trừ Rhyme.

“Còn ống nào khác không - có thể là một cái chuyển clorin vào trong đường nước chính?”

“Em không nhớ.”

“Tôi muốn tìm hiểu xem. Nếu clorin này tới từ chất tẩy nguồn nước thì nó chẳng có ích gì. Nếu nó tới từ một loại độc mà hẳn định dùng thì chúng ta nên bắt đầu kiểm tra nguồn.” Rhyme gợi nhớ lại những bức ảnh chụp hai

hiện trường đầu tiên. “Hãy cử ai đó quay lại hiện trường và tìm hiểu xem ở đó có đường ống dẫn hóa chất nào không.”

Sachs hỏi, “Anh có muốn đội Hiện trường kiểm tra không?”

“Không, chỉ cần một cảnh sát mặc đồng phục thôi,” Rhyme nói. “Ai cũng được. Nhưng sớm. *Ngay bây giờ.*”

Sachs gọi tổng đài và cử xe tuần tra tới hai địa điểm trước đó, với lời chỉ dẫn phải tìm thứ gì.

Hai mươi phút sau điện thoại của Sachs reo vang. Cô nghe máy rồi chọn loa ngoài.

“Được rồi, cảnh sát, cậu đang nói chuyện với tôi và Lincoln Rhyme.”

“Tôi đang ở hiện trường phố Elizabeth, thưa thanh tra. Vụ án mạng Chloe Moore.”

“Chính xác cậu đang ở đâu?” Rhyme hỏi.

“Trong hầm, cạnh bên đèn hiện trường và ắc quy.”

Rhyme bảo cậu ta, “Tôi cần cậu tìm bất kì một cái ống hay hộp chứa nào có ghi “axít hipoclorơ” , “clorin” hoặc các chữ cái “Cl”. Chúng có một hình tứ giác cảnh báo nguy hiểm bên trên và có thể cả cảnh báo nguy hiểm khi tiếp xúc với da và mắt nữa.”

“Vâng, thưa anh. Tôi sẽ làm vậy.”

Cảnh sát tuần tra tiếp tục tường thuật trong lúc anh ta đi từ nơi đã tìm được xác nạn nhân, gần đường hầm gây chứng sợ chỗ kín, đến bức tường gạch cách đó một trăm mét.

Cuối cùng: “Không thấy gì, thưa anh. Chỉ có các chữ viết tắt là *DS* và *DEP* đóng dấu trên ống thôi.” Sở Vệ sinh và Sở Bảo vệ Môi trường, hai cơ quan giám sát nguồn nước của Thành phố New York.

“Và một loại hộp gì đấy đánh dấu *IFON* - không biết nó là gì. Nhưng không có gì liên quan đến hóa chất cả.”

Sachs cảm ơn cậu ta và cúp máy.

Không lâu sau thành viên của đội kia cũng gọi đến từ hiện trường bên dưới nhà hàng Provence2 - bãi mỗ gia súc hình bát giác, nơi Samantha Levine đã chết.

Cảnh sát này cũng báo cáo tương tự. Không có hệ thống DEP nào dẫn axít hipoclorơ vào nguồn nước cả.

Sau khi cúp máy, Rhyme nói, “VẬY là, có thể nó có chút liên hệ với nghi phạm. Hãy tìm xem ai đó có thể mua nó ở đâu, và nó được sản xuất như thế

1 7 t h

nào. Ron?”

Nhưng một cuộc kiểm tra đã cho thấy điều Rhyme nghi ngại: Có cả chục công ty cung cấp hóa chất trong khu vực ba bang quanh đây. Và nghi phạm chắc đã mua từng liều nhỏ, vì hẩn dùng tiền mặt. Thậm chí có thể hẩn đã ăn trộm một hai can. Một đầu mỗi vô dụng.

Rhyme lặn xe đến bàn giám định, nhìn chăm chăm vào các mô cấy, tâm trí anh cân nhắc đến ý nghĩa của những con số này.

“Chúng ta có ‘lần thứ hai’, ‘bốn mươi’ và giờ là ‘lần thứ mười bảy’.

Hẩn đang muốn nói cái quái quỷ gì nhỉ?” Rhyme lắc đầu. “Tôi vẫn thích cái ý tưởng hẩn đang đưa chúng ta đến một nơi nào đấy. Nhưng nơi nào mới được?”

Sachs nói, “Không có đường viền hình vỏ sò như ở các chỗ khác.”

Nhưng TT Gordon chỉ ra, “Cái đó làm bằng kỹ thuật tạo sẹo, cô nhớ không? Nếu hăn định làm cả hình đó thì hăn sẽ phải dùng cùng loại dao mổ như khi cắt các miếng da để cấy mô. Chắc hăn định làm sau này, sau khi đã đặt xong mô rồi. Từ những gì tôi nghe được, có vẻ như các cô đã cắt ngang hăn trước khi hăn kịp làm gì nhiều.”

“À, hăn đã trốn thoát trước khi làm được gì nhiều,” Sachs lẩm bẩm.

Pulaski nói thêm, “Không có *“the”* trong số mười bảy à.”

“Có thể đó là câu trích dẫn chính xác, dù câu ấy có là gì đi nữa.”

“Mô cấy cũng mất thời gian nữa,” Gordon nhận xét.

“Nói đúng lắm. Hăn sẽ muốn làm thật nhanh.” Rhyme gật đầu với nghệ sĩ xăm mình. “Có thể thêm chữ *“the”* sẽ quá nhiều.”

Mắt của tất cả mọi người lại đổ dồn vào những con số.

Thông điệp quý quái của nghi phạm là gì? Hăn có thể muốn nói điều gì với họ, với thành phố, với thế giới đây?

Nếu hình mẫu của hăn là Kẻ tầm xương như vẻ bề ngoài, thì gần như chắc chắn thông điệp đó là về sự báo thù. Nhưng vì cái gì? “Lần thứ hai” , “bốn mươi” và giờ là “17th” thì có thể nói gì về một điều oan trái mà hăn muốn chứng minh kia chứ?

Kể cả chuyện người ta đặt một biệt danh khác cho Nghi can 11-5 là Kẻ tầm da cũng không đủ với Rhyme. Anh cảm nhận được còn điều đó gì hơn thế nữa trong mục đích của hăn, chứ không chỉ là một di sản của một tên sát nhân hàng loạt điên rồ từng rình rập trên những con phố của New York hơn mười năm trước.

TT Gordon phá tan sự im lặng, “Các anh còn cần gì khác ở tôi không?”

“Không,” Rhyme nói. “Cảm ơn vì sự giúp đỡ của cậu. Rất cảm kích.”

Điều đó làm một bên lông mày Amelia Sachs nhướng lên. Văn minh lịch sự không phải đức tính của Lincoln Rhyme. Nhưng anh lại thấy thích thú với chàng trai có bộ râu cầu kì và cách nói năng của Strunk và White trong cuốn [*The Elements of Style**](#) này.

Sách hướng dẫn quy tắc viết trong tiếng Anh-Mĩ của hai tác giả William Strunk, Jr. và E. R. White.

Gordon mặc chiếc áo vest tuxedo của mình vào. Một lần nữa Rhyme lại nghĩ, dường như với một thân hình mỏng manh thế kia trong một ngày thời tiết xấu mù, xám xịt như thế này thì chiếc áo đó thật quá mỏng để có thể giữ ấm. “Chúc may mắn.” Cậu ta dừng bước trước mặt Rhyme, nhìn xuống anh. “Này, trông anh cứ như một người trong chúng tôi vậy, anh bạn.”

Rhyme nhìn lên. “Một trong những ai cơ?”

“Anh là người đã được biến cải.”

“Thế là thế nào?”

Cậu ta chỉ vào cánh tay Rhyme, nơi lộ rõ những vết sẹo từ cuộc phẫu thuật khôi phục chức năng cử động cho cánh tay và bàn tay phải của anh.

“Trông như Đỉnh Everest, những vết sẹo ở đó. Của anh thì úp ngược.”

Kì lạ thay, vết sẹo hình tam giác đúng thật là giống ngọn núi nổi tiếng.

“Nếu anh muốn đổ màu cho nó thì bảo tôi nhé. Hoặc tôi có thể làm một thứ khác. Ô, anh bạn, tôi biết rồi. Tôi có thể thêm vào một chú chim.” Cậu ta hất cằm về phía cửa sổ. “Một trong những chú điều hâu hay chim gì đó ngoài kia. Đang bay ngang đỉnh núi.”

Rhyme cười phá lên. Một ý nghĩ điên rồ làm sao. Rồi mắt anh lạc tới chỗ bày chim cắt. Đúng là ý tưởng ấy cũng có chút kích thích.

“Tổn thương trên da là điều cấm kị đối với một người ở trong tình trạng của anh ấy.” Thom đang đứng trên ngưỡng cửa, hai cánh tay khoanh lại.

Gordon gật đầu. “Tôi đoán như thế có nghĩa là không.”

“Không.”

Cậu ta nhìn quanh phòng. “Ồ, còn ai khác không?”

“Mẹ tôi sẽ giết tôi mất,” Mel Cooper suýt chạm tuổi trung niên nói.

“Vợ tôi,” Pulaski nói.

Còn Amelia Sachs chỉ lắc đầu.

Thom bảo, “Tôi chỉ trung thành với cái tôi đã có thôi.”

“Cái gì cơ?” Sachs vừa hỏi vừa cười. Nhưng trợ tá không nói gì thêm nữa.

“Được rồi, nhưng mọi người có số của tôi rồi đấy. Chúc may mắn, các bạn.”

Rồi anh chàng bỏ đi mất.

Cả đội nhìn vào những bức ảnh chụp hình xăm một lần nữa. Lon Sellitto không nghe máy nên Sachs gọi cho Đội trọng án và bảo đội ở trụ sở thêm “17th” vào dãy số họ cần tìm kiếm.

Ngay khi cô vừa cúp máy, điện thoại của cô lại rung lần nữa và cô trả lời. Rhyme lập tức thấy người cô cứng lại. Cô hỏi thều thào, “Sao cơ? Anh đã cử ai đến đó chưa?”

Cô bấm mạnh nút tắt máy và nhìn sang Rhyme, mắt mở lớn. “Một trung úy ở đội Tám tư. Một người hàng xóm vừa gọi chín một một, có kẻ đột nhập bên ngoài căn hộ của Pam. Nam da trắng đội mũ trùm và mặc áo khoác ngăn màu xám. Có vẻ như còn đeo mặt nạ. Màu vàng. Chúa ơi.”

Sachs mở điện thoại và bấm nút gọi nhanh.

Nghe máy đi!

Làm ơn nghe máy đi! Sachs tóm chặt lấy điện thoại và run lên vì cơn giận vô vọng khi hộp thư thoại của Pam bật lên.

“Pam ơi nếu em ở nhà, ra khỏi nhà ngay! Ngay lập tức! Đến đồn Tám tư. Phố Gold. Chị nghĩ thủ phạm trong vụ án của bọn chị đang ở chỗ em.”

Mắt cô bắt gặp ánh mắt Rhyme, khuôn mặt anh cũng lộ vẻ lo lắng không kém cô, và cô lại chọc ngón tay vào nút gọi lại.

Rhyme hỏi, “Con bé có đi làm không? Hay ở trường?”

“Em không biết. Nó làm ngoài giờ. Còn kì này thì chỉ đi học nửa buổi.”

Ron Pulaski gọi vào, “Khoảng bảy, tám phút nữa sẽ có một đội đến đó.”

Nhưng câu hỏi là: Như thế có quá muộn?

Tiếng tí tí ngắt trong điện thoại lấp đầy loa ngoài.

Chết tiệt. Một lần nữa lại là hòm thư thoại.

Không, không...

“Sachs...”

Cô lờ tịt Rhyme và bấm nút gọi lại lần nữa. Tại sao họ lại không cho người bảo vệ Pam toàn thời gian cơ chứ? Đúng là những mục tiêu của nghi phạm - cũng như vụ Kẻ tầm xương - đều ngẫu nhiên và chắc chắn Kẻ tầm da này thậm chí còn không biết cô bé có tồn tại, họ đã giả định như vậy.

Nhưng giờ thì tất nhiên hẳn đã quyết định không chỉ nhắm vào những kẻ truy lùng mình, mà còn cả người thân và bạn bè họ nữa. Đâu phải là không thể lần ra mối quan hệ của Pam với Rhyme và Sachs. Tại sao họ không...

Cạch. “Chị Amelia,” Pam hụt hơi trả lời. “Em nhận được tin nhắn của chị. Nhưng em không có ở nhà. Em ở chỗ làm.”

Sachs gục đầu xuống. Cảm ơn em, cảm ơn...

“Nhưng Seth ở nhà! Giờ anh ấy đang ở đó. Anh ấy đang chờ em. Lát nữa chúng em định đi chơi. Amelia, chúng... chúng em nên làm gì?”

Sachs lấy số di động của cậu ta và quay sang Pulaski. “Gọi cho Seth đi!” cô đọc to số từ bên này phòng. Cảnh sát trẻ nhanh nhẹn bấm nút.

“Cửa có khóa không, Pam?”

“Có, nhưng... Ôi, Amelia. Cảnh sát có ở đó không?”

“Họ đang trên đường đến. Ở nguyên chỗ của em. Và...”

“Ở nguyên chỗ em ư? Em đang về nhà. Em đang về luôn bây giờ.”

“Không. Đừng làm vậy.”

Giọng Pam cáu gắt, đầy vẻ oán trách. “Tại sao hãn lại làm điều này? Tại sao hãn lại có mặt ở căn hộ của em?”

“Ở nguyên...”

Cô gái cúp máy.

“Đang đổ chuông.” Khuôn mặt của Pulaski thay đổi ngay lập tức.

“Loa ngoài,” Rhyme quát.

Cảnh sát trẻ bấm nút. Giọng Seth vang lên trên đường dây. “A lô?”

“Seth, Lincoln Rhyme đây.”

“Chào, anh...”

“Nghe tôi nói cho kỹ đây. Ra ngoài ngay. Kẻ nào đó đang đột nhập vào căn hộ. Ra khỏi đó ngay!”

“Ở đây ư? Ý anh là sao? Pam có sao không?”

“Con bé ổn. Cảnh sát đang đến nhưng cậu phải thoát ra. Bỏ bất kì việc gì cậu đang làm và đi ngay. Ra ngoài qua cửa trước và đến ngay Đồn Tám mươi tư. Nó nằm trên phố Gold. Hay ít nhất tới nơi nào đó đông người. Gọi Amelia và tôi ngay khi...”

Những lời tiếp theo của Seth bị chặn lại, như thể cậu ta đã quay đi và chiếc điện thoại không còn kề bên miệng cậu nữa. “Này!”

Một tiếng giống như tiếng kính vỡ lọt vào và một giọng nói khác, của một người đàn ông vang lên. “Mày. Bỏ điện thoại xuống.”

“Mày làm cái quái...”

Tiếp theo là vài tiếng thịch. Seth hét lên.

Đường dây tắt ngóm.

Những chiếc xe tuần tra đến căn hộ của Pam trước Amelia Sachs.

Nhưng không lâu.

Sachs đã giữ cần số thật thấp trong chiếc Torino, còn chỉ số RPM thì cực cao, chân cô gần như không đạp phanh trong lúc lao tới Brooklyn Heights. Sidney Place, một con phố hẹp kết thúc ở State, chạy về phía bắc, một chiều, nhưng việc đó không ngăn được Sachs mang con Ford lao về hướng ngược lại, khiến chiếc xe ô tô đang đi ở chiều kia phải lao vọt lên vỉa hè, tìm kiếm lá chắn giữa rất nhiều cây cối ở đó. Một tài xế có tuổi lập cập đã quẹt cả vào rào chắn cầu thang ở nhà thờ Thánh Charles Borromeo, tòa nhà cao lớn và đỏ lôm như một chiếc xe tải cứu hỏa.

Mắt Sachs rực lửa, còn dữ dội hơn cả ngọn đèn nháy màu xanh trên bảng điều khiển dùng để dẹp đường mà không gặp phải nhiều sự phản kháng.

Tòa chung cư của Pam xập xệ hơn hầu hết những tòa nhà trong khu dân cư đá đỏ này. Sachs nhắm tới chỗ vòng cung xe cảnh sát và cứu thương. Cô bấm còi suốt - không có chiếc còi hú cảnh sát nào trên xe Torino - và để rẽ đám đông đang tò mò quanh đó, nhưng đã phải từ bỏ và đỗ xe lại. Cô lao đến cửa tòa nhà, để ý thấy xe cứu thương đã mở cửa nhưng không có nhân viên đội EMS nào gần đó. Dấu hiệu xấu. Phải chăng họ đang tuyệt vọng với tình trạng của Seth?

Hay cậu ta đã chết rồi?

Trên hành lang dẫn đến căn hộ của Pam, một cảnh sát mặc đồng phục to béo liếc nhìn phù hiệu đeo ở thắt lưng cô và gạt đầu mời vào. Cô hỏi ngay, “Cậu ta thế nào rồi?”

“Không biết. Lộn xộn lắm.”

Điện thoại của cô đổ chuông. Cô liếc nhìn số gọi đến. Pam. Sachs cân nhắc nhưng cứ để nó đổ chuông. Cô chưa có gì để nói với cô bé cả.

Mấy phút nữa mình sẽ biết, cô nghĩ. Và tự hỏi thông điệp chính xác sẽ là gì.

Một mớ lộn xộn...

Pam sống ở tầng mặt đất, một không gian nhỏ bé tối tăm rộng khoảng năm mươi lăm mét vuông, vẻ tương đồng của nó với một buồng giam càng được nhấn mạnh nhờ những bức tường gạch trần và cửa sổ bé tí. Đó là cái giá của việc sống trong một khu dân cư sang chảnh như Heights, nằm ở trung tâm trong khi Brooklyn đã là một thành phố bên trong thành phố.

Cô bước vào và trông thấy hai cảnh sát.

“Thanh tra Sachs,” một người nói dù cô không nhận ra anh ta. “Cô khám nghiệm hiện trường phải không? Chúng tôi đã dọn sạch. Phải đảm bảo...”

“Cậu ấy nằm đâu?” Cô nhìn qua người cảnh sát nhưng rồi nhận ra, tất nhiên rồi, Người đàn ông dưới hầm thì phải mang Seth xuống tầng hầm chứ.

Cảnh sát xác nhận rằng cậu ta đang ở dưới tầng hầm. “Nhân viên y tế, vài thanh tra từ đồn Tám Tư.” Anh ta lắc đầu. “Họ đang làm những gì tốt nhất có thể. Nhưng.”

Sachs hất tóc qua vai. Ước gì cô đã buộc túm nó bên ngoài. Lúc này không có thời gian, giờ cũng vậy. Cô quay sang đi vào hành lang, trong đó có mùi hành tây và ẩm mốc cùng mùi chất tẩy rửa mạnh. Nó làm bụng dạ cô nhộn nhạo. Cô thấy mình đi chậm lại. Hình ảnh cái chết và máu me không còn làm phiền cô nữa; bạn không đăng kí làm nghề giám định hiện trường nếu điều đó làm phiền bạn. Nhưng ý nghĩ sắp sửa phải thực hiện một cuộc gọi buồn bã cho Pam lại là cái mỏ neo nặng nề.

Hay nếu cân nhắc đến lựa chọn vũ khí của thủ phạm là chất độc, thì ngay cả một vết thương không chí mạng cũng có thể gây ra hậu quả khôn lường: mù mắt, tổn thương thần kinh hay não bộ, suy thận.

Cô tìm được cánh cửa xuống tầng hầm và bắt đầu đi xuống cầu thang ọp ẹp. Những bóng đèn tròn trên đầu tỏa sáng lồi đi, trần trụi và rục rạc. Tầng hầm này ở sâu dưới lòng đất, vài ba cửa sổ nhỏ cáu bẩn nằm trên trần nhà.

Gian hầm rộng lớn, đầy mùi chất đốt lò sưởi và nấm mốc, chủ yếu là không gian mở, nhưng cũng có những góc nhỏ hơn với lối vào không cửa, có thể trước đây từng là phòng kho. Thủ phạm đã lôi Seth vào một trong những góc này. Cô có thể trông thấy lưng của một vị thanh tra và một cảnh sát mặc đồng phục trong phòng, cả hai đều đang nhìn xuống.

Tim cô đập thình thịch và cô cũng để ý thấy một nhân viên y tế đang đứng khoanh tay bên ngoài ngưỡng cửa, nhìn vào. Khuôn mặt anh ta thẳng đơ.

Ánh mắt anh ta vô hồn nhìn vào cô và gật đầu, rồi lại liếc vào phòng kho.

Sachs lo lắng bước tới, nhìn xuống và dừng phắt lại.

Seth McGuinn đã bị lật trần, đang nằm trên nền nhà ẩm thấp, hai bàn tay nhét dưới người - có lẽ cũng bị còng như các nạn nhân khác. Cặp mắt của cậu ta đã nhắm nghiền và khuôn mặt xám xịt như một bức tranh cổ treo trên tường của tầng hầm đổ nát.

“Amelia. Họ không biết đâu,” một trong các cảnh sát mặc đồng phục đang đứng gần Seth nói. Tên anh ta là Flaherty và cô biết viên cảnh sát to béo, tóc đỏ ấy là người của đội Tám tư.

Hai nhân viên y tế khác đang làm việc với Seth, thông một đường thở, kiểm tra các dấu hiệu sống còn. Cô có thể nhìn trên một màn hình cầm tay rằng ít nhất tim cậu ta còn đập, dù có yếu ớt.

“Thủ phạm có xăm cậu ta không?” Cô không thấy được bụng cậu ta từ đây.

Flaherty nói, “Không.”

Sachs bảo nhân viên y tế, “Có thể là propofol. Đó là thứ hấn đang dùng.

Để chuốc mê các nạn nhân.”

“Tình trạng này khớp với một dạng thuốc mê. Cậu ta không bị co giật và không có các phản ứng trong đường ruột, các dấu hiệu sống còn đều ổn định nên tôi đoán nó không phải là chất độc.”

Sachs đi sang một bên và trông thấy một chấm đỏ trên cổ Seth - nơi 11-5 đã dùng cây kim dưới da. “Ở đó. Có thấy vết tiêm không?”

“Đúng rồi.”

“Hắn đã làm vậy trong tất cả các vụ trước. Hắn có...”

Một tiếng rên. Seth bỗng rùng mình rồi mở mắt. Chớp mắt bối rối. Rồi về mặt cậu ta hoảng sợ; đầu tiên cậu ta sẽ thắc mắc, rồi nhớ lại, làm thế nào mình lại ở dưới này.

“Tôi... có chuyện gì...”

“Ổn rồi, thưa anh,” một trong các nhân viên y tế nói.

“Cậu ổn rồi, an toàn rồi,” Flaherty nói.

“Amelia!” Giọng khẩn thiết, dù còn gượng gạo.

“Em thấy thế nào?”

“Hắn có đầu độc em không?”

“Trông không có vẻ thế.”

Một trong các nhân viên y tế hỏi một loạt câu hỏi về những triệu chứng có thể có. Họ ghi lại câu trả lời của chàng trai. Nhân viên EMT nói, “Được rồi, thưa anh. Phòng thí nghiệm của chúng tôi sẽ xét nghiệm máu cho anh nhưng có vẻ như anh chỉ bị tiêm thuốc mê thôi. Chúng tôi sẽ đưa anh đến phòng cấp cứu và thực hiện vài xét nghiệm nữa, nhưng tôi nghĩ là anh ổn.”

Sachs: “Tôi hỏi cậu ấy vài câu được không?”

“Chắc chắn rồi.”

Sachs đi gặng vào, giúp cậu ta ngồi dậy và tháo còng tay. Seth nhăn nhó hạ hai cánh tay xuống và xoa cổ tay. “Trời ạ, đau quá.”

“Cậu đi được không?” Hiện trường tại đây đã bị làm nhiễu quá nhiều, nhưng cô vẫn muốn bảo toàn nhiều nhất có thể. “Tôi muốn đưa cậu lên gác, vào trong sảnh.”

“Em đoán là được. Chắc nhờ chị giúp một chút.”

Cô nhẹ nhàng đỡ cậu ta dậy. Với một cánh tay cô vòng qua eo, cậu ta lảo đảo đi qua tầng hầm, lên cầu thang. Ở sảnh trước, họ ngồi luôn lên bậc thang dẫn lên tầng hai.

Cửa trước mở ra một lần nữa và Sachs chào hỏi đội Hiện trường từ Queens. Thanh tra nhận vụ này là một cảnh sát trẻ hấp dẫn có tên Cheyenne Edwards, một trong những ngôi sao của đội. Chuyên môn của cô là phân tích hóa học. Nếu nghi phạm chỉ có một mảy may dư chất giống mẫu so

sánh hoặc dư chất thuốc súng trên cơ thể thôi, Edwards sẽ tìm được nó. Cô cũng có tiếng, như trong tù nổi tiếng, là vàng.

Có nghĩa là, đừng nhìn với cô ấy.

Có lần cô và đồng sự chạm trán một tên tội phạm quay lại hiện trường để thu hồi món hời hăn đã bỏ lại. Bất ngờ khi bắt gặp cảnh sát, tên giết người, đã chĩa vũ khí sang viên cảnh sát hiện trường già hơn, to con hơn trước, bởi giả định rằng cô gái trẻ xinh đẹp kia là mối đe dọa ít nguy hiểm hơn - chỉ có điều hăn đã có một bài học đau đớn. Edwards đã thò tay vào trong túi, nơi để khẩu Taurus . 38 dự phòng của mình và bắn qua làn vải, găm ba viên đạn vào ngực hăn (“Có vẻ như chúng ta vừa phá án xong,” cô nhận xét nhưng vẫn tiếp tục khám nghiệm hiện trường một cách chuyên nghiệp, bởi đó là việc mà bạn phải làm).

“Chey, cô làm hiện trường này nhé?” Sachs hỏi.

“Được rồi.”

Rồi cô quay sang Seth: “Vậy, kể cho chị nghe chuyện gì đã xảy ra.”

Chàng trai kể với Sachs về cuộc tấn công đầu tiên mà phần đầu họ đã nghe thấy qua điện thoại. Một người đàn ông mang mặt nạ và găng tay đã đập vỡ cửa kính ngoài ban công và lao vào trong lúc Seth đang đứng ở phòng khách. Họ đánh nhau, nhưng trong khi thủ phạm vòng một tay ôm ngang ngực Seth, hăn đã chọc một cái kim vào cổ cậu. Cậu ta ngất xỉu và tỉnh lại dưới tầng hầm. Gã đang lôi một khẩu súng xăm chạy pin ra khỏi ba lô.

Sachs đưa ra một bức ảnh chụp máy xăm American Eagle.

“Đúng rồi, trông nó giống cái hăn có. Hăn đã rất bực vì em tỉnh lại và tiêm cho em thêm một liều nữa. Nhưng rồi hăn đột nhiên dừng lại. Kiểu như nghiêng đầu ấy. Em trông thấy hăn có tai nghe không dây. Giống như có ai đó đang cảnh báo hăn.”

Sachs nhăn mặt. “Không có bằng chứng cho thấy hãn có đồng phạm. Có thể đó là máy dò tần số của cảnh sát.”

Chỉ tốn tổng cộng 59,99 dollar. Và nếu bạn hành động ngay bây giờ, bạn sẽ có một danh sách các tần số của phòng ban cảnh sát mà bạn yêu thích.

“Hãn chỉ nhồi đồ vào trong ba lô và chạy mất. Em lại ngắt tiếp.”

Cô hỏi về nhân dạng và biết được điều mình đã biết: “Nam da trắng, quãng tuổi ba mươi, em đoán vậy. Từ chỗ tóc em có thể thấy được thì nó có màu đen, còn khuôn mặt tròn. Mắt sáng màu. Xanh dương hoặc xám. Màu đó hơi kì lạ. Nhưng em thực sự không trông thấy nhiều lắm. Hãn đã đeo cái mặt nạ trong suốt màu vàng.” Giọng cậu ta nhỏ lại. “Làm em sợ chết khiếp.

Còn cả hình xăm nữa. Trên... à phải, cánh tay trái của hãn. Màu đỏ. Một con rắn có chân.”

“Một con rết?”

“Có thể. Một khuôn mặt người. Càng đáng sợ hơn.” Cậu ta nhắm mắt lại một lát, thực sự đã run lên.

Sachs đưa cho cậu xem bức ảnh dựng hình tên nghi phạm mà người suýt thành nạn nhân, Harriet Stanton đã mô tả ở bệnh viện. Seth nhìn vào nó nhưng lắc đầu. “Có thể - mặt cũng tròn như thế. Mắt cũng thế. Nhưng em không nói chắc được. Em đang cố nghĩ xem hãn mặc cái gì. Em thực sự không nhớ nổi. Cái gì đó tối màu, em nghĩ thế. Nhưng cũng có thể nó là màu cam nhuộm loang lổ lắm chứ. Lúc nhìn thấy cái mặt nạ và hình xăm kia em đã thực sự hoảng loạn.”

“Tự hỏi vì sao ư?” Sachs dành cho cậu nụ cười pha trò.

“Tốt hơn em nên gọi cho bố mẹ. Họ có thể đã nghe nói về vụ việc. Em muốn báo với họ là em ổn.”

“Chắc chắn rồi.”

Trong lúc Seth bấm điện thoại với hai bàn tay run rẩy, Sachs gọi cho Rhyme. Cô kể anh nghe các chi tiết. “Cheyenne đang xử lí hiện trường.”

“Tốt lắm.”

“Cô ấy sẽ gửi mọi thứ qua chỗ anh trong nửa giờ tới.”

Anh cúp máy.

Seth nhăn nhó lúc ấn vào băng cá nhân ở cổ tay trái, đó là chỗ cậu đã tì trọng lượng cả người lên và bị còng tay cắt vào. “Hắn muốn gì, chị Amelia?”

Tại sao hắn lại làm việc này?”

“Bọn chị không chắc. Có vẻ như hắn được truyền cảm hứng từ một tên tội phạm mà Lincoln và chị từng điều tra nhiều năm trước. Vụ đầu tiên bọn chị làm việc cùng nhau ấy.”

“Ồ, Pam đã kể cho em nghe về vụ đó. Kẻ tầm xương, phải không?”

“Nó đấy.”

“Sát nhân hàng loạt?”

“Về mặt kỹ thuật thì không phải. Giết người hàng loạt là một tội ác mang tính chất ác tâm - nếu thủ phạm là đàn ông. Tên tội phạm của một thập kỉ trước có mục đích khác và kẻ này cũng vậy. Tên sát nhân đầu tiên bị ám ảnh với xương; nghi phạm của chúng ta bị ám ảnh với da. Bởi vì bọn chị đã ngăn cản được hắn vài lần, nên giờ hắn quay sang bọn chị. Chắc hắn đã biết được Pam và chị thân thiết với nhau nên hắn theo đuổi cô bé. Em chỉ không may có mặt ở đây sai thời điểm thôi.”

“Thà là em còn hơn là Pam. Em...”

“Seth!”

Cửa trước của tòa nhà mở toang và Pam lao vào trong sảnh, hụt cả hơi sau khi chạy từ ga tàu điện ngầm về. Cô gái lao mình vào vòng tay cậu ta trước cả khi cậu kịp đứng dậy. Cậu lão đảo suýt ngã.

“Anh có sao không?”

“Ồn, anh đoán vậy,” cậu ta lẩm bẩm. “Bầm dập và xước xát vài chỗ.”

Seth nhìn cô gái bằng cặp mắt ngại ngần, thận trọng như thể cậu ta đang đấu tranh để không đổ tội cho cô gái vì vụ tấn công này. Pam để ý thấy và cau mày. Cô gạt nước mắt và những lọn tóc đang dính lấy đôi má hồng.

Sachs vòng cánh tay quanh cô, cảm nhận được sự căng thẳng và thả cô ra. Cô gái lùi lại.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Pam hỏi.

Thanh tra giải thích, không chừa lại chi tiết nào. Với cuộc đời khó khăn mà Pam từng trải qua, cô bé không phải kiểu người mà bạn phải lựa lời báo tin xấu.

Tuy nhiên khuôn mặt đã căng thẳng của cô còn mang thêm cái nhìn trách móc trong lúc lắng nghe câu chuyện, cứ như chính Sachs là người có lỗi vì tên sát nhân đã tìm đến đây. Sachs bấm một móng tay vào ngón cái của mình, thật mạnh.

Cheyenne Edwards xuất hiện nơi ngưỡng cửa, vẫn còn mặc nguyên bộ đồ bảo hộ nhưng không đeo mặt nạ hay mũ phẫu thuật. Cô ấy đang ôm một cái khay đựng sữa chữa hàng chục túi giấy và túi nhựa.

“Chey, dưới ấy thế nào?”

Cô cảnh sát nhăn mặt và nói với Sachs, “Phải cứu mạng cậu ấy trước, đúng không? Ý tôi là, chị còn có thể đưa thêm người ngoài nào nữa vào cái phòng kho ấy không? Một trong những hiện trường bị nhiễu loạn nhất mà tôi từng làm.” Cô cười rồi nháy mắt với chàng trai. “Tôi lãn người cậu được không?”

“Lăn gì cơ?”

“Thủ phạm đã chạm vào cậu đúng không?”

“Đúng, ôm ngực tôi khi hấn tiêm thứ rác rưởi ấy.”

Edwards lấy một cây lăn lông chó dài ra và thu lại dấu vết ở mọi chỗ trên áo sơ mi mà Seth chỉ. Cô cất túi những sợi băng dính ấy và đi ra chiếc xe phản ứng nhanh của đội Hiện trường, vừa đi vừa nói vọng lại, “Tôi sẽ mang đồng này sang chỗ Lincoln.”

Sachs nói với Pam, “Em không thể ở đây được. Chị nghĩ em nên chuyển vào ở phòng ngủ của em trong nhà Lincoln. Bọn chị sẽ cử cảnh sát ở lại đây đến khi em gói ghém xong đồ cần thiết.”

Cô gái trẻ nhìn sang Seth, và câu hỏi âm thầm được trao đổi giữa họ là: Em có thể ở với anh, đúng không?

Cậu ta không nói gì.

Sachs nói, “Còn Seth, có lẽ cậu nên ở với một người bạn hay gia đình cậu. Có thể hẳn còn có địa chỉ nhà cậu. Cậu là một nhân chứng và điều đó có nghĩa là cậu cũng gặp nguy hiểm.” Đây thuần túy là hành động thực tế chứ không phải mưu kế để chia uyên rẽ thúy. Mặc dù vậy Pam lại bắn cho Sachs một cái nhìn như thế, em biết ý đồ của chị.

Seth không chịu nhìn vào Pam lúc cậu ta nói, “Có vài người em quen trong công ty quảng cáo. Họ có một nơi ở Chelsea. Em có thể ở nhờ chỗ đó.”

“Chị hi vọng em không phải ở đó lâu. Còn em?” cô hỏi Pam. “Em sang chỗ Lincoln chứ?”

Mắt cô gái nhìn Seth buồn thảm. Cô khẽ nói, “Em nghĩ em ở với gia đình mình thôi.”

Ý cô nói tới gia đình cha mẹ nuôi đã nuôi nấng cô, nhà Olivetti.

Một lựa chọn tốt. Nhưng Sachs vẫn cảm thấy nhói lòng vì ghen tị. Bởi lời trách móc âm thầm. Và cách chọn lựa từ ngữ sỗ sàng.

Gia đình mình.

Tức không bao gồm chị.

“Chị sẽ đưa em đến đó,” Sachs nói. “Hoặc chúng em có thể đi tàu,” Pam bảo, liếc sang Seth.

“Họ muốn anh đến bệnh viện,” cậu ta bảo. “Để kiểm tra, anh đoán vậy.

Sau đó anh nghĩ là anh sẽ đi đến chỗ mấy cậu bạn trong thành phố thôi.”

“Em có thể đi cùng anh. Ít nhất là tới bệnh viện.”

“Không, chỉ là ngay sau việc này... anh muốn bình tâm lại. Ở riêng một lát, em biết đấy?”

“Chắc chắn rồi. Em đoán vậy. Nếu anh muốn.”

Cậu ta lão đảo đứng lên đi vào căn hộ của cô gái, thu áo khoác và túi đựng máy tính rồi quay lại. Cậu ta ôm Pam một lần, theo cách như anh em, rồi mặc áo khoác vào và túm lấy chiếc túi, đi cùng đội EMT bên ngoài, họ giúp cậu trèo vào xe cấp cứu.

“Pam à...”

“Đừng nói gì. Đừng nói một lời nào cả,” cô gái trẻ gầm gừ. Pam lôi điện thoại ra và gọi một cuộc tới “gia đình” mình, hỏi xin đi nhờ. Cô đi vào trong nhà. Sachs nhờ một cảnh sát tuần tra để mắt đến cô cho tới khi nhà Olivetti xuất hiện. Anh ta nói mình sẽ làm.

Rồi điện thoại của cô rung lên. Cô nhìn số gọi đến và trả lời, “Em xong việc ở đây rồi. Em sẽ...”

Giọng u ám của nhà tội phạm học cắt ngang. “Hắn có một nạn nhân nữa, Sachs.”

Ôi không. “Ai đấy?”

“Lon Sellitto.”

Lincoln Rhyme quan sát thấy mình không gặp khó khăn gì khi đi tới phòng chăm sóc chuyên sâu của Trung tâm y tế Đại học Hunter, nơi Lon Sellitto đã được đưa vào không lâu trước đó. Tất nhiên nơi này đầy đủ các phương tiện cho người khuyết tật tiếp cận. Không gian chữa bệnh được thiết kế cho cả xe lăn lẫn bàn chân người.

“Ồ, Lincoln, Amelia.” Rachel Parker, bạn gái lâu năm của Sellitto đứng dậy và nắm tay Rhyme, rồi ôm Sachs. Chị quay sang Thom và cũng vòng tay ôm luôn anh ta.

Người phụ nữ xinh đẹp, rần rỏi với gương mặt đỏ ửng vì khóc ngời xuống một trong những chiếc ghế Fiberglas màu da cam trong căn phòng cũ kỹ. Đồ vật trang trí duy nhất trong phòng là hai chiếc máy bán hàng tự động, một cái cho xô đa, cái kia toàn là đồ ăn vặt mặn hoặc ngọt trong những chiếc túi bóng kính loại cứng.

“Anh ấy thế nào rồi?” Sachs hỏi.

“Họ còn chưa biết. Họ chẳng biết gì cả.” Rachel vuốt nước mắt. “Anh ấy về nhà. Anh ấy bảo mình bị cảm và chỉ muốn nằm nghỉ một lát. Lúc tôi chuẩn bị đi làm thì anh ấy đã có vẻ không ổn rồi. Tôi đi nhưng lại nghĩ, không, không, không phải anh ấy bị cảm. Chắc là một cái gì khác.” Rachel là y tá và đã làm việc trong phòng chấn thương nhiều năm. “Tôi quay về và thấy anh ấy đang co giật và nôn mửa. Tôi đặt ống thở và gọi cho chín một một. Nhân viên y tế nói có vẻ như đây là một vụ ngộ độc. Anh ấy đã ăn hay uống gì gần đây vậy? Họ nghĩ là do ngộ độc thức ăn. Nhưng không đời nào.

Hai người phải trông thấy anh ấy cơ.”

“Sachs, cho họ xem phù hiệu đi. Bảo ai đó rằng Lon đang làm một vụ án có liên quan đến thủy độc cần, tetrodotoxin và nicotine cô đặc, và một loại cây

có chứa atropine, hyoscyamine và scopolamine nữa. À, cả axit hipoclorơ. Thông tin ấy có thể giúp được họ.”

Cô ghi chép nhanh và đi đến phòng các y tá để đọc lại thông tin trên rồi quay về.

“Anh ấy có bị tấn công không? Bị xăm?” Rhyme hỏi. Rồi giải thích về phương thức gây án của nghi phạm.

“Không. Chắc là anh ấy ăn phải nó đấy,” Rachel nói. Chị vuốt thẳng mái tóc nâu đã lẩn vài lọn xám. “Trên đường đến bệnh viện anh ấy tỉnh lại một lát. Anh ấy bị mất phương hướng nhưng vẫn nhìn vào tôi và có vẻ nhận ra tôi. Mắt anh ấy liên tục đảo qua đảo lại lúc biết lúc không. Cơn đau thì thật kinh khủng! Tôi nghĩ anh ấy đã làm gãy một cái răng, hai hàm anh ấy siết lại với nhau ghê quá.” Một tiếng thở dài. “Anh ấy đã nói đôi điều. Đầu tiên, là anh ấy đã ăn một cái bánh vòng với ít cá hồi, kem phô mai. Trong một nhà hàng ăn nhanh ở Manhattan, ở trung tâm thành phố.”

“Rất khó có chuyện lẫn chất độc vào thức ăn của anh ấy trong một cơ sở công cộng như thế,” Rhyme nói.

“Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng anh ấy còn nói điều khác nữa.”

“Đó là gì?” Sachs hỏi.

“Anh ấy gọi tên cô, Amelia. Rồi nói, “cà phê”. Hay “cà phê ấy”. Điều đó có nghĩa gì không?”

“Cà phê.” Sachs nhăn nhó. “Chắc chắn là có. Ở hiện trường Belvedere có một lính cứu hỏa đã đi vòng quanh với một hộp cà phê. Hẳn ta mời cả hai chúng tôi. Lon lấy một cốc. Tôi thì không.”

“Lính cứu hỏa à?” Rhyme hỏi.

“Không,” Sachs cau có nói. “Đó là Nghi phạm 11-5, mặc bộ đồng phục lính cứu hỏa. Quỷ tha ma bắt! Hẳn đã ở ngay trước mắt chúng em. Tất nhiên là

thế rồi. Em nhớ hẳn đã đeo găng tay lúc phân phát cà phê. Chúa ơi.

Hẳn đứng cách em có sáu chục phân. Và đeo mặt nạ phòng khí độc nữa.

Hiển nhiên rồi.”

“Xin lỗi.” Một giọng nói vang lên sau họ.

Ông bác sĩ là một người Đông Ấn bé nhỏ với nước da xám màu và những ngón tay bện rện. Ông ta chớp mắt khi trông thấy khẩu súng trên hông phải của Sachs rồi thả lỏng lúc nhìn vào phù hiệu vàng trên hông trái.

Chiếc xe đẩy của Rhyme chỉ nhận được một cái liếc nhanh, thờ ơ.

“Bà Sellitto?”

Rachel bước tới. “Là Parker. Chỉ là cô thôi. Tôi là bạn gái của Lon.”

“Tôi là Shree Harandi. Bác sĩ trưởng khoa độc dược học ở đây.”

“Anh ấy thế nào rồi? Thưa ông?”

“Vâng, anh ấy đã ổn định. Nhưng tình trạng của anh ấy không tốt, tôi phải nói vậy. Chất độc anh ấy nuốt phải là asen.”

Mặt Rachel đầy đau khổ. Sachs vòng một tay ôm người phụ nữ.

Asen là một nguyên tố, một á kim, điều đó có nghĩa là nó vừa có tính chất của kim loại lại vừa phi kim loại, như ăng-ti-moan và bo vậy. Và tất nhiên là nó kịch độc. Rhyme nghĩ đến chuyện nghi phạm đã chuyển từ các loại độc chất có nguồn gốc thực vật sang hẳn một danh mục hoàn toàn khác - các loại nguyên tố có độc không nguy hiểm hơn nhưng chúng lại dễ dàng bắt gặp hơn nhiều vì chúng có những công dụng thương mại và có thể dễ dàng mua bán đến cả số lượng gây chết người; bạn không cần phải chiết xuất hay chưng cất chúng.

“Tôi thấy là có cả cảnh sát ở đây.” Giờ ông ta đã nhìn chiếc xe lăn với vẻ hiểu biết hơn. “À, tôi đã nghe nói về anh. Anh là Rhymes.”

“Rhyme.”

“Và tôi biết anh Sellitto cũng là một cảnh sát. Anh đã cho tôi thông tin về các chất độc đáng nghi phải không?”

“Đúng vậy,” Sachs nói.

“Cảm ơn anh vì điều đó nhưng chúng tôi đã nhanh chóng xác định đó là arsen. Giờ, tôi phải nói cho các vị biết. Tình trạng của anh ấy rất nghiêm trọng. Liều lượng chất này rất cao. Các cơ quan nội tạng bị ảnh hưởng là phổi, thận, gan và da, và anh ấy đã bắt đầu có những biến đổi ở sắc tố da móng tay, được biết đến với tên gọi hiện tượng móng trắng dạng vân. Đó không phải là một dấu hiệu tốt.”

“Asen vô cơ?” Rhyme hỏi.

“Đúng vậy.”

Asen (III) là loại nguy hiểm nhất trong các loại chất độc. Rhyme khá quen thuộc với độc chất này. Anh đã từng làm hai vụ án mà hung thủ dùng nó làm vũ khí giết người - trong cả hai vụ đó người bạn đời (một người chồng, một người vợ) đều đã tiễn bạn đời của họ bằng chất này.

Ba trường hợp khác mà anh từng gặp nghi ngờ độc arsen thì hóa ra đều là tai nạn. Chất độc này sản sinh tự nhiên trong mạch nước ngầm, đặc biệt là những nơi có hoạt động khai thác dầu trong đá - dùng cách làm nứt địa chất dưới áp lực cao để thu lấy dầu và khí ga.

Trên thực tế, trong suốt tiến trình lịch sử, nạn nhân bị hại bởi các vụ đầu độc bằng arsen - như Francesco I de' Medici, Đại công tước Tuscany - lại ít hơn nạn nhân vô tình trúng độc: Napoléon Bonaparte, có thể đã chết bởi những tờ giấy dán tường trong căn phòng ông bị đày tới ở St Helena; Simon Bolivar (nước ở Nam Mỹ) ; và viên đại sứ Hoa Kỳ tới Ý hồi những năm 50

(mảng sơn tróc trong căn hộ của bà). Rất nhiều khả năng sự điên rồ của Vua George cũng là do á kim này.

“Chúng tôi có thể gặp anh ấy không?” Sachs hỏi.

“Tôi e là không. Anh ấy đang bất tỉnh. Nhưng một y tá sẽ gọi các vị khi anh ấy tỉnh lại.”

Rhyme ghi nhận và thấy cảm kích thay cho Rachel vì cách dùng liên từ này.

Khi, chứ không phải là nếu.

Vị bác sĩ bắt tay. “Anh tin rằng thực sự có ai đó đã cố ý gây ra việc này ư?”

“Đúng vậy.”

“Ôi trời.”

Điện thoại của ông reo vang và không nói thêm lời nào, ông quay đi để nghe máy.

Tháng Mười năm 1818, một người phụ nữ hấp dẫn với khuôn mặt góc cạnh và đôi mắt sắc sảo đã chết ở tuổi ba mươi tư ở hạt Spencer, Indiana.

Đã có vài tranh cãi về nguyên nhân gây ra cái chết của Nancy Lincoln -

có thể là bệnh lao hoặc ung thư nhưng kết luận chung thì cô là nạn nhân của bệnh sữa, căn bệnh đã cướp đi hàng ngàn mạng sống trong thế kỉ mười chín. Mặc dù người ta không thể xác định nguyên nhân thực sự, một trong những sự kiện về cái chết của Nancy lại được ghi chép đầy đủ: cậu con trai mười chín tuổi của cô, Abraham, tổng thống tương lai của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, đã giúp cha mình tự đóng quan tài cho cô.

Bệnh sữa đã khiến những người trong ngành y tế đau đầu nhiều năm, cho đến khi rốt cuộc họ cũng khám phá ra nguyên nhân là tremetol, một chất cồn độc tính cao đã lẫn vào sữa bò sau khi con vật này ăn bạch xà rể.

Loài cây này là loại thảo mộc khó mô tả, không có gì nổi bật và hiếm khi mang lại đóng góp thậm mĩ cho bất kì khu vườn nào, và vì vậy Billy Haven không coi nó là một loài cây đáng để vẽ phác thảo. Nhưng hẳn lại yêu đặc tính độc dược của nó.

Một khi bị tiêu hóa trong cơ thể, tremetol khiến nạn nhân phải chịu đựng cơn đau bụng khủng khiếp, choáng váng nặng và khát nước, cơ giật không kiểm soát nổi và nôn mửa liên tục.

Thậm chí chỉ một lượng nhỏ cũng có thể gây chết người.

Đầu cúi gằm, đội một chiếc mũ phớt mềm vành ngắn - rất ra dáng dân bụi - và áo mưa dài màu đen, Billy đang lần bước qua Công viên Trung tâm, mé tây. Trong bàn tay đi găng của hắn là một chiếc cặp táp. Hắn đang đi về phía nam và đã phải cuộc bộ rất lâu từ Harlem, nhưng hắn muốn tránh những chiếc máy quay CCTV ở tàu điện ngầm, ngay cả khi vẻ ngoài của hắn có

khác hẳn những gì mà Người đàn ông dưới hầm từng mặc trong suốt những vụ tấn công trước.

Đúng, tremetol là vũ khí của hắn nhưng vụ tấn công sắp tới sẽ không liên quan đến xăm mình, nên hắn đã bỏ lại chiếc máy ở xưởng làm việc gần Canal. Ngày hôm nay tình huống đòi hỏi một phương thức đầu độc khác.

Nhưng là một cách cũng mang lại thỏa mãn tương tự.

Billy đang có tâm trạng vui vẻ.Ồ, với những vụ tấn công trước, Billy cũng thấy thỏa mãn lắm chứ, đúng, nhồi thuốc độc vào các nạn nhân, vẽ đường viền máu vừa đúng, tạo góc tỉ mỉ cho chân chữ cái trong phong chữ Old English.

Một mẫu của Billy...

Nhưng nó chỉ là niềm vui giống như khi bạn vui vì đang làm việc của mình hoặc hoàn thành việc nhà thôi.

Việc hắn sắp làm là ở một mức độ vui vẻ hoàn toàn khác.

Billy lên ra khỏi công viên và quan sát đường phố cẩn thận, cả hai phía lẫn trước mặt. Không ai nhìn hắn với sự nghi ngờ cả. Không có cảnh sát nào đang đi tuần. Hắn tiếp tục hành trình về phía nam tới chỗ mục tiêu của mình.

Đúng, cuộc tấn công này sẽ khác.

Thứ nhất, sẽ không có thông điệp nào được gửi đi. Hắn chỉ đơn giản là đưa tremetol vào. Không sẹo, không hình xăm, không biến cải gì.

Tất nhiên, hắn không muốn giết nạn nhân. Cái chết ấy sẽ là bất lợi vô kể với Biến cải. Không, hắn sẽ dùng chất độc để làm suy yếu.

Mặc dù trong tương lai nạn nhân mục tiêu của hắn sẽ phải sống một cuộc đời rất khó khăn; có lẽ những triệu chứng không gây chết người đáng phiền hà nhất của loại bạch xà rết là mê sảng và mất trí. Người đàn ông hắn sắp sửa

đầu độc sẽ vẫn sống nhưng lại trở thành một gã điên trong khoảng thời gian rất, rất dài.

Tuy nhiên Billy vẫn có một tiếc nuối: nạn nhân của hắn sẽ không thể cảm nhận được những cơn choáng váng không tài nào chịu nổi và nỗi đau thấu ruột gan mà độc dược của bạch xà rết gây ra. Lincoln Rhyme đã bị tê liệt các giác quan bên dưới cổ anh ta. Cơn nôn mửa, những trận co giật và các triệu chứng khác sẽ rất khó chịu nhưng không đáng sợ bằng ở một người có đầy đủ chức năng thần kinh.

Lúc này Billy rẽ sang phía tây xuôi theo một con phố cắt ngang và bước vào một nhà hàng Trung Hoa sáng đèn, trong đó đầy mùi tỏi và dầu nóng.

Hắn tìm đường đến nhà vệ sinh, trong một buồng riêng hắn đã cởi bỏ mũ và áo choàng, mặc bộ đồ bảo hộ vào.

Một lần nữa lại ra ngoài - hắn đã quan sát thấy không có thực khách hay nhân viên nào để ý đến mình - Billy đi bộ sang đường vào một đường ngách dẫn đến cửa sau nhà Rhyme.

Cái ngõ cụt ấy cũng hăng nồng - mùi hơi giống trong nhà hàng Trung Hoa, hắn nghĩ lại - nhưng lại khá sạch sẽ. Mặt đất lát bằng gạch sỏi cổ và những miếng nhựa đường, điểm xuyết những vũng tuyết tan và băng. Mấy thùng Dumpster xếp gọn ghẽ cạnh bức tường gạch. Có vẻ như vài dinh thự quanh đây, bao gồm ngôi nhà của Rhyme, và một tòa chung cư lớn đều quay lưng ra khu vực này.

Để ý thấy có một máy quay an ninh ở đằng sau dinh thự của Rhyme, hắn giả vờ kiểm tra đường dây điện.

Thụp xuống sau một thùng Dumpster, giống như đang kiểm tra vấn đề trên một dây dẫn điện, Billy lượn vòng qua chiếc máy quay và tiếp cận cánh cửa. Hắn lôi ra một cây kim chứa chất độc bạch xà rết từ trong hộp đựng bàn chải đánh răng và tuồn cái xy lanh vào trong túi quần.

Chất lỏng trong suốt tremetol là một loại cồn sẽ hòa tan ngay lập tức với món đồ uống yêu thích của Rhyme, theo như nghiên cứu của Billy thì đó chính là rượu mạch nha đơn cất. Nó cũng không có vị gì.

Lòng bàn tay Billy toát mồ hôi. Tim hẫ hẫ đập thành thịch.

Theo những gì hẫ biết, ngay lúc này có khi trong nhà có đến cả chục cảnh sát vũ trang đến gặp Rhyme. Chuông báo động sẽ không bật vào ban ngày, nhưng hẫ có thể bị bắt gặp đang làm trò với chai rượu một cách dễ dàng.

Và có khi còn bị bắn tại chỗ.

Nhưng hiển nhiên cuộc Biến cải phải có mạo hiểm rồi. Có nhiệm vụ quan trọng nào mà không hiểm nguy? Vậy nên, hẫ vẫn phải làm. Billy lôi điện thoại ra và bấm một số, đó là một chiếc máy trả trước, không thể lẫn theo.

Gần như ngay lập tức hẫ đã nghe, “Cảnh sát và cứu hỏa đây. Cuộc gọi khẩn cấp của anh là gì?”

“Một người đàn ông có súng trong Công viên Trung tâm! Hẫ đang tấn công một phụ nữ.”

“Anh đang ở đâu, thưa anh?”

“Hẫ có súng! Tôi nghĩ hẫ sắp hiếp cô ấy rồi!”

“Vâng, thưa anh. Anh đang ở đâu? Chính xác là đâu?”

“Công viên Trung tâm mé tây, khoảng... tôi không biết. Nó là... ừm được rồi, trước mặt Ba trăm năm mươi Công viên Trung tâm mé tây.”

“Có ai bị thương không?”

“Tôi nghĩ là có! Chúa ơi! Làm ơn. Cử ai đến đi.”

“Mô tả hẫ.”

“Da màu. Tâm ba mươi.”

“Tên anh là...”

Sáu mươi giây sau đó hắn nghe tiếng còi hụ. Hắn biết Phân khu 20, đóng tại Công viên Trung tâm, đang ở gần đó.

Lại thêm tiếng còi.

Hàng chục xe tuần tra, hắn đoán thế.

Hắn chờ đến khi tiếng còi vang lên lớn hơn; chắc là họ đã thu hút sự chú ý của tất cả mọi người trong dinh thự. Đánh cược vào chuyện không ai có thể nhìn vào màn hình an ninh, Billy bước một cách có chủ đích tới cửa sau nhà Rhyme. Dừng bước lần nữa. Hắn nhìn quanh. Không có ai. Hắn quay sang cái khóa.

Sau này, cảnh sát có thể nhìn vào cuộn băng an ninh - nếu nó được ghi lại - và thấy một kẻ đột nhập. Nhưng tất cả những gì họ nhìn được chỉ là một dáng hình mờ ảo, đầu cúi gằm.

Đến lúc ấy thì mọi chuyện đã quá muộn.

“Chuyện quái quỷ gì đang diễn ra vậy?” Rhyme quát.

Nhà tội phạm học và Mel Cooper đang ở sảnh trước của dinh thự, cửa mở ra. Ron Pulaski đứng cùng với họ. Cả ba nhìn ra phố, lúc này đang có đầy xe cảnh sát, hai xe tải ESU và hai xe cứu thương.

Đèn xanh, trắng, đỏ. Nhá liên hồi.

Bàn tay của Cooper và Pulaski đều đặt gần vũ khí bên hông của họ.

Thom đang ở trên gác, có lẽ là quan sát từ cửa sổ phòng ngủ.

Năm phút trước Rhyme nghe thấy những tiếng hụ còi khẩn cấp vang lên to hơn khi những chiếc xe cấp cứu lao dọc con phố bên ngoài. Anh tưởng họ sẽ đi tiếp vào Công viên Trung tâm mé Tây, nhưng họ lại không đi.

Những chiếc xe phanh gấp ngay ở cửa ngói nhà phía trên nhà anh. Tiếng còi đình tai nhức óc vẫn tiếp tục ở cao độ một lát rồi tắt dần từng xe một.

Vừa nhìn ra ngoài Rhyme vừa nói, “Gọi vào trung tâm xem, Mel. Tìm hiểu xem.”

Đầu tiên anh đoán là sự việc này có gì đó liên quan đến mình - có lẽ nghi phạm đã tấn công trực diện vào dinh thự - nhưng rồi anh phát hiện ra mọi sự chú ý đều tập trung vào công viên và không có cảnh sát nào liên quan đến hoạt động kia tiếp cận nhà anh cả.

Cooper đang nói chuyện với ai đó ở Tổng đài rồi cúp máy.

“Một cuộc tấn công trong công viên. Nam da màu, ngoài ba mươi. Có lẽ định cưỡng dâm.”

“À.” Họ tiếp tục theo dõi thêm ba, bốn phút nữa. Rhyme nhìn kĩ công viên. Rất khó để trông thấy điều gì qua sương mù và cơn mưa tuyết. Một vụ

cưỡng hiếp? Cơ khát dục tình còn bốc đồng và dữ dội hơn cả cơ khát tiền, anh biết, nhưng trong thời tiết như thế này ư?

Anh tưởng tượng mình là người làm hiện trường của vụ án đó và nghĩ rằng việc tìm bằng chứng trong cơn mưa băng giá này hẳn là một thách thức.

Nhưng điều đó lại làm anh nhớ đến Lon Sellitto, người thường đóng vai đại diện NYPD và liên hệ với anh về những nhiệm vụ tiềm năng. Viên thanh tra vẫn còn nằm trong phòng chăm sóc chuyên sâu nhất của khu chăm sóc đặc biệt, chưa có dấu hiệu tỉnh lại.

Rhyme gạt vụ cưỡng hiếp, hay âm mưu cưỡng hiếp ra khỏi đầu. Anh, Pulaski và Cooper quay vào phòng thí nghiệm trong phòng khách, nơi họ đang phân tích bằng chứng mà Thanh tra Cheyenne Edwards vừa đưa đến - những phát hiện tại hiện trường nhà Pam Willoughby.

Ở đó không có gì nhiều, mặc dù nghi phạm đã bỏ đi vội vã đến mức quên không lấy lại chiếc kim tiêm dưới da đã dùng để đâm Seth cùng cái lọ đựng chất độc mà hắn đã định dùng cho chàng trai trẻ. Chất độc tới từ cây baneberry trắng - còn gọi là mắt búp bê, vì quả của nó rất giống tròng mắt.

Ghê rợn. Cooper giải thích rằng chất độc này hại đến tim; về cơ bản nó làm tim ngừng đập. Trong tất cả các loại độc dược mà nghi phạm từng sử dụng thì đây là loại nhân đạo nhất, giết người mà không gây ra những cơn đau đốn tấn công đường ruột hay hệ thống thận.

Rhyme để ý thấy Ron Pulaski đang nhìn xuống điện thoại của mình.

Khuôn mặt cậu ta sáng lên nhờ ánh sáng mờ mờ màu xanh.

Kiểm tra tin nhắn hay là xem giờ? Rhyme tự hỏi. Ngày nay điện thoại di động được dùng thay đồng hồ ngày càng thường xuyên hơn.

Pulaski cúp máy và nói với Rhyme, “Tôi nên đi.”

Vậy là, xem giờ. Không phải tin nhắn.

Nhiệm vụ ngầm của Ron Pulaski ở nhà tang lễ sắp sửa bắt đầu: xem ai là người tới nhận tro cốt của Thợ đồng hồ và có lẽ, chỉ có lẽ thôi, biết được thêm chút gì về tên tội phạm bí ẩn ấy.

“Cậu đã sẵn sàng chưa, sẵn sàng làm Serpico, làm Gielgud chưa?”

“Hắn ta có phải cảnh sát không? A, chờ đã, chẳng phải Serpico từng bị bắn vào mặt à?”

Sáng hôm đó Rhyme và Pulaski đã dành một khoảng thời gian để xây dựng câu chuyện ngụ ý tạo nghe có vẻ đáng tin cậy dành cho giám đốc nhà tang lễ, hay bất kể ai tới nhận di hài của hắn ta.

Rhyme chưa bao giờ hoạt động ngầm nhưng anh biết luật: ít là nhiều mà nhiều là ít. Có nghĩa là bạn phải nghiên cứu từng li từng tí vai diễn của mình, học thuộc mọi dữ kiện có thể, nhưng khi trình diễn trước mặt tên tội phạm, bạn chỉ được đưa ra phần tối thiểu. Thao thao bất tuyệt với kẻ xấu mọi chi tiết là chắc chắn bị lộ tẩy.

Vì thế anh và Pulaski phải nghĩ ra một tiểu sử cho Stan Walesa, một tiểu sử có thể tạo ra chút tin tưởng về mối liên hệ của cậu ta với Thợ đồng hồ.

Rhyme đã để ý thấy cậu ta đi quanh căn phòng suốt ngày, vừa đi vừa nhấm lại những sự kiện mà họ đã dựng nên. “Sinh ở Brooklyn, sở hữu một công ty xuất - nhập khẩu, bị điều tra về tội giao dịch nội gián, bị thẩm vấn vì có liên hệ với một vụ bịp bợm ngân hàng, đã li dị, hiểu biết về vũ khí, được một đồng phạm của Thợ đồng hồ thuê để vận chuyển vài container ra nước ngoài, không, tôi không thể nói tên người đó, không, tôi không biết có gì trong container. Một lần nữa: Sinh ra ở Brooklyn, có một công ty...”

Lúc này, trong khi Pulaski đang mặc áo khoác, Rhyme nói, “Nghe này, lính mới, đừng nghĩ về chuyện đây có thể là cơ hội cuối cùng để chúng ta lấp đầy chỗ trống trong tiểu sử Thợ đồng hồ quá cố.”

“Ừm, được rồi.”

“Và nếu cậu làm hỏng việc, chúng ta sẽ không bao giờ còn cơ hội nào nữa. Đừng nghĩ về việc đó. Bỏ nó ra khỏi đầu nhé.”

“Tôi...” Khuôn mặt cảnh sát tuần tra giãn ra. “Anh đang đùa thôi đấy à, Lincoln?”

Rhyme mỉm cười. “Cậu sẽ làm tốt thôi.”

Pulaski cười khúc khích rồi biến mất trong sảnh. Một lát sau đó sự ra đi của cậu ta được thông báo bằng một luồng gió thốc qua cánh cửa mở. Chốt cửa kêu cạch một tiếng; rồi im lặng.

Rhyme quay sang nhìn vào mấy hộp bằng chứng mà Thanh tra Edwards đã thu được trong căn hộ của Pam; sau vụ tấn công của nghi phạm vào Seth.

Nhưng anh tập trung nhìn qua những cái túi.

Ồ, cái gì vậy?

Một điều kì diệu đã xảy ra.

Anh đang nhìn vào giá sách có chứa những cuốn sách về tội phạm học, một chồng báo chuyên ngành, một dụng cụ gradient tỉ trọng và... chai rượu mạch nha đơn cất của anh. Chai Glenmorangie đã được đặt trong tầm tay.

Thom thường cất nó trên giá cao hơn - ngoài tầm với của Rhyme, như cái cách bạn vẫn giấu kẹo khỏi một đứa trẻ, điều này làm Rhyme tức tối khôn tả.

Nhưng rõ ràng là con gà mái mẹ đã bị phân tâm và cất nhầm.

Anh cưỡng lại cảm dỗ trong lúc này và quay trở về với bằng chứng từ căn hộ của Pam và phòng kho trong tầng hầm, cùng với bộ quần áo của Seth đang trải ra trên bàn giám định. Trong nửa giờ vừa rồi anh và Cooper đã xem xét từng thứ một - tổng thể không nhiều lắm. Tất nhiên không có dấu vân tay, vài sợi vải, một hai sợi tóc, mặc dù có thể chúng là của Pam hoặc từ một người bạn của cô bé. Hay thậm chí là của Amelia Sachs, người thường

xuyên ghé thăm. Có dấu vết, nhưng chủ yếu là những chất giống hệt như ở các hiện trường trước đó. Chỉ có một chất mới được tìm thấy: vài mẫu xơ giấy trên áo sơ mi của Seth, nơi nghi phạm đã tóm lấy cậu ta.

Chúng rơi ra từ bản đồ kiến trúc hay sơ đồ cơ khí nào đó. Chắc hẳn chúng phải là từ Nghi can 11-5, vì Seth không dùng những biểu đồ như thế trong nghề viết quảng cáo thuê của mình. Và Pam cũng không có lí do gì để tiếp xúc với các loại biểu đồ ấy cả.

Mel Cooper đã điền một bảng vật chứng mới, trong đó bao gồm các dấu vết, chiếc xi lanh, ảnh chụp hiện trường, dấu bao giày.

Rhyme liếc vào những thông tin sơ sài ấy, không hài lòng chút nào.

Không hề có chi tiết nào sâu sắc.

Anh đánh xe khỏi chỗ đó và hướng đến cái kệ, vừa nghĩ đến mùi oi khói lẫn vị của thứ rượu whisky ấy, đậm đậm chứ không phải quá khói.

Liếc thêm một lần nữa vào bếp, nơi Thom đang mải mê làm việc, và về phía Cooper, người đang cất bằng chứng từ hiện trường. Rhyme dễ dàng nhắc cái chai khỏi giá và đặt nó giữa hai chân mình. Anh lúng túng với chiếc li pha lê, trong lúc nhắc nó lên - thật cẩn thận - và đặt nó lên giá trong tầm rót.

Rồi anh quay lại với cái chai và bằng những động tác tỉ mỉ, anh nhẹ nhàng đẩy nút bấc và rót rượu vào li.

Một ngón, hai ngón, thôi được rồi, ba ngón.

Hôm nay đã là một ngày khó khăn.

Chai rượu hạ cánh an toàn về vị trí cũ và anh xoay ngược cái xe đẩy lại, trở về trung tâm phòng thí nghiệm.

“Tôi chẳng thấy gì cả,” Cooper nói, lưng quay lại với Rhyme.

“Đảng nào cũng không có ai tin nhân chứng đâu, Mel.” Anh nhẹ nhàng tiến tới bảng vật chứng và dừng lại.

Không làm đổ ra một giọt nào.

Amelia Sachs đang ngồi trong một quán cà phê ở Midtown, một trong những nhà hàng món ngon truyền thống mà bạn ngày càng ít bắt gặp hơn, chúng đang chết dần bởi những chuỗi nhà hàng được yêu thích với những cái tên ngoại lai giả tạo. Nơi đây có những tờ thực đơn đã hoen màu, nhân viên người Địa Trung Hải, những cái ghế không chắc chắn - và thứ thức ăn an ủi tâm trạng tốt nhất trong hàng dặm quanh đây.

Bồn chồn. Cô ấn móng cái vào một ngón tay, tránh đổ máu. Thói quen xấu. Không thể ngăn nổi. Có vài thứ Sachs kiểm soát được. Những thứ khác thì không.

Còn chuyện ngăn Pam sống thử với Seth?

Sachs đã để lại hai tin nhắn cho cô bé - giới hạn của cô, cô quyết định như vậy - nhưng đã gọi lại một lần nữa và tới hồi chuông thứ ba thì Pam nghe máy. Sachs đã hỏi con bé Seth ra sao sau vụ tấn công: “Bác sĩ ở viện nói anh ấy ổn. Anh ấy thậm chí không phải nhập viện.”

Rõ ràng là cậu ta không cẩu như lúc trước; ít nhất thì họ vẫn còn nói chuyện.

“Còn em?”

“Ổn.”

Im lặng một lần nữa.

Sachs đã thở dài mệt mỏi và hỏi liệu họ có thể gặp nhau uống cà phê được không.

Pam do dự nhưng vẫn đồng ý, nói thêm rằng chẳng nào cô bé cũng phải đi làm. Cô đã gợi ý nhà hàng này, bởi nó đối diện với nhà hát.

Sachs đang nghịch điện thoại để ngăn mình khỏi ấn móng tay vào thịt.

Kẻ tầm da...

Cô có thể nói gì với Pam để thuyết phục cô bé không bỏ học để tham gia vào chuyến đi vòng quanh thế giới.

Chà, chờ đã. Mình không thể nghĩ về con bé như thế. *Cô bé*. Tất nhiên là không phải. Nó đã mười chín tuổi. Cô ấy đã sống sót qua đạn bị bắt cóc và suýt bị giết. Cô gái đã không sợ hãi những người dân quân. Nó có quyền đưa ra các quyết định và quyền được lựa chọn sai.

Và Sachs tự hỏi mình, phải chăng quyết định của cô cũng là một sai lầm?

Cô là ai mà có quyền lên giọng?

Hãy nhìn vào lịch sử tình trường của chính cô mà xem. Thời trung học với cô, cũng như với tất cả mọi người, là khoảng thời gian bùng nổ những vụng về hài hước và cả những khởi đầu sai lầm. Rồi cô lao đầu vào giới thời trang chuyên nghiệp. Là một người mẫu cao ráo và xinh đẹp, Sachs đã phải cư xử theo kiểu khước từ mọi mời gọi. Đó quả là một điều đáng tiếc bởi vài người đàn ông cô gặp gỡ trong những buổi chụp hình hay ở các cuộc họp bàn tại công ty quảng cáo biết đâu lại là người khá tử tế. Nhưng họ đã bị lẫn mất trong đám dân chơi. Rất dễ để nói không với tất cả, chui vào gara của cô và nghịch động cơ hay tới trường đua làm vài vòng trên con Camaro SS.

Sau khi gia nhập NYPD, mọi chuyện không hề tốt hơn. Một môi vì áp lực không ngừng nghỉ của những lời mời hẹn hò, những câu đùa tục tĩu, những cái nhìn trẻ con và thái độ của các đồng nghiệp nam, cô lại tiếp tục làm kẻ ẩn dật. A, hóa ra câu trả lời là thế, các đồng nghiệp nam đã hiểu ra, sau khi bị cô từ chối lời tán tỉnh. Cô là les. Lại còn là một cô les rất xinh.

Hoài phí làm sao.

Rồi cô gặp Nick. Tình yêu đầu, tình yêu đích thực, nồng cháy, hoàn thiện nhất. Bao nhiêu mỹ từ cũng có.

Và với Nick, hóa ra nó cũng là thứ tình yêu bội phần.

Không phải là loại thông thường vẫn thấy. Với Sachs có khi còn tệ hơn.

Nick là một cảnh sát bị tha hoá. Và còn là một kẻ tha hoá chuyên làm hại người khác.

Sự gặp gỡ Lincoln Rhyme đã cứu vớt đời cô. Cả trong nghề nghiệp lẫn đời sống cá nhân. Mặc dù cả mối quan hệ ấy rõ ràng cũng khác thường.

Không, với tình sử và kinh nghiệm của Sachs, cô khó mà đủ tư cách chỉ trích Pam. Tuy nhiên, giống với việc lái xe chậm lại, hay do dự trước khi đá tung một cánh cửa trong lần đột kích nào đó, Sachs không thể ngăn nổi mình đưa ra ý kiến cá nhân.

Nếu cô gái... nếu *người phụ nữ trẻ* chịu xuất hiện.

Mà rốt cuộc cô ấy cũng đến, muộn mười lăm phút.

Sachs không nói gì về sự chậm trễ ấy, chỉ đứng dậy và dành cho cô gái một cái ôm. Tuy cô không hẳn bị từ chối nhưng Sachs vẫn cảm nhận được sự gượng gạo đã dâng lên đến tận vai Pam. Cô cũng để ý thấy người phụ nữ trẻ đã không cởi áo khoác. Cô ấy chỉ kéo chiếc mũ len xuống và hất tóc. Cả gắng tay cũng để nguyên. Thông điệp là: Cuộc gặp gỡ sẽ ngắn gọn. Dù mục đích của chị là gì.

Và không có nụ cười nào. Pam có một nụ cười đẹp. Khi cười, khuôn miệng xinh xắn của cô bé cong cong như hình trăng lưỡi liềm và Sachs thích ngắm khuôn mặt cô bé những lúc đó. Nhưng ở đây, hôm nay, thì không.

“Ông bà Olivetti thế nào rồi?”

“Tốt. Howard đã kiếm cho bọn nhỏ một chú chó để Jackson chơi cùng.

Marjorie đã giảm được năm kilô.”

“Chị biết bà ấy đang cố gắng. Rất chăm chỉ.”

“Vâng.” Pam nhìn lướt thực đơn. Sachs biết con bé sẽ không gọi món gì.
“Lon có ổn không?”

“Vẫn đang nguy kịch. Bất tỉnh.”

“Trời ạ, tệ quá,” Pam nói. “Em sẽ gọi cho cô Rachel.”

“Chị ấy sẽ thích thế.”

Cô gái hé nhìn lên. “Nghe này, Amelia. Có điều này em muốn nói.”

Chuyện này sẽ tốt hay xấu đây?

“Em xin lỗi về những gì đã nói, về chị và mẹ em. Điều đó không công bằng.”

Thực ra Sachs không đặc biệt đau đớn vì câu nhận xét ấy. Rõ ràng nó chỉ là một trong những câu nói sắc bén bị ném ra để làm tổn thương nhau, để kết thúc cuộc đối thoại.

Cô giơ một tay lên. “Không, không sao cả. Em đang bực mà.”

Cái gật đầu của cô gái cho Sachs biết, đúng, cô bé đã rất bực. Và đôi mắt cô hé lộ rằng cô vẫn còn bực bội, bất chấp lời xin lỗi.

Quanh họ là những cặp đôi và gia đình, bố mẹ cùng lũ con ở đủ mọi lứa tuổi đang thu mình trong những chiếc áo len và áo dạ, ngồi bên cốc cà phê hay ca cao và xúp, bánh sandwich nhân phô mai nướng và trò chuyện, cười đùa và thì thầm. Tất cả dường như đều quá đổi bình thường. Và đều quá xa xôi với tình huống ở cái bàn mà cô và Pam đang ngồi đây.

“Nhưng em phải nói với chị, Amelia. Không có gì thay đổi cả. Chúng em sẽ rời đi trong vòng một tháng nữa.”

“Một tháng ư?”

“Kì này.” Pam không chịu để bị lôi vào một cuộc tranh luận xa hơn thế.

“Amelia. Làm ơn đi. Đó là việc tốt, việc chúng em đang làm ấy. Em thấy hạnh phúc.”

“Còn chị muốn đảm bảo là em luôn được như thế.”

“Chúng em đang hạnh phúc đây. Chúng em sẽ đi. Đầu tiên là Ấn Độ, bọn em đã quyết định rồi.”

Sachs thậm chí không biết Pam đã có hộ chiếu. “Nghe này.” Cô giơ hai tay lên. Cử chỉ ấy có mùi tuyệt vọng nên cô hạ tay xuống. “Em có chắc chắn em muốn... làm gián đoạn cuộc đời mình như thế không? Chị thực sự không nghĩ em nên làm.”

“Chị không thể bảo em phải làm gì được.”

“Chị không bảo em phải làm gì. Nhưng chị có thể đưa ra lời khuyên với ai đó chị yêu thương.”

“Còn em có thể từ chối.” Một tiếng thở dài lạnh lẽo. “Em nghĩ tốt hơn mình không nên nói chuyện trong một thời gian. Đây là tất cả... Em buồn lắm. Và rõ ràng là em đang làm chị cực kì bực mình.”

“Không. Không hề.” Cô định đưa tay ra nắm lấy tay cô gái nhưng Pam đã đoán trước và rút tay lại. “Chị chỉ lo lắng cho em thôi.”

“Chị không cần phải thế.”

“Có, có phải.”

“Bởi vì với chị em chỉ là một đứa trẻ.”

Chà, nếu mà em chịu hành xử như thế.

Nhưng Sachs nín nhịn một chút. Rồi nghĩ: Đã đến lúc gồng mình.

“Em đã có một khoảng thời gian trưởng thành khó khăn. Em... rất dễ bị tổn thương. Chị không biết cách nói nào khác.”

“Ôi, lại thế nữa. Ngây thơ? Ngu dốt?”

“Tất nhiên là không. Nhưng đó đã là khoảng thời gian khó khăn.”

Sau khi họ trốn thoát khỏi New York sau một âm mưu khủng bố do mẹ của Pam dàn dựng, cả hai đã phải trốn chui trốn nhủi trong một cộng đồng nhỏ của đám dân quân và “những người đàn bà của họ” ở Larchwood, Missouri, tây bắc St Louis. Cuộc sống của cô bé y như địa ngục - bị nhồi sọ tư tưởng da trắng thượng đẳng và những trận đòn roi công khai vì tỏ ra bất kính. Trong khi tổ chức dân quân ấy tự đào tạo lũ con trai học làm nông, bắt động sản và xây dựng, với tư cách là con gái, Pammy chỉ có thể thành thạo mỗi nấu ăn, khâu vá và tự học ở nhà.

Con bé đã trải qua những năm đầu đời ở đó, tuy khốn khổ nhưng cũng tuyệt đối kháng cự với cộng đồng những kẻ cho mình cái quyền uy tối cao ấy. Ở tuổi học sinh cấp hai, cô bé đã lén ra khỏi nơi trú ẩn để mua những cuốn sách “ma quỷ” là *Harry Potter*, *Chúa tể những chiếc nhẫn* và tờ *Thời báo New York*. Cô cũng không chịu chấp nhận những điều mà nhiều bé gái khác được trông đợi phải chịu (Khi một trong những thầy tu chạm vào ngực cô để xem liệu “trái tim con có đập vì Jesus không” , Pam gửi đi thông điệp “không chạm” trong câm lặng bằng một phát cửa sâu vào cánh tay hằn bằng con dao rọc giấy, đến nay cô bé vẫn thường mang theo một con).

“Em bảo chị rồi, việc ấy đã là quá khứ. Nó qua rồi. Không quan trọng nữa.”

“Nó quan trọng, Pam ạ. Đó là những năm tháng cực kì khó khăn với em. Chúng ảnh hưởng đến em - theo những cách mà thậm chí em còn không biết. Cần thời gian để vượt qua tất cả những điều ấy. Và em cần kể cho Seth nghe mọi thứ về khoảng thời gian sống ẩn dật của em.”

“Không, em không kể. Em không cần làm gì cả.”

Sachs nói giọng đều đều, “Chị nghĩ là em đang lao vào cơ hội đầu tiên có một mối quan hệ bình thường. Và em đói khát vì nó. Chị hiểu.”

“Chị hiểu. Nghe mới chiều cố làm sao. Và chị làm cho tôi nghe có vẻ tuyệt vọng. Tôi đã bảo chị rồi, đâu phải tôi sắp kết hôn. Tôi không có con của anh ấy. Tôi muốn đi du lịch cùng chàng trai mà tôi yêu. Chuyện ấy thì có gì to tát kia chứ?”

Chuyện đã đi quá sai. Làm sao mình lại mất kiểm soát nhỉ? Đây vẫn là câu chuyện họ đã nói hôm nọ. Chỉ có điều giọng điệu đã gay gắt hơn.

Pam lại đội mũ. Chuẩn bị đứng dậy.

“Xin em. Chờ một chút.” Tâm trí Sachs đang chạy đua. “Để chị nói một điều này nữa thôi. Làm ơn.”

Pam sốt ruột ngồi phịch xuống ghế của cô. Một nữ bồi bàn đi qua. Cô bé xua người phụ nữ đi.

Sachs nói, “Chúng ta có thể...?”

Nhưng cô không bao giờ kịp kết thúc lời cầu xin với cô bé, vì ngay lúc đó điện thoại của cô rung lên. Đó là một tin nhắn của Mel Cooper. Anh ta yêu cầu cô tới dinh thự của Lincoln Rhyme ngay khi có thể.

Thực ra, cô đã thấy tin nhắn ấy không phải là yêu cầu gì cả.

Tin nhắn không bao giờ thực sự là yêu cầu khi có dòng chữ “khẩn cấp” trên tiêu đề cả.

Khi giám định cửa sau nhà Rhyme, Amelia Sachs trong bộ đồ bảo hộ và găng tay dày đủ đã nhận định: tên khốn ấy đúng là biết chọn ổ khoá.

Nghi can 11-5 đã không bỏ lại một tí tẹo vết xước nào khi hấn đột nhập vào dinh thự để bỏ độc vào một chai scotch trên kệ của Rhyme - lẳng lẳng để lại nó trong tầm với của nhà tội phạm học - người phải ngồi trên xe lăn.

Sachs đã không ngạc nhiên khi nghi phạm có chút tài năng trong việc bẻ khóa và đột nhập; tài năng với nghệ thuật trên da đã minh chứng cho sự khéo léo của hắn.

Màn mưa tuyết vẫn tuôn và cơn gió vẫn thổi. Đến giờ này bất kì một vật chứng nào trên ngõ cụt và quanh cửa sau có lẽ đều đã bị xóa mất. Bên trong cửa, nơi sẽ hiện rõ dấu chân của hắn, cô chỉ phát hiện ra những dấu bao giày.

Chiến thuật đằng sau vụ tấn công giờ đã rõ ràng: 11-5 đã gọi báo động giả - một vụ cường dâm trong Công viên Trung tâm, gần dinh thự. Khi Rhyme và những người khác trong nhà tới cửa trước để xem có chuyện gì đã xảy ra, nghi phạm đã lén vào qua cửa sau và tìm được một chai whisky đã mở sẵn, rót vào đó ít chất độc rồi lẳng lẳng chuồn ra.

Sachs kẻ ô vuông trên đoạn đường từ cửa sau tới tận cầu thang, qua hành lang từ bếp ra đến phòng khách. Rhyme đã lắp hệ thống báo động, nó được tắt đi mỗi khi trong dinh thự có người, giống như lúc này. Các máy quay an ninh phủ từ cửa trước đến cửa sau nhưng chúng chỉ theo dõi theo thời gian thực; hình ảnh không được lưu lại.

Một cảm giác bị xâm phạm tràn ngập trong Sachs. Kẻ nào đó đã xâm nhập lâu đài, một kẻ vô hình và khéo léo. Và chết chóc. Thom đã sắp xếp thay khóa cửa và cho đặt cửa sập ở cả hai cánh cửa, nhưng một khi ai đó đã đột nhập nơi sinh sống của bạn, bạn sẽ không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi cảm giác bị xâm phạm. Và cả nỗi lo rằng chuyện ấy sẽ tái diễn.

Cuối cùng cô cũng đến sảnh chính và đưa những vết tích đã được đóng túi cho Mel Cooper.

Lincoln Rhyme quay chiếc xe lăn Merits của mình đi vòng qua bàn nơi Mel đang xem xét bằng chứng và hỏi, “Sao? Có gì không?”

“Không có gì nhiều,” Sachs bảo anh. “Không có gì mấy đâu.”

Rhyme không ngạc nhiên.

Với Nghi can 11-5 thì không.

Sachs nhìn anh thật kỹ, cứ như anh đã kịp uống vài ngụm whisky có độc.

Hay có lẽ cô thấy lo lắng vì nghi phạm đã vào được bên trong, bỏ thuốc vào chai rượu và thoát ra ngoài mà không ai hay biết gì.

Chúa biết chính Rhyme cũng thấy lo. Thực ra anh còn bực nhiều hơn cả sợ - bởi vì anh đã không đoán được chai whisky ấy đã bị đầu độc, trong khi đáng lẽ ra anh phải biết, khi nghĩ lại. Có một sự thật hiển nhiên là Thom sẽ không bao giờ để một chai rượu bốn mươi độ còn gần đầy trong tầm với của ông chủ anh ta. Kết hợp chuyện ấy với thực tế Lon Sellitto và Seth McGuinn đã bị tấn công và một hoạt động của cảnh sát đang được triển khai ngay bên ngoài tòa dinh thự của anh, một sự đánh lạc hướng hoàn hảo, phải, đáng lẽ Rhyme phải đoán ra chứ.

Nhưng, ngược lại, vị cứu tinh lại đến từ một cuộc gọi tới 911. Một người đi đường khi băng qua phố bên kia đã trông thấy ai đó chui vào khu vực dịch vụ đằng sau nhà Rhyme và nhét túi một cây kim tiêm dưới da.

“Trông có vẻ đáng nghi,” Người làm phúc đã báo cáo. “Bọn nghiện ấy, có khi sẽ tìm cách đột nhập vào nhà, anh biết đấy.”

Nhân viên tổng đài đã gọi cho Rhyme, anh lập tức hiểu ra chai Glenmorangie bị đặt nhằm kế chính là quả táo của Bạch Tuyết.

Anh liếc nhìn chiếc li trong tay mình và nhận ra mình chỉ vừa cách cái chết vô cùng khó chịu có một giây, mặc dù với anh thì cái chết ấy sẽ bớt khó chịu hơn người khác một chút, vì đa phần cơ thể anh sẽ không cảm nhận được cơn đau tàn khốc do chất độc gây ra.

Nhưng anh vẫn gạt nỗi ám ảnh về cái chết này sang một bên bởi anh vốn là người đã có thể dễ dàng chọn cái chết từ nhiều năm nay - cả tự nguyện lẫn không tự nguyện. Tình trạng liệt tứ chi của anh đi kèm với rất nhiều hệ lụy có thể ném anh vào một cỗ quan tài bất kì lúc nào: chẳng hạn như tăng phản xạ tự phát hay sốc nhiễm khuẩn.

Vậy là, nỗ lực đầu độc ư? Theo ý anh thì đó là tin tốt lành. Nó có thể hé lộ bằng chứng mới dẫn họ tới gần gã đàn ông này hơn một chút. Người thừa kế tinh thần của Kẻ tâm xương.

Có chuyện gì đó đã xảy ra.

Người ta đã bảo với Ron Pulaski là sẽ không có lễ truy điệu nào dành cho Richard Logan.

Nhưng rõ ràng chuyện ấy đã thay đổi.

Sáu người đang đứng trong căn phòng nơi anh được chỉ tới trong Nhà tang lễ Berkowitz, Broadway và phố 96.

Anh chưa đi vào vội. Cảnh sát tuần tra đứng ở hành lang, nép về một bên và ngó vào. Anh đang nghĩ: Rất khó để nhập hội một cách dễ dàng khi anh chỉ là người lạ đối diện với sáu người đã quen biết nhau - một người hay tất cả bọn họ có thể có trực giác nhạy đến mức nghi ngờ anh là kẻ thâm nhập và bắn anh chết ngay.

Đã thế còn cái tên của nơi này nữa chứ! Chẳng phải Berkowitz là Con trai của Sam à? Tên sát nhân hàng loạt từ những năm 70 hay 80 gì đó?

Diêm gở.

Mặc dù Ron Pulaski đã cố bắt chước Lincoln Rhyme và không tin vào dấu hiệu hay mê tín dị đoan, nhưng anh vẫn là kiểu người như thế.

Anh dậm bước đến. Dừng lại.

Pulaski đã phải gom biết bao dũng khí với ý tưởng làm cảnh sát chìm.

Anh là cảnh sát đường phố, kiểu cảnh sát khu vực - anh và cậu em trai song sinh, cũng mang màu áo xanh, thường nói như vậy. Anh nghĩ lại bản hip-hop dở tệ mà hai anh em từng sáng tác với nhau.

Cảnh sát khu vực, cảnh sát phố phường, viết thẻ phạt và mời bạn đi.

Hay đọc quyền của bạn và đá đít bạn đi...

Ở Rikers, trên đảo, trong vịnh...

Anh gần như không biết gì về nghệ thuật sắp đặt và giả vờ - đã được những con người như Fred Dellray trình diễn quá xuất chúng. Đặc vụ FBI gốc Phi cao ráo và rắn chắc ấy có thể là bất kì ai từ một tên buôn ma túy người Caribe cho đến Charles Taylor - người dẫn đầu xu hướng cho đến một vị CEO của công ty trong top Fortune 500.

Anh ta là một diễn viên bẩm sinh. Từ giọng nói, dáng điệu, biểu cảm...

tất tần tật mọi thứ. Và rõ ràng cả cái anh chàng Gielgud cũng vậy (có lẽ Dellray đã làm việc cùng anh ta). Và Serpico. Kể cả nếu anh ta có bị bắn.

Cảnh sát khu vực, cảnh sát đường phố, cảnh sát đi dưới cơn mưa tuyết...

Đoạn rap quanh quẩn trong đầu anh, bằng cách nào đó làm cuộn lên sự bất an.

Sao mình lại hồi hộp đến thế kia chứ?

Đâu phải anh đang bầu bạn với tụi buôn ma túy hay cưỡng dâm tập thể.

Dù những người khách này là ai, gia đình hay bè bạn của Richard Logan, trông bọn họ vẫn có vẻ như những công dân Manhattan tuân thủ pháp luật.

Thợ đồng hồ đã sống trong một vòng tròn rất khác, một tầm cao hơn hẳn lũ tội phạm thông thường. Ồ, chắc chắn hẳn đã phạm tội giết người. Nhưng người ta không tài nào tưởng tượng ra Logan, Thợ đồng hồ, với phong cách tinh tế như thế trong một ngôi nhà dột nát hoặc giữa xưởng nấu cỗ trên chiếc rờ- moóc đôi. Những nhà hàng sang trọng, những trận đấu cờ, viện bảo tàng nghe có vẻ giống kiểu của hẳn hơn. Tuy nhiên, anh cũng biết Thợ đồng hồ đã cố giết Rhyme trong lần cuối họ gặp nhau. Có thể hẳn đã để lại chỉ thị trong di chúc cho một đồng phạm sát thủ nào đó làm chính cái việc mà Pulaski đang làm đây: lượn lờ ở nhà tang lễ, phát hiện bất kì cảnh sát chìm nào có vẻ lo lắng, lôi họ vào con ngõ nhỏ sau đó.

Được rồi. Chúa ơi. Thực tế đi.

Anh biết có nguy hiểm, nhưng không đến mức một viên đạn vào sau gáy đầu. Chỉ có chuyện anh sẽ làm hỏng bút và khiến Lincoln và Amelia thất vọng thôi.

Chính sự không chắc chắn ấy, sự hoài nghi ấy. Chúng không bao giờ bỏ đi. Không hoàn toàn.

Ít nhất anh nghĩ trông mình cũng khớp với vai diễn. Vest đen, áo sơ mi trắng, cà vạt bản nhỏ. (Suýt thì anh đã thắt cà vạt NYPD nhưng đã nghĩ: Mà bị điên hay sao? Trên đó không có in logo nào nhưng một trong những người này có thể từng quen biết cảnh sát. Phải khôn lên.) Anh đã làm mình bệ rạc, đúng như yêu cầu của Lincoln Rhyme. Bộ râu lún phún mới mọc một ngày (hơi thảm hại vì bạn phải ghé sát vào mới trông thấy túm lông vàng hoe ấy) , áo sơ mi hoen ố, giày xước xát. Và anh còn tập trờng mắt lạnh lùng nữa.

Khó dò, nguy hiểm.

Pulaski nhìn vào phòng truy điệu thêm một lần nữa. Những bức tường sơn màu xanh lục đậm, ghế xếp một dọc cạnh tường, đủ chỗ cho khoảng bốn, năm mươi người. Ở giữa căn phòng là một chiếc bàn phủ vải tím; một cái lọ đựng tro đơn giản được đặt lên đó. Khách viếng gồm bốn người đàn ông, tuổi đời từ gần năm mươi tới tầm bảy mươi, theo phán đoán của anh.

Hai người phụ nữ có vẻ là vợ hay bạn gái của hai người đàn ông. Cách ăn vận đúng như trờng đợi - áo vest và váy đen thủ cựu.

Kì lạ thật. Anh đã nhận thông tin là không có lễ viếng hay truy điệu gì cả. Chỉ có ai đó đến nhận di cốt.

Phải, đáng nghi thật. Đây có phải một cái bẫy không?

Một viên đạn vào đầu?

Mặt khác, nếu việc này có thật, nếu kế hoạch đúng là đã thay đổi và đây là buổi lễ vào phút chót cho Thọ đồng hồ thì nó đúng là một phần thưởng đích thực. Chắc chắn kẻ nào đó ở đây biết rõ Richard Logan và có thể là một nguồn tin về tên đầu sỏ đã chết kia.

Được rồi, cứ thế mà vào thôi.

Cảnh sát đường phố, cảnh sát khu vực, cảnh sát lao vào một buổi lễ tang trong cơn mưa tuyết...

Anh bước đến chỗ một trong số những người đến chịu tang, một ông già trong bộ vest đen.

“Chào ông,” anh nói. “Stan Walesa.” Anh đã diễn tập câu giới thiệu này và đáp lại tiếng gọi cho cái tên không biết bao lần (anh đã bắt Jenny gọi mình bằng cái tên ấy suốt cả đêm qua) , để không phớt lờ khi ai đó gọi anh là “Stan” trong suốt buổi lễ. Hay, tệ hơn, liếc ra sau mình khi có ai gọi như thế.

Người đàn ông tự giới thiệu - ông ta không mang họ Logan - và giới thiệu Pulaski với một trong hai người phụ nữ và một người đàn ông khác.

Anh vật lộn để ghi nhớ tên họ, rồi nhắc mình phải chụp ảnh danh sách khách mời bằng điện thoại sau đó.

“Cậu quen ông ta như thế nào?” một cái hắt cằm về phía lọ tro.

“Chúng tôi làm việc với nhau,” Pulaski nói.

Tất cả mọi người đều chớp mắt.

“Vài năm trước.”

Một cái cau mày từ một trong số những người trẻ tuổi hơn. Y như bước ra từ bộ phim *The Sopranos*. “Hai người từng làm việc cùng nhau?”

“Đúng vậy.”

“Thân thiết?”

Cứng rắn lên. “Vâng. Khá thân.” Ánh mắt anh nói, Thế thì sao nào?

Pulaski nhớ lại mọi điều có thể về những vụ án mà Thợ đồng hồ đã tổ chức.

Kế hoạch của anh không phải là thắng thường thừa nhận anh là đồng sự của hắn mà gợi ý rằng anh có một giao dịch bí mật nào đó - để khơi gợi sự tò mò của bất kì kẻ nào có thể muốn tham gia vào những dự án dang dở của Thợ đồng hồ sau khi hắn chết.

Container, các chuyến hàng, giao dịch nội gián...

Ít là nhiều, nhiều là ít.

Mọi người đều im lặng. Pulaski nhận ra một bản nhạc cổ điển vừa vang lên từ chiếc loa vô hình nào đó. Lúc này anh đã không nghe thấy nó.

Để nối tiếp cuộc nói chuyện, Pulaski bảo, “Buồn thật.”

“Thực ra là một phước lành,” một người phụ nữ nói.

Phước lành ư, Pulaski nghĩ. Anh cho là đúng vậy, thay vì dành phần lớn cuộc đời bạn trong tù, một cái chết nhanh chóng, ít đau đớn đúng là một phước lành.

Pulaski nói tiếp, “Mấy năm trước, lúc chúng tôi còn làm việc cùng nhau, ông ta có vẻ khỏe mạnh.” Đúng là anh có thể tưởng tượng ra Logan vào lúc ấy. Hắn đã có vẻ rất khỏe.

Những người có mặt lại liếc nhìn nhau lần nữa.

“Và còn trẻ,” cảnh sát chìm nói thêm.

Có gì đó không đúng. Nhưng người già nhất trong nhóm ghé lại gần và chạm vào cánh tay Pulaski. Một nụ cười. “Phải, với tôi thì cậu ta còn trẻ.”

Những vị khách khác tản đi. Anh chú ý thấy một người đã ra khỏi phòng.

Để đi lấy súng?

Việc này không ổn rồi. Anh quay lại với ông già nhưng trước khi kịp nói thêm điều gì thì một người đã chen vào. Giọng nói mềm mỏng nhưng kiên định. “Xin thứ lỗi, thưa anh.”

Pulaski quay sang và thấy một người đàn ông to lớn trong bộ vest đen đang nhìn anh khắp lượt. Ông ta có mái tóc bạc và cặp kính viền đen. “Tôi nói chuyện với anh một lát được không?”

“Tôi ư?”

“Anh.”

Người đàn ông đưa một tay ra - bàn tay rất to và chai sạn - nhưng không phải để bắt tay. Ông ta chỉ và dẫn Pulaski ra khỏi phòng, đi trên hàng lang bên tay trái.

“Thưa anh,” ông ta hỏi, “anh là?”

“Stan Walesa.” Anh có mang một cái chứng minh thư rở tiền mà anh đã tự kiếm được.

Nhưng người đàn ông không hỏi thăm bất kì điều gì về chứng minh thư cả. Mắt ông ta nhìn xoáy vào mắt Pulaski, ông ta nói bằng giọng khàn, “Anh Walesa. Anh biết đôi khi người ta vẫn tới các buổi lễ với hi vọng lấy được thứ gì đó.”

“Lấy thứ gì đó ư?”

“Từ thức ăn sau lễ viếng cho đến bán bảo hiểm hay các chương trình tiết kiệm. Cả luật sư nữa.”

“Thật vậy sao?”

“Thật vậy.”

Pulaski nhớ lại đáng lẽ mình phải tỏ ra là người cứng rắn. Thay vì trông lo lắng và nói rằng điều ấy thật kinh khủng, anh quát, “Việc ấy thì liên quan gì đến tôi? Ông là ai?”

“Tôi là Jason Berkowitz. Phó giám đốc. Gia đình trong kia nghĩ hành xử của anh khá đáng nghi. Anh tuyên bố mình biết người đã khuất.”

“Có gì đáng nghi chứ? Tôi biết anh ta mà.”

“Anh tuyên bố đã từng làm việc với ông ấy.”

“Không phải tuyên bố. Tôi đã làm.” Tim Pulaski đang đập mạnh đến mức anh chắc chắn ông ta có thể nghe thấy nó. Nhưng anh vẫn gắng đóng trọn vai ghê gớm.

“Trông anh không giống kiểu người từng làm việc cùng ông Ardell.”

“Ai kia?”

“Blake Ardell.”

“Và người đó được cho là ai?”

“Không phải được cho. Mà ông ta là, hay *đã là*, chủ nhân buổi lễ viếng mà anh vừa mới phá kia.”

“Phá? Nói thế là có ý quái quỷ gì? Tôi ở đây vì Richard Logan cơ mà.”

Vị phó giám đốc chớp mắt. “Ông Logan ư? Ôi trời. Tôi rất tiếc, thưa anh. Đó là phòng Thanh thản.”

“Thanh thản gì?”

“Tên của căn phòng bên kia hành lang. Phòng này là Bình yên, buổi lễ của ông Ardell.”

Chết tiệt thật. Pulaski nghĩ lại. Người đứng ở cửa trước đã bảo anh rẽ phải. Còn anh lại rẽ trái.

Chết thật, chết thật. Vết thương ở đầu chết dẫm. Nếu đây là một vụ dàn xếp ma túy thì anh đã chết rồi.

Nghĩ cho khôn lên chứ.

Nhưng vẫn phải đóng trọn vai. “Một trong những nhân viên của ông, tôi không nhớ là ai, đã đưa tôi đến phòng đó.”

“Tôi rất tiếc. Xin hãy chấp thuận lời xin lỗi của chúng tôi. Hoàn toàn là lỗi của chúng tôi.”

“Còn tên? Tôi chưa bao giờ nghe đến chuyện đặt tên cho các phòng trong nhà tang lễ cả. Đáng lẽ các ông phải dùng số chứ.”

“Vâng, thưa anh, đúng là có chút khác thường. Tôi rất tiếc. Thành thật xin lỗi anh.”

“Ôi, được rồi.” Pulaski nhăn nhó. Anh gật đầu lại. Rồi anh chợt nhớ ra biểu cảm tò mò của những người đến đưa tiễn lúc anh nhắc đến việc từng làm cùng với người quá cố.

“Một câu hỏi. Ông bảo tôi trông không giống kiểu người từng làm việc với ông Ardell này. Thế ông ta kiếm sống bằng nghề gì?”

“Ông ấy là diễn viên phim người lớn đã ngoài bảy mươi tuổi,”

Berkowitz thì thầm. “Gay. Gia đình không thích nói về chuyện đó.”

“Tôi đoán là không.”

“Kia là phòng có di hài của ông Logan.” Ông ta chỉ vào một ngưỡng cửa nhỏ.

Thanh thản...

Pulaski bước qua ngưỡng cửa vào một căn phòng nhỏ, chỉ rộng chừng sáu mét nhân sáu mét. Trong đó có vài chiếc ghế, một cái bàn nước, vài bức

tranh phong cảnh tẻ nhạt treo trên tường. Còn có cả một lẵng hoa trắng dịu dàng. Và trên một chiếc bàn phủ vải nhung đỏ thẫm, tương tự với cái đặt bình tro của diễn viên phim khiêu dâm quá cố, là một chiếc hộp bằng bìa màu nâu. Pulaski biết đây hẳn là tro cốt của Thọ đồng hồ. Bên cạnh nó là một người đàn ông to béo, hói đầu trong bộ vest đen kiểu doanh nhân. Ông ta đang gọi điện thoại. Ông ta nhìn lướt qua Pulaski với vẻ tò mò rồi quay đi. Đường như ông ta đang nói nhỏ hơn. Cuối cùng ông ta cũng cúp máy.

Hít vào một hơi vũng vàng, Pulaski bước đến chỗ ông ta. Anh gật đầu.

Người đàn ông không nói gì.

Pulaski nhìn ông ta từ trên xuống dưới - cứ thẳng thừng mà nhìn, ra vẻ cứng rắn. “Ông là bạn của Richard à?”

“Còn anh là...?” người đàn ông hỏi bằng giọng nam trầm nhẹ nhàng, với âm giọng miền Nam.

“Stan Walesa,” Pulaski nói. Đến lúc này thì cái tên gần như đã được thốt ra tự nhiên. “Tôi đang hỏi, ông là một người bạn của Richard à?”

“Tôi không biết anh là ai và tôi không biết tại sao anh lại hỏi thế.”

“Được rồi, tôi làm việc cùng Richard. Lúc này lúc kia. Tôi nghe nói anh ta được hỏa táng sáng nay và đoán là sẽ có một buổi lễ.”

“Làm việc cùng Richard,” người đàn ông lặp lại, nhìn người cảnh sát từ trên xuống dưới. “Chà, chẳng có lẽ lạt gì cả. Tôi được thuê để tới mang di cốt ông ta về nhà.”

Pulaski cau mày. “Một luật sư à.”

“Đúng vậy. Dave Weller.” Không có bàn tay nào được đưa ra.

Pulaski vẫn tiếp tục giữ thế tấn công. “Tôi không nhớ có mặt ông trong phiên tòa.”

“Ông Logan không phải là khách hàng của tôi. Tôi chưa từng gặp ông ta.”

“Chỉ tới lấy tro về nhà thôi à?”

“Như tôi đã nói.”

“Đó là ở California đúng không?”

Câu trả lời duy nhất là: “Anh làm gì ở đây, anh Walesa?”

“Tới viếng.” Anh bước gần hơn tới chỗ cái hộp. “Không có hộp đựng tro à?”

“Không thành vấn đề,” Weller nói. “Richard mong muốn tro của mình được rải đi.”

“Đi đâu?”

“Anh đã gửi chúng đến à?”

Pulaski nhìn vào lăng hoa mà Weller vừa hất cằm về phía đó. Cảnh sát cố tỏ ra chút bối rối, nhưng không quá mức. “Không.” Anh bước đến chỗ bình hoa và đọc tấm thiệp. Anh cười cay đắng.

Khó dò.

Anh nói, “Chơi bẩn thật đấy.”

Weller hỏi, “Ý anh là gì?”

“Ông biết cái người đã gửi chúng tới là ai không?”

“Tôi đã đọc cái thiệp khi mới tới đây. Nhưng tôi không biết tên ấy.

Lincoln Rhyme?”

“Ông không biết Rhyme ư?” Anh hạ giọng: “Hắn chính là tên khốn đã đưa bạn tôi vào tù.”

Weller hỏi, “Cảnh sát à?”

“Làm việc cùng cảnh sát.”

“Sao ông ta lại gửi hoa đến?”

“Tôi nghĩ hẳn đang hả hê.”

“Chà, chuyện ấy chỉ phí tiền. Giờ đây Richard đâu còn thấy bị xúc phạm nữa, đúng không?” Một cái liếc vào hộp đựng tro.

Im lặng.

Giờ phải cư xử ra sao đây? Trời ạ, cái vụ diễn trò này mệt mỏi thật đấy.

Anh quyết định mình phải lắc đầu trước sự bất công ở đời. Anh nhìn xuống.

“Thật sự là đáng hổ thẹn. Khi tôi nói chuyện với anh ấy lần cuối, anh ấy vẫn còn ổn cả. Hay ít nhất là không nhắc tới chuyện gì, như là đau ngực.”

Weller lúc này đã tập trung. “Nói chuyện với ông ấy?”

“Đúng vậy.”

“Vừa mới đây à?”

“Phải. Trong tù.”

“Anh tới đây một mình?” Weller hỏi.

Một cái gật đầu. Pulaski hỏi câu tương tự.

“Đúng vậy.”

“Vậy là không có lễ tang nào?”

“Gia đình còn chưa quyết định.” Weller nhìn khắp lượt Pulaski cẩn trọng.

Được rồi, đã đến lúc chơi ít...

“Chà, thế thì tạm biệt, ông Weller. Bảo với gia đình anh ấy, hay bất kể ai là khách hàng của ông ấy, tôi rất tiếc vì sự mất mát của họ. Tôi cũng sẽ nhớ

anh ấy. Anh ấy là... một người đàn ông thú vị.”

“Như đã nói, tôi chưa từng gặp ông ta.”

Pulaski đeo hai chiếc găng tay len màu đen vào. “Chào nhé.”

Weller gật đầu.

Khi Pulaski đã ở cửa thì viên luật sư nói, “Thật ra tại sao anh lại đến đây, anh Walesa?”

Cảnh sát trẻ dừng bước. Anh quay lại. “Thật ra là sao? Ý ông muốn hỏi là gì?”

Cứng cựa như De Niro. Như Tony Soprano.

“Không hề có buổi lễ viếng nào cả. Nếu anh đã gọi đến để xem khi nào tôi tới nhận di hài - mà đúng là anh đã gọi, vì anh đã ở đây rồi - chắc hẳn anh đã biết sẽ không có lễ viếng. Vậy. Tôi phải nghĩ sao về việc này?”

Pulaski cân nhắc - và thể hiện luôn là mình đang cân nhắc. Anh thọc tay vào túi áo và lấy ra một tấm danh thiếp rồi đưa nó cho người đàn ông bằng bàn tay đi găng. Anh bảo, “Hãy đưa nó cho thân chủ của ông.”

“Tại sao?”

“Cứ đưa nó cho họ. Hay ném nó đi.” Một cái nhún vai. “Tùy ông thôi.”

Viên luật sư nhìn anh lạnh lùng rồi cầm lấy tấm danh thiếp. Trên đó chỉ có một cái tên giả kèm số điện thoại trả trước.

“Chính xác thì anh làm gì, anh Walesa.”

Ánh mắt chăm chú của Pulaski bắt đầu từ cái đầu hói của ông luật sư và kết thúc ở mũi giày ông ta, cả hai đều sáng bóng như nhau. “Chúc một ngày tốt lành, ông Weller.”

Cùng với cái nhìn cạnh khóe vào chiếc hộp chứa tro cốt của Thọ đồng hồ, Pulaski hướng ra cửa.

Vừa đi anh vừa nghĩ: Được rồi, ghi điểm rồi!

Tuy nhiên, nghi phạm đã không để lại nhiều bằng chứng trong dinh thự như Rhyme từng hi vọng.

Và cũng không có dấu mỗi chắc chắn nào khác. Cuộc gọi báo kẻ đột nhập tới từ một nguồn vô danh. Việc thẩm vấn khu vực đó để tìm các nhân chứng đã trông thấy kẻ đột nhập không đem lại điều gì. Video an ninh ở hai cửa hàng gần đó đã ghi lại cảnh một người đàn ông gầy gò trong bộ bảo hộ màu tối, đầu cúi gằm bước đi trong lúc mang một cái cặp táp. Hắn đột ngột đổi hướng rẽ vào con ngõ cụt. Tất nhiên không có hình ảnh nào có được khuôn mặt hắn.

Mel Cooper đã cho phân tích chai rượu và chỉ thấy dấu vân tay của Rhyme và Thom, hiển nhiên rồi, thậm chí còn không thấy được dấu vân tay của người bán lẻ rượu hay nhà chưng cất ở Scotland.

Không có vết tích nào khác trên chai.

Sachs đang nói với anh, “Không có gì đáng kể, Rhyme ạ. Chỉ có điều hắn là một bậc thầy bẻ khóa. Không có dấu hiệu dụng cụ gì. Chắc chắn là dùng súng phá khóa rồi.”

Cooper đang kiểm tra những thứ bên trong túi đựng bằng chứng.

“Không nhiều, không nhiều.” Mặc dù vậy một lát sau anh ta vẫn phát hiện ra một thứ. “Tóc.”

“Tuyệt vời,” Rhyme nói. “Ở đâu?”

Cooper xem lại ghi chép của Sachs. “Nó nằm cạnh cái giá đựng chai rượu bị hấn đầu độc.”

“Mà trước đó là một chai rượu cực ngon,” Rhyme lẩm bẩm. “Nhưng một sợi tóc à. Tốt lắm. Chỉ có điều: của hắn, hay của anh, hay của tôi, của Thom, hay của người giao hàng?”

“Để xem nào.” Kỹ thuật viên nhấc sợi tóc ra khỏi băng dính và chuẩn bị một tấm màn để quan sát nó trong kính hiển vi quang học.

“Có chân tóc không?” Rhyme hỏi.

Tóc có thể cho thấy ADN nhưng thường là chỉ khi nào có chân tóc.

Mẫu vật này thì không.

Tuy nhiên tóc cũng có thể cho thấy nhiều dữ kiện khác về thủ phạm. Hồ sơ hóa chất và thuốc chằng hạn (tóc lưu giữ thông tin về các loại thuốc được dùng trên nó hàng tháng trời). Và tất nhiên cả màu tóc thật nữa.

Cooper tập trung ống kính hiển vi và bấm một nút để đưa hình ảnh lên màn hình phân giải cao gần đó. Sợi tóc ngắn, chỉ là một đoạn râu.

“Chết tiệt,” Rhyme nói.

“Cái gì?” Sachs hỏi.

“Có ai thấy nó quen không?”

Cooper lắc đầu. Nhưng Sachs đã cười khẽ. “Tuần trước.”

“Chính xác.”

Cọng tóc ấy không phải rơi ra từ nghi phạm mà từ vụ cướp của giết người gần Tòa thị chính một tuần trước đó, người công chức đã bị giết trong lúc đánh nhau với tên cướp. Sợi râu mọc trong ngày. Nạn nhân đã cạo râu ngay trước khi rời khỏi văn phòng.

Đôi khi việc này vẫn xảy ra. Dù bạn có cẩn trọng với bằng chứng bao nhiêu đi nữa, những mẫu vật tí hon vẫn thoát được. Đời là thế.

Màn hình khối phổ sáng lên. Cooper tập trung nhìn vào và nói, “Đã có hồ sơ chất độc: tremetol. Dạng còn. Tới từ bạch xà rễ. Không đủ để giết chết anh, trừ khi anh tu hết cả chai một lúc.”

“Đừng cảm dỗ tôi,” Rhyme nói.

“Nhưng nó sẽ làm cho anh rất, rất yếu. Hoang tưởng nặng nề. Có thể là vĩnh viễn.”

“Có lẽ hẳn không đủ thời gian tiêm trọn liều vào chai rượu. Anh biết đấy, liều lượng mới là kẻ giết người chứ không phải bản thân chất đó. Tất cả chúng ta vẫn tiêu thụ chì và thủy ngân mỗi ngày. Nhưng không phải với số lượng đủ để gây thiệt hại. Chết tiệt, nước cũng giết được người. Uống đủ nước trong thời gian đủ nhanh làm sự mất cân bằng natri sẽ làm tim anh ngừng đập.”

Vậy là hết, Sachs đã báo cáo. Không dấu vân tay, không dấu giày, không có dấu vết nào khác.

Họ cũng không tìm được bất kì đầu mối nào tại tòa chung cư Belvedere hay gần đó. Không ai thấy một người giả dạng lính cứu hỏa đi phân phát cà phê cả. Một đội được cử đi kiểm tra các thùng rác trong khu vực đã không tìm được chiếc cốc nào có chứa thứ đồ uống nhiễm độc. Các đoạn phim an ninh không giúp ích gì.

Lon Sellitto vẫn còn trong tình trạng nguy kịch và bất tỉnh - do đó không thể cho họ thêm thông tin gì về nghi phạm, mặc dù Rhyme đoán là hẳn đã không bất cần đến mức hé lộ bất kì điều gì về bản thân trong lúc phân phát cốc cà phê có độc ấy.

Mel Cooper kiểm tra với đội nghiên cứu mà Lon Sellitto đã triệu tập và biết rằng họ vẫn chưa tìm được bất kì điều gì có liên quan tới thông điệp số.

Mặc dù vậy họ đã nhận được một thứ. Một bản ghi nhớ vừa được gửi tới từ các cảnh sát đội Trọng án khác mà Sellitto đã “điều động”, đúng từ của anh ta, để tìm kiếm hình xăm con rết.

Từ: Đội đặc nhiệm Nghi can 11-5

Gửi: Thanh tra Lon Sellitto, Đội trưởng Lincoln Rhyme V/v: Con rết Chúng tôi không gặp may mắn trong việc tìm mối liên hệ giữa các tội phạm cụ thể trong quá khứ với nghi phạm của vụ này. Về khía cạnh hình xăm con rết, chúng tôi đã biết được như sau:

Rết là loài chân đốt thuộc lớp Chilopoda của phân ngành Myriapoda.

Chúng có một cặp chân ở mỗi phần của cơ thể nhưng không nhất định phải có một trăm cái chân. Chúng có thể có từ bốn chục cái, cho đến ba trăm cái chân. Con lớn nhất dài chừng ba mươi centimet.

Chỉ rết mới có “cặp chân móc” vốn là hai chi trước được cải biến, nằm ngay sau đầu. Những cái chân này tóm lấy con mồi và dùng phần vòi giống hình kim tiêm để truyền chất độc sang làm tê liệt hay giết chết chúng.

Chúng có các tuyến độc nằm trên cặp chi đầu tiên, tạo thành một phần phụ giống như cái kẹp luôn tìm thấy ngay đằng sau đầu. Cặp chân móc không phải là mồm thật dù chúng được dùng để tóm chặt các con mồi, truyền chất độc và bám chắc vào con mồi đã bị bắt giữ. Các tuyến độc chạy qua một cái ống ở gần đầu mũi của mỗi cái chân móc.

Về mặt văn hóa, rết được vẽ lại theo hai mục đích: Một, để đe dọa kẻ thù. Hình ảnh một con rắn có chân đi lại, với cặp răng nanh chứa chất độc tạo ra nỗi sợ hãi sâu thẳm trong con người. Chúng tôi đã tìm được một câu trích dẫn từ đạo Phật ở Tây Tạng như sau: “Nếu có kẻ thích thú với việc dọa dẫm người khác, kẻ đó sẽ bị đầu thai làm kiếp con rết.”

Hai, rết đại diện cho việc xâm phạm vào những nơi chốn rõ ràng là rất an toàn. Rết làm tổ trong giày, trên giường, trong xô pha, nôi em bé, ngăn kéo tủ quần áo. Có một lí thuyết nói rằng côn trùng đại diện cho ý tưởng những gì chúng ta nghĩ là an toàn nhưng thật ra lại không phải.

Lưu ý rằng vài người có những hình xăm dựa trên bộ phim Người Rết, một bộ phim kinh dị dở tệ đặc biệt ghê tởm trong đó ba con người bị khâu lại với

nhau để tạo nên thứ mà tiêu đề phim gợi ý. Những hình xăm này không liên quan gì đến con côn trùng rết cả.

“Nghe cứ như một bài luận cuối kì dở ẹc,” Rhyme làu bàu. “Ba mớ lằng nhằng lại được in ra, đóng thành quyển.”

Chuông cửa reo vang và anh thấy buồn cười khi phát hiện ra tất cả mọi người trong phòng đều giật mình. Cooper và Sachs thả tay gần vũ khí của họ - dư âm cú sốc sau nỗ lực tấn công cùng ngày hôm nay của nghi can.

Mặc dù anh không nghĩ nghi phạm sẽ trở lại, chứ chưa nói đến việc tự tuyên bố sự trở lại ấy bằng một hồi chuông.

Thom ra kiểm tra cửa và để Ron Pulaski đi vào dinh thự.

Cậu ta bước vào, thấy khuôn mặt bức dọc của tất cả mọi người và hỏi, “Có chuyện gì thế?”

Họ kể cho cậu ta nghe vụ tấn công.

“Đầu độc anh ư, Lincoln? Ôi trời.”

“Không sao, lính mới. Tôi vẫn còn ở đây để hành hạ cậu. Vụ cảnh sát chìm của cậu sao rồi?”

“Tôi nghĩ tôi đã làm tốt.”

“Kể cho chúng tôi xem.”

Cậu ta giải thích chuyến đi tới nhà tang lễ đã diễn ra thế nào, gặp ông luật sư, sự miễn cưỡng nói ra hay không hé lộ gì nhiều về thân chủ của ông ta.

Một luật sư. Thú vị đây.

Pulaski kể tiếp, “Tôi nghĩ là tôi đã gạt được ông ta. Tôi đã gọi anh là tên khốn đấy, Lincoln.”

“Cậu thấy sao?”

“Ừ, cảm giác tuyệt lắm.”

Rhyme phá ra cười.

“Rồi tôi làm như anh đã bảo. Tôi gợi ý - không nói gì cụ thể - nhưng gợi ý là tôi làm việc cùng Logan. Và rằng gần đây chúng tôi đã liên hệ với nhau.”

“Cậu có lấy được danh thiếp không?”

“Không. Và Weller không đưa ra. Ông ta giữ khư khư con bài của mình.”

Ron chơi chữ, vì cards vừa mang nghĩa là danh thiếp vừa có nghĩa là quân bài.

“Còn cậu thì không muốn phô bài ra.”

Pulaski bảo, “Tôi thích câu anh vừa nói đấy. Anh dùng luôn cách chơi chữ của tôi để đè tôi.”

Cậu nhóc thực sự đã đủ lông đủ cánh rồi. “Cậu đoán được điều gì không?”

“Tôi đã cố hỏi xem có phải ông ta từ California tới không nhưng ông ta không nói. Nhưng ông ta rậm nắng. Trông vẻ khỏe mạnh, hói đầu, to ngang.

Âm giọng miền Nam. Tên là Dave Weller. Tôi sẽ kiểm tra ông ta xem sao.”

“Chà, tốt lắm. Chúng ta sẽ xem ông luật sư có động đậy gì không. Nếu không, tôi sẽ nói chuyện với Nance Laurel ở phòng Công tố quận để xin một trát đòi hồ sơ của nhà tang lễ. Nhưng đó là biện pháp cuối cùng; tôi muốn giữ vai của cậu lâu hết mức có thể. Không tòi đâu, lính mới. Chúng ta chờ thôi. Còn giờ: nhiệm vụ trước mắt. Nghi can 11-5. Hãn vẫn còn phải hoàn thiện lời nhắn, “lần thứ hai”, “bốn mươi”, “thứ mười bảy”. Hãn chưa xong đâu. Tôi muốn biết hãn sẽ tấn công vào đâu tiếp. Chúng ta phải nghĩ tiếp chuyện đó.”

Anh đẩy xe tới gần tấm bảng. Câu trả lời nằm ở đâu đó trên ấy, anh nghĩ. Câu trả lời cho nơi hãn sắp tấn công, hãn là ai, mục đích của hãn là gì khi

dàn dựng những cuộc tấn công khủng khiếp này.

Nhưng những câu trả lời ấy đang tối tăm mù mịt y như bầu trời New York trong màn mưa tuyết vậy.

582 phố 52 T. (Bãi đỗ xe Belvedere)

- Nạn nhân: Braden Alexander – Chưa bị giết • Nghi can: 11-5

- Xem chi tiết từ các hiện trường trước – Cao khoảng mét tám – Đeo mặt nạ cao su màu vàng – Găng tay vàng – Có thể là người đàn ông trong hình ảnh nhận dạng – Có thể mặc đồ bảo hộ – Có thể tới từ Trung tây, Tây Virginia, miền núi - các khu vực nông thôn khác – Có dao mổ • Bị khống chế bằng propofol – Thu được bằng cách nào? Tiếp cận với nguồn cung y tế? (Không có vụ trộm nào tại địa phương)

- Vùng giết người tiềm năng – Gara bên dưới hầm – Kết cấu tương tự các hiện trường khác •IFON

- ConEd • Đường dây thông tin khẩn cấp của tuyến đường sắt Metro-Bắc • Còng tay – Loại thông thường, không thể tìm nguồn • Hình xăm – Mô cấy – “17th”

- Ống thuốc chứa nicotine cô đặc • Họ bạch anh • Quá nhiều nguồn • Dấu vết từ túi nhựa – Anbumin từ người và natri clorít (có kế hoạch phẫu thuật thẩm mỹ?)

- “No. 3” được viết trên túi bằng mực đỏ tan trong nước thường được dùng để tẩy nước nhưng ở các hiện trường trước hoặc tại đây không có, nên đó có thể là chất độc cho cuộc tấn công trong tương lai (tuy nhiên lại có quá nhiều nguồn để truy tận gốc)

Sidney Place, Brooklyn Heights (Căn hộ của Pam Willoughby)

- Nạn nhân: Seth McGuinn – Không bị giết, bị thương nhẹ • Nghi can – Hình xăm con rết màu đỏ – Xác nhận có một chiếc máy xăm American

Eagle – Khớp với mô tả chung từ các vụ tấn công trước – Đồ bảo hộ • Bị khống chế bằng propofol – Thu được bằng cách nào? Tiếp cận với nguồn cung y tế? (Không có vụ trộm nào tại địa phương)

- Kim tiêm dưới da dùng một lần loại 31 gauge dùng trong ngành y ở Mỹ – Chủ yếu được dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ • Chất độc chiết xuất từ cây baneberry trắng (còn gọi là mắt búp bê)

– Chất độc tim • Không có dấu vân tay • Không dấu giày (mang bao giày)

- Còng tay – Loại thường, không thể truy nguồn • Dấu vết:

– Sợi giấy từ biểu đồ kiến trúc/cơ khí nào đó – Dấu vết cicutoxin, có thể là từ hiện trường trước đó **Dinh thự của Rhyme** • Nghi can – Không dấu vân tay – Không dấu giày (mang bao giày)

– Thợ bẻ khóa giỏi (dùng súng bẻ khóa?)

- **Tóc – Đoạn râu ngắn, nhưng có thể là từ hiện trường trước đó • Chất độc – Tremetol từ bạch xà rễ** ⁵⁰

Bỏ lại chai whisky có độc cho Rhyme đem lại vui sướng đúng như Billy Haven đã liệu. Thực ra là còn vui hơn.

Một phần của việc đó là cản trở cuộc điều tra của nhà tội phạm học.

Nhưng một phần nữa là vui thú của trò chơi. Lén vào trong, ngay dưới mũi anh ta, trong khi anh ta và các đồng sự ngồi ngay ở sảnh trước, theo dõi vụ náo động trong công viên.

Nam da màu...

Trong lúc tìm đường đi qua Làng Đông, Billy ngẫm nghĩ rằng Những lời răn thực sự đã tính đến mọi thứ trong nhiệm vụ Biến cải. Nhưng có vài sự kiện bất ngờ mà nó đã không nói đến. Chẳng hạn như đầu độc chuyên gia pháp y, người có thể dự đoán mọi việc.

Giờ đây hắn đang làm một nhiệm vụ tương tự.

Người phải sẵn sàng ứng biến.

Những ngôi nhà trong khu vực này của thành phố có vẻ kiệt quệ, bẩn thỉu, phân tán và căng thẳng. Sau chuyến đi gặp thất bại sớm tại bệnh viện Marble Hill, trên đường trốn thoát hắn đã cảm thấy đặc biệt khinh thường những kẻ sống trên các con phố ở khu Bronx. Nhưng ít nhất hắn còn quan sát thấy khá nhiều gia đình đi mua sắm cùng nhau, ăn tối cùng nhau, đi tới hoặc ra về từ những sự kiện ở trường học. Tại đây, ai nấy dường như đều cô quạnh. Hầu hết bọn trẻ trong tầm tuổi hai mươi đều mặc những chiếc áo choàng sờn chỉ và đi những đôi ủng xấu xí hồng bảo vệ chúng khỏi cơn mưa tuyết xám-vàng. Vài cặp đôi hiện diện nhưng ngay cả bọn họ cũng trông như bị kéo lại với nhau bởi tình yêu vô căn cứ hay nỗi tuyệt vọng.

Không ai có vẻ thực sự đang yêu cả.

Hắn vừa thương lại vừa khinh bỉ những con người này.

Hiển nhiên, Billy lại nghĩ đến Cô gái Đáng yêu. Nhưng giờ hắn không còn buồn. Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi. Hắn tự tin. Tất cả sẽ được chỉnh đốn.

Một vòng tròn hoàn chỉnh.

Quy luật bộ da...

Hắn đi xuống thêm vài dãy nhà nữa cho đến khi tới một cửa hàng ở mặt tiền. Tấm biển trên cửa đề *Mở cửa* nhưng chẳng có ai bên trong dù ở đằng sau hắn có thể trông thấy một thoáng chuyển động. Hắn nhìn qua những hình vẽ và tấm ảnh quảng cáo, ảnh chụp gắn trên cửa sổ. Siêu anh hùng, động vật, cờ, quái vật. Các slogan. Những ban nhạc Rock.

Cả ngàn mẫu hình xăm.

Hầu hết đều ngu ngốc, thương mại và vô tích sự. Như những chương trình truyền hình và quảng cáo trên Đại lộ Madison. Hắn thầm cười mỉa những

hình ảnh trưng bày lòe loẹt kia.

Nghệ thuật trên da đã thay đổi nhiều biết mấy theo thời gian, Billy nghĩ lại. Thời cổ đại, xăm mình là một sự kiện nghiêm túc. Trong khoảng một ngàn năm đầu tiên tồn tại, xăm mình vốn không phải là để trang trí. Cho đến những năm 1800, nghệ thuật trên cơ thể là một nghi lễ tinh thần và gắn liền với tôn giáo cũng như cấu trúc xã hội. Thời xưa, con người xăm mình vì một vài lí do thực tế: xác định vị thế hay gia tộc của mình chẳng hạn, hay để thờ phụng vị chúa này thần nọ. Môn nghệ thuật trên da cũng phục vụ một nguyên do khác, sống còn hơn: định dạng linh hồn của bạn trên bước đường vào thế giới bên kia; nếu bạn không được đánh dấu lúc còn sống, bạn sẽ bị thần giữ cửa từ chối và phải lang thang trên mặt đất sau khi chết, khóc than muôn kiếp. Hình xăm cũng đóng vai trò là rào chắn, giữ cho linh hồn không thoát khỏi thể xác bạn (chính nó là nguồn gốc của những hình xăm sợi xích hay rào thép gai ngày nay đã quá phổ biến trên bắp tay hoặc cổ). Và xếp ở vị trí cao trong mục những lí do con người xăm mình là để mở một cánh cửa cho những linh hồn ma quỷ thoát ra khỏi cơ thể, như thả một con ong bắp cày ra khỏi cửa xe mở - những linh hồn có thể thúc giục họ làm những việc mà họ không muốn làm.

Chẳng hạn như tìm niềm vui trong máu đổ.

Phòng Trúc đào...

Những hồi tưởng của hắn nhạt dần khi Billy đeo cặp găng tay latex màu vàng vào và mở cửa, khiến chuông báo hiệu vang lên.

“Ra ngay đây,” một giọng nói ở phía sau vọng ra.

“Đừng lo.” Billy nhìn quanh cửa hàng bé xíu. Những chiếc ghế, bàn kiểu mát-xa dành cho những hình xăm ở thắt lưng và vai, những chiếc máy và ống mực và kim. Đồ tốt. Hắn nhìn vào bức ảnh những vị khách hài lòng và kết luận, kể cả khi phần lớn những hình xăm mà cửa hàng này sản sinh đều rác rưởi, TT Gordon vẫn là một nghệ sĩ tài năng.

Lấy chiếc kim tiêm chứa đầy propofol ra khỏi ba lô, Billy lật tấm biển trên cửa sang mặt Đóng cửa và khóa chốt. Hắn đi về phía tấm rèm xâu bằng hạt lấp lánh ngăn cách phòng trước và phòng sau cửa hàng.

IV. NGƯỜI ĐÀN BÀ DƯỚI HẦM

THỨ SÁU, NGÀY TÁM THÁNG MƯỜI MỘT.

TÁM GIỜ SÁNG.

Vào giây phút ngay khi vừa hoàn thành một mẫu xăm phức tạp, bạn tự hỏi: Tác phẩm có thành công không? Hay bạn vừa làm hỏng một mẫu da hoàn hảo và có khi còn là cả cuộc đời của ai đó trong tương lai gần?

Đây là điều Billy Haven đã nghĩ khi hấn nằm trên giường trong xưởng làm việc của mình ở phố Canal sáng hôm đó. Nhớ lại vài mẫu phức tạp hơn của hấn. Bạn chỉ vừa mới đưa đường mực cuối cùng (bạn luôn bị cám dỗ vẽ tiếp nhưng phải biết lúc nào nên dừng). Và đặt chiếc máy Freewire hay American Eagle hay Baltimore Street hay Borg xuống và ngồi lùi lại, bồn chồn và lo lắng, nhìn vào tác phẩm hoàn thiện lần đầu tiên.

Lúc mới đầu, mỗi tác phẩm chỉ là một mớ không phân biệt được giữa máu, Vaseline và nếu nó rất to thì còn có thêm một hai mẫu băng cá nhân chống dính nữa.

A, nhưng bên dưới nó, dù lúc này không thể nhận ra nổi, lại là một vẻ đẹp sẽ sớm được hé lộ.

Bạn hi vọng thế.

Như bác sĩ Moreau, tháo từng lớp băng trên đối tượng của mình và tìm được tạo vật thành công là cô Người Mèo xinh đẹp, với cặp mắt hình quả hạnh và mái tóc màu lông xám bóng lưỡng của mèo Xiêm. Hay Người chim, hoàn thiện đến cả từng chiếc móng vàng rực và bộ lông công.

Với sự Biến cải cũng như thế. Trên bề mặt - với cảnh sát, với người dân thành phố New York đang hoảng loạn trước ý nghĩ bước xuống tầng hầm -

những tội ác ấy dường như là một điều bí ẩn. Vài vụ giết người, chút nhục hình, chút thông điệp kì bí, những địa điểm ngẫu nhiên, nạn nhân ngẫu nhiên, một tên sát nhân bị ám ảnh với da và chất độc.

Nhưng bên dưới: một thiết kế hoàn hảo. Và giờ là lúc vén tấm màn máu me của những miếng băng cá nhân và ngắm nghía Biển cả trong vẻ huy hoàng trọn vẹn của nó.

Hắn gạt chân gối ra và ngồi dậy, một lần nữa nhìn xuống hai đùi mình.

ELA

LIAM

Hắn có cả những kí ức tốt đẹp và tồi tệ khi nhìn vào hai cái tên ấy.

Nhưng, sau ngày hôm nay, hắn biết rằng kí ức xấu sẽ phai nhạt.

Cha mẹ hắn, Cô gái Đáng yêu.

Đồng hồ của hắn rung lên. Hắn liếc vào đó. Cú rung thứ hai sẽ sớm nổi tiếp.

Billy mặc quần áo và dành cả giờ tiếp theo để cọ rửa xường: chất đầy các túi rác bằng những bộ quần áo hắn đã mặc tới các điểm giết người, quần áo mặc ngủ, khăn ướt, khăn giấy, thìa đĩa nhựa, đĩa - bất kì cái gì có thể lưu lại ADN hoặc dấu vân tay.

Hắn đẩy chỗ túi ra ngoài trong màn mưa tuyết lạnh buốt buổi sáng - mũi của hắn nhúc nhối với hơi thở đầu tiên trên phố - và đặt chúng lên vỉa hè.

Hắn chờ. Ba phút sau, chiếc xe tải ồn ào của Sở vệ sinh môi trường lăn bánh tới điểm dừng và các công nhân nhảy ra từ sau xe, thu thập rác thải trên con phố ngăn, tối om.

Hắn đã ghi lại chính xác thời gian xe tải đến - để đảm bảo thùng rác không có mặt trên phố quá vài phút; hắn đã biết cảnh sát có quyền lục thùng rác nhà bạn trên các con phố công cộng.

Với một tiếng két của bộ truyền động và tiếng phịch của ống bô, chiếc xe tải biến mất cùng với hầu hết những bằng chứng có thể kết tội hắn. Hắn sẽ quay lại sau - có lẽ khoảng một tuần gì đó - và châm lửa đốt chốn này để hủy nốt

phần còn lại. Còn bây giờ thì như thế là đã đủ. Rất khó có khả năng cảnh sát tìm được chỗ trú ẩn bí mật này trong thời gian ngắn.

Với ý nghĩ ấy, hắn lại bần khoản về Lincoln Rhyme. Hắn chưa nghe gì về chuyện người đàn ông này bị đầu độc cả. Điều đó nhắc nhở hắn rằng kế hoạch loại bỏ kẻ tiên đoán vĩ đại có thể đã không hiệu quả như nó đáng phải thế. Nhưng hắn chưa nghĩ được cách nào khác để đưa độc chất vào trong máu anh ta. Đường như whisky là lựa chọn tốt nhất. Có lẽ còn một thứ khác tốt hơn nữa.

Tuy nhiên, như lúc trước hắn đã cân nhắc: Có những trận chiến thành công thì cũng phải có những cuộc thất bại. Nhưng trong cuộc chiến Biển cải này, hắn sẽ là người chiến thắng cuối cùng.

Billy quay lại căn hộ và tiếp tục gói ghém đồ đạc.

Hắn đi từ bể kính này sang bể kính kia. Mao địa hoàng, độc cần, thuốc lá, kèn thiên thần. Hắn đã nảy nở niềm yêu thích với những loài cây này và chất độc mà chúng mang lại. Hắn lật giở vài trang phác thảo đã vẽ.

Hắn nhét chúng vào ba lô, cùng với cuốn sổ chép Những lời răn biển cải. Mặc dù hắn đã viết ở dưới cùng Lời răn một hướng dẫn mang ý là: *Người sẽ phải hủy đi cuốn sách thánh này*, nhưng hắn vẫn chưa thể làm vậy được. Hắn không chắc sự miễn cưỡng xé nát những trang giấy từ đâu mà ra.

Có lẽ đó là vì Lời răn vốn là phương tiện chữa lành nỗi đau hắn phải chịu đựng bởi sự ra đi của Cô gái Đáng yêu.

Hay có lẽ vì nó đơn giản là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời, những lời văn được chép nắn nót trong tuồng chữ cao sang của Billy - tỉ mỉ như một hình xăm mười màu trên làn da trắng tinh khôi, cần tới hàng chục loại kim viền khác nhau và sáu bảy chiếc kim phủ bóng. Quá đẹp, nó không thể bị che giấu khỏi thế giới.

Hắn kéo khóa ba lô rồi đi tới chỗ chiếc ghế dài và cất vào túi vải khoảng sáu dụng cụ cùng một đoạn dây nối chịu tải nặng. Hắn thêm vào đó một bình giữ nhiệt to đã đóng chặt. Rồi hắn mặc chiếc áo khoác da màu nâu vàng và đội mũ Mets màu xanh đậm.

Đồng hồ của hắn rung lên. Rồi, lời nhắc nhở thứ hai.

Đã đến lúc sửa chữa những sai trái của cái thế giới hỗn loạn này.

Lincoln Rhyme đã quay lại phòng khách nhà mình.

Anh đã tỉnh giấc mấy lần, vật lộn với câu đố của những hình xăm.

Không một ý tưởng nào đến. Rồi anh chìm lại vào giấc ngủ đầy mộng mị, vô dụng như hầu hết những giấc mơ kiểu ấy. Anh đã tỉnh như sáo từ lúc sáu giờ sáng và gọi Thom lên để làm các thủ tục buổi sáng.

Pulaski, Cooper và Sachs cũng đã quay lại và đang tụ tập trong phòng khách, vật lộn với những bí ẩn đã không chịu đầu hàng khi đồng hồ điểm mười hai giờ đêm qua.

Rhyme nghe tiếng rung của điện thoại di động và nhìn ngang qua phòng, Pulaski đang lôi điện thoại của mình từ trong túi quần ra. Chiếc đang rung là điện thoại trả tiền trước, không phải iPhone của cậu ta.

Có nghĩa là chiến dịch ngầm đang gọi.

Chàng trai trẻ nhìn xuống màn hình. Lại cái nhìn của chú nai trước đèn pha. Viên cảnh sát đã thay bộ quần áo dự tang lễ ra nhưng vẫn ăn mặc theo vai diễn: quần bò, áo thun và áo len cổ chữ V màu xanh đậm. Giày chạy.

Không hẳn là kiểu quần áo của một tên mafia nhưng còn tốt hơn áo sơ mi Polo cùng giày Dockers.

Nhà tội phạm học hỏi, “Có phải là tay luật sư? Ở nhà tang lễ ấy?”

Pulaski nói, “Đúng vậy. Tôi có nên để ông ta để lại lời nhắn?”

“Ông ta không nhắn đâu. Nghe máy đi. Tất cả mọi người, im lặng!”

Trong một giây Rhyme tưởng Pulaski sắp đông đá. Nhưng ánh mắt chàng trai tập trung trở lại và cậu ta giơ điện thoại lên. Vì lí do gì đó mà cậu ta

quay lưng lại với những người khác để có thể nói chuyện một cách riêng tư nhất.

Rhyme muốn nghe nhưng anh đã phân công công việc tìm kiếm đồng đảng của Thọ đồng hồ quá cố - dù là vô tội hay nguy hiểm chết người - cho Pulaski và giờ nó không còn là phận sự của Rhyme nữa. Thậm chí anh còn không có tư cách bảo chàng cảnh sát phải làm gì hay làm như thế nào.

Rhyme chỉ thuần túy là một nhà tư vấn thường dân; Pulaski mới là người có phận sự thi hành pháp luật.

Sau vài phút Pulaski cúp máy và quay lại. “Weller muốn gặp tôi. Và cả một trong những khách hàng của ông ta nữa.”

Rhyme nhướn mày. Thế càng tốt.

“Ông ta nghỉ tại Huntington Arms. Phố 56 Tây.”

Rhyme lắc đầu. Anh không biết khách sạn ấy. Nhưng Mel Cooper đã tìm kiếm nơi đó. “Một trong những khách sạn nhỏ cổ kính ở Mé tây.”

Nó ở ngay phía bắc Hell’s Kitchen, một khu dân cư trong thành phố được đặt tên theo vùng đất nguy hiểm ở London từ thời Victoria. Từng có lúc khu vực này nhan nhản các ổ tội phạm. Giờ đây nơi đó là hiện thân của phong cách trường giả, dù thi thoảng vẫn có những dãy nhà mang màu đỏ nát. Cooper giải thích rằng khách sạn mà người đàn ông kia vừa nói tới nằm trong dãy nhà có những nhà hàng và khách sạn đắt đỏ quá mức.

Pulaski bảo, “Chúng tôi sẽ gặp nhau trong nửa giờ nữa. Tôi nên xử lí thế nào đây?”

“Mel, bản đồ của khu dân cư và khách sạn ấy thế nào?”

Kỹ thuật viên lên Google Earth trên một máy tính và Sở Nhà đất của thành phố New York trên một máy khác. Chưa đầy sáu mươi giây sau anh ta đã

chuyển lên màn hình chính một bản đồ nhìn từ trên xuống của con phố cộng với sơ đồ của chính khách sạn ấy.

Có một ban công quay ra đường, trên phố 56, chỗ đó sẽ là nơi tuyệt để theo dõi nếu thời tiết ít giống Bắc Cực hơn, nhưng hôm nay cuộc gặp sẽ diễn ra bên trong.

“Sachs, chúng ta có thể đặt một đội theo dõi trong sảnh không?”

“Em sẽ gọi. Xem em có thể làm gì.” Sau vài phút trên điện thoại, cô nói, “Không có thời gian để làm tuần tự. Nhưng em đã nhờ vả vài mối ở đội Trọng án. Sẽ có hai cảnh sát mật bên trong trong vòng hai mươi phút nữa.”

“Chúng ta sẽ cần sắp xếp một chiến dịch lớn hơn ở đó, Pulaski ạ. Cậu phải câu giờ. Vài ngày. Nghe giọng ông ta thế nào? Ông ta có vẻ khẩn trương không?”

Xoa một bàn tay lên mái tóc vàng, viên cảnh sát nói, “Không hẳn. Ông ta muốn đưa ra ý tưởng, tôi có cảm tưởng như vậy. Ông ta bảo tôi đừng đỗ xe trước cổng khách sạn nếu tôi lái xe đến. Ông ta có vẻ khá là bí ẩn, anh biết đấy. Không chịu nói gì trên điện thoại.”

Rhyme nhìn khấp lợt cậu ta. “Cậu có bao súng đeo cổ chân không?”

“Cổ chân - ồ, món sơ cua ấy à? Thậm chí tôi còn chả có.”

“Không phải để sơ cua. Món *duy nhất* của cậu đấy. Cậu có thể bị kiểm tra. Và hầu hết việc lần sờ người kiểm tra khí giới đều chỉ dừng lại ở đùi.

Sachs?”

Sachs nói, “Em sẽ trang bị cho cậu ta. Một khẩu Smith và Wesson Bodyguard. Loại ba tám mươi. Nó có cả ống ngắm laze nhưng khỏi cần để ý đến nó. Cứ dùng ống ngắm thép thôi.” Cô thò tay vào một cái ngăn kéo và đưa cho cậu ta một khẩu súng tự động nhỏ màu đen. “Tôi đã quét sơn móng tay lên trên ống ngắm. Để dễ ngắm mục tiêu trong điều kiện ánh sáng kém.

Cậu không phiền với màu hồng rực đó chứ?”

“Tôi có thể đối phó được.”

Cô đưa cho cậu ta một bao súng bằng vải nhỏ có đai đeo bằng da.

Rhyme nhớ lại cô không bao giờ dùng Velcro để cất vũ khí của mình.

Amelia Sachs hiếm khi phó mặc tính mạng cho số mệnh.

Pulaski đặt một chân lên chiếc ghế gần đó và buộc bao súng. Trông nó như vô hình. Rồi anh cảnh sát nghiên cứu khẩu súng nhỏ, vuông chẵn chẵn.

Anh lấy ra một băng, lấy thêm một viên đạn của Sachs và nhét nó vào ổ.

Sáu trong hành lang, một trong phòng ngủ. Anh gấp ổ đạn vào chỗ cũ.

“Sức giật thế nào?”

“Nặng đấy. Khoảng bốn cân rưỡi.”

“Bốn cơ à. Chà.”

“Và chỉ là bán tự động thôi. Ngón tay của cậu phải kéo gần hết về phía sau thì nó mới khai hỏa. Nhưng để làm vũ khí thì nó hơi nhỏ. Cứ mở chốt an toàn. Tôi còn chẳng hiểu vì sao họ lại thêm cái chốt. Với một phát kéo như thế.”

“Hiểu rồi.”

Pulaski nhìn đồng hồ. “Tôi còn hai mươi lăm phút nữa. Không có thời gian để cài máy nghe trộm à.”

“Không có đâu,” Rhyme đồng ý. “Nhưng đội theo dõi sẽ có sẵn micro.

Cậu có muốn mặc giáp không?”

Lắc đầu. “Họ sẽ phát hiện ra ngay. Không, tôi cứ thế đi vào thôi.”

“Cậu chắc không?” Sachs hỏi. “Tùy cậu cả đấy.”

“Tôi chắc.”

“Cậu cần lôi bọn họ ra ngoài, lính mới ạ. Bảo họ cậu muốn gặp lại. Hãy tỏ ra nhút nhát và cảnh giác nhưng kiên quyết. Thậm chí nếu có là ở một bang khác. Chúng tôi sẽ kéo Fred Dellray vào. Cục sẽ hỗ trợ. Họ có nghề do thám rồi. Và đừng đi đâu với họ ngay lúc này. Chúng tôi sẽ không thể theo đuôi cậu được.”

Pulaski gật đầu. Cậu ta đi vào sảnh và nhìn lại mình trong gương. Rũ tóc ra một chút. “Trông tôi đã đủ nham hiểm chưa?”

Rhyme bảo, “Cậu chính là hình ảnh thu nhỏ của sự vô lại.”

“Và nguy hiểm nữa,” Mel Cooper nói.

Viên cảnh sát mỉm cười và mặc áo choàng vào rồi biến mất ngoài tiền sảnh của dinh thự.

Nhà tội phạm học gọi với theo, “Báo tin cho chúng tôi nhé.”

Trong lúc lắng nghe cánh cửa mở ra với cơn gió thét gào, Rhyme tự hỏi mình, cái kiểu yêu cầu vô ích gì vậy nhỉ?

Mình có thể làm việc này.

Ron Pulaski cẩn trọng với những bước chân của mình trên vỉa hè khu West 50s, nơi phủ đầy tuyết xám và lớp băng còn xám xịt hơn. Hơi thở của anh phả ra thành từng làn mây bông bành trong bầu không khí lạnh ngắt, anh bỗng nhận ra mình khó cảm nhận được cả mấy đầu ngón tay.

Một cú bóp cò nặng bốn cân rưỡi? Nghĩ đến khẩu súng Smittie Bodyguard trên cổ chân. Vũ khí tiêu chuẩn của anh, khẩu Glock 17, chỉ có lực kéo bằng một phần ba. Tất nhiên, vấn đề không phải là nỗ lực kéo cò.

Dụng sức kéo bốn cân rưỡi thì bất kì ai hơn sáu tuổi cũng làm được. Vấn đề là độ chính xác. Càng khó kéo cò thì độ chính xác của phát đạn càng giảm.

Nhưng mọi chuyện sẽ không đến mức phải bắn nhau, Pulaski nhắc nhở mình. Và thậm chí nếu có đi nữa, đội yểm trợ sẽ có mặt sẵn sàng trong khách sạn để, à thì, yểm trợ cho anh.

Anh là... Chúa ơi! Cả con phố quay cuồng. Suýt nữa thì anh đã ngã đập mông vì một mảng băng mà anh không trông thấy. Anh hít vào thật mạnh, luồng không khí lạnh buốt đến nhức cả mũi.

Ghét mùa đông.

Nhưng anh lại nhớ ra giờ thậm chí còn chưa phải là mùa đông, mới là một ngày thu u ám thôi.

Anh nhìn lên qua màn mưa. Còn cách ba dãy nhà nữa - những dãy nhà dài, chạy ngang phố - anh đã có thể trông thấy khách sạn. Một cái đĩa băng đèn neon màu đỏ, một phần của logo.

Anh tăng tốc. Chỉ vài ngày trước, anh cùng Jenny và lũ trẻ đã dành cả buổi tối trước lò sưởi vì đường dẫn ga của tòa nhà có vấn đề. Cái lạnh đã len vào và anh phải nhóm lửa, bằng những thanh củi thực sự chứ không phải Dura

Flames, lũ trẻ trong bộ đồ ngủ và túi ngủ gần đó, anh và Jenny thì nằm trên đệm hơi. Pulaski đã kể những câu chuyện hài dở nhất - những câu đùa của trẻ con - cho đến khi lũ trẻ chìm vào giấc ngủ.

Còn anh và Jenny đã quần lầy nhau mãnh liệt, cho đến khi những bàn tay vuốt ve buốt giá của cái lạnh phải bỏ đi dưới thân nhiệt hòa quyện của họ (Không, tất nhiên là không phải chuyện ấy; họ đều đang mặc những bộ pyjama đứng đắn và hài hước y như của bọn trẻ).

Anh mong được quay về với gia đình mình làm sao. Nhưng anh vẫn gạt những ý nghĩ ấy đi.

Nhiệm vụ bí mật. Đó là công việc của anh. Công việc duy nhất. Jenny đã cưới Ron Pulaski, chứ không phải Stan Walesa. Lũ trẻ không tồn tại.

Và Lincoln Rhyme lẫn Amelia Sachs cũng vậy.

Tất cả những gì quan trọng là tìm ra đồng đảng của Thợ đồng hồ quá cố và không được tiếc thương nhiều lắm. Chúng là những ai? Chúng định làm gì? Và quan trọng hơn cả: Tên giết người có kẻ kế nhiệm hay không?

Ron Pulaski đã ngẫm nghĩ về chuyện này, dù vậy anh quyết định không nói điều gì với Lincoln và Amelia, vì sợ là mình sẽ trông rất ngu nếu hóa ra anh nghĩ sai (Lại là vết thương ở đầu. Nó ám ảnh anh mỗi ngày, mỗi ngày).

Giả thuyết của anh như sau: *chính* luật sư là tòng phạm chính của Thợ đồng hồ. Lão ta đã nói dối về chuyện chưa bao giờ gặp Logan. Ông ta có vẻ là một luật sư thật - họ đã kiểm tra hồ sơ. Và có một hãng luật ở LA (Viên trợ lí nghe điện thoại đã nói ông Weller đang đi công tác ngoài thành phố).

Nhưng website trông có vẻ đáng nghi - gần như không có gì - và chỉ cho một địa chỉ duy nhất là hộp thư ở bưu điện, không phải địa chỉ thật. Tuy nhiên, Pulaski cho rằng, ở các trang của luật sư chuyên về tai nạn vẫn thường như vậy.

Và kế hoạch của Weller là gì?

Có lẽ là giống như Pulaski. Rốt cuộc, tại sao phải tới tận New York lấy tro khi mà dùng FedEx để gửi nó tới gia đình còn dễ dàng và rẻ hơn nhiều?

Không, thậm chí giờ Pulaski càng tin rằng Weller có mặt ở đây trong một cuộc thám hiểm của chính ông ta hơn - để tìm ra những tông phạm khác của Thợ đồng hồ, kẻ đóng vai trò như một trùm cuối cùng lúc điều hành đến vài dự án, mà không hề hé lộ với bất kì đồng nghiệp nào về sự tồn tại của những người khác. Anh đoán là...

Điện thoại của anh rung lên. Anh nghe máy. Đó là một cảnh sát NYPD

trong đội có mặt ở khách sạn. Anh ta và đồng sự đã vào vị trí trong sảnh và trong bar. Pulaski đã nói lại vài chi tiết ngoại hình của Weller nhưng viên cảnh sát chìm kia báo lại rằng chưa có ai khớp với ngoại hình ấy trong sảnh cả. Tuy nhiên, giờ vẫn còn sớm.

“Tôi sẽ có mặt trong năm, sáu phút nữa.”

“K,” người đàn ông trả lời một cách bình thản khiến Pulaski cảm thấy được trấn an và họ cùng tắt máy.

Một luồng gió thổi ào tới. Pulaski quần áo choàng chặt hơn quanh mình.

Không ích lợi mấy. Anh và Jenny đã nói đến chuyện đi biển, bất kì bãi biển nào. Lũ trẻ đang học bơi và anh thực sự mong ngóng được đưa chúng ra biển. Ở Upstate cũng có vài cái hồ nhưng còn bãi cát và những ngọn sóng ư? Trời, chúng chắc là sẽ...

“Chào, anh Walesa.”

Pulaski đột ngột dừng lại và quay sang. Anh cố che đậy vẻ ngạc nhiên của mình.

Trước mặt anh ba mét là Dave Weller. Có chuyện gì thế này? Họ vẫn còn cách khách sạn đến hai dãy nhà. Weller đã dừng lại và đang đứng dưới mái hiên của một cửa hàng thú cưng chưa mở cửa bán hàng.

Pulaski nghĩ: Phải tỏ ra thật ngẫu. “Chào. Tưởng chúng ta sẽ gặp nhau trong khách sạn chứ.” Một cái gật đầu lên trên phố.

Weller không nói gì, chỉ nhìn lên nhìn xuống người Pulaski.

Viên cảnh sát bảo, “Ngày quý quái nhỉ? Tệ hết chỗ nói. Suốt cả tuần nay cứ mưa tuyết mãi như thế này.” Suýt thì anh đã bảo, “Ở L. A. các ông làm gì có kiểu thời tiết này.” Nhưng đáng ra anh không được biết tay luật sư có một văn phòng - hay không phải văn phòng - ở California. Tất nhiên, có khi còn *bớt* đáng nghi và *thêm phần* nham hiểm khi để cho Weller biết anh đã tìm hiểu về ông ta. Khó nói lắm.

Chết tiệt, trong mấy vụ hoạt động ngầm này, bạn luôn phải nghĩ nước cờ trước.

Pulaski đến đứng cùng Weller trước mặt cửa hàng thú cưng, tránh cơn mưa tuyết. Trong cửa sổ ngay sau lưng họ là một bể cá đục ngầu.

Một bãi biển, bất kì bãi biển nào...

Weller nói, “Nghĩ là như thế này sẽ an toàn hơn.” Lại một thoáng trọng âm miền Nam ấy.

Nhưng, tất nhiên, Stan Walesa có thể sẽ thắc mắc tại sao an toàn hơn lại là vấn đề. Anh hỏi, “An toàn hơn ư?”

Nhưng Weller không đáp lại. Ông ta không đội mũ, và cái đầu hói đã lấm chấm giọt nước.

Pulaski nhún vai. “Ông đã bảo ông có một khách hàng muốn gặp tôi.”

“Có thể.”

“Tôi làm nghề xuất nhập khẩu. Đó có phải nhu cầu của khách hàng ông không?”

“Có thể.”

“Cụ thể thì ông muốn cái gì nhỉ?”

“Chính xác” sẽ tốt hơn là “cụ thể”. Những kẻ cứng đầu không dùng nhiều từ bắt đầu bằng chữ S*

Specifically.

Giọng Weller trầm xuống, rất khó nghe trong cơn gió. “Anh biết dự án mà Richard đã lên kế hoạch ở Mexico chứ?”

Bụng dạ Pulaski thắt lại. Càng ngày càng tốt hơn. Người đàn ông này đang nhắc tới một âm mưu tấn công nhằm vào một quan chức chống ma túy ở Mexico vài năm trước. Logan đã dàn dựng kế hoạch giết chết *cán bộ liên bang*. Tuyệt thật. Nếu Weller biết chuyện đó, ông ta không hẳn là người như ông ta đã nói.

Giả thuyết của mình...

“Chắc rồi. Tôi biết chứ. Anh ấy kể với tôi rằng tên khốn đó, Rhyme, đã phá bĩnh.”

Vậy là tay luật sư cũng biết về nhà tội phạm học.

Pulaski ướm thử, “Nhưng Richard đã nghĩ ra một kế hoạch rất hay.”

“Đúng, hay thật.” Giờ đây Weller đã có vẻ thoải mái hơn khi Pulaski cho ông ta biết vài chi tiết mà công chúng không hề được biết về Richard Logan. Ông ta nhích lại gần. “Khách hàng của tôi có thể muốn nói chuyện với anh về tình huống đó.”

Khách hàng của ông hay là ông? Pulaski tự hỏi. Anh giữ mắt xoáy vào mắt Weller. Việc này rất khó nhưng anh quyết không nhìn đi.

“Có gì để nói chuyện nào?”

Weller đánh trống lảng: “Có thể là nối lại mối quan tâm với một cách tiếp cận vấn đề khác. Ở Mexico. Ông Logan đang làm vụ đó thì chết.”

“Tôi không chắc chúng ta đang nói về cái gì,” Pulaski nói.

“Một cách tiếp cận mới.”

“Ồ.”

“Nếu nó đem lại lợi ích cho tất cả mọi người.”

“Kiểu lợi ích gì?” Pulaski hỏi. Có vẻ như đây là một câu hỏi đúng.

“Đáng kể.”

Đó không hẳn là một câu trả lời hay. Nhưng anh biết mình phải chơi trò chơi như thế này - à, anh đã đoán là phải như thế, vì hầu hết những gì anh biết về các điệp vụ ngầm như thế này là từ *Blue Bloods* và các phim khác.

“Khách hàng của tôi đang tìm kiếm những người ông ta có thể tin cậy.

Anh có thể là một trong những người ấy. Nhưng chúng tôi cần kiểm tra anh kỹ hơn.”

“Tôi cũng sẽ phải kiểm tra một chút.”

“Chúng tôi đã đoán là thế. Và,” Weller nói chậm rãi, “khách hàng của tôi sẽ cần một thứ từ anh. Để cho thấy sự cam kết. Anh có thể mang một thứ tới bàn đàm phán chứ?”

“‘Một thứ’ là gì?”

“Anh phải bỏ tiền ra thì mới kiếm được tiền,” Weller nói.

Vậy là anh đang bị đòi phải đầu tư. Tiền mặt. Tốt. Tốt hơn nhiều so với việc mang đầu của một gã buôn ma túy cạnh tranh với hãn tới để tỏ lòng trung thành.

“Không vấn đề gì,” Pulaski đưa đẩy, cứ như anh có thể nhảy vào chiếc chuyên cơ cá nhân, bay tới Thụy Sĩ và rút hàng cọc tiền một trăm từ tài khoản riêng vậy.

“Anh sẵn sàng chi ra bao nhiêu?”

Đó là một câu hỏi hóc búa. Rất khó để xin được tiền mặt cho các hoạt động ngầm. Cấp chỉ huy luôn biết rằng họ có nguy cơ mất cả tiền. Nhưng anh không biết giới hạn ở đây là bao nhiêu. Họ làm thế nào trong *Blue Bloods* nhỉ? Anh nhún vai. “Một trăm K.”

Weller gật đầu. “Một con số đẹp.”

Đó là lúc Pulaski nghĩ: Làm sao ông ta biết anh sẽ đi đường này? Có tới ba, bốn lối đi khả dĩ đến khách sạn. Và, chết tiệt, nói đến chuyện đó, làm sao ông ta biết anh sẽ đi bộ chứ không gọi taxi hay lái xe đến? Lúc trước Weller còn nói đến chuyện đỗ xe ngay trước mặt Huntington Arms.

Có một cách trả lời, đó là Weller, hoặc ai đó, đã theo dõi Pulaski.

Và chỉ có một lí do duy nhất cho việc đó. Để gài bẫy anh. Có lẽ ông ta đã trông thấy anh ra khỏi nhà của Rhyme và tìm kiếm chủ nhân của dinh thự ấy.

Vậy mà anh đi một mình chẳng có máy nghe trộm chết tiệt nào, và còn cách đội hỗ trợ đến hai dãy nhà, và chỉ có một khẩu súng trên cổ chân, cách anh cả ngàn dặm.

“Vây. Rất vui vì công việc tiến triển. Để tôi xem chỗ tiền ấy và...”

Nhưng Weller đang không nghe. Mắt ông ta đảo qua Pulaski, làm anh quay ngoắt lại.

Hai gã đàn ông mặt mày nghiêm trọng trong những chiếc áo khoác da đang tiến tới. Một gã có mái tóc dài thướt, gã kia thì cạo trọc đầu.

Khi trông thấy ánh mắt của Pulaski, chúng liền rút súng và lao đến.

Cảnh sát trẻ quay ngoắt và bắt đầu bỏ chạy. Anh chạy được hai mét thì sát thủ thứ ba bước ra từ đằng sau một chiếc xe tải nơi hẵn đang đứng đợi, hẵn

vòng cánh tay to đùng quanh cổ họng của viên cảnh sát và lẳng người anh vào cửa sổ của cửa hàng thú cưng.

Weller lùi lại. Sút thủ gí mũi súng vào thái dương của Pulaski, trong khi đó, phía trong cửa hàng, một con chim tu-căng sặc sỡ bên trong một cái lồng Polynesia khoa trương rũ bộ lông, nhìn vào cuộc hoạt náo bên ngoài với vẻ thờ ơ nhất.

Rhyme gọi cho Rachel Parker nhưng lại vô tình gặp con trai của Lon Sellitto.

Chàng trai trẻ vừa về nhà từ ngoại ô New York, nơi cậu đang làm việc sau khi tốt nghiệp trường SUNY ở Albany. Rhyme nhớ nó là một thằng bé lặng lẽ và lịch thiệp, mặc dù cũng có vấn đề này kia trong tính cách và tâm trạng - chuyện phổ biến ở con cháu những người trong ngành hành pháp.

Nhưng đó là chuyện từ nhiều năm về trước và giờ đây thằng bé đã có vẻ trưởng thành, vững vàng. Bằng giọng nói không hề có âm điệu Brooklyn nào như kiểu của Lon, Richard Sellitto báo với Rhyme rằng tình trạng của cha cậu hầu như không thay đổi. Anh ta vẫn bị liệt vào dạng nguy kịch.

Rhyme mừng vì thằng bé đang làm mọi cách có thể để hỗ trợ Rachel và vợ cũ của Sellitto, mẹ Richard.

Sau khi cúp máy, Rhyme báo tin mới cho Cooper - mà thực ra là không có gì mới. Anh nghĩ đây là mặt đáng sợ nhất của thuốc độc: Nó len lỏi vào từng tế bào của bạn, hủy hoại những mô mong manh nhất trong nhiều ngày, nhiều tuần sau đó. Người ta có thể gặp đạn ra và khâu vết thương lại.

Nhưng chất độc thì âm ỉ, thấm thấu và giết người chậm rãi.

Lúc này Rhyme quay sang bảng vật chứng có chứa những bức ảnh chụp hình xăm.

Mi đang định nói điều quái quỷ gì? Anh lại thắc mắc một lần nữa.

Một câu đố, trích dẫn, hay mật mã? Anh không ngừng quay lại giả thuyết những manh mối này có liên quan đến một địa điểm. Nhưng ở đâu?

Điện thoại của anh đổ chuông lần nữa. Anh cau mày nhìn vào số gọi đến. Anh không nhận ra nó.

Anh nghe máy. “Rhyme đây.”

“Lincoln.”

“Lính mới? Cậu đấy à? Có chuyện gì vậy?”

“Vâng, tôi...”

“Cậu đang ở chỗ quái nào thế? Đội kia đã có mặt ở khách sạn, nơi cậu phải gặp Weller. Hay nơi *lẽ ra* đã có cuộc gặp mặt. Họ đã ở sẵn đó cả giờ đồng hồ. Cậu không hề ra mặt.” Anh nói thêm một cách cứng rắn, “Cậu có thể tưởng tượng ra, chúng tôi đã hơi lo lắng đấy.”

“Có một vấn đề.”

Rhyme im lặng. “Và?”

“Tôi, đại loại là đã bị bắt.”

Rhyme không chắc mình nghe đúng. “Nói lại đi.”

“Bị bắt.”

“Giải thích xem.”

“Tôi không tới được khách sạn. Tôi đã bị chặn lại từ trước.”

“Tôi nói giải thích. Chứ không phải làm rối mù câu chuyện.”

Mel Cooper nhìn sang phía anh. Rhyme nhún vai.

“Có một đặc vụ bên NYBI đang ở đây. Ông ấy muốn nói chuyện với anh.”

Cục điều tra thành phố New York?

“Đưa máy cho ông ta.”

“Chào, thanh tra Rhyme?”

Anh không buồn sửa lại chức danh.

“Vâng.”

“Tôi là đặc vụ Tom Abner, NYBI.”

“Và có chuyện gì thế, đặc vụ Abner?” Rhyme đang cố kiên nhẫn, mặc dù anh cảm thấy rằng Pulaski đã làm hỏng vụ hoạt động ngầm và hủy hoại mọi cơ hội họ có để biết thêm về đồng đảng của Thợ đồng hồ quá cố. Lại còn cái phần “tôi đã bị bắt” nữa chứ, vụ đổ bể này chắc phải tệ lắm đây.

“Chúng tôi đã phát hiện ra Ron là một cảnh sát tuần tra của NYPD có tiếng tốt, đang làm nhiệm vụ. Nhưng ở trụ sở không ai biết gì về việc anh ta đang hoạt động chìm cả. Anh có thể xác nhận chuyện Ron đang làm việc cho anh trong một chiến dịch không?”

“Tôi là thường dân, đặc vụ Abner. Một nhà tư vấn. Nhưng đúng, cậu ta đang hoạt động ngầm theo chỉ đạo của thanh tra Amelia Sachs, đội Trọng án. Một cơ hội mới vừa xuất hiện gần đây. Chúng tôi đã không có thời gian để xin duyệt qua các cấp. Ron chỉ mới vừa tiếp xúc ban đầu với vài nghi phạm tiềm năng sáng hôm nay thôi.”

“Hừm. Tôi hiểu rồi.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Hôm qua, một luật sư tên là David Weller, hành nghề ở LA, đã liên hệ với chúng tôi. Ông ta được gia đình của một người quá cố thuê, Richard Logan - tên tội phạm đã chết ấy?”

“Vâng.” Rhyme thở dài. Vậy là toàn bộ thảm họa được bày ra trước mắt anh.

“Chà, ông Weller nói rằng ai đó đã tới nhà tang lễ và hỏi rất nhiều câu về ông Logan. Dường như anh ta muốn gặp gỡ gia đình hoặc đồng nghiệp của người quá cố và gợi ý có thể anh ta muốn dự phần vào một vài giao dịch bất hợp pháp nào đó mà Logan đã bắt đầu làm trước khi chết. Tôi gợi ý một màn kịch để xem gã này muốn gì. Ông Weller đồng ý giúp. Chúng tôi đã

đeo máy nghe trộm cho ông ta và ông ta nhắc tới vài tội ác ở Mexico mà Logan có dính líu. Ron đề nghị trả tiền để tham gia vào một kế hoạch giết người khác với cùng đối tượng. Ngay khi anh ta nêu ra con số thì chúng tôi đã ập vào.”

Chúa ơi. Y như kịch bản bắt điểm phổ thông nhất vậy.

Rhyme nói, “Richard Logan đã dàn dựng vài vụ án khá phức tạp hồi hăn còn sống. Chắc chắn hăn không thể hành động một mình được. Chúng tôi đang cố tìm vài đồng phạm của hăn.”

“Hiểu rồi. Nhưng anh cảnh sát của anh đã thực sự vượt quá giới hạn của hoạt động ngầm.”

“Cậu ta chưa làm việc ấy bao giờ cả.”

“Việc đó không làm tôi ngạc nhiên. Luật sư Weller không hài lòng lắm về toàn bộ chuyện này, như anh có thể tưởng tượng ra. Nhưng ông ta sẽ không theo đuổi vụ khiếu nại nào.”

“Hãy nói với ông ta là chúng tôi biết ơn. Anh bảo Ron gọi cho tôi có được không?”

“Vâng, thưa anh.”

Họ cúp máy và một lát sau điện thoại trong phòng khách đổ chuông một lần nữa. Đó là chiếc điện thoại trả tiền của Pulaski.

“Lính mới.”

“Tôi xin lỗi, Lincoln. Tôi...”

“Đừng xin lỗi.”

“Tôi đã xử lí không khéo lắm.”

“Tôi thì không chắc là mọi chuyện đều tệ cả đâu.”

Một khoảng lặng. “Ý anh là gì?”

“Chúng ta đã biết được một điều: Weller và các thân chủ của ông ta - gia đình Logan - *không* có mối liên hệ nào với bất kì đồng phạm hay kế hoạch tội ác nào của Thọ đồng hồ. Nếu không họ đã không tố cáo cậu.”

“Tôi đoán vậy.”

“Cậu đã được thả chưa?”

“Rồi.”

“Tốt, tin tốt là chúng ta có thể để cho Thọ đồng hồ yên nghỉ vĩnh hằng.

Không còn chuyện ngoài lề nào nữa. Chúng ta còn một nghi phạm cần bắt đây. Mang cái mũng cậu về đây. Ngay.”

Anh cúp máy trước khi cảnh sát trẻ kịp nói gì thêm.

Đúng lúc đó điện thoại của Rhyme đổ chuông và anh nhận được tin vừa có một cuộc tấn công thứ tư.

Và khi anh nghe nói vụ giết người diễn ra trong một tiệm xăm ở trung tâm Manhattan, anh đã lập tức hỏi là chỗ nào.

Khi nghe thấy rằng - không có gì đáng ngạc nhiên - đó chính là cửa hàng của TT Gordon, Rhyme đã thở dài và gục đầu xuống. “Không, không,” anh thì thầm. Trong một thoáng tầm nhìn số Một và số Hai về cái chết đã tranh đấu với nhau. Rồi tầm nhìn số Một chiến thắng và Rhyme gọi cho Sachs để bảo rằng cô lại có thêm một hiện trường nữa cần khám nghiệm.

Amelia Sachs quay lại từ hiện trường tội ác gần nhất trong vụ Nghi can 11-5. Tiệm xăm của TT Gordon ở Làng Đông.

Tuy nhiên, hóa ra Gordon không phải là nạn nhân. Cậu ta đã ra khỏi tiệm khi nghi phạm lén vào trong, khóa cửa và đi tiếp đến phòng trong để thực hiện một hình xăm chết chóc. Thi thể đó là của một trong các nghệ sĩ làm việc ở tiệm, một người đàn ông tên Eddie Beaufort. Anh ta là một người di cư từ Nam Carolina tới New York vài năm trước, và như Sachs đã tìm hiểu được từ Gordon, anh ta đã là người có tên tuổi trong giới xăm.

“Đáng lẽ chúng ta phải cử ai đó canh tiệm xăm, Rhyme ạ,” cô nói.

“Ai mà nghĩ được cậu ta gặp nguy hiểm chứ?” Rhyme thực sự ngạc nhiên khi nghi phạm đã tìm ra cậu thợ xăm. Làm cách nào? Rất ít có khả năng hẳn đã đi theo Gordon từ nhà Rhyme. Nhưng có thể cộng đồng thợ xăm rất nhỏ và kẻ sát nhân đã nghe ngóng được chuyện Gordon đang giúp đỡ trong vụ điều tra. Nghi phạm hẳn đã nghe được và đến thẳng tiệm xăm để giết cậu ta. Khi thấy cậu ta không có mặt ở đó, có lẽ hẳn đã quyết định làm rõ một điều rằng giúp cảnh sát không phải ý hay và đã chọn nạn nhân là nhân viên đầu tiên hẳn tìm được.

Hơn nữa cũng đến lúc phải gửi một thông điệp khác.

the six hundredth

Sachs mô tả hiện trường: Beaufort, nằm ngửa. Áo sơ mi bị cởi ra và nghi phạm đã xăm một phần mới của câu đố trên bụng anh ta. Cô lôi thẻ SD

từ máy ảnh của mình và chiếu ảnh lên màn hình.

Đã quay về từ nhiệm vụ hoạt động ngầm thất bại thảm hại của mình, Ron Pulaski đang ngồi trước mặt màn hình, hai tay khoanh lại. “Chúng không theo thứ tự số đếm gì cả: thứ hai, bốn mươi, mười bảy rồi lại sáu trăm.”

Rhyme nói, “Nói đúng lắm. Đáng lẽ hẳn có thể làm đúng thứ tự nếu hẳn muốn. Hoặc thứ tự thế này là điều tiên quyết - hoặc hẳn muốn đảo chiều vì lí do gì đó. Và chúng ta lại có số thứ tự, không phải số đếm nữa. “Bốn mươi” là số đếm duy nhất.”

Mel Cooper gợi ý, “Một cách mã hóa chẳng?”

Đó cũng là một khả năng. Nhưng có quá nhiều cách kết hợp và không có điểm tham chiếu chung nào cả. Để giải một mật mã đơn giản trong đó các chữ cái bị biến thành con số, bạn cần bắt đầu với kiến thức chữ cái “e”

xuất hiện thường xuyên nhất trong tiếng Anh và phải gán giá trị ấy cho con số dày đặc nhất trong mật mã. Nhưng ở đây, họ có quá ít số - và chúng lại còn được kết hợp với chữ, điều đó gợi ý rằng con số chỉ có ý nghĩa là số chứ không là gì khác, dù ý nghĩa của chúng có bí ẩn thế nào.

Nó vẫn có thể là một địa điểm, nhưng con số này đã loại bỏ cả kinh tuyến lẫn vĩ tuyến. Một hoặc nhiều hơn một địa chỉ?

Pulaski nói, “Beaufort không bị giết ở dưới lòng đất.”

Rhyme chỉ ra, “Không, động cơ của nghi phạm ở đây khác: giết chính TT Gordon hoặc ít nhất là ai đó trong cửa tiệm. Hẳn không cần phải tuân theo phương thức hành động chuẩn nữa. Giờ, hãy xem em còn thu thập được gì khác, Sachs.”

Cô và Cooper đi đến bàn giám định. Cả hai cùng đeo găng tay và mặt nạ.

“Không dấu vết gì, cả vân tay lẫn giày,” cô nói. “Bên y tế đang xét nghiệm máu. Ngày hôm qua em đã bảo anh ta là chúng ta cần kết quả thật sớm. Anh ta bảo đang làm hết sức rồi.”

“Còn dấu vết khác?” Rhyme hỏi.

Sachs hất cằm về phía mấy chiếc túi.

Nhà tội phạm học nói, “Mel, vào việc đi.”

Trong lúc Cooper nhặt từng cái lên và kiểm tra, rồi phân tích nội dung, Sachs xem lại từng bức ảnh chụp hiện trường một. Eddie Beaufort, hai tay bị còng sau lưng và nằm ngửa, như những người khác. Rõ ràng anh ta đã phải chịu đựng các triệu chứng đường ruột và nôn mửa nghiêm trọng.

Điện thoại reo với con số quen thuộc.

Sachs cười. “Đúng là nhanh hết sức có thể.”

“Bác sĩ, Lincoln Rhyme đây,” anh nói với bác sĩ giám định. “Anh có gì?”

“Lạ lắm, đội trưởng.” Dùng chức danh cũ của Rhyme. Không lúc nào nó thôi mang lại cảm giác vừa thân quen vừa bực bội.

“Chính xác là lạ như thế nào?”

“Nạn nhân bị giết bằng amatoxin alpha-amanitin.”

“Nấm tử thần,” Cooper nói. “*Amanita phalloides*.”

“Đúng nó,” bác sĩ giám định nói.

Rhyme biết rõ về chúng. Amanita được biết đến ở ba điểm: mùi giống mật ong, vị rất dễ chịu và khả năng giết người hiệu quả hơn bất kì loại nấm nào khác trên đời.

“Còn phần lạ?”

“Liều lượng. Tôi chưa từng gặp liều lượng cô đặc như thế này bao giờ.

Thường thì người ta mất nhiều ngày mới chết, nhưng nạn nhân chỉ trụ được khoảng một giờ thôi, tôi đoán vậy.”

“Và là một giờ tồi tệ,” Sachs nói.

“À, phải,” bác sĩ giám định đồng ý, cứ như anh ta chưa từng nghĩ đến chuyện này.

“Còn chất gì khác không?”

“Thêm propofol. Y như những người khác.”

“Còn gì khác không?”

“Không.”

Rhyme nhăn mặt và bấm nút tắt máy. Sachs gọi với theo. “Cảm ơn.”

“Không...”

Cạch.

“Làm tiếp đi, Mel,” Rhyme nói.

Cooper cho chạy một mẫu dấu vết khác qua máy quang phổ khí. “Việc này...”

“Đừng có bảo “lạ” nữa đấy,” Rhyme quát. “Tôi đã có đủ chữ “lạ” rồi.”

“Đáng lo ngại. Đó mới là từ đúng.”

“Tiếp đi.”

“Nitrocellulose, di-ethylene glycol dinitrate, dibutyl phthalate, diphenylamine, potassium chloride, graphite.”

Rhyme cau mày. “Bao nhiêu?”

“Nhiều.”

“Nó là gì vậy, Lincoln?” Pulaski hỏi.

“Chất nổ. Cụ thể là thuốc súng. Không khói - công thức hiện đại.”

Sachs hỏi kỹ thuật viên, “Từ một vũ khí đã khai hỏa?”

“Không. Có chỗ còn là bột thật cơ. Loại trước khi đốt.”

Pulaski hỏi, “Chẳng lẽ hãn tự nhồi thuốc súng vào đạn?”

Đó là một gợi ý hợp lí. Nhưng Rhyme chỉ cân nhắc điều đó một thoáng rồi nói, “Không, tôi không nghĩ vậy. Thông thường chỉ có lính bắn tỉa và thợ săn mới nhồi thuốc súng thôi. Còn nghi phạm của chúng ta thì không để lại bằng chứng gì gợi ý hãn là kiểu người như vậy cả. Không quan tâm gì đến súng ống.” Rhyme nhìn chăm chăm vào bản in ra từ máy quang phổ khí. “Không, tôi nghĩ hãn dùng bột thô để chế tạo một thiết bị phát nổ tự chế.” Anh thở dài. “Thuốc độc còn chưa đủ. Giờ hãn còn muốn cho nổ tung thứ gì đó.”

537 phố St. Marks • Nạn nhân: Eddie Beaufort, 38

– Nhân viên tiệm xăm của TT Gordon – Có thể không phải nạn nhân dự kiến • Thủ phạm: Giả định là Nghi can 11-5

- COD: Bị đầu độc bằng amatoxin alpha-amanitin (từ loài Amanita phalloides, nấm tử thần) , thâm nhập thông qua xăm mình • Hình xăm viết: “the six hundredth”

- Bị khống chế bằng propofol – Thu được bằng cách nào? Tiếp cận với nguồn cung y tế? (Không có vụ trộm nào ở địa bàn)

- Còng tay – Loại thường, không thể truy nguồn • Dư chất – Nitrocellulose, di-ethylene glycol dinitrate, dibutyl phthalate, diphenylamine, potassium chloride, graphite: thuốc súng không khói – Dự kiến dùng đến thiết bị nổ tự chế?

“Em biết anh hoài nghi thế nào về các động cơ rồi đấy.”

Sachs không nói gì nhưng một nụ cười nở rộng cho thấy suy nghĩ của cô.

Điều khiển xe lăn về phía bảng vật chứng, Rhyme nói tiếp, “Nhưng cũng có những lúc đặt câu hỏi về chúng là hợp lí - đặc biệt là khi chúng ta đã xây dựng được một nền tảng vật chứng chắc chắn. Như hiện nay. Khả năng có một quả bom - nhớ là khả năng thôi nhé - có thể tách vụ này ra khỏi thế giới tội phạm điên loạn. Có thể có một động cơ hợp tình hợp lí nào đó ở đây. Nghi phạm của chúng ta không nhất thiết là đang thỏa mãn cái khao khát sâu thẳm là hoàn thiện việc của Kẻ tầm xương đầu. Anh nghĩ có thể hẳn còn có toan tính gì hơn thế trong đầu. Đúng, đúng, việc này thú vị thật,” anh hào hứng tiếp. “Anh muốn xem các nạn nhân lần nữa.”

Cả đội đọc kĩ lại các biểu đồ. Rhyme nói, “Chúng ta có thể đưa Eddie Beaufort ra khỏi công thức. Anh ta bị giết vì ở nhầm chỗ nhầm thời điểm thôi. Lon và Seth và tôi bị tấn công để cản bước chúng ta. Có bốn cuộc tấn công có chủ đích, là một phần trong kế hoạch của hắn: Chúng ta đã phá hai lần - Harriet Stanton ở bệnh viện và Braden Alexander ở chung cư Belvedere. Và hai vụ đã thành công. Chloe và Samantha. Tại sao lại là bốn người đó?” Rhyme thì thầm. “Điều gì ở họ nổi bật hơn?”

Sachs nói, “Em không biết, Rhyme. Dường như họ hoàn toàn là ngẫu nhiên... những nạn nhân ngẫu nhiên.”

Rhyme nhìn lên tấm bảng trước mặt anh. “Đúng, *bản thân* nạn nhân là ngẫu nhiên. Nhưng lẽ...”

Pulaski vượt miệng, “Địa điểm thì sao? Có phải hắn đang giả vờ điên để lôi kéo sự chú ý khỏi thực tế rằng có gì đó ở các hiện trường mà hắn muốn thổi tung?”

“Chính xác, lính mới ạ!” Rhyme đọc lướt các tấm bảng. “Địa điểm, địa điểm, địa điểm.”

Cooper nói, “Nhưng thổi tung cái gì? Và như thế nào?”

Rhyme xem lại những ảnh chụp hiện trường lần nữa. Rồi: “Sachs!”

Cô nhướn một bên lông mày.

“Khi chúng ta không chắc axit hipoclorơ từ đâu ra chúng ta đã cử cảnh sát tới các hiện trường, nhớ không? Để xem có hệ thống dẫn clorin nào vào đó không.”

“Đúng vậy. Cửa hàng ở SoHo và nhà hàng. Họ không tìm được gì cả.”

“Đúng, đúng, đúng, nhưng không phải tôi đang nghĩ đến axit.” Rhyme đẩy xe lại gần màn hình, xem xét các hình ảnh. “Nhìn vào những bức ảnh em chụp mà xem, Sachs. Đèn rọi và ắc-quy. Có phải *em* đã dựng chúng không?”

“Không, những cảnh sát đầu tiên chứ.” Cô cau mày. “Em đã tưởng là họ làm. Chúng đã ở đó lúc em đến. Cả hai hiện trường.”

“Và cảnh sát đi kiểm tra đường hầm tìm clorin sau đó đã bảo là anh ta đang đứng cạnh đèn rọi. Chúng vẫn còn ở đó. Tại sao?” Anh cau mày và nói với Sachs, “Hỏi xem ai đã dựng chúng đi.”

Sachs chộp lấy điện thoại và gọi cho đội Hiện trường ở Queens. “Joey, Amelia đây. Khi người của anh đến hiện trường Nghi can Mười một-năm, các anh có mang đèn halogen vào bất kì chỗ nào không? ... Không.” Cô gật đầu. “Cảm ơn.” Cúp máy.

“Họ không hề dựng chúng, Rhyme. Chúng không phải đèn của chúng ta.” Sau đó cô gọi đến một người bạn ở sở cứu hỏa và hỏi câu tương tự. Sau cuộc nói chuyện ngắn cô cúp máy và báo cáo. “Ừm. Chúng cũng không phải của bên cứu hỏa. Và cảnh sát tuần tra cũng không mang sẵn đèn trên xe của họ. Chỉ có đội Khẩn cấp mang và phải một lúc sau họ mới đến.”

“Trời ạ,” Rhyme quát, “tôi cá là dưới đường hầm của Belvedere cũng có đèn.”

Sachs: “Đó là nơi chứa bom, đúng không? Mấy cái ắc-quy.”

Rhyme nhìn qua ảnh. “Trông chúng giống loại mìn hai vôn. Em có thể chạy đèn halogen bằng loại ắc-quy nhỏ hơn nhiều. Tôi chắc chắn phần còn lại trong cái thùng chứa đầy thuốc súng. Quá thông minh. Không ai thắc mắc về đèn rọi và ắc-quy nằm trong một hiện trường tội ác cả. Bất kì một loại bao gói khả nghi nào khác sẽ bị báo cáo và đội phá bom sẽ kiểm tra ngay.”

“Nhưng mục tiêu là cái gì?” Cooper hỏi.

Một thoáng im lặng ngắn bị Amelia Sachs phá vỡ. “Chúa ơi.”

“Sao, Sachs?”

“IFON.” Cô lôi một thứ giống danh thiếp ra khỏi ví. Và đi thật nhanh đến chỗ ảnh chụp hiện trường. “Chết tiệt, em bỏ sót rồi, Rhyme. Hoàn toàn bỏ sót nó.”

“Nói tiếp đi.”

Cô chỉ vào màn hình. “Những cái hộp màu vàng có in chữ *IFON* bên ngoài này? Chúng là dây cáp mạng Internet do International Fiber Optic Networks sở hữu.” Cô giơ cái danh thiếp lên. “Và tòa nhà nằm ngay trên hiện trường vụ Samantha Levine chính là trụ sở của IFON. Cô ta làm việc cho họ. Em đã thăm vấn vị CEO ngay sau khi cô ta chết.” Sachs lôi lên những bức ảnh hiện trường vụ Chloe Moore. “Đây. Lại là mấy cái hộp ấy.”

Còn có một chiếc hộp khác nằm trong đường hầm bên dưới bãi đỗ xe của Chung cư Belvedere.

Sachs nói, “Trong bệnh viện, ở Marble Hill, nơi Harriet Stanton bị tấn công, em đã không xuống lòng đất xem đường hầm nào cả. Nhưng em cá là có bộ

định tuyến IFON hay đại loại thế ở đâu đó.”

Pulaski nói, “Ai đó muốn thổi tung mấy cái hộp.” Cuối cùng khuôn mặt cậu ta cũng tỏ ra nham hiểm. “Này - nghĩ mà xem - làm mất mạng Internet?

Những lời đồn về chuyện các công ty cung cấp cáp truyền thống đang phá hoại hệ thống cáp quang mới ấy? Tôi cá chính là nó.”

Sachs nói, “Kẻ tâm da của chúng ta có vẻ giống như người thừa kế Kẻ tâm xương, nhưng rốt cuộc là sao? Nó chỉ là màn nguy trang. Hẳn được thuê gài bom dưới lòng đất để loại hết bộ định tuyến của Cáp quang Quốc tế.”

Pulaski hỏi, “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng bị nổ?”

“Có thể toàn bộ Internet ở Manhattan sẽ bị ngắt,” Cooper nói.

“Ngân hàng,” Rhyme lẩm bẩm. “Và bệnh viện, cảnh sát, an ninh quốc gia, kiểm soát không lưu. Gọi Dellray và bảo ông ta báo động cho An ninh Nội địa đi. Tôi đoán cả trăm mạng người lẫn hàng tỉ dollar có thể bị mất.

Gọi anh chàng thợ máy tính của chúng ta, Rodney Szarnek ngay.”

Harriet Stanton đang quay về cùng chồng bà, Matthew, từ Trung tâm y tế Thượng Manhattan ở Marble Hill.

Họ đang ngồi trong chiếc xe taxi, số tiền xe bấy giờ đã là mười bảy dollar.

“Nhìn mà xem,” Matthew bực dọc nhìn đồng hồ. “Bà có tin được không? Đến lúc chúng ta về tới khách sạn thì nó phải nhảy đến ba mươi mốt. Đi tàu điện ngầm rẻ hơn nhiều.” Matthew lúc nào cũng hơi ki bo. Giờ đây, sau cuộc chạm trán chớp nhoáng với tử thần - hay với hệ thống chăm sóc sức khỏe của thành phố New York - tâm trạng của ông vẫn không cải thiện.

Trong trạng thái gì cũng ừ của mình, bà Harriet trả lời rằng khi nghĩ đến khu vực họ đang đi qua đây - khu Bronx và Harlem - chẳng lẽ tiêu chút tiền không tốt hơn sao? “Và nhìn trời mà xem.”

Nơi họ sống, ở vùng hạ Illinois, thời tiết có thể vừa lạnh vừa nhớp nháp.

Mặc dù vậy nó có vẻ không lạnh *bẩn* và nhớp nháp. Từ “bị vấy bẩn” nổi lên trong đầu bà.

Matthew nắm tay bà, đó là một cách nói, ừ, tôi cho là bà nói đúng.

Hóa đơn viện phí của ông không đến nỗi tồi tệ lắm, dù không dễ đọc.

Đúng là ông đã bị đau tim - hay dùng đúng từ chuyên môn là nhồi máu cơ tim - nhưng không cần phải phẫu thuật. Thuốc thang và các bài tập chậm rãi nhưng đều đặn tăng dần sẽ chữa được bệnh, bác sĩ đã dặn họ như vậy. Tất nhiên là aspirin nữa. Lúc nào chả là aspirin.

Bà gọi cho con trai họ, Josh, ở khách sạn và bảo cậu ta tới lấy thuốc cho Matthew. Bác sĩ đã gửi chúng tới một cửa hàng thuốc gần đó. Matthew ngồi im lìm trên ghế taxi và nhìn chăm chăm vào khung cảnh. Bà đoán ông thích thú ngắm nhìn con người, từ cái cách mắt ông nhảy nhót từ đám khách bộ hành này sang đám khác.

Chiếc xe thả họ trước cửa khách sạn. Harriet đoán nơi này được xây dựng từ những năm 30, và rõ ràng chưa được cải tạo gì trong nhiều năm rồi.

Màu sơn là màu vàng nhũ, vàng và xám. Những bức tường bong tróc và rèm cửa giòn gãy do bị giặt quá nhiều lần, hoa văn hình học xấu hoắc. Toàn bộ nơi này nhắc bà nhớ tới Nhà trọ Moose ở quê nhà.

Cách bài trí cùng với mùi Lysol và mùi hành không bao giờ tan khiến bà bức dọc. Nhưng có lẽ đó chỉ là sự thất vọng về vụ đau tim của chồng bà, làm gián đoạn kế hoạch của họ. Họ đi thang máy lên tầng mười và bước ra, đi bộ về phòng.

Harriet cảm thấy mình nên giúp chồng vào giường, hay nếu ông chọn thức thì nên giúp ông xỏ dép và thay sang bộ quần áo nào đó dễ chịu, rồi sau đó gọi thêm đồ ăn. Nhưng ông phẩy tay ngăn bà - dù cái phẩy tay đi kèm nụ cười nhẹ - và ngồi xuống cái bàn ọp ẹp để lên mạng. “Thấy chưa.

Tôi đã bảo mà. Mười lăm dollar một ngày để lên mạng. Ở Red Roof người ta miễn phí đấy. Hay Best Western cũng vậy. Josh đâu?”

“Đang đi lấy thuốc cho ông.”

“Có thể nó sẽ bị lạc đấy.”

Harriet cho một chồng quần áo bẩn vào túi giặt khô của căn phòng, rồi mang nó xuống phòng giặt là khách tự phục vụ ở dưới tầng hầm. Đây là khoản duy nhất bà sẽ không trả tiền cho khách sạn, dịch vụ giúp việc. Thật là ngớ ngẩn.

Bà dừng lại để ngắm mình trong gương, để ý thấy chiếc chân váy màu vàng nâu đã không cần phải là thêm nữa, và áo len màu nâu đang ôm lấy thân hình tròn trịa của bà gần như không còn dính sợi lông hay tóc nào. Gần như chứ không phải hoàn toàn. Bà nhặt ra vài sợi và thả chúng xuống sàn; ở nhà họ có ba chú chó chăn cừu giống Đức. Bà đã gom những sợi tóc rụng của chính mình, căng ra và gắn chặt thành búi tóc.

Bà cũng thấy là trong lúc vội vã vào viện bà đã cài ngược phần mặt của sợi dây chuyền bạc, giờ bà sửa lại nó, mặc dù hình mặt dây rất trừu tượng nên chẳng có ai để ý thấy lỗi này.

Rồi bà nhìn mặt; đừng có tự đắc như thế.

Bỏ mặc Matthew, bà bước ra hành lang cùng túi đồ giặt và bấm thang máy xuống sảnh. Dưới đó rất đông khách. Bà chờ đến lượt ở bàn lễ tân để đổi tiền lẻ. Một đám khách du lịch Nhật Bản đang đứng túm tụm quanh những chiếc va li của họ, trông như các nhà thám hiểm đang bảo vệ đàn bà của mình. Một cặp đôi có vẻ đang đi nghỉ trăng mật đứng gần đó, người này nhìn người kia trù mến. Hai gã đàn ông - bà có thể thấy họ là gay - nhiệt tình trò chuyện về vài kế hoạch cho đêm nay. Các nhạc sĩ trẻ, trong chiếc áo khoác da, gác chân lên dụng cụ chơi nhạc xước xát của họ. Một cặp béo phì đang gập người bên bàn đồ. Người chồng mặc quần soóc. Trong thời tiết này. Lại còn với cặp chân kia!

New York. Một chốn kì lạ.

Harriet bỗng có cảm giác ai đó đang theo dõi mình. Bà nhanh chóng nhìn lên. Nhưng không trông thấy ai. Tuy nhiên bà vẫn rời đi với cảm giác bất an.

Chà, sau vụ bị bắt hụi ở bệnh viện, có bị hoang tưởng một chút cũng là lẽ dĩ nhiên.

“Thưa bà?” bà nghe tiếng gọi.

“Ồ, xin lỗi.” Bà quay lại với nhân viên lễ tân và đổi mười dollar.

Bà bấm thang máy xuống hầm và đi theo biển chỉ đường xuôi xuống hai hành lang nữa tới phòng giặt, một nơi tối mờ, lấm chấm bột giặt bị đổ ra và có mùi nước xả của máy sấy và mùi xơ vải nóng. Giống như trên các hành lang, phòng này cũng không có ai.

Bà nghe tiếng xích của thang máy đi lên. Một lát sau là tiếng khoang thang máy trở lại với tầng này. Nếu nó vẫn là cái cũ thì chắc nó chỉ mới đi lên đến

tầng một.

Hai dollar cho một cốc bột giặt dùng một lần? Đáng lẽ bà phải bảo Josh mua một bình Tide ở cửa hàng dược phẩm. Rồi bà tự nhắc nhở: Đừng có giống Matthew. Đừng lo ngại về những thứ vụn vặt.

Phải chăng những bước chân kia đang tới từ hướng thang máy?

Bà liếc về phía cửa, hành lang tối tăm. Tim đập nhanh hơn một chút, lòng bàn tay đang vã mồ hôi.

Không có gì.

Bà bỏ quần áo vào cái máy ít bẩn nhất và thả vào đó sáu đồng hai lăm xu.

Lại là tiếng bước chân, lần này to hơn.

Bà quay lại, nhìn dăm dăm vào chàng trai trẻ trong chiếc áo khoác da màu nâu đỏ, đầu đội mũ NY Mets xanh lục. Hắn đang đeo ba lô và một chiếc túi vải của thợ.

Một giây im lặng.

Rồi bà nở nụ cười. “Billy.”

“Dì Harriet.” Billy Haven nhìn quanh để đảm bảo là họ ở riêng rồi bước hẳn vào phòng. Hắn thả hai chiếc túi xuống.

Bà giơ hai tay lên, ngửa lòng bàn tay. Như đang kêu gọi một đứa trẻ.

Billy do dự rồi bước tới chỗ bà và để mình bị kéo vào vòng tay bà, hai cánh tay ôm lấy hắn thật chặt. Họ cao gần như bằng nhau - chính bà cũng chỉ chưa tới mét tám - và Harriet dễ dàng đưa mặt bà tới chỗ hắn, hôn lên miệng hắn thật sâu.

Bà cảm nhận được hắn kháng cự trong một giây rồi đầu hàng và hôn lại bà, dùng môi mình bám chặt lấy môi bà, nếm vị của bà. Không muốn nhưng lại

không thể dừng.

Chuyện đã luôn như vậy với hấn: đầu tiên là kháng cự, rồi đầu hàng...

rồi ngày càng đòi hỏi khi hấn đẩy bà nằm ngửa xuống và vật lộn với đám quần áo.

Luôn luôn là như thế - kể từ lần đầu tiên từ hơn một thập kỉ trước, khi bà lôi thẳng bé vào phòng làm việc phía trên gara, phòng Trúc đào, cho những cuộc hẹn buổi chiều của họ, trong lúc Matthew còn bận làm việc thì có Chúa mới biết - như dì cháu họ thường nói đùa.

Như thường lệ - và cũng khó chịu như thường - Rodney Szarnek đang nghe một bản nhạc rock kinh khủng lúc nhận được cuộc gọi từ phòng khách nhà Rhyme.

“Rodney, cậu đang trên loa ngoài. Có... Chúng ta tắt nhạc được không?”

Nếu bạn có thể gọi cái thứ đình tai nhức óc ấy là nhạc.

“Chào Lincoln. Anh đấy phải không?”

Rhyme quay sang Sachs và đảo mắt.

Viên thanh tra chuyên về không gian mạng có lẽ đã điếc mất một nửa rồi.

“Rodney, chúng ta có một tình huống.”

“Rồi. Tiếp đi.”

Rhyme giải thích về mấy quả bom và chỗ cài đặt chúng - gần các bộ định tuyến trung tâm của Mạng lưới Cáp quang Quốc tế và ngay dưới trụ sở công ty.

“Trời, ghê gớm thế, Lincoln.”

“Tôi không hề biết tình trạng hẹn giờ của quả bom thế nào rồi. Rất có thể chúng ta không vô hiệu hóa hết được trước khi một hay tất cả chúng phát nổ.”

“Anh có đang sơ tán chưa?”

“Đang làm rồi. Chúng là bom thuốc súng, không phải loại chất dẻo -

theo chỗ chúng tôi biết - nên chúng tôi không nghĩ có nguy cơ gây tử vong cao. Nhưng thiệt hại lên cơ sở hạ tầng có thể đáng kể đấy.”

“Ồ.”

Vị thanh tra không có vẻ quan tâm lắm. Có phải anh ta đang kiểm tra danh sách bài hát trên iPod không?

“Tôi giúp thế nào được?” cuối cùng anh ta hỏi, cứ như chỉ có mục đích duy nhất là lấp đầy khoảng im lặng.

“Chúng tôi nên gọi cho ai, nên thực hiện những biện pháp đề phòng nào?”

“Vì cái gì cơ?” Cảnh sát mạng hỏi.

Chúa Jesus ơi. Sự mất kết nối là gì chứ? “Rodney. Nếu. Những. Quả.

Bom. Phát. Nổ. Mạng Internet - chúng ta nên đề phòng như thế nào?”

Lại im lặng. “Anh đang hỏi nếu bom thổi tung vài bộ định tuyến cáp quang ấy hả?”

Một cái thở dài từ Rhyme. “Đúng rồi, Rodney. Đó là việc tôi đang hỏi.

Cả trụ sở IFON nữa.”

“Không làm được gì cả.”

“Nhưng còn các dịch vụ an ninh của chúng ta thì sao, bệnh viện, phố Wall, kiểm soát không lưu, báo động? Ta đang nói về mạng Internet cơ mà.

Có thể vài công ty cáp đã thuê tụi phá hoại chuyên nghiệp cho thổi tung nó.”

“Ồ, hiểu rồi.” Nghe anh ta có vẻ buồn cười. “Anh đang nghĩ giống như trong mấy bộ phim của Bruce Willis chứ gì? Thị trường chứng khoán sụp đổ, kẻ nào đó sẽ chọc ngoáy vào ngân hàng vì báo động tắt, bắt cóc ngài thị trường vì mạng bị ngắt?”

“À thì, gần như vậy đấy.”

“Nghe này, nghiệp đoàn cáp dây đấu với công ty cáp quang? Cái đó là tin cũ rích như kẹo cao su nhai rồi vậy.”

Tôi không cần hai câu ví von liên tục trong một câu. Nói thẳng ra đi.

Rhyme giận run nhưng im lặng.

“Bọn họ không thích nhau, IFON và các nhà cung cấp cáp truyền thống.

Nhưng không ai đi phá hoại cái gì hết. Thực tế, trong vòng sáu tháng tới Cáp quang Quốc tế sẽ mua lại hoặc kí thỏa thuận nhượng quyền với các công ty cáp dây khác thôi.”

“Anh không nghĩ họ sẽ thử cho thối tung bộ định tuyến của IFON à?”

“Không. Kể cả nếu họ có làm, hay *bất kì ai* có làm vậy, anh sẽ chỉ bị đứt quãng tầm năm tới mười phút dịch vụ ở vài phần riêng lẻ của thành phố thôi. Tin tôi đi, tụi hacker Trung Quốc và Bulgaria còn gây ra nhiều vấn đề hơn thế mỗi ngày ấy chứ.”

Sachs hỏi, “Anh chắc chắn là tất cả sẽ chỉ có thế à?”

“A, chào Amelia. Được rồi, có thể là hai mươi phút. Các nhà cung cấp mạng đã đoán trước việc này rồi, cô biết đấy. Có quá nhiều sự dư thừa trong hệ thống, chúng tôi gọi đó là xơ dừa*.”

the second

forty

Rodney dùng cách nói theo vần redundant - dedundant để đùa cợt, từ dedundant thực chất không có nghĩa.

Rhyme vừa bực vì câu đùa dở tệ vừa vì giả thuyết của anh đã bị vứt sọt rác.

“Tệ lắm thì tín hiệu cũng sẽ được truyền vào các máy chủ dự phòng ở Jersey, Queens và Connecticut thôi.Ồ, băng thông sẽ chậm hơn. Cô sẽ không thể xem phim khiêu dâm hay chơi *World of Warcraft* mà không bị giật, nhưng các dịch vụ cơ bản sẽ vẫn hoạt động. Mặc dù vậy tôi sẽ gọi cho các nhà cung cấp của bên An ninh Nội địa và báo trước cho họ.”

“Cảm ơn anh, Rodney,” Sachs nói.

Âm nhạc lại tăng âm lượng và đường dây tắt ngóm một cách nhẹ nhõm.

Rhyme đỗ xe lăn trước bảng vật chứng và ảnh chụp. Anh đã có một ý kiến khác, đáng chán hơn. Anh cúi kính, “Thật là suy nghĩ hời hợt - giả định rằng Samantha Levine của IFON là mục tiêu. Làm sao nghi phạm biết cô ta sẽ đi xuống nhà vệ sinh đúng lúc đó kia chứ, và còn chờ sẵn cô ta? Bất cần. Ngốc nghếch.”

Ý tưởng nghiệp đoàn các nhà cung cấp cáp mạng truyền thống hạ bộ kẻ mới đến là cáp quang nghe có vẻ hay - nông dân nuôi cừ đấu với những ông trùm gia súc. Như hầu hết các thuyết âm mưu khác, nó hấp dẫn nhưng hoàn toàn là rác rưởi.

Mắt anh lạc tới chỗ những hình xăm.

1 7 t h

the six hundredth

Rhyme đọc to chúng lên.

Bên cạnh anh, Pulaski vươn người tới. “Còn những đường gợn sóng này.”

“Vỏ sò chứ,” Rhyme chỉnh lại.

“Tôi không biết vỏ sò là gì ngoại trừ một món hải sản có vị khá là nhạt nhòa trừ khi anh đổ ít xốt lên trên.”

“Cái vỏ của *món hải sản* ấy có hình dạng như thế kia,” Rhyme lẩm bẫm.

“Ồ. Với tôi thì trông chúng chỉ như sóng biển thôi.”

Rhyme cau mày. Rồi anh thì thầm, “Và là những con sóng mà TT

Gordon đã nói là rất đặc biệt - bởi kỹ thuật tạo sọc.” Sau đó một lát: “Tôi sai rồi. Không phải hẳn đang cho chúng ta địa điểm đâu. Quỷ tha ma bắt!”

Rhyme quát. Rồi anh chớp mắt và cười.

“Sao thế?” Sachs hỏi.

“Tôi vừa mới nói ra một câu đùa dở tệ. Khi tôi bảo, ‘Quỷ tha ma bắt’.”

“Ý anh là gì, Lincoln?” Cooper thắc mắc thành lời.

Anh tảng lờ câu hỏi và gọi, “Kinh Thánh đâu! Tôi cần một cuốn Kinh Thánh.”

“À, trong nhà không có cuốn nào, Lincoln,” Thom nói.

“Lên mạng. Tìm cho tôi một cuốn Kinh Thánh trực tuyến nào. Cậu đang làm rất tốt đấy, lính mới.”

“Tôi á?”

Đứng dựa vào bức tường với hai cánh tay khoanh lại, Billy nhìn dì Harriet - em gái của mẹ hắn - đổ xà phòng vào máy giặt.

Bà hỏi, “Con có thấy ai trong sảnh không? Dì lo là cảnh sát đang theo dõi dì. Dì cảm thấy gì đó.”

“Không. Con kiểm tra rồi. Rất kỹ. Con đã ở trên đó cả tiếng.”

“Dì không trông thấy con.”

“Con theo dõi,” Billy nói. “Chứ không phải bị theo.”

Bà hạ cái nắp xuống và hắn liếc vào ngực bà, chân và cổ bà. Kí ức...

Hắn đã luôn thắc mắc ông chú có biết về khoảng thời gian của họ trong phòng Trúc đào không.

Một mặt, dường như không thể có chuyện chú Matthew không biết gì về quan hệ đàn dúi của họ, hay bất kể cái tên nào mà bạn muốn gọi. Làm sao ông ta có thể bỏ qua việc cả hai biến mất hàng giờ liền trong những buổi chiều bà không dạy học tại nhà cho lũ trẻ hàng xóm?

Lại còn mùi chung, mùi của cơ thể cả hai và nước hoa lẫn nước thơm.

Cả mùi máu nữa, mặc dù họ đã kì cọ thật kỹ sau mỗi lần quan hệ vào những buổi chiều ấy.

Tùng ấy máu...

Hội đồng thứ nhất các gia đình Mỹ là một tập hợp tôn giáo. Các giáo lí của hội không cho phép thành viên dùng biện pháp ngừa thai, cũng như họ không chấp nhận chuyện phá thai vậy. Vì thế Harriet chỉ “mời” Billy lên phòng làm việc khi chắc chắn tuyệt đối sẽ không có chuyện thụ thai. Billy có thể kiểm soát cảm giác ghê tởm của mình, và không hiểu sao hình ảnh

những vết máu đây lại càng làm Harriet hứng hơn. Trúc đào và máu đã mãi mãi dính lấy nhau trong tâm trí Billy Haven.

Thậm chí chú Matthew có khi còn không biết gì về khía cạnh ấy trên cơ thể phụ nữ. Việc đó sẽ không làm Billy ngạc nhiên.

Tuy nhiên, khi liên quan đến những gì bà ta muốn, Harriet Stanton có thể nhìn thẳng vào mắt bạn và làm bạn tin gần như bất kì điều gì. Billy không nghi ngờ chuyện dù bà đã nhồi cho chồng mình câu chuyện thế nào, ông ta vẫn nhất nhất tin là thật.

“Đây sẽ là xưởng vẽ của con,” bà ta đã bảo với cậu bé Billy mười ba tuổi, khi lần đầu tiên chỉ cho cậu thấy căn phòng bà đã trang hoàng bên trên gara ròi ở căn nhà tại nam Illinois của họ. Trên tường có treo bức tranh màu nước mà cậu đã vẽ cho bà, một cây trúc đào - loài hoa bà yêu thích (tất nhiên là hoa có độc). “Đây là bức tranh yêu thích của dì. Chúng ta có thể gọi đây là phòng Trúc đào. Phòng Trúc đào *của chúng ta!*”

Rồi bà ta kéo thắt lưng của cậu. Giỡn chơi thôi nhưng kiên quyết không lùi.

“Chờ đã, không, Dì Harriet. Dì đang làm gì vậy?” Cậu nhìn lên bà ta với nỗi hoảng sợ; không chỉ vì giữa mẹ cậu, chị gái Harriet với bà có điểm tương đồng khủng khiếp, mà Harriet và Matthew còn là bố mẹ nuôi không chính thức của cậu. Cha mẹ Billy đã chết một cách khủng khiếp dù anh hùng. Cậu bé đã được vợ chồng Stanton nhận về nuôi sau khi thành trẻ mồ côi.

“Ừm, con không nghĩ là con muốn, dì biết đấy, làm chuyện đó,” thằng bé nói.

Nhưng cũng chẳng khác gì việc cậu chưa hề lên tiếng.

Chiếc thắt lưng vẫn rơi xuống.

Vậy là những năm tháng máu me của phòng Trúc đào bắt đầu.

Trên đường tới New York, đã có một lần quan hệ bất chính giữa hai người họ: ngày Billy thoát ra khỏi bệnh viện - nơi hẳn tới không phải để xăm thêm một nạn nhân nữa mà chỉ đơn giản là để thăm bà dì, ông chú ốm bệnh cùng cậu em họ Josh. Billy gần như không có tâm trạng thỏa mãn bà (Vốn là toàn bộ mục đích của việc quan hệ tình dục với dì Harriet). Nhưng bà khẳng khái bắt hẳn phải tới khách sạn - Matthew vẫn còn ở viện và bà đã sai Josh ra ngoài làm việc vặt. Josh lúc nào cũng làm theo lời Mẹ.

Lúc này, khi chiếc máy giặt đang rung theo nhịp điệu, Billy hỏi, “Chú sao rồi? Josh bảo ông ấy khỏe. Chỉ hơi xanh.”

“Chết tiệt,” Harriet cay đắng nói. “Matthew sẽ khỏe lại. Lão không thể tỏ ra lịch thiệp mà chết phắt đi.”

“Sẽ tiện hơn thật,” chàng trai đồng ý. “Nhưng theo cách dì lên kế hoạch từ đầu thì vẫn tốt hơn.”

“Dì cho là vậy.”

Tốt hơn theo nghĩa này: Sau khi họ đã hoàn thành việc Biến cải ở New York này, họ sẽ trở về quê nhà ở nam Illinois, giết Matthew và đổ lỗi cho một gã da đen hay Nam Mĩ không may nào đó nhặt bữa ở một bếp ăn từ thiện ở Alton hay Đông St Louis. Matthew sẽ thành chiến sĩ tử vì đạo còn Billy thì đảm nhận Hội đồng thứ nhất các gia đình Mĩ và biến nó thành tổ chức dân quân tinh nhuệ nhất trong cả nước.

Billy sẽ thành vua còn Harriet là nữ hoàng. Hay thái hậu. Mà thực ra là cả hai.

AFFC là một trong vài chục tổ chức dân quân trên khắp đất nước, liên kết với nhau thành một liên minh rời rạc. Tên của chúng khác nhau nhưng tầm nhìn thì gần như giống hệt: quyền của tiểu bang hay thành phố hay - tốt hơn cả - quyền thị tộc còn lớn hơn quyền liên bang, chấm dứt quyền tự do báo chí trong việc ngăn chặn sự truyền giáo, triệt để dừng hết mọi trợ giúp hay can thiệp vào ngoại quốc, cấm tình dục đồng giới (chứ không chỉ hôn nhân

đồng giới) , không cho phép kết hôn đa sắc tộc và ủng hộ các học thuyết chia rẽ (không nhất thiết là bình đẳng) sắc tộc, tống cổ hết người nhập cư ra khỏi đất nước, một chính phủ của Cơ đốc giáo và học tập tại gia.

Giới hạn hoạt động của các tôn giáo phi Cơ đốc.

Rất nhiều người Mỹ vẫn còn mang những tư tưởng này hay một phần của chúng, nhưng vấn đề mà các tổ chức trên phải đối mặt trong việc mở rộng thành viên không phải do tầm nhìn, mà là chúng đều được những kẻ như Matthew Stanton điều hành - già cỗi, trí tưởng tượng kém cỏi và không có chút hấp dẫn nào trừ với những kẻ cũng già cỗi và kém trí tưởng tượng như mình.

Không nghi ngờ gì về chuyện hồi còn trẻ chú Matthew Stanton cũng là người có ảnh hưởng. Ông là một nhà thuyết giảng và giáo viên đầy lôi cuốn. Ông tin tưởng đến tận gốc rễ những lời dạy của Chúa và các cha khai đạo - ít nhất là tin vào những người mộ đạo. Nhưng ông ta chưa bao giờ có một chiến thắng nào như vụ đánh bom ở thành phố Oklahoma. Và cách tiếp cận chủ động của ông trong cuộc chiến vì sự nghiệp chỉ là những vụ giết chóc nhỏ lẻ hay thỉnh thoảng đánh bị thương một ông bác sĩ chuyên phá thai, đánh bom một phòng khám hay sở IRS nào đó, đánh đập các công nhân nhập cư hay lũ Hồi giáo hay tụi đồng tính.

Tuy nhiên, Harriet Stanton tham vọng hơn chồng bà rất nhiều. Bà ta biết rằng chỉ trong thập kỉ tới các nhóm dân quân sẽ chết trừ khi họ thay máu, có những cách mới để lan truyền thông điệp chính trị của mình và thu hút những khán giả trẻ hơn, bất cần hơn. Biến cải chính là ý tưởng của bà ta -

dù nó đã được nhồi nhét từ từ cho Matthew để ông ta tin rằng chính mình đã nghĩ ra nó.

Trong lúc Harriet và Billy cùng nằm trên chiếc ghế xô pha ở phòng Trúc đào vài tháng trước, bà ta đã giải thích tầm nhìn của mình cho cháu trai.

“Chúng ta cần một người lãnh đạo có thể cuốn hút được thế hệ trẻ. Sự hăng hái. Nhiệt huyết. Lối suy nghĩ sáng tạo. Mạng xã hội. Con sẽ mang người trẻ tới. Khi con nói chuyện về Quy luật, họ sẽ lắng nghe. Tụi con trai sẽ thần tượng con. Lũ con gái sẽ đam mê con. Con có thể bảo chúng làm *bất kì điều gì*. Con sẽ là Harry Potter của sự nghiệp này.”

“Sau khi Matthew chết, địa vị của con sẽ vọt lên đỉnh. Chúng ta có thể mang về hội cả trăm, cả ngàn người trẻ tuổi. Chúng ta sẽ đoạt lấy Mặt trận Yêu nước vùng Trung tây.” Đây là một tổ chức huyền thoại không xa quê hương AFFC là mấy, được hai vị thủ lĩnh lãnh đạo. “Và chúng ta sẽ tiếp tục tiến lên, mở rộng ra toàn nước Mỹ.”

Harriet tin rằng có một số lượng lớn người Mỹ ghét hương đi hiện nay của đất nước này và sẽ gia nhập AFFC. Nhưng họ cần biết những mối nguy hiểm bên ngoài là gì - bọn khủng bố, bọn theo đạo Hồi cực đoan và những kẻ thiểu số quá khích. Và họ cần một thủ lĩnh trẻ có sức lôi cuốn để bảo vệ họ khỏi những hiểm nguy này.

Harriet và Billy sẽ cứu rỗi tất cả.

Hành động táo bạo này còn có một nguyên do khác nữa. Harriet chỉ có quyền năng giới hạn trong AFFC như cái cách nó tồn tại hiện nay - vì tất nhiên, bà ta chỉ là một người đàn bà, vợ của người sáng lập Hội đồng. Billy và thế hệ mới tin tưởng rằng sự phân biệt đối xử với phụ nữ làm chệch hướng các vấn đề quan trọng khác - phân cách sắc tộc và quốc gia chủ nghĩa. Chừng nào Matthew hay loại người như ông ta - kiểu chỉ biết đi săn và hút xì gà - còn lãnh đạo, Harriet sẽ còn bị đẩy xuống hàng thứ yếu.

Chuyện ấy đơn giản là không chấp nhận được. Billy sẽ trao quyền lực cho bà.

Lúc này, trong phòng giặt, hẳn cảm nhận được ánh mắt bà và cuối cùng cũng nhìn lại. Cảnh khóa mắt này vẫn giống như những gì hẳn còn nhớ

trong suốt nhiều năm. Khi hấn nằm trên bà ta, mỗi lần hấn ấn mặt vào gối bà sẽ lại giật tóc hấn và kéo hấn ngẩng lên cho đến khi họ mắt đối mắt.

Bà ta hỏi, “Đầu mỗi của cảnh sát thì thế nào?”

“Chúng ta ổn,” Billy nói. “Cảnh sát rất giỏi. Giỏi hơn cả dự đoán nhưng họ vẫn tin vào mô tả của dì - người Nga hay Slav, khoảng ba mươi, đầu tròn, mắt xanh nhạt. Đối lập với con.”

Khi Amelia Sachs “giải cứu” Harriet ở bệnh viện, người đàn bà đã nghĩ ra một mô tả nhân dạng giả cho nghệ sĩ dựng ảnh, hòng dẫn cảnh sát tránh xa cháu trai mình. Bởi hấn tới bệnh viện không phải để xăm cho một nạn nhân khác mà chỉ là viếng thăm Matthew.

Billy hỏi về cậu em họ, cậu ta có đang xử lí mọi chuyện đúng đắn không?

“Josh là Josh,” Harriet thờ ơ nói. Cậu nói mô tả khá súc tích mỗi quan hệ mẫu tử của họ. Rồi bà ta cười sảng sặc như một cô học sinh. “Chúng ta có chuyến đi đến New York đáng nhớ, phải không nào? Hóa ra không như cách chúng ta đã dự liệu nhưng dì vẫn nghĩ như thế là tốt nhất rồi. Sau vụ đau tim, Matthew sẽ bị coi là yếu đuối. Dễ dàng hơn để lão... biến đi khi chúng ta về nhà. Chúa làm việc theo những cách thật bí ẩn, phải không nào?”

Dì của hấn bước tới, một tay nắm chặt cánh tay hấn, còn bàn tay kia đặt trên một bên má nhẵn nhụi của hấn.

Một ngọn đèn sáng lên trên máy giặt và nó chuyển sang một chu kì khác. Harriet nhìn chiếc máy với cặp mắt chỉ trích. Billy nhớ lại hồi ở nhà bà ta luôn phơi quần áo khô tự nhiên trên dây. Giờ hấn đang tưởng tượng ra chúng, những phần cơ thể nhàu nhĩ, lắc lư trong gió. Đôi khi bà ta sẽ mang vài đoạn dây phơi vào trong phòng Trúc đào.

Lúc này hấn thấy hai bàn tay Harriet trên tóc bà và những cái kẹp tóc đang được tháo ra. Bà ta lại mỉm cười với hấn. Mỉm cười theo một cách chắc chắn.

Bây giờ ư? Bà ta nghiêm túc chứ?

Nhưng vì sao hẳn còn phải thắc mắc kia chứ? Dì Harriet chưa bao giờ đùa. Bà ta đi ra cửa phòng giặt và đóng nó lại.

Nhịp nước đập đều đặn như thổi miên trong máy giặt là âm thanh duy nhất trong phòng.

Harriet khóa cửa phòng giặt lại. Rồi tắt ngọn đèn phía trên đầu.

“Đội phá bom đang tới rồi,” Pulaski gọi.

“Tốt. Anh tìm được nó chưa, Mel?”

Cooper đã kéo một cuốn Kinh Thánh lên màn hình chính. Anh ta đang đọc.
“Đúng như anh nói, Lincoln. Trong Sáng thế kí.”

“Đọc lên.”

““Trong năm thứ sáu trăm của cuộc đời Noah, vào tháng thứ hai, ngày thứ mười bảy, chính ngày đó, suối nguồn sâu thẳm nổ tung, và các cửa sổ thiên đàng mở ra. Và mưa sa trên mặt đất trọn bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.”” Cooper tra. “Chúng ta đã có ‘thứ sáu trăm’, ‘thứ hai’, ‘thứ mười bảy’ và ‘bốn mươi’. Tất cả đều ở đó.”

“Còn một cuốn sách khác! Tôi cần một cuốn nữa!”

“*Những thành phố liên hoàn?*” Cooper hỏi.

“Còn gì nữa hả, Mel? Tôi nào có tâm trạng cho Proust, *Anna Karenina* hay *Mười lăm sắc thái Xám.*”

“Là *Năm mươi*,” Pulaski nói và nhận được một cú lườm cháy mắt đáp lại.
“Tôi chỉ nói thế thôi mà. Có phải tôi đã đọc hay gì đâu.”

Amelia Sachs tìm thấy cuốn sách về các vụ án có thật mỏng dính và mở nó ra. “Em nên tìm cái gì, Rhyme?”

Rhyme nói, “Chú thích. Tôi quan tâm đến chú thích về cuộc điều tra của chúng ta về Charlotte, mẹ của Pam, và đội dân quân cánh hữu của bà ta.”

Vụ đánh bom ở New York mà Charlotte đã lên kế hoạch.

Sachs đọc cả đoạn văn lê thê. Nó mô tả chi tiết cách Rhyme, NYPD và FBI đã điều tra vụ án.

Rhyme vượt miệng, “Được rồi, có lẽ đúng là nghi phạm của chúng ta có yêu thích gì đó với Kẻ tầm xương thật. Nhưng đó không phải là lí do 11-5

truy tìm cuốn sách - hẳn muốn xem các kĩ thuật điều tra của chúng ta trong việc lần theo *các phần tử khủng bố nội địa*. Chứ không phải những kẻ tâm thần. Đó là giả định của tôi thôi,” Rhyme nói, bật ra cái danh từ đó như thể nó tục tĩu lắm.

“Một nhóm đã thuê hẳn làm việc này ư?” Pulaski hỏi.

“Có thể. Hoặc có thể chính hẳn cũng là một thành viên trong nhóm. Còn mục tiêu?” Rhyme chỉ vào những bức ảnh chụp hiện trường dưới lòng đất.

“Thấy những cái ống đó không. Những cái có gắn tên DEP. Bảo vệ môi trường. Ống nước.”

Sachs nói, “Sóng, trận đại hồng thủy trong Kinh Thánh. Tất nhiên rồi.

Chúng muốn thổi tung hệ thống ống nước của thành phố.”

“Chính xác. Hiện trường đặt ở những vị trí mà vụ lụt sẽ gây thiệt hại nặng nề nhất nếu những cái ống ấy nổ tung.”

Rhyme quay sang Pulaski. “Cảm ơn cậu, lính mới.”

“Không có gì. Tôi vẫn không chắc mình đã làm gì.”

“Cậu đã nghĩ những vết sẹo quanh các con số là sóng biển chứ không phải vỏ sò. Và đúng là thế. Sóng! Cái đó đã khiến tôi nghĩ tới lụt lội và Noah. Giờ chúng ta có một âm mưu tận thế đây. Điều này đã thay đổi tất cả.” Rhyme nhìn khắp biểu đồ vật chứng lần nữa. Những ý nghĩ của anh rơi ào ào, kêu lách tách như cơn mưa tuyết bên ngoài. “Tốt lắm, tốt. Đang tiến triển rồi.”

Mel Cooper hỏi, “Tuy vậy làm sao nghi phạm biết được chỗ nào là điểm nhạy cảm? Các biểu đồ đường nước là tài liệu mật mà.”

Đó chính là lúc tâm trí Rhyme thực hiện một trong những bước nhảy kì quặc. Chúng không xảy ra thường xuyên lắm; hầu hết các suy luận đều là không thể tránh khỏi nếu bạn có đủ các dữ kiện. Nhưng đôi khi, hiếm khi, một ý tưởng vẫn thành hình từ những mối liên hệ mơ hồ nhất.

“Cọng râu - cái mà em tìm được ở đây, cạnh giá sách khi Mười một -

Năm phá hoại chai rượu đơn cất yêu thích của anh ấy.”

Mắt Sachs sáng lên, cô nói, “Chúng ta đã tưởng nó bị lẫn chéo. Nhưng không phải. Cọng râu ấy đúng là rơi ra từ chính Nghi can Mười một - Năm khi hắn đột nhập vào đây. Bởi vì *hắn* chính là kẻ đã giết viên chức tuần trước.”

“Để lấy chìa khóa vào trong văn phòng của anh ta,” Rhyme nói.

“Tại sao? Anh ta làm việc ở đâu?” Ron Pulaski hỏi.

“Công trình công cộng, cụ thể, Phòng Bảo vệ Môi trường.” Rhyme lẩm bẩm. “Nơi điều hành hệ thống cung cấp nước sạch. Nghi phạm đã đột nhập và ăn trộm bản đồ đường nước để biết chỗ đặt những thiết bị nổ tự chế. A, và sợi giấy từ bản đồ mà nghi phạm làm rơi ở hiện trường nhà Pam, khi hắn tấn công Seth nữa? Nó rơi ra từ các bản đồ này đây.”

Rhyme xem bản đồ thành phố lần nữa. Anh chỉ vào Kênh dẫn nước số 3

khổng lồ, dự án công trình công cộng lớn nhất trong lịch sử thành phố. Nó là một trong những nguồn nước lớn nhất thế giới. Bản thân con kênh này ở quá sâu dưới lòng đất nên không dễ bị tổn hại. Nhưng có những đường dẫn lớn đưa nó đi khắp thành phố. Nếu chúng bị nổ, hàng tỷ lít nước sẽ ào ra khắp Midtown và vùng hạ Manhattan. Hậu quả sẽ tồi tệ hơn bất kì trận bão nào có thể gây ra.

“Gọi đội Trọng án,” Rhyme ra lệnh. “Và cả phòng bảo vệ môi trường và thị trường nữa. Tôi muốn tắt hết nguồn cung nước ngay bây giờ.”

“Chú thấy thế nào, chú Matthew?”

“Chú ổn,” người đàn ông lẩm bẩm. “Trong bệnh viện, con có thể đếm trên một bàn tay số người nói tiếng Anh. Chúa nhân từ ời.”

Billy chắc chắn điều đó không đúng. Và nó cũng chính là kiểu thái độ mà AFFC phải chống lại. Vấn đề không nằm ở chỗ các nhân viên bệnh viện không nói tiếng Anh; tất nhiên là họ có nói. Mà nó nằm ở chỗ họ nói bằng giọng nặng trịch thổ âm địa phương; và lại còn không chuẩn. Và điều đó, cũng như màu sắc của da họ, là minh chứng họ tới từ những nền văn hóa và quốc gia khác không đại diện cho những giá trị đúng đắn. Và họ lại còn không buồn đồng hóa.

“Thôi thì, chú đã quay lại và trông khỏe.” Hãn nhìn khắp lượt người đàn ông - hơn 90 cân, hệ tim mạch hồng nhẹ, nhưng ngoài ra thì vẫn khỏe mạnh. Phải, dường như ông sẽ còn sống mãi mãi... hoặc cho đến khi Billy đưa một viên đạn vào sọ ông chú rồi nhét khẩu súng vào tay một gã lao động phổ thông không may nào đó, kẻ mà Billy và cả sáu gã khác đã đánh cho đến chết để “tự vệ”.

“Ông ấy sẽ ổn cả thôi,” Harriet bảo, giọng bà ta nhẹ như sương trong khi cất đồng quần áo vừa giặt sạch và gấp gọn. “Trở lại bình thường.”

“Chào anh.” Joshua Stanton tham gia cùng họ từ phòng ngủ của buồng khách sạn. Khi Joshua nghe được giọng nói gần đó, cậu ta thường có xu hướng xuất hiện thật nhanh chóng, cứ như không thể chịu nổi ý nghĩ rằng đang có một cuộc chuyện trò mà mình lại không hiện diện. Có thể cậu ta còn lo ngại mọi người đang nói gì về mình, mặc dù thực ra thì chỉ có rất ít điều để nói về Joshua, trừ việc chàng trai hai mươi hai tuổi là một trợ lí thợ điện nước lạnh nghề, tài năng chính của cậu là giết chim và nai, và các vị bác sĩ phá thai.

Thế nhưng chàng trai có thể hình rắn chắc, tóc vàng ánh đỏ lại phụ thuộc vào người khác tới mức khó chịu, nhất nhất làm theo những gì được bảo và báo cáo thường xuyên chi tiết về tiến độ của mình. Billy không chắc làm thế nào cậu ta tìm được một người vợ và lại còn có tới bốn đứa con.

Chà, chó và kì giông cũng làm được điều tương tự. Mặc dù sau đó hẳn khó lòng gạt bỏ hình ảnh Josh biến thành thằn lằn.

Joshua ôm anh họ, Billy thì mong là cậu ta không làm vậy. Không phải vi trùng; mà là những thứ truyền bằng chứng vật chất.

Tôi đã cố, M. Locard ạ.

Không, Joshua không phải đứa trẻ thông minh nhất. Nhưng cậu ta lại là chìa khóa của sự nghiệp Biễn cải. Sau khi Billy giết nạn nhân, và những cái xác đã được phát hiện, Joshua sẽ mặc bộ đồ bảo hộ của nhân viên y tế và đeo mặt nạ, nhanh chóng xuất hiện, đẩy vào đường hầm những cột đèn và ắc quy có chứa bom, rồi sắp đặt chúng và biến mất. Không một ai nghĩ ngợi hay thắc mắc gì về cậu ta. Một nhân viên cấp cứu thôi.

Lúc này chàng trai trẻ đang lái nhái về thành tựu của cậu ta trong việc giả dạng, tuồn các thiết bị vào hiện trường. Cậu ta liên tục nhìn về hướng Billy để xin sự tán thành, và người anh họ trẻ hơn trao điều đó cho cậu dưới dạng một cái gật đầu.

Harriet liếc sang con trai với một cái cụp mắt, Billy biết như thế nghĩa là Im lặng. Nhưng Joshua lại không thấy. Và tiếp tục nói chuyện.

“Ở Belvedere con suýt soát bị tóm đấy. Ý con là thực sự sát nút. Cảnh sát ở khắp mọi nơi! Con đã phải đi xuống bằng một ống cống khác so với kế hoạch. Việc đó làm tăng thêm sáu phút nhưng con không nghĩ nó là một vấn đề.”

Lại là cái nhìn từ Dì Harriet.

Matthew không cần đến sự nhẫn nại như những người phụ nữ trong AFFC vẫn bị yêu cầu phải tỏ bày. Ông ta quát, “Im đi, con trai.”

“Vâng thưa bố.”

Billy thấy bực vì cách ông chú và bà dì đối xử với em họ hẳn. Matthew thì thẳng thừng xấu tính và cái cách Josh đơn giản chấp nhận thật thảm hại.

Còn về Harriet, bà ta chủ yếu lờ tịt con trai. Đôi khi Billy tự hỏi bà ta có bao giờ mang chính con trai mình vào phòng Trúc đào không. Hẳn kết luận là không. Không phải vì việc ấy quá bệnh hoạn. Mà đúng hơn là vì Joshua chắc sẽ không có đủ tinh lực để đáp ứng nhu cầu của bà mẹ; ngay cả Billy cũng chỉ có thể làm được ba lần mỗi chiều, và Harriet thường có vẻ thất vọng với con số ít ỏi ấy.

Billy thích Joshua. Hẳn có những kí ức đầm ấm về những năm tháng trải qua bên cậu ta, cậu em trai giả của hẳn. Họ đã chơi ném và bắt bóng với nhau vì nghĩ là mình nên thế. Họ cùng tán tỉnh con gái với lí do tương tự.

Họ cùng vá víu những chiếc xe. Rốt cuộc trong một phút giây trung thực của tuổi trẻ cả hai đã cùng thú nhận là họ không thực sự thích thể thao hay ô tô và chỉ quan tâm chút đỉnh đến chuyện hẹn hò. Và họ bắt đầu cùng làm những trò thú vị hơn - rình rập tụi đồng tính và đánh chúng như tử. Cả những việc bất hợp pháp nữa. Hay là hợp pháp (họ vẫn không chắc lắm).

Vẽ graffiti các hình thánh giá trên giáo đường Do Thái và chữ thập ngược trong nhà thờ da màu. Họ cùng đốt trụ những phòng khám phá thai.

Đồng hồ của Billy rung lên. “Đến giờ rồi.” Vài giây sau, lần rung thứ hai.

Chú Matthew nhìn chiếc ba lô và túi vải. Ông ta tuyên bố, “Chúng ta sẽ cầu nguyện.”

Cả nhà quỳ xuống, kể cả Matthew vẫn còn đang lảo đảo, Harriet và Joshua chọn vị trí ở hai bên Billy. Họ cùng nắm tay nhau. Harriet nắm tay Billy. Bà ta siết tay hẳn một lần. Thật mạnh.

Giọng Matthew - hơi yếu ớt nhưng vẫn đủ sức mạnh để mổ phanh trái tim những kẻ tội đồ - trầm đều, “Lạy Chúa, chúng con cảm ơn Người vì đã ban cho chúng con sự tinh khôn và lòng dũng cảm để làm việc chúng con sắp làm, nhân danh Người. Chúng con cảm ơn Người vì tầm nhìn mà Người đã đặt để trong linh hồn chúng con và vì những kế hoạch mà Người đã đưa đến tay chúng con. Amen.”

Tiếng “Amen” đồng thanh vang khắp phòng.

Rhyme đẩy xe qua lại trước những tấm bảng trắng trong phòng khách nhà mình.

Anh nhìn vào bản đồ đường nước chính mà bên DEP vừa gửi cho họ qua một máy chủ an toàn, rồi lại nhìn vào bảng chứng. Kênh dẫn nước số 3 và toàn bộ nhánh của nó đều đã được vẽ rõ ràng.

Ron Pulaski bảo, “Chúng ta đã có đội Phá bom ở cửa hàng quần áo và nhà hàng. Quân đội đang cử người tới địa điểm thứ ba - Belvedere.”

“Họ có làm to chuyện không?” Rhyme hỏi, chỉ quan tâm nửa vơi. “Có hú còi rồi nhá đèn khắp nơi không?”

“Tôi...”

Rhyme cắt lời cậu ta. “Có cuộc sơ tán nào ở trung tâm thành phố không? Tôi muốn thị trưởng ra lệnh sơ tán.”

“Tôi không biết.”

“Bật kênh tin tức lên xem thế nào. Thom! Cậu ở chỗ quý...?”

“Tôi đây, Lincoln.”

“Bản tin. Tôi cần bản tin! Tôi đã bảo cậu rồi.”

“Anh chưa bảo. Anh *chỉ nghĩ* là đã bảo rồi thôi.” Viên trợ tá nhường một bên lông mày quở trách.

“Có thể là tôi chưa bảo,” Rhyme làu bàu. Câu “xin lỗi” tốt nhất mà trợ tá nhận được. “Nhưng cứ bật cái thứ chết tiệt ấy lên ngay đi.”

Từ góc phòng, chiếc tivi Samsung bừng sống dậy.

Rhyme trở một ngón tay vào màn hình. “Bản tin mới nhất, Tin cảnh báo, Tin sốt dẻo, Chúng tôi phải cắt ngang chương trình. Sao tôi chẳng thấy *mấy cái* đó đâu cả? ... Tôi đang xem một đoạn quảng cáo bảo hiểm xe hơi chết dẫm đây!”

“Đừng có dùng cánh tay anh cho những cử chỉ vô ích.” Thom đổi kênh.

“Cuộc họp báo mười phút trước ngài thị trưởng đã nói với dân chúng Manhattan và Queens rằng sơ tán là không cần thiết vào thời điểm này. Ông thúc giục người dân...”

“Không sơ tán?” Rhyme thở dài. “Ít nhất ông ta cũng có thể quét sạch Queens. Họ có thể đi sang phía đông. Có khá nhiều chỗ ở Long Island mà.

Sơ tán trật tự ấy. Đáng lẽ ông ta phải sắp xếp chuyện đó.”

Mel Cooper nói, “Làm gì có trật tự, Lincoln. Sẽ là hỗn loạn ấy chứ.”

“Tôi đã khuyến nghị một thông báo sơ tán. Ông ta lừa tôi đi.”

“DEP gọi tới,” Pulaski nói, hất cằm về phía số gọi đến trên màn hình chính ở một bàn làm việc.

Di động của Rhyme cũng reo. Mã vùng là 404. Atlanta, Georgia.

“Cũng đến lúc rồi chứ,” anh lẩm bẩm. “Cậu tiếp mấy người bên phòng nước nhé, lính mới, và phối hợp với Sachs. Tôi sẽ nói chuyện với mấy anh bạn của chúng ta ở Dixie. Vào việc thôi, mọi người! Chúng ta chỉ có vài phút!”

Và anh bấm mạnh vào nút nghe máy trên bàn phím của mình, khiến Thom lại có một cái nhìn khiển trách khác.

Trong bộ đồ bảo hộ của Phòng bảo vệ môi trường và mũ cứng, Billy Haven bước vào một con phố chạy ngang ở Midtown, Mé Đông, và nhấc một nắp cống lên bằng que móc, rồi hạ người xuống một nửa và đẩy cái nắp lại chỗ cũ.

Hắn trèo xuống một nền nhà bằng kim loại và bắt đầu đi qua đường hầm, dưới bóng của một đường ống nước chính lấp lánh mờ hôi. Ống dẫn khổng lồ này chạy từ phòng điều khiển chính của Kênh nước số 3, ở trung tâm Midtown, tới ba nhánh phụ sẽ chia nước đi khắp Manhattan và vài khu vực ở Queens. Có khoảng mười tám ngàn hộ dân và cơ sở kinh doanh nhận được nước đi qua chiếc ống này.

Hắn đổi cái túi nặng trĩch từ tay này sang tay kia trong lúc bước đi. Nó nặng tới 24 cân. Bên trong là những thứ hắn đã dọn từ xưởng ở phố Canal: máy khoan, bộ hàn xì cầm tay, dây điện và các dụng cụ khác, cùng với một bình giữ nhiệt to bằng thép. Giờ hắn không mang chiếc máy American Eagle theo mình. Phần đó của cuộc Biến cải đã xong rồi. Không cần xăm mình bằng chất độc thêm nữa.

Dù tất nhiên Quy luật bộ Da vẫn còn được áp dụng.

Hắn kiểm tra máy GPS, điều chỉnh một chút và đi tiếp.

Kế hoạch Biến cải rất phức tạp, một âm mưu thích hợp để truyền tải qua bàn tay của một người trung gian mà chính Chúa đã lựa chọn.

Những lời răn...

Ở hiện trường cuối cùng, trong tiệm xăm của TT Gordon, cảnh sát chắc đã tìm thấy dư chất thuốc nổ mà hắn cố ý cài lại và Lincoln Rhyme sẽ ngay lập tức thắc mắc về sự bất thường đó. Chất nổ và thuốc độc? Mối quan hệ là gì?

Những lời răn dự đoán rằng Rhyme rồi sẽ nghĩ ra: Lỡ như những hình xăm có thuốc độc là vì một lí do khác chứ không phải chỉ là những vụ giết người ngẫu nhiên của một thằng điên?

Họ sẽ phân tích các con số trong hình xăm và sẽ đi tới chỗ đại hồng thủy trong Sáng thế kí. Hẳn đã cố tình xăm lên người anh thợ xăm ở Làng với dòng chữ “thứ sáu trăm” cuối cùng, bởi vì nó sẽ khiến việc tìm được đoạn trích về trận lụt trong Kinh Thánh trở nên quá dễ dàng nếu hấn đặt chúng theo thứ tự đúng.

Trong năm thứ sáu trăm của cuộc đời Noah, vào tháng thứ hai, ngày thứ mười bảy, chính ngày đó, suối nguồn sâu thẳm nổ tung, và các cửa sổ thiên đàng mở ra. Và mưa sa trên mặt đất trọn bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.

Vậy là những tên khủng bố nội địa đã quay lại để cài bom hồng tái tạo trận lụt đó và quét sạch tội lỗi của thành Sodom này.

Rhyme và Sachs sẽ cùng suy luận về nơi có thể có những quả bom, và nhận ra rằng, đúng vậy, tất nhiên, chúng nằm trong các bình ắc-quy của đèn hiện trường. Vì chúng có thể nổ tung bất cứ lúc nào và sẽ mất một thời gian đội Phá bom mới đập được cái khóa bên ngoài và vô hiệu hóa, hay lôi các thiết bị phát nổ tự chế ra, phòng Bảo vệ môi trường sẽ phải chọn phương án quyết liệt nhưng cần thiết là đóng hết cửa chặn lớn của phòng điều tiết Kênh nước số 3 tại Midtown, cắt nguồn cung nước đổ vào cái ống mà lúc này Billy đang đi bên cạnh.

Ngay khi chuyện ấy xảy ra áp lực bên trong ống sẽ giảm xuống còn gần như bằng không.

Điều đó sẽ cho phép hấn khoan một cái lỗ tầm ba centimet trên ống thép - một nhiệm vụ bất khả thi khi đường ống đang hoạt động, bởi áp lực trong đó sẽ đẩy nước ra khỏi cái lỗ với vận tốc và lực cắt ngang của một lưỡi dao laze công nghiệp.

Khi áp lực mất hẳn có thể đưa vào ống cung cấp nước thứ đã mang theo tới đây, trong chiếc bình giữ nhiệt kim loại. Thứ độc chất cuối cùng của cuộc Biến cải.

Botulinum, một chất độc thần kinh sản sinh từ vi khuẩn *Clostridium botulinum* là chất độc kịch liệt nhất trên trái đất. Nửa thìa cà phê cũng có thể dễ dàng giết chết toàn bộ dân số Hoa Kỳ.

Trong khi nhìn chung rất khó để vớ được các chất độc hơn trên thế giới - chẳng hạn chất độc phóng xạ như polonium và plutonium - botulinum lại sẵn có đến mức kinh ngạc.

Và chúng ta cần cảm ơn ngành làm đẹp vì điều đó.

Loài vi khuẩn này là nền tảng tạo nên Botox, một loại thuốc giãn cơ để giảm chứng co cứng. Mặc dù vậy nó lại được biết đến nhiều nhất vì tác dụng thẩm mỹ để làm căng da (độc tính của nó ức chế một chất dẫn truyền thần kinh tạo ra các nếp nhăn).

Các kho dự trữ bào tử này được canh gác cẩn thận nhưng Billy đã xác định được nguồn gốc và đột nhập được vào một công ty cung cấp dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ ở Trung tây. Ngoài chỗ được phẩm và dụng cụ y tế, hẳn còn trộm được đủ lượng bào tử để chế tạo cả một nhà máy botulinum. Nó âm thầm - và trong môi trường yếm khí - sản sinh ra cả một kho vi khuẩn và chất độc và thêm nhiều bào tử khác.

Tất nhiên ý tưởng biến một chất độc chết chóc nhẹ nhàng như thế thành vũ khí không phải là của riêng hẳn. Nhưng chưa từng có ai làm được điều đó trước đây - vì một lí do rất đơn giản. Việc phát tán gần như là bất khả.

Chất độc phải được tiêu hóa hay hít vào hay thâm nhập vào cơ thể qua các lớp dịch nhầy niêm mạc hoặc vết thương hở. Chỉ tiếp xúc với da thôi không đủ. Vì rất khó để đưa một lượng lớn chất độc ở dạng phun sương như thế tới đích, điều đó có nghĩa là một cuộc tấn công phải được thực hiện bằng đường thức ăn hoặc nước uống.

Nhưng muối, nhiệt, và các chất kiềm và ôxy có thể giết chết vi khuẩn.

Cả clorin, thứ được thêm vào nguồn nước của Thành phố New York, lẫn phụ gia florit để ngừa sâu răng, orthophosphate để cân bằng tình trạng ô nhiễm chì và hiđrôxít để tăng tính kiềm cho nguồn nước, cũng có thể giết được vi khuẩn.

Tuy nhiên, Billy đã học được cách nuôi trồng một dạng botulinum đậm đặc hơn có thể kháng clorin. Đúng, một phần của độc chất hãn tuồn vào nguồn nước sẽ bị phá hủy, hoặc tác động chết người của nó sẽ giảm bớt, nhưng lượng chất còn lại sẽ đủ và được mang đến từng hộ dân trong khắp Midtown, hạ Manhattan và phần lớn Queens. Số người chết có thể lên tới xấp xỉ bốn ngàn; những người bị ốm và bị thương nghiêm trọng còn gấp nhiều lần con số đó. Một nhóm sẽ chịu thương tổn đặc biệt nghiêm trọng: trẻ em. Các vụ trẻ sơ sinh bị nhiễm độc botulinum vẫn thường xảy ra (thường là với trẻ dưới mười hai tháng tuổi ăn mật ong có bào tử vi khuẩn trú ngụ). Billy đã cân nhắc đến cái chết của chúng và không cảm thấy phiền hà gì. Sau tất cả, đây là một cuộc chiến. Hi sinh là cần thiết.

Tất nhiên thành phố sẽ phản ứng rất nhanh, Sở Y tế và An ninh nội địa chạy đua để tìm nguồn cơn căn bệnh. Sẽ có chút trì hoãn khi các nhà chức trách tưởng chất hóa học thần kinh là thủ phạm - triệu chứng giống nhau -

và với chút may mắn các nhân viên y tế sẽ bắt đầu tiêm atropine và pralidoxime cho nạn nhân, mà thực ra chúng càng làm tăng sức mạnh giết chóc của botulinum. Vài người sẽ chẩn đoán bệnh nhược cơ. Nhưng sau đó các cuộc xét nghiệm huyết thanh và phân rời cuối cùng khối phố sẽ xác nhận căn bệnh ấy thực sự là gì.

Đến lúc đó, tất nhiên mọi sự đã xong rồi.

Một hậu quả thứ phát, thậm chí còn gây thiệt hại trên diện rộng hơn, nếu có ít chết chóc hơn, cũng đã được Biển cải dự đoán: Thành phố sẽ nhanh chóng tìm được nguồn độc nhưng không biết nó đã trôi xa đến đâu.

Khu Bronx có gặp nguy cơ tiếp theo không? Hay New Jersey hoặc Connecticut?

Điều duy nhất các nhà chức trách có thể làm được - những kẻ hoàn toàn vô dụng làm việc cho chính quyền thành phố, tiểu bang và liên bang - là đóng toàn bộ nguồn nước. Thành phố New York, không còn nổi một giọt nào, cả một giọt nước để vận chuyển nước thải cũng không. Hay nước sạch.

Hay để tạo ra điện (phần lớn nguồn điện của thành phố tới từ các nhà máy chạy tua-bin hơi nước). Sông Đông và sông Hudson sẽ trở thành sông Hằng, nguồn nước để tắm rửa, thải rác và uống... và bệnh tật.

Một trận đại dịch, chứ không phải lụt lội, sẽ hủy diệt thành phố.

Nhưng sự thành công của kế hoạch phụ thuộc vào một nhân tố then chốt còn lại: đóng van ở Midtown để cho phép Billy đưa chất độc vào. Nếu việc ấy không xảy ra, cuộc Biến cải sẽ thất bại. Các bể dự trữ thượng nguồn và cống dẫn nước - dễ dàng tiếp cận - được theo dõi theo thời gian thực để kiểm soát bất kì chất độc nào; kế hoạch yêu cầu chất độc phải được đưa vào nguồn cung tại đây, phía nam Công viên Trung tâm, nơi về lí thuyết không ai có thể đầu độc hệ thống nước và do đó không được canh gác.

Lúc này Billy kiểm tra vị trí của hãn. Đúng rồi. Hãn đã rất gần tới điểm tốt nhất để khoan vào ống nước.

Nhưng hãn cần xác nhận là nguồn cung nước đã bị đóng.

Nào, hãn nghĩ, nhanh nào...

Sốt ruột.

Thời gian là tất cả.

Cuối cùng điện thoại của hãn cũng rung lên với một tin nhắn. Hãn nhìn xuống. Dì Harriet. Bà ta gửi cho hãn một địa chỉ liên kết. Hãn gõ vào màn

hình và nghiêng điện thoại để đọc bài báo. Câu chuyện được gắn nhãn một phút trước.

CẢNH BÁO KHỦNG BỐ Ở NEW YORK

Mục tiêu là nguồn cung cấp nước Chưa rõ nhóm đặt bom Các nhà chức trách của thành phố New York đã đóng cửa nguồn cung nước lớn nhất cho Manhattan phía nam Công viên Trung tâm và phần lớn Queens để ngăn chặn nguy cơ lụt lội xảy ra, đáp lại âm mưu khủng bố rõ ràng.

Người phát ngôn của Sở cảnh sát thành phố New York, Sở An ninh nội địa và FBI báo cáo trong một cuộc họp báo chung rằng họ đã khám phá ra một âm mưu cho nổ các thiết bị phát nổ tự chế dưới lòng đất, dự định phá hoại một phần hệ thống cung cấp nước.

Các sĩ quan của đội phá bom đã tìm ra địa điểm của ba thiết bị và đang sơ tán mọi người trong bán kính trực tiếp quanh chúng. Họ sắp tiến hành tháo dỡ các quả bom, một quy trình được gọi là “vô hiệu hóa”.

Dự kiến nguồn cung nước sẽ bị cắt không tới hai giờ. Nhà chức trách đang báo với người dân không cần phải tích trữ nước.

Tốt. Đã đến lúc kết thúc và nói lời tạm biệt với Thành phố New York.

Amelia Sachs đang lái chiếc Ford Torino của cô tới Midtown. Cô đã vượt tới bảy cột đèn đỏ sau khi rời khỏi nhà Rhyme.

Chỉ có một cột duy nhất làm cô chậm lại. Những hồi còi giận dữ và ngón tay thổi giơ lên thậm chí còn không nằm trong trí nhớ.

Quảng trường Thời đại đang ở xung quanh cô, những màn hình quảng cáo khổng lồ với độ phân giải cao, những người dân địa phương đang mãi suy nghĩ và đám khách du lịch hân hoan, cảnh trang hoàng cho lễ Tạ ơn và Giáng sinh sớm, những người bán hàng dạo tụ tập lại với nhau, dậm chân hết bên này đến bên kia để lưu thông khí huyết.

Đám đông vô tội bận rộn.

Cô tăng tốc về phía đông tới Đại lộ Lexington, rồi phanh kít lại khi đám khói xanh từ bốn bánh xe vẫn lên quanh mình. Cô đã được lệnh phải dừng lại ở chính chỗ này và chờ thêm chỉ thị mới.

Điện thoại của cô reo lên và một giây sau giọng Pulaski đã vang trong tai nghe của cô. “Amelia. Tôi đã gọi được DEP trên đường đây khác. Họ đang kiểm tra... Chờ đã. Kỹ thuật viên quay lại rồi.” Cô nghe vài tiếng lao xao khi cậu ta quay đi khỏi ống nói để nói vào một chiếc điện thoại thứ hai.

Rồi giọng cậu ta cao lên. “Thế là thế quái nào, “Các cảm biến không chính xác” ? Thật ra là anh có ý gì chứ? Hơn nữa chuyện cảm biến không phải vấn đề của tôi. Tôi muốn có một địa điểm. Ngay lập tức!”

Cô cười phá lên. Ron Pulaski trẻ tuổi đã trưởng thành dưới sự dìu dắt của Rhyme. Một lát sau cậu ta quay lại với cô. “Tôi không biết có vấn đề gì, Amelia ạ. Họ... Chờ đã. Tôi lại đang có gì rồi đây.” Giọng nói chìm đi một lát. “Được rồi, được rồi.”

Nhìn quanh con phố. Những người vô tội, cô lại nghĩ thế. Thương nhân, người đi mua sắm, khách du lịch, trẻ em, nhạc sĩ, người bán hàng, những tên ma cô, người lang thang - cái tập hợp những người độc nhất vô nhị tạo nên thành phố New York ấy.

Và dưới chân họ, ở đâu đó, một trong những vụ tấn công khủng bố tồi tệ nhất trong lịch sử thành phố New York đang được tiến hành.

Nhưng ở đâu?

“Được rồi, Amelia, DEP đã có tin cho chúng ta. Họ đã tham chiếu chéo tỉ lệ dòng chảy - tôi không biết nữa. Dù sao thì, tôi đã có một địa điểm. Một căn phòng để tiếp cận đường ống cách trạm xả nước của Kênh số ba khoảng bốn trăm mét về phía nam. Nó nằm ở nút giao Bốn mươi tư và số Ba. Có một lỗ cống cách đó khoảng mười lăm mét, ở phía đông của ngã tư ấy.”

“Tôi gần đó rồi.”

Cô đã bắt đầu gạt cần số và lao vút ra khỏi chỗ đỗ xe, đúng như cách vừa tới, mặc dù lần này thì bỏ lại khói xanh sau lưng. Cô cắt mặt một chiếc xe buýt và một con Lexus. Chúng có thể đâm vào nhau trong lúc tránh cô.

Cô tiếp tục lao thẳng về phía nam. Vấn đề của bên bảo hiểm, không phải của cô.

“Một phút nữa tôi sẽ có mặt.” Rồi sửa lại: “Okay, hai đi.” Vì cô lại vừa bị ép phải đi trên vỉa hè và phải phanh gấp để gạt một quầy bán bánh falafel ra khỏi đường.

“Quý tha ma bắt cô đi.”

Không nhất thiết, cô nghĩ, vì ông ta đã vượt đèn; cô hoàn toàn có thể đâm vào dít xe đẩy. Đã cân nhắc đến chuyện đó.

Quay lại lòng phố với một tiếng két của kim loại va vào vỉa hè. Rồi cô lại tiếp tục tăng tốc.

Sau khi Lincoln Rhyme kết luận rằng nghi phạm và nhóm khủng bố nội địa của chúng đang dự định thổi tung nguồn cung nước, anh đã trở nên dăm chiêu. Rồi vẻ mặt hiện rõ sự không hài lòng.

“Sao nào?” Sachs hỏi, để ý thấy ánh mắt anh lạc ra ngoài cửa sổ, lông mày cau lại.

“Cảm giác có gì đó không đúng lắm trong toàn bộ chuyện này.” Anh nhìn vào cô. “Đúng rồi, tôi cảm ghét cái từ “cảm giác”. Đừng có vẻ sốc thế chứ. Kết luận phải dựa trên bằng chứng, trên dữ kiện.”

“Nói tiếp đi.”

Anh cân nhắc thêm trong lúc im lặng, rồi nói, “Các quả bom ắc-quy được nhồi bằng thuốc súng. Em biết nhiều về súng, Sachs, em cũng biết về đạn dược. Em nghĩ chỗ đó có đủ sức thổi tung những ống thép to bằng cỡ ống nước không?”

Cô nghĩ về việc đó. “Đúng. Nếu chúng thực sự muốn làm đứt gãy ống thì phải dùng những viên đạn sắc cạnh kia. Loại chọc thủng giáp. Tất nhiên phải thế.”

“Chính xác. Hẳn *muốn* chúng ta tìm được mấy quả bom. Và - với cả đoạn trích trong Kinh Thánh - muốn chúng ta tin rằng mục tiêu là nguồn cung nước. Tại sao?”

Họ đã trả lời gần như đồng thanh. “Để tắt nguồn cung.”

Tắt dòng chảy của nước bằng cách đóng các van chính sẽ chỉ mang lại một sự gián đoạn tạm thời.

“Ai quan tâm chứ? Nó không thể là động cơ được,” Rhyme đã nói.

Anh lại thử: Nhưng điều đó sẽ hợp lí nếu nó lừa được thành phố tắt nguồn cung nước để hạ áp suất. Như thế nghi phạm của họ có thể khoan vào đường ống và thả chất độc vào một ống. Rồi hẳn sẽ bịt cái lỗ ấy lại; Rhyme nhắc

cả đội nhớ đến bằng chứng vật liệu hàn xì tìm thấy tại hiện trường Chloe Moore.

Còn chất độc, Rhyme đã kết luận nó sẽ là botulinum - vì họ đã tìm được dấu vết của vật liệu từ kho vật liệu phẫu thuật thẩm mỹ và kim tiêm Botox.

Rhyme đã tưởng bằng chứng ấy có nghĩa nghi phạm của họ dự định thay đổi hình dạng. Nhưng cũng có khả năng mục đích đột nhập vào đó là để ăn cắp botulinum, bào tử của loại vi khuẩn này được các tổ chức y tế chuyên về vật phẩm và dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ nuôi cấy. Anh đã nhận định chất độc hẳn phải là botulinum, vì không có chất nào khác đủ mạnh để gây ra một tác hại trên diện rộng.

Rhyme đã gọi cho mỗi liên lạc của anh ở FBI, Fred Dellray, và Tòa thị chính, giải thích điều anh nghi ngờ. Đến lượt họ, Thị trưởng và cảnh sát trưởng đã ra lệnh cho DEP thông báo về việc cắt nguồn nước trong vài giờ.

Thực tế họ vẫn giữ nguyên hoạt động của đường cấp nước - nhờ đó áp lực sẽ ngăn bất kì thứ gì được thả vào trong. DEP sẽ dùng các cảm biến trên mạng lưới để định vị bất kì điểm rò rỉ nào, cho NYPD biết chính xác nghi phạm đã cắt một lỗ ở đâu.

Trong lúc cô ngồi sốt ruột sau tay lái, để nguyên động cơ, điện thoại của Sachs lại reo vang. Là Rhyme. “Sachs, em đang ở đâu?”

“Gần đến địa điểm DEP cho chúng ta rồi.”

“Nghe anh này.”

“Thì em còn làm gì khác được?” cô lẩm bẩm. Và tập trung để tránh một người đi xe đạp ngớ ngẩn.

Rhyme nói tiếp, “Anh có điện thoại với Trung tâm phòng chống bệnh dịch của Atlanta. Bọn anh đã hội ý - xin lỗi vì dùng từ ấy - với An ninh nội địa và bên phòng chống vũ khí hóa sinh ở Pháo đài Detrick. Tình hình tệ hơn anh

tưởng. Đùng vào phòng trung chuyển ấy. Chúng ta sẽ lập một đội tác chiến chống độc.”

“Em đang ở đây, Rhyme à. Ngay đây rồi. Em không thể cứ ngồi chờ được. Nghi phạm thì ngay dưới chân em.”

Cô lái chiếc xe hầm hố lên vỉa hè, lùa hết khách bộ hành khỏi đường.

Họ vâng lời ngay; trông cô quá dữ dằn, không thể tranh luận được.

Rhyme nói tiếp, “Anh chỉ vừa nhận ra đó không phải là botulinum bình thường đâu.”

“Chà, đó là một cụm từ anh không nghe thấy mỗi ngày, Rhyme.”

“Nó đã được biến đổi để kháng clorin. Đó là lí do vì sao chúng ta tìm được axit hipoclorơ nguyên chất - là thứ hãn đã dùng để thay đổi liều lượng. Chúng ta không biết nó mạnh như thế nào đâu.”

“Em đã mang mặt nạ và đồ bảo hộ đây rồi.” Cô chạy ra đuôi xe, mở cốp và lôi bộ khám nghiệm hiện trường của mình ra.

“Em cần cả bộ phòng chống độc cơ,” anh phản đối.

Cô bấm nút loa ngoài, đặt điện thoại xuống và nói, “Nghi phạm biết chúng ta vẫn chưa cắt nguồn nước - nước sẽ vẫn còn phụt ra từ cái lỗ hãn đã khoan. Hãn sẽ chờ cho van đóng hãn nhưng không chờ lâu đâu. Hãn sẽ bỏ chạy, cùng với chỗ chất độc mà không ai biết là bao nhiêu kia.”

“Sachs, nghe này. Đây không phải như asen hay xà rế đâu. Em không cần phải uống hay ăn nó. Chỉ cần một phần mười ngàn của một gram trên màng nhầy hay vết thương hở là em chết rồi.”

“Vậy thì em sẽ không ngoáy mũi hay làm xước gỏi. Em vào đây, Rhyme. Em sẽ gọi khi đã có hiện trường an toàn và còng tay hãn.”

“Sachs...”

“Vì lần này em cần phải vào thật khẽ,” cô kiên quyết nói và bấm nút tắt.

Amelia Sachs dễ dàng tìm được nơi nghi phạm đã chui xuống lòng đất: một cái lỗ cống trên phố 44, gần số Ba, nơi Pulaski đã nói cho cô.

Cô lôi cái móc lớp bánh xe từ trong cốp xe Torino ra và dùng nó để đẩy nắp cống kim loại lên, rồi gắng sức gạt nó sang bên. Cô hướng khẩu Glock vào cái lỗ tối om ấy. Cô nhìn xuống, nghe thấy tiếng rít rất mạnh - là cái ống bị rò nước, cô đoán vậy. Cô cất vũ khí vào bao.

Được rồi, vào thôi. Vào thật nhanh.

Khi con di chuyển, chúng không thể bắt được con...

Nhờ các lần chữa trị gần đây, giờ cô đã cảm thấy dẻo dai như một cô bé mười ba tuổi khi quay lưng lại và bắt đầu leo xuống cầu thang.

Cô nghĩ: Mình đang mặc bộ bảo hộ trắng xóa, lại còn được chiếu sáng từ trên cao và đằng sau lưng.

Một đích nhắm hoàn hảo cho hăn.

Đó là một cách nói. Còn cách khác là: một con vịt ngỗng.

Trèo xuống địa ngục. Cụ thể là trượt xuống thang y như cách các thủy thủ vẫn làm trong các bộ phim truyền hình về tàu ngầm khi họ đi từ khoang nọ xuống khoang kia.

Cô chạm mặt sàn của một đường hầm rộng rãi - không gian mở và không có bất kì chỗ nấp nào. Hiển nhiên rồi. Rút khẩu súng thật nhanh, cô lao về một phía, nơi ít nhất nó cũng tối hơn và thủ phạm sẽ khó định vị một phát súng đoạt mạng hơn. Ở đó cô ngồi xổm và xoay nòng súng 180 độ, nheo mắt tìm bất kì mối nguy hiểm tức thời nào.

Việc cô chưa phải bắn một viên đạn nào không làm giảm bớt lo ngại; hăn có thể vẫn ở gần đây, nhắm vào cô và chỉ chờ bất kì một cảnh sát nào khác

bước vào tầm ngắm trước khi bắt đầu xả đạn.

Nhưng khi mắt cô làm quen với bóng tối, cô nhận ra phần này của đường hầm không có ai.

Tim đập mạnh, hơi thở gấp gáp qua mặt nạ, Sachs nhìn theo hướng tiếng rít, lúc này đã biến thành âm thanh chói tai. Cô đi dọc theo bức tường ở phía đối diện với phòng nối vào kênh nơi hần đang khoan cái lỗ trong ống. Cô liếc vào thật nhanh, thụp người xuống thấp, phòng khi hần ngấm vào đầu hay ngực về phía ngưỡng cửa. Tất cả những gì cô thấy được trong một giây nhìn trộm ấy chỉ là màn sương cuộn lên thành những tấm rèm màu pastel như ánh sáng phương bắc. Nó được chiếu sáng từ đằng sau nhờ ngọn đèn màu trắng - có thể là cái nghi phạm đã đặt sẵn để lấy ánh sáng khoan.

Những cuộn sương có tác dụng thôi miên, xinh đẹp kia hần là từ phần hơi nước đã thoát ra khỏi ống.

Sachs miễn cưỡng thực hiện một cuộc đột nhập một người điển hình, nhắm lên cao, cúi người thấp, đặt áp lực nặng một cân trên cò súng nặng cân rưỡi. Bắn, bắn, bắn.

Không phải ở đây. Cô biết mình phải bắt sống hần. Hần không hành động một mình. Với một âm mưu phức tạp như thế này thì không phải. Họ cần phải bắt được cả những đồng phạm của hần nữa.

Hơn nữa, bất kì một phát đạn nào cũng có thể thành ra cô tự bắn vào mình; ống nước và các mặt phẳng bê tông trong hầm sẽ dễ dàng đẩy viên đạn bọc đồng và những mảnh vụn của nó theo các hướng không thể dự đoán được.

Đó là chưa kể những gì một băng đạn parabellum 9mm có thể gây ra với cái lọ có chứa chất độc chết chóc nhất quả đất.

Gần hơn, gần hơn nữa.

Nhìn vào bức tường sương, tìm kiếm những bóng hình chuyển động, những cái bóng trong tư thế chuẩn bị bắn. Những cái bóng lao ra với một cây kim

tiêm chứa đầy propofol.

Dành cho tác phẩm nghệ thuật trên da cuối cùng của hân.

Nhưng không có gì ngoài những phần hơi nước lấp lánh, phản chiếu ánh sáng một cách xinh đẹp.

Vào hân bên trong, cô tự nhủ. Ngay bây giờ.

Đám mây cuộn lại gần hơn và rút lui, chắc chắn là từ luồng gió do hơi nước tạo ra. Ngụy trang tốt lắm, cô nghĩ. Như một màn khói vậy. Sachs nắm chặt khẩu Glock và đứng trong tư thế bắn vuông góc chứ không phải song song để giảm thiểu vùng mục tiêu của hân. Cô lao nhanh vào trong phòng.

Một sai lầm, cô nhanh chóng nhận ra.

Làn hơi nước bên trong dày hơn nhiều và làm ướt sũng màng lọc của mặt nạ. Cô không thở được. Một phút cân nhắc. Không có mũ bảo vệ, cô sẽ dễ dính phải chất độc botulinum. Nhưng đeo nó thì cô sẽ ngất xỉu vì thiếu dưỡng khí.

Không còn lựa chọn. Cô lật mặt nạ và ném nó ra sau lưng, hít vào bầu không khí ẩm thấp mà cô hi vọng là chỉ chứa nước uống của thành phố New York chứ không đủ độc tố để giết chết cô trong vòng năm giây.

Thở đi, thở...

Nhưng đến giờ vẫn chưa thấy triệu chứng gì. Hay viên đạn nào.

Cô tiếp tục đi tới, xoay súng từ bên này sang bên kia. Ở bên phải, cô có thể trông thấy hình dáng tối thui của những cái ống không lồ; chỗ rò rỉ ở trước mặt cách cô bốn mét rưỡi, cô dự đoán; từ một hình ảnh mơ hồ của một đường mỏng màu trắng - chắc là dòng nước - đang bắn về phía bên trái vào bức tường ở phía xa cách mặt đất tầm ba mét. Mỗi bước cô tới gần tiếng rít càng lớn hơn.

Tiếng rít làm tai cô nhức nhối và có nguy cơ điếc đặc; tin tốt là nó cũng sẽ làm hần bị điếc, nên hần sẽ không biết cô đang tiến lại.

Mùi bê tông ẩm, mùi mốc và bùn. Cảm giác ấy mang Sachs quay lại thời thơ ấu, cha và con gái ở sở thú Manhattan, một trong những chuồng thú, lồng rằn. “Amie, nhìn thấy không? Đó là con vật nguy hiểm nhất ở đây.”

Cô đã ghé mắt vào trong những không thể trông thấy gì ngoài những cái cây và tảng đá phủ đầy rêu. “Con không trông thấy gì cả bố ạ.”

“Đó là một *leeren Käfig*.”

“Oa. Cái gì đấy ạ?” Rằn, cô tự hỏi. Hay thằn lằn? “Nó có nguy hiểm không?”

“Ồ, thứ nguy hiểm nhất trong sở thú đấy.”

“Nó là gì ạ?”

“Nó có nghĩa là “lồng trống” trong tiếng Đức.”

Cô đã cười phá lên, lúc lắc lộn tóc tết nhỏ xíu trong lúc nhìn lên ông.

Nhưng Herman Sachs, một cảnh sát tuần tra từng nhận huân chương của NYPD đã không nói đùa. “Nghe này, Amie. Những thứ nguy hiểm nhất là những thứ con *không thể* trông thấy được.”

Và giờ cô cũng không trông thấy gì.

Hần ở đâu?

Đi tiếp thôi.

Cúi thấp và hít vào một hơi thật sâu hết sức có thể mà không bị nghẹt thở vì làn sương trong không khí, cô bước qua đám mây.

Và cô trông thấy hần. Nghi can 11-5.

“Chúa ơi, Rhyme,” cô thì thầm, bước lại gần hơn. “Chúa ơi.”

Chỉ sau mấy giây không nghe thấy gì ngoài tiếng xịt và rít của dòng nước cô mới nhớ ra cả tai nghe lẫn camera đều đã tắt.

Các chuyên gia từ Pháo đài Detrick đã đi trực thăng vào trong trung tâm chỉ trong bốn mươi lăm phút.

Khi chất độc tình nghi đủ sức giết một số lượng lớn dân số của một thành phố chính ở Hoa Kỳ, các chiến sĩ An ninh quốc gia không hề chần chừ.

Khi đã xác minh rằng nghi phạm sẽ không bắn được ai, Sachs đã bị mời ra khỏi đường hầm một cách lịch sự nhưng cương quyết, trong lúc tám người mặc đầy đủ bộ đồ bảo hộ chống độc sinh hóa vào làm việc. Ngay từ đầu đã thấy rõ họ biết việc mình đang làm. Pháo đài Detrick ở Frederick, Maryland là trụ sở của Sở chỉ huy nghiên cứu và vật liệu y tế cùng Học viện nghiên cứu bệnh truyền nhiễm của Quân đội Hoa Kỳ. Về mặt công tác, nếu tiền tố “sinh hoá” và các từ “chiến tranh” hay “phòng ngự” được kết nối với nhau trong bất kì loại dự án nào, Pháo đài Detrick sẽ can thiệp.

Giọng Rhyme vang lên qua điện đài. “Sao, Sachs? Chuyện gì đang diễn ra vậy?” Cô đang đứng chết lạnh trên một vỉa hè trơn trượt gần đại lộ Ba, nơi đã đậu chiếc Torino.

Cô kể cho anh, “Họ đã thu được botulinum rồi. Nó nằm trong ba xy lanh bên trong một bình giữ nhiệt. Họ đã đưa nó vào một phương tiện vận chuyển áp lực âm rồi.”

“Họ chắc chắn là chưa có tí nào vào trong nước chứ?”

“Tuyệt đối chắc.”

“Còn nghi phạm?”

Một khoảng ngừng. “À, tệ lắm.”

Kế hoạch của Rhyme là nhờ thành phố báo động giả rằng nguồn cung nước sẽ bị đóng đã đưa lại một kết quả không ngờ tới.

Nghi can 11-5, không mặc gì khác hộ thân ngoài bộ bảo hộ của Sở Bảo vệ môi trường, đã đứng ngay trước cái lỗ mà hấn khoan. Khi hấn chọc được đường ống chính, dòng nước như một lưỡi cưa đã cắt thẳng qua ngực hấn, giết hấn tại chỗ. Khi hấn đã ngã xuống sàn, dòng nước tiếp tục xẻ qua cổ và đầu hấn, cắt rời chúng.

Máu, xương và thịt văng khắp nơi, vài mẫu còn bị bắn sang tận bức tường ở cách đó mấy mét. Sachs biết cô nên biến ngay khỏi đó và để đội hóa sinh phong tỏa hiện trường nhưng cô vẫn buộc phải làm một nhiệm vụ cuối cùng, vì tính tò mò: kéo tay áo bên trái của nghi phạm lên. Cô phải trông thấy hình xăm trên người hấn.

Con rết đỏ đang nhìn chòng chọc vào cô bằng cặp mắt tọc mạch của con người. Nó được vẽ tuyệt đẹp. Và cực kì đáng sợ. Cô đã thực sự phải run lên.

“Tình trạng hiện trường thế nào?”

“Quân đội đang phong tỏa nó - trong bán kính hai dặm nhà. Em đã lấy được dấu vân tay và ADN từ nghi phạm và đóng túi cả rác lẫn hai chiếc túi hấn mang theo trước khi em bị đá ra.”

“Mang về những gì em có. Hấn không làm việc một mình. Và ai mà biết được chúng còn âm mưu những gì?”

“Em đang trên đường đây.”

Các bản tin thời sự đưa tin dồn dập nhưng rất mơ hồ.

Một tên khủng bố đã tấn công nguồn cung nước ở New York, các thiết bị nổ tự chế...

Harriet và Matthew Stanton ngồi trên ghế xô pha trong phòng của họ ở khách sạn. Con trai họ, Joshua, ngồi bên cạnh trên một cái ghế bành, tay mân mê chiếc vòng tay không ngừng. Một trong những chiếc vòng tay mà lũ trẻ ngày nay vẫn đeo, kể cả con trai. Vòng tay cao su sắc màu. Không bình thường. Đồng tính. Matthew đã cố cau có với con trai để cậu dừng lại nhưng Joshua vẫn dán mắt vào tivi. Cậu ta uống nước từ một cái chai; cả nhà đã mang theo mấy bình nước. Vì lí do rất hiển nhiên. Cậu ta hỏi mấy câu mà bố mẹ cậu cũng không biết trả lời như thế nào.

“Nhưng làm sao họ lại biết? Sao Billy không gọi điện? Cái đó, chất độc ấy, đang ở đâu?”

“Im đi.”

Những bình luận viên ngốc nghếch trên truyền hình (trong trường hợp này là cả những tên lừa đảo của đảng tự do và bên thủ cựu) đều đưa ra những lời vô nghĩa: “Có nhiều loại bom và vài loại được tính toán để gây ra nhiều thiệt hại hơn các loại khác.” “Một tên khủng bố có thể tiếp cận với nhiều loại chất nổ.” “Tâm lí của một kẻ đánh bom rất phức tạp; về cơ bản, chúng có nhu cầu phá huỷ.” “Như chúng ta đã biết từ trận bão gần đây, nước trong các đường tàu điện ngầm có thể gây ra những vấn đề nghiêm trọng.”

Nhưng đó là tất cả những gì bọn họ có thể nói vì rõ ràng là thành phố đã không hở ra một tin tức thực sự nào.

Matthew nghĩ chuyện đáng ngại hơn nữa là điều mà Josh vừa mới nói ra hôm kia. Tại sao họ còn chưa nghe được gì từ Billy? Lời cuối từ hắn: Sau

khi họ báo rằng thành phố đã đóng van, hẳn sẽ bắt đầu khoan. Botulinum đã sẵn sàng. Hẳn sẽ thả chất độc vào nguồn cung nước trong vòng nửa giờ.

Các biên tập viên không ngừng lái nhái về bom và lụt lội... nghe giống như chuyện mụn cám của tụi thiếu niên, trong khi cuộc tấn công thực sự phải là bệnh ung thư. Chất độc để huỷ hoại thành phố đã bị đầu độc.

Các đài không ngừng lặp đi lặp lại cái mẫu tin thu sẵn ấy hết lần này đến lần khác.

Nhưng không có một lời nào về việc con người bị ốm. Không ai nôn oẹ đến chết. Không một lời nào về sự hoảng loạn.

Cướp ý nghĩ ấy của chồng, Harriet bảo, “Chắc nó không bị độc dính vào người chứ nhỉ?”

Tất nhiên là nó có thể. Trong trường hợp đó nó sẽ chết một cách đau đớn dù có nhanh chóng. Nhưng nó sẽ là chiến sĩ tử vì đạo cho sự nghiệp của Hội đồng thứ nhất các gia đình Mỹ, tung ra một đòn cho những giá trị đích thực của đất nước này, và không phải là vô tình mà càng củng cố vị thế của Matthew Stanton trong hoạt động của tổ chức dân quân ngầm.

“Tôi lo quá,” Harriet thì thầm.

Joshua nhìn sang hướng bà ta và lại càng nghịch cái vòng ái nam ái nữ của nó nhiều hơn. Ít nhất nó cũng đã là cha của trẻ con, Matthew nghĩ.

Chuyện đó đúng là kì tích.

Ông ta lờ tịt cả vợ lẫn con trai. Ông ta không tài nào hiểu nổi chuyện các nhà chức trách đã phát hiện ra âm mưu. Âm mưu thâm hiểm đến thế -

đã được dự trù và nắn nót hằng bao tháng trời - đã được vẽ ra chi tiết từng tí một như bản thiết kế cho nhà thầu John Deere vậy. Họ đã thực hiện nó chính xác như kế hoạch, từng bước một vào đúng thời điểm. Đúng đến từng giây.

Và nghĩ đến thời gian: Giờ đây nó trôi qua như một sông băng. Mỗi khi một biên tập viên mới xuất hiện, một người đàn ông khác ở trên phố bắt đầu nói chuyện vào chiếc micro đã được cách âm, Matthew lại hi vọng có thêm thông tin. Nhưng ông ta chỉ nghe lại câu chuyện cũ, đã được xào xáo.

Không có bản tin gì về việc hàng ngàn người chết theo những cách khủng khiếp được nhả ra từ cặp môi của các nhà báo kèn kèn cả.

“Joshua?” ông ta hỏi con trai. “Gọi lại lần nữa xem.”

“Vâng thưa bố.” Chàng trai lóng ngóng với cái điện thoại, thả rơi nó và nhìn lên, xin lỗi với bộ mặt đỏ bừng.

“Đó là điện thoại trả tiền trước của mày à?” Matthew nghiêm khắc hỏi.

“Vâng thưa bố.”

Không một lời cãi lại nào của Josh, chưa bao giờ có. Billy biết kính trọng nhưng hẳn có dũng khí. Joshua thì chỉ là một con sên. Matthew khoát tay đuổi thẳng bé ra, nó đứng dậy và bước ra khỏi vùng âm thanh của ti vi.

“Kênh dẫn nước số Ba là dự án xây dựng lớn nhất trong lịch sử thành phố. Nó đã được bắt đầu...”

“Bố?” Joshua nói, gạt đầu vào điện thoại. “Vẫn không ai nghe máy.”

Bên ngoài cửa sổ, còi hiệu tạo thành nhạc nền của buổi chiều u ám. Cả ba người trong phòng im lặng, như bị ném vào dòng nước lạnh buốt.

Rồi một nữ phát thanh viên đang nói ngắn gọn: “Đã có một thông báo từ Tòa thị chính về âm mưu khủng bố... Các nhà điều tra đang báo cáo rằng bọn khủng bố không định dùng bom. Mục đích của chúng là đưa chất độc vào nguồn nước sinh hoạt của thành phố New York. Âm mưu này đã thất bại. Cảnh sát trưởng đã nói nguồn nước tuyệt đối an toàn. Họ đang thực hiện một nỗ lực lớn để truy tìm và bắt các cá nhân có trách nhiệm. Chúng tôi

đang chuyển hướng tới phóng viên chuyên về an ninh nội địa của chúng tôi, Andrew Landers, để biết thêm về hoạt động khủng bố trong nước này.

Xin chào ông, Andrew...”

Matthew tắt tivi. Ông ta nhét một viên nitroglycerin vào dưới lưỡi mình.

“Được rồi. Thế là hết. Chúng ta rời đi. Ngay bây giờ!”

“Có chuyện gì vậy, bố?” Joshua hỏi.

Cứ như tao biết ấy.

Harriet đang hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra với Billy?”

Matthew Stanton vẫy tay bảo bà im lặng. “Điện thoại của hai mẹ con.

Tất cả. Tháo hết pin ra.” Ông ta tháo nắp điện thoại của mình ra trong lúc Harriet và Joshua làm tương tự. Họ ném chúng vào một thứ mà Những lời răn Biển cả gọi là một cái túi cháy, kể cả khi bạn không thực sự đốt nó.

Bạn chỉ ném nó vào một thùng Dumpster ở cách xa khách sạn. “Nào. Dọn đồ đi. Chỉ những thứ cần thiết thôi.”

Harriet lại nói, “Nhưng Billy...?”

“Tôi đã bảo bà gói ghém đồ đạc, bà kia.” Ông ta muốn đánh vợ. Nhưng không có thời gian để chinh đồn trong lúc này. Hơn nữa, chinh đồn với Harriet không phải lúc nào cũng đúng theo dự định. “Billy có thể tự lo cho nó. Bản tin đã không nói đến chuyện nó bị bắt. Họ chỉ nói là đã khám phá ra một âm mưu. Nào. Làm đi.”

Năm phút sau, Matthew đã chất đầy va li của mình và đang kéo khóa túi đựng máy tính.

Harriet đang kéo va li đằng sau bà ta vào phòng khách. Khuôn mặt bà ta trông như một chiếc mặt nạ u ám, gần đáng sợ như cái băng cao su mà Billy

đã cho họ xem, cái hăn vẫn thường mang khi đi tấn công các nạn nhân.

“Làm thế nào lại xảy ra chuyện đó nhỉ?” bà ta tức tối hỏi.

Câu trả lời là cảnh sát, câu trả lời là Lincoln Rhyme.

Billy đã mô tả anh ta là kẻ có thể dự đoán mọi chuyện.

“Tôi muốn tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra,” bà ta gào lên.

“Để sau! Đi thôi,” Matthew quát. Tại sao ý Chúa lại là ông phải cưới một người đàn bà lảm điều thế nhỉ? Bà ta không bao giờ học được sao? Sao ông lại thôi không dùng thắt lưng nhỉ? Sai lầm tồi tệ.

Họ sẽ trốn thoát, tập hợp lại, một lần nữa đi trốn. Trốn kĩ. Matthew gào lên, “Joshua, mày xong chưa?”

“Rồi thưa bố.” Con trai của Matthew vịn vẹo bước vào trong phòng.

Mái tóc vàng cát của nó xoắn ra còn mặt thì nhem nhuốc nước mắt.

Matthew cúi, “Mày. Mày cư xử như thằng đàn ông đi. Hiểu tao chưa?”

“Vâng thưa bố.”

Matthew thò tay vào trong túi đựng máy tính, gạt cuốn Kinh thánh sang bên và lấy ra hai khẩu súng, loại 9mm Smith & Wesson (tất nhiên ông ta sẽ không nghĩ đến chuyện mua súng của nước ngoài). Ông đưa một khẩu cho Joshua, nó có vẻ thả lỏng khi cầm được khẩu súng. Thằng bé cảm thấy thoải mái với vũ khí; dường như chúng đem lại một sự thân thuộc làm an lòng nó. Ít nhất thì nó còn có điếm ấy. Tất nhiên súng không phải là thứ cho đàn bà nên Matthew không đưa gì cho Harriet.

Ông ta bảo con trai, “Giấu nó đi. Và đừng dùng đến trừ khi tao dùng súng của tao. Lúc nào tao ra hiệu thì làm.”

“Vâng thưa bố.”

Hai khẩu súng chỉ là để phòng. Lincoln Rhyme đã ngăn chặn kế hoạch nhưng trong đó không có điều gì dẫn ngược lại chỗ Matthew và Harriet. Những lời răn đã chăm lo đến việc cách li cho họ. Nó giống như cách Billy đã giải thích: hai vùng trong một tiệm xăm, vùng nóng và vùng lạnh. Chúng không bao giờ nên gặp nhau.

Họ sẽ ngồi trong ô tô ra khỏi thành phố trong ba mươi phút nữa.

Ông ta xem lại phòng khách sạn. Họ đã không mang theo nhiều đồ lắm - hai va li mỗi người. Billy và Joshua đã chuyển tới đây tất cả các dụng cụ và đồ dùng nặng hơn từ trước.

“Đi thôi.”

“Còn cần nguyên thì sao?” Joshua đề nghị.

“Làm chó gì có thời gian,” Matthew quát.

Vừa kéo vừa đẩy hành lí, cả ba người bước ra hành lang.

Tin tốt lành trong việc dùng khách sạn làm nơi an toàn cho một chiến dịch kiểu này là sau đó bạn không cần phải dọn sạch nó, Lời răn của Billy đã dặn - khách sạn cung cấp cả đội nhân viên để làm việc đó cho bạn một cách lịch sự và tiện lợi, dù không có gì nghi ngờ chuyện bọn họ là lũ bất hợp pháp ghê tởm.

Mặc dù vậy, khi có ý nghĩ đó, trở trêu thay Matthew lại thấy hai người phụ nữ trong đội lau dọn đang đứng gần thang máy, chuyện trò bên cạnh xe đẩy của họ, thuộc chủng tộc da trắng.

Chúa phù hộ cho họ.

Joshua đi đằng sau, hai vợ chồng đi xuống hành lang. “Việc chúng ta sẽ làm là đi lên phía bắc,” Matthew thì thào giải thích. “Tôi đã xem bản đồ rồi.

Chúng ta sẽ tránh các đường hầm.”

“Chốt chặn thì sao?”

“Họ tìm gì mới được chứ?” Matthew cúi kính, ấn nút thang máy. “Họ không biết về chúng ta, không biết bất kì điều gì về chúng ta cả.”

Tuy nhiên, hóa ra chuyện đó lại không đúng.

Trong lúc Matthew sốt ruột bấm nút gọi thang máy vì chúng không chịu phát sáng thì hai cô hầu phòng Tạ ơn Chúa Họ Là Người Da Trắng thò tay vào giỏ của họ, lấy ra những khẩu súng máy và chĩa súng vào cả nhà họ.

Một cô tóc vàng xinh đẹp quát, “Cảnh sát đây! Nằm xuống! Nằm xuống sàn! Nếu chúng tôi không trông thấy tay các người mọi lúc, chúng tôi sẽ bắn.”

Josh bắt đầu khóc. Harriet và Matthew trao đổi những cái nhìn.

“Nằm lên sàn!”

“Ngay!”

Những cảnh sát khác đi ra từ các cánh cửa. Thêm nhiều súng ống, nhiều tiếng hét.

Chúa ơi, chúng mới inh ỏi làm sao.

Một lát sau, Matthew nằm xuống.

Nhưng Harriet thì dường như còn đang đấu tranh.

Bà ta định làm cái quái gì thế? Matthew tự hỏi. “Nằm xuống, bà kia.”

Cảnh sát quát bảo bà ta làm điều tương tự.

Bà ta nhìn ông bằng cặp mắt lạnh lùng.

Ông gào lên, “Tôi ra lệnh cho bà nằm xuống!”

Bà ta sẽ bị bắn. Bốn mũi súng đang chĩa vào bà ta, bốn ngón tay đang vòng quanh cò súng.

Với một cái nhìn kinh tởm, bà ta hạ mình xuống sàn, thả rơi chiếc túi.

Matthew nhướn một bên lông mày khi thấy một khẩu súng rơi ra. Ông ta không chắc điều làm mình thất vọng nhất là gì - chuyện bà ta mang theo một khẩu súng mà không được sự cho phép của ông ta, hay chuyện bà ta đã mua một khẩu Glock, súng thì ổn nhưng lại là hàng làm tại nước ngoài.

Khi nhắc đến từ “chủ nghĩa khủng bố” thì rất nhiều người Mỹ, có lẽ là phần lớn, nghĩ đến những nhóm Hồi giáo quá khích nhằm vào đất nước này vì những giá trị mờ ám nuông chiều bản thân của nó hay vì sự ủng hộ cho Israel.

Mặc dù vậy Lincoln Rhyme biết rằng những tên Hồi giáo cực đoan chỉ là một bộ phận rất nhỏ trong số những kẻ có hệ tư tưởng không hài lòng với nước Mỹ và sẵn sàng thể hiện quan điểm một cách bạo lực. Và hầu hết những tên khủng bố đều là da trắng, những công dân mang thẻ Cơ đốc.

Lịch sử khủng bố nội địa rất dài. Vụ đánh bom Haymarket ở Chicago năm 1886. Văn phòng của tờ *Los Angeles Times* đã bị thổi tung bởi liên hiệp những kẻ có quan điểm chính trị cực đoan vào năm 1910. San Francisco thì chấn động vì vụ đánh bom vào Ngày Chuẩn bị để phản đối đề xuất tham chiến vào Thế chiến thứ nhất. Và một quả bom trong xe ngựa kéo bên ngoài ngân hàng J. P. Morgan đã giết hàng chục người và làm bị thương hàng trăm người năm 1920. Khi năm tháng qua đi, sự phân rẽ về chính trị và xã hội vốn là động cơ của những hành động tương tự vẫn không bị xóa bỏ. Thực tế, hoạt động khủng bố ngày càng phát triển, nhờ có mạng Internet, những kẻ chống đối có cùng ý tưởng có thể tụ tập và âm mưu với nhau mà vẫn tương đối ẩn danh.

Công nghệ phá hủy cũng được cải thiện, cho phép những kẻ như Unabomber khủng bố các trường học và học viện rồi lẩn tránh cuộc điều tra trong nhiều năm trời một cách khá dễ dàng. Timothy McVeigh chế tạo một quả bom bằng phân bón, thứ đã phá hủy được cả một tòa nhà liên bang ở Thành phố Oklahoma.

Hiện nay, Rhyme biết có khoảng hơn hai chục tổ chức khủng bố vẫn đang hoạt động bị FBI và các nhà chức trách địa phương giám sát, từ Đội quân của Chúa (chống phá thai) , đến Các quốc gia Arya (Chủ nghĩa dân tộc phát

xít mới, da trắng) , tới Hội tu sĩ Phineas (chống đồng tính, chống hôn nhân đa sắc tộc, bài Do Thái và chống đánh thuế, cùng với những thứ khác) , và cả những nhóm nhỏ lẻ, vô tổ chức của những kẻ điên rồ mà cảnh sát gọi là “các ban nhạc rác rưởi”.

Các nhà chức trách còn canh chừng một loại khủng bố tiềm tàng nữa: các nhóm dân quân. Họ biết có ít nhất một nhóm kiểu này ở mỗi bang thuộc liên hiệp cũ, với tổng số thành viên lên tới hơn năm mươi ngàn người.

Các nhóm này ít nhiều đều hoạt động độc lập nhưng lại được kết nối bằng những quan điểm chung: rằng chính quyền liên bang đang can thiệp quá sâu và là một hiểm họa với tự do cá nhân; đòi thuế thấp hơn hay không nộp thuế; coi Cơ đốc giáo là quốc giáo, quan điểm cô lập trong các vấn đề chính sách với ngoại bang; không tin tưởng phố Wall và toàn cầu hoá.

Trong khi không nhiều nhóm dân quân đưa chúng vào tôn chỉ của họ, họ vẫn ôm ấp vài chính sách bất thành văn như phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chống nhập cư, thù ghét phụ nữ và bài Do Thái, chống phá thai và chống “giới tính thứ ba”.

Vấn đề cụ thể với các tổ chức dân quân này là, theo định nghĩa, họ là những nhóm bán quân sự; họ nhiệt thành tin tưởng vào tu chính án thứ hai (*“Một tổ chức Dân quân được kiểm soát tốt là cần thiết với an ninh của một tiểu bang tự do, quyền giữ và mang vũ khí không được phép xâm phạm”*). Điều đó có nghĩa là họ thường được vũ trang đến tận răng. Cần thừa nhận rằng vài tổ chức dân quân không phải các tổ chức khủng bố và tuyên bố vũ khí của họ chỉ là để đi săn hay tự vệ. Những kẻ khác, như tổ chức Hội đồng thứ nhất các gia đình Mĩ của Matthew Stanton, rõ ràng là cảm thấy khác.

Tại sao thành phố New York lại là một mục tiêu đặc biệt hấp dẫn thì Rhyme chưa bao giờ nghĩ ra (kì lạ thay các tổ chức dân quân lại thường bỏ qua Washington, DC). Có thể vì Quả táo Lớn có những cái bẫy hấp dẫn khác: người đồng tính, một lượng lớn dân số phi Ănglô, ngôi nhà của báo chí tự do, trụ sở của quá nhiều công ty đa quốc gia. Nếu Rhyme tính tổng số những

tên tội phạm anh đã phải chống lại trong nhiều năm qua, anh đoán mình sẽ xếp hạng nhất cho những kẻ rối loạn nhân cách phản xã hội (chính là lũ điên cuồng) và hạng hai là bọn khủng bố nội địa, số lượng lớn hơn nhiều những tên chủ mưu hay tội phạm có tổ chức từ ngoại bang.

Giống như cặp vợ chồng mà anh sắp nói chuyện cùng đây: Matthew và Harriet Stanton.

Rhyme đang ở tầng mười trong khách sạn nơi nhà Stanton thuê, cùng với các cảnh sát thuộc đội Khẩn cấp của NYPD.

ESU đã kiểm tra cả tòa nhà và không tìm được đồng phạm nào khác.

Rhyme và Sachs cũng không trông đợi có thêm. Các ghi chép từ khách sạn cho thấy chỉ có vợ chồng Stanton và con trai họ ở đây. Rõ ràng họ còn có một thủ phạm khác - Nghi can 11-5 đã chết - nhưng không có bằng chứng về bất kì kẻ nào khác ở New York.

Sau khi Rhyme và Sachs xác định được nhà Stanton có dính líu đến hành động khủng bố, họ cùng với Bo Haumann đã tập hợp một đội tác chiến để tóm gọn cả ba.

Giám đốc khách sạn đã sắp xếp cho thang máy bỏ qua tầng mười và dời nhân viên đi nơi khác trong khi cảnh sát sơ tán những vị khách thật sự trên tầng đó. Rồi các nữ cảnh sát ESU mặc bộ quần áo của tổ dọn dẹp, ném những khẩu MP-7 của họ vào xe đẩy đựng đồ giặt là và đứng chờ tại thang máy cho đến khi cả nhà họ xuất hiện.

Ngạc nhiên chưa...

Không có lấy một tiếng súng.

Đội phá bom đã rà soát căn phòng - không có bẫy sập nào, thực tế, không còn lại gì nhiều. Những kẻ khủng bố chỉ mang theo ít đồ. Sachs hiện đang khám nghiệm hiện trường tại đó.

Lúc này Lincoln Rhyme đang kéo con chuột xuống iPad của mình để đọc các bản báo cáo vừa được gửi cho anh trong nửa giờ trước từ FBI ở St Louis, văn phòng thực địa gần nhất với quê nhà Nam Illinois của nhà Stanton và AFFC. Nhóm này đã nằm trong vòng theo dõi của cả Cục và cảnh sát tiểu bang Illinois - thành viên của nhóm bị tình nghi trong các vụ tấn công người đồng tính và người thiểu số, và cả những tội ác phân biệt chủng tộc khác nhưng họ chưa thể chứng minh được gì. Phần lớn họ tưởng bọn chúng chỉ là thùng rỗng kêu to.

Ngạc nhiên chưa.

Các nhà chức trách ở Trung tây đã bắt giữ thêm ba người khác trong hội AFFC vì tàng trữ chất nổ và súng máy mà không có giấy phép của liên bang. Và cuộc lục soát ở đó vẫn còn tiếp diễn.

Amelia Sachs tham gia cùng anh khi đã hoàn thành công việc khám nghiệm hiện trường.

“Còn gì sót lại không?” Anh nhìn cái thùng sữa cô đang cầm. Trong đó chất khoảng sáu cái túi giấy và túi nhựa.

“Không nhiều. Rất nhiều nước đóng chai.”

Rhyme cười gằn. “Để xem mấy người bạn của chúng ta có sẵn lòng tâm sự tí tê không.” Một cái hắt cằm về phía phòng để đồ của khách sạn, nơi nhà Stanton đang bị giam giữ chờ FBI đến; phía cục đã chỉ định rất rõ về điểm này.

Họ đi và đẩy xe vào trong phòng, nơi các tù nhân ngồi trong tư thế bị còng cả tay lẫn chân. Bố mẹ và cậu con trai - đứa con duy nhất của họ như Rhyme được biết - cùng nhìn lại với ánh mắt quyết tâm dè dặt. Họ bị ba cảnh sát NYPD canh gác.

Nếu nhà Stanton có tò mò bằng cách nào Rhyme đã phát hiện ra họ là đồng phạm của nghi can, và đây là khách sạn nơi họ ở, thì bọn họ cũng không có

bất kì biểu hiện gì là muốn biết câu trả lời. Và câu trả lời ấy gần như vụn vặt đến đáng hổ thẹn, không liên quan gì đến việc phân tích bất kì bằng chứng nào. Ba lô của nghi can 11-5 thu được bên cạnh thi thể hắt gần đường ống nước chính có chứa một cuốn sổ tên là *cuộc biến cải*, một danh sách chi tiết các bước trong âm mưu đầu độc hệ thống nước uống của New York. Họ đã biết nhà Stanton ở đây vì Harriet đã nói điều này với Sachs.

Vậy là cặp vợ chồng biết nghi phạm. Cuộc “tấn công” ở bệnh viện hóa ra chẳng phải là tấn công. Nghi phạm có lẽ chỉ tới đó để thăm bệnh đồng nghiệp bị ốm của mình, Matthew Stanton, nằm trong phòng điều trị tim mạch của bệnh viện đó.

Khi nghĩ lại, rõ ràng có những manh mối mà họ khám phá được có thể dẫn tới kết luận nhà Stanton có liên quan. Chẳng hạn, chữ viết trên chiếc túi chứa mô cấy ở Belvedere có ghi Số 3, gợi ý rằng cuộc tấn công vào Braden Alexander là lần thứ ba. Nhưng nếu cuộc tấn công vào Harriet Stanton là thật thì cái túi phải ghi Số 4 mới đúng.

Tương tự như vậy, họ tìm được dấu vết mỹ phẩm của Harriet ở chỗ thủ phạm từng đến. Đúng là hắt đã tóm lấy bà ta trong bệnh viện và có thể đã nhận một vài dư chất chuyển sang, nhưng số lượng của chúng phải tối thiểu mới đúng. Nhiều khả năng hơn là hắt đã bị dính phải những chất ấy trong lúc ở cùng bà ta. Hơn nữa, Rhyme nhớ lại những dấu bao giày tiến và lùi ở hiện trường; gợi ý rằng một tông phạm đã mang đèn và ắc-quy vào sau khi các vụ xãm mình chết chóc kia xảy ra. Một cuộc kiểm tra với khách sạn đã hé lộ vợ chồng Stanton đi cùng con trai họ, Josh, một thanh niên trẻ, cường tráng, có thể dễ dàng đẩy các dụng cụ nặng nề vào sau khi anh họ cậu ta đã làm xong phần giết người.

Nhưng đôi khi số phận vẫn chen vào.

Một mẫu giấy ẩm có ghi địa chỉ - đã được tìm thấy trong đồ đạc của thủ phạm.

“Ông bà biết quyền của mình chứ?” Sachs hỏi.

Cảnh sát đứng sau Harriet Stanton gật đầu.

Khuôn mặt dài của Matthew tái nhợt với nước da bì bì, ông ta bảo, “Chúng tôi không thừa nhận bất cứ quyền gì cả. Chính phủ không có thẩm quyền ban cho chúng tôi cái gì hết.”

“Vậy,” Rhyme đốp lại, “ông sẽ không có vấn đề gì khi nói chuyện với chúng tôi.” Anh nghĩ lí lẽ của mình không thể bẻ lại được. “Điều duy nhất chúng tôi cần ở thời điểm này là chứng minh thư của đồng nghiệp của ông.

Kẻ đi cùng thuốc độc.”

Mắt Harriet sáng lên. “VẬY là nó đã trốn thoát.”

Rhyme và Sachs chia sẻ một cái nhìn. “Trốn thoát ư?” Rhyme hỏi.

“Không, anh ta không thoát,” Sachs nói với nhà Stanton. “Nhưng trên người anh ta không có giấy tờ gì và dấu vân tay cũng không cho kết quả.

Chúng tôi hi vọng bà sẽ hợp tác và...”

Nụ cười của bà ta biến mất. “Nhưng như vậy các người đã bắt nó?”

“Tôi tưởng bà đã biết. Anh ta chết rồi. Bị dòng nước giết chết sau khi khoan cái lỗ đó. Bởi vì nguồn cấp nước chưa bao giờ bị ngừng.”

Sự im lặng tuyệt đối ngự trị. Nó chỉ bị phá vỡ vài giây sau đó khi Harriet Stanton bắt đầu gào thét không kiểm soát nổi.

“Mọi chuyện qua rồi,” Pam Willoughby nói và thực sự lao vào vòng tay Seth McGuinn.

Cậu ta đang đứng ở trước cửa tòa nhà của cô tại Brooklyn Heights. Cậu ta lảo đảo lùi lại và cười. Họ hôn nhau thật lâu. Bầu trời cuối cùng cũng trong trở lại và ánh mặt trời hoe đỏ của buổi chiều đổ xuống mặt tiền tòa nhà. Mặc dù vậy nhiệt độ còn thấp hơn cả mấy ngày vừa qua khi cơn mưa tuyết trút xuống từ bầu trời màu xám.

Họ bước vào trong tiền sảnh rồi đi bộ vào căn hộ của cô ở tầng một, bên tay phải. Ngay cả một cái đưa mắt tới cầu thang xuống tầng hầm, nơi Seth đã suýt bị giết bên dưới đó cũng không làm giảm bớt niềm vui trong cô.

Cô đang lơ lửng trên mây. Vai cô không còn căng cơ và bụng dạ không còn thắt lại như lò xo nữa. Tai vạ đã qua rồi. Cuối cùng cô có thể về nhà mà không lo sợ rằng tên đàn ông khủng khiếp đã tấn công Seth sẽ quay lại nữa.

Theo tin nhắn từ Lincoln Rhyme, nghi phạm đã chết và đồng đảng của hắn đã bị bắt.

Pam lập tức để ý thấy Amelia không phải là người báo tin.

Cô thấy không sao hết. Cô vẫn còn tức giận và không chắc mình đã từng hoàn toàn tha thứ cho Amelia vì đã cố chia rẽ mối quan hệ của cô với người cô thương hay không.

Trong phòng khách, Seth cởi áo khoác ra và họ cùng thả người xuống xô pha. Cậu ta cho cô tựa đầu vào vai và ôm cô lại gần.

“Anh có muốn uống gì không?” cô hỏi. “Cà phê nhé? Em có ít sâm-panh đó, hay là rượu có ga, em cũng không biết nữa. Em có chai đó cả năm rồi. Có thể nó vẫn còn ngon.”

“Được, cà phê, trà đều được. Bất kì thứ gì ấm ấm.” Nhưng trước khi cô đứng dậy Seth đã kéo tay và chăm chú nhìn cô, nhìn khắp lượt với khuôn mặt vừa nhẹ nhõm vừa lo lắng. “Em ổn chứ?”

“Em ổn. Còn *anh*? Anh mới là người suýt thì lãnh một hình xăm từ gã điên ấy.”

Seth nhún vai.

Cô có thể thấy cậu ta đang buồn bực. Cô không tưởng tượng được bị ăn xuống như thế, khi biết mình sắp bị giết thì như thế nào. Lại còn bị giết một cách đau đớn nữa. Bản tin đã nói rằng tên giết người đã chọn những chất độc ấy là bởi triệu chứng đau đớn của chúng. Ít nhất dường như cậu không trách cô vì cuộc tấn công nữa. Cô đã bị tổn thương sâu sắc khi thấy cậu thu mình lại sau đó. Bước ra khỏi đời cô, không nhìn lại... việc ấy gần như khiến cô không thể chịu đựng được.

Nhưng cậu đã tha thứ cho cô. Mọi chuyện đều đã là quá khứ.

Pam vào bếp và lấy nước để đun, chuẩn bị máy pha cà phê nhỏ giọt.

Cậu gọi với vào trong, “Mà chính xác thì chuyện gì đã xảy ra? Em có nói chuyện với Lincoln không?”

“Ồ.” Cô bước vào ngưỡng cửa. Khuôn mặt cô nghiêm nghị và cô gạt mớ tóc bị tĩnh điện làm dính vào mặt, tết lại và thả nó rơi trên lưng.

“Chuyện rất khủng khiếp. Gã đó? Kẻ đã tấn công anh ấy? Hẳn chẳng bị điên chút nào cả. Hẳn tới đây để đầu độc nguồn nước của New York.”

“Cứ thật! *Hóa ra* là thế? Anh có nghe đồn gì đó về chuyện nước ôi.”

“Một trong những nhóm dân quân như kiểu mẹ em từng tham gia ấy.”

Cô nở nụ cười nhăn nhó. “Lincoln đã nghĩ tên sát nhân bị ám ảnh với Kẻ tầm xương. Nhưng hóa ra chẳng phải thế; hẳn quan tâm đến vụ tấn công mà mẹ em đã lên kế hoạch ở đây từ nhiều năm trước. Hẳn đã cố tìm hiểu xem

bằng cách nào mà Lincoln và Amelia tiến hành cuộc điều tra. Ô, anh ấy không vui lắm khi bỏ sót điều đó đâu. Ý em là Lincoln ấy. Anh ấy sẽ khá điên tiết khi mắc lỗi.”

Chiếc ấm kêu réo và Pam lại chui vào bếp để rót nước sôi vào ngăn lọc.

Tiếng soạt ấy nghe thật an tâm. Cô pha cà phê cho Seth đúng kiểu cậu thích - hai viên đường và một chút sữa gạn phân nửa kem. Còn của cô là cà phê đen.

Pam mang hai cái cốc ra và ngồi xuống cạnh cậu. Đầu gối họ chạm nhau.

Seth hỏi, “Chính xác thì chúng là ai?”

Cô cố nhớ lại. “Họ là, tên gọi là gì nhỉ? Hội đồng Gia đình Mĩ. Đại loại như vậy. Nghe không giống dân quân lắm.” Pam cười phá lên. “Có lẽ họ đã nhờ một đội quan hệ công chúng xử lí hình ảnh cho.”

Seth mỉm cười. “Em đã từng nghe nói đến họ khi cùng mẹ trốn ở Larchwood chưa?”

“Em không nghĩ vậy. Lincoln bảo những kẻ gây ra vụ này tới từ Nam Illinois. Không cách xa lắm chỗ em và mẹ từng ở. Và em nhớ mẹ em cùng cha dượng thỉnh thoảng có gặp mặt những người từ các tổ chức khác nhưng chưa bao giờ chú ý tới cả. Em ghét tất cả bọn họ. Ghét ghê lắm.” Giọng cô lạt đi.

“Nhưng gã xăm mình này, tên sát nhân ấy, hẳn đã chết còn những kẻ kia bị bắt rồi.”

“Đúng vậy. Một nhà cả vợ, chồng và đứa con trai. Họ vẫn không biết kẻ trong hầm là ai, người đã chết ấy. Thợ xăm.”

“Em vẫn không nói chuyện với Amelia à?”

“Không,” cô bảo. “Em không nói.”

“Lúc này thôi.”

“Một thời gian dài nữa,” Pam cứng rắn nói.

“Chị ấy không thích anh.”

“Không! Không phải thế đâu. Chị ấy chỉ có tính bao bọc thái quá. Chị nghĩ em là một con búp bê mong manh. Em không biết nữa. Chúa ơi.”

Seth đặt cốc cà phê xuống. “Em có đồng ý nếu chúng ta nói một chuyện nghiêm túc không?”

“Có, em đoán vậy.”

Được rồi, là gì nhỉ?

Cậu ta cười phá lên. “Thư giãn đi. Anh đã quyết định là chúng ta cần lên đường sớm hơn. Ngay lập tức.”

“Thật ư? Nhưng em còn chưa có hộ chiếu.”

“Anh đang nghĩ chúng ta có thể loanh quanh ở Mỹ một thời gian.”

“Ồ. Em lại tưởng chúng mình sẽ đi thăm Ấn Độ. Rồi Paris và Prague và Hong Kong.”

“Sẽ đi. Chỉ không phải bây giờ.”

Cô cân nhắc chuyện đó nhưng rồi lại nhìn vào cặp mắt nâu chăm chú của cậu, chúng đang nhìn xoáy vào mắt cô. Rồi cô nói, “Được rồi. Anh yêu.

Dù anh ở đâu, đó cũng là nơi em muốn ở.”

“Anh yêu em,” Seth thì thầm. Cậu hôn cô thật sâu và cô cũng hôn lại cậu, ôm chặt.

Pam ngồi thẳng lại, uống cà phê. “Đói chưa? Em muốn ăn chút gì đó.

Pizza nhé?”

“Chắc chắn rồi.”

Cô đứng dậy và lại vào bếp, mở cánh cửa tủ lạnh và lôi ra một chiếc pizza, đặt nó lên mặt bàn.

Cô chùng chân dựa vào bàn, cảm thấy bụng dạ nhộn nhạo, tim đập thình thịch.

Và nghĩ: Làm thế quái nào mà Seth lại biết về Larchwood? Cô tuyệt vọng nghĩ lại khoảng thời gian họ bên nhau. Không, mình chưa bao giờ nhắc tới nó. Mình chắc chắn.

Em cần kể cho Seth biết mọi điều về khoảng thời gian em đi trốn.

Không, em không kể.

Nghĩ đi, nghĩ...

“Cần giúp một tay không?” giọng cậu gọi vào.

“Không.” Cô tạo ra tiếng động, xé mở hộp pizza, hất cánh cửa lò nướng đập xuống.

Việc này không thể xảy ra được. Không đời nào Seth có thể dính líu tới mấy kẻ đó.

Không thể.

Nhưng bản năng của Pam, thứ đã được mài dũa nhiều năm trời trong lúc sinh tồn đã chiến thắng. Cô nhích tới chỗ điện thoại bàn và cầm nó lên. Đưa nó lên tai.

Bấm chín. Rồi một.

“Gọi điện đó à?”

Seth đang đứng ở cửa nhà bếp.

Vẫn giữ nụ cười trên mặt, cô quay lại, buộc mình cử động thật chậm.

“Anh biết đấy, chúng mình đang nói về Amelia. Em chỉ nghĩ. Có lẽ em nên xin lỗi. Em nghĩ đó là ý hay đấy, anh không thấy sao? Ý em là, anh có làm vậy không nếu là em?”

“Thật sao?” Cậu ta hỏi. Không cười. “Em đang gọi Amelia à?”

“Vâng, đúng thế.”

“Đặt điện thoại xuống, Pam.”

“Em...” Giọng cô lạc đi khi cặp mắt tối màu sắc lạnh của hắn nhìn vào mắt cô. Cùng là sắc nâu ấy. Ngón trỏ của cô lơ lửng bên trên phím một của điện thoại. Trước khi cô kịp bấm Seth đã bước tới và giật điện thoại khỏi tay cô rồi cúp máy.

“Anh đang làm gì thế?” cô thì thào.

Nhưng Seth không nói gì. Hắn chỉ nắm chặt cánh tay cô và kéo cô quay lại xô pha.

Seth đi đến cửa trước, móc xích khóa và quay lại.

Nụ cười của hắn rầu rĩ. “Tôi không thể tin tôi lại nhắc tới Larchwood.

Tôi biết em và mẹ đã ở cùng Mặt trận Yêu nước ở đó. Nhưng em chưa từng nhắc tới. Ngu thật, tôi mà lại mắc một lỗi như thế.”

Cô thì thào, “Đó là một trong những chủ đề tranh cãi của tôi và Amelia.

Chị ấy đã hỏi liệu tôi có kể cho anh nghe về phần đời của tôi ở đó không.

Tôi đã bảo rằng nó không quan trọng. Nhưng thực vậy sao? Tôi đã sợ phải kể cho anh. Vậy mà giờ... Anh là một trong số bọn họ, đúng không? Anh làm việc cùng với những kẻ đã cố đầu độc nguồn nước.”

Hắn cầm điều khiển lên để bật tivi, chắc là để xem tin tức. Pam nắm lấy cơ hội này nhảy ra khỏi ghế và đẩy mạnh hắn ra sau. Trong lúc hắn lảo đảo cô đã lao ra cửa. Nhưng cô chưa kịp chạy quá hai bước thì hắn đã ngáng được chân cô. Cô ngã đập mặt, đập mạnh vào sàn gỗ. Pam nếm thấy máu từ viền môi bị rách. Hắn tóm cổ áo cô và thô bạo lôi cô quay lại ghế xô pha, gằn như là ném cô lên đó.

“Đừng bao giờ làm vậy nữa!” Hắn giậm mặt tới, chấm ngón tay lên máu của cô và vẽ gì đó lên mặt cô.

Hắn nói với cô bằng giọng thì thào, “Những chỉ dấu trên cơ thể là cửa sổ đó, em biết không. Cho thấy em là ai và em cảm nhận được gì. Trong vài bộ lạc châu Mỹ bản địa họ dùng sơn - chỉ là một hình xăm tạm thời - như một cách để cho mọi người biết em đang cảm thấy thế nào. Các chiến binh không thể biểu lộ xúc cảm qua lời nói hay biểu cảm - không phải một phần trong văn hóa của họ - nhưng họ có thể dùng các hình vẽ để cho thấy mình đang yêu hay buồn bã hay giận dữ. Ý tôi là, kể cả nếu em có mất một đứa con, em

cũng không thể khóc được. Em không thể phản ứng. Nhưng em có thể vẽ mặt. Và tất cả mọi người đều biết em buồn đến thế nào.”

“Còn trên mặt em bây giờ ư? Tôi vừa vẽ những hình biểu trưng của *Hạnh phúc* theo bộ lạc Lakota.”

Rồi hấn thò tay vào trong ba lô và lấy ra một cuộn băng dính và một cây súng xăm chạy pin.

Trong lúc hấn làm vậy, tay áo hấn bị giật lên và Pam đang nhìn vào một hình xăm. Nó có màu đỏ. Cô không thể trông thấy hết nhưng những phần lộ ra là cái đầu và phần thân trên của một con rết, với cặp mắt quá ư là giống người nhìn đắm đắm vào cô y như Seth đang nhìn: Cái nhìn đói khát và khinh bỉ.

“*Anh* mới là kẻ đã xăm cho họ,” Pam nói, giọng cô chỉ còn là tiếng thì thào mờ nhạt. “Giết họ.”

Seth không phản ứng.

“Làm sao anh quen được cặp vợ chồng đó? Những kẻ khủng bố ấy?”

“Tôi là cháu trai họ.”

Seth - nhưng không, không phải là Seth; hấn có một cái tên khác - đang lấp chiếc máy xăm. Cô nhìn chăm chăm vào cánh tay hấn, vào hình xăm.

Cặp mắt của con bọ đang nhìn lại.

“Ồ, cái này à?” Hấn kéo hết tay áo lên. “Nó không phải là hình xăm đâu. Chỉ là hình vẽ thôi - bằng mực tẩy được. Loại mà vài thợ xăm dùng để vẽ viền ấy.” Hấn liếm ngón tay và tẩy nhẹ nó. “Khi tôi làm Người đàn ông dưới hầm - đang trong cuộc săn - tôi sẽ vẽ nó lên cánh tay. Mất chừng mười phút. Khi tôi là bạn em, Seth, tôi rửa sạch nó đi. Nó chỉ cần đủ thật cho tụi nhân chứng trông thấy và để đám bạn bè cảnh sát của em - và em - hạnh phúc vì người đàn ông mới trong đời em, tôi ấy, không phải là tên sát nhân.”

Pam đang khóc.

“Môi đau à? Tại em đã cố bỏ chạy.” Hãn nhún vai. “Một cái môi rách thì chẳng là gì so với...”

“Anh là đồ điên!”

Cặp mắt hãn trừng lên và hãn tổng thẳng nắm đấm vào bụng cô. Căn phòng toé lên màu vàng và cô rên rỉ vì đau. Cố kiểm soát cơn buồn nôn choáng ngợp.

“Đừng có nói với tôi bằng giọng đó. Em có hiểu không?” Hãn tóm tóc cô và đưa miệng tới cách tai cô chừng vài phân. Hãn hét to đến mức làm tai cô nhức nhối. “Hiểu không?”

“Được rồi, được rồi! Xin anh hãy dừng lại đi,” cô khóc. Rồi, “Anh là, là ai?” cô thì thầm nhưng chỉ dám nói ngập ngừng vì sợ một cú đấm nữa.

Dường như hãn có thể giết người; cặp mắt của hãn như đã bị ám.

Hãn đẩy cô ra. Pam ngã xuống sàn. Hãn lại lôi cô lên ghế, trói tay cô ra đằng sau người bằng băng dính và lăn cô nằm ngửa.

“Tên tôi là Billy Haven.” Hãn tiếp tục đặt vài cái lọ ra và lắp nốt khẩu súng xăm. Hãn liếc cô và để ý thấy cái nhìn khó hiểu.

“Nhưng tôi không hiểu, tôi đã nói chuyện với mẹ anh trên điện thoại và bà ấy... Ồ, phải, phải. Đó là bà dì.”

Hãn gật đầu.

“Nhưng tôi đã quen anh được một năm rồi. Hơn nữa ấy.”

“Ồ, chúng tôi đã lên kế hoạch vụ tấn công này ít nhất chừng đó. Và tôi đang định kéo em quay lại đời tôi mãi mãi. Cô gái Đáng yêu của tôi.”

“Cô gái Đáng yêu?”

“Bị đánh cắp khỏi tôi. Không phải về mặt thể xác. Mà về tinh thần ấy.

Em đã bị Amelia và Lincoln đánh cắp. Những kẻ sai trái của thế giới này.

Em không nhớ tôi. Tất nhiên là em không nhớ. Chúng ta đã gặp nhau từ lâu rồi. Nhiều năm trước. Hồi ta còn nhỏ. Em đang sống ở Larchwood, trong một tổ chức dân quân do ông bà Stone lãnh đạo.”

Pam nhớ lại Edward và Katherine Stone. Những kẻ cực đoan thông minh, cả hai đã bỏ trốn khỏi Chicago sau khi chủ mưu một cuộc lật đổ chính quyền liên bang bằng bạo lực. Mẹ của Pam, Charlotte Willoughby, đã trở thành kẻ dưới trướng của bọn họ sau khi chồng bà, cha của Pam, chết trong một chiến dịch bảo vệ hòa bình của Liên Hợp Quốc.

“Em mới khoảng sáu tuổi gì đó. Tôi thì lớn hơn vài tuổi. Dì và chú tôi tới Missouri để gặp vợ chồng Stone bàn về chiến dịch chống phá thai. Vài năm sau đó chú tôi muốn củng cố mối liên hệ giữa dân quân ở Larchwood và Hiệp hội thứ nhất các gia đình Mỹ, nên Stone và chú tôi đã sắp xếp cuộc hôn nhân giữa hai ta.”

“Cái gì?”

“Em là Cô gái Đáng yêu của tôi. Em sẽ lớn lên và trở thành người đàn bà của tôi và mẹ của con cái chúng ta.”

“Cứ như tôi là một con bò sữa vậy, một kiểu súc...”

Cú đánh tung ra như con rắn, hấn dấm thẳng vào má cô, xương va vào xương. Cô hít vào thật mạnh vì đau.

“Tôi sẽ không cảnh cáo em nữa đâu. Tôi là người đàn ông của em và tôi lãnh đạo. Hiểu chưa?”

Cô co rúm lại và gật đầu.

Hắn giận dữ, “Em không biết tôi đã phải sống như thế nào đâu. Họ đã cướp em khỏi tôi. Họ tẩy não em. Chuyện ấy giống như thế giới của tôi đã sụp đổ vậy.”

Đó chắc là khi Pam, mẹ cô và cha dượng tới New York vài năm trước.

Cha mẹ cô có một âm mưu khủng bố khác nhưng Lincoln và Amelia đã ngăn chặn được. Cha dượng cô bị giết còn mẹ thì bị bắt. Pam đã được giải cứu và đưa vào hệ thống nhận con nuôi của thành phố.

Cô nghĩ lại cái ngày cô và Seth gặp nhau. Đúng, cô đã nghĩ dường như hẳn quá thân thuộc, quá tử tế, quá âu yếm. Nhưng cô vẫn đồ hẳn râm râm (Đúng vậy, giờ đây Pam thừa nhận - có lẽ Amelia đã nói đúng, vì những năm tháng đầu đời, cô khao khát tình yêu, tình thân đến tuyệt vọng. Do đó cô đã lờ tịt đi những điều đáng ra phải chú ý).

Lúc này Pam nhìn chăm chăm vào khẩu súng xăm, những lọ thuốc độc.

Nhớ lại rằng các nạn nhân của hẳn đã chết trong đau đớn.

Chất độc yêu thích mà hẳn đã chọn cho cô là gì?

Tất nhiên đó là việc sắp xảy ra. Hẳn sẽ giết cô bởi cô có thể sẽ là một nhân chứng trong phiên tòa chống lại nhà Stanton, như Lincoln đã bảo. Và hẳn sẽ giết cô bởi kế hoạch đã thất bại và chú, dì của hẳn sẽ ngồi tù suốt phần đời còn lại.

Hẳn muốn báo thù.

Hẳn nhìn một lần nữa hình đã vẽ lên má cô bằng chính máu của cô.

Hạnh phúc...

Cô nghĩ đến khoảng thời gian họ ngồi trên chính chiếc ghế này vào một ngày Chủ nhật mưa gió nọ, bộ phim *Seinfeld* bản mới đang chiếu trên ti vi, Seth đã hôn cô lần đầu tiên.

Và Pam đã nghĩ: Mình đang yêu.

Một lời nói dối. Tất cả chỉ là dối trá. Cô nhớ những tháng mà hẳn bảo đã ở London, trong một chương trình tập huấn cho công ty quảng cáo dự kiến mở

văn phòng tại đây. Dối trá. Hãn đã quay về với ông chú bà dì để lên kế hoạch cho vụ tấn công. Và, sau khi hãn trở về từ Anh Quốc như đã nói, cô đã không nghĩ ngợi gì về những hành vi kì quặc của hãn. Những nhiệm vụ làm hãn phải ra ngoài nhiều tiếng liền, những cuộc điện thoại hãn không bao giờ nghe trước mặt cô, phải ra ngoài họp hành bất ngờ, không bao giờ mang cô tới gặp đồng nghiệp nào, không bao giờ mời cô tới văn phòng. Cách họ chỉ giao tiếp qua những tin nhắn ngắn gọn, không bao giờ gọi điện cho nhau ra sao. Nhưng cô đã không nghi ngờ. Cô đã yêu hãn, và Seth sẽ không bao giờ làm điều gì tổn hại đến cô.

Cô ép mình phải ngừng khóc. Việc ấy dễ hơn cô đã nghĩ. Cơn giận đã đóng băng nước mắt.

Seth... *Billy* bắt đầu đổ chất lỏng từ một cái chai vào trong ống. Cô không thể tưởng tượng cảm giác chết như thế này sẽ ra sao. Đau đốn, buồn nôn, dạ dày như lửa đốt, cơn đau dâng lên đến tận họng, rồi cứ thế nôn, nôn mãi, không tìm được điểm dừng. Da cô sẽ chảy ra, máu tuôn từ trong miệng, mũi, mắt...

Hãn đang lăm bằm, “Thấy thương cho em họ tôi. Josh, tội nghiệp Josh.

Rất tiếc cho cậu ta. Còn những người khác? Không có gì thương tiếc cả.

Chú tôi đang nào cũng sắp chết thôi. Việc ấy nằm trong kế hoạch rồi. Tôi cũng sẽ giết dì ngay khi chúng tôi quay lại Illinois. Đổ lỗi cả hai cái chết cho một tên vô gia cư nào đó, có thể là kẻ lang thang bất hợp pháp. Nhưng ngay lúc trông thấy áp lực trong ống nước chưa bị tắt, tôi đã biết Lincoln Rhyme đã khám phá ra kế hoạch và tôi phải từ bỏ họ thôi. Tôi thả một tờ giấy có địa chỉ của khách sạn tại hiện trường. Đó là cách Lincoln tìm ra họ.”

Hãn làm việc thuần thục, đong đầy ống mực với sự cẩn trọng của một bác sĩ phẫu thuật, mà theo cách nào đó thì hãn đúng là như vậy, cô nghĩ.

Khẩu súng xăm chạy pin sạch như li như lau. Sau khi hãn lắp xong, hãn ngồi thẳng lại và kéo áo sơ mi của cô lên đến dưới ngực. Hãn nhìn khắp cơ thể

cô, có vẻ như bị ám ảnh với da cô. Cô rúm người lại khi hấn chọc vào dưới rốn cô. Cứ như mỗi tiếp xúc ấy không phải qua những đầu ngón tay hấn mà là cặp chân đỏ sẫm của con rết.

Nhưng dường như cú chạm không mang một hàm ý nhục dục nào. Hấn chỉ mãi mê với da thịt cô mà thôi.

Cô hỏi, “Đó là ai? Người đã bị anh giết trong hầm nước ấy?”

“Này, để nguyên đó!” Billy nói.

Pam nhăn mặt. Hấn sắp đánh cô chăng?

“Tôi đâu có giết anh ta. Bạn em đó chứ. Lincoln Rhyme ấy. Anh ta mới là người tuyên bố áp ngừng cấp nước. Nhưng tôi nghi ngờ. Nên tôi đã tìm cách để đảm bảo được chuyện đó. Tôi gặp một gã vô gia cư dưới hầm vài ngày trước. Nathan. Một trong số những người chuột chũi ấy. Em đã từng nghe nói về họ chưa? Tôi nghĩ dùng gã sẽ có ích. Tôi đã cho gã một bộ bảo hộ và làm nhanh một hình xăm con rết giống cái của tôi trên cánh tay trái của gã. Tôi biết chỗ gã vẫn lảng vảng - gần Belvedere - nên trước khi khoan vào ống tôi đã đi tìm gã.”

“Tôi đề nghị cho gã một ngàn dollar để gã giúp tôi khoan cái lỗ để tôi kiểm tra nước. Gã đồng ý. Nhưng” - Billy lắc đầu - “tôi đã đúng. Thành phố đã nói dối về chuyện ngừng cấp nước. Ngay khi gã khoan thủng ống, dòng nước đã cắt gã làm đôi.” Hấn rùng mình. “Không còn phần nào của cái đầu và ngực. Nhìn cũng ghê phết.”

Ít nhất hấn còn có một tí lòng thương cảm.

“Khi nghĩ rằng đó rất có thể là tôi.”

Hay là không.

“Việc đó cho tôi biết đã đến lúc chuồn. Cảnh sát sẽ nhanh chóng phát hiện ra đó không phải là tôi nhưng tôi đã kéo dài được chút thời gian. Được rồi, đã

đến lúc đổ máu...” Rồi hắn nói gì đó nữa. Cô không nghe rõ. Có vẻ như là “trúc đào”.

Hắn đứng lên, nhìn cô khắp lượt. Rồi hắn cúi xuống và cầm nút quần bò của cô. Hắn mở nó ra và khóa bị kéo xuống.

Không, không, hắn sẽ không có được cô. Cô sẽ cào rách làn da quý báu của hắn bằng răng mình trước khi hắn lại gần. Không bao giờ.

Với một cú lột nhanh, chiếc quần bò tuột ra.

Cô căng mình lên, chuẩn bị tấn công.

Nhưng hắn không chạm vào cô ở đó. Hắn xoa lớp da mịn màng trên đùi cô. Có vẻ như hắn chỉ quan tâm tới việc tìm một phần thích hợp trên người cô để xăm cái thông điệp chết người của hắn.

“Đẹp lắm, đẹp...”

Pam nhớ Amelia đã nói về những mật mã mà tên sát nhân đã xăm lên nạn nhân của hắn. Cô tự hỏi thông điệp hắn sắp để lại trên người cô là gì.

Hắn cầm khẩu súng lên và khởi động.

Hắn chạm vào da cô. Cảm giác hơi nhột.

Rồi cơn đau đến.

Ý tưởng tấn công của Hiệp hội thứ nhất các gia đình Mĩ giờ đã rõ ràng.

Trong những tài liệu nằm trong túi áo nghi phạm đã chết, cùng với tên khách sạn của nhà Stanton, Sachs còn tìm thấy một bức thư nhàu nát.

Nó nhắc Rhyme nhớ tới bản tuyên ngôn của Unabomber - một bài đả kích chống lại xã hội hiện đại. Mặc dù vậy, điểm khác biệt là bài diễn văn của nghi phạm không đưa ra những quan điểm phân biệt chủng tộc và cực đoan của chính AFFC, mà thực tế lại là của những người đối lập. Tài liệu này dự định sẽ được cảnh sát tìm ra sau khi vụ đầu độc đã lan ra toàn thành phố, ngụ ý nó được *kẻ thù* viết ra - một liên minh giấu tên nào đó của các nhà hoạt động vì người da màu và gốc La tinh, liên kết với các nhóm cực đoan Hồi giáo, tất cả cùng nhận trách nhiệm cho vụ đầu độc thành phố New York để đòi lại công bằng từ những kẻ đàn áp da trắng. Bản tuyên ngôn kêu gọi một cuộc bạo động chống lại họ, đe dọa rằng vụ đầu độc chỉ là khởi đầu.

Gắn mác cho cuộc tấn công theo cách này khá là thông minh, Rhyme nhận định. Nó sẽ đánh lạc hướng các nghi ngờ khỏi AFFC và kích động thù hận đối với kẻ thù của hội đồng. Nó cũng sẽ gây ra những tổn thất không thể đo đếm được cho thành Sodom thuộc thành phố New York, thành trì của toàn cầu hoá, đa sắc tộc và chủ nghĩa tự do.

Rhyme nghi ngờ rằng mục đích còn xa hơn thế nữa. “Tranh giành quyền lực trong nội bộ tổ chức? Nếu có lời đồn về chuyện AFFC đã gây ra vụ này, vị thế của chúng sẽ tăng lên cực điểm.”

Một cuộc gọi đến từ tòa nhà liên bang ở Manhattan.

“Nhà Stanton *không* chịu mở miệng, Lincoln ạ,” Fred Dellray, đặc vụ FBI đại diện cục điều tra liên bang trong lần chống lại âm mưu tấn công này. Cả hai vợ chồng lẫn đứa con trai giờ đang nằm trong nhà giam của cục nhưng rõ ràng là họ không hợp tác chút nào - khi dịch nghĩa câu nói của Dellray.

“Thế thì dọa nạt họ hay làm gì đó xem, Fred. Tôi muốn biết nghi phạm của chúng ta là kẻ quỷ quái nào. Dấu vân tay cho kết quả âm tính và hãn ta không nằm trong CODIS.”

“Tôi đã thấy những bức ảnh cậu bé trong hầm rồi, sau cuộc chạm trán với ‘Hai O’ ấy. Trời ơi, trông cứ như trong phim *Breaking Bad* ấy nhỉ? Họ nghĩ nước bắn ra với tốc độ bao nhiêu?”

Anh ta đang ở trên loa ngoài, và từ một bàn vật chứng gần đó Sachs gọi vào, “Họ không biết, Fred ạ, nhưng sau khi cắt hãn làm đôi nó còn cắt qua cả tường bê tông và một cái ống hơi trên mé bên kia nữa. Tôi đã phải té khỏi đó ngay trước khi bị hấp chín.”

“Cô có tìm được món gì có ích trong hầm không?”

“Có vài thứ, không nhiều lắm. Nó cũng gần như bị nướng chín rồi. À, giống hấp hơn là nướng, với từng đó nước và hơi nước.”

Cô giải thích về lá thư, dự định khơi mào một cuộc bạo động vì sắc tộc.

Đặc vụ thở dài. “Ngay khi cô tưởng là thế giới đang thay đổi...”

“Chúng tôi sẽ lên danh sách vật chứng, Fred, và giữ liên lạc.”

“Cảm ơn nhiều.”

Họ cúp máy và Sachs quay lại để giúp Mel Cooper phân tích dấu vết, phân tách và kiểm tra các dấu vân tay từ phòng khách sạn của nhà Stanton.

Mặc dù vậy trong các dấu vân tay thì chỉ có một là có trong hồ sơ, cái họ đã biết danh tính rồi: Joshua Stanton đã từng có tiền án ở Hạt Clayton vì tấn công một người đồng tính. Tội phân biệt.

Rhyme nhìn lên những bức ảnh chụp hiện trường, anh miễn nhiễm với các hình ảnh máu me. Anh nhìn hình xăm sắc nét lần nữa, con rết đỏ trên cánh tay trái. Cặp mắt người đáng sợ. Như Sachs đã bảo anh, nó được làm rất

đẹp. Phải chăng hẳn đã tự xăm cho mình? Rhyme thắc mắc. Hay nó được một người bạn vẽ cho? Có thể là nghi phạm. Điềm tự hào mà.

Sachs nhận một cuộc gọi.

“Không, không,” cô thì thầm, thu hút sự chú ý của tất cả mọi người trong phòng. Mặt cô hé lộ vẻ buồn khổ.

Lại gì nữa đây? Rhyme tự hỏi trong lúc cau mày.

Cô cúp máy. Nhìn tất cả bọn họ.

“Lon chuyển biến xấu. Anh ấy đã bị trụy tim. Họ đang cố cứu vãn nhưng có vẻ không ổn. Em nên ở đó với Rachel.”

“Em đi đi, Sachs. Chúng tôi sẽ làm tiếp việc này.” Rhyme ngập ngừng.

Rồi anh hỏi. “Em có muốn gọi cho Pam để xem con bé có muốn đi cùng hay không? Lúc nào nó cũng quý Lon.”

Vừa lấy áo choàng khỏi mắc áo Sachs vừa cân nhắc. Cuối cùng cô nói, “Không. Thật sự, em không nghĩ mình chịu được thêm một lần khước từ nào nữa.”

Rõ ràng là Billy sẽ không giết cô.

Hay là chưa.

Thứ hấn cho vào trong khẩu súng xăm là mực chứ không phải chất độc.

“Đừng vặn vẹo nữa,” hấn hướng dẫn. Hấn đang quỳ gối trước mặt ghế mà cô nằm.

Pam nói, “Tay tôi đau như sau lưng. Làm ơn. Tháo băng dính ra. Xin anh.”

“Không.”

“Cứ việc trói trước mặt ấy.”

“Không. Nằm im.” Hấn lừ mắt và cô thôi ngộ nguậy.

“Anh đang làm cái ch...”

Thêm một cái tát nảy lửa nữa. “Chúng ta cần duy trì hình ảnh. Em có hiểu tôi không? Em không bao giờ được dùng từ tục nữa và không bao giờ nói cái giọng đó nữa!” Hấn tóm tóc cô và lắc đầu cô như một con mồi trong miệng cáo. “Kể từ giờ vai trò của em là làm người phụ nữ của tôi. Người của chúng ta sẽ trông thấy em bên cạnh tôi. Một người vợ trung thành.”

Hấn quay lại xăm tiếp.

Pam nghĩ đến chuyện hét lên nhưng cô chắc chắn hấn sẽ đánh cô như tử nếu cô thử. Hơn nữa, không còn ai khác trong tòa nhà này. Một phòng thì bỏ trống còn những người khác đã đi du lịch.

Hấn đang lơ đãng nói với cô. “Chúng ta sẽ phải ở ẩn thật kỹ một thời gian. Dì và chú tôi sẽ không khai ra tôi. Nhưng còn em họ Joshua? Chỉ là vấn đề thời gian trước khi cậu ta bị lừa nói ra tất cả những gì cậu ta biết.

Bao gồm cả tôi. Chúng ta không thể quay lại Nam Illinois được. Anh bạn Lincoln của em sẽ lôi FBI vào bắt hết đầu sỏ của AFFC ngay. Và anh ta sẽ lại nghi ngờ đám người ở Larchwood, nên Missouri cũng không được.

Chúng ta sẽ phải đến một nơi khác. Có lẽ là Hội đồng Yêu nước ở phía bắc New York. Họ lánh đời khá tốt.” Hắn quay sang cô.

“Hoặc Texas. Có những người ở đó còn nhớ cha mẹ tôi là những chiến sĩ tử vì đạo chiến đấu cho tự do. Chúng ta có thể sống với họ.”

“Nhưng, Seth...”

“Chúng ta sẽ ở ẩn vài năm. Còn gọi tôi là “Seth” nữa là tôi đánh em đấy.

Tôi có thể xăm để kiếm tiền. Em có thể dạy trong các trường Chúa nhật.

Từng chút một chúng ta sẽ tái xuất. Nhân dạng mới. AFFC thế là xong đời rồi, nhưng có lẽ thế cũng tốt - chúng ta sẽ đi tiếp thôi. Bắt đầu một hội mới.

Và làm tốt hơn thế nhiều. Chúng ta sẽ làm theo cách đúng đắn. Chúng ta sẽ cài phụ nữ của mình vào các trường học - và ý tôi không chỉ là trường Chúa nhật đâu. Ý tôi là cả trường công và trường tư. Thu thập lũ trẻ từ lúc còn nhỏ. Nhồi sọ chúng. Đàn ông chúng tôi sẽ tranh cử, đầu tiên là ở các văn phòng cấp thấp thôi, thành phố và hạt. Chúng ta sẽ bắt đầu từ địa phương rồi tiến dần lên. Ồ, đó sẽ là một thế giới hoàn toàn mới. Giờ em không nghĩ vậy. Nhưng rồi em sẽ tự hào được là một phần của nó.”

Hắn nhắc cái máy lên khỏi chân cô, nhìn xuống tác phẩm và lại tiếp tục xăm.

“Chú của tôi có nhiều khuyết điểm. Nhưng ông ta đã có một phút huy hoàng. Ông ta nghĩ ra Quy luật bộ Da. Ông đã rao giảng về nó khắp cả nước - trong các tổ chức dân quân khác, ở những cuộc họp gây dựng niềm tin, ở nhà thờ, các trại săn.” Mắt Billy sáng lên. “Quy luật bộ Da... Quá thông minh. Nghĩ mà xem: Da cho chúng ta biết sức khỏe thể chất, đúng không nào? Nó đỏ lên hay tái đi. Sáng hay xỉn. Chùng xuống hay sưng phồng.

Mụn nhọt hay sạch sẽ... Và nó còn cho ta biết sự tiến bộ về tâm linh nữa.

Cả trí tuệ. Cả cảm xúc. Da trắng là những người tốt đẹp, thông minh và cao thượng. Da đen nâu và vàng là nhóm nổi loạn và nguy hiểm.”

“Anh không nói nghiêm túc đấy chứ!”

Hắn thu tay thành nắm đấm và Pam lại rúm người, câm lặng.

“Em muốn bằng chứng không. Hôm trước tôi đã ở Bronx và một gã chặn tôi lại. Một thanh niên trẻ, tôi không biết. Khoảng tầm tuổi em. Da đen. Hắn mang keloid trên mặt - chúng là những vết sẹo, một dạng xăm.

Chúng rất đẹp. Một nghệ sĩ thực thụ đã làm ra chúng.” Mắt hắn có vẻ lơ đãng một chút. “Và em biết tại sao gã chặn tôi lại không? Để bán ma túy cho tôi. Đó là sự thật về những con người như thế. Quy luật bộ Da. Em không thể dối lừa về nó được.”

Pam cười cay đắng. “Một thằng nhóc da đen cố bán ma túy cho anh ở khu Bronx ư? Đoán xem? Thử tới Tây Virginia đi và một thằng nhóc da trắng sẽ cố bán ma túy cho anh.”

Billy đang không nghe. “Đã có một tranh luận về Hitler như thế này: phải chăng ông ta thực sự căm ghét người Do Thái, dân Gypsy và đồng tính, và muốn tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn bằng cách loại bỏ đám người đó. Hay thực ra ông ta chẳng quan tâm mà chỉ nghĩ người Đức ghét họ, nên ông ta đã dùng sự thù ghét và nỗi sợ ấy để chiếm lấy quyền lực.”

“Anh còn đang coi Hitler là hình mẫu lí tưởng ư?”

“Còn có những lựa chọn tồi tệ hơn.”

“Thì sao? Với anh thì sao Billy? Anh tin vào Quy luật bộ Da hay anh đang dùng nó để chiếm lấy quyền uy cho chính mình, cho cái tôi của mình?”

“Không rõ ràng sao?” Hắn ta cười phá lên. “Em thông minh hơn thế, Pam ạ.”

Cô không nói gì và hẩn thấm những giọt nước mắt đau đớn trên má cô.

Cô biết câu trả lời. Một ý nghĩ chợt đến với cô, bất ngờ như một cú đấm.

Chắc hẳn nó liên quan đến trang blog cô và Seth đang cùng viết. Cô thì thào, “Trang blog của chúng ta? Nó hoàn toàn đối lập với mọi điều anh nói.

Anh... anh tạo ra trang blog đó làm gì?”

“Em nghĩ sao? Tất cả những kẻ đăng các bình luận ủng hộ đều nằm trong danh sách của chúng ta. Những kẻ cổ xúy phá thai, cổ xúy chế độ phiếu ăn cho người nghèo, cổ xúy cải cách nhập cư. Ngày phán xét của chúng đang đến.”

Dễ có đến mười lăm ngàn người đã đăng điều gì đó trên trang ấy. Điều gì sẽ xảy đến với họ? Chẳng lẽ những kẻ ủng hộ Billy sẽ truy lùng và giết họ sao? Ném bom xăng vào nhà hay căn hộ của họ?

Billy đặt khẩu súng xăm sang bên, bôi Vaseline lên chỗ mực ở đùi cô và thấm máu.

Hẩn mỉm cười và nói, “Nhìn này. Em nghĩ sao?”

Đọc từ trên xuống, cô trông thấy hai từ trên đùi trước của mình.

PAM

WIL

Hẩn đang làm cái quái gì vậy? Ý hẩn là gì?

Rồi hẩn tụt quần của mình xuống. Cô đọc thấy những hình xăm tương tự trên hai đùi hẩn, bằng phong chữ tương tự.

ELA

LIAM

Khi đọc chung với nhau:

PAMELA

WILLIAM

“Chúng tôi gọi chúng là hình xăm tách đôi. Các cặp tình nhân cho xăm một phần tên họ trên người đối phương. Chúng chỉ đọc được khi ghép cạnh nhau. Đó là chúng ta, thấy không? Tách ra thì chúng ta còn thiếu điều gì đó.

Khi bên nhau, chúng ta toàn vẹn.” Thứ được coi như một nụ cười nở trên khuôn mặt tái xám của hắn.

“Tình nhân ư?” cô thì thào. Nhìn vào hình xăm của hắn - nó đã được hoàn thành từ nhiều năm trước.

Hắn đang nhìn vào khuôn mặt bối rối của cô. Hắn kéo quần cho mình, rồi cho Pam, kéo khóa và cài khuy cho cả hai.

“Tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ giành lại được em.” Billy đang chỉ vào hình xăm. “‘Pamela’, ‘William’. Hình xăm đẹp, em có nghĩ vậy không? Tên của chúng ta sẽ hoàn thiện khi ta nằm bên nhau để tạo ra các con.”

Hắn trông thấy vẻ mặt đau khổ của cô. “Cái nhìn đó là sao?” Cứ như đang nói chuyện với đứa con gái về một ngày tồi tệ ở trường vậy.

“Tôi đã yêu anh!” cô kêu lên.

“Không, em đã yêu một kẻ, người đã là một phần trong căn bệnh ung thư của đất nước này.” Mắt hắn dịu đi và hắn thì thầm, “Còn tôi thì sao, Pam? Cô gái mà tôi đã yêu suốt cả đời hóa ra lại là một kẻ thù? Họ đã cướp tâm trí và trái tim em khỏi tôi.”

“Không ai thay đổi tôi cả. Tôi chưa từng tin vào những điều mẹ tôi tin.

Điều anh tin.”

Hắn vuốt tóc cô, mỉm cười và lẩm bẫm, “Em đã bị tẩy não. Tôi hiểu.

Tôi sẽ chữa lành em, cưng ạ. Tôi sẽ mang em quay về với đồng đội. Giờ đi gói ghém hành lí thôi.”

“Được rồi, được rồi.”

Hắn kéo cô đứng dậy.

Cô quay lại và nhìn vào mắt hắn. “Anh biết không, Billy,” cô nói bằng giọng mềm mỏng.

“Sao?” Dường như hắn hài lòng khi trông thấy nụ cười của cô.

“Đáng lẽ anh phải kiểm tra túi quần tôi.”

Pam vung cánh tay phải về phía mặt hắn mạnh hết sức có thể, bàn tay nắm chặt hết sức con dao rọc giấy cô đã dùng để cắt băng dính - cũng là thứ cô luôn mang trong túi kể từ những ngày tòi tệ ở Larchwood ấy.

Lưỡi dao quét trúng má và miệng Billy. Không giống tiếng roẹt của những cú đâm trên phim ảnh. Chỉ có sự im lặng của da thịt bị cắt.

Trong lúc hắn rú lên và ôm chặt lấy mặt, xoay tránh đi, Pam nhảy lên bàn cà phê và lao ra cửa trước, vừa chạy vừa nói, “Được rồi, đó là hình xăm cho mi đấy, tên khốn.”

Hai bàn tay Pam trơn trượt vì máu của Billy, nhưng cô vẫn mở được cánh cửa và lao đảo chạy ra tiền sảnh của tòa nhà.

Cô sẽ ra được ngoài phố và bắt đầu hét loạn lên. Có lẽ không ai nghe được tiếng cầu xin giúp đỡ của cô trong tòa nhà. Nhưng bên ngoài có khá nhiều hàng xóm.

Ba mét, một mét rưỡi...

Được rồi! Cô sắp...

Nhưng những ngón tay hăn đã tóm được cổ chân cô và cô ngã xuống sàn nhà ở sảnh với một tiếng kêu thất thanh. Đầu cô đập vào sàn gỗ cứng.

Con dao văng ra mắt. Pam xoay lại và đối diện với Billy, điên cuồng đá vào hạ bộ hăn.

Mặt hăn là một mớ hỗn độn - hình ảnh ấy vừa làm cô vui vừa bị sốc.

Vết cắt bắt đầu từ dưới mắt hăn và kéo dài tới tận giữa má. Cô đã hi vọng làm hăn mù mắt nhưng có vẻ hăn vẫn nhìn tốt. Tuy nhiên máu đang tuôn ra từ má và sùi bong bóng trên môi hăn, cô biết được lưỡi dao đã cắt vào tận bên trong khoang miệng. Cô không thể hiểu nổi những gì hăn đang nói. Tất nhiên là lời đe dọa. Giận dữ.

Máu bắn lên áo khoác, cánh tay và bàn tay cô. Giọt sương máu văng lên mặt cô.

Biểu cảm khuôn mặt vô cùng khủng khiếp hé lộ cơn đau hăn đang phải gánh chịu.

Tốt!

Cô thôi không chống cự. Hấn đã yếu nhưng vẫn còn khoẻ hơn cô rất nhiều. Trốn thoát, cô tự nhủ. Thoát ra khỏi chỗ này thôi!

Bò trên sàn nhà, cố gắng dịch chuyển được khoảng hai chục phân cách xa hấn, gần cửa ra vào hơn.

Nhưng hấn đã ngăn được cô và lăn người cô nằm ngửa, thụi một cú đấm vào giữa bụng cô, làm không khí bị ép ra khỏi phổi lần nữa và cô phải gập đôi người lại. Cô vụt thoát được một giây - nhờ máu trơn, hấn bị tuột tay.

Cô bò được bằng hai đầu gối. Nhưng cơn giận đã ám ảnh hấn rồi. Billy đập chân vào tường ở sảnh và lao người tới, vòng hai bàn tay gân guốc quanh cổ họng cô. Một lần nữa cô lại nằm ngửa, hớp lấy không khí.

Cô đá lên một lần nữa và trúng đích, gối va vào hạ bộ. Hấn hỗn hển, hít vào thật mạnh và bắt đầu ho ra máu. Hấn ngồi lại lên người cô. Bàn tay đã thả lỏng và kéo ra sau, đấm vào má và cằm cô, vừa phóng ra những lời mà cô không tài nào hiểu được, càng vãi máu ra người cô nhiều hơn.

Cô cố đá lần nữa, cố đấm, nhưng không có lực.

Trong suốt lúc ấy cô vẫn thở hỗn hển, cố hít không khí vào phổi và kêu cứu.

Nhưng không có gì hết. Chỉ có sự im lặng.

Vết rạch trên mặt hấn trông rất ghê tởm nhưng dòng máu đang chậm lại, đông lại quanh vết thương, sẫm màu và vón cục như những viên đá màu nâu đỏ. Giờ cô có thể nghe ra: “Làm sao mày có thể?” Thêm nhiều từ nữa nhưng chúng gãy khúc và rời rạc và lại thành vô nghĩa. Hấn nhổ máu ra.

“Đồ ngu, Pam! Mày hết thuốc chữa rồi. Đáng lẽ tao phải biết.”

Hấn cúi xuống và vòng tay quanh cổ cô và bắt đầu bóp chặt.

Đầu Pam thậm chí còn buốt hơn, cơn đau tăng dần trong lúc cô vật lộn để thở. Máu bị nghẽn đang đập dồn dập trong thái dương và trên mặt cô.

Tiền sảnh bắt đầu tối dần.

Không sao cả, cô tự nhủ. Thà như thế này còn hơn phải quay lại với dân quân. Sống theo cái cách mà Billy sẽ bắt cô phải sống. Tốt hơn là làm “người đàn bà của hắn”.

Cô thoáng nghĩ về mẹ mình, Charlotte. Bà ta đã nói với Pam khi cô bé mới bốn tuổi.

“Chúng ta sẽ đến New York và làm một việc quan trọng, bé cưng ạ. Sẽ giống một trò chơi ấy. Mẹ sẽ là Carol. Nếu con nghe ai đó gọi mẹ là Carol mà bảo rằng, ‘Đó không phải tên mẹ,’ mẹ sẽ đánh cho con một trận nhớ đời. Con có hiểu không, bé cưng? Mẹ sẽ tắt đèn. Tắt đèn rồi đến đóng tủ quần áo.”

“Vâng, thưa mẹ. Con sẽ ngoan ạ, thưa mẹ.”

Pam biết rằng mình sắp chết vì khắp xung quanh cô là ánh sáng, ánh sáng rực rỡ, ánh sáng đỏ quạch, ánh sáng lóa mắt. Suýt nữa thì cô đã cười khi nghĩ: Này, có lẽ tôi hiểu sai hết về Chúa rồi. Tôi đang nhìn thấy hào quang của thiên đàng đây.

Hay địa ngục, gì cũng được.

Cô cảm thấy nhẹ bẫng, nhẹ hết sức có thể, như là linh hồn cô đang bắt đầu bay lên.

Nhưng, không, không, không... Nó chỉ có nghĩa là Billy đang rời khỏi người cô, đứng lên, tóm lấy con dao rọc giấy và giơ nó lên.

Hắn sắp cửa cổ họng cô.

Hắn đang nói gì đó. Cô không nghe được.

Nhưng cô nghe rõ hai, rồi ba tiếng nổ lớn từ ngưỡng cửa trước của tòa nhà. Cô trông thấy mặt trời là nguồn sáng: ánh mặt trời đang đổ xuống tòa nhà hướng Tây của cô. Cô còn trông thấy hai cái bóng, hai người đàn ông cầm

súng. Lúc ấy cô nhìn sang Billy và thấy hắn lão đảo lùì lại, vấp ngã, tay ôm chặt ngực. Cái miệng bị chém hở hoác.

Hắn nhìn xuống cô, thả rơi con dao, ngồi sụp xuống một cách kì quặc rồi ngã sang một bên. Hắn chớp mắt, dường như đang ngạc nhiên. Hắn thì thầm điều gì đó. Hai bàn tay giật cục.

Rồi nhiều cảnh sát ủa vào trong sảnh và đỡ hai bên cánh tay cô, nâng cô đứng dậy và kéo cô ra cửa trước. Tuy nhiên, Pam đã giật tay họ ra, rõ ràng cô đã làm họ ngạc nhiên bởi sức lực của mình. “Không,” cô thì thầm. Cô quay sang và nhìn không rời mắt khỏi Billy cho đến khi mắt hắn mất tập trung và đồng tử mờ đi. Hít vào thật mạnh, cô chờ thêm một phút nữa rồi quay đi và bước ra ngoài, trong khi các cảnh sát tiến đến chỗ thi thể Billy, súng lăm lăm phía trước và sẵn sàng - cô đoán đó là do quy trình, mặc dù đã rõ ràng đến mức không thể rõ hơn được nữa, rằng hắn không còn là một mối nguy hiểm.

Sau khi được chăm sóc vết thương, Pam Willoughby bước ra ngoài tòa nhà của mình và đi vào con phố lạnh giá, sáng trưng.

Từ một điểm trên vỉa hè, nơi anh đang ngồi trong chiếc xe đẩy Merits xù xì, Lincoln Rhyme thấy Amelia Sachs bắt đầu bước tới, hai cánh tay khê giang ra - để ôm cô bé - nhưng rồi cô chậm lại và dừng hẳn. Cô khẽ lùi lại, hạ tay, khi Pam không có phản ứng gì, ngoài một cái gật đầu chào hỏi lịch sự.

Rhyme hỏi, “Em cảm thấy thế nào rồi?”

“Gắng gượng qua ngày thôi,” cô gái trẻ có khuôn mặt nghiêm nghị trả lời - Rhyme không còn có thể nghĩ về cô như một cô bé nữa. Anh đã nghe kể cô đã chiến đấu với nghi phạm như thế nào và rất tự hào về cô.

Vì lí do gì đó Pam liên tục xoa vào chân mình - phía trước đùi. Việc đó nhắc anh nhớ tới phản ứng tự động của Amelia Sachs, đôi khi cô cọ hay cào chính cơ thể mình. Cô gái để ý thấy ánh nhìn của anh và dừng lại. “Hắn đã xăm cho em. Nhưng không có độc. Nó là một hình xăm thật. Hắn có một phần tên hắn và tên em trên đùi hắn, hắn làm phần còn lại trên đùi em.”

Hình xăm đôi, Rhyme nhớ lại TT Gordon từng kể về chúng. Các cặp tình nhân đánh dấu một phần tên họ trên người nhau.

“Em...” Cô nuốt khan. “Em cảm thấy khá ghê rợn.”

“Tôi biết một người có thể tẩy được chúng. Tôi có số của cậu ta đây.”

Nếu TT Gordon biết cách xăm thì chắc chắn cậu ta cũng biết cách xóa hình xăm.

Pam gật đầu và lại vô thức xoa tiếp. “Hắn kể với em tất cả những điều kinh khủng đó. Hắn định, nghe như hắn định trở thành một Hitler mới vậy.

Hắn sẽ giết bà dì và ông chú và bắt đầu thành lập một tổ chức dân quân của riêng mình. Anh biết không, mẹ em không thực sự thông minh lắm đâu. Bà ấy cứ lái nhái suốt và anh không thể coi lời đó là thật được. Nhưng Billy, hắn ở một tầm khác hẳn. Hắn đã học đại học. Hắn sẽ mở trường và đầu độc tâm trí lũ trẻ. Hắn nói về Quy luật bộ Da. Em có thể thấy hắn đã bị ám ảnh với nó. Phân biệt chủng tộc, thuần túy và đơn giản.”

“Quy luật bộ Da,” Rhyme nghiền ngẫm. Chắc chắn là nó phù hợp với bản tuyên ngôn mà họ dự định bỏ lại hiện trường vụ đầu độc nguồn nước.

Anh nghĩ lại những gì Terry Dobyns đã nói với họ.

Nếu các anh có thể tìm ra vì sao hắn quá mê mết bộ da như vậy, đó sẽ là chìa khóa để hiểu vụ án...

Pam nói tiếp, “Và hắn cũng bị ám ảnh về em trong suốt những năm đó.”

Cô giải thích về lời hứa hôn, về chuyện Billy đã đến đây một năm trước để lên kế hoạch tấn công thành phố này - và quyến rũ cô. Pam rùng mình.

“Em có muốn vào trong xe tải không?” Rhyme hỏi, hất cằm về phía chiếc xe dành cho người tàn tật mà Thom đã lái đến. Căn hộ của cô đã bị phong tỏa để khám nghiệm hiện trường và rõ ràng Pam đang bị lạnh; mũi và mắt cô đỏ dừ, cả đầu ngón tay cũng vậy.

“Không,” Pam nói nhanh. Cô gái có vẻ thấy thoải mái hơn với ánh mặt trời, bất chấp không khí lạnh giá. “Anh đã bắt được hết bọn họ chưa?”

“Tất cả những kẻ đang ở New York này, có vẻ như vậy,” Rhyme giải thích. “Matthew và Harriet Stanton. Con trai họ, Joshua.”

Đội tìm kiếm đã phát hiện ra một chứng minh thư thật trên người nghi phạm. William Haven, hai mươi lăm tuổi. Một thợ xăm sống ở South Lakes, Illinois.

Rhyme nói tiếp, “Chúng tôi đã cho người xem xét tất cả tài liệu của họ ngay lúc này, ghi chép, điện thoại, máy tính. Chúng tôi đã bắt vài đồng phạm ở miền nam Illinois nhưng còn có những kẻ khác nữa. Bom chưa được kích nổ nhưng chúng đều là thật: thuốc súng, ngòi nổ và bộ đánh lửa kích hoạt bằng điện thoại di động. Kẻ nào đó biết việc mình làm đã lắp đặt những quả bom tự chế ấy.”

“Nếu bọn chúng giống nhóm tội phạm của mẹ em, Mặt trận Yêu nước, chắc phải có đến cả mấy chục người dính líu. Họ luôn tụ tập vào đêm muộn, ngồi trong bếp, uống cà phê, vạch những kế hoạch nhỏ chết tiệt của họ...”

“Lincoln?” Pam hỏi.

Anh nướng một bên lông mày.

“Làm sao anh biết? Về Seth ấy? Để cử cảnh sát đến đây?”

“Anh đã không *biết*. Nhưng anh nghi ngờ khi chợt nghĩ ra: Làm thế nào nghi phạm biết về TT Gordon?”

“Ai kia?”

“Thợ xăm mà em và Seth đã gặp trong phòng thí nghiệm của anh.”

“Ồ, cái anh có bộ râu kì quặc và xô khuyên.”

“Đúng vậy. Billy đã đột nhập vào cửa hàng của cậu ta, giết một trong những cộng sự của cậu ấy. Tôi nghĩ hẳn muốn giết TT nhưng cậu ta lại ra ngoài. Hẳn đã có thể phát hiện ra cậu thợ xăm theo một cách khác nhưng đây là cách lí giải đơn giản nhất - trông thấy TT trong dinh thự của tôi.”

“Vì chúng tôi đã biết động cơ của nhóm đó là khủng bố nội địa và có một mối liên hệ không chắc chắn lắm với em và mẹ em - Kẻ tầm xương -

tôi chỉ tự hỏi liệu có phải là quá trùng hợp không khi Seth xuất hiện trong đời em.”

“Tất nhiên, nghi phạm còn có hình xăm con rết. Seth dường như không có bất kì hình xăm nào; tôi từng trông thấy cậu ta mặc áo sơ mi cộc tay. Thế là thế nào? Rồi tôi nhớ ra loại mực rửa được bằng nước - mực đỏ - trên một trong những túi vật chứng. TT cho chúng tôi biết có vài thợ xăm dùng bút mực tẩy được như thế để vẽ viền cho hình xăm trước. Có lẽ đó là việc hăn đã làm - một hình xăm giả trên cánh tay để lừa chúng ta.”

Pam gật đầu. “Đúng vậy, chính xác. Hăn kể với em là hăn đã vẽ nó để mọi người tưởng hăn là người khác. Rồi rửa sạch nó mỗi khi đóng vai Seth.

Người được hăn xăm hình con rết và trả tiền để khoan ống là một dân vô gia cư. Hăn bảo hăn không tin anh đã tắt áp lực nước. Hăn muốn cẩn trọng.”

“À, vậy ra anh ta là thế.” Rhyme nói tiếp, “Rồi hăn đột nhập vào dinh thự và cố đầu độc tôi. Bọn tôi đã nghĩ hăn là chuyên gia bẻ khoá; không hề có dấu hiệu khoá bị hỏng hóc. Nhưng tất nhiên...”

“Hăn đã lấy chìa khoá dinh thự của anh từ chùm của em,” Pam nói và nhăn mặt. “Rồi cho làm một cái khác.”

“Đó là suy nghĩ của tôi, đúng vậy. Hăn có phải nghi phạm không? Tôi không thể chắc chắn được, tất nhiên là thế, nhưng tôi không dám mạo hiểm.

Tôi gọi tổng đài và cử vài cảnh sát tuần tra tới đây ngay lập tức.”

Sachs nói, “Còn vụ tấn công ở đây ngày hôm qua. Hăn đã làm giả nó.”

“Tự tiêm cho mình một chút propofol, rồi tự còng tay. Hăn đã thả chai thuốc độc và kim tiêm lên sàn rồi nằm xuống ngủ một lát cho đến khi cảnh sát xuất hiện.”

“Tại sao?” Pam hỏi.

Sachs nói thêm, “Muốn mọi người không nghi ngờ gì hăn. Còn cách nào tốt hơn là chính mình trở thành nạn nhân?”

Rhyme nói, “Và, tôi phải thừa nhận, các nhân viên tìm kiếm thông tin của chúng tôi đã có đóng góp. Họ đã nghiên cứu và nói rằng rất trong nghệ thuật và tiểu thuyết là biểu trưng của sự xâm nhập vào những nơi an toàn, ấm cúng. Chúng nằm đó chờ đợi trong vô hình. Đó chính là Seth. À, Billy.”

“Chắc chắn rồi.” Mắt Pam vẫn còn liếc lại căn hộ của mình. Cô cau mày, lôi một tờ khăn giấy ra khỏi túi và liếm nó. Cô lau đi vệt máu trên má.

Với tư cách là thanh tra trưởng của vụ án, vì giờ Lon Sellitto đã không thể làm nhiệm vụ, Sachs dành hai mươi phút để thẩm vấn cô gái cùng với Rhyme ở gần đó. Họ biết rằng Billy dự định lôi Pam theo để chạy trốn tới một nhóm dân quân ở phía bắc New York, Hội đồng Yêu nước, những kẻ Rhyme và Sachs từng chạm trán trước đây.

Ron Pulaski đã kẻ ô vuông xong căn hộ của Pam - thậm chí nếu bạn đã ngăn chặn được thủ phạm theo cách tuyệt đối nhất, như trường hợp ở đây, bạn vẫn phải làm đủ thủ tục. Khi xong việc cậu ta cất các bằng chứng, kí vào thẻ thứ tự thu thập và nói với Rhyme rằng cậu ta sẽ mang tất cả tới dinh thự. Đội pháp y đã đẩy thi thể đi. Với cặp mắt lạnh lùng như không khí, Pam nhìn chiếc cang lăn bánh lên xe tải.

Khi đó Rhyme còn đang tập trung vào Sachs. Khi cô và Pam nói chuyện về những việc vừa xảy ra, nữ cảnh sát thi thoảng đã cố nói đùa và đưa ra vài lời an ủi. Pam đáp lại bằng nụ cười lịch thiệp trông chẳng khác nào cái cười mỉa. Biểu cảm ấy làm Sachs tổn thương sâu sắc, rõ ràng là thế.

Có một khoảng dừng khi Sachs đứng lên, hai tay chống hông và nhìn về phía tòa nhà. Cô bảo Pam. “Hiện trường đã an toàn. Chị sẽ giúp em lau dọn, nếu em muốn.”

Rhyme trông thấy cô gái do dự, và âm điệu trong giọng nói của cô bảo rằng cô nghĩ câu hỏi này rất nguy hiểm.

“Em nghĩ em sẽ tới chỗ bố mẹ Olivetti thôi, chị biết đấy. Và có lẽ trong tuần này, hôm nào đó em sẽ mượn xe của Howard, để qua dinh thự dọn nốt đồ về.

Có được không, anh Lincoln?”

“Chắc chắn là được rồi.”

“Chờ đã,” Sachs kiên quyết nói.

Pam nhìn cô chống đối.

Thanh tra nói tiếp, “Chị muốn em tới gặp ai đó để nói về chuyện này.

Nói chuyện với họ.” Cô lục trong ví. “Đây là số của Terry Dobyns. Ông ấy làm việc cho NYPD nhưng có thể kết nối em với ai đó.”

“Em không...”

“Làm ơn. Hãy làm việc đó.”

Một cái nhún vai. Danh thiếp biến mất trong túi quần sau của cô, nơi có chiếc điện thoại di động.

Sachs nói, “Em cần bất cứ thứ gì thì cứ gọi chị nhé. Bất kì lúc nào.”

Một chút tuyệt vọng trong giọng cô dù rất khó nhận ra.

Cô gái không nói gì mà bước vào trong nhà và quay lại với một chiếc ba lô và túi đựng máy tính. Sợi dây trắng chạy từ tai tới chiếc iPod và chúng biến mất dưới cái mũ trùm sù sụ.

Cô gái vẫy tay về phía Rhyme và Sachs nhưng không cụ thể là chào ai.

Sachs nhìn chăm chăm theo cô.

Một lát sau Rhyme nói, “Con người ai cũng ghét bị chứng minh là mình sai, Sachs ạ, kể cả khi đó là vì lợi ích của chính họ. Có khi còn *đặc biệt* là khi ấy nữa.”

“Có vẻ như vậy.” Trong cái lạnh, cô phải lắc người liên tục lúc nhìn Pam biến mất ở đằng xa. “Em làm hỏng chuyện rồi, Rhyme.”

Chính vào những lúc như thế này Rhyme căm ghét sự tàn tật của mình nhất. Anh không mong muốn gì hơn là bước tới chỗ Sachs và vòng hai cánh tay quanh bờ vai đang run rẩy của cô, ôm cô chặt nhất có thể.

“Lon thế nào rồi?” Rhyme hỏi.

“Anh ấy đã qua cơn nguy kịch. Nhưng vẫn còn bất tỉnh. Rachel thì suy sụp lắm. Con trai Lon đang ở đó.”

“Tôi đã nói chuyện với thằng bé,” Rhyme bảo cô.

“Nó rất vững vàng. Thực sự trưởng thành rồi.”

“Quay về nhà chứ?”

Sachs trả lời, “Một lát nữa. Em cần gặp một nhân chứng trong vụ điều tra Viện bảo tàng Metropolitan.”

Vụ án khác của Sellitto, vụ đột nhập vào viện bảo tàng ở Đại lộ Năm.

Vì viên thanh tra đang nằm viện nên các cảnh sát khác thuộc đội Trọng Án phải đảm nhiệm thay. Bây giờ khi âm mưu khủng bố của AFFC đã bị ngăn chặn, đã đến lúc khôi phục lại vụ án quan trọng về mặt chính trị này, dù có bí ẩn.

Sachs đi đến chỗ chiếc Torino của cô. Động cơ khởi động với một tiếng nổ của mã lực và cô đưa xe ra khỏi lề đường, làm vẩn lên làn khói xanh chuyển thành tím trong ánh sáng đỏ của văng dương đang lặn.

Lincoln Rhyme không vui vì anh đã bỏ lỡ suy luận về danh tính của nghi phạm; chính nhờ việc lục soát thi thể và lời giải thích của Pam thì mới có nguồn tin về Billy Haven.

“Đáng lẽ ra tôi phải đoán được,” anh bảo với Cooper và Pulaski.

“Gì cơ?” Pulaski đặt cái túi nhựa xuống từ nơi cậu ta đang gấp bằng chứng ra và quay sang Rhyme.

“Rằng Billy là ai đó gần gũi với gia đình Stanton. Phản ứng của Harriet ấy? Khi Amelia kể với bà ta rằng hãn đã chết? Bà ta đã kích động. Đáng lẽ việc đó phải cho tôi biết bà ta biết rõ hãn. *Rất rõ*. Cả cậu con trai, Joshua nữa - tôi tưởng cậu ta sắp ngất khi nghe thấy điều đó. Đáng lẽ tôi có thể suy luận rằng thậm chí nếu nghi phạm không phải là người thân cận nhất thì hãn cũng phải thuộc họ hàng. Chúng ta đã biết hãn là cháu trai, đã biết tên hãn.

Nhưng hãy tìm hiểu nốt những chi tiết còn lại về William Haven này đi, lính mới. Stat.”

“Tiếng La tinh, từ từ gốc *statim*, nghĩa là ngay lập tức,” Pulaski nói.

“À phải, đúng rồi. Cậu là một sinh viên nhạc cổ điển. Và tôi còn nhớ cậu cũng là học trò của những bộ phim tội phạm trong đó những câu đùa lạc đề được dùng để làm khán giả phân tâm khỏi kịch bản lẫn sự phát triển nhân vật bị thiếu sót. *Chẳng hạn*, những tay sát thủ thích dùng đúng ngữ pháp mà cậu đã nhắc tới ấy. Vậy chúng ta đã bắt đầu vào nhiệm vụ trước mắt được chưa?”

“*Exempli gratia*,” Pulaski lẩm bẩm và bắt đầu gõ rất nhanh trên bàn phím.

Vài phút sau, cậu ta nhìn lên từ màn hình máy tính. “*Negotium ibi terminetur*,” cậu ta nói bằng giọng chốt hạ.

“Nhiệm vụ đã hoàn thành,” Rhyme dịch. “Cách nói lịch thiệp hơn là, ‘*Factum est.*’ Nghe hay hơn. Đó là vấn đề với tiếng La tinh. Nghe nó cứ như là cậu đang nhai đá vậy. Cậu Chúa phù hộ cho người Ý và người Roma vì đã lôi thứ ngôn ngữ ấy ra khỏi ngọn lửa.”

Pulaski đọc trên màn hình. “Matthew Stanton là con một. Nhưng Harriet có một chị gái, Elizabeth. Bà chị đã cưới Ebbert Haven. Họ có một cậu con trai, William Aaron. Ebbett là một trưởng lão trong hội AFFC

nhưng ông ta và vợ đã chết khi cậu con trai còn nhỏ.” Cậu ta ngược lên.

“Trong vụ bắn nhau của Chi nhánh Davidian. Họ tới đó để bán súng cho nhà Davidian nhưng bị kẹt giữa vụ bao vây.”

“William tới sống với dì Harriet và chú Matthew. Chủ yếu được gọi là Billy. Hắn có một tiền án - bị vào trại cải tạo, nên không ghi trong hồ sơ; nó đã được đóng lại. Vụ án đó là một cáo buộc tấn công. Tội phân biệt chủng tộc. Billy đã đánh một thằng bé Do Thái ở trường. Rồi hắn dùng đá và mực để xăm một biểu tượng chữ vạn trên cánh tay thằng bé kia. Khi đó hắn mới mười tuổi. Đây là một bức ảnh. Xem này.”

Hình xăm được làm rất đẹp. Hai màu, có đánh bóng, đường viền sắc như dao cạo, Rhyme để ý thấy.

“Rồi hắn học vẽ và khoa học chính trị ở trường Đại học Nam Illinois.

Và vì một lí do nào đó lại đi mở tiệm xăm.”

Trong ba lô của Billy có hóa đơn của hai căn hộ trong thành phố. Một ở Murray Hill, dưới tên Seth McGuinn - bạn trai của Pam. Cái kia dưới tên giả là Frank Samuels, ở gần Chinatown, trên phố Canal. Đội khám nghiệm hiện trường đã kiểm tra cả hai. Billy đã cọ rửa sạch sẽ nhưng ở hiện trường thứ hai - xưởng làm việc - đội khám nghiệm đã thu được dụng cụ và một số bình thủy tinh trồng các loại cây để Billy chưng cất và chiết xuất chất độc hắn đã dùng trong các vụ giết người.

Những cái bể và ánh đèn kì dị của chúng giờ đang được đặt trong phòng khách nhà Rhyme, cạnh bức tường phía xa. Tất cả trừ một bình. Đó là chiếc bình hàn kín có chứa các bào tử botulinum. Các kỹ sư hóa sinh từ Pháo đài Detrick đã quyết định tốt nhất họ nên tịch thu cái bình đó. Vốn là người khăng khăng giữ lại vật chứng, nhưng Rhyme đã không hề kêu ca gì chuyện cái bình đặc biệt ấy được chuyển giao.

Nhà tội phạm học đã nhập xong các loại cây ấy vào bảng vật chứng -

anh để ý thấy thủy độc cần đặc biệt đáng yêu - và gọi cho Fred Dellray, đặc vụ FBI, người đang lãnh đạo phía cục điều tra liên bang trong vụ án này.

Anh giải thích những thứ họ đã tìm được. Đặc vụ lập dị lắm bầm, “Thế có chết không cơ chứ. Tôi tự hỏi những vũ khí huỷ diệt hàng loạt của Hussein đang trôi dạt nơi đâu rồi. Thế mà cuối cùng chúng ta lại tìm được chúng ở ngay chỗ cách nhà hàng Trung Hoa yêu thích của tôi hai dãy nhà. Happy Panda. Cái trên phố Canal ấy. Không, không phải là Happy Panda trên Mott hay Happy Panda trên số Sáu đâu. Happy Panda đầu tiên và duy nhất ấy.

Ngon. Món sứa. Không, không, ngon hơn anh tưởng đấy. Được rồi, gọi cho tôi khi nào bản báo cáo đã sẵn sàng nhé.”

Sau khi anh cúp máy, Rhyme nghe thấy tiếng cười bên kia phòng.

“Khá thật đấy,” Mel Cooper nói và nhìn chăm chăm vào một màn hình máy tính.

“Sao?” Rhyme hỏi.

Pulaski cũng cười và quay sang màn hình: Là phiên bản trực tuyến của tờ *New York Post*. Tiêu đề câu chuyện trang nhất về nhà Stanton là *Cây bút độc*.

Nhắc đến vũ khí giết người của Billy Haven.

Thông minh thật.

Trong lúc Cooper và Pulaski tiếp tục phân tích và phân loại bằng chứng từ cả căn hộ của Pam và xưởng làm việc lẫn nhà an toàn của Billy, Rhyme đẩy xe lại bằng vật chứng. “Găng tay,” anh gọi.

“Anh muốn...?” Thom hỏi.

“Găng tay! Tôi sắp cầm vài vật chứng.”

Với chút khó khăn, trợ tá đeo một chiếc găng vào bàn tay phải của Rhyme.

“Nào. Cái đó.” Anh chỉ vào một cuốn sổ nhỏ có ghi *Cuộc Biến cải*, trong đó chứa những trang ghi chép chi tiết về âm mưu đầu độc: thời gian, các nạn nhân cần chọn, địa điểm, quy hình của cảnh sát, những trích đoạn trong *Các thành phố liên hoàn*, cuốn sách về các vụ án có thực của Rhyme và chỉ dẫn làm sao để “đoán trước kẻ dự đoán”. Những ghi chép ấy được viết bằng tuồng chữ bay bướm đẹp đẽ của Billy. Với tài năng nghệ thuật của hẳn, không có gì ngạc nhiên khi nét chữ viết tay này tương tự như những bản thảo khai sáng do các nhà thần học chấp bút.

Rhyme đã đọc lướt qua cuốn sổ từ trước nhưng giờ anh muốn nghiên cứu nó thật kỹ để tìm thêm những đồng phạm khác.

Thom đặt nó trên tay ghế của xe đẩy. Bằng những động tác khi thì lúng túng, khi thì tao nhã nhưng vẫn luôn luôn tự tin, Lincoln Rhyme lật giở từng trang và bắt đầu đọc.

V. SUM HỌP

THỨ BẢY, NGÀY CHÍN THÁNG MƯỜI MỘT.

NĂM GIỜ CHIỀU.

Người đàn ông đậm người, hói đầu, mặc chiếc áo khoác ngắn màu xám đang thả bước dọc vỉa hè rộng rãi, bàn chân hướng về phía trước. Hắn đang cầm một cái cặp táp xơ xác. Rất ít người trên phố để ý thể hình hoặc dáng đi của hắn. Hắn bình thường hết mức có thể. Doanh nhân, kế toán, giám đốc công ty quảng cáo. Hắn là một Muggle*. [Hắn là một Prufrock*](#).

Muggle là một từ được dùng trong bộ truyện *Harry Potter* của J. K.

Rowling, dùng để chỉ người không có khả năng sử dụng pháp thuật và không được sinh ra trong thế giới phù thủy.

Prufrock hay Bản tình ca của J. Alfred Prufrock là một bài thơ của nhà thơ Mỹ, T. S. Eliot.

Hắn thích nơi này. Làng Greenwich kém hiện đại hơn SoHo hoặc TriBeCa chẳng hạn, nhưng giống một khu dân cư hơn; Phố Ý Nhỏ đến rồi đi nhưng Làng vẫn còn là thành trì của những người con Manhattan kiểu cũ, những kẻ lươn lẹo, nghệ sĩ, hậu duệ của dân nhập cư châu Âu. Đúng vậy, khu này đầy các gia đình của những ông chồng đậm người và hói, các bà vợ đứng đưng, những đứa con trai ngoan nhưng tham vọng, những đứa con gái thông minh. Hắn hòa lẫn vào người ở đây.

Đó là một việc tốt. Khi cân nhắc nhiệm vụ của hắn.

Mặt trời đã lặn và nhiệt độ xuống thấp nhưng ít nhất bầu trời vẫn còn trong trẻo và màn mưa tuyết mấy ngày vừa rồi đã kết thúc.

Hắn đi đến cửa sổ của quán Café Artisan và đọc cái thực đơn đã hoen ố.

Đây là một quán cà phê thực sự. Kiểu Ý. Nơi này đã đun kem sữa thậm chí trước cả khi Starbucks chọt lóe lên trong đôi mắt của ông chủ người Seattle - không phải Sicily - nào đó đã tạo ra chuỗi cửa hàng này.

Hắn nhìn chăm chăm xuyên qua những đồ vật trang trí Giáng Sinh sớm trong cửa sổ đã sờn và quan sát hoạt cảnh ở một chiếc bàn cạnh góc xa: Một phụ nữ tóc đỏ trong chiếc áo khoác màu nâu đỏ, quần bò bó màu đen đang ngồi đối diện với một người đàn ông mặc vest. Ông ta gầy gò và trông như một luật sư sắp về hưu. Người phụ nữ hỏi ông già vài câu và chép câu trả lời lên một cuốn sổ nhỏ. Hắn để ý thấy chiếc bàn kê cập kênh; cái nệm bên dưới chân bàn hướng bắc tới đông bắc không còn tốt.

Hắn quan sát ông già và người phụ nữ thật cẩn trọng. Nếu là người quan tâm đến nhục dục, vốn không phải là bản tính của hắn, hắn chắc chắn người phụ nữ này sẽ hấp dẫn.

Amelia Sachs, người mà hắn tới đây để giết, khá xinh đẹp.

Vì trời còn lạnh, việc người đàn ông này đeo găng tay không có gì là đáng nghi, đó là một điều may mắn. Cặp găng đang che tay cho hắn là găng len màu đen, vì găng da cũng để lại những dấu vết gần độc nhất như chính dấu vân tay vậy. Hay nói cách khác là có thể lần ra được. Nhưng còn vài?

Không thể.

Lúc này hắn để ý thấy túi của Amelia đang đặt ở lưng ghế dựa của cô ta.

Con người ở đây an tâm biết chừng nào. Nếu ở đây là Sao Paulo hay thành phố Mexico, cái túi kia đã bị buộc vào lưng ghế bằng sợi dây ni lông, giống loại dùng để buộc túi rác hay cổ tay tù nhân vậy.

Cái túi đã được kéo khóa nhưng việc ấy không làm hắn lo ngại. Mấy ngày trước hắn đã mua một cái túi y hệt của cô ta và tập đi tập lại cách bí mật nhét một thứ gì đó vào trong túi (hắn đã học mảnh móc túi nhiều năm rồi). Cuối cùng hắn cũng trau chuốt được kỹ thuật chỉ mất ba giây là mở được miệng túi, thả một vật nhỏ vào trong rồi đóng khóa lại. Hắn đã làm việc ấy cả trăm lần.

Lúc này hắn thò tay vào túi quần và nắm gọn một chai thuốc giảm đau mua tại quầy. Nó giống hệt nhãn hiệu Amelia Sachs thích dùng (Hắn đã biết được điều này từ tủ thuốc của cô ta). Cô ta từng bị viêm khớp và mặc dù gần đây dường như không bị nó quấy rầy quá nhiều, hắn đã quan sát thấy thỉnh thoảng cô ta vẫn dùng mấy viên thuốc.

A, những bản án mà cơ thể bắt chúng ta phải chịu.

Những viên thuốc trong cái chai này nhìn giống hệt những viên cô ta đã mua. Tuy nhiên nó có một điểm khác biệt: Mỗi viên thuốc của hắn có chứa một lượng ăng-ti-moan nén.

Giống asen, ăng-ti-moan là một nguyên tố cơ bản, một loại á kim. Tên của nó tới từ tiếng Hi Lạp nghĩa là “xua đuổi cô độc”. Trước đây ăng-ti-moan từng được dùng để nhuộm đen lông mày và mí mắt của những phụ nữ lang chạ, bao gồm cả Jezebel trong Kinh Thánh.

Nó là một nguyên tố sẵn có và hữu ích, thậm chí thường được dùng trong nền công nghiệp thời hiện đại. Nhưng ăng-ti-moan, Sb, nguyên tố số 51, cũng là nguyên nhân gây ra hàng ngàn cái chết đau đớn tột cùng trong suốt chiều dài lịch sử. Wolfgang Amadeus Mozart có lẽ là nạn nhân nổi tiếng nhất (Câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ: cố ý hay là không? Chúng ta phải hỏi Antonio Salieri).

Trước cơn đau nhói từ đầu gối vừa được cấu trúc lại của mình, mà sớm muộn gì cô ta cũng cảm thấy, Sachs sẽ uống hai viên.

Và thay vì thấy nhẹ nhõm cô ta sẽ bị đau đầu khủng khiếp, nôn mửa, tiêu chảy, tê liệt tột cùng.

Cô ta sẽ chết trong vòng vài ngày - theo lời báo chí, cô ta sẽ là một nạn nhân nữa của Billy Haven, kẻ đã tuồn được những viên thuốc độc vào túi cô ta trước khi hắn cùng bè lũ khủng bố bị ngăn chặn.

Mặc dù sự thật thì nhà Stanton chẳng liên quan gì đến âm mưu giết người này cả.

Người đàn ông bên ngoài Café Artisan, kẻ sắp sửa giết Sachs, là Charles Vespasian Hale, tên khai sinh của hắn, mặc dù hắn còn được biết đến với nhiều cái tên nữa. Richard Logan là một. Và gần đây nhất: David Weller, vị luật sư công phần đã liên hệ với Cục điều tra New York về chàng cảnh sát trẻ tuổi Ron Pulaski.

Tuy nhiên cái tên duy nhất mà hắn thực sự thích là cái tên mô tả hắn đúng nhất: Thợ đồng hồ - nhắc tới cả kỹ năng của hắn trong việc dàn dựng những âm mưu tội ác phức tạp và niềm đam mê đồng hồ.

Giờ hắn đang xem một trong những chiếc đồng hồ ấy, một chiếc Ventura SPARC Sigma MGS, đồng hồ đeo tay điện tử có giá năm ngàn dollar. Hale sở hữu 117 chiếc đồng hồ các loại, phần lớn trong số đó là analog, kể cả nếu chúng có chạy bằng điện tử hay pin. Hắn có cả Baume & Merciers, Rolex và TAG. Hắn đã có cơ hội ăn cắp một chiếc Patek Philippe Calibre 89 trị giá sáu triệu đô, chiếc đồng hồ bỏ túi nổi tiếng đã được chế tạo để kỉ niệm ngày sinh nhật lần thứ 150 của công ty. Nó có nhiều chi tiết phức tạp - những cửa sổ và sổ cho nhiều thông tin hơn là mốc thời gian hiện tại - hơn bất kì chiếc đồng hồ nào khác từng được sáng tạo. Tác phẩm nghệ thuật bằng vàng mười tám kara cho biết các dữ liệu như chu kì của mặt trăng, năng lượng dự trữ, tháng, nhiệt độ, ngày lễ Phục sinh, các chòm sao, hoàng hôn và chính xác đến từng giây.

Nhưng cuối cùng Hale đã chọn không ăn trộm tác phẩm ấy.

Tại sao? Bởi vì Patek đã là một thánh tích. Giờ đã là một thời đại mới.

Giống như cái cách tín hiệu analog đã ra đi vậy. Hale đã phải mất một thời gian mới chấp nhận được điều này, nhưng việc hắn bị Lincoln Rhyme bắt mấy năm trước đã cho hắn thấy rằng thế giới đã thay đổi.

Và Hale đã trở lại để chào đón buổi bình minh.

Chiếc đồng hồ Ventura trên cổ tay hẳn đại diện cho khuôn mặt mới mẻ -

ấy là nói như vậy - của việc tính thời gian. Độ chính xác không gì sánh được của nó mang lại cho hẳn sự sáng khoái và thỏa mãn. Hẳn nhìn đồng hồ một lần nữa.

Và đếm ngược.

Bốn...

Ba...

Hai...

Một...

Tiếng chuông báo cháy inh tai vang lên từ phía sau quán cà phê.

Hale chụp một chiếc mũ len xuống cái đầu đã cạo của mình và bước vào quán cà phê nóng nực một cách bực mình.

Hẳn không bị ai nhìn thấy - bao gồm cả Amelia Sachs và kẻ cô ta đang thăm vấn - vì họ còn đang nhìn chăm chăm vào bếp, nơi hẳn đã để lại thiết bị hai mươi phút trước. Thiết bị báo khói duy nhất được đặt trên một cái kệ, trông có vẻ cũ kỹ (không hề) và nhờn mỡ (đúng vậy). Các công nhân sẽ tìm được nó và đoán là nó đã bị bỏ đi và vô tình để mặc trên giá cao nhất.

Chẳng bao lâu nữa sẽ có người lôi nó xuống, tháo pin ra và ném thứ ấy đi.

Sẽ không có ai nghĩ đến lần thứ hai về chuyện chuông báo cháy giả mạo.

Amelia nhìn quanh - như tất cả mọi người - để tìm nguồn khói nhưng không có gì cả. Khi mắt cô ta quay lại với cửa nhà bếp, nơi tiếng chuông réo gọi từ đằng sau đó, Hale đã ngồi xuống một cái ghế sau lưng Amelia và trượt cái chai vào túi cô ta, trong lúc giả vờ đặt cái cặp lên sàn nhà.

Một kỉ lục mới: hai giây.

Rồi hắn nhìn quanh, như thể đang cân nhắc liệu mình có muốn một cốc latte ở một nơi có nguy cơ bị cháy như thế này không.

Không. Hắn sẽ đến một nơi khác. Người đàn ông đứng dậy và bước ra ngoài bầu trời lạnh lẽo.

Âm thanh tắt hắn - đã đến lúc pin bị lấy ra. Một cái liếc mắt lại sau.

Sachs đã quay lại với món cà phê và các ghi chú của mình. Không hay biết gì về cái chết sắp đến.

Thợ đồng hồ rẽ sang lối vào ga tàu điện ngầm ở phố số Bốn Tây. Trong lúc đi dọc vỉa hè dưới bầu không khí khô khốc, một ý nghĩ thú vị chợt đến với hắn. Asen và ăng-ti-moan là á kim - các chất có cả những đặc tính của kim loại và phi kim loại - nhưng đủ cứng để có thể tạo thành các vật thể chịu được lực.

Hắn tự hỏi liệu có cách nào làm đồng hồ từ các chất độc ấy không?

Thật là một ý nghĩ thú vị.

Và hắn biết là ý tưởng ấy sẽ còn lưu lại trong tâm trí giàu tưởng tượng của hắn trong nhiều tuần và nhiều tháng sắp tới.

“Cứ làm đi,” Lincoln Rhyme nói. Nhà tội phạm học đang ở một mình trong phòng khách, nói chuyện qua micro trong lúc anh lơ đãng nhìn vào một trang web trình bày vài món đồ cổ và tranh cao cấp.

“À thì,” giọng nói thuộc về một đội trưởng ở NYPD, hiện đang có mặt ở trụ sở cảnh sát. Tòa nhà Lớn.

“À thì cái gì?” Rhyme quát. Anh cũng từng là một đội trưởng; và dù sao đi nữa anh cũng chưa bao giờ coi cấp bậc là cái gì quan trọng. Năng lực làm việc và trí tuệ mới là hàng đầu.

“Việc này có một chút phi chính thống.”

Thế là thế quái nào? Rhyme nghĩ. Một mặt, bản thân anh cũng đã từng là đầy tớ của nhân dân trong một thế giới đầy tớ nhân dân và anh biết đôi khi cũng cần bày vẽ này nọ. Anh đánh giá cao sự miễn cưỡng của người đàn ông.

Nhưng anh lại không thể chấp nhận được nó.

“Tôi biết chứ, Đội trưởng. Nhưng chúng ta cần phải cho đăng câu chuyện. Có nhiều mạng người đang gặp nguy.”

Tên của vị đội trưởng này khá lạ. Dagfield.

Ai lại đi đặt tên con như thế kia chứ?

“À thì,” Dag nói kiểu phòng thủ. “Nó còn cần phải được biên tập và xem xét...”

“Tôi đã viết ra nó. Nó không cần phải biên tập gì. Và *anh* có thể xem xét nó. Xem ngay đi. Chúng ta không có nhiều thời gian.”

“Anh có bảo tôi xem xét gì đâu. Anh đang đòi hỏi tôi phải cho đăng thứ mà anh vừa gửi, Lincoln.”

“Anh đã xem qua nó, đã đọc nó rồi. Đó là xem xét còn gì. Chúng ta cần làm ngay, Dag. Thời gian là then chốt. Rất then chốt đấy.”

Một tiếng thở dài. “Tôi sẽ phải nói chuyện với ai đó đã.”

Rhyme cân nhắc các lựa chọn chiến thuật. Không có nhiều lắm.

“Tình hình thế này, Dag ạ. Tôi không thể bị sa thải. Tôi là một nhà tư vấn độc lập mà các luật sư bào chữa khắp cả nước này tha thiết muốn thuê cũng như NYPD. Có khi còn nhiều hơn và họ trả hậu hơn. Nếu anh không cho đăng thông cáo báo chí ấy một cách chính xác, và ý tôi là từng câu từng chữ như tôi đã gửi nó cho anh, tôi sẽ đem thân phục vụ bên bào chữa và ngừng làm việc hẳn với NYPD. Và khi ngài cảnh sát trưởng nghe nói chuyện tôi sẽ làm việc *chống lại* sở, công việc của anh sẽ chuyển về bên khối tư nhân và ý tôi là ngành thức ăn nhanh ấy.”

Không thực sự hài lòng với câu đó. Đáng lẽ có thể nói hay hơn. Nhưng nó là thế.

“Anh đang đe dọa tôi đấy à?”

Câu hỏi gần như không cần một câu trả lời.

Mười giây sau: “Chết tiệt.”

Tiếng điện thoại bị cúp máy kêu cạch đơn giản và ngọt ngào trong tai Rhyme.

Anh đẩy xe của mình đến cửa sổ, nhìn sang Công viên Trung tâm. Anh thích tầm nhìn này vào mùa đông hơn là mùa hè. Vài người hẳn sẽ nghĩ vì vào mùa hè mọi người hưởng thụ các thú vui của những ngày đẹp trời như chạy, ném Frisbee, đánh bóng mềm - những hoạt động đã mãi mãi khước từ Rhyme. Nhưng thực tế chỉ là anh thích quang cảnh mùa đông mà thôi.

Thậm chí trước cả khi gặp tai nạn Rhyme cũng chưa bao giờ thích những trò vui vô bổ. Anh nghĩ lại vụ án liên quan đến Kẻ tầm xương nhiều năm trước. Khi ấy, ngay sau tai nạn của mình, anh đã từ bỏ cuộc sống, và tin rằng mình sẽ không bao giờ tồn tại trong một thế giới bình thường được nữa. Nhưng vụ án ấy đã dạy cho anh một điều đúng đắn đến tận ngày nay: Anh đâu có *muốn* một cuộc đời bình thường. Chưa bao giờ muốn, dù tàn tật hay không. Thế giới của anh là thế giới của suy luận, của logic, của những cuộc đấu *trí* - chứ không phải súng ống hay những cú đấm trong karate.

Vì thế trong lúc nhìn ra ngoài quang cảnh trở trụ, không còn một chiếc lá của Công viên Trung tâm, anh cảm thấy hoàn toàn thỏa mãn, dễ chịu bởi bài học mà Kẻ tầm xương đã dạy anh từ nhiều năm về trước.

Rhyme quay lại với màn hình máy tính và một lần nữa vui mình vào thế giới nghệ thuật.

Anh kiểm tra tin tức và khám phá ra, đúng vậy, Dag đã cho duyệt.

Thông cáo báo chí không ai xem xét, không bị chỉnh sửa, không bị hoài nghi đã được gửi đi khắp mọi nơi.

Rhyme liếc nhìn đồng hồ trên máy tính của mình và tiếp tục lướt web.

Nửa giờ sau điện thoại của anh đổ chuông và anh chú ý thấy số gọi đến là: *Không tên*.

Hai hồi chuông. Ba hồi. Anh gõ vào nút trả lời bằng ngón trỏ phải.

Anh nói, “Chào đấng đó.”

“Lincoln,” người đàn ông mà anh biết là Richard Logan, Thợ đồng hồ nói. “Anh có thời gian nói chuyện một lát không?”

“Với anh thì lúc nào cũng có.”

“Tôi đã xem bản tin,” Thợ đồng hồ bảo Rhyme. “Anh đã cho đăng ảnh của tôi. Hay đúng hơn là hình phục dựng của họa sĩ về tôi trong lột Dave Weller. Không tồi đâu. Tôi đoán là bộ nhận diện hả. Cả ảnh béo và gầy, có tóc, không có tóc, có râu và không râu. Chẳng lẽ anh *không* bị ấn tượng với sự hòa trộn này giữa nghệ thuật và khoa học máy tính sao, Lincoln?”

Hắn đang nhắc tới bản thông cáo mà Rhyme đã ép sĩ quan của NYPD

phải đăng. “Vậy là nó chính xác hả?” nhà tội phạm học hỏi. “Nhân viên của tôi khi làm việc với họa sĩ đã không chắc chắn về chuyện cậu ta có nhớ đúng kết cấu cái má hay không.”

“Anh chàng trẻ tuổi ấy. Pulaski hả?” Thợ đồng hồ có vẻ buồn cười.

“Cậu ta quan sát trong không gian hai chiều và rút ra các kết luận từ những dự đoán ban đầu. Cả anh và tôi đều biết nguy cơ của việc đó. Tôi nghĩ cậu ta làm cảnh sát hiện trường thì giỏi hơn hoạt động ngầm. Trong công việc khám nghiệm hiện trường ít phải ứng biến hơn. Tôi đoán bị thương ở đâu phải không?”

“Đúng vậy. Chính xác.”

Thợ đồng hồ nói tiếp, “Cậu ta gặp may vì tôi đã giảng dạy cậu ta với cục điều tra, chứ không phải mấy tay đồng phạm thực sự của tôi. Nếu không cậu ta đã chết rồi.”

“Có thể,” Rhyme nói chậm rãi. “Bản năng của cậu ta rất tốt. Và rõ ràng cậu ta cũng có ích. Dù sao, tôi chỉ còn có mỗi cậu ta để sai việc trong tình huống ấy. Tôi còn bận ngăn chặn một gã thợ xăm điên rồ.”

Lúc này khi anh đã biết Thợ đồng hồ đã trốn khỏi nhà tù và còn sống, Rhyme nghĩ lại khuôn mặt người đàn ông vài năm trước, hồi lần cuối anh đối diện với hắn. Anh thầm nghĩ đúng là có những điểm tương đồng giữa

viên luật sư mà Pulaski đã mô tả với người vẽ phục dựng bộ nhận diện và Thọ đồng hồ từ vài năm trước - những đặc điểm mà giờ Rhyme có thể nhớ lại, mặc dù vài chi tiết chính đã khác. Anh nói, “Anh đã thay đổi khuôn mặt mà không phẫu thuật. Ví dụ như đắp silicon hoặc nhét bông vào má. Còn tóc - chỉ cần những cái kéo thật bén và một con dao cạo - đóng giả kiểu hói đầu của đàn ông giỏi đấy. Cả trang điểm nữa. Hầu hết các studio làm phim đều làm sai. Còn cân nặng - kích cỡ người anh - đó là do bộ quần áo đúng không? Không ai có thể tăng hai mươi lăm cân trong bốn ngày được. Nước da rám nắng thì chắc là từ một cái chai.”

“Đúng vậy đây.” Một tiếng cười khúc khích. “Có thể. Hay salon tắm nắng. Trong khu vực trung tâm thành phố có tới bốn trăm cơ sở như vậy.

Anh có thể muốn bắt đầu đi thăm vấn đấy. Nếu anh gặp may, đến Giáng sinh anh sẽ tìm được chỗ tôi đã tới.”

Rhyme nói, “Nhưng anh sẽ lại thay đổi - cải biến, nếu phải làm - một lần nữa, đúng không? Vì chúng tôi đã cho đăng bức ảnh.”

“Tất nhiên rồi. Nào Lincoln, tôi tò mò tại sao anh lại cho đăng thông tin của tôi lên báo chí. Anh đã mạo hiểm với khả năng tôi sẽ trốn mất. Mà đúng là thế.”

“Cũng có cơ hội là ai đó sẽ trông thấy anh. Họ sẽ gọi báo. Chúng tôi đã sẵn sàng hành động thật nhanh.”

“Một bản tin gọn ghẽ mọi thông tin.”

Bản thông cáo báo chí mà Rhyme vừa ép buộc đội trưởng cảnh sát đăng lên cho hay một người đàn ông được biết đến với tên Richard Logan, hay Thọ đồng hồ, hay Dave Weller, đã trốn thoát khỏi nhà tù liên bang ở Westchester vài ngày trước. Các hình ảnh trong bộ nhận dạng đã được gửi kèm, cùng với lưu ý có thể hẳn còn giả giọng miền Nam.

“Nhưng không có ai báo,” Thợ đồng hồ chỉ ra. “Không ai chỉ điểm được tôi. Vì tôi vẫn ở... nơi nào đó mà tôi đang ở.”

“Ồ, nhân tiện, tôi không buồn lần theo cuộc gọi này đâu. Vì anh đang dùng biện pháp can thiệp và máy chủ chuyển tiếp.”

Đó không phải là một câu hỏi.

“Và chúng tôi đã lục soát hãng luật của Weller.”

Một tiếng cười. “Máy trả lời tự động, một hòm nhận thư ở bưu điện và một website ư?”

“Thông minh lắm,” Rhyme nói. “Chuyên ngành giết người sai trái dường như có hơi tàn nhẫn.”

“Hoàn toàn là ngẫu nhiên thôi. Thứ đầu tiên tôi nghĩ tới.”

Rhyme hỏi, “Nhân tiện, có chút tò mò? Anh không thực sự là Richard Logan đúng không? Đó chỉ là một trong những tên giả của anh.”

“Đúng vậy.”

Hắn không nói tên thật và Rhyme cũng không buồn thúc ép.

“Vậy anh đã phát hiện ra tôi vượt ngục à?”

“Như phần lớn những việc tôi làm - việc *hai ta* cùng làm - có một giả định.”

“Một linh cảm,” Thợ đồng hồ nói.

Rhyme nghĩ đến Sachs, người thường căn nhắc vì anh hay chế nhạo từ ấy, anh mỉm cười. “Nếu anh phải nói vậy.”

“Mà sau đó anh đã xác nhận lại bằng kinh nghiệm. Và điều gì đã làm anh giả định như thế?”

“Trong ba lô của Billy Haven chúng tôi tìm được một cuốn sổ, *Cuộc Biến cải*, một hướng dẫn cách đưa chất độc botulinum vào nguồn nước của thành phố New York. Cực kì sang trọng. Nó giống như một bản hướng dẫn cơ khí vậy, từng bước đều được định hình, tính toán thời gian đến từng phút. Tôi không nghĩ nhà Stanton và Billy có khả năng nghĩ ra một thứ phức tạp đến thế: một tên giết người hàng loạt đánh lạc hướng mọi người khỏi âm mưu nhằm tới nguồn cung cấp nước của thành phố bằng bom, bản thân nó cũng chỉ là để che đậy một âm mưu thực sự là đầu độc nguồn nước.

Và anh đã học cách biến chất độc thành vũ khí. Kháng clorin. Quả là một thành tựu đấy.”

“Anh tìm thấy cuốn sổ à?” Người đàn ông có vẻ không hài lòng. “Tôi đã bảo Billy gõ nó ra thành một file điện tử mã hóa trên một chiếc máy tính không truy cập Internet. Rồi huỷ bản chính đi.” Một khoảng ngừng.

“Nhưng tôi không ngạc nhiên. Cả cái băng từ miền nam Illinois ấy có vẻ khá là analog. Đúng thật, không đặc biệt sáng dạ cho lắm. Giống các loại chất độc Billy quyết định dùng ấy? Tôi đã gợi ý hóa chất thương mại nhưng Billy lại yêu thích thực vật. Cậu ta dành rất nhiều thời gian ở một mình trong rừng, tôi đoán vậy, để vẽ phác chúng khi còn nhỏ. Thời niên thiếu dữ dội khi mà cha mẹ bị chính quyền liên bang giết còn kim chỉ nam đạo đức thì lại là một tổ chức dân quân phát xít.”

“Biến cải? Từ anh nghĩ ra đấy à?”

“Đúng vậy, từ của tôi đấy. Mặc dù tôi đã được truyền cảm hứng từ nghề nghiệp của Billy. Cải biến cơ thể. Nó hợp với quan điểm khái huyền của họ.

Thực ra tôi cũng thấy xấu hổ đấy. Nghe ngang phè ra. Nhưng họ lại thích.”

“Anh đọc cho Billy chép toàn bộ kế hoạch ư?”

“Đúng vậy. Cả cho bà dì. Nhưng Billy đã chép lại. Họ tới thăm tôi trong tù. Giả vờ là Billy đang viết một cuốn sách về cuộc đời tôi.” Hắn ngừng lại.

“Có một câu chuyện mà tôi muốn kể đến chết đi được, nhưng lại chẳng tìm thấy người nghe thích hợp. Tôi nghĩ anh sẽ đánh giá cao nó, Lincoln. Khi tôi đọc xong kế hoạch và cậu ta đã chép hết, tôi đã nói, “Tất cả là của cậu đấy, Moses. Tiến hành đi.” Billy và Harriet đã không hiểu. Tôi biết anh không lạ gì với khái niệm về lí thuyết Chúa là một thợ đồng hồ.”

Trong lúc ngẫm nghĩ về nguồn gốc vũ trụ, Isaac Newton, René Descartes và những người khác trong thời kì Cách mạng Khoa học thuộc thế kỉ mười bảy, mười tám đã tranh luận rằng một thiết kế đòi hỏi phải có người thiết kế. Nếu một thứ phức tạp như đồng hồ không thể tồn tại mà không có thợ đồng hồ, cuộc đời của một con người hữu hạn trong vũ trụ -

còn phức tạp hơn một chiếc đồng hồ rất nhiều - chắc chắn không thể tồn tại mà không có Chúa trời được.

“Tôi đã phải giải thích rằng, vì biệt danh của tôi, đọc *Cuộc Biến cải* cho họ chép giống như việc tôi là Chúa trời, đang truyền dạy Mười lời răn cho Moses vậy. Tôi chỉ nói đùa thôi mà họ tưởng là thật. Họ bắt đầu nhắc đến kế hoạch ấy như là Những lời răn về Cuộc biến cải.” Hấn tặc lưỡi. “Tôi cảm thấy tiếc cho những kẻ không biết đánh giá sự châm biếm. Nhưng quay lại vấn đề đi: làm thế nào anh phát hiện ra tôi... Nếu anh sẵn lòng chia sẻ.”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh đã có cuốn sổ. Nhưng nó không phải là nét chữ của tôi; mà là của Billy. Không có dấu vân tay lẫn ADN. Tôi chưa bao giờ chạm vào nó. Và, đúng, có rất nhiều tham chiếu đến chuyện canh thời gian chính xác - khi nào thả độc và ở đâu, các cuộc tấn công đánh lạc hướng, khi nào sai Joshua, em họ của Billy, mang ắc-quy và đèn vào các đường hầm nơi tội ác đã diễn ra, cần bao nhiêu phút sau khi ai đó gọi chín một một để cảnh sát có thể tới đúng lúc. Tất nhiên là đều phải canh thời gian cả. Nhưng từ ấy mà nhảy đến kết luận tôi vượt ngục được sao?”

Rhyme thắc mắc người đàn ông đang đứng ở đâu, tư thế như thế nào.

Hắn có ở bên ngoài, lạnh không? Hay ở bên trong nhà, nóng, trong thời tiết ẩm áp dễ chịu? “Báo ứng” là một thuật ngữ không chính xác, chưa nói đến chuyện cường điệu quá. Nhưng Rhyme cho phép mình nghĩ về Thợ đồng hồ theo cách này. Anh nói, “Vật chứng.”

“Việc đó không làm tôi ngạc nhiên, Lincoln. Nhưng cái gì?”

“Tetrodotoxin. Chúng tôi đã tìm thấy dấu vết.” Loại siêu độc từ cá nóc.

“Ôi trời...” Một tiếng thở dài từ đầu dây bên kia. “Tôi đã dặn Billy huỷ mọi dấu vết đi rồi.”

“Tôi chắc là cậu ta đã cố. Chỉ còn một lượng rất nhỏ của chất ấy ở một hiện trường.” Hơn tất cả, Rhyme biết rõ việc huỷ mọi bằng chứng vật chất khó khăn đến chừng nào. “Chúng tôi đã không tìm được chút nào trong nhà trú ẩn của cậu ta, vậy thì nó phải tới từ đâu? Tôi đã kiểm tra trên VICAP và không ai từng dùng nó trong bất kì một vụ án nào được báo cáo trong mấy năm gần đây. Vậy Billy có thể làm gì với tetrodotoxin? Rồi tôi nhớ ra: Một manh mối nằm trong biệt danh của nó, thuốc độc zombie. Để giảm nhịp tim và giả chết.”

“Đúng vậy.” Thợ đồng hồ thừa nhận. “Billy đã mang đến một ít, nhét vào trong mấy trang sách. Ở trong tù họ kiểm tra dao nhọn và heroin chứ không phải mấy milligram trứng cá. Tôi đã dùng nó để làm giả vụ đau tim và được chuyển đến bệnh viện ở White Plains.”

Phải chăng đằng sau hắn là tiếng hải âu kêu? Rồi còn có tiếng còi tàu?

Không, còi báo sương. Thú vị thật. Ngày nay người ta rất ít khi dùng chúng trong thời đại radar và GPS. Rhyme ghi lại. Một luồng sáng trên màn hình máy tính của anh. Đó là tin nhắn của Rodney Szarnek, chuyên gia tội phạm trên mạng. Tin nhắn báo cáo việc phân tích cuộc gọi của Thợ đồng hồ tới chỗ Rhyme đã thất bại; nó dừng ở một bộ chuyển đổi máy chủ ẩn danh tại Kazakhstan.

Rhyme đã nói dối về chuyện lần theo cuộc gọi.

Anh thầm nhún vai - không mạo hiểm thì làm gì có thành công - và quay lại với cuộc nói chuyện. “Mặc dù vậy, thứ cuối cùng đã thuyết phục tôi lại là một sai lầm của anh.”

“Thật sao?”

“Khi anh ở trên phố với Ron Pulaski, anh có nhắc tới âm mưu ám sát quan chức cảnh sát liên bang ở Mexico. Dự án anh đã dàn dựng vài năm trước.”

“Đúng. Tôi muốn nhắc tới một thứ gì đó cụ thể. Để lấy niềm tin.”

“À, nhưng vụ án ấy đã bị niêm phong. Nếu anh là một luật sư thật chưa bao giờ gặp mặt Richard Logan như anh tuyên bố, anh sẽ không thể biết gì về vụ ở thành phố Mexico cả.”

Một khoảng dừng. “Bị niêm phong?”

“Rõ ràng Bộ ngoại giao và *văn phòng Luật của Mexico* đã không vui vẻ gì với việc anh - một người Mỹ - suýt nữa thì giết một cán bộ cấp cao trong ngành hành pháp Mexico. Họ thà làm ra vẻ vụ việc chưa bao giờ xảy ra còn hơn. Không có một mẩu tin nào về việc đó.”

“Ồ.” Giọng hẳn có vẻ cay đắng.

Rhyme nói, “Giờ trả lời tôi một câu nhé.”

“Được.”

“Làm thế nào anh kiếm được bản hợp đồng ấy? Làm cho nhà Stanton và AFFC ấy?”

“Đã đến lúc thoát khỏi tù. Tôi đã liên hệ với những người dính dáng đến vụ khủng bố nội địa vài năm trước, khi chúng ta đối đầu nhau đấy. Nhớ chứ?”

“Tất nhiên.”

“Bọn họ đã bắt mối cho tôi với AFFC - một tổ chức da trắng thượng đẳng khác. Tôi bảo họ rằng tôi có thể đưa tên tuổi họ lên bản đồ. Harriet và Billy tới thăm tôi trong tù và tôi vẽ ra kế hoạch. Nhân tiện, anh đã bao giờ gặp họ đi cùng nhau chưa, cặp dì cháu ấy? Có sự thôi thúc khó chịu giữa hai người họ. Làm cho cái tên Những gia đình Mĩ thứ nhất mang một nghĩa hoàn toàn mới.”

Rhyme lưỡng lự. Nhận xét ấy, dù đúng hay không, cũng không làm anh quan tâm.

Thợ đồng hồ nói tiếp, “Bọn họ muốn gây tiếng tăm cho bản thân. Nên chúng tôi cùng thảo luận. Tôi nghĩ ra ý tưởng bỏ độc botulinum trong nước uống. Tôi đã biết Billy là thợ xăm. Chúng tôi xăm lên các nạn nhân với một thông điệp trong Kinh Cựu ước. Khải huyền, tôi nói vậy. Họ yêu thích cái kiểu chơi chữ ấy lắm. Một hành động tuyên ngôn cho những giá trị ngốc nghếch của bọn họ. Họ cũng thích khi tôi gợi ý dùng độc làm vũ khí giết người.Ồ, bọn họ cứ nuốt từng lời. Matthew ấy. Billy và Harriet có vẻ nóng nảy hơn. Anh biết đấy, Lincoln, bọn óc ngẩn là những kẻ đáng sợ nhất.”

Không nhất thiết, nhà tội phạm học nghĩ, nếu cân nhắc đến kẻ mà anh đang nói chuyện cùng ngay lúc này.

“Vây,” Rhyme nói tiếp, “để đổi lấy kế hoạch, bọn họ tuần cho anh một ít tetrodotoxin. Và sắp xếp hối lộ nhân viên y tế lẫn các cai ngục, để anh được tuyên bố là đã chết và đưa lậu ra khỏi nhà giam. Rồi tìm một cái xác người vô gia cư nào đó để chở đến nhà tang lễ làm hỏa táng.”

“Ít nhiều là vậy.”

“Chắc là đắt lắm.”

“Hai mươi triệu tiền mặt cả thảy.”

“Còn màn kịch ở nhà tang lễ thì sao? Anh đóng vai Weller ấy. Tại sao lại thế?”

“Tôi biết anh sẽ cử ai đó đến xem ai là người tới nhận tro cốt. Tôi phải làm cho anh tin tận trong thâm tâm rằng Thọ đồng hồ đã chết. Cách tốt nhất để làm việc đó là cử một luật sư công phần của gia đình tới thành phố để thu hồi tro cốt của anh ta... và báo cáo tay cảnh sát chìm của anh với nhà chức trách. Đó là một cú ngoạn tuyệt vời. Tôi đã không lường trước được.”

Khi đó Rhyme nói, “Nhưng có một điều tôi không hiểu. Lon Sellitto.

Tất nhiên *anh* đã đầu độc anh ấy. Anh mượn quần áo của lính cứu hỏa ở hiện trường chung cư Belvedere và đưa cốc cà phê có độc cho anh ấy.”

“Anh cũng nghĩ ra cả chuyện đó à?”

“Asen là chất độc á kim. Billy chỉ dùng các loại độc từ thực vật.”

“Hừm. Bỏ sót chuyện đó. *Mea culpa*. Nói cho tôi biết, Lincoln, anh có phải là loại trẻ con đọc sách đồ rồi lúc nào cũng phát hiện ra có cái gì sai trong bức tranh không?”

Đúng, anh đã là như thế, và đúng là anh có khả năng đó.

Rhyme nói thêm, “Và anh đã tuồn thuốc giảm đau giả vào túi của Amelia Sachs.”

Một khoảng lặng nặng nề. “Anh phát hiện cả chúng rồi ư?”

Ngay giây phút Rhyme đoán ra Thợ đồng hồ vẫn còn sống và có thể là kẻ đứng sau vụ tấn công Lon, anh đã bảo Sachs, Pulaski và Cooper phải cảnh giác trước bất kì vụ tấn công nào. Cô đã nhớ lại có ai đó ngồi gần mình trong quán cà phê nơi cô gặp nhân chứng của vụ Bảo tàng Metropolitan. Cô đã tìm thấy một chai thuốc giảm đau thứ hai trong túi.

Rhyme hỏi, “Vẫn là asen đúng không? Còn chưa có kết quả xét nghiệm.”

“Tôi sẽ cho anh biết, vì anh đã phát hiện ra rồi. Ặng-ti-moan.”

Lincoln Rhyme nói, “Thấy chưa, đó là việc mà tôi không hiểu: cố giết Lon và Amelia rồi đổ tội cho nhà Stanton? Chính *anh* là người đã ăn mặc như Billy Haven ở các hiện trường phải không? Nhìn xuống cô ấy qua cái nắp lỗ cống ở phố Elizabeth? Bên ngoài nhà hàng ở Hell’s Kitchen? Trong tòa nhà gần Belvedere?”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì tại sao...?” Giọng anh nhỏ lại. Những ý nghĩ dồn dập tới, nổ tung như pháo hoa. “Trừ khi...”

“Hiểu ra rồi, phải không Lincoln?”

“Hai mươi triệu dollar,” anh thì thào. “Để mua tự do cho anh. Không đòi nào nhà Stanton và AFFC có thể đưa anh từng đó tiền để hối lộ cai ngục và bác sĩ. Không, không - cùng lắm bọn họ cũng chỉ là một tổ chức nghèo đủ ăn thôi. Kẻ nào đó *khác* đã tài trợ cho vụ vượt ngục của anh. Phải! Kẻ nào đó cần anh làm một vụ khác. Anh đã dùng AFFC làm bình phong cho một việc khác.”

“A, đúng là Lincoln của tôi,” Thợ đồng hồ nói.

Giọng nói có vẻ hạ cố và một phút tức giận bùng lên. Nhưng rồi ý nghĩ chợt nảy ra và anh cười phá lên. “Lon. Lon Sellitto! *Anh* ấy mới là mục đích chính của chuyện này. Anh cần giết hoặc đẩy anh ấy ra ngoài nhiệm vụ, và anh đã dùng AFFC làm vật tế thần.”

“Chính xác,” người đàn ông thì thầm. Và giọng điệu của hắn đầy vẻ chế nhạo: Nói tiếp đi.

“Vụ án mà anh ấy đang đảm nhiệm. Tất nhiên rồi. Vụ đột nhập vào bảo tàng Metropolitan. Anh ấy đã suýt soát tìm ra mọi chuyện và kẻ thuê anh cần phải ngăn chặn anh ấy.” Anh cân nhắc những nhân tố khác. “Cả Amelia nữa. Vì cô ấy nhận thay vụ Met... Nhưng giờ anh đã thú nhận tất cả rồi,”

Rhyme nói chậm rãi, lo lắng. “Tại sao?”

“Tôi nghĩ là tôi sẽ để câu chuyện dừng ở đó, Lincoln. Có thể là không hay lắm khi nói thêm nữa. Nhưng tôi sẽ cho anh biết không còn ai gặp nguy hiểm nữa. Amelia an toàn rồi. Lí do duy nhất tôi đầu độc cô ấy hay Ron hay cậu trợ lí một sách thông minh của anh, Mel Cooper, chỉ là để đẩy trách nhiệm sang phía AFFC thôi. Và hiển nhiên là giờ nó đã vô dụng. Hơn nữa, tôi thay đổi chiến thuật rồi.”

Rhyme tưởng tượng cảnh hắn ta đang nhún vai.

“Tất nhiên anh cũng an toàn. Lúc nào cũng vậy.”

Lúc nào cũng vậy ư?

Rhyme cười phá lên. “Cuộc gọi vô danh báo kẻ nào đó đã đột nhập vào dinh thự của tôi qua cửa sau. Khi Billy lên vào để đầu độc whisky của tôi.

Đó là anh.”

“Tôi phải để mắt đến cậu ta. Cái đêm cậu ta lên vào nhà anh, tôi đã đi theo. Đáng lẽ cậu ta không được giết anh, hay làm hại anh theo bất kì cách nào.

Khi cậu ta thay sang bộ đồng phục của thợ và chuẩn bị một mũi tiêm, tôi đã biết cậu ta định làm gì.”

Chuyện này không hợp lí gì cả.

Cho đến một phút sau đó khi anh có một suy luận khác. Rhyme thì thầm, “Anh cần tôi vì lí do gì đó. Anh cần tôi còn sống. Tại sao? Để điều tra một tội ác, tất nhiên rồi. Phải, phải. Nhưng cái nào? Một tội anh mới phạm gần đây?” Còn vụ trọng án nào nữa? Rhyme bần khoản. Rồi anh nhận ra.

“Hay là một vụ *sắp* xảy ra? Tuần tới?”

“Hoặc tháng tới hay năm tới,” Thợ đồng hồ ướm lời, nghe có vẻ hài hước.

“Vụ đột nhập vào viện bảo tàng Metropolitan? Hay còn gì khác?”

Không một lời nào.

“Tại sao lại là tôi?”

Một khoảng ngừng. “Tôi sẽ chỉ nói rằng kế hoạch mà tôi đã nghĩ ra cần anh.”

“Và nó còn cần tôi biết về nó nữa,” Rhyme độp lại. “Để cho hiểu biết của tôi trở thành động cơ hay lò xo hay bánh đà cho bộ máy của anh.”

Hắn cười phá lên. “Nói hay lắm. Nói chuyện với người hiểu biết mới thích chứ... Nhưng giờ tôi phải đi rồi, Lincoln.”

“Một câu hỏi cuối?”

“Tất nhiên. Trả lời hay không lại là chuyện khác.”

“Anh đã bảo Billy đi tìm cuốn sách đó, *Những thành phố liên hoàn*.”

“Đúng vậy. Tôi cần đảm bảo cậu ta lẫn nhà Stanton biết đánh giá anh giỏi đến thế nào - và anh và Amelia đã biết về các tổ chức dân quân lẫn chiến thuật của họ ra sao.”

Rhyme râu rĩ nói, “Anh không có chút quan tâm đặc biệt nào tới Kẻ tầm xương ư? Tôi đã nghĩ sai.”

“Tôi đoán là anh có quan tâm.”

Một tiếng cười và Rhyme nói, “Vây mỗi liên hệ tôi tìm thấy giữa Kẻ tầm xương và anh không hề có thật?”

Im lặng.

“Anh đã tìm được mỗi liên hệ giữa chúng tôi ư?” Thợ đồng hồ có vẻ tò mò.

“Có một chiếc đồng hồ rất nổi tiếng đang được trưng bày tại Manhattan này. Nó được làm hoàn toàn bằng xương. Một chiếc của Nga, tôi nghĩ vậy.

Tôi thắc mắc việc ăn trộm có nằm trong chương trình hành động của anh không.”

“Có một chiếc Mikhail Semyonovitch Bronnikov trong thành phố này ư?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng anh không biết sao?”

Thợ đồng hồ nói, “Tôi đã hơi bị... phân tâm thời gian gần đây. Nhưng tôi biết rõ chiếc đồng hồ ấy. Nó khá gây kinh ngạc đấy. Từ giữa thập niên 1860. Và anh nói đúng: được làm toàn bộ từ xương, một trăm phần trăm.”

“Tôi đoán sẽ không hợp lí chút nào khi anh mạo hiểm để bị bắt - và lại còn tốn thời gian - khi cố đột nhập vào cửa hàng đồ cổ của Manhattan chỉ để ăn cắp một cái đồng hồ.”

“Không, nhưng đó là suy nghĩ sáng tạo đấy, Lincoln. Đúng như những gì tôi chờ đợi ở anh.” Một khoảng yên lặng khác. Rhyme tưởng tượng rằng hẳn đang xem đồng hồ của chính mình. “Giờ tôi nghĩ tốt nhất nên nói tạm biệt, Lincoln ạ. Tôi đã gọi điện quá lâu. Đôi khi những bộ đại diện và bộ đối số ấy vẫn có thể bị lẩn theo, anh biết không. Nhưng không có nghĩa là anh thèm thử nhỉ.” Một tiếng cười khùng khục. “Hẹn lần sau...”

Tuần tới, tháng tới, hay năm tới.

Đường dây lặng ngắt.

VI. DA VÀ XƯƠNG

THỨ BA, NGÀY MƯỜI HAI THÁNG MƯỜI MỘT.

MỘT GIỜ CHIỀU.

Ron Pulaski đã nhận công việc khám nghiệm Nhà tang lễ Berkowitz để tìm bằng chứng và nhân chứng, bất kì một manh mối nào có thể dẫn tới Thợ đồng hồ.

Dường như cậu ta rất dễ tâm đến thất bại trong nhiệm vụ ngầm của mình, mặc dù lỗi không phải ở cậu ta; Thợ đồng hồ đã nhận ra cậu ta ngay lập tức. Hẳn đã coi anh cảnh sát trẻ là một phần trong dự án của hẳn ở New York vài năm trước.

Hơn thế nữa, Rhyme biết, kể cả nếu vụ việc được dàn xếp đúng đắn hơn thì cậu nhóc *vẫn là* một diễn viên khá tệ. Những kịch sĩ đại tài không diễn vai của họ; họ *biến thành* nhân vật.

Gielgud...

Vì vậy cảnh sát trẻ đã thu thập dấu vết trong tài liệu của nhà tang lễ mà Richard Logan - hay tên thật của hẳn là gì đi nữa - đã kí vào và ở nơi hẳn nhận chiếc hộp chứa tro của một người đàn ông vô gia cư không tên tuổi nào đó từ nhà xác thành phố. Cậu ta đã thẩm vấn tất cả những người đã ở nhà tang lễ khi Thợ đồng hồ đến, bao gồm cả thân quyến của ai đó tên Benjamin Ardell, còn được biết đến với tên Jonny Rodd, dù đó là ai đi nữa.

Nhưng cậu ta không tìm được manh mối nào.

Kể cả tìm hiểu từ các đặc vụ của Cục điều tra New York cũng không có manh mối nào. Bọn họ cũng bị Thợ đồng hồ lừa. Các đặc vụ đã không tiếp xúc với “Dave Weller” nhiều lắm, trừ các cuộc điện thoại. Và tất nhiên chiếc di động hẳn dùng để liên lạc với họ, tố cáo Pulaski đã bị bỏ đi từ lâu.

Pin thì nằm trong thùng rác này, thân máy bị bẻ đôi thì ở thùng khác.

Sachs đang xử lí một phần khác trong vụ án, lần theo những tay trong đã giúp Logan vượt ngục, các nhân viên y tế, nhân viên nhà xác thành phố New

York và những cai ngục. Với Rhyme thì có vẻ như họ đã chấp nhận một cuộc mạo hiểm cực lớn. Nếu người ta phát hiện ra Thợ đồng hồ còn sống thì số người trong vòng khả nghi sẽ khá ít; chắc chắn họ sẽ bị phát hiện. Nhưng Rhyme đoán Thợ đồng hồ không chịu trách nhiệm gì nếu bọn họ không che giấu những khoản hối lộ mà hẳn đã trả cho họ hay không kiểm nối chứng cứ ngoại phạm đáng tin cậy sau khi họ đã làm giả các báo cáo y tế và giấy chứng tử.

Bạn phải thật thông minh mới kiếm nổi vài triệu dollar tiền bất hợp pháp.

Một hai kẻ đã bỏ chạy khỏi thành phố nhưng sớm hay muộn bọn họ cũng bị lần ra. Không phải là ý hay khi dùng thẻ tín dụng thật của bạn trên đường trốn chạy. Chọn lọc tự nhiên cũng áp dụng trong các hoạt động phạm tội, chẳng khác nào với sa giông và khi.

Rhyme cũng đang đảm nhận một phần của cuộc điều tra, mặc dù kì lạ là không phải phần liên quan đến vật chứng. Nhà tội phạm học đã lên vài kế hoạch tỉ mỉ của riêng mình.

Có thể chúng chẳng mang lại điều gì nhưng anh không dám bỏ qua bất kì cơ hội nào.

Lúc này anh nhìn ra ngoài cửa sổ, quan sát thời tiết - lại nhiều mây, trắng và xám - và anh tự hỏi, anh ta đang ở đâu? Và anh ta định làm gì? Tại sao lại đột nhập vào Met? Và anh ta cần mình còn sống cho phần nào trong âm mưu đó?

Thom xuất hiện ở ngưỡng cửa. “Tôi đã nói chuyện với Rachel. Sẽ đi trong một tiếng nữa.”

“Được thôi,” Rhyme trả lời.

Hành trình cậu ta nhắc tới là sẽ đưa họ đến trung tâm y tế. Lon Sellitto đã tỉnh. Thậm chí trong tình trạng yếu ớt của mình, viên thanh tra vẫn sống y như bản chất. Rachel kể lại rằng phản ứng của anh khi mới hồi tỉnh là nhìn

xuống bụng và vừa lẩm bẩm vừa cười, “Chết tiệt, chắc mình phải gầy đi đến mười lăm cân.”

Chỉ sau đó anh mới hỏi về vụ Nghi can 11-5.

Nhưng vẫn còn rất nhiều nghi ngại về sự hồi phục của anh. Anh đã, và sẽ còn tiếp tục, phải điều trị bằng liệu pháp phức tạp chất*, những chất sẽ khóa và loại bỏ độc chất. Việc hồi phục sẽ dễ dàng hơn ở các bệnh nhân bị nhiễm trong thời gian dài, chẳng hạn như những công nhân (hoặc những nạn nhân của những người bạn đời kiên nhẫn), nhưng khó khăn hơn với các vụ tấn công cấp tính, như trong trường hợp của Sellitto. Ban hội chẩn vẫn còn chưa quyết định được sự hồi phục về lâu dài của Sellitto. Tổn thương thần kinh, gan và các vấn đề về thận vẫn còn khả năng xảy ra.

Biện pháp loại bỏ độc dược và các kim loại nặng ra khỏi cơ thể bằng cách tiêm vào tĩnh mạch một chất chống ô xy hóa mạnh. Khi đi vào máu chất này sẽ liên kết với kim loại nặng và vận chuyển chúng ra khỏi cơ thể theo đường nước tiểu.

Thậm chí có thể là tê liệt vĩnh viễn.

Thời gian sẽ trả lời.

Amelia Sachs bước vào phòng khách. “Lon?” cô hỏi.

“Sẽ đi trong vòng một giờ nữa.”

“Chúng ta có nên mua hoa không?” cô hỏi.

Rhyme lẩm bẩm, “Trong tuần này tôi đã đặt hoa một lần rồi. Tôi không làm lần nữa đâu.”

Đúng lúc ấy điện thoại trong phòng thí nghiệm đổ chuông. Sachs đứng ở chỗ thấy được số gọi đến đã nói nhanh, “Rhyme. Em nghĩ nó xuống rồi.”

Anh đẩy xe lại gần.

“À.”

Rồi bấm nút *nhận cuộc gọi*.

“Vâng?”

“Anh Rhyme, Jason đây? Jason Heatherly?” Những lời giới thiệu không cần thiết tuôn ra rất nhanh, giọng nói bồi rối. “Tôi là...”

“Tôi nhớ anh, anh Heatherly.”

Làm sao Rhyme có thể không nhớ? Họ đã nói chuyện biết bao lâu chỉ mới một tuần trước đó.

“À, là thế này... tôi không biết phải giải thích sao - nhưng việc anh nói là có thể xảy ra đã xảy ra.”

Rhyme và Sachs cùng cười.

“Nó biến mất rồi. Không thể nào nhưng nó vẫn mất. Các chuông báo động đã được cài đặt khi tôi rời đi đêm qua. Chúng vẫn còn mở khi tôi tới đây sáng hôm nay. Không có gì bị đụng vào. Không một thứ gì bị xô lệch hết. Không. Một. Thứ. Gì. Nhưng nó mất rồi.”

“Thật sao.”

“Nó” mà nhà buôn trang sức đang bồi rối vừa nhắc tới là một chiếc đồng hồ. Chiếc Mikhail Semyonovitch Bronnikov được làm hoàn toàn bằng xương ấy.

Trái với điều anh đã kể với Thợ đồng hồ, Rhyme không tin hẳn có bất kì mối liên hệ nào với Kẻ tầm xương cả. Anh chỉ kể cho thợ đồng hồ điều ấy để nhử mồi.

Và còn cách nào tốt để dụ một người đàn ông, mà thế mạnh - và cũng là điểm yếu của hắn - là thời gian và các dụng cụ chỉ thời gian, hơn một chiếc đồng hồ hiếm?

Rhyme đã phát hiện ra một chiếc Bronnikov, một trong vài chiếc còn tồn tại, đang ở London mặc dù không phải để bán. Nhưng anh đã thuyết phục người chủ đổi ý (thực ra là thuyết phục cộng với hai mươi ngàn dollar) và tiêu thêm mười ngàn nữa để đưa chiếc đồng hồ về New York. Ron Pulaski chính là người vận chuyển.

Rhyme đã gọi cho Fred Dellray và biết rằng có một nhà buôn nghệ thuật đang chịu điều tra vì trốn thuế, Jasson Heatherly. Dellray nhờ công tố viên Hoa Kỳ giám bớt vài cáo buộc nếu Heatherly chịu hợp tác; phía cục điều tra cũng muốn Thợ đồng hồ quay lại phòng giam chẳng khác nào Rhyme và NYPD.

Heatherly đồng ý và chiếc đồng hồ đã được giao tới cho anh ta và đưa vào trưng bày trong một chiếc hộp ở cửa hàng đồ cổ/phòng trưng bày nghệ thuật trên Phía Thượng Đông.

Trong cuộc nói chuyện với Thợ đồng hồ một tuần trước, Rhyme đã khơi ra Kẻ tâm xương rồi vô tình lái sang chiếc đồng hồ Bronnikov, nhắc tới câu chuyện nó đang ở một phòng trưng bày ở Manhattan. Anh đã cố tỏ ra thản nhiên và hi vọng màn trình diễn của mình mượt mà hơn của Ron Pulaski.

Rõ ràng là thế.

Vài ngày sau cuộc nói chuyện ấy, Heatherly đã báo cáo có một người đàn ông gọi tới, hỏi thăm phòng trưng bày có chiếc đồng hồ nào rao bán không - mặc dù không hề hỏi cụ thể về chiếc Bronnikov. Heatherly đã kể cho anh ta những món trong kho, không quên nhắc tới chiếc đồng hồ xương, và người đàn ông đã cảm ơn rồi cúp máy. Số gọi đến là *Không tên*.

Rhyme và một đội chuyên trách đã tranh cãi về cách xử lý việc này. Cục điều tra muốn cử một đội giám sát và hạ gục tới gần phòng trưng bày, sẵn sàng tiến vào ngay khi kẻ nào đó đến mua hoặc ăn cắp chiếc đồng hồ.

Rhyme đã nói không. Thợ đồng hồ sẽ phát hiện ra họ ngay lập tức. Họ phải tiếp cận một cách khác, tinh tế hơn.

Vì vậy các chuyên gia theo dõi của FBI và NYPD đã cho lắp một thiết bị định vị siêu nhỏ vào lớp dây kim loại của đồng hồ. Thiết bị này sẽ vẫn ẩn mình, không bị bất kỳ một cảm biến sóng radio nào phát hiện trong phần lớn thời gian. Cứ cách hai ngày, nó sẽ nhá vị trí của mình tới ICGSN - chỉ trong vòng một phần ngàn giây. Mạng lưới Vệ tinh Định vị Hợp nhất Quốc tế bao phủ gần như mọi góc ngách có người sinh sống trên Trái Đất này. Sau đó nó quay lại chế độ ngủ.

Thông tin vị trí ấy sẽ được gửi trực tiếp tới máy chủ của đội chuyên trách. Nếu Thọ đồng hồ di chuyển, họ có thể khoanh vùng hẹp tới từng quốc gia và lãnh thổ mà hắn đang đi qua rồi thông báo cho các nhà chức trách ở biên giới. Hoặc, nếu họ gặp may, họ có thể tìm ra hắn trong lúc dừng chân nghỉ, đang thưởng thức một li rượu mát lạnh trên bãi biển và ngưỡng mộ chiếc đồng hồ xương ăn cắp được.

Hay có lẽ hắn sẽ lập tức tháo rời chiếc đồng hồ khỏi phần vỏ đáng nghi của nó, rồi gửi vỏ ấy tới Sri Lanka và tiếp tục với những kế hoạch trộm cắp hay giết người nào đó mà hắn đang làm.

Để cho hiểu biết của tôi về vụ đó trở thành động cơ hay lò xo hay bánh đà cho *chiếc đồng hồ của kế hoạch mà anh đã lập ra...*

Chủ phòng trưng bày vẫn còn sôi nổi về vụ đột nhập. Anh ta nói hụt cả hơi, “Không thể nào. Cả chuông báo động. Cả khóa cửa. Rồi máy quay an ninh.”

Rhyme đã khẳng khẳng là họ không được nói lỏng an ninh để khiến Thọ đồng hồ dễ dàng đánh cắp con mồi hơn; hắn sẽ nghi ngờ ngay lập tức và lặn mất.

Heatherly nói tiếp, “Không đời nào ai đó có thể vào bên trong được.”

Nhưng đâu phải họ đang đối đầu với *bất kì ai*, Rhyme nghĩ, và không bình luận thêm lời nào khi chào tạm biệt với ông chủ phòng trưng bày và kết thúc cuộc gọi.

Bây giờ, chúng ta chờ.

Một ngày, một tháng, một năm...

Anh đẩy xe ra xa khỏi các bàn giám định, liếc nhìn một chiếc đồng hồ khác - chiếc Breguet mà Thọ đồng hồ đã cho anh vài năm trước.

Rhyme quay sang nói với Sachs, “Gọi Pulaski đi. Tôi muốn cậu ta kể ô vuông phòng trưng bày.”

Cô nói chuyện với chàng cảnh sát và cử cậu ta tới làm hiện trường ở chỗ Heatherly. Rhyme không kì vọng nhiều về việc thu được bất kì bằng chứng nào của tên trộm. Tuy nhiên, vẫn cần phải làm đủ thủ tục.

“Thom,” Rhyme nói, “trước khi chúng ta đi thăm Lon, tôi sẽ uống một li để đi đường - nhiều gấp đôi, nếu cậu vui lòng.”

Anh chờ đợi sự phản đối. Nhưng, vì lí do gì đó mà trợ tá không hề phản bác việc tiêu thụ một li whisky đơn cất ngon lành, lâu năm - và hoàn toàn không có độc ấy. Có lẽ cậu ta thấy cảm thông với việc mặc dù nhà tội phạm học đã ngăn chặn được vụ tấn công khủng bố, Thọ đồng hồ vẫn trốn thoát.

Và có lẽ Rhyme đã để tuột mất ba mươi ngàn dollar trong quá trình đó.

Một li rượu xuất hiện trong khay đựng cốc.

Rhyme nhắm nháp món rượu đượm mùi khói ấy. Ngon, ngon lắm.

Anh gửi và trả lời vài email từ nghệ sĩ xăm mình TT Gordon, người mà Rhyme đã bắt đầu thấy thích. Cậu ta sẽ tới chơi với anh bạn ngồi xe lăn vào tuần tới. Họ sẽ nói chuyện về ngữ pháp và văn hóa dân tộc Samoa và cuộc sống trong nhóm dân chơi New York. Và ai mà biết được còn đề tài hay chủ thể nào khác xuất hiện nữa?

Có khi là đỉnh Everest và chim ưng chăng.

Anh nghiêng đầu. Có tiếng lạo xạo của bàn chân nghiêng lên băng bên ngoài. Rồi một tiếng cạch, khóa cửa trước, thêm nhiều tiếng bước chân nữa.

Rhyme uống thêm một ngụm. Âm thanh ấy kể một câu chuyện. Tuy nhiên, Sachs không diễn giải bằng chứng âm thanh và vẫn còn thận trọng...

cho đến khi Pam Willoughby rẽ ở góc quanh và dừng trên ngưỡng cửa có mái vòm.

“Chào.” Cô gái gật đầu với tất cả mọi người trong lúc tháo chiếc khăn quàng cổ ẩn tượng trên cổ. Ngày hôm nay không có gió lẫn mưa tuyết nhưng chắc rất lạnh. Chiếc mũi xinh xắn của cô ửng hồng còn hai vai thì khom lại.

Vai của Amelia Sachs chùng xuống, nhưng cô vẫn ráng nở nụ cười. Cô đã nhớ lại việc Pam sẽ mượn xe ô tô của bố nuôi để tới thu dọn những món đồ cuối cùng của cô trong phòng ngủ trên gác.

Im lặng một lát. Sachs có vẻ đã hít một hơi thở sâu. “Mọi chuyện thế nào?”

“Ồn ả. Tốt. Vở kịch chính thức khai mạc tuần tới. Bạn lắm ả. Quần áo thời Victoria ấy. Chúng nặng cả tấn. Mấy cái váy.”

Những câu chuyện vụn vặt. Vô thưởng vô phạt.

Im lặng. Sachs nói, “Để chị giúp em lấy đồ.” Hất cằm về phía cầu thang.

Pam liếc quanh phòng khách, tránh những ánh mắt. “À, thực ra, ý em là, anh chị có phiền nếu em dọn về không ạ? Chỉ một thời gian thôi, đến khi em tìm được chỗ nào mới? Em không thực sự muốn quay lại căn hộ ở Heights lắm. Chỉ là, chị biết đấy, mọi chuyện đã xảy ra ở đó. Và, bố mẹ Olivetti - họ rất tuyệt vời. Chỉ là.” Cô nhìn xuống sàn nhà. Rồi nhìn lên.

“Như thế có được không ạ?”

Sachs bước đến và ôm cô thật chặt. “Đó là câu em không bao giờ phải hỏi.”

Thom nói, “Em có gì bên ngoài cần mang vào không?”

“Ở trong xe ạ. Có, em chắc chắn là cần chút giúp đỡ rồi.”

Thom mặc đồ, choàng khăn và đội chiếc mũ Cossack bằng lông thú giả của mình lên. Anh ta đi theo Pam ra ngoài xe.

Sachs choàng áo khoác và đi găng tay rồi theo sau họ. Cô ra được đến ngưỡng cửa ngăn cách phòng khách với tiền sảnh. Cô quay sang Rhyme.

“Chờ đã.”

“Sao?” anh hỏi.

Cô bước đến gần hơn, nghiêng đầu như thể đang nhìn xuống kẻ hiệp dân tập thể mà cô vừa mới bắt được. Bằng giọng mềm mại: “Thom vừa thay khóa tuần trước. Sau khi Billy đột nhập.”

Rhyme nhún vai. Một ngụm rượu nữa. “Ừm.”

“Sao?”

“Sao gì cơ?” anh lẩm bẩm.

“Lúc này Pam đã không gõ cửa. Con bé tự mở cửa vào. Điều đó có nghĩa là nó có chìa khóa mới.”

“Chìa khóa mới?”

“Tại sao anh cứ lặp lại những câu em nói thế? Làm thế nào Pam có chìa khóa mới? Con bé đã không ở đây hơn một tuần rồi.”

“Hừm. Anh không biết. Đó là một điều bí ẩn.”

Cô bần cho anh cái nhìn bên lên. “Rhyme, nếu em xem qua danh bạ của anh liệu em có tìm thấy bất kì cuộc gọi đi nào cho Pam gần đây không đấy?”

“Từ khi nào mà anh *có thể* có thời gian rảnh để chuyện trò tán gẫu với ai đó nhỉ? Dù sao, anh cũng chẳng phải kiểu người hay chuyện trò. Em thấy anh có giống kiểu đó không?”

“Anh đang lảng tránh câu hỏi.”

“Nếu em xem lịch sử cuộc gọi thì không có đâu, em sẽ không tìm thấy bất kì cuộc gọi nào tới Pam đâu. Dù là gần đây hay không gần đây.”

Đó là sự thật, anh đã xóa chúng đi.

Tất nhiên, anh quên mất rằng Sachs có thể phát hiện ra âm mưu thông đồng sau khi anh gửi chìa khóa mới cho Pam vài ngày trước, sau cuộc...

“chuyện trò” của họ.

Sachs cười lớn, cúi xuống và hôn anh thật sâu, rồi cô ra ngoài cửa để giúp chuyển đồ.

Để lại Rhyme làm việc mà anh đã mong ngóng được làm trong vài giờ qua. Anh đẩy xe quay lại bàn giám định.

Trên một cái khay đã tiệt trùng là một mẫu nhỏ của thứ hạt hay nhựa hay đất sét màu ngà, nó là thứ đã bị kẹt lại trong dây đồng hồ đeo tay của một nhân viên ngân hàng bị giết đêm qua trên phía Thượng Đông. Bản thân vụ án mạng không đáng kể - ở đây Rhyme hoàn toàn tuân thủ Tâm nhìn số một về cái chết - nhưng thứ khiến anh thấy bất thường là cái xác được tìm thấy gần một công trường xây dựng nằm giữa Madison và Đại lộ Park: Bức tường phía tây của nơi ấy chỉ cách một đường hầm dưới lòng đất có ba mét, và đường hầm này sau một vài chỗ rẽ ngoặt như mê cung, lại dẫn đến kho dưới lòng đất của Viện bảo tàng nghệ thuật Metropolitan.

Hiện trường cho thấy đã có một cuộc vật lộn dữ dội. Có vẻ như nguồn gốc của bằng chứng màu be trong dây đồng hồ này là từ kẻ sát nhân và nó có thể kể nhiều điều về người đàn ông hoặc đàn bà đã lấy mạng nạn nhân.

Nhưng cho đến khi xác định được vật liệu và nguồn gốc của nó, kết luận giả định ấy vẫn chỉ là giả định mà thôi. Nó cần phải được chứng minh là đúng và ghi chép trên bảng trắng, hoặc chứng minh là sai và bị gạt bỏ như những chiếc lá mùa thu lúc này gần như đã bị lột hết khỏi những thân cây bên

ngoài cửa sổ nhà anh. Rhyme đang chuẩn bị một mẫu cho máy quang phổ khí và lăn bánh tới chỗ chiếc máy đang khẽ rung để xem kết quả là gì

Table of Contents

CUỐN SÁCH KHÔNG CÒN XUẤT BẢN

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

NGƯỜI ĐÀN ÔNG DƯỚI HẦM

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

III. CON RẾT MÀU ĐỎ

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

IV. NGƯỜI ĐÀN BÀ DƯỚI HẦM

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

VI. DA VÀ XƯƠNG

79